

VIÊN GIÁC



SỐ - NR.
135

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2547 . NĂM THỨ 25 - THÁNG 6 . - JAHRGANG 25. - JUNI . 2003 - AUSGABE IN VIETNAMEISCH & DEUTSCH



KỶ NIỆM
25 NĂM
(1978 - 2003)

thành lập chùa Viên Giác
và xuất bản báo Viên Giác



Năm 1948 chính quyền thực dân Anh đã chính thức trao trả lại độc lập của xứ Ấn Độ. Điều ấy không phải hẳn nhiên mà có được. Đó là kết quả của bao nhiêu năm tháng miệt mài tranh đấu của ông Ghandhi, khi thì tại Anh quốc đối diện với chính quyền bảo hộ; khi thì hô hào người Ấn đang làm việc cho Anh tại các thuộc địa ở Phi Châu; khi thì tại chính quê hương của ông. Sau khi cách mạng bất bạo động thành công, người ta xưng ông là Thánh (Guru) và để tỏ lòng tôn kính khi gọi ông, người ta kêu ông là Thánh Ghandhi hay Thánh Cam Địa bằng tiếng Việt Nam.

Đức Đạt Lai Lạt Ma người lãnh đạo tinh thần của quốc dân Tây Tạng đã tại ngoại hơn 40 năm nay và mỗi năm nhân ngày lễ Quốc Khánh của Tây Tạng về, Ngài lại ban cho nhân dân của Ngài những tâm từ sâu thẳm qua cái nhìn thẩm thấu về giáo lý của nhà Phật. Ngài đã không oán trách người Trung Quốc, mà Ngài xem Trung Quốc cũng là một chúng sanh như nhiều chúng sanh khác trong nẻo vô minh sanh tử luân hồi này. Để rồi dần dần chính quyền của Ngài tái lập lại vị trí lãnh đạo nhân dân Tây Tạng qua tinh thần bất bạo động của Phật Giáo nay mai.

Nước Đức năm 1989 đã thành công đập vỡ bức tường ô nhục ngăn chia Đông và Tây Bá Linh đã không tốn một giọt máu nào qua sự ý thức của người dân của phía Đông cũng như phía Tây. Thế là từ đó làn sóng tự do đã dần dần thổi mạnh vào các nước Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc, Nga, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi v.v... bây giờ tất cả những nước này đang hưởng không khí tự do và đang sinh hoạt tốt đẹp trong Cộng Đồng Âu Châu vẫn minh tiến bộ.

Nơi quê hương đất nước của chúng ta kể từ trước và sau năm 1975 đến nay ở miền Bắc cũng như toàn cõi Việt Nam do người Cộng Sản thống trị, họ đã cai trị nhân dân với nhiều chiêu bài mị dân khác nhau như thông tin một chiều, cấm đủ mọi thứ quyền căn bản của một con người; trong đó có quyền tự do Tôn Giáo. Một Ngài Thích Huyền Quang, một Hòa Thượng Thích Quảng Độ, một Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ và còn nhiều nhà tranh đấu khác nữa đã một thân một mình đi vào tận chốn tham nhũng, tranh chấp quyền lực và cố bám víu vào cái chủ nghĩa cuối mùa ấy. Họ như là những Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Địa Tạng đang đi vào cõi u minh để cứu vớt chúng sanh ra khỏi sự ràng buộc của sanh

tử. Để rồi ngày 2 tháng 4 năm 2003 vừa qua tại dinh Thủ Tướng của chế độ đương thời, đương kim Thủ Tướng Phan Văn Khải phải tiếp rước Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang như là một thượng khách. Thế là từ thân phận một người tù cầm cố, qua 21 năm tại Quảng Ngãi không được xét xử, bây giờ đang ngồi ngang hàng với một nhà lãnh đạo quốc gia để đòi hỏi trực tiếp những tự do căn bản của con người, trong đó có tự do Tôn Giáo.

Sự đòi hỏi độc lập của Thánh Ghandhi cho dân tộc Ấn Độ. Sự đòi hỏi tự trị của người Tây Tạng đối với người Trung Quốc. Sự đòi hỏi một chính quyền dân chủ, tự do của Đông Đức v.v... đã làm cho tức nước phải vỡ bờ và ngày nay sự tranh đấu của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, ông Nguyễn Đan Quế, Lê Chí Quang và còn nhiều nhà tranh đấu khác nữa đã đang và sẽ làm cho chế độ Cộng Sản trong hiện tại phải thức tỉnh và hồi tâm.

Chuyện sẽ xảy ra như thế nào trong tương lai chưa biết rõ; nhưng công việc tranh đấu để sửa đổi một chế độ độc tài thì mọi người dân ở trong và ngoài nước đều phải có bổn phận gánh vác trách nhiệm và hỗ trợ với nhau thì công việc tranh đấu ấy mới sớm được thành công. Hãy kiên trì đấu tranh thì ánh sáng ở cuối đường hầm sẽ lộ dạng.

Thế giới đang bàng hoàng, thế giới đang đięng hồn cho chiến tranh Irak. Khó thay cho những người dân bị chiến tranh; nhưng đồng thời cũng oán trách một chế độ độc tài đã mị dân giết chết cả hàng mấy chục ngàn người đối lập. Rồi bom đạn của Mỹ nhân danh tự do và quyền lực dội lên mọi thành trì của chế độ độc tài Saddam Hussein và đã cáo chung. Có kẻ vui người buồn; có kẻ ủng hộ, có người chống đối. Đây là cái kết quả tương đối của một sự kiện.

Tiếp đến là căn bệnh SAARS đã làm cho thế giới càng kinh hoàng khiếp đảm hơn chiến tranh Irak nữa. Đứng là thời buổi loạn ly, nhân tâm tan nát, tinh người hỗn độn, chết chóc chất chồng. Có lẽ rằng thời kỳ mạt pháp đã đến rồi chăng ? hay con người đã tự hủy diệt mình và đã đến một thời tai ương khủng khiếp nhất xảy ra khắp nơi và đem lo âu cho toàn thế giới vậy ?

Tuy khổ đau vẫn chông chắt và niềm an lạc hạnh phúc miên viễn của con người vẫn không có thật sự ở nơi tầm tay của mỗi chúng sanh; nhưng mỗi năm người Phật Tử khắp năm châu bốn bể đều hướng vọng về ngày Đản Sanh của Đức Từ Phụ. Năm nay Phật lịch 2547 (2003) lại về; riêng tại nước Đức đã có hơn 5.000 người Phật Tử về chùa tham dự lễ hội truyền thống này; nhằm tầm gọi trong ơn cứu độ của Đấng cha lành của nhân loại như mục đích của Ngài lúc giáng phàm là: Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Nghĩa là mở bày cho tất cả chúng sanh (không phân biệt già trẻ, nam nữ, giàu nghèo) vào được tri kiến Phật. Đó là ý nghĩa cao cả nhất trong sự thị hiện của Ngài.

Xin nguyện cầu cho thế giới được hòa bình và trong mỗi tâm khảm của chúng ta là mỗi giọt nước cam lồ có thể tự xoa dịu nỗi khổ đau của trần thế và mong rằng nơi nào còn tai ương, tật bệnh, khổ tâm thì nơi đó vẫn còn sự hiện thân của Bồ Tát để cứu khổ độ mê. Đó cũng là bản hoài của chư Bồ Tát và chư Phật vậy.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác



Lễ An Vị Phật tại Niệm Phật Đường Viên Giác
ngày 02.04.1978. Hòa Thượng Thích Minh Tâm chứng minh



Ngôi chùa Viên Giác - Hannover



Thượng Tọa Thích Như Điển
2003

Thư gửi Thầy Chủ Nhiệm

Nam Mô A Di Đà Phật,
Kính bạch Thầy,

Chúng con viết thư này không phải là để tiễn biệt Thầy, khi Thầy quyết định lui về ẩn tu, nhập thất, nghiên cứu kinh điển... bởi vì tinh thần của Thầy- tinh thần của Viên Giác, vẫn luôn tồn tại và hiện hữu trong tờ báo mà trước đây 25 năm Thầy đã khai sinh và luôn luôn giữ vững giềng mối hài hòa giữa đạo và đời.

Chúng con cũng không viết những lời giả từ, bởi vì từ trong tâm khảm, tình sư đệ vẫn luôn gần gũi và tương kính. Qua đó, chúng con đã học được ở Thầy ít nhiều hạnh nguyện để cùng chung hòa điệu sống trong tinh thần từ bi, hỷ xả của nhà Phật; chúng con cũng theo gương văn đức của Thầy trong cách "vấn dĩ tài đạo" khi thực hiện tờ báo Viên Giác nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam và văn hóa Phật Giáo trên xứ người.

Tuy nhiên, chúng con cũng cần ghi lại một vài sự việc mà Thầy đã hành trì để chúng con có dịp quán chiếu bản thân.

25 năm trước đây, kể từ ngày 02.04.1978 Thầy đã xây dựng ngôi Chùa Viên Giác tại Hannover, khởi đầu cho bước đường hoàng dương Phật Pháp trên xứ người; đặt được nền tảng vững chắc của Phật Giáo Việt Nam tại xứ Đức và truyền bá sâu rộng Giáo lý Phật Đà cho người dân bản xứ; và đặc biệt là tổ chức được một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chặt chẽ tại Đức Quốc.

Trong suốt 25 năm Thầy đã hành xử rất đúng tinh thần "Phật Giáo trong dòng sinh mệnh của dân tộc", nên Thầy đã cùng với cộng đồng Người Việt tự nạn kiên trì đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam.

Từ đó, Thầy đã chọn cho tờ báo Viên Giác một hướng đi thích hợp với quần chúng Phật tử, dung hòa với tinh thần của cộng đồng người tự nạn Việt Nam luôn hướng về quê hương và dân tộc.

Phải có tinh thần biết chăm lo về văn học, Thầy mới quan tâm gây dựng một cơ sở ấn loát để có thể xuất bản sách báo và ấn tống kinh sách.

Phải có ý thức về tiền đồ của Phật Giáo và phải có nhiều đạo hạnh, Thầy mới thu nhận và đào tạo được những đệ tử trẻ tuổi thành những tăng tài có học và có khả năng. Ngoài ra Thầy còn cấp nhiều học bổng hằng năm cho Tăng Ni ở các nơi theo học Đại Học, Cao Học ở Ấn Độ, Hoa Kỳ, Đài Loan... để sau này phục vụ cho Giáo Hội Phật Giáo.

Phải có nhiều tình thương chúng sanh đang chịu nhiều khổ đau, Thầy mới vận động được Phật Tử đóng góp cho những chương trình xã hội, từ thiện...

Trong quá trình nhập thế, Thầy mong cầu đem đạo vào đời, hoằng hóa chúng sanh, đem hạt giống hạnh lành gieo khắp mười phương, giúp phương tiện cho chúng sanh tu niệm để đời bớt khổ đau.

Không những Thầy đã hy sinh rất nhiều thời gian tu học cho chính bản thân, mà Thầy còn phải bận tâm bận trí theo những biến hóa bên ngoài, theo những điều van xin cứu giúp của chúng sanh... Có khi Thầy còn phải mang ít nhiều phiền não, hệ lụy vô cơ vào thân. Nhưng Thầy vẫn thản nhiên, vì trước đây Thầy đã phát nguyện rằng:

-xin nguyện thân này như dòng sông để chuyên chở tất cả cặn bã của cuộc đời .

-xin nguyện thân này như mặt đất để chứa đựng tất cả dơ bẩn của nhân thế.

Thầy xin nhận tất cả dơ bẩn, cặn bã xấu xa của xã hội để cho mọi người được an lành hạnh phúc, để cho đời được trong sạch thanh cao. Hẳn không còn có gì cao quý hơn!

Kính bạch Thầy,

Chúng con không mấy ngạc nhiên khi nghe tin Thầy lui về ẩn tu. Bởi vì, khi bên ngoài nền móng tổ chức đã vững vàng, khi bên trong Thiền môn cương vị đã ổn định; thì chính thời điểm này Thầy rút về vai Phương Trượng; tức là Thầy thực hiện được đức Xả trong tứ vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả hay tư tưởng tam vô cầu: vô Kỳ, vô Công, vô Danh tức là không mưu cầu chuyện gì cho riêng mình, không mưu cầu công hay danh cho mình. Đó mới là lúc tâm an, trí định để chuyên tu, viết sách, nghiên cứu kinh điển theo đúng tâm nguyện của Thầy...

Lời cuối, chúng con nguyện theo gương Thầy để cố gắng hành xử cho đúng với tác phong của người Phật Tử, đúng lương tâm của người cầm bút, đúng theo tinh thần Viên Giác mà Thầy đã dày công vun bồi...

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Hạ Tát.
TM. Ban Biên Tập, Ban Kỹ Thuật & Ấn Loát,
Chủ Bút,
Phù Vân (pd. Nguyên Trí)

Tâm cảnh

Nguyên tác :

The World Within

Tác giả : Dr. Gina Cerminara

Người dịch :

HOÀNG-PHI LỮU HOÀNG-NGUYỄN

CHƯƠNG V THĂNG BẰNG

Mục 2.- Thăng Bằng Trong Dạng Tam-Giác

Đời sống không chỉ có ở bình diện sinh học mà còn ở mặt tâm tình, tư tưởng. Và dường như các định luật áp dụng cho một bình diện cũng có thể áp dụng cho hai bình diện kia.

Chẳng hạn ta biết việc dinh dưỡng cân bằng tối ưu quan trọng. Và như đã nói, cân bằng có nghĩa là sự phân phối năng lượng thực phẩm thích hợp theo tỷ lệ nhu cầu của cơ thể. Khái niệm này ắt cũng có thể áp dụng cả cho tâm lý. Một đời sống lành mạnh chỉ có được khi có sự phân phối năng lượng hài hòa cho mọi bộ phận, chức năng của con người.

Ông Cayce nói: "Xin nhớ là nếu chỉ ham học mà chẳng chơi đùa, giải trí thì đứa trẻ sẽ mụ-bẩm đi, đầu khác chi trường hợp nó chỉ mê chơi mà không chịu học. Kết quả là nó chả ích chi cho bản thân, cho những người khác và cho những gì nó muốn thực hiện".

Rồi ông nói tiếp: " Thế nên tốt hơn hết là phải biết sắp xếp thì giờ. Chớ quá dành nhiều thì giờ cho học hành, cho thư giãn, cho hoạt động thể lực hay cho sinh hoạt xã hội. Nó không có nghĩa là ta làm những chuyện này một cách máy móc theo chương trình mà phải thấy mỗi sinh hoạt, mỗi đề mục giúp ta có được thăng bằng".

Ở lần khác ông cũng phát biểu tương tự: "Phải có những lúc dành cho việc giải trí hay nghỉ ngơi. Con người có các nhu cầu cho cơ thể, tâm trí và linh hồn".

Ông cũng nêu rõ chính Chúa Jesus có một đời sống thăng bằng. Ông nói: "Hãy dành thì giờ cho việc thánh thiện, song cũng dành thì giờ cho vui chơi, giải trí. Dành thì giờ cho nghỉ ngơi, lấy lại sức. Chính Chúa cũng đã dành thì giờ để nghỉ ngơi, rời xa những người

khác, tinh tâm, cầu nguyện, đi dự đám cưới".

Quả khá thú vị khi thấy ông Cayce lưu ý là sự vui tính cũng đóng vai trò quan trọng ở những người có thăng bằng. Và ông làm ta ngạc nhiên với nhận xét là chính Chúa Jesus cũng có óc khôi hài. Điểm này cùng với sự mô tả của ông về các anh chị em của Jesus, về việc Chúa từng là môn đệ của tông phái Essene của Do Thái giáo, về thời gian học đạo ở Ba Tư và Ấn Độ là những điều không thấy ghi trong Thánh kinh. Tuy nhiên nếu suy nghĩ một chút ta thấy một người có tâm hồn phóng khoáng như vậy, có một khả năng phi thường chế ngự được vật chất ắt phải có óc khôi hài hơn là không có. Ta có tín ngưỡng và óc khôi hài khi nào không còn bị vật chất chế ngự, trói buộc.

(Nhiều lần thần nhân của ông Cayce cho ta biết về những sự kiện lịch sử và nhân vật vượt qua hoặc trái ngược với những gì đã được ghi lại. Thế nhưng bất cứ sinh viên sử học hay ngữ-nghĩa-học (semantics) nào cũng biết những chuyện mà lịch sử lưu truyền thường rất thiếu sót hoặc sai lệch. Chỉ có những khám phá mới về các văn bản khác hoặc các phát biểu riêng rẽ song trùng hợp của những người có thần nhân, mới có thể xác minh những gì ông Cayce nói về cuộc đời của Chúa Jesus là đúng hay sai).

Dù sao đa số tâm lý gia ắt cũng đồng ý rằng sự vui tính biểu hiện một tâm hồn phóng khoáng và thăng bằng. Ông Cayce thường nhấn mạnh điểm này và khuyên nên có được sự vui tính, xem đó là món quà tâm linh.

Có một người mắc bệnh tâm thần hỏi ông Cayce trong một buổi khám bệnh bằng thần nhân là phải làm gì để hết sợ. Ông đáp: "Phải thấy cái khía cạnh lối bạch của mỗi kinh nghiệm. Phải biết và tin tưởng ở Chúa, bởi vì nếu không ý thức được sự hiện hữu của Ngài ắt khó thực hiện được nhiều". Ở đây cũng như trong nhiều trường hợp khác, tín ngưỡng và sự vui tính được đặt cạnh nhau.

Có hai người hay quan trọng hóa những chuyện trên đời, đã được ông khuyên tương tự. Với người thứ nhất ông nói: "Ông luôn luôn nhìn thấy khía cạnh đen tối của mọi việc. Muốn được tốt, ông cần vun bồi sự vui tính, óc dí dỏm và khả năng thấy được các khía cạnh lối bạch. Nên biết rằng đời sống, thân xác, tâm trí là để cho ta có được sự vui thích. Hãy vun bồi niềm phấn khởi, vui sống. Ông đưa nó vào kinh

nghiệm của những người khác. Vậy nó cũng phải hiện hữu trong kinh nghiệm thường nhật của chính ông. Hãy thấy hân hoan của Chúa! Hãy thấy niềm hân hoan của những người vì Chúa mà bị ngược đãi, như Stephen, Paul, Pater và bao nhiêu người khác nữa! Tất cả các vị này đều tỏ dạ vui mừng nơi Chúa. Và ta cứ thấy đi thấy lại nhiều lần rằng niềm hân hoan của Ngài tạo trong ta niềm an lạc và sự hài hòa".

Còn với người thứ nhì ông bảo: "Này, ông nên có khả năng dí dỏm. Hãy bỏ đi cái thói luôn quan trọng hóa vấn đề. Xin cứ cười xòa đi nhé. Chúa cũng đã cười xòa ngay cả khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá trên đồi Calvary!".

Niềm hân hoan, vui đùa, hóm hờ, sẵn sàng đương đầu với mọi bất trắc của cuộc đời, là các đặc tính chính yếu của một người khỏe mạnh, cân bằng. Ta thấy các đặc tính này ở các sinh vật bé thơ, mấy chú chó con, mèo con, gấu con cũng như trẻ em thường có sức khỏe bình thường, niềm tin yêu bình thường. Các thú này bị đánh mất ở những ai cảm thấy bất an, sợ hãi, thù ghét hoặc đau buồn. Nhìn chung, chúng ta vắng mặt ở những nơi mà các xúc cảm tiêu cực, o ép đang lấn lướt, trái ngược với những gì Chúa Ki-tô từng dạy rõ.

Điều này nhấn mạnh đến tình hình vui vẻ luôn đi đôi với (và là chỉ dấu của) tín ngưỡng, là quan điểm khác biệt giữa ông Cayce với Giáo Hội truyền thống. Lại còn một điểm dị biệt nữa không những đối với truyền thống của Giáo Hội Thiên Chúa mà còn đối với thần kinh bệnh học. Ông cho rằng *con người gồm ba thành phần: thân thể, tâm trí và linh hồn*. Ở cõi trần linh hồn cũng là một thành phần quan trọng, đầu kém gì thân và tâm. (Chữ "tâm" hay "tâm trí" mà ông Cayce đề cập đến là "tâm chúng sinh", chứ chẳng phải "tâm chân", true-mind. Chú thích của người dịch).

Ý tưởng của ông khác với quan điểm của tâm lý học và thần kinh bệnh học vì các khoa học gia từ lâu đã bác bỏ ý niệm cho rằng có linh hồn. Ngoại trừ ông Carl Gustav Jung, phần đông các nhà tâm lý và tâm-phân-học hiện đại không muốn nói về linh hồn, không muốn nghĩ rằng họ cũng có linh hồn! Và đây là điểm khác biệt với đa số giáo lý đều nhìn nhận rằng ai cũng có một thân xác, nhưng lại có mặc cảm phạm tội và hổ thẹn về chính thân xác đó. Họ thừa nhận thân xác là một yếu tố quan trọng cần phải được cung cấp

đồ ăn, thức uống, quần áo, nhà cửa, song phần đông không cho rằng nó có tầm quan trọng ngang với linh hồn.

Thế nhưng ông Cayce nhấn mạnh là cơ thể cũng quan trọng chẳng kém gì linh hồn. Dĩ nhiên quan điểm này có tính cách dị-giáo, không thể có mặt ở một tôn giáo cho rằng linh hồn và vật chất tranh chấp với nhau, ở trong thế đối nghịch chẳng thể hòa giải được. Còn ông Cayce thì thường xem bản chất của vật thể giống hệt ý kiến các nhà vật lý hiện đại. Ngay từ 1926 ông nói: "Mọi người nên thấy rằng vật chất dù ở dưới dạng nào cũng là tử linh hồn".

Điều này hoàn toàn phù hợp với khái niệm mà ta đã triển khai ở các chương trước, cho rằng thân xác là sự phóng chiếu phần nào của linh hồn (ở mức độ tỷ trọng thấp hơn linh hồn) đồng thời cũng là công cụ của linh hồn. *Phốt lờ thể xác hoặc rẻ rúng nó có nghĩa là ta chẳng làm tròn bổn phận đối với linh hồn mình.*

Hơn nữa quan niệm của ông Cayce về Nhất Thể (Nhất Thể cho tất cả các lực, cho Chân Lý con mọi người) cũng được áp dụng ở đây. Ông không xem thân thể, tâm trí linh hồn là những thực thể tách biệt, mà chỉ là ba phương diện của một người. Trong một bài giảng về thăng bằng của đời sống ông kết luận như sau: "Hãy có được thăng bằng trong tâm trí, thân thể, linh hồn vì ba phần này chỉ là một, luôn luôn là một".

Ông thường khuyên chúng ta là bước đầu tiên để có được một cuộc sống tốt đẹp là phải nêu ra những lý tưởng. Song các lý tưởng này không chỉ ở lĩnh vực tâm linh, chúng còn phải ở lĩnh vực thể xác và trí tuệ. Ông thường nói: "Hãy viết chúng lên giấy trắng và bằng mực đen! Chia làm ba cột: Thể xác, Tâm trí, Linh hồn. Xin hiểu cho là cần phải có những kinh nghiệm cho mỗi phương diện thân thể, tâm trí, linh hồn. Bạn phải nuôi sống cơ thể, chú gì? Vậy cũng phải nuôi dưỡng tâm trí. Lại còn cần nuôi dưỡng đều đặn linh hồn của mình, và xin nhớ cho bạn sẽ cần nhiều sinh tố cho linh hồn cũng như cho cơ thể!". Ít ra theo quan niệm của ông Cayce muốn có một đời sống thực sự lành mạnh, đầy đủ, ta phải chu toàn cả ba mặt này ngang bằng nhau.

Trong nhiều cuộc khám bệnh bằng thần nhãn của ông Cayce, ta thường thấy có sự khiếm khuyết ở mặt này hay mặt kia của bệnh nhân. Nghiên cứu các trường hợp đó ta thấy ông chiêm nghiệm về cuộc đời và đưa ra các đề

ngợi cải tiến cho thân chủ, chẳng khác gì một giáo sư nghệ thuật đi từ khung vẽ này sang khung vẽ khác trong lớp học để xem các sinh viên đã vẽ sai các tỷ lệ xinh đẹp của người mẫu như thế nào. Em này thì vẽ chân ngắn quá, em kia vẽ tay to quá, em khác lại vẽ xương đòn gánh lệch đi. Với một nét bút chì than phớt nhanh, ông chỉ cho từng sinh viên phải làm thế nào để bức chân dung có được tỷ lệ.

Ông thấy cần khuyên nhiều người nên có thăng bằng hơn giữa tư tưởng và hành động, giữa học hỏi và áp dụng. Có lần ông nói: "Ăn nhiều quá cũng có hại như khi nhậu nhiều quá. Suy nghĩ nhiều quá cũng tệ như khi hành động nhiều quá!".

Và với một người khác ông nói: "Đừng học nhiều quá mà phải đem áp dụng những gì mình biết. Bạn sẽ rút tía được rất nhiều từ việc này và sẽ lợi lạc cho bao người khác. Có làm mới hiểu. Bạn phải hành động chứ đâu thể nào chỉ biết nghe suông!".

Với các nhà trí thức, ông thường lưu ý về việc họ có khuynh hướng nguy hại là sống quá nhiều trong mấy cái tháp ngà tâm trí, chẳng áp dụng các kiến thức của họ cho chính thân thể và đời sống của họ hoặc cho nhân loại. Tuy nhiên không chỉ có họ mà các giới khác cũng có thể thất thăng bằng.

Với một người quá say mê luyện tập thể hình, ông nói: "Nếu anh quá chú trọng về thể lực hoặc quá yêu chuộng môn tập này hay môn tập khác, thì nó cũng nghiêm trọng như khi anh ít làm hay chẳng làm gì cho thể lực!".

Còn những người thích trông cậy vào trực giác, sự hướng dẫn của nội tâm thì được ông khuyên nhủ gắng đọc sách, hỏi hỏi, đối chiếu nhiều hơn nữa.

Không những tìm thấy sự thất thăng bằng nơi ba lĩnh vực chính yếu của con người (là thân thể, tâm trí, linh hồn) mà ông còn thấy thêm sự thất thăng bằng trong các thất thăng bằng.

Thí dụ có một người không ích kỷ (có lòng yêu thương, một đức tính của linh hồn) với những người trong gia đình, song lại rất ích kỷ đối với tất cả các người khác.

Lại có một người nữa rất kiên nhẫn (một đức tính của linh hồn) trong việc chạm khắc rất tỉ mỉ các món đồ gỗ, mà lại tỏ ra thiếu kiên nhẫn khi thấy người khác sai lầm.

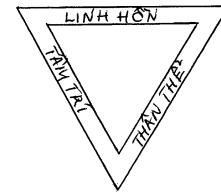
Còn người thứ ba lại rất thông minh (một đức tính của tâm trí) về môn hóa học vô cơ, nhưng lại rất vụng về, ngốc

nghech trong giao tế xã hội và nuôi dạy con cái.

Người thứ tư có khả năng áp dụng tài tình (tức có ý chí) về môn cơ khí, song chẳng có chút ý chí nào về việc kiêng cử rượu thịt.

Tất cả các thất thăng bằng này thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau cần được điều chỉnh. Và các hoàn cảnh, mối liên hệ của nhiều đời, nhiều kiếp giúp ta có được thăng bằng.

Hội Thanh Niên Thiên Chúa giáo Hoa Kỳ từ lâu đã có biểu tượng là một tam giác cân. Ba cạnh bằng nhau này tượng trưng cho sự nuôi dưỡng các nhu

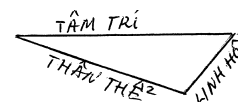


cầu cần thiết cho thân thể, tâm trí, linh hồn. Linh hồn nằm ở cạnh trên cao.

Tuy ông Cayce chưa hề nói đến một tam giác như vậy song ta có thể bằng vào ngôn từ và nội dung các khái niệm của ông, xem tam giác này như là một minh họa ý kiến của ông. Dĩ nhiên suy nghĩ theo hình học cho một vấn đề tâm lý có vẻ Pythagoras hơn là hiện đại, nhưng suy nghĩ như vậy chắc có nhiều lợi lạc. Nó giúp hệ thống hóa tư tưởng một cách đơn giản, dễ nhớ.

Nhưng trước khi tiến xa hơn, thiết nghĩ cần tìm hiểu hai chữ "spirit" và "soul" (đều được dịch là linh hồn). Hai chữ này có thể được dùng thay thế cho nhau, song nhiều nhà tôn giáo học và huyền bí học cho rằng chúng hơi khác nghĩa. Ông Cayce xem soul là một phần, là cái bóng của cái chân ngã tâm linh. Tuy đã nhiều phen phân biệt như vậy khi có ai đề cập đến vấn đề này, nhưng ông thường dùng hai từ đó đồng nghĩa với nhau. Cho nên để việc thảo luận được đơn giản hơn sẽ dùng chữ "soul" thay vì chữ "spirit" để nói đến linh hồn.

Bây giờ xin trở lại các hình tam giác, nếu suy nghĩ như vậy ta dễ nhận ra tình trạng thất thăng bằng khi ai đó chẳng quan tâm đến tầm quan trọng ngang nhau của ba lĩnh vực ở bản thân, hoặc khi y cho rằng thân thể hay tâm trí có vị thế cao hơn linh hồn. Tam giác lý tưởng, hoàn hảo là một tam giác cân (có ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau): Nhưng ai đó chỉ chú

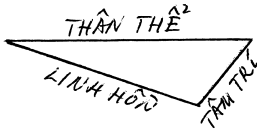


tâm phát triển tâm trí, ít lo cho thân thể, linh hồn

thì y sẽ có một tam giác lệch lạc như thế này:

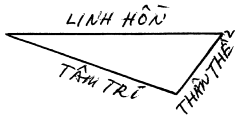
Loại tam giác này biểu hiện tình trạng thất thăng bằng của nhiều vị giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư, tâm lý gia, tâm phân gia, vật lý gia, nhà phê bình văn học, nói chung là các bậc trí thức.

Mặt khác, một người quá chú trọng đến thân thể cũng sẽ có một tam giác nhọn lệch về một hướng khác:



Đây là tam giác đặc trưng cho nhiều vận động viên chuyên nghiệp, các vũ công, người sành ăn, ham nhục dục, thích khoái lạc, công thương kỹ nghệ gia, tài tử điện ảnh, v.v...

Còn một người chỉ lo tu luyện phần linh hồn (hiếm có ở xã hội Âu Mỹ) cũng có một tam giác



chẳng cân:

Loại tam giác này đặc trưng ở các nhà huyền bí học, người mộ đạo và có lẽ còn cả một số nghệ sĩ.

Không chỉ một số ngành nghề hay một số nhóm người bị thất thăng bằng, mà có lẽ một số chủng tộc, quốc gia cũng có khuynh hướng như thế. Dĩ nhiên ta không nên tổng quát hóa vì vợ dứa cả nắm để sai lầm. Nhưng ít ra cũng phần nào có lý khi nghĩ rằng Ấn Độ trong nhiều thế kỷ qua chú trọng nhiều về phần linh hồn và ít chăm sóc thân thể, ít màng đến thế giới vật chất nói chung. Và lại đa số người Mỹ có khuynh hướng lo cho thân thể, các dụng cụ, máy móc, đồ vật và kém phát triển phần linh hồn.

George Bernard Shaw là một trong các nhà tư tưởng lớn đã quan sát khuynh hướng này. Ông gọi ý là một cuộc hòa hợp Đông Tây, kết hợp các đối cực ắt sẽ khiến cho cả Đông lẫn Tây phương và thế giới lành mạnh hơn.

Cũng khó nói với một quốc gia rằng họ đã thất thăng bằng về tâm trí. Có lẽ người da trắng điển hình cho sự quá trớn này. Như ta thấy người da trắng về phương diện kỹ thuật đã và đang vượt trội các sắc dân khác. Và họ rất tự hào về những thành quả cũng như khả năng trí tuệ. Chỉ số thông minh I.Q. là một trong các biểu hiện ưu thế. Họ thường lên mặt đối với các sắc dân nào có chỉ số I.Q. thấp hơn họ.

Nhưng nếu chỉ căn cứ vào ưu thế tâm trí để cho rằng mình số một thì quả sai lầm dưới nhãn quan của những

ai thấy rằng con người phải có đủ ba thành phần. Có thể là các sắc dân khác ít nhạy bén về trí óc, song biết đâu họ chẳng trưởng thành hơn về tâm linh (thí dụ người Ấn Độ), có lòng yêu thương sâu đậm hơn (thí dụ người Mễ Tây Cơ) hoặc thường có thân thể khỏe mạnh, đẹp đẽ hơn (như người Bali chẳng hạn).

Thực ra theo quan điểm ba thành phần thì trên quả đất này chưa có một sắc dân nào thực sự ưu việt. Chỉ có sắc dân nào toàn vẹn cả về thân thể, tâm trí, linh hồn mới đang được tôn vinh siêu việt.

Điều này có được ắt do sự phối hợp giữa các sắc dân để loại đi những thất thăng bằng cũng như bồi dưỡng các ưu điểm để có được loại người thượng đẳng.

Nếu nhìn lại các biểu tượng của giáo phái Gnosticism ta thấy một điều rất có ý nghĩa liên quan đến quan niệm ba thành phần. Họ trình bày Chúa một cách hình học, với biểu tượng là một tam giác cân có ba mặt: Trí tuệ, Tình thương, Sức mạnh (hay Ý chí).

Xung tụng rằng Chúa là Đấng Toàn trí, Toàn tâm, Toàn lực đâu khác chi quan điểm Thiên Chúa giáo, dù Thiên Chúa giáo thường không suy nghĩ với hình tượng một tam giác mà là Chúa có ba ngôi. (Thế nhưng ít ra cũng có ngoại lệ. Các tu sĩ dòng Luyện Tâm Trappist thệ nguyện suốt đời sống trong yên lặng tuyệt đối, nếu cần liên lạc với nhau thì ra dấu tay. Họ làm dấu biểu tượng Chúa bằng cách đưa ra các ngón tay cái và tay trỏ của hai bàn tay để tạo thành một tam giác).

Tuy nhiên ba ngôi Đức Thánh Cha, Thánh Con và Thánh Thần dường như không mấy ý nghĩa hay hữu ích về phương diện tâm lý như quan niệm ba ngôi Trí tuệ, Tình thương, Sức mạnh. Vì nếu nhìn kỹ hơn ta thấy Trí tuệ tương ứng với Tâm trí, Tình thương với Linh hồn, Sức mạnh (hay Ý chí, Năng lực) với Thân thể.

Xin nhớ cho là chúng ta luôn có vấn đề chữ nghĩa. Lão Tử đã dạy rất chí lý: "Danh khả danh phi thường danh. Sự hiện hữu vượt qua khả năng định năng của chữ nghĩa. Chữ có thể được dùng, song chẳng có chữ nào tuyệt đối đúng". Cho nên việc chia con người làm ba thành phần Thân thể, Tâm trí, Linh hồn có thể bao gồm một số khía cạnh có nhiều tên gọi khác nhau tùy mức độ nhận thức nhưng đều liên hệ mật thiết với nhau.

Chẳng hạn về Thân thể có thể kể đến một số khía cạnh như: năng lực,

sức mạnh, sự khéo léo, việc áp dụng, tính thực tiễn, ý chí. Về Trí tuệ có thể thêm: óc sáng tạo, tính độc đáo, nhận thức, khả năng so sánh, kiến thức. Còn Linh hồn có thể bao gồm: tình thương, sự ân cần, nhiệt tâm, lòng tôn kính, tâm sùng đạo, xúc cảm và có lẽ cả trực giác (vì tình thương mang đến sự đồng nhất hóa với người mình yêu, nên sẽ biết ngay mà không cần suy nghĩ). Bởi thế sự phân chia con người làm ba thành phần có lẽ sẽ rộng hơn, tinh tế hơn, có nhiều giá trị về tâm lý nhiều hơn ta tưởng. Và lại nó cho ta thấy có mối quan hệ với Bản tính Siêu phàm, giúp đem ngôn từ tâm lý học và tôn giáo xích lại gần nhau và dễ hiểu hơn.

Nghĩ xa thêm một chút, ta càng thấy rõ nữa. Chúa Ki-tô dạy ta gắng trở nên toàn hảo, ngay cả đến việc giống Đức Thánh Cha toàn hảo ở trên trời. Nếu hiểu đúng mức lời răn này, ta thấy toàn hảo có nghĩa là giống Chúa, đấng toàn hảo, toàn năng, toàn ái tức là Tâm trí, Thân thể, Linh hồn đều hoàn hảo. Dường như tất cả chúng ta là những tam giác nhỏ méo mó, lem luốt, cần được gột rửa để ánh sáng rọi xuyên qua. Chúng ta cũng cần điều chỉnh các cạnh của tam giác. Có nghĩa là rốt cuộc ta phải có khả năng làm người tuyệt vời, hành động tuyệt vời về mọi mặt. Nó có nghĩa là phải có lòng yêu thương toàn hảo, chẳng những đối với đồng loại mà còn cả với các động vật, thực vật, khoáng chất, không những đối với các ý tưởng mình ôm ấp mà cả với những sinh vật bé nhỏ. Nó có nghĩa là có được trí thông minh toàn hảo trong mọi lĩnh vực tu tưởng và một sức mạnh toàn hảo trong mỗi hành động. Nó nằm ở trung tâm hình tam giác và phóng năng lượng đồng đều cho cả ba đỉnh của tam giác.

Vì tam giác cân có một đường tròn và một hình cầu ngoại tiếp, ta có thể thấy mình ở trung tâm của một đường tròn và một hình cầu (một hình ảnh toàn hảo theo các triết gia cổ đại). Và bỗng nhiên ta thấy rõ nếu ta là các con của Chúa cũng có nghĩa là các mặt trời của Chúa (ánh sáng mặt trời là trí thông minh, sức ấm mặt trời là tình thương và năng lượng mặt trời là ý chí, sức mạnh). Và ta cũng thấy cái biểu tượng Mặt Trời mà người cổ Ai Cập tôn thờ dường như bớt đi tính cách trình diễn, trái lại mang nhiều ý nghĩa.

Xin xem kỹ tới:

Mục 3.- Thăng bằng nơi quả lắc

THỨC THỨ TÁM

(tiếp theo phần của NGHIỆP)
o0o

• T/S LÂM NHƯ TẠNG

(Tiếp theo VG 134)

(B) BA TÍNH CỦA NGHIỆP

Nghiệp có 3 Tính. Đó là Thiện, Ác và Vô ký. Nhưng chỉ có Thiện và Ác mới tạo ra Nghiệp còn tính Vô Ký không tạo ra nghiệp. Do Ý nghiệp Thiện hay ác mà phát sinh ra thân biểu nghiệp và vô biểu nghiệp, cũng như phát sinh ra ngũ biểu nghiệp và ngũ vô biểu nghiệp thiện hay ác.

Ý nghiệp vô ký chỉ phát sinh ra thân hoặc ngũ biểu nghiệp vô ký, chứ không có thân, ngũ vô biểu nghiệp. Vì tính vô ký, chẳng phải thiện hay ác thế lực của nó quá yếu nên không thể chiêu cảm được kết quả như nghiệp thiện hay ác. Do đó chỉ có thân, ngũ biểu nghiệp vô ký, nhưng không có vô biểu vô ký.

Thế nhưng tính Thiện, Ác và Vô Ký của Nghiệp là gì ?

Luận Tỳ Bà Sa 51 viết: "Nếu pháp chiêu cảm quả khả ái, lạc thọ thì gọi là thiện, còn nếu chiêu cảm quả không khả ái, khổ thọ thì gọi là ác. Nếu khác với cả hai việc đó thì gọi là vô ký".

Luận Câu Xá 15 viết: "Nghiệp an ổn hay chiêu cảm được quả báo khả ái và Niết Bàn, tạm thời hay vĩnh viễn xa lìa thống khổ thì gọi là thiện.

Nghiệp không an ổn hay chiêu cảm quả báo bất khả ái thì gọi là ác. Nghiệp trái với hai tính trên gọi là vô ký. Đây là căn cứ vào sự chiêu cảm quả báo để phân biệt thiện, ác và vô ký tính của Nghiệp".

Luận Câu Xá 13: "Căn cứ vào nguyên do để chia ba tính Thiện, Ác và Vô Ký. Mỗi tính kể trên đều có 4 loại: thắng nghĩa, tự tính, tương ưng, đẳng khởi".

1/ Bốn loại Tính Thiện

(1) Thắng nghĩa Thiện: Thắng nghĩa có nghĩa là tuyệt đối, tuyệt vời, hơn hẳn, diệu lý sâu xa hơn hẳn nghĩa lý thời gian thế tục. Đó là Niết Bàn rất an ổn, vĩnh viễn bất dứt dấu vết thống khổ.

(2) Tự tính thiện: Chỉ 5 tâm sở: tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si có tự thể là thiện không cần các món khác chung khởi như tương ưng và đẳng khởi thiện ...

(3) Tương ưng thiện: những tâm sở nhờ tương ưng với 5 món tâm sở tự tính thiện kể trên mà thành, vì tự thể của nó không phải là thiện.

(4) Đẳng khởi thiện: Đó là thân, ngũ thiện nghiệp do cùng phối hợp đồng khởi của tự tính thiện và tương ưng thiện mà phát sinh.

2/ Bốn loại tính ác:

(1) Thắng nghĩa ác: Đó là Sinh và Tử. Tự tính của sinh tử hàm chứa nhiều tự tính xấu ác, khổ não cùng cực.

(2) Tự tính ác: Đó là 5 món tâm sở: vô tâm, vô quý, tham, sân, si, tự thể của chúng là ác, không cần tương ưng hay đẳng khởi với các món tâm sở khác mà thành.

(3) Tương ưng ác: Đó là chỉ cho các món tâm sở mà tự tính của nó không phải ác nhưng khi tương ưng khởi với 5 món ác kể trên nên nó trở thành ác. Do đó gọi là tương ưng ác.

(4) Đẳng khởi ác: Đó là thân, ngũ ác nghiệp do cùng phối hợp đồng khởi của tự tính ác tâm sở và tương ưng ác tâm sở mà phát khởi.

3/ Vô ký tính: - Về tính vô ký chỉ có Thắng nghĩa Vô Ký tức là nói về hư không vô vi và phi trạch diệt vô vi. Vì thế của nó thường hằng nên gọi là thắng nghĩa, nhưng nó không phải là sự chứng đắc của đạo nên không gọi thiện mà gọi là vô ký. Trong 46 món tâm sở, món nào cũng thông cả 2 hoặc 3 tính, nhưng không có món nào thuần là vô ký do đó luận sư không lập tự tính vô ký. Và vì không có tự tính vô ký nên không có tương ưng và đẳng khởi vô ký.

Có thể tóm tắt 5 nghiệp và sự hiện diện ở các cõi, các địa như sau:

NGHIỆP :

(1) NGHIỆP:

Thiện & vô ký → Hiện hữu ở 3 cõi, chín địa
Ác → Chỉ có ở cõi Dục

(2) BIỂU:

Thiện → Chỉ có ở cõi Dục và Sơ Thiên
Hữu phú vô ký → Chỉ có ở Sơ Thiên
Ác → Chỉ có ở cõi Dục

(3) VÔ BIỂU:

Thiện → Chỉ có ở cõi Dục và Sắc
Ác → Chỉ có ở cõi Dục

(C) LUẬN GI I VỀ Ý NGHĨA CỦA BIỂU VÀ VÔ BIỂU NGHIỆP

Tướng trạng của Biểu và Vô Biểu Nghiệp thể hiện như thế nào ?

Về Vô Biểu có 3 loại:

1/Luật Nghi Vô Biểu:

Đây là nói về sự giữ giới, sự trì giới, không tùy thuộc về hình thức nên không thể trông thấy vì nó không biểu lộ bên ngoài. Do đó chỉ nhận biết qua cảm giác và suy luận nên nó thuộc về Vô Biểu, thuộc về tính thiện. Có thể phân thành 3 loại:

a/ Biệt giải thoát luật nghi vô biểu: Khi hành giả thực hành trì giới tinh tấn thanh tịnh, dứt trừ được từng tội nơi thân và ngũ thành tựu giải thoát khỏi những phiền phức được gọi bằng cụm từ này, và nó thuộc về Vô Biểu.

b/ Tịnh lự luật nghi Vô Biểu: còn gọi là "định cộng giới" hành giả đã thành công trong cảnh giới thiền định, dứt trừ được những tội lỗi nơi thân và ngũ mà thành tựu được Vô

Biểu này. Đây là cảnh trong định do đó khi xuất định thì Vô Biểu này mất.

c/ Vô lậu luật nghi Vô Biểu : cũng được gọi là "đạo cộng giới". Trường hợp này được thành tựu khi thiện tâm vô lậu khởi lên, các tội lỗi nơi thân, ngữ được dứt trừ. Nó khởi lên khi thiện tâm vô lậu phát khởi và diệt mất khi thiện tâm vô lậu diệt.

2/ Bất luật nghi Vô Biểu: thuộc về tính ác.

3/ Phi luật nghi phi bất luật nghi vô biểu: thuộc về vô ký tính.

Luật Nghi và Bất Luật Nghi Vô Biểu nghiệp do biểu nghiệp sinh cũng có, không do biểu nghiệp sinh cũng có.

Xem biểu đồ :

VÔ BIỂU:

(a) Luật Nghi (tính thiện)

(b) Bất luật nghi (tính ác)

(c) Phi luật nghi phi bất luật nghi (vô ký)

(a) * Biệt giải thoát luật nghi :

Tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, cận sự nam cận sự nữ, tại gia 8 giới :

Đều có Biểu và Vô Biểu Nghiệp

* Tịnh lự luật nghi

* Vô lậu luật nghi: cả hai chỉ có **VÔ BIỂU**

(b) và (c): cả hai đều có **BIỂU** và **VÔ BIỂU NGHIỆP**

Luận về sự thành tựu Vô Biểu và sự xả bỏ Biểu và Vô Biểu nói trên, xin trích dẫn các luận thư của các bộ phái để làm sáng tỏ vấn đề. Trong ba loại luật nghi vừa nêu trên có Biệt Giải Thoát, Tịnh Lự và Vô Lậu.

Trước tiên đề cập đến

Biệt Giải Thoát Luật Nghi.

Trong Câu Xá Ký 14 nói: "Luật nghi biệt giải thoát do người khác dạy mà được thành tựu". Nghĩa là do người khác truyền dạy mà đắc giới. Có hai cách như sau:

(1) Đắc giới từ cá nhân Tăng Già: Trong Câu Xá Quang Ký 14 nói: "Sa Di, Sa Di Ni, từ nơi hai vị Tăng mà thọ đắc giới; Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và Cận Trú (tại gia 8 giới) chỉ cần từ một vị Tăng mà thọ đắc giới".

(2) Đắc giới từ Tăng Già (5 vị Tăng trở lên): Đó là trường hợp Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phải thọ giới trước giới đàn có 5 vị hoặc 10 vị Tăng Già mà thọ đắc giới.

Bàn rộng về sự duyên đắc giới Cụ Túc, có sự bất đồng giữa bốn bộ luận và năm bộ luận.

Sự bất đồng giữa bốn bộ Luận được nêu ra như sau:

(a) Luật Thập Tụng , nêu ra mười duyên đắc giới

(b) Luật Tứ Phần, nêu 5 duyên

(c) Luật Tăng Kỳ , nêu 4 duyên

(d) Luật Ngũ Phần , nêu 5 duyên

Sự bất đồng trong 5 bộ Luận được liệt kê như sau:

(a) Luận Tỳ Ni Mẫu, nêu ra năm duyên

(b) Luận Ma đắc Lạc Già, nêu 10 duyên

(c) Luận Thiện Kiến, nêu 8 duyên

(d) Luận Tát Bà Uấ, nêu 7 duyên

(e) Luận Minh Liễu, nêu ra 7 duyên

Trong sự luận tranh dị đồng giữa 4 bộ Luận và 5 bộ Luận nêu trên Câu Xá chọn Thập Tụng Luận nêu ra 10 duyên đắc giới như sau:

(1) Đắc Giới tự nhiên: Đây là chỉ cho những trường hợp của Phật và Độc Giác do Vô Sư Trí tu chứng giác ngộ, tự nhiên đắc giới.

(2) Đắc Giới do ngộ Tứ Đế: Trường hợp này còn gọi là nhập chính tính ly sinh, ví dụ như 5 vị tỳ kheo Kiều Trần Như ngộ được lý Tứ Đế mà đắc giới.

(3) Có túc duyên căn lành đắc giới: đây là trường hợp của Da Xá (Yasas), nằm trong trường hợp Phật dạy là "Thiện Lai Tỳ Kheo" (ehi bikkhu). Ngài là một Thượng Tọa chùa Kê Viên thành Hoa Thị nước Ma Kiệt Đà đã khuyên vua A Dục lập 84 ngàn tháp thờ Phật. Ngài đã chứng quả vị A La Hán, triệu tập trên 700 vị thánh hiền kiết tập Tam Tạng giáo điển lần thứ nhì tại thành Tỳ Xá Ly nước Bạt Kỳ . Nhờ túc duyên nhiều đời mà được đắc giới.

(4) Phát nguyện đắc giới: Trường hợp ngài Đại Ca Diếp do tín kính Tam Bảo phát đại nguyện rằng: "Phật là Đại Sư của mình" mà đắc giới.

(5) Vấn đáp luận nghi đắc giới: trường hợp chú bé Tô Đà Di nhân khi Phật hỏi: "Nhà con ở đâu?". Chú bé đáp: "Ba coi không nhà", câu trả lời làm vừa ý Phật nên mặc dù chú bé chưa đủ 20 tuổi Phật vẫn đặc biệt cho phép Tăng kiết ma cho thọ cụ túc giới.

(6) Đắc giới trong trường hợp thọ trọng pháp: trường hợp Đại Sanh Chủ do thọ Tám Kinh Pháp mà được đắc giới.

(7) Sứ giả truyền giới : trường hợp Pháp Thọ tỳ kheo ni muốn đến nơi đại Tăng trụ xứ để thọ giới nhưng vì tướng mạo quá đoan nghiêm sợ đi đường xa gặp bất trắc nên Phật đặc cách cho sứ giả đến truyền giới cho.

(8) Đắc giới từ năm vị Tăng: trường hợp bốn vị làm Tăng Chúng và vị thứ năm là trì luật để Kiết Ma (trì luật vi đệ ngũ nhân), cho thọ giới vì trường hợp ở nơi không đủ 10 vị Tăng để lập giới đàn truyền giới.

(9) Giới Đàn Kiết Ma đắc giới: trường hợp đủ số 10 vị Tăng, hoặc nhiều hơn không ngại, để lập giới đàn Kiết Ma truyền giới.

(10) Tam Ngũ Đắc Giới: Luật Thập Tụng 60 viết: "Nếu khi Phật chưa chế pháp Bạch Tứ Yết Ma (Jnapticaturtham) (1 lần bạch, 3 lần Yết Ma nghĩa là xem xét rồi hỏi lại đại Tăng 3 lần xem việc ấy nên làm chăng sau đó mới quyết định thi hành), người nào qui mạng về Phật, xướng 3 lần: Tôi theo Phật xuất gia, người đó đã khéo thọ đắc Cụ Túc Giới. Nhưng nếu sau khi Phật chế pháp Bạch Tứ Yết Ma, dù có xướng ba lần xuất gia cũng không được gọi là đắc Cụ Túc Giới". Luận Hữu Bộ viết: "Tam Ngũ Đắc, Tam Quy Đắc, chỉ trong thời gian 8 năm sau Phật thành đạo thì được, nếu quá 8 năm thì không thể gọi là đắc giới".

Mười cách đắc giới kể trên, (1) và (2) chỉ có Vô Biểu Nghiệp. Tám cách còn lại đều có đủ BIỂU và VÔ BIỂU NGHIỆP.

Trường hợp Tịnh Lự và Vô Lậu luật nghi không cần nhờ người khác truyền thọ nên không có Biểu Nghiệp.

Biệt Giải Thoát là giới không chuyển theo tâm (bất tùy tâm chuyển), có nghĩa là khi đã đắc giới rồi, sau đó, dù tâm có thay đổi lúc ác, lúc vô ký, lúc vô tâm, nhưng không xả giới thì giới thể vẫn tồn tại trong Tăng Thức không mất. Ngược lại Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới là giới chuyển theo tâm (tùy tâm chuyển) nên khi nhập định thì có nhưng khi xuất định thì mất.

Thế nhưng thế nào mới được gọi là Đắc Giới ? Đó là Khi thọ giới, giới tử phải phát nguyện bất cứ trong trường hợp nào, bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào cũng phải tuyệt đối thọ

trì giới cấm, quyết dứt bầy chi tội của thân và ngũ một cách thanh tịnh mới gọi là đắc giới.

Có năm trường hợp hạn định sau đây chỉ gọi là ĐIỀU HÀNH mà không gọi là GIỚI đó là:

(a) Hạn định nơi loài hữu tình: thề rằng chỉ không sát hại đối với loài hữu tình này chứ không đối với loài hữu tình khác.

(b) Giữ giới có chỉ định: thề rằng chỉ giữ giới cấm không sát sanh hoặc không trộm cắp chứ không phải giữ tất cả bầy chi cấm giới.

(c) Hạn định nơi chốn: chỉ giữ giới sát nơi này chứ không phải ở những nơi khác.

(d) Hạn định thời gian: chỉ giữ giới sát trong thời gian này chứ không giữ giới sát ở những thời gian khác.

(e) Tùy trường hợp: giữ giới sát trong mọi trường hợp trừ trường hợp chiến tranh.

Trường hợp phi luật nghi phi bất luật nghi đắc thành từ ba phương diện như sau:

(a) Từ việc phước thiện: người hay làm việc bố thí, làm các việc thiện & hoặc làm việc ác hại người, hại vật & khi người đó liả bỏ những việc làm thiện và ác liền đắc thành "phi luật nghi phi bất luật nghi vô biểu".

(b) Thọ lãnh sau khi phát thệ nguyện: Ví dụ như thệ nguyện rằng: "chỉ ăn sau khi đã lễ Phật". Hành giả khi vừa phát nguyện như vậy liền đắc thành "phi luật nghi phi bất luật nghi vô biểu".

(c) Trong khi thực hành: sau khi phát khởi việc gì một cách hăng hái, đưa đến hành động, ngay khi hành động đó liền đắc thành phi luật nghi phi bất luật nghi vô biểu.

Những trường hợp xả giới được phân chia như sau: Như trước đã nói 8 loại Biệt giải thoát giới (Tỳ Kheo, Tỳ kheo ni, chính học, Sa di, Sa di ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Cận trụ) trừ Cận trụ còn bầy đều có 4 duyên xả giới như sau:

- Cố ý xả giới;
- Mệnh chung;
- Nam nữ căn cùng xuất hiện;
- Đoạn thiện căn.

Riêng về giới Cận Trụ ngoài 4 duyên trên, giới này chỉ thọ một ngày một đêm nên sau đó tự nhiên xả giới.

Trong trường hợp xả giới nêu trên Kinh Lượng Bộ có quan điểm: "Bốn trọng giới sát, đạo, dâm, vọng là giới đoạn đầu, rất nặng, hề phạm một trong 4 giới ấy thì tất cả giới xuất gia đều mất".

Hữu Bộ trái lại quan niệm rằng: "giả sử trường hợp phạm một trong 4 giới đó cũng không hẳn mất hết giới xuất gia, nếu chân thành sám hối thề không tái phạm và nghiêm trì các giới còn lại".

Trường hợp Tịnh Lự Luật Nghi có 3 duyên xả giới như sau:

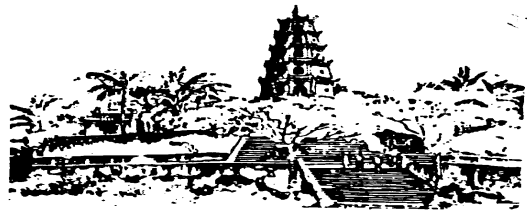
(a) Chuyển đổi vị trí: Nếu từ hạ địa sinh lên thượng địa thì xả giới tại hạ địa. Ngược lại từ thượng địa sinh xuống hạ địa thì xả giới thượng địa. Vì định cộng giới hữu lậu luôn luôn ràng buộc theo Giới và Địa.

(b) Giới mất do thối chuyển: lúc được thắng định được đắc giới nhưng sau đó phiền não phát sinh, thắng định mất do đó giới cũng mất.

(c) Mất giới vì mạng chung.

Kỷ niệm 25 năm

(Kính tặng Thượng Tọa Thích Như Điển,
Viện Chủ Chùa Viên Giác)



25 năm thoáng một giấc mơ!

Thời gian mau quá chẳng ai ngờ!

Phật Pháp xiển dương ngày sâu rộng

Đông, Tây hội ngộ đã đến giờ?

• Pháp Nguyên

Trường hợp Vô Lậu Luật Nghi xả giới do 3 trường hợp:

(a) Đắc quả cao hơn: trường hợp hành giả đắc quả cao hơn thì vô lậu đạo quả vị thấp không còn do đó giới cũng mất là lẽ tự nhiên.

(b) Trí huệ phát triển: khi hành giả tu luyện từ độn căn, trí huệ phát đạt thành lợi căn do đó giới độn căn đã mất.

(c) Trường hợp bị thối chuyển: Giới mất khi quả vị bị thối chuyển.

Trường hợp xả Bất Luật Nghi có 3 duyên như sau:

(a) Chết;

(b) Nam nữ căn cùng xuất hiện; (c) Thọ đắc thiện giới.

Trường hợp xả Phi luật nghi phi bất luật nghi có 6 duyên như sau:

(a) Chấm dứt thề nguyện giữ giới: bỏ không tuân thủ lời thề giữ giới nữa, ngay lúc đó giới liền bị xả bỏ.

(b) Giới chấm dứt do thế lực chấm dứt: do các thế lực của lòng tin thanh tịnh dẫn sinh Vô Biểu Nghiệp Thiện, thế lực phiền não dẫn sinh Vô Biểu Nghiệp Ác đã chấm dứt, ví như lực của mũi tên bắn ra đã hết lực đi tới nên tự động rơi xuống, trường hợp này cũng giống như vậy do đó giới bị xả bỏ.

(c) Xả giới do chấm dứt tác nghiệp: Vô biểu nghiệp thiện, ác vốn do tác nghiệp thiện ác tạo thành do đó khi tác nghiệp chấm dứt, mặc dù lời thề còn nhưng giới cũng theo tác nghiệp mà bị xả bỏ.

(d) Sự vật hư hoại: khi bố thí phòng xá cầu đường (thuộc thiện), hoặc lưới bẫy (thuộc ác). Những thứ này hư hoại thì giới cũng bị xả luôn.

(e) Khi thọ mạng chấm dứt.

(f) Khi thiện căn chấm dứt.

Còn tiếp kỳ tới:

(II) NGHIỆP ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC KINH, LUẬN

Tư tưởng Phật Giáo trong thi văn Lý - Trần

Tác giả Thích Thắng Hoan

(Tiếp theo VG 134)

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THƠ VĂN PHÁP-THUẬN

3.- GIAI THOẠI GIỮA NHÀ TIỀN LÊ VÀ LÝ GIÁC

Nhà Tiền Lê và Sứ giả Lý Giác có nhiều giai thoại rất ly kỳ, rất hấp dẫn đã được truyền khẩu trong dân gian, nhưng không thấy ghi lại trong Văn Học Việt Nam. Sự ly kỳ, sự hấp dẫn giữa nhà Tiền Lê và Sứ giả Lý Giác đều nằm trên áp lực chánh trị và ngoại giao.

Trước hết, Sứ giả Lý Giác ý mình là đại diện cho một nước thiên triều to lớn và luôn luôn có thái độ hách dịch, tự đắc, xử sự thiếu cung cách đối với nước Đại Cồ Việt nhỏ bé. Khi đến nước Đại Cồ Việt, Lý Giác và đoàn tùy tùng không chịu vào thành để trình thư ủy nhiệm lên Đại Hành Hoàng Đế, lại ở lữ quán ngoài thành và ra lệnh cho Đại Hành Hoàng Đế phải đích thân ra thành để nghinh tiếp sứ giả.

Đại Hành Hoàng Đế đã không ra nghinh tiếp và liền phái Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Khuông Việt cùng một số cận thần ra thuyết phục Sứ giả Lý Giác. Sau khi thuyết phục xong, Sứ giả Lý Giác đồng ý vào thành, nhưng với điều kiện là không chịu chui qua Ngọ Môn Quan nhỏ bé của nước ta và ra lệnh triều đình nhà Tiền Lê phải bắc một cái cầu đi vào thành cho thật cao nằm phía trên Ngọ Môn. Để lấy lòng Sứ giả Lý Giác, triều đình nước ta đành phải chấp nhận lời đề nghị này.

Thiền sư Pháp Thuận cùng các đại thần ra lệnh bắc một cái cầu bằng ván đi vào thành, khởi điểm từ xa và cao hơn Ngọ Môn Quan, đồng thời cho quân lính khiêng kiệu rước Sứ giả Lý Giác và đoàn tùy tùng đi vào thành. Sứ giả Lý Giác và đoàn tùy tùng được ngồi kiệu đi trên cầu ván vừa bắc. Đoàn kiệu của Sứ giả Lý Giác đi gần đến Ngọ Môn Quan thì cầu ván nói trên lại hạ thấp xuống đất. Cuối cùng phái

đoàn Sứ giả Lý Giác đành phải chui qua Ngọ Môn Quan để vào thành.

Sứ giả Lý Giác và đoàn tùy tùng đều cư ngụ tại Sứ Quán trong thành. Lý Giác liền ra lệnh triều đình nhà Tiền Lê phải thiết lập đài hương án để cho sứ giả lên đọc chiếu chỉ phong thưởng của triều đình nhà Tống và bắt buộc Đại Hành Hoàng Đế phải đích thân ra quỳ trước hương án để tiếp nhận chiếu chỉ. Đại Hành Hoàng Đế triệu tập các đại thần lại họp bàn về sự yêu sách của Sứ giả Lý Giác. Các đại thần đều đồng ý cho rằng:

- Lý Giác chỉ là một sứ giả của nhà Tống. Bộ hạ chính là Hoàng Đế của một nước không thể quỳ xưng thần trước một sứ giả hạ cấp. Nhưng vì áp lực chánh trị quá mạnh của triều đình nhà Tống, Bộ hạ không thể làm phật lòng của Lý Giác sẽ gây tai họa đến sự an nguy của nước ta. Chúng ta không thể không cẩn thận.

- Thiền sư Pháp Thuận trình bày: Để tránh sự nan giải này, khi đến ngày tiếp nhận chiếu chỉ của triều đình nhà Tống, Bộ hạ viện cớ cáo bệnh không ra được và cử đại thần thay thế Bộ hạ ra tiếp sứ.

Đại Hành Hoàng Đế chấp thuận đề nghị đó, liền cử Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Khuông Việt cùng một số đại thần thay vua ra tiếp chỉ và giải thích lý do nhà vua vắng mặt.

Sau khi vua tiếp chỉ đâu đó xong xuôi, Thiền sư Pháp Thuận liền tâu lên Đại Hành Hoàng Đế xin hiến một diệu kế để cảnh cáo sự cao ngạo của Lý Giác, một sứ giả tầm thường mà lại có thái độ khinh thường quốc thể nước ta:

- Tâu Bộ hạ! Bộ hạ qua ngày sau bằng cách tự mình lội xuống ao sen trong vườn Thượng Uyển để hái hoa. Lúc đó, bần đạo tìm cách hướng dẫn Lý Giác trực tiếp nhìn thấy Bộ hạ tự động lội xuống ao sen. Hành động này để chúng tôi cho Lý Giác biết rằng, hôm qua Bộ hạ không có bệnh chỉ cả. Bộ hạ hôm qua sờ dĩ không tiếp sứ là phản khán lại sự hách dịch thiếu lịch sự trong vấn đề ngoại giao giữa hai quốc gia của Lý Giác. Thật sự Bộ hạ nếu như có bệnh thì hôm nay không thể lội xuống ao để hái sen.

Đúng thế, Lý Giác khi nhìn thấy Đại Hành Hoàng Đế đang lội xuống ao để hái hoa sen liền hỏi Thiền sư Pháp Thuận:

- Nhà vua các ông có rất nhiều cung nữ, tại sao không bảo họ đi hái hoa, lại tự mình phải cực khổ để lội xuống ao?

Thiền sư Pháp Thuận trả lời:

- Vua của nước tôi thương dân như thương con, cho nên vua thích chi thì cứ làm lấy và không muốn làm khổ đến dân.

Lý Giác nghe qua rất ngạc nhiên và từ đó hai bên giữa Sứ giả Lý Giác và triều đình nhà Tiền Lê trao đổi qua lại trong bầu không khí vui vẻ và thân mật. Theo Thiền sư Pháp Thuận, muốn dập tắt chiến tranh giữa hai nước để xây dựng hòa bình lâu dài cho dân tộc, nước ta phải cần đến tiếng nói tốt đẹp của sứ giả tấu trình lên triều đình nhà Tống. Thiền sư nhận thấy, Sứ giả Lý Giác chính là cán bộ của Lão Giáo một trong Tam Giáo Đồng Nguyên (Phật, Lão, Khổng) thuộc Tống Nho. Nhưng trong triều đình nhà Tống, Khổng Giáo thì lại lấn áp Lão Giáo, nguyên vì Khổng Giáo được vua yêu chuộng hơn. Cho nên Khổng Giáo được gọi là Tống Nho mà không phải gọi là Tống Lão. Thành thử Lý Giác không mấy hài lòng cho lắm, nhưng không dám bộc lộ sự bất mãn này. Thiền sư Pháp Thuận nhận thấy nhược điểm đó của Lý Giác, liền mở chiến dịch ngoại giao nhằm đề cao triết lý Vô Vi của Lão Giáo cũng tương đồng với triết lý Tánh Không của Phật Giáo để lấy lòng sứ giả. Sứ giả Lý Giác nghe qua rất hợp lý và vô cùng sung sướng. Từ đó Sứ giả Lý Giác sẵn sàng đứng cùng giới tuyến của Phật Giáo để lấy lại tư thế của Lão Giáo, đồng thời hết lòng ủng hộ nhà Tiền Lê và hứa rằng, khi trở về Trung Quốc sẽ nói tốt Lê Đại Hành với Hoàng Đế nhà Tống. Điều đó được thấy qua hai bài thi sau đây, một của Thiền sư Khuông Việt tặng cho Sứ giả Lý Giác và một của Sứ giả Lý Giác tặng cho Đại Hành Hoàng Đế.

Trước hết Thiền sư Khuông Việt thay mặt Đại Hành Hoàng Đế làm một bài thi với tựa đề là "ĐUA NGỌC LANG VỀ NƯỚC" để tiễn chân Sứ giả Lý Giác trở về Trung Quốc. Bài thi đó như sau:

"Tuồng quang phong hảo, cảm phạm trường,

Thần Tiên phục Đế Hưởng,

Thiên lý vạn lý thiệp thường lương,

Cửu Thiên qui lộ trường.

Nhân tình thâm thiết đối ly trường.

Phan luyến sử tình lang,

Nguyện tưởng thâm ý vị Nam Cương,

Phân minh báo ngã Hoàng".

Ngô Tất Tố dịch:

"Trời quang, gió thuận, buồn giông,

*Thần Tiên chốc đã giục đường
Bồng Lai,
Mông mênh muôn dặm bể khơi,
Lối về trong bóng chín trời xa xa.
Bâng khuâng trước chén quan hà,
Mến ai, lòng những thiết tha nỗi
lòng.*

*Xin ai vì cõi Nam Trung,
Rõ ràng gửi lại mặt rồng trước sau".*
(Văn Học Đồi Lý, trang 20 của Ngô Tất Tố)

Trong bài thi này, chúng ta nhận thấy có những danh từ rất quan trọng mà Thiền sư Khuông Việt dụng ý nhằm đề cao Sứ giả Lý Giác. Những danh từ đó có ý nghĩa như sau:

1/- Thần Tiên: là danh từ tôn vinh các bậc Thánh của Lão Giáo. Lão Giáo là đạo tu tiên và những bậc đã chứng đắc trong Lão Giáo mà họ thường nhắc đến như: Hán Chung Ly, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quỳ, Tào Quốc Cậu, Lữ Đồng Tân, Hà Thiên Cô và Lam Thái Hòa, gồm có tám vị Thánh.

2/- Đế Hưởng: là chỉ cho cõi Bồng Lai. Bồng Lai là nơi của tám vị tiên nói trên cư ngụ.

3/- Cửu Thiên: là chỉ cho triều đình nhà Tống. Chử Thiên là chỉ cho vua nhà Tống. Chử Cửu là chỉ cho chín cấp bậc. Thời xưa ông vua thường ngự trên một bệ cao lên đến chín cấp bậc, nên gọi ông vua là Cửu Thiên.

4/- Nam Cương: là chỉ cho triều đình nước Nam ta. Chử Cương ở đây là chỉ cho hệ thống tổ chức của triều đình nước Việt Nam ta, nên gọi chung là Nam Cương.

5/- Ngã Hoàng: là chỉ cho chính danh Hoàng Đế nhà Tống.

Đại ý bài thi này, Thiền sư Khuông Việt cho Sứ giả Lý Giác là bậc tri kỷ và ca ngợi Sứ giả Lý Giác là bậc Thần Tiên của Lão Giáo. Thiền sư xin Sứ giả Lý Giác khi trở về Trung Quốc vì tình nghĩa thân hữu với nhau cố gắng đem những thâm ý tốt đẹp của nước Việt Nam trình bày lên Hoàng Đế nhà Tống.

Qua bài thi này, chúng ta nhận thấy Sứ giả Lý Giác quả thật là một người theo Lão Giáo. Cho nên, Thiền sư Khuông Việt và Thiền sư Pháp Thuận lấy Phật Giáo của nhà Tiền Lê để kết thân với Lão Giáo của Sứ giả Lý Giác trong công việc xây dựng hòa bình giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Từ đó biên giới giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam không còn chiến tranh tái diễn nữa.

Cho nên năm 985, vua nhà Tống phong tước cho Đại Hành Hoàng Đế

chức "Kim Sứ Quang Lộc Đại Phu, Kiểm Hiệu Thái Úy An Nam Đô Hộ Tỉnh Hải Tiết Độ Sứ, Kinh Triệu Quân Khai Quốc Hầu".

Tháng 10 năm 986, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức "Kiểm Hiệu Thái Bào, An Nam Đô Hộ Sung Tỉnh Hải Quận Tiết Độ Sứ Giao Châu Quản Nội Quán Sát Xử Trí Đẳng Sứ, Phong Kinh Triệu Quân Hầu".

Năm 988, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức "Kiểm Hiệu Thái Úy Đô Hộ Bộ".

Năm 990, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức "Đặc Tiến" là chức quan được đặt ra từ nhà Hán. Theo sử liệu, chức "Đặc Tiến" này được các chư hầu, các vương, công, tướng quân... trong triều đình đều kính phục.

Năm 993, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức "Tĩnh Hải Quận Tiết Độ Sứ Giao Chỉ Quận Vương".

Năm 997, vua nhà Tống lại phong cho Đại Hành Hoàng Đế chức "Nam Bình Vương".

(Việt Sử Toàn Thư, trang 167-168 của Phạm Văn Sơn)

Còn bài thi của Sứ giả Lý Giác tặng cho Đại Hành Hoàng Đế để bộc lộ tâm tình của mình đối với triều đình nhà Tiền Lê. Tâm tình của Sứ giả Lý Giác gói gắm qua bài thi nói trên được thể hiện như sau:

*"Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.
Đông Đô lưỡng biệt tâm vuu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hữu.
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
Xa tử thanh chuồng phiếm trường
lưu.*

*Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn
chiếu,
Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu".*

Trần Thanh Mại dịch:

*"Mừng gặp thái bình giúp trí mầu,
Một thân hai lượt sứ Giao Châu.
Đông Đô đôi biệt se lòng khách,
Nam Việt nghìn trùng mỗi mắt
nhau.
Ngựa đạp khói mây băng đá hiểm
Xe bon rũng biếc vượt dòng sâu.
Ngoài trời còn có trời nên chiếu,
Sóng lặng khe đầm, rọi mảnh
thâu".*

Trong bài này, hai câu cuối "*Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu, Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu*" cho thấy,

Sứ giả Lý Giác rất ca ngợi triều đình nước ta. Sứ giả nói rằng, ngoài Hoàng Đế nhà Tống (Thiên ngoại) còn có Đại Hành Hoàng Đế là một Thiên Tử thứ hai (Hữu Thiên). Thiên Tử này thì rất anh minh, có uy tín với dân gian khắp nơi (Ứng viễn chiếu). Nhờ sự anh minh của Thiên Tử này, đất nước họ trở nên thanh bình thịnh trị (Khê đàm ba tĩnh) và nhân dân họ trở nên an cư lạc nghiệp (Kiến thiềm thu). Đó là những điều chứng minh cho tâm tình của Sứ giả Lý Giác đối với triều đình nhà Tiền Lê và cũng nhờ tâm tình này, hai quốc gia Việt Nam và Trung Quốc trở nên hòa bình thật sự.

Xét thấy, Thiền sư Pháp Thuận là một Quốc Sư của nhà Tiền Lê đóng vai quan trọng hơn cả trong việc hóa giải tai kiếp của vận nước lúc bấy giờ và Đại Hành Hoàng Đế cũng nhờ Thiền sư hỗ trợ hết mình mới nắm lấy được quyền bính từ trong tay của dòng họ nhà Đinh. Thế nên Đại Hành Hoàng Đế quý trọng Thiền sư trên hết, quý trọng đến nỗi không dám gọi tên và chỉ gọi Đỗ Pháp Sư mà thôi. Một hôm Đại Hành Hoàng Đế hỏi Thiền sư Pháp Thuận về cách trị nước an dân. Thiền sư liền trả lời bằng bốn câu thi năm chữ như sau:

*"Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vi cư điện các,
Xử xử tức đao binh".*

Dịch nghĩa:

*"Vận nước như dây quẩn,
Trời Nam mở thái bình.
Vô vi nơi cung điện,
Khắp chốn dứt đao binh".*

Đại ý bài này cho rằng, vận mệnh quốc gia quan hệ một cách chặt chẽ cũng giống như dây leo quấn quýt với nhau. Bởi sự quan hệ trên, chiến tranh ngoài biên cương phải có nguyên nhân tạo nên. Nguyên nhân chánh tạo nên chiến tranh ngoài biên cương không phải phát xuất từ nơi dân gian tạo phản và nguồn gốc khởi điểm cho cuộc tạo phản ngoài biên cương nói trên nhất định phải có người trong triều đình cầm đầu. Muốn chấm dứt chiến tranh ngoài biên cương, trước hết phải ổn định trật tự (Vô vi) nơi trong triều đình làm căn bản.

NHẬN XÉT :

Hai chữ **VÔ VI** trong bài thi năm chữ nói trên có một số người giải thích không chính xác cho lắm. Đầu tiên, Viện Văn Học của Ủy Ban Khoa Học

Xã Hội Việt Nam lại căn cứ nơi triết học của Lão Giáo để giải thích hai chữ VÔ VI của Phật Giáo. Họ cho rằng:

"VÔ VI: thuật ngữ trong Lão Tử, nhằm chỉ một thái độ sống thuận theo tự nhiên, không bị ràng buộc vào những khuôn phép, đạo đức nhân tạo".

Từ lý do này, họ giải thích hai chữ VÔ VI của Thiền sư Pháp Thuận như sau:

"<Đùng đường lối> vô vi ở nơi cung điện,

Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh".

Lối giải thích trên của Viện Văn Học, chúng ta nhận thấy thật là mập mờ, không nói lên được đường lối trị nước an dân theo ý hướng của Thiền sư Pháp Thuận. Đã vậy lối giải thích này lại còn gây ảnh hưởng không ít cho những kẻ thích sống theo chủ nghĩa tự do cá nhân, lối sống ra ngoài trật tự của tập thể cộng đồng. Những kẻ sống ngoài trật tự tập thể cộng đồng sẽ căn cứ theo lối giải thích trên tạo nên phương châm cho lối sống chủ nghĩa tự do cá nhân của họ.

Đúng hơn, hai chữ VÔ VI trong bài thi năm chữ của Thiền sư Pháp Thuận chính là danh từ triết học của Phật Giáo và nó không phải là danh từ triết học của Lão Giáo. Danh từ VÔ VI không phải dành riêng cho triết học của Lão Giáo và danh từ này cũng có trong triết học của Phật Giáo. Chẳng những thế, danh từ này là do Thiền sư Pháp Thuận, người của Phật Giáo sử dụng nhằm trình bày quan niệm trị nước an dân và nó không phải do người của Lão Giáo đặt để. Cho nên những kẻ bình giảng danh từ VÔ VI nếu như căn cứ theo triết học của Lão Giáo để giải thích thì hoàn toàn sai nguyên tắc và cũng sai nghĩa lý.

Hơn nữa hai chữ VÔ VI mà Thiền sư Pháp Thuận sử dụng là đứng trên lập trường chánh trị để bày tỏ và Thiền sư không phải đứng trên lập trường triết học để giải đáp. Chúng ta nếu như đứng trên lập trường triết học để giải thích hai chữ VÔ VI của Pháp Thuận thì cũng sai ý nghĩa.

Còn Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang cho VÔ VI của Thiền sư Pháp Thuận là Đạo Đức. Nguyễn Lang giải thích rằng: "Đạo đức ngụ cung điện, Muôn xứ hết đao binh". (*Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang, trang 146). Nguyễn Lang căn cứ nơi đạo đức để giải thích hai chữ VÔ VI thì cũng sai với lập trường chánh trị của Thiền sư Pháp Thuận. Đạo Đức là danh từ thuộc loại

trừu tượng, và danh từ này chỉ là một thứ luân lý tu thân. Danh từ Đạo Đức không phải là một sách lược trị nước an dân mà Đại Hành Hoàng Đế muốn biết. Nhưng ở đây, Đại Hành Hoàng Đế chỉ hỏi Thiền sư Pháp Thuận về cách trị nước an dân mà thôi. Lễ dĩ nhiên Thiền sư Pháp Thuận phải trả lời cách trị nước an dân và không phải trình bày cách đạo đức tu thân. Chúng ta hãy đọc lại bài thi trên thì sẽ thấy rõ quan niệm của Thiền sư. Toàn bộ bài thi năm chữ của Thiền sư Pháp Thuận không có chỗ nào nói lên tư tưởng đạo đức tu thân cả.

Không riêng gì Lão Giáo, Phật Giáo cũng có danh từ VÔ VI. Danh từ VÔ VI của Phật Giáo không giống danh từ VÔ VI của Lão Giáo. Tư tưởng triết học VÔ VI của Lão Giáo thì khác hơn tư tưởng triết học VÔ VI của Phật Giáo. VÔ VI theo Lão Giáo, là nguyên lý tự nhiên của trời đất. Nhưng nguyên lý đó như thế nào, từ đâu phát sanh và có bao nhiêu loại, không thấy Lão Giáo đề cập đến.

Ngược lại, tư tưởng VÔ VI của Phật Giáo thì sâu sắc hơn. Theo triết học của Phật Giáo, VÔ VI là nguyên lý trật tự của Tánh Không. VÔ VI có chia làm sáu loại nguyên lý trật tự : Hu Không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Diệt Vô Vi, Tuồng Thọ Diệt Vô Vi và Chân Như Vô Vi. Mỗi Vô Vi đều có nguyên lý trật tự riêng của nó và sáu nguyên lý trật tự này được gọi chung là Vô Vi. (Duy Thức Học của Thích Thiện Hoa, trang 76).

Theo Duy Thức Học, Pháp Vô Vi có sáu loại:

1/- Pháp Hu Không Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp thuộc hư không.

2/- Pháp Trạch Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp khi dùng trí tuệ vô lậu tuyển chọn để diệt trừ hết nhiễm ô.

3/- Pháp Phi Trạch Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp sau khi dứt hẳn nhiễm ô và lúc đó không cần đến sự tuyển chọn của trí tuệ vô lậu.

4/- Pháp Bất Động Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp đã lìa hẳn Tam Tai (Đao binh tai, Hòa tai, Thủy tai) và không còn bị chi phối bởi Thất Tình (Mừng, giận, yêu, ghét, buồn, ham muốn, ưa thích).

5/- Pháp Thọ Tuồng Diệt Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp đã dứt hẳn Tâm Sở Thọ và Tâm Sở Tuồng.

6/- Pháp Chân Như Vô Vi: nghĩa là nguyên lý trật tự của các pháp thuộc chân thật (Tánh Viên Thành Thật), không phải loại vọng sanh (Không phải do Biến Kế Sở Chấp sanh) và cũng không phải điên đảo sanh (Không phải do Y Tha Khởi sanh).

Như vậy, hai chữ VÔ VI của Pháp Thuận áp dụng trong bài thi năm chữ của Thiền sư chính là ý nghĩa "Nguyên lý trật tự của Tánh Không". Thiền sư Pháp Thuận trình bày: Trong Nội Các của triều đình (Cư Điện Các), nguyên lý trật tự (Vô Vi) được ổn định thì chiến tranh các nơi được chấm dứt (Vô vi cư điện các, xú xú tức đao binh).

Theo Thiền sư Pháp Thuận, chiến tranh các nơi sở dĩ nổi lên được là nguyên nhân có người trong Nội Các của triều đình cầm đầu và ủng hộ. Nếu không, trong dân gian thời bấy giờ không ai có can đảm làm những chuyện nguy hiểm đó, ngoại trừ nước ngoài xâm lấn bờ cõi. Đại Hành Hoàng Đế nếu lấy được nguyên lý trật tự, nghĩa là dập tắt được đầu não trong cung đình thì chiến tranh các nơi nhất định phải chấm dứt. Đó là sách lược trị nước an dân của Thiền sư Pháp Thuận mà Ngài trình bày lên Hoàng Đế và sách lược này được gói gọn trong bốn câu thi năm chữ (Ngũ ngôn).

Qua những sự kiện lịch sử và qua những tư tưởng ẩn chứa trong thi văn, chúng ta nhận thấy, Pháp Thuận là một trong những thiền sư đặc đạo. Ngài có trí tuệ tuyệt vời và đã sử dụng trí tuệ đó gỡ rối tất cả sự bế tắc của quốc gia trong triều đại nhà Tiền Lê, sự bế tắc từ nội loạn trong cung đình của cuối nhà Đinh và sự bế tắc từ ngoại xâm của Trung Quốc áp đảo. Tất cả sự bế tắc ở trên đều được khai thông một cách tốt đẹp qua sự ổn định nội bộ và qua sự ngoại giao giữa hai nước trên căn bản hòa bình. Điều đặc biệt là Thiền sư với trí tuệ sắc sảo, khéo sử dụng sách lược chánh trị của Đức Phật Thích Ca cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ đã dạy các vua chúa cách trị nước an dân của thời xa xưa để giúp cho Lê Đại Hành dựng nên đế nghiệp và đồng thời đưa thanh danh của dân tộc Việt Nam đi lên trong sự ngoại giao. Thiền sư Pháp Thuận thật là một quốc sư xứng đáng, chẳng những của triều đại nhà Tiền Lê và còn của cả dân tộc Việt Nam. Cho nên Đại Hành Hoàng Đế kính trọng Thiền sư đến nỗi không dám gọi tên, chỉ xưng hô là Đổ Pháp Sư mà thôi. •

HAI MƯƠI LĂM NĂM CHÙA VIÊN GIÁC



Sóng nước ao đầm chờ ngày Hoa Sen nở
Cắm vào bình tưởng nhớ ai đã gieo duyên.

Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ
Ngọn đèn dầu lóe sáng tựa ví một hành tinh
Một giấc mơ, mơ thật đẹp, bỗng hiện thành hình
Một mảnh đất xoay cột đỉnh, dựng Chùa Viên Giác.

Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ
Bao tấm lòng bố thí, góp của giúp công ơn
Bao bàn tay nối lại, xây thành lũy thành đồn
Có kẻ hoài nghi trở về nguồn, tìm nơi an ủi.

Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ
Chờ hôm nay viết đậm hai chữ Tri Ổn
Chữ Tri Ổn in sâu huyết mạch có nghĩa trường tồn
Cho thế hệ cháu chắt luôn tự hào hãnh diện.

Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ
Những mừng vui ý nghĩ chan chứa bao la
Trong tâm tử tuổi trẻ, nơi gương mặt ông bà
Trên tất cả, giữa đại gia đình Phật Tử.

Hai mươi lăm năm, một phần tư thế kỷ
Nhớ những ai ra đi nằm xuống, lấm bụi hy sinh
Nhớ những ai đóng góp hộ lực, gieo vãi ân tình
Nhớ những ai phụng sự quên mình vì Đạo Giáo.

Đã qua đi những thử thách, cuồng phong vũ bão
Mái Chùa này giữ vững, bảo đảm sức sống linh thiêng

Mái Chùa này che mưa nắng, rợp bóng mát của Thiền

Mái Chùa này là Đền thờ riêng của đoàn con Đức Phật.

Hai mươi lăm năm, đê nhất chu niên phần tư thế kỷ
Làm sao ghi hết mỗi biến cố đã đi qua
Chùa chủ trường mời gọi, đối thoại, giao hảo thuận hòa

Để hôm nay cùng nhau dâng lời tri ơn Cảm Tạ.

• Hà Đâu Đồng

道

Tôn giáo có nghĩa là gì ?

*Tôn Giáo vượt ngoài phạm vi nhân sinh biên giới
và trên mọi ngành khoa tâm triết lý.*

*Tôn Giáo là Đường đi hướng về Sự Thiện
Tôn Giáo nào cũng có những huyền bí, cao siêu,
màu nhiệm.*

*Và, những ai tin tưởng vào Đường đi sẽ dễ dàng
thực hiện những công đức, thu thập kết quả.*

Thượng Tọa Thích Như Điển

SH. Hà Đâu Đồng

上坐釋如典

師兄荷極桐

Chúc Mừng Sinh Nhật

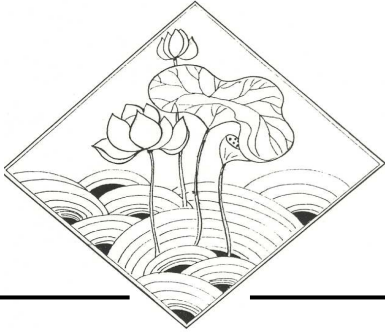
Thượng Tọa Thích Như Điển, 54 tuổi

49 đã qua 53 đã thoát
Ổn nhờ Trời Phật - Bồ Tát độ cho
Chuyện đời Thầy cũng chẳng lo
Thầy lo Phật sự, Thầy lo muôn người:
Làm sao sống ở trên đời.
Tu thân, tích đức muôn người chớ quên
Làm lành, làm thiện thì nên
Làm ác, thất đức hãy quên chẳng màng
Chẳng tham tiền của giàu sang
Dù nghèo cũng chẳng tham lam làm gì
Có giàu chết chẳng đem đi
Ăn ở nhân đức đời khi Niết Bàn
Chẳng cần chúc tụng quyền sang
Chỉ cần nhân đức thế gian để đời

✽

Con xin phát nguyện mấy lời
Quyết tâm học tập hưởng đời tu thân
Chúc Thầy vì đạo quên thân
Một lòng một dạ giúp dân đến cùng

• TRẦN ĐĂNG
xin kính dâng
(Đức quốc 2003)



TRỌN MỘT GIÁC MƠ

• THÍCH NHƯ ĐIỂN

Khi còn nhỏ, cha mẹ mong muốn cho con trưởng thành, ăn học thành tài để lập thân, lập chí và lập nguyện. Khi lớn lên vượt khỏi tầm tay dưỡng nuôi của cha mẹ, ta tung tăng vào đời bằng bì thủ ngã nhân, để lặn hụp trong chốn ba đào đầy trần sa phiền lụy ấy. Có kẻ thành công, có người thất bại, có người lên tướng, có kẻ trở nên giàu sang phú quý của tiền dư dật.

Có người ý chí thì nhiều; nhưng thành công lại chẳng có. Và chẳng như thân phận nàng Kiều đã ba chìm bảy nổi. Tuy có ý tốt bán mình để chuộc cha cho tròn chữ hiếu; nhưng với cuộc sống phù trầm này mấy ai dễ dãi để cho Kim-Kiều tái hợp một cách dễ dàng mà không mang theo những bi lụy ở sông Tiền Đường. Vì vậy truyện Kiều còn có một cái tên khác là: Tiếng kêu xé lòng.

Muốn là một việc mà kết quả là một việc khác nữa. Đó chẳng qua là những yếu tố trùng trùng duyên khởi của một kiếp nhân sinh bị chi phối và phải vay trả trả vay cho nhau mà thôi.

Khi sinh tôi ra chắc cha mẹ tôi không nghĩ rằng thằng bé ấy lúc lớn lên sẽ đi xuất gia đầu Phật và ngay cả trong thân tộc tôi cũng không nghĩ rằng trong một gia đình mà đã có đến 2 người đi xuất gia. Thế nhưng chỉ có thể hệ của tôi và Thầy Bảo Lạc. Còn thể hệ con cái và cháu chắt của anh chị tôi thì chưa có người nào xuất gia cả.

Trong làng tôi có đến hơn 50 người đi xuất gia và gần 50 năm sau, theo tôi được biết thì chỉ có độ 3 người hoàn tục và còn lại 47 người vẫn còn mang trên mình chiếc áo nâu sồng cũng như giữ tròn trai giới trong chốn thiền môn. Vì vậy có nhiều người nói: Làng tôi đã phát đức. Mà đúng vậy, có gia đình thì phát tài, có làng thì phát làm quan; nhưng ở đây gia đình tôi và làng tôi lại phát đức. Tôi tin điều ấy.

Người ta giàu có bao nhiêu đi chẳng nữa, đến một ngày nào đó cũng

phải túng thiếu và hết của. Do vậy mà tục ngữ Việt Nam nói rằng:

"Đâu có ai giàu ba họ

Và cũng chẳng có ai khó ba đời"

là vậy.

Cũng như trên một đoạn đường đi, có lúc bằng phẳng, có khi phải đi xuống dưới tuyệt vọng, hố sâu của tâm hồn và địa ngục của tâm thức. Vì lẽ: Sau cơn mưa trời lại sáng mà. Không có gì để phải hận đời và hận người cả. Chỉ tiếc cho mình là thiếu đức tu; nên không chuyển hóa được người khác và thế giới khổ đau này mà thôi.

Chỉ có cái đức và trí tuệ thì người ta mới có thể san sẻ cho kẻ khác mà vẫn không thiếu thốn, hao hụt gì cả. Vì lúc gạo đầy chum, ăn hoài ắt phải cạn; nhưng ánh sáng trí tuệ và đời sống đạo đức cứ lan truyền mãi từ đời này sang đời khác mà tựa hồ như chẳng mất mát một chút nào.

Tôi ngập chìm trong một làng có cái đức như thế và may mắn sinh vào một gia đình có cái đức được phát triển như vậy; nên mới có cơ hội đi xuất gia tu học cho đến ngày nay.

Tôi vào chùa với một tâm hồn trong trắng của tuổi 15. Tất cả đều xanh tươi, tất cả đều mới lạ. Ngôi chùa đối với tôi là cả một cánh giới thần tiên màu nhiệm. Tăng chúng, huynh đệ ở chung quanh tôi là một cộng đồng xã hội thu hẹp mà tôi luôn luôn nghĩ rằng mình được diễm phúc sống trong sự hòa hợp ấy. Vì lẽ cái vui của họ cũng là cái vui của mình và cái khó khăn của họ cũng là cái khó khăn của mình vậy. Bỗng một hôm tôi gặp phiền não tại chốn Già Lam, đã nhiều lần tìm cách trốn chạy thực tại; nhưng thời gian qua đã làm cho tâm thức tôi dụi dần với tiếng kinh, lời kệ và của tiếng Đại Hồng Chung. Lúc ấy thấy đời là một sự thay đổi. Tôi chấp nhận khó khăn, khổ ải để vươn lên với ý thức đơn côi của một kẻ lữ hành.

Tôi không nhìn đời bằng một cặp mắt màu xanh, mà cũng chẳng nhìn đời bằng cặp mắt nghi ngờ hay oán trách. Vì lẽ tôi biết cuộc đời vốn là thế.

Dở, hay, xinh đẹp, xấu xí, giàu có, nghèo nàn v.v... tất cả cũng chỉ là một tấn tuồng mà mỗi người phải cố gắng diễn cho xong cái vai trò mà mình đang đóng đó. Đời có gì phải bi lụy, có gì để hoan hô! Tất cả phải nhìn dưới con mắt như thị. Tuổi thanh niên tôi đã biết chấp nhận thế; nên đến tuổi trung niên và lão niên như bây giờ thì việc chấp nhận mọi sự hiện hữu trong thế gian này lại càng dễ dàng hơn nữa. Vì lẽ: Ai sinh ra trong cuộc đời này rồi cũng chết; chứ ai có thể sống mãi không già, không chết đâu ?

Khi sinh ra đời đứa bé chưa biết gì cả mà đã biết tham. Vì hai tay nắm lại. Rồi suốt trong một cuộc hành trình sinh tử ấy vào ra nơi chốn trần gian nào nhiệt này, người ta phải cố tranh phần thắng về mình. Cái tốt nhất là của mình; còn cái xấu phải là cái của thiên hạ. Rồi danh, lợi, tiền, tài, địa vị v.v... nhưng rồi một ngày nào đó tất phải ra đi thôi. Khi ấy dẫu có muốn nắm 2 tay lại nữa cũng chẳng được gì. Vì tử thần đã gõ cửa; nhưng mấy ai ý thức được điều này. Sự sống và sự chết ấy có thể xảy ra trong nháy mắt mà cũng có thể là 10 năm hay nhẫn đến trăm năm cũng thế thôi. Nếu con người không ý thức được sự vô thường giống như giấc mộng ấy thì sống càng lâu càng chẳng có ý nghĩa gì với cuộc đời này cả.

Hạnh phúc là những thứ mà người ta thường hay đi tìm; nhưng trên thực tế thì hạnh phúc không phải là những thứ người ta đang đi tìm, mà là những gì người ta đang có trong hiện tại. Nghĩa là anh đang có một người vợ rất đảm đang, nét na thùy my; nhưng vì sống lâu ngày, tình yêu ban đầu không còn đẹp nữa như xưa, do vậy anh có ý bỏ bê tình cũ, đi tìm tình mới. Do vậy mới có những đám ly dị và lúc ấy chỉ nói đến tiền tài, của cải, chứ không còn chữ yêu đương của tình nghĩa vợ chồng thuở ban đầu nữa. Và chẳng cái gì người ta thường có, người ta không hay trân quý; nên mới ra nông nổi ấy. Đồng nghĩa với việc này, người đàn bà cũng thế. Nếu sống trong hiện tại với một người chồng được cho là lý tưởng đi. Vì trước đây 5, 10 năm do mình chọn lựa để đi đến hôn nhân mà; nhưng sau bao nhiêu năm tháng sống chung, đã xảy ra nhiều cảnh trái ý nghịch lòng; cho nên thấy chồng của mình không đẹp hơn chồng của bạn, nên có ý đổi thay là vậy. Do thế mà tục ngữ Việt Nam có câu:

"Giàu đổi bạn, sang đổi vợ"

cũng đúng với lòng dạ của con người chẳng? Vì lẽ con người nào cũng chẳng bao giờ hài lòng với hiện tại. Trong Thiền gia có câu rằng: Quá khứ là những gì đã đi qua, tương lai thì chưa đến; chỉ có hiện tại mới là giờ phút tuyệt vời thôi! Đó là một câu thoại đầu rất tốt, dùng để quán nhân duyên, quán sanh diệt cho suốt cả một đoạn đường sanh tử cũng không bao giờ hết được. Vì lẽ người hay nuối tiếc quá khứ nên khổ tâm. Kê lo lắng cho tương lai; nhưng toàn là những điều không thực tế. Chỉ có những gì ta đang có trong tầm tay là điều hạnh phúc nhất. Nếu ai hiểu và thực hành được những lời dạy này; quả là kê có trí tuệ chứ không phải bạc vàng.

Vàng bạc, ngọc như ý, ngọc bảo châu, ngọc châu ma ni v.v... cũng chỉ là những thứ trần bảo của thế gian, chứ không phải của xuất thế gian. Vì những của quý này có lúc ta sẽ bị đánh mất đi, do thời gian và năm tháng đổi thay. Còn bát nhã, trí tuệ là những giá trị miên viễn của tinh thần, ta cho hoài vẫn không hết, ta sống ở thế giới này hay thế giới khác vẫn an nhiên tự tại như thường, không sợ ai xâm chiếm tài sản vô giá ấy của mình.

Mà trí tuệ ấy từ đâu có được? Có ai ban phát cho mình chẳng? hay phải khổ tâm luyện tập? Thật ra như kinh Viên Giác hay Đại Trí Độ Luận đã nói rằng: Chúng ta vốn từ trong vô thủy kiếp đã là những bậc giác ngộ; những người hiểu biết; nhưng mãi rong ruổi trong kiếp luân hồi, rồi bị vô minh ràng buộc; nổi trôi vào ra sanh tử; nên tánh giác ấy, trí tuệ ấy bị che khuất đi. Bây giờ chúng ta chỉ cần khơi dậy tâm tử, lòng dũng cảm, ý chí quyết định dẫn thân, chẳng chóng thì chầy cái trí ấy sẽ bùng bùng sống dậy. Ta cứ ngỡ là Bồ Tát hay Phật đã cho mình; nhưng không phải thế. Các Ngài chỉ là người dẫn lối soi sáng cho ta đi vào đời đầy thối. Còn chính ta mới là kẻ phải hạ thủ công phu kia mà.

Khi tôi đi xuất gia và được học Đời cũng như học Đạo và tự biết rằng đó là nhân duyên đưa đẩy đẩy thôi; chứ lúc ấy tôi nghĩ rằng: Đi tu rồi còn phải đi học làm gì nữa. Ý nghĩ ngông cuồng ấy bị Thầy tôi rầy rà. Tôi vâng lời Thầy và cũng không ngờ rằng nhờ sự vâng lời ấy mà ngày nay hàng hàng lớp lớp chữ nghĩa của ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia đang nép mình để tôi chọn lựa khi ngoại giao, lúc làm việc đạo, lúc tư duy hay khi chuyện vãng với mọi người. Từ miệng mình thốt ra những lời

dạy của Phật, hay ngôn ngữ, ý tứ, tác phong của lời nói v.v... tất cả là một sự tự nhiên, mà sự tự nhiên ấy có điều kiện. Đó là sự chăm học và hạ thủ công phu của mình. Thuở ấy tôi chẳng mơ mình thành gì cả. Chỉ biết rằng có học mà thôi. Tu là chuyện đương nhiên rồi. Vì lẽ trên mình của mình đang mặc chiếc áo tu sĩ mà.

Rồi tôi được xuất ngoại để đi du học tại Nhật Bản. Một đất nước mà trước đó tôi đã chẳng có một ý niệm rõ ràng nào. Mặc dầu Nhật Bản nằm không xa quê hương Việt Nam mấy. Tôi đến đó để học và tập, tu và luyện. Tôi ở chùa Nhật cũng như chùa Việt. Không phải là Milarepa, mà là một người Việt Nam thuần túy, đi vào những nơi thử thách hiểm nghèo. Nhiều lúc tôi nghĩ rằng có lẽ do nhân duyên nên vậy. Cho nên tôi thường hay chấp nhận hơn là thối chí. Mà cứ chấp nhận những trở ngại thì là lại có một sự thành tựu khác.

Cũng như thế đó khi tôi đặt chân xuống phi trường Hamburg vào ngày 22 tháng 4 năm 1977, tôi đã chẳng nghĩ rằng phải ở lại Đức cho đến ngày hôm nay. Ngày ấy nếu tính trở lui lại quá khứ đã hơn 25 năm rồi đó. Hai mươi lăm năm ấy tôi gọi là một giấc mộng. Cũng có thể lắm, giấc mộng này cũng khá dài. Cứ mỗi năm có 365 ngày. Con số ấy đem nhân cho 25 thì ta sẽ có 9.125 ngày. Nếu trong gần 10.000 ngày ấy, tức gần một phần ba của sự sống trong ba vạn sáu ngàn ngày thì ta có được gì ở trong cõi thế này. Nếu ta so với cuộc sống của chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Một ngày ở đó bằng 50 năm ở đây và một ngày ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên bằng 1.600 năm ở đây. Quả thật thời gian và không gian ấy không còn có thể đếm được nữa. Nếu ta chẳng biết làm gì trong một ngày ở cõi Tha Hóa Tự Tại hay 1.600 năm ở cõi thế đầy hư hư, ảo ảo này thì hóa ra chẳng có ý nghĩa gì cả sao?

Có lẽ rằng Phật, Bồ Tát đã bỏ xú tôi đến xứ Đức này. Đến đây để gặp gỡ mấy ngàn sinh viên Việt Nam hiện đang du học ở đây trước năm 1975 và cho đến bây giờ đã liên hệ với hơn 100.000 người không phân biệt tuổi tác, tôn giáo. Đó là một nhân duyên của trùng trùng duyên khởi và trùng trùng biến hiện vậy, mà nhân duyên cũng kể từ khi tôi sinh ra trong cõi đời cũng như lúc xuất gia học đạo, tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Tôi đâu có biết một cõi xa xăm như thế để mà ở, mà

đi, mà về đâu. Tôi cũng đã tự chọn lựa cho mình một cái tốt hơn, mà tất cả chỉ là nhân duyên và nghiệp lực. Tôi vẫn còn là một chúng sanh; nên vẫn còn những nghiệp chướng, phiền não; nhưng tôi sẽ đứng trên và thoát ra những đối đãi thị phi ấy để tôi nhìn rõ được bộ mặt thật của cuộc đời này. Phải đánh giá nó, chấp nhận nó hay than vãn, ni non để rồi trốn chạy nó chẳng?

Lá số tử vi của tôi do một ông cụ tại Canada chấm. Trong ấy có mấy điều tôi tâm đắc nhất: Mệnh vô chánh diệu; nghĩa là không có một ngôi sao nào chính chiếu mệnh cả; nhưng lại tốt với một người tu. Vì được tam không. Đó là: Địa không, tuần không và triệt không. Ba cái không này nó cũng ứng với cái không của nhà Phật. Vì tất cả những gì có hình tướng trên thế gian này, cuối cùng rồi cũng trở về không. Đã hiểu thế, thì "ai dư nước mắt để khóc người đời xưa" đâu. Nhưng mấy ai hiểu rõ được ngọn ngành của lẽ thường biến hóa trong Kinh Dịch này.

Người ta thì thân cư phụ mẫu, thân cư thế v.v... Còn tôi thì thân cư phúc đức và điền trạch mà cung này lại nằm tại cung Ngọ; quả là cung tốt. Vì đang có một mặt trời chiếu sáng giữa trưa. Cho nên tôi đi đâu và ở đâu thì cũng có chùa, có đệ tử. Bên trái, bên phải gì cũng có người lo hộ trì, gánh vác cho mình. Quả là phúc đức vậy. Người ta giàu tiền bạc; nhưng tôi thì giàu cái không và phúc đức. Quả đúng như những gì tôi đã phân tích. Cho nên tôi trông bao nhiêu người cũng được. Người nào khó dạy đến đâu, qua tay uốn nắn của tôi, kê ấy sẽ xử dụng được; nhưng một điều gần như húy kỵ là tôi không trồng cây được. Chẳng biết tại sao. Có lẽ tôi mạng hỏa nên khác với cây chẳng? Tôi vẫn thương cây cối; nhưng nếu có ai đó cho tôi một cây thật tốt để chung trong phòng thì chừng hai ngày sau là lá đi một nơi, cành đi một ngó. Còn nếu tôi có trồng cây ngoài vườn thì chỉ ra lá chứ chẳng bao giờ ra hoa. Do vậy không bao giờ có trái. Tôi chưa là Tiến Sĩ; nhưng học trò, đệ tử của tôi là những Tiến Sĩ sắp hàng dài dài ở phía sau mình để đi vào Đạo và Đời trong tương lai. Vậy tôi là gì? Thật ra tôi chẳng là gì cả. Hiểu như vậy mới thấy nhân duyên và từ đây mới trân quý phúc đức. Hãy đừng coi trọng tiền bạc hơn sự học hành. Vì giáo dục bao giờ cũng là con đường nhân bản, nó giúp ta thăng tiến được niềm tin, sự sống và mở cánh cửa đi

vào sự giải thoát được. Do vậy tôi thường hay giảng và kết luận rằng: Sự học nó không làm cho ta giải thoát được; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia mà thiếu sự tu và sự học là không được rồi. Đó là quan điểm của tôi. Còn người khác có lẽ có cách nhìn không giống tôi. Dĩ nhiên tôi phải tôn trọng ý kiến của kẻ khác, chứ không phải nghĩ rằng lúc nào ý kiến của mình cũng đúng cả.

Xã hội Nhật vào năm 1972, ai ai cũng phải tốt nghiệp Tú Tài mới có công ăn việc làm. Duy chỉ có ông Thủ Tướng Tanaka là chưa có bằng Tiểu Học và hôm nay đây ở vào thế kỷ 21 này vào năm 2003 tại xứ Đức tôi đang ở, có không biết bao nhiêu là nhà Bác học, Tiến sĩ, Thạc sĩ v.v... nhưng ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Fischer của Đức hình như chưa tốt nghiệp Đại Học. Nghe đâu sẽ còn được các đồng nghiệp bầu ông làm Bộ Trưởng Ngoại Giao của Cộng Đồng Âu Châu nữa kia, chứ không phải chỉ riêng của nước Đức. Ở Việt Nam ta cũng thế. Trong khi nhiều giáo sư Đại Học phải có bằng Tiến sĩ mới dạy được; chỉ riêng có Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ của chúng ta hình như chưa tốt nghiệp Tú Tài II, mà là một giáo sư, một học giả nổi tiếng khắp năm châu bốn bể thì sao ? Do đó quan niệm của tôi ở bên trên, nó cũng chỉ có tính cách tương đối mà thôi.

Tôi không định đến xứ Đức đây để xây chùa, không định nhận đệ tử xuất gia cũng như tại gia, không định làm Thầy giảng đạo và cũng không định có quan hệ ngoại giao cả mấy chục nước trên thế giới như ngày hôm nay và ngay cả việc chẳng định làm báo Viên Giác. Ấy thế mà những điều không dự định ấy đã trở thành khẳng định và bây giờ cũng như mai hậu những thứ ấy sẽ trở thành giả định. Vì tất cả đều phải bị chi phối bởi luật vô thường, thành, trụ, hoại, không.

Ngôi chùa Viên Giác này từ chỗ không mà có, rồi mai đây cũng từ chỗ có sẽ trở thành không. Tất cả là của chung; nhưng của chung ấy nó sẽ biến đổi theo sự thành tựu và hủy hoại của quả đất này. Đi vận động thành lập chùa từ thuở không có một đồng nào. Bây giờ sau khi xây dựng xong, giá trị của nó là 9 triệu Đức Mã thuở xưa; hay 5 triệu rưỡi đô-la Mỹ thuở ấy và độ 4 triệu rưỡi Euro bây giờ. Trước mặt chúng ta là một phạm vũ huy hoàng đó; nhưng nó sẽ tồn tại được bao lâu thì chẳng ai biết được. Thế mà tôi đã là

một phần tử chính trong kiến trúc này đó. Khi ngôi chùa xây xong tôi cũng nghĩ rằng đấy chỉ là một giấc mộng.

Tôi cũng đã chẳng nghĩ rằng mình làm được Thầy của nhiều người khác. Vì lẽ tôi ăn nói vẫn còn vụng về. Thế mà đã có nhiều người theo tôi học đạo và còn xin làm đệ tử nữa. Nhiều khi tôi xấu hổ. Vì lẽ mình không xứng đáng là một ông Thầy. Nhưng âu đó cũng là nhân duyên Thầy trò, sư đệ mà thôi.

Viết văn, viết sách cũng thế. Có người đọc sách tôi bảo rằng văn viết hay; nhưng đồng thời cũng có nhiều người không nói ra và chê là câu văn nhà quê, dở quá. Nội dung, bố cục lượm lặt v.v... Cũng như thế ấy, có một hôm tôi đi dự đám tang của Hòa Thượng Thích Trung Quán, Viện chủ chùa Hoa Nghiêm ở Paris vừa mới viên tịch. Có một Thầy cả hơn 10 năm rồi chưa gặp lại tôi, sau khi chào hỏi và bảo rằng trông Thầy già hơn xưa quá nhỉ ! Tôi đáp lại bằng cái nhòen miệng cười và tiếp rằng đã 54 tuổi rồi còn gì nữa. Tóc đã bạc gần hết rồi. Độ 10 phút sau có một Thầy khác sống ở Paris cũng gặp tôi nơi phòng khách của chùa Hoa Nghiêm bảo rằng Thầy trẻ quá nhỉ ! Tôi chỉ cười và tự nhiên thấy có hơi không thực tướng. Không biết có phải là mình đây chẳng ? hay là một Như Điển nào khác thì cũng chỉ là một giả danh thôi mà. Mới 10 phút trước có kẻ chê mình già và 10 phút sau có người bảo mình trẻ. Vậy thì mình nên trẻ hay già theo cảm nhận của đối phương, hay trở về sống thực tế với con người của mình để mình tự liễu tri về cuộc đời sắc sắc không không này vậy !

Làm Chủ nhiệm báo Viên Giác suốt 25 năm qua cũng thế. Lúc nào tôi cũng phải viết Thư Tòa Soạn và trong 25 năm ấy chỉ riêng Thư Tòa Soạn không đã in thành một cuốn sách rồi. Nhiều khi bận việc muốn nhờ người khác trong Ban Biên Tập viết; nhưng ai cũng thói thác bảo rằng: Thư Tòa Soạn khó viết. Vì nó ngắn, chỉ có một trang mà phải viết nhiều sự kiện khác nhau xảy ra trong một lần. Do vậy nhiều người không thích viết. Vậy nên tôi phải viết; nhưng có bao giờ tôi học làm báo là gì đâu mà bây giờ phải làm Chủ nhiệm một tờ báo đã sống đến 25 tuổi vậy ? Tôi không tài, không giỏi, không là gì hết. Do vậy tôi để cho nó đến, rồi cũng để cho nó đi. Cho nên bắt đầu từ năm này. Năm 2003 là một năm có ý nghĩa sau 25 năm đã làm việc, lẫn lộn với gió sương, chống chèo

với bao thủ thách từ bên trong ra, lẫn bên ngoài đến. Tôi tập buông bỏ từ từ, để rồi sẽ đi đến chỗ buông bỏ tất cả như trạng thái của người buông xuôi 2 tay khi trở về với thiên nhiên, cát bụi; với đất trời vạn vật thể thoi. Bỏ lại sau lưng tất cả những khen chê, hờn giận, được mất, hơn thua. Sẽ vẫy tay chào với mọi người thân quen như một người đi xa và khó có ngày trở lại. Tôi cũng đã một lần vẫy tay như thế vào ngày 22 tháng 2 năm 1972 tại phi trường Tân Sơn Nhất và cái vẫy tay ấy mãi cho đến bây giờ sau hơn 30 năm chưa tìm ra được một ý nghĩa đích thực của nó. Nó là gì ? nó là ai? nó từ đâu đến ? và tại sao ta phải lưu lạc ở xứ này ?

Đúng ra thì cuộc sống của tôi có nhiều niềm vui hơn nỗi buồn. Vì tôi cười nhiều hơn và hình như chưa khóc một lần nào vì bị thất bại. Chỉ duy nhất có lần khi mất mẹ năm 1966 và động lòng trắc ẩn khi hay tin thân phụ lìa đời tại quê nhà vào năm 1986. Chỉ thế thôi! và có vài lần khóc nữa khi động tâm lúc đến dưới cội Bồ Đề, nơi Đức Phật Thành Đạo và nơi Đức Phật nhập Niết Bàn. Có lẽ tôi không có nhiều thì giờ để buồn, để lo, để hoài niệm hay để khóc thương một cái gì đó của dĩ vãng, mà lúc nào tôi cũng bận rộn; không tụng kinh, ngồi thiền thì cũng dạy chúng. Không đọc sách thì cũng xem báo. Không đi ra vườn thì cũng để mắt xem công việc làm của những người đang làm công quả tại chùa. Suốt ngày, suốt tháng, suốt năm chỉ có trách nhiệm và bổn phận; nhưng bỗng chốc rồi ta cũng sẽ là ta khi chính mình đối diện với mình và phải dọn cho mình một lối đi khi mình còn tinh táo và sáng suốt. Có lẽ tôi đã trọn một giấc mơ. Giấc mơ ấy đã giúp cho chính mình tôi và mọi người lên được thuyền Bát Nhã. Khi qua bên kia bờ rồi thì mới thấy ra chiếc thuyền ấy cũng chỉ là phương tiện để đưa hành giả sang sông thôi. Đâu có gì để luyện tiếc.

Nhiều người Phật Tử bảo rằng tôi xử sự trong hiện tại giống như Phật Giáo thời Trần. Tôi không là người của 700 năm về trước nên tôi không sáng rõ. Tuy nhiên nhìn sách sử thì tôi biết được rằng: Vua Trần Thái Tông vì chán ngán cảnh cung cấm để vương mà băng ngàn lợi suối vào núi Yên Tử để gặp Quốc sư Phù Vân để hỏi đạo và có ý tu niệm tại đó; nhưng quân sư Trần Thủ Độ và triều đình không muốn; cho nên nhà vua mới về lại với triều đình và suốt mấy mươi năm còn lại của đời Ngài ngày trị nước chốn

dân, tối chong đèn tụng kinh, ngồi thiền và ăn chay niệm Phật. Đó là một bậc quân vương không như bao bậc quân vương khác.

Rồi Trần Nhân Tông lên ngôi năm 1279 cho đến năm 1293 gần 14 năm ở ngôi vua và mấy lần dẹp giặc Nguyên Mông thành công tuyệt thế, qua Hội Nghị Diên Hồng và nhà vua chính thức nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông năm 1294 để năm 1297 nhà vua chính thức xuất gia. Sau khi xuất gia rồi vua vẫn còn ảnh hưởng với dân chúng. Mặc dầu chỉ có danh xưng là Điều Ngự Giác Hoàng. Tuy không còn làm vua; nhưng Giác Hoàng đã chống gậy về phương Nam, đem gả Huyền Trân Công Chúa cho vua nhà Ché, để đổi lấy 2 Châu Ô và Châu Lý. Sử viết rằng khi Anh Tôn lên ngôi, Anh Tông cũng có vị thế của mình; nên khi quân sĩ bắt được giặc đem giao cho Nhân Tông thì Anh Tông không trọng thường mà còn có ý trách rằng tại sao quân sĩ không giao cho mình... Đó là chuyện đời xưa. Còn đời nay là chuyện Thầy trò, đệ tử. Bây giờ thì tôi phải đứng sang một bên và nhường bước tiến cho thế hệ đi sau. Do vậy tôi tự động thoái lui chỉ để làm cố vấn. Đệ tử tôi phải có đệ tử và tôi lại lên chức Sư Ông, sống với tư cách là một Phương Trượng của ngôi Tổ Đình Viên Giác này vẫn có ý nghĩa hơn là lúc nào cũng bám víu ở ngôi vị trụ trì, Vì tất cả cũng chỉ là mộng chứ đâu có thật tướng mà cứ mãi đua chen.

Tôi tự bỏ mọi thứ để trở về với bản lai diện mục của mình, để cho mọi người ý thức rằng mình không bỏ nó thì sớm muộn gì nó cũng bỏ mình. Có ai luôn luôn làm chủ được tất cả mọi thứ biến đổi trên thế gian này đâu. Có cái tâm mà không làm chủ được thì lo gì đi làm chủ thiên hạ. Một Napoléon Đại Đế của nước Pháp bây giờ còn lại gì ? Một chế độ độc tài của Hitler mãi cho đến bây giờ thế giới và nhân dân Đức vẫn còn kinh sợ. Đời là thế đó! Còn Đạo phải khác đi chứ. Nếu cũng như thế thì còn gì là đạo đức, là luân lý, là trí tuệ, mà vốn dĩ những thứ này đang sẵn có trong cuộc đời; nhưng vì bị chôn vùi, bị che lấp bởi vô minh phiền não đầy thôi.

Tôi đến xứ Đức này cũng như một giấc mộng, tôi làm việc trong 25 năm qua cũng chỉ là một giấc mộng mà thôi và bây giờ đây hay mai hậu tôi không còn ở lại với đời này cũng chỉ là một giấc mộng và giấc mộng ấy đối với tôi đã tròn lành. Tuy có thay đổi đấy; nhưng là một hình ảnh đẹp của 25

Mừng Viên Giác 25 tuổi



*Viên Giác ơi! Tôi đến với người
Tôi nay đã chín năm rồi thân thương
Cách xa biết mấy chặng đường
Làm sao tôi cứ vấn vương trong lòng ?
Nam mô Trời Phật trên không
Ra tay độ thế đem lòng cứu tôi
Thầy thương, bạn mến lâu rồi
Lại thêm tờ báo đưa tôi đến chùa.
Cũng như gặp chuyến đò đưa
Cũng như nắng hạn gặp mưa rất mừng
Lòng tôi xao xuyến từng búng
Biết ơn công đức đã từng cứu mang
Hôm nay Viên Giác hân hoan
Hai năm năm ấy bước sang trưởng thành
Đồng thời là buổi vinh danh
Cùng nhau ôn nhớ sinh thành đến nay
Nhiều người công sức góp tay
Để cho có được ngày nay huy hoàng
Công Thầy đáng giá ngàn vàng
Muốn người nhớ mãi lòng càng kính yêu
Tiện đây tôi có đôi điều
Chúc mừng Phật tử càng nhiều càng đông
Cùng nhau dốc sức dốc lòng *
Dựng xây Viên Giác đẹp trong lẫn ngoài **

Tháng 4 năm 2003
Đạo Hữu TRẦN ĐĂNG

(*) Hai câu này dùng nghĩa bóng
chỉ Chùa và Báo Viên Giác

năm trong cuộc sống thế trần tại một quê hương đất nước tạm dung như thế này.

Mong rằng một mai đây ở một nơi chốn xa xăm nào đó ta có cơ hội lại nhắc cho nhau nhớ một đoạn đường của một kiếp nhân sinh trong nẻo luân hồi này rằng chúng ta đã hội ngộ nơi đây và những ân nghĩa nghìn trùng ấy

dẫn cho chúng ta có thành Phật, thành Bồ Tát đi chăng nữa thì vẫn là một chất liệu dưỡng sinh khi còn hô hấp ở chốn Ta Bà này.

Viết xong vào ngày 20 tháng 5 năm 2003 tại thư phòng chùa Viên Giác nhân ngày húy kỵ của Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu năm thứ 40.

25 năm qua

Phong-Hùng Lưu-Nhơn-Nghĩa



Cuối tháng 2.2003, điện thoại cho anh Chủ Bút Phù Vân mời anh qua Úc chơi cuối năm. Câu chuyện nhùng nhằng đưa đẩy đến báo Viên Giác, lần nào điện thoại anh cũng nhắc tới báo, xem đó là một phần sự nghiệp anh. Anh nhân tiện nhắc tôi viết vài hàng kỷ niệm thời gặp gỡ ở chùa, thời xa xưa rồi. Anh đâu có biết tôi bị căng thẳng thần kinh hàng ngày ở chỗ làm, lại căn dặn gửi bài trước tháng 5. Tôi ngại viết những kỷ niệm vụn vặt cá nhân, bạn bè thân đọc thì được, chỉ sợ độc giả bực mình. Anh căn dặn thì tôi tuân hành, nhưng độc giả than phiền thì anh Chủ Bút chịu trách nhiệm.

Tôi đang ngồi trong lớp, vừa nhỏ nhẹ khuyên, vừa van xin thẳng quỹ mập để cho lớp yên, đừng lấy hồ dán bôi trên bàn, người lao công quét dọn than phiền. Cái đồng hồ trên tường đi quá chậm, cây kim đồng hồ nhìn hoài không thấy nhích. Tôi đếm từng phút để thoát, còn 25 phút nữa, 25 phút đó chậm hơn 25 năm qua.

Tôi bắt đầu đến Đức lần lóc sống từ tháng 1 năm 1981 đến cuối năm 1988. Tám năm đó với những kỷ niệm, kinh nghiệm bình thường như mọi người. Nhớ tới nước Đức, còn thấy ghê ghê! Nếu không cương quyết qua Úc, nấn ná ở lại thêm vài năm, chắc giờ này có nước ăn mày với điều kiện sức khỏe hiện thời và hăng của nơi tôi làm đã phá sản.

Gần 8 năm ở Đức, tôi chôn cuộc đời suốt tuần ở trong häng của nơi làng nhỏ, phương tiện chuyên chở công cộng rất giới hạn, tiếp xúc bên ngoài nhờ tờ báo Bild của đồng nghiệp bỏ lại

và tờ Newsweek, quên nhắc cái TV xem túc cầu. Hồi nào thênh thang ở cư xá sinh viên rộng rãi, tự do, hàng ngày ở giảng đường, tối đi thư viện, cuối tuần kéo nhau vào Pub uống bia, Party nhây nhót, bây giờ bó gối bực dọc trong xóm hẻo lánh, chung quanh là máy cửa, gỗ sục.

Có người quen cho tôi mượn cuốn Đặc san Viên Giác năm 1982, cuốn báo in khổ nhỏ, chữ đánh máy thô sơ (mãi đến năm 1987 còn bỏ dấu bằng tay, lúc đến chùa, tôi làm tài khôn bỏ dấu, bị chị Nga la như lửa cháy nhà). Đọc thấy mục "Nhấn Tin", tôi gửi thư nhờ chùa nhấn tìm thân nhân, bạn học cũ, đồng hương, bạn trong quân ngũ xưa, cả mẩy tháng chờ đợi mà không nhận được bức thư nào cả, nhưng bù lại, được chùa tặng báo đọc thường xuyên.

Năm 1983, tôi đến tỉnh Pforzheim gặp Thầy Như Điển ghé thăm tỉnh và mang theo tài liệu đồ án kiến trúc vận động xây chùa Viên Giác. Lần đầu tiên, thay vì chấp tay chào, tôi bị thu hút đến ôm Thầy và nhận được cái cảm giác ấm áp. Tôi cảm tưởng đó là vị Sư người Nhật. Chiếc áo cà-sa tòa rộng như giải lụa hoàng kim che chở, tôi không thấy gì ngoài màu vàng, cái cảm giác riêng đó dâng lên không biết lý do, và tôi không đủ khả năng diễn đạt thêm bớt hơn được. Trước đó, tôi có gửi một bài viết về thầy "Anurudha", vị sư người Đức có ở Việt Nam rất lâu. Thầy Như Điển nhắc tôi viết bài cho báo Viên Giác.

Vu Lan năm sau, tôi đi xe lửa đến chùa Viên Giác lần đầu, lúc đó còn là kho hàng cũ. Đến chùa đã hai giờ sáng, lát đặc cũng có người đến muộn như tôi, đi từ đêm thứ sáu. Văn phòng chùa vẫn còn mở cửa, có một anh thanh niên trẻ đang trải bàn đồ trên bàn vừa trả lời điện thoại cho khách tìm đến chùa. Bên ngoài là căn lều vải, có sẵn những thùng cơm và thức ăn còn nóng. Dĩa cơm với đậu hũ xào rau đậu tôi phải khen ngon, thời đó chưa có nhiều đậu hũ như ngày nay. Sáu bảy năm xa Việt Nam, đó là lần đầu tiên ăn đậu hũ. Ngày nay kỹ nghệ làm đậu hũ lan tràn, có cả đậu hũ "cá trê chiên", "heo quay" ... Dĩa cơm chay đầu tiên ở Đức tôi đã ăn và thường thức trọn vẹn, ăn xong tự động chui vào gầm bàn chùa ngủ, chánh điện cũng đông chật người. Những dịp lên chùa, tôi chưa được gặp riêng Thầy lần nào, chỉ khi gần sáng, nghe Thầy tụng

kinh công phu sớm vang vang, tiếng Thầy trầm trầm nhưng vang rất xa, dù lúc đó tôi còn nằm *nuống* ngủ mê mệt. Có lần, thấy mặt tôi hốc hác, Thầy bảo tôi vào tụng kinh cho nhẹ bớt, tôi nghe theo và đã có kết quả. Các lần khác ham vui, lên chùa cốt có cơ hội tìm người quen cũ và làm quen thêm. Điều này tôi mãn nguyện. Gặp một người bạn gốc Văn Khoa, kể lể tác phẩm "Vũ Trung Tuy Bút" (Chúa Trịnh Sâm sai bọn hoạn quan thu hết *trần cầm dị thú* trong dân gian mang vào phủ chúa làm khổ dân. Nửa đêm thanh vắng có tiếng chim kêu vượn hú nghe ồn ào như mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn..., diêm gở cho họ Trịnh).

Gặp lại thầy Phạm Ngọc Đảnh, tôi học với thầy tại Goethe Institut ở Sài Gòn năm xưa, mặt thầy môi mệt, hỏi thêm mới biết lão Dr. Hol, thầy tôi, nói chuyện nhiều hơn dạy, lúc đó ông đang làm ở Tòa Đại Sứ tại Tunisie.

Khách thập phương đông nên chùa phải mượn Jugendzentrum nhờ có bếp nấu nướng và có chỗ ngủ rộng rãi. Tôi nhớ mấy năm liền, cứ nửa đêm là có tiếng chửi bới của một anh thanh niên về việc phát mền, người anh nục mùi rượu. Bên ngoài có tiếng chiếc xe bán đồ nhậu cung cấp. Anh chửi lâu quá, anh em phát mền ngồi yên không phản ứng. Những người trung niên đều ngồi dậy, không ai buồn ngăn cản, chỉ quây quần bắt đầu "nổ" dù chưa quen lần nào.

Câu chuyện vượt biên gian truân, cộng sản, cải tạo, lúc đó còn nóng bỏng. Một ông gốc Hamburg, kể đầu đuôi gốc ngọn, nói đi nói lại, nói tái nói hời. Ông bị bắt đi họp Phường Khóm ban đêm, chẳng những không bực bội mà lấy đó làm thích. Ông lợi dụng sau buổi họp, trên đường về khuya "kéo một điều thật đã". Ông lấy ngón tay trỏ đưa lên môi, giữa đầu, đưa ngón tay ra xa diễn tả khói bay, lim dim đôi mắt, "Su... ướng lấm anh ơi", rồi bắt chợt anh mở mắt nghiêm giọng, quả quyết, "Trời ơi! con vợ tôi nó làm dữ lắm, tôi mới bỏ nghe anh".

Mấy năm sau này, thấy báo đăng tin phân ưu, anh đã đi, chị nhà anh chắc thôi không còn làm dữ với anh nữa.

Sáng thứ bảy, đến ghi danh mua phiếu cơm, khi khai tên, chị Tịnh Thông Lê Thị Thanh (sau này tôi mới biết tên) kêu lên: "Anh là..... à! Viết hay quá". Cám ơn lời khen nhiều khuyến khích (tôi thích nhiều tiền hơn lời khen

khuyến khích). Vợ chồng chị qua Úc trước sau tôi một tháng, ở cùng tỉnh, gần nhà, cũng cực khổ lúc ban đầu khi mới định cư như bất cứ ai. Ai hỏi bọn tôi sao quen nhau, trả lời "Gốc ở chùa Viên Giác bên Đức".

Một buổi trưa chủ nhật, chánh điện đông chen không lọt, tôi đứng lơ ngơ bên bàn sách báo, chợt có một thiếu phụ nhìn tôi ngại ngùng hỏi, có phải tôi tên đó không. "Dạ phải". Mừng vô cùng, xú lạ gặp người quen gốc Củ Chi, hỏi thăm không ngừng mới biết tình hình bạn bè ở Củ Chi, ai còn ai mất, ai gian ai ngay. Từ đó về sau, vợ chồng chị giúp đỡ tôi nhiều lần, kể sao cho hết.

Quen Ngô Ngọc Diệp năm nào không nhớ, lúc đó anh đang là cánh tay mặt của Thầy. Anh ốm gầy, hút thuốc nhiều quá. Tôi mua được cây thuốc Pall Mall duty free ở Berlin, tặng anh một gói, đèn công tiếng để nỉ non, căn dặn từng tiếng rành rẽ, "Tặng anh gói thuốc, nhưng tôi không khuyến khích anh hút thuốc nghe, hút thuốc có hại cho sức khỏe, câu đó ghi trên bao thuốc anh đọc đó, nhớ chứ?".

Sáng hôm sau, thấy bao thuốc bẹp nát nằm trong giỏ rác dưới bàn, trên bàn, đĩa gạt tàn đầy tro và những khúc đầu lọc. Còn dư 6 gói, tôi nhứt định không tặng thêm như dự định, để riêng tôi nhận cái nghiệp khó. Ngày nay, đề phòng lên máu, tôi đã bỏ cà-phê, thuốc lá, rượu, chỉ uống rượu khi tiệc tùng, đám cưới, hút thuốc hiệu OPS (other people'S, thuốc người khác hút miễn phí), lấy gạo nâu, khổ qua, rau đậu, đậu hủ làm chuẩn cho buổi cơm chiều.

Bác năm Ngô Văn Phát, hiền hòa, trầm tĩnh, có tài tổ chức tổng quát, một trouble shooter, mỗi lần có khó khăn là bác có mặt giải quyết. Hôm gặp tôi tiếp làm trong bếp, rồi tôi lặn luôn. Hôm sau bác tìm tôi mãi không gặp, bất chợt thấy tôi đang oang oang nói với anh chàng Rainer Wiebrock (năm nào anh cũng tới chùa tìm tôi để nói về cách giới thiệu Phật Giáo vào Văn hóa Tây phương. Sau anh qua Thái Lan làm việc vẫn còn liên lạc). Bác đang chạy đôn đáo, thấy tôi tà tà, "Ừa, hôm qua nay ở đâu? Déserteur! Đào ngũ".

Lần lễ Vu Lan khác, sau 3 tuần giảng hồ ở Scandinavia về ghé chùa gặp ngay bác đang lúi húi làm việc gì đó, ngược nhìn thấy tôi với bộ áo quần ẩm mồ hôi bụi bặm (mùi hương trong

người tôi toát ra như anh Gypsy 3 tuần chưa đụng tới nước) bác chỉ vô phòng tắm nói: "Đi tắm! Đi tắm!". Dạ, thì đi tắm, buồn ngủ gặp chiếu manh. Lúc bước ra khỏi phòng tắm, bác ngạc nhiên hỏi: "Ừa, sao không thay áo quần?". (Tôi có một bộ duy nhứt lấy gì thay đổi).

Nhớ bác Quang Kính xưa, vui tính, trực tính, phụ trách trật tự với còi đeo trước ngực. Trong chùa thì dễ, việc trật tự bác sắp xếp dễ dàng, nhưng bác không làm gì được mấy chiếc xe bán Wurst và đồ nhậu bên ngoài cổng chùa. Có mặt thì có ruồi, ruồi đuổi không bay. Bác đi rồi, tiếng còi trật tự xưa còn văng vẳng trong chùa.

Bác Ba (sau là Sư cô Diệu Niên) rất cẩn thận từng li từng tí, cái ly cái tách, cái nồi cái chảo phải để đúng chỗ cho bác. Gặp ngày lễ, khách đông, mạnh ai nấy lấy dùng rồi bỏ ngổn ngang, bác lo quá, sinh gắt gỏng. Bếp chùa lúc đó rất chật hẹp, đồ đạc chòng chát vô trật tự sau khi nấu nướng, như kho hàng, bác gắt gỏng cũng đúng, mỗi lần tìm món cần dùng rất mất thời giờ.

Đêm có hát cải lương, tình cờ vô bếp thấy một bác đang luống cuống trước một "núi" chén đĩa, nôi niêu, soong chảo, dầu mỡ nằm chòng chát trên sàn nhà, trên bàn, trên kệ, trong bồn rửa chén, chưa kể những nôi canh cháy khét, nước nhầy nhựa, những tấm giẻ ướt nhờn nhớt... Bác ở xa tới, đi chùa lễ Phật, công quả kiếm phước, nhưng cũng nôn nóng muốn xem cải lương, mà lỡ bị cất đặt rửa chén. Gần tới giờ hát mà bác còn lúng túng trong bếp chùa. Tay bác lạnh và run rẩy, yếu đuối tuổi già. Tôi rất cảm thông và cũng không thích thú coi cải lương, nên khuyên bác đi coi cải lương, để việc dọn rửa cho tôi lo liệu, bác ngạc nhiên mừng rỡ, hỏi đi hỏi lại mấy lần, sợ tôi không cang đáng nổi bỏ ngang thì bị bác Ba rầy. Tôi tả xung hữu đột chừng vài giờ là xong, sạch sẽ luôn cái sàn nhà. Hôm sau không nghe bác Ba than phiền gì.

Cực cho Sư cô Diệu Niên và các bác (trong đó có bác Âu Thị Ba) công quả thời gian chùa còn là kho hàng. Ngày nay bếp chùa khang trang, có đủ dụng cụ và rộng rãi, phước cho người đi sau, nhớ người trước, xin đốt cây hương biết ơn, có thủy có chung, có đầu mới có cuối.

Khoảng năm 1985, tôi liên lạc được người bạn học gốc Triều Châu định cư

ở Sweden, nhờ đó giới thiệu cho anh về chùa Viên Giác. Không ngờ năm sau anh tổ chức chuyến xe Bus đầy khách hành hương từ Thụy Điển qua Đức dự lễ Phật Đản. Chuyến xe Bus đầy Phật Tử hầu hết gốc Triều Châu, có vài người gốc Quảng Đông, họ khao khát đến chùa lễ bái, vì ở Bắc Âu không có chùa. Họ cảm ơn tôi rồi rít (không biết là ơn gì?) ngồi đâu cũng được họ dứt thuốc lá vô miệng liên tục.

Đêm văn nghệ đó có anh nghệ sĩ Mỹ hát tiếng Việt được bà con tán thưởng vỡ rập. Đêm đó nghệ sĩ Chí Tâm là ngôi sao sáng, lâu nay chỉ được xem văn nghệ tài tử, bây giờ được cấp cải lương chuyên nghiệp bà con thích lắm. Anh có dùng chữ "Ba Tàu", làm chuyến xe Bus từ Sweden ồn ào than phiền kỳ thị người Việt gốc Hoa. Trưởng đoàn là anh Trầm Bửu San, anh gốc Hoa, khôi hài "Xin lỗi, tiếng Việt của tôi chắc không thể bằng Chí Tâm,...", thấy tôi ngạc nhiên, anh nói tiếp "chỉ có hơn thôi!". Lúc còn ở Sài Gòn trước năm 1975, anh làm Cao Học Văn Chương, chưa kịp trình Luận án thi Cộng Sản vào. Chấp làm gì câu lơ lời khi vui miệng.

Mỗi năm vào dịp Tết Dương Lịch, Thầy mời các cộng sự viên báo Viên Giác về chùa họp để lắng nghe các ưu khuyết điểm nhằm cải tiến tờ báo. Thầy Như Điển rất nhanh trí và sẵn sàng chấp nhận các ý kiến đề nghị, Thầy làm việc rất đúng quy tắc, giống Nhựt và Đức, nhứt là giờ giấc. Tôi tò mò đọc tẩm văn bằng của Thầy do một Đại Học Nhựt cấp. "Giáo Dục Học Sĩ", tương đương với Cử Nhân ở Việt Nam hay Bachelor của Anh Mỹ. Thầy sẵn sóc tiếp đãi rất chu đáo, anh em được đãi những bữa cơm chay thịnh soạn. Dù là báo "chùa" mọi người đều hăng hái đóng góp theo khả năng, khác với báo chuyên nghiệp là không lãnh lương. Hàng năm, nội dung và hình thức phong phú hơn, nhưng mẫu chữ càng nhỏ, thế hệ chúng tôi có người mang kính mới đọc được. Vẫn nhớ anh Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu, tận tụy vẽ đồ án chùa, anh vẽ, rồi thay đổi mấy lần. Mỗi lần về chùa, anh luôn luôn tu hành nghiêm chỉnh.

Còn chị Nga ai mà không nhớ, chị đánh máy từ máy chữ thường tới Computer. Ngày tôi xa Đức mới được thiệp cưới của chị Nga, chị đã lập gia đình, trễ quá, không được ăn cưới anh chị.

Mỗi lần họp báo, cơm chiều xong, chỉ còn vài người ngồi quanh bàn, Diệp làm chủ tọa đĩa gặt tàn thuốc, sau đó anh về với vợ con, để lại khói thuốc thơm trong phòng.

Chúng tôi còn mấy người, vô công rồi việc, khuya đó, chui vô gầm bàn, nằm gác tay lên trán bàn chuyện đội đá vá trời theo nhà báo Vũ Ngọc Long. Anh nói nhiều cũng như hút nhiều, anh bắt đầu nói là không ai xen vào được, kỷ niệm thời anh viết báo ở Sài Gòn, kinh nghiệm học tập cải tạo, bọn quản giáo ngu dốt như thế nào, anh lao đao như thế nào, vì đâu gia đình anh tan nát. Tiếp theo là chuyện vượt biên, lại bị bắt, bị đày ải ở Chấn Bông Cảnh Điền, vùng anh chưa từng nghe tới, muỗi kêu như sáo, đĩa lộn rền như bánh canh. Ông thân anh lặn lội tìm được chỗ anh, khăn gói đi thăm con. Buổi chiều đó, vùng hẻo lánh đồng không mông quạnh, anh đang ngồi trong trại, ngạc nhiên thấy ông đến từ xa. Ông thân anh ôm bao áo quần đi chập choạng trên bãi đất hoang cỏ úng nước, bóng dáng thất thểu in trên nền trời chiều hiu quạnh. Kể tới đây, anh kêu lớn "Trời ơi!" mặt anh méo như khóc, không, anh khóc thật nhưng không ra tiếng. Ngày nay anh vắng mặt mãi rồi, tôi vẫn còn nhớ gương mặt khắc khổ nhợt nhạt lệch đi sau cặp kính mờ. Tác giả "Nỗi Buồn Viễn Xứ" bầm dập nhiều năm, không thể vui với quá khứ, bất mãn với hiện tại chung quanh, tương lai cho cá nhân anh không màng, anh cay cú, có ai hiểu cho anh. Anh có thể nói sáng đêm, chốc chốc lại ngưng tìm gói thuốc lá châm quẹt hút, rồi lại nói tiếp. Phù Vân ưa xen vào với chuyện "Tình Cô Gái Huế", anh có óc hài hước nên nhẹ hơn, hơi huê tình, lãng mạn, nhờ vậy anh nhẹ thở, làm việc lâu dài hơn. Chuyện "Tình Cô Gái Huế" chưa đến nửa chừng là tôi bắt đầu ngáy đều, sáng sớm hôm sau ra ga xe lửa sớm về còn chuẩn bị cây sáo cuốc bấm. Sau năm 1988, tôi rời nước Đức, chưa trở lại chùa lần nào.

Đất Úc nóng kinh người, lâu lâu nhớ thoáng qua thời gian chen chúc nằm dưới gầm bàn chùa Viên Giác cũ, lạnh lẽo ẩm cứng bên anh em, thường thức cái thoải mái ẩm lạnh, tạm quên tiếng cửa gỗ diếc tai hăng xương, còn lại những tấm lòng thâm sâu êm ái.

Hai mươi lăm năm qua, không biết nhanh hay chậm. Hẹn nhau lại năm 2028, 25 năm sau, lúc báo Viên Giác tròn 50 tuổi.

THỎ Vĩnh Liêm

Vẫn chuyện

tháng tư



Vẫn là chuyện tháng Tư buồn
thắm ấy.

Thế mà sao tôi vẫn nhớ thân
thương!

Vì tháng Tư nên tôi phải ly
hương,

Nơi đất khách ôm nỗi sầu biệt
xứ.

Chuyện bi thảm của miền Nam
bức tử,

Là chuyện buồn của lịch sử sang
trang.

Là niềm đau uất hận đã dâng
tràn,

Là ly cách muôn đời dòng sữa
Mẹ.

Tôi phải nhớ là tôi còn rất trẻ,

Hiến dâng đời để bảo vệ quê
hương.

Những không may bị cản lối ngăn
đường,

Đàn gạc lệ đi tìm đường sống
sốt.

Đi là để tìm con đường giải
thoát,

Cho đồng bào đang ở chốn cùm
gông.

Cho tương lai dòng giống quý Lạc
Hồng.

Cho nước Việt vươn mình trên
thế giới.

Việc thành bại hay tôi chưa đạt
tới,

Vẫn còn tùy quyết định của thời
gian.

Vội vàng chi mà nôn nóng đầu
hàng,

Rồi đổ lỗi cho là "vận nước".

Người yếm thế vì tinh thần nhu
nhược,

Hoặc là vì an phận, muốn yên
thân.

Chứ không vì "vận nước" với "lòng
dân",

Hay bạo lực chẳng bao giờ khắc
phục.

Vì cái chết vinh quang hơn sống
nhục,

Nên anh hùng, liệt sĩ được vinh
danh.

Còn những ai tự hủy mái đầu
xanh,

Thì cái chết chẳng ai thêm nhắc
tới...

Tháng Tư ấy là bước đầu quật
khởi,

Nắm tay nhau, ta cùng bước
chung đường.

Ngày vinh quang, ta về lại quê
hương,

Rồi sẽ gửi xương tàn trên đất
Mẹ.

Hãy yên chí và vững tin đi nhé!

Kẻ bạo tàn bị đào thải không
lâu.

Hãy bền gan và hãy ngẩng cao
đầu,

Việc sẽ đến tất nhiên là phải
đến.

(Đức Phổ, 19.04.2003)

Cảm nghĩ của một số Đạo Hữu về 25 năm thành lập chùa Viên Giác

Lời Tòà Soạn: Chúng tôi xin tóm lược cảm tưởng của một số Phật Tử viết về Chùa Viên Giác và Báo Viên Giác nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập, từ 28-29.6.2003 để cống hiến độc giả Viên Giác.

Được biết, Chùa Viên Giác được chính thức thành lập vào ngày 02.04.1978 gần một năm sau khi Thượng Tọa Thích Như Điển từ Nhật Bản đến Cộng Hòa Liên Bang Đức vào ngày 22.04.1977. Sau đó Báo Viên Giác cũng được hình thành từ đầu năm 1979. Lễ Khánh Thành Chùa mới Viên Giác từ 24 đến 30.07.1991.

Trong Lễ Hoàn Nguyên từ ngày 03 đến 05.9.1993, Thượng Tọa Viện Chủ đã nguyện dâng hiến ngôi Chùa Viên Giác, do chính Thượng Tọa trong bao nhiêu năm khó khăn vất vả và xây dựng, cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu để làm nơi đào tạo tăng tài. Sự kiện hiếm hoi bất khả tư nghi này đã một thời gây nhiều xúc động cho hàng ngàn Phật Tử mọi giới, mọi nơi.

Đến ngày 28 và 29.6.2003 là đúng 25 năm thành lập Chùa Viên Giác, Thượng Tọa Thích Như Điển, vừa đúng 54 tuổi, lại quyết định rút về vai trò của một vị Phương Trượng Chùa Viên Giác đồng thời cũng chỉ giữ vai trò sáng lập Chủ Nhiệm Báo Viên Giác mà thôi. Đây là quyết định đúng theo ước nguyện của Thượng Tọa, để Ngài có nhiều thời giờ dành cho việc viết sách, dịch kinh và nghiên cứu kinh điển.

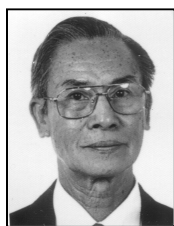
Ngưỡng mong, Đại Đức Thích Hạnh Tấn - một vị Tỳ Kheo trẻ tuổi, đầy đủ đức độ và khả năng, được truyền thừa từ vị Thầy Bổn Sư, xin dành chút giờ quý báu để quan tâm đến tờ báo cùng mang tên ngôi Chùa Thầy đang trụ trì.

Nam Mô A Di Đà Phật
Phù Vân



Một hạnh duyên thù thắng

• Thiện Lâm Phạm-Văn-Mộc



Đến Đức vào ngày 24.11.1983 theo diện đoàn tụ gia đình, hiện ở Langen / Đức.

Tôi còn nhớ: Năm tôi cùng gia đình sang Đức đúng vào mùa Đông năm 1983; trời rét như cắt thịt, có những ngày nhiệt độ xuống -15 độ đến -20 độ, mình đang ở xứ ôn đới, nay đến xứ hàn đới. Nhìn cây cối rụng hết lá đứng trơ trọi như những hàng cây khô (chết)!

Vào một ngày lạnh giá âm u - có chú Dương Trường Cửu- hướng dẫn Đại Đức Thích Như Điển (lúc bấy giờ còn là Đại Đức) vào nhà tôi và giới thiệu:

- Đây là Đại Đức Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác tại Hannover. Nghe tin có một số gia đình đồng hương tỵ nạn mới từ Việt Nam qua; nên Đại Đức mở lượng tử tâm có nhà ý đến thăm quý bà con đồng hương.

Qua lời giới thiệu của chú Cửu, tôi rất xúc động và vô cùng hân hoan, vì vừa mới chân ướt chân ráo đến xứ lạ quê người, mà đã được sự thương tưởng của vị chân tu đến ban lời an ủi, viếng thăm. Quả là một vị cam lồ làm moi bớt nỗi buồn xa xứ và sưởi ấm cõi lòng băng giá từ nội tâm, cũng như xoa tan nỗi giá băng ngoại cảnh !!!

Cũng từ nhân duyên này và từ ngày đó, tôi và gia đình tôi đã được Thượng Tọa Viện Chủ chùa Viên Giác hướng dẫn, dìu dắt trên bước đường tu học Phật Pháp. Thầy cũng là Bổn Sư truyền Tam Quy Ngũ Giới cho tôi để tôi trở thành đệ tử của Thầy.

Còn chú Dương Trường Cửu cũng từ ngày đầu gặp gỡ đến nay, chúng tôi đã trở nên đôi bạn thân thích, thường xuyên liên lạc với nhau.

Đến năm 1989 Thầy dự trù xây chùa mới, nên Thầy kêu gọi Phật Tử gần xa đóng góp, cúng dường, cho mượn Hội Thiện... để kiến tạo ngôi chùa mới để có nơi thờ phụng chư Phật, chư Bồ Tát... cho các Phật Tử và đồng hương đến lễ Phật, chiêm bái... Có chùa để nương tựa tinh thần, hướng dẫn tâm linh. Để có nơi tu học Phật

Pháp và cũng để có thể tìm lại không khí đầm ấm của Quê hương Việt Nam như câu:

Mái chùa che chở hồn Dân Tộc

Nếp sống muôn đời của Tổ Tông

Ngoài ra, cũng là để giới thiệu với người bản xứ cũng như với người ngoại quốc khác ở xứ Đức này biết được nền Văn Hóa Phật Giáo cũng như Văn Hóa cổ truyền của nước Việt Nam ta vậy.

Hầu hết Phật Tử góp phần công đức xây chùa bằng: cúng dường tịnh tài hoặc ủng hộ định kỳ hàng tháng hay cho mượn Hội Thiện. Có một ngôi chùa như hiện nay là quý lắm rồi, đã đáp ứng được ý nguyện của Phật Tử để có đủ chỗ lễ bái rộng rãi và tạm đủ phòng ốc cho một số khách thập phương đến chiêm bái cư ngụ tạm. Còn nói chùa lớn, nhỏ thì cũng khó nói, vì biết đủ là đủ, tùy duyên.

Về đẹp hay có hình thức của một ngôi chùa Việt Nam tại xứ người ? Thực ra, cũng không thể khẳng định được, vì còn tùy thuộc vào cách nhìn và ý niệm của từng người. Nghĩa là có được một ngôi chùa như chùa Viên Giác hiện nay tại Đức Quốc này đã là một điểm son tuyệt vời rồi.

Nghe Thượng Tọa Viện Chủ tuyên bố trong ngày Đại lễ Hoàn Nguyên Khánh Thành chùa Viên Giác năm 1991: Xin hiến dâng ngôi chùa này cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu làm nơi đào tạo Tăng tài.

Tôi nghĩ: Thượng Tọa quả là người quảng đại thông đạt. Thầy đã bỏ được 2 cái:

1) Ngã (Ta đã tạo dựng nên ngôi chùa).

2) Thủ (Không giữ chùa của riêng Thầy)

mà ngôi chùa là của chung Giáo Hội PGVNTN ÁC để sử dụng vào việc đào tạo Tăng tài. Ngộ hầu hoàng hóa giáo pháp của đấng Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật được hoàng truyền từ Á sang Âu theo dòng thời gian bất tận...

Trong kỳ Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden, chính tôi lần đầu tiên được nghe Thượng Tọa tuyên bố là Thượng Tọa sẽ nhập thất và dùng thời gian để dịch kinh điển và trao truyền chức vị Trụ trì chùa Viên Giác cho Đại Đức Thích Hạnh Tấn (đệ tử của Thầy) vào năm 2003.

Theo thiên ý thô sơ của tôi, Thượng Tọa lui về ẩn tu: còn hơi sớm so với tuổi đời còn trẻ ? (Thầy mới ngoài 50) khiến cho 2 Chúng: Ưu Bà Tắc và Ưu

Bà Di chúng tôi thiếu vắng một bậc Thầy đạo cao, đức trọng để dìu dắt chúng tôi trên bước đường tìm cầu học đạo. Và cũng vắng đi một bóng đại thụ để hàng Phật Tử chúng tôi có nơi nương tựa vào để được che chở trên nẻo đường tu học. Dù sao tất cả đều do nhân duyên. Nói theo thể tục thì sự việc cũng là lẽ thường tình như câu tục ngữ: Tre già măng mọc.

Kể từ khi gặp Thầy, biết chùa tại Hannover, hằng năm vào các ngày đại lễ Phật Đản, Vu Lan v.v... gia đình tôi thường về chùa chiêm bái, lễ Phật nghe các thời Pháp vũ. Mỗi lần được về chùa tham dự các đại lễ... lòng tôi cảm thấy rộn ràng hân hoan... như kẻ đi xa được về ngôi nhà xưa, núp dưới Phật đài sưởi ấm tâm linh. Được gặp lại quý Thầy, gặp các bậc thiện tri thức và các đồng hương, bạn đạo... cùng nhau tâm sự, hầu vơi bớt nỗi buồn viễn xứ, nỗi nhớ quê hương, mong tìm lại bầu không khí ấm cúng của quê hương Việt Nam ngàn trùng xa cách. Quả đúng: *Mái chùa che chở hồn dân tộc.*

Tôi cũng đã có tham dự khóa học Giáo lý Âu Châu và khóa Huân Tu nhưng rất ít, đa phần tôi tham dự các khóa lễ Thọ Bát Quan Trai. Sau mỗi khóa học được nghe các buổi pháp vũ do quý Thầy thuyết giảng. Tôi được thấm nhuần giáo lý Phật Đà và đã khai mở trí tuệ cho tôi cũng như đã gieo trong tôi Tín Tâm vững mạnh. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ: Học và Hành là 2 vấn đề khác nhau. Học tuy nhiều... dù có khó nhưng không khó bằng hành. Nếu học mà không hành thì chỉ như cái túi đựng sách. Hành, mặc dù khó nhưng không phải không làm được. Muốn thực hành cần phải huân tu, trì chí và lập nguyện thì mới đạt được thành quả tốt.

Những hoạt động Phật sự của chùa Viên Giác theo sự hiểu biết hạn hẹp, nông cạn của tôi:

a) Về phương diện tôn giáo; Phần này, nếu cứ tiếp tục thực hiện chương trình như hiện nay thì quá tốt.

b) Về phương diện xã hội: Trong tương lai chùa Viên Giác vẫn thường xuyên và liên tục thực hiện các chương trình xã hội được đầy đủ hay có thể gia tăng hơn là đã đòi hỏi một khả năng tài chánh dồi dào nhờ sự tích cực yểm trợ thường xuyên của Phật Tử hải ngoại. Được như vậy cũng đã đạt được kết quả mỹ mãn.

c) Về phương diện văn hóa: Được sự chỉ đạo và hướng dẫn rất tài ba của Thượng Tọa Viện Chủ mà tờ báo Viên

Giác đã đi được một quãng đường thật dài bằng một phần tư thế kỷ (25 năm). Từ một tờ báo với kỹ thuật in ấn rất đơn sơ đã cải tiến đến một kỹ thuật & ấn loát tân kỳ, từ hình thức đến nội dung thật phong phú trên 2 phương diện: Đạo & Đời với nhiều tiết mục, nhằm duy trì và phát huy Văn Hóa Phật Giáo cũng như Văn Hóa Việt Nam đến với Phật Tử và Đồng Hương Việt Nam trên khắp hoàn vũ. Đó là một sự cố gắng vượt bực của Thượng Tọa Chủ Nhiệm, Đạo Hữu Chủ Bút cũng như Ban Biên Tập của tờ báo, mà đã đạt được thành quả tuyệt vời như ngày nay.

Sau đây, tôi cũng xin phép Thượng Tọa Chủ Nhiệm, Đạo Hữu Chủ Bút cho phép tôi được nói lên vài lời về trường hợp xuất ngoại của tôi và gia đình tôi như sau:

Khi còn ở Việt Nam vào năm 1975, Miền Nam Việt Nam bị Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm. Tôi có đứa con trai ở lứa tuổi sắp phải đi làm nghĩa vụ quân sự cho chế độ Cộng Sản miền Bắc để đưa qua Kampuchia làm bia đỡ đạn. Tôi lo sợ quá! Nên tìm đường cho con tôi vượt biên. Rất may, nhờ Phật Trời gia hộ, con trai tôi được tàu Cap Anamur cứu vớt và sau đó con tôi được định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

a) Khi cho con tôi đi vượt biên, tôi chỉ có ý nghĩ vồn vện và duy nhất là: Nếu con tôi được đi thoát, sẽ được sống cuộc đời có ý nghĩa tại các nước Tự Do Dân Chủ và tránh được việc phải làm bia đỡ đạn trên chiến trường Kampuchia hồi đó. Chứ tôi không ngờ rằng tôi và cả gia đình tôi được qua Đức Quốc sinh sống là do con trai tôi xin bảo lãnh.

b) Một điều bất ngờ thứ 2: Khi còn ở Việt Nam, tôi làm việc trong ngành Kế Toán, chứ sang đây thì tiếng Đức "ăn đong", chỉ học có 6 tháng tiếng Đức. Và mọi sinh hoạt bên đây nhất là văn phòng, nghề nghiệp đều sử dụng máy Computer và các máy móc tân kỳ khác. Mình làm sao mà dám mơ... làm việc với ngành cũ kế toán như còn ở quê hương mình. Ấy vậy mà một sự tình cờ đã dun dùi tôi vào làm việc tại phòng kế toán cho một hãng lớn suốt 16 năm trời, cho tới tuổi nghỉ hưu. Chưa hết,

c) Một hạnh duyên thù thắng nữa, là có bao giờ tôi dám nghĩ tới qua Ấn Độ quê hương của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và sang Trung Hoa, nơi đất Tổ để được hành hương, chiêm bái các Phật tích và Thánh tích tại 2

quốc gia này. Thế mà, năm 1993 tôi đã được hành hương sang đất Phật do Đại Đức Hạnh Tấn và Đại Đức Hạnh Nguyễn hướng dẫn đi chiêm bái Tứ Động Tâm và các Phật tích cùng các danh lam tại xứ Ấn Độ này.

Và năm ngoài 2002, tôi được tham dự chuyến hành hương chiêm bái các danh sơn và các Tự Viện cũng như nhiều thắng cảnh hữu tình của đất nước Trung Hoa do nhị vị Thượng Tọa Thích Nhất Chân và Thích Thiện Huệ làm Trưởng đoàn hướng dẫn.

Những sự kiện trên đây đã đưa đến cho đời tôi. Tôi không thể ngờ và quả tình tôi không hiểu nổi " (bất khả tư nghi).

Tôi chỉ biết thành tâm cảm tạ chư Phật mười phương, chư Đại Bồ Tát từ bi hộ trì ban rải ân đức xuống cho tôi được ân-triêm phước báu thù thắng này. Ngoài ra, tôi cũng không quên cảm tạ ân nghĩa sâu dày của Chính Phủ và Nhân Dân Đức đã cứu mang giúp đỡ gia đình tôi kể từ khi bước chân đến đất nước xa lạ này cho đến ngày nay. Tất cả các con tôi đến nay đều đã trưởng thành, đã thành gia thất (tiểu đẳng khoa) và đã thành công trên con đường học vấn (đại đẳng khoa). Sở dĩ gia đình tôi được an cư lạc nghiệp như ngày hôm nay, cũng là nhờ sự giúp đỡ tận tình và đầy lòng nhân đạo của Chính Phủ và Nhân Dân Đức Quốc; nên tôi không thể không nhớ câu: Thọ ân bất khả vong.

Một lần nữa, tôi xin chân thành gửi đến Chính Phủ và Nhân Dân Đức Quốc lời tri ân sâu xa của toàn thể gia đình tôi.

♦

Thử hỏi còn bài pháp nào sâu xa hơn khi Thượng Tọa tuyên bố dâng cúng ngôi chùa Viên Giác cho Giáo Hội PGVNTN Âu Châu

**• Tâm Bích -
Trần Thị Hồng Sống**



Qua đồng hương và bè bạn đã định cư lâu năm tại Đức, tôi được biết đến ngôi

Niệm Phật Đường Viên Giác do Thượng Tọa Thích Như Điển trụ trì. Chúng tôi vui mừng vô cùng vì đây là phước duyên lớn của người Phật Tử.

Nhân dịp dịp lễ Phật Đản tại Hannover, chúng tôi đã được gặp Thượng Tọa Viện Chủ chùa Viên Giác.

Từ khi định cư tại Đức, chúng tôi được sống trong một xã hội ổn định, được luật pháp bảo vệ, được hưởng mọi quyền tự do căn bản của con người. Vật chất càng đầy đủ thì nhu cầu gìn giữ và nuôi dưỡng tâm linh lại càng cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết. Vì thế việc tạo dựng một ngôi chùa có tâm cơ, có thể đáp ứng nhu cầu của số lượng người Việt định cư càng ngày càng đông là một việc rất hợp lý và hữu ích.

Đối với người Phật Tử Việt Nam thì ngôi chùa là hình ảnh một nước Việt Nam thu nhỏ, gói ghém tất cả tinh tú dân tộc.

Cúng dường tịnh tài, đóng góp công sức.

Khi dự án xây cất chùa được đưa ra thì cũng không ít dư luận đã tỏ ra lo ngại về khả năng tài chánh trước một đề án xây cất lớn lao như thế. Có nhiều vị cho rằng đây là một dự án quá mạo hiểm. Nhưng tôi thì tôi tin vào sức mạnh của sự đồng tâm và niềm tin vào Pháp Phật nhiệm mầu. Quả nhiên như vậy, ngôi chùa đã được hoàn thành đáp ứng đúng lòng mong mỏi của mọi người Việt Nam là có nơi qui tụ về một mái nhà chung, rộng rãi để đón tiếp khách thập phương về lễ Phật.

Thượng Tọa đã vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn và dư luận để hoàn tất việc tạo dựng một ngôi chùa. Ngày Chùa được khánh thành khi nghe Thượng Tọa tuyên bố dâng cúng ngôi chùa cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tôi và nhiều Phật Tử khác vừa bất ngờ vừa cảm kích, xúc động. Thủ hỏi còn bài Pháp nào sâu xa hơn việc làm của Thượng Tọa. Thượng Tọa đã giáo thân cho hàng Phật Tử rằng khi làm Phật sự, thành tựu việc gì cũng nên xả hết, có như vậy mới biết được cái ngã. Lời giáo huấn này luôn nhắc nhở tôi trong những lúc tôi làm Phật sự.

Sự việc này cũng rất hiếm có. Thông thường thì chức vị Trụ Trì là của vị Cao Tăng, đạo hạnh nhất trong chùa. Việc tấn phong chỉ xảy ra trong trường hợp Thầy không còn, hoặc Thầy vì lý do sức khỏe hay một lý do nào khác. Thượng Tọa thường có tinh thần trẻ-trung-hóa và triệt để ủng hộ

sự tiến bộ. Cho nên tôi rất tin tưởng vào quyết định của Thượng Tọa trong việc tấn phong vị tân Trụ Trì là Đại Đức Thích Hạnh Tấn mà tôi rất kính ngưỡng. Tôi không cảm thấy lo ngại hoặc thắc mắc điều gì.

Tôi tham dự rất thường xuyên, gần như hàng năm vào hai kỳ đại lễ. Nhưng bạn bè đồng đạo mà tôi quen biết thường hay hỏi nhau "Sao, năm nay bạn có về chùa không?". Tôi thấy đây là một điều thú vị. Sao không hỏi là "Có đi chùa không" hay "Có đi dự lễ không" mà lại dùng chữ "VỀ". Có lẽ vì chữ "Về Chùa" nói lên họ cho ta cái cảm giác "Về Nhà", một mái nhà chung ấm áp, bình an cho mọi người con Phật.

Riêng những khóa tu Thọ Bát Quan Trai tại địa phương thì hầu như đều có tham dự. Điều đó đã giúp cho tôi rất nhiều là hiểu được lý nhân duyên và luật nhân quả để có thể tự tại trong cuộc sống.

Tôi thấy chùa Viên Giác đã có chương trình hoạt động rất thiết thực và hữu ích cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Ngoài ra vấn đề càng ngày càng có nhiều người Đức đến chùa để tìm hiểu và thực hành giáo lý giác ngộ là một biểu hiện tích cực khẳng định vai trò của Phật Giáo trên bình diện Tôn Giáo của thế giới.

Các chương trình từ thiện và cứu tế xã hội đã được thực hiện một cách qui mô về mọi mặt và có hiệu quả cao, chẳng hạn như những phẩm vật cứu trợ được trao tận tay cho người dân, không qua một trung gian nào, dù có bị áp lực hay khó khăn từ phía nhà cầm quyền Cộng Sản.

Chương trình đào tạo Tăng tài trẻ tuổi, cấp học bổng cho Tăng Ni du học ngoại quốc để có đủ trình độ Phật Học và học thức để mai hậu sẽ là tầng lớp kế thừa Chư Tôn Đức là một việc *nhìn thấy xa, trông thấy rộng* cho tương lai Đạo Pháp và Dân Tộc.

Tôi chỉ xin được phép góp một ý nhỏ rằng những bất hạnh, đau thương mà đồng bào chúng ta trong nước đang phải gánh chịu chỉ có thể thực sự được giải quyết và giải quyết một cách rất ráo khi đất nước ta thực sự có Tự Do và Dân Chủ.

Tôi cũng rất thích đọc báo Viên Giác. Đây là một tờ báo lớn, có nội dung rất phong phú, với những bài viết bao trùm nhiều địa hạt bằng nhiều thể loại khác nhau.

Nếu có thể được, báo Viên Giác nên nghiên cứu thêm một vài kế hoạch

tạo điều kiện và khuyến khích giới trẻ tham gia đóng góp bài vở cho tờ báo, trong Mục Thanh Niên chẳng hạn. Thanh niên luôn là rường cột để xây dựng một đất nước Việt Nam phú cường sau này.



Chúng tôi cảm thấy vui thanh thản khi đến chùa

• Diệu Hiền NTK



Mùa Xuân năm 1984 gia đình chúng tôi đoàn tụ tại Đức Quốc. Khi đến Đức được biết có Viên Giác Tự nên chúng tôi đã tìm

về chùa và duyên lành được gặp Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác.

Chúng tôi đóng góp công đức xây chùa qua việc làm công quả, cúng dường tịnh tài theo khả năng, có ủng hộ định kỳ hàng tháng trong thời gian 1989-1999 và cũng có cho mượn Hội Thiện. (Tiền cho mượn Hội Thiện đã cúng lại chùa).

Chúng tôi vui mừng thấy ngôi chùa đã xây xong. Chùa lớn, đẹp và rộng rãi có đầy đủ mọi phương tiện để quý Phật Tử xa gần có thể nương tựa tinh thần và tu học. Trong ngày Đại lễ Hoàn Nguyệt vào năm 1991, Thượng Tọa Trụ Trì đã tuyên bố xin cúng dường ngôi chùa Viên Giác cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu làm nơi đào tạo Tăng tài. Chúng tôi rất cảm kích lòng cao cả từ bi của Thầy Viện Chủ, đặt việc đại sự là trên hết.

Năm nay 2003, Thượng Tọa Thích Như Điển xin rút lui và cử Đại Đức Thích Hạnh Tấn lên làm Trụ Trì Chùa Viên Giác vì Thượng Tọa nghĩ tuổi của mình đã cao và Thầy muốn thế hệ nối tiếp thế hệ "Tre già măng mọc". Tuy nhiên Thượng Tọa vẫn luôn sẵn sàng đứng sau để cố vấn cho việc Phật sự, như vậy chúng tôi thấy rất tốt, vì Phật Tử chúng ta tiếp đón sự lãnh đạo của Thượng Tọa dầu không trực tiếp nhưng cũng gián tiếp.

Có duyên ở gần chùa cho nên chúng tôi ngoài tham dự các Đại Lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan hay Tết Nguyên

Đán ra, còn thường xuyên đến lễ định kỳ hàng tháng và làm công quả hàng tuần nữa. Chúng tôi cảm thấy vui thanh thản khi đến chùa. Ngôi chùa càng ngày càng phát triển và có ngôi chùa nên Phật Tử đến lễ bái càng ngày càng đông.

Thình thoảng chúng tôi có tham dự các khóa học Giáo lý Âu Châu, tham dự các khóa Tu Gieo Duyên, Thọ Bát Quan Trai v.v... Tu học được hiểu thêm giáo lý nhà Phật, được gần bạn thiện tri thức để đồng tu đồng học. Hằng ngày chúng tôi cảm thấy tâm trí an lạc và vui vẻ.

Chùa Viên Giác đã hoạt động những chương trình đào tạo Tăng tài trẻ tuổi, cấp học bổng Tăng Ni du học ngoại quốc để có trình độ Phật học và học thức kế mai hậu sẽ thành lớp Tăng sĩ thừa kế Chư Tôn Đức nhằm phục vụ cho Giáo Hội Phật Giáo và Phật Tử. Đây là việc làm rất quý và rất cần. Chúng tôi tán thán vô cùng và góp phần trong việc này tùy khả năng.

Hiện nay tại Tây Âu, người bản xứ nhận xét họ sống trong một xã hội quá xô bồ về vật chất, do đó họ muốn tìm về đời sống an tịnh và tâm linh. Nay họ đã tìm đến Đạo Phật và Chùa Viên Giác chúng ta trong thời gian qua cũng đã đáp ứng được phần nào nhu cầu này. Tại Chùa có tổ chức thường xuyên các khóa giảng và khóa học cho nhiều lớp người Đức khác nhau như học sinh, sinh viên v.v... Đây là việc làm rất hữu ích vì chúng ta có cơ hội để giới thiệu đến người bản xứ Đạo Phật và Văn hóa truyền thống Việt Nam của chúng ta.

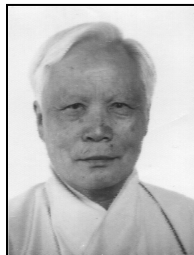
Các chương trình giúp đỡ hội thiện đem đến kết quả tốt và niềm vui cho nhiều người. Thật cảm động khi đọc những bài tường thuật và hình ảnh từ thiện trên báo Viên Giác.

Báo Viên Giác rất cần thiết, nội dung hài hòa giữa đạo và đời nhằm thông tin, duy trì, phát huy Văn hóa Phật Giáo và Văn hóa truyền thống Việt Nam. Chúng tôi thích đọc báo Viên Giác và hy vọng tờ báo Viên Giác được tiếp tục ấn hành đều đặn vì đây là phát huy văn hóa truyền thống. Mong tương lai có thêm nhiều bài viết với những đề tài đạo pháp, dân tộc, thế hệ trẻ, văn học để phổ biến kiến thức và tin tức thế giới.

*
* *

Là con nhà Phật phải đóng góp công đức

• Đồng kể - Nguyễn Ban



Gia đình chúng tôi đến tại Đức vào tháng 11.1979, vượt biển bằng thuyền nhà.

Vào năm 1980 lúc còn ở trong trại tỵ nạn Freiburg, thì chị Trưởng Trại cho

hay có Đại Đức Thích Như Điển về trại làm lễ Phật, mời bà con Phật Tử đến tham dự lễ và gặp được Thầy.

Rồi thì hàng năm Thầy về Freiburg làm lễ Phật cầu an và thành lập Chi Hội Phật Tử Freiburg cho đến ngày hôm nay.

Nhân duyên mình là con nhà Phật, khả năng của mình để đóng góp công đức, để cúng dường cũng có, ủng hộ hàng tháng vẫn tiếp tục, cho mượn Hội Thiện. Hội Thiện thì đã trả xong rồi.

Chùa xây lớn và đẹp theo hình thức chùa Việt Nam tại xứ người, tùy theo khả năng, chớ không biết bao nhiêu cho đủ.

Còn việc Thầy cúng ngôi chùa Viên Giác cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu làm nơi đào tạo Tăng tài, đó là Thầy làm chùa chung cho Giáo Hội chớ không riêng của ai.

Thầy có rút lui làm Cố Vấn. Đệ tử Thầy lên làm Trụ Trì chùa Viên Giác, thì hình bóng của Thầy còn mãi nơi chùa Viên Giác và Phật Tử Đức Quốc.-

KẾT QUẢ XỔ SỐ TOMBOLA PHẬT ĐÀN 2547 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC

NGÀY 10.05.2003

Giải đặc biệt : 1608

Giải 1 : 1689

Giải 2 : 0604

Giải 3 : 0580

5 Giải 4, các vé mang số:

363 - 695 - 0063 - 1014 - 1546

2 Giải 5, các vé mang số:

1610 - 0653

10 Giải khuyến khích, các vé

mang số:

1228 - 1416 - 0837 - 0403 - 1629 -

1353 - 0562 - 1402 - 1157 - 1224

VIÊN GIÁC trong ký ức

Tạp ghi của
Ngọc Tuyết & "Tài Xế" Ngọc Châu



Cách đây khá lâu, nhân đến thăm gia đình một người bạn quen ở trại chuyển tiếp München-Allach, chúng tôi tình cờ được đọc ké hai số Viên Giác 7 và 8. Nhưng mãi tới số 31 trở đi chúng tôi mới trở thành độc giả thường xuyên của tờ báo.

Thời gian âm thầm trôi nhanh không thể ngờ. Cho đến hôm nay tháng 6.2003 báo Viên Giác ra đến số 135 đánh dấu 25 năm kỷ niệm. Báo Viên Giác dù đã trải qua bao nhiêu giai đoạn thử thách nhưng vẫn tồn tại và phát triển mạnh, để rồi ngày nay là một món ăn tinh thần quý báu dành cho độc giả trong và ngoài nước Đức.

Tôi vẫn còn nhớ trong số Viên Giác đặc biệt 100, chị Hồng Nhiên phụ trách Trang Hoa Phượng, có nhắc đôi dòng về "em Ngọc Tuyết", lúc ấy chỉ mới vừa đóng góp được hai bài "*Tâm sự chiếc lá Bồ Đề*" và "*Ngày xưa áo trắng*" khiến tôi vô cùng cảm động. Tôi nói với ông xã, có lẽ tại vẫn tôi con nít quá nên chị Hồng Nhiên nghĩ rằng "người viết còn rất trẻ" Sau vài lần suy nghĩ, tôi quyết định viết thư "thú tội" (Đàn bà với nhau cũng dễ hơn, xin anh Phù Vân thông cảm!) cùng chị Hồng Nhiên.

Một trưa chủ nhật nào đó chị từ miền Trung Đức gọi điện thoại xuống hỏi thăm và rủ chúng tôi nếu có dịp nên lên viếng "Chùa Hannover" vào những dịp lễ lớn thì sẽ gặp chị.

Thế rồi, vào mùa Phật Đản 2543 năm 1999, chúng tôi lần đầu tiên ghé đến thành phố chính của tiểu bang Niedersachsen. Sau hơn 6 tiếng đồng hồ lái xe, "ông xã kiêm luôn tài xế" đưa

tôi đến thành phố Hannover. Chạy lòng vòng tìm khu vực Chùa Viên Giác trước, rồi mới tìm khách sạn gần đó thuê phòng, cất hành lý và sau đó thông thả đi bộ qua Chùa. Từ xa, chúng tôi đã nhìn thấy lá cờ Phật Giáo và lá cờ Việt Nam "tự do" cờ vàng ba sọc đỏ, treo trước cổng ra vào phất phới bay trong gió làm ấm lòng "hai đứa con lâu nay lác" đang trên đường tìm về với Chùa. Tự nhiên chúng tôi hầu như quên mất cái "nỗi nhọc đường xa" khi nhìn cảnh nhộn nhịp, lui tới của hàng ngàn Phật Tử bên ngoài khuôn viên Chùa. Càng đến gần, chúng tôi mới thấy và có dịp ngưỡng mộ ngôi chùa với lối kiến trúc tuyệt vời. Sau khi chụp xong vài tấm hình để lưu niệm, chúng tôi hỏi đường vào văn phòng. Như lời dặn của chị Hồng Nhiên, chúng tôi đi tới chỗ phát hành sách báo và tôi đã gặp chị nơi đây. Chị rất ngạc nhiên và vui mừng dẫn chúng tôi đi "trình diện" với những người trong Ban Biên Tập như chú Thị Tâm, chú Sanh, cô Nga, anh Phù Vân, anh Nhuận và anh Sáu -ông xã của chị-, cũng như một vài cộng tác viên của báo Viên Giác như BS Trương Ngọc Thanh ...

Sáng hôm sau, chị Hồng Nhiên chỉ cho chúng tôi biết thư viện Chùa ở trên lầu nhưng rất tiếc vì thì giờ eo hẹp nên không thể lên đó đọc sách như vẫn hằng ao ước. Bữa trưa chị mời chúng tôi ở lại ăn "cơm chùa" trước khi chia tay.

Quen rồi, nên vào năm 2000, một lần nữa chúng tôi lại lên thăm Chùa Viên Giác nhân dịp lễ Vu Lan, cũng là buổi ra mắt thi phẩm mới của nhà thơ nữ Hoàng Xuyên Anh đến từ Hoa Kỳ, qua thư mời của anh chủ bút. Kỳ này chúng tôi có dịp được gặp Thầy Chủ Nhiệm, quen biết thêm nhiếp ảnh gia anh Phạm Ngọc Thương, vợ thi sĩ Đan Hà, vợ chồng nhà văn Vũ Nam. Ngoài ra trong dịp này, ông xã tôi cũng hội ngộ một số bạn bè quen biết xưa nay nhưng vì xa xôi cách trở ít khi gặp gỡ trong nhiều năm qua.

Rồi vào tháng 10 năm 2001, ông xã tôi lại tháp tùng đưa tôi lên Chùa Viên Giác, lần đầu tiên tôi được chính thức mời lên tham dự buổi họp thường niên của Ban Biên Tập Báo Viên Giác.

Dịp này, chúng tôi có cơ hội làm quen với các văn hữu khác BS Tôn Thất Hứa, anh Từ Hùng Trần Phong Lưu, chị Huỳnh Hoa và các anh em trong Ban Kỹ Thuật & Ấn Loát.

Như chú Thị Tâm, chú Sanh và anh Phù Vân cho biết, theo thông lệ hàng

năm, buổi chiều sau khi họp xong các tham dự viên được mời đến một nhà hàng dùng buổi tối, có đặt phần cơm chay cho Thầy Chủ Nhiệm và vài anh chị em khác theo yêu cầu. Đây là buổi sinh hoạt thoải mái, thường kể chuyện vui, chuyện tiểu lâm, ngâm thơ, ca hát.

Nhưng năm nay vì lý do đặc biệt là tại Chùa vào lúc 20 giờ, có lễ cầu siêu cho Huynh Trưởng Hồ Tấn Anh đã tự thiêu vì Đạo Pháp và vì đấu tranh cho tự do tín ngưỡng vào ngày 02.09.2001 tại Quảng Nam / Việt Nam, nên chúng tôi phải hủy bỏ phần thứ hai của tiết mục kể chuyện vui, để cùng với hàng trăm Phật tử khác từ các nơi về tham dự. Đây là một kỷ niệm sẽ sống mãi trong lòng chúng tôi.

Sau khi cầu siêu xong, mỗi người được phát hai ngọn nến (Teelicht). Người này châm lửa cho kẻ khác. Hàng trăm ngọn nến được đốt sáng làm cho không khí trở nên ấm cúng hơn. Thầy Viên Giác hướng dẫn đi đầu, kế tiếp là chư vị Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và tiếp theo sau là chư Phật tử tham dự sắp hàng hai với ngọn nến trên tay nối gót rời chánh điện xuống các bậc thang trực chỉ đến tượng Phật Bà Quán Thế Âm trong khuôn viên Chùa. Tất cả đi trong trật tự, kẻ này người kia mời lửa cho nhau mỗi khi ngọn nến bị gió thổi tắt đi. Quý Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử và những người về tham dự quy tụ chung quanh tượng Phật Bà Quán Thế Âm và kỳ diệu nhất là những ngọn nến được để theo thứ tự gần nhau trên bờ hồ kết thành một vòng hoa tỏa ánh sáng như là một biểu tượng cho "vòng điệu hoa" dành riêng cho Huynh Trưởng Hồ Tấn Anh. Đúng là một buổi lễ được tổ chức trang nghiêm và có ý nghĩa thâm thúy trong đêm thấp nến cầu nguyện ngoài trời này.

Riêng tôi, thỉnh thoảng mới đóng góp vài bài viết thật ngắn cho Trang Hoa Phượng của báo Viên Giác. Ông xã tôi còn tệ hơn nữa, nhờ "làm tài xế và làm vệ sĩ" cho tôi nên ông mới có dịp biết Chùa Viên Giác, quen biết các văn thi sĩ như đã trình bày. Nói đến báo chí, thú thật trong suốt phần tu thế kỷ qua, ông chỉ viết vồn vẹn một bài, thuật lại vài kỷ niệm trong lần đưa tôi đi Hannover dự buổi họp thường niên của báo Viên Giác năm 2001.

Thời gian trôi nhanh như thoi đưa, thắm thoát đã 25 năm kể từ khi Chùa được xây xong trên xứ người và báo Viên Giác ra đời. Nay chúng tôi ghi lại vài kỷ niệm nhỏ, một vài nhân duyên đã đưa đẩy chúng tôi tìm về dưới "mái

HOA TÂM



*Trăng soi đầu ngõ
Trăng tỏ vườn Tâm
Mỗi bước đi
Thoảng nhẹ mây ngàn
Còn gió thoảng
Ánh Đạo Vàng soi sáng
Nam Mô vang khắp
Chuông đổ ngân nga
Con thềm niệm
A Di Đà Phật
Bao ưu phiền trút sạch
Lòng: Si, tham, sân, hận lùi
xa
Tình thương bao la
Bao trùm vạn vật
Tình thương Chủ Phật
Tỏa ánh hào quang
Ta Bà thế gian
Nở hoa sen thắm
Cùng khắp trong tâm
Mọi người con Phật*

• Kim Chi Viên Thành
(Paris 2003)

chùa chung" của hầu hết Phật tử tỵ nạn tại Đức để sưởi ấm lòng người tha hương.

Xin chúc Ban Biên Tập, Ban Ấn Loát và tất cả cộng tác viên báo Viên Giác luôn dồi dào sức khỏe, vững bền tâm trí để thực hiện mục tiêu bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam và văn hóa Phật Giáo; và để phục vụ độc giả bốn phương, trong và ngoài nước Đức.

(30.04.2003)

Những dòng đời

Những dòng chữ kính cho Thầy - một bậc chân tu áo vải nâu sồng xứ Quảng- Người đã đem cho tôi những niềm tin, gương bình dị, luôn đấu tranh để đem đạo pháp và tình thương đến gần những người con Phật.

Bác sĩ TRƯỞNG NGỌC THANH

Vậy mà đã hơn hai mươi hai năm, tôi có cơ duyên đến với Chùa, với Thầy. Cái quãng thời gian ấy, dài lắm chứ. Ngồi ngẫm lại, mà thấy như mới ngày nào đây.

Đến Đức với những ngỡ ngàng sau những lần trốn chạy đầy gian nguy. Chúng tôi được tàu Cap Anamur của Hội Bác Sĩ Cấp Cứu của Đức vớt vào đầu tháng tư 1980, sau những lần vượt biển bất thành. Buồn vui lẫn lộn. Mừng cho một lần vượt thoát; nỗi buồn để lại sau lưng là những mất mát chia lìa, là xa mẹ cách cha, là anh em, là bạn bè bằng hữu, là Việt Nam. Là cuộc đời tỵ nạn, trốn chạy quê hương.

Sinh ra trong một làng Hòa Hảo hiền hòa ở đồng bằng sông Cửu Long, do cuộc đời quân ngũ của bố, tôi lớn lên với An Lộc, với những Xa Cam, Xa Trạch, Quảng Lợi. Với những vườn cây trái xanh tươi bên những dòng suối mát ẩn mình trong những đồn điền cao-su ngát nghìn, vùng đất đỏ Cao Nguyên. Nơi đó tôi mất đi những ngày thơ dưới mái trường Trung Học Bình Long và mất đi Liên - cô bạn học bé nhỏ - má đỏ môi hồng, dễ thương, đã tập cho tôi ăn những trái me chua trong khu vườn rực nắng, chum chim môi cười. Mà có lẽ, lúc đó, nếu tinh ý Liên sẽ bắt gặp ánh mắt đắm nhìn của tôi. Tuổi 15, ngày đó chẳng hiểu tôi đã biết yêu chưa? Tôi cũng đã có những chiều băng khuôn nhớ Liên - nhớ mái tóc mây mềm từ dạo mới vào học Đệ Thất chung với Liên. Nhớ những ngày bên nhau trên Đồi Gió, nhìn từ Xa Cam vào Bình Long để mơ mộng vẫn vơ.

Ngày trốn chạy khỏi Bình Long - tháng tư của Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 - đi qua nhà Liên ở Cu xá Sĩ quan, mặt mũi trống vắng. Trong hỗn loạn, tôi thấy cay cay trong mắt, chẳng biết vì khói súng hay do những giọt nước mắt không thành, cho một lần tiễn biệt.

Thuở ấy, có dịp được bố mẹ đưa đi lễ chùa, được lạ Phật, được ăn những món chay lạ miệng cầu kỳ, tôi thích thú lắm. Lúc đó chưa được mặc chiếc áo màu lam, hằng tuần có những chiếc xe G.M.C của quân đội chở những gia

đình Phật Tử, đội ngũ chinh tề, từ những làng xa quanh vùng về tỉnh để sinh hoạt, ca hát, cắm trại và những trò chơi vui. Tôi nhìn bằng ánh mắt thèm thùng. Dần dà rồi tôi cũng được chơi chung, sau những lần như thế tôi được Bác Hoàng, Gia trưởng, cho một chai xá-sị và túi kẹo. Rồi được bố mẹ cho mặc áo lam, trở thành Phật Tử của Gia đình Quảng Đức, Chùa Từ Quang. Mấy tháng sau, bằng đi một đạo Bác Hoàng chẳng còn phát cho tôi chai nước xá-sị vào mỗi tuần nữa. Buồn quá tôi chẳng đi sinh hoạt nữa. Giờ nghĩ lại, tôi vẫn cố tìm một lý lẽ để bênh vực cho việc làm ở lứa tuổi 9, 10 của mình ngày xưa.

Những năm tháng Sài Gòn, trong ngôi trường Võ Trường Toản bé nhỏ hiền hòa bên cạnh cô hàng xóm Trung Vương kiều sa, chúng tôi bị ngăn cách bởi ngôi nhà cổ kính của Nha Khảo Thí, tôi cũng biết sáng đợi, chiều trông, biết cùng Thiện đứng bên này trên dây lều ba để vẫy tay với những cô láng giềng chưa hề biết gặp. Biết hẹn hò và làm thơ để run trao cho L.H., những vần thơ vụng dại. Chúng tôi có những ngày bên nhau, L.H. là một trời thơ mộng giữa phố thị ngược xuôi.

Tôi mất Sài Gòn, mất đi L.H. trong cái hỗn độn của cuối tháng 4, nghiệp ngã vô thường.

Thôi thì, cứ để dòng đời đưa đẩy, buông trôi. Gắng gượng với những ngày ở Đại Học Khoa Học. Tôi đã chạy theo và lánh đi một cuộc tình với T.T.A.H. "cô bé Lê Văn Duyệt", quen nhau trong chớp nhoáng tình cờ và có tính toán, từ những ngày đi học thêm, luyện thi Tú Tài ở Văn Học. Cái hạnh phúc mong manh và ngắn ngủi đó đã giữ tôi lại với Khoa Học, với Đại Học Tổng Hợp, ngắt bỏ đi những chập chững trong trường Y, làm bố tôi đã hơn một lần thất vọng, tưởng không người nối nghiệp.

Ngày A.H. rẽ lối chia lìa, tôi đã say với hơn một ly Bia, vùi đầu trong gối, nước mắt tuôn tràn. Những sợi tóc nàng trao tôi đã giữ đến ngày xa quê lìa xứ.

Thời gian phiêu pha, hình ảnh cũ rồi cũng nhạt nhòa bằng những cố quên, với Mai, với Minh, với Huyền... với những ngày lao động, với bút đèn. Tìm được niềm vui, tôi có Huyền Linh sau những ngày dài theo đuổi. Ở đây, nơi Huyền Linh, tôi tìm được một chút dịu dàng của Liên, một tí thơ mộng của L.H., một chút kiều sa của T.T.A.H. và có bóng dáng của tà áo dài mơ mộng của cô nữ sinh Gia Long, e ấp ôm bờ vai nhỏ ngoan hiền.

Khi ra trường tôi được đưa về làm ở Sở Thủy Sản, Huyền Linh về Công Ty

Cây Xanh Thành Phố. Khi có nhau, tôi không còn viết được những vần thơ lãng mạn như thuở còn theo đuổi, hẹn hò trong con phố nhỏ bên trường Đại Học Vạn Hạnh, lối dẫn vào nhà Linh - Ngày tháng bên nhau là những toan tính cho những lần ra đi.

Tháng bảy 1980 đến Đức sau hơn 2 tháng trong một trại tỵ nạn ở Singapore. Họ đưa chúng tôi về một tỉnh cách Hannover hơn 80 km về phía Nam. Nếp sống mới thắm lặng đến buồn tênh. May mà có Huyền Linh, tôi có một người bạn - một người vợ hiền làm nguôi đi nỗi nhớ nhà.

Lần tìm đến chùa đầu tiên, đi với một gia đình bảo trợ người Đức, tôi không được gặp Thầy. Ở một ngôi Niệm Phật Đường nhỏ bé trong một chung cư của người Đức, Thầy Minh Phú đã tiếp chúng tôi trong cái đơn sơ mà nồng hậu.

Sau đó vài tháng, được học bổng của Otto Benecke Stiftung chúng tôi đến Denklingen để đi học tiếng Đức, chuẩn bị để vào lại Đại Học. Một làng nhỏ, trên một triền núi miền Trung Nam gần Köln. Ở đây chúng tôi có hơn 300 học viên gồm Việt và Lào, có lẽ chúng tôi còn đông hơn cả số dân làng, hội lại để có những đêm dài với nhau nhớ về Việt Nam xa xôi nghìn trùng, ôn lại những dĩ vãng khôn nguôi. Rồi qua tình cờ, gặp lại Trần Tiến Nam, người bạn Võ Trường Toản Sài Gòn năm xưa, và Lý Hoàng Khâm dân Khoa Học năm nào.

Ngày Ostern, được nghỉ lễ, trường học đóng cửa. Họ cấp cho chúng tôi vé xe lửa để về nhà. Lúc đó, chúng tôi nào có thân nhân gì ở đây, biết về nơi nào? Chúng tôi cùng anh chị Hoa - Nam - giờ ở München - lại tìm về chùa.

Trời tháng tư vẫn còn những ngày thật lạnh, hơn một tuần bên Thầy, trong ngôi chùa cũ ở đường Eichelkamp Str. Tôi thực sự làm quen với nếp sống nâu sồng, đạm bạc đua chạy. Được nghe những điều giảng dạy. Có khi sáng thì được Thầy dẫn đi chợ mua rau đậu. Khi thì được Thầy chỉ cho xem vườn hoa, nắm mộ của vua chúa Hannover thời xa xưa... Chúng tôi thay phiên nhau, kẻ sơn người phết tu sửa lại mặt tường của ngôi chùa, mà Thầy thường kể xưa là kho chứa hàng của một hãng xưởng nào đó. Tối đến lại được nghe tiếng chuông mõ với lời tụng trầm ấm của Thầy. Tôi được biết cách lạ từ bi sám hối. Có lần sau khi ăn bữa cơm chay tối và ăn chè ngon và no quá, rồi lại lạ nữa, mỗi lời tụng là một lạ. Tôi bị nôn ói hết ra ngoài.

Lúc đó Chùa còn có Bác Ba, sau này là Sư Cô Diệu Niên, đã chỉ dạy

cho chúng tôi nhiều điều lắm và nhất là cách cư xử trong chùa.

Vào những bữa cơm chay tịnh bên Thầy. Thầy hay kể về quê hương xứ Quảng và cái hạnh hiếu học của mình, trong trường Đạo và ngoài trường Đời. Thầy quý những người chịu học dù cơ cực. Thầy kể về những ngày tu học bên Nhật; những lạc lõng đơn sơ trong những ngày giá lạnh trời Âu của buổi ban đầu...

Chúng tôi về lại ký túc xá, thỉnh thoảng Thầy có ghé thăm, cho những bó nhang thơm và vài quyển kinh, an ủi những người xa nhà mất quê, như chính mình...

Tháng 10 năm 1983 tôi được tuyển vào học ở Đại Học Y Khoa Hannover (Medizinische Hochschule Hannover). Chỗ tôi ở bất tiện cho việc đi về. Thế là lại khăn gói tôi tìm đến Thầy xin được tá túc vì chưa có phòng trong cư xá sinh viên. Thầy hoan hỉ nhận lời. Độ hơn tuần sau tôi có được chỗ trong cư xá. Thỉnh thoảng trong tuần vẫn về chùa thăm Thầy, lễ Phật, và nhất là được ăn chay đổi món.

Người Việt được Cap Anamur vớt đưa vào Đức ngày càng đông. Lúc này Thầy đang vận động để xây chùa; nào là đấu tranh cho Việt Nam, lại còn lo việc của Giáo Hội, bôn ba nay tính này, mốt địa phương nọ, chăm sóc tinh thần cho người Việt tỵ nạn. Tôi cảm phục Thầy lắm, đơn thân, trăm công ngàn việc, trong cái giá buốt trời Âu.

Những ngày bị giao động, nhớ bố mẹ và các em còn ở Việt Nam xa xôi, cách trở, tôi tìm được sự an ủi trong mái chùa của Thầy. Tôi được Thầy cho quy y Tam Bảo và truyền cho giữ năm giới cấm, dù biết mình khó giữ trọn.

Lúc Bố tôi mất ở quê nhà, Thầy đã làm lễ phát tang cho anh em chúng tôi. Tôi dứt nghẹn, vì lần ra đi không được về quì lạy báo ơn.

Tôi chưa phải là Phật Tử thuần thành, bây giờ mỗi lần chay tịnh là những cố gắng có thể nói là "ghê lắm". Thôi thì cứ đổ lỗi là vì cuộc sống và nhà tôi, Huyền Linh, không nấu cơm chay được ngon như ở chùa.

Những bận rộn gia đình, phòng mạch đã làm gián đoạn những bài viết về Y học mà tôi -cùng cô em gái- được đóng góp với báo Viên Giác, đã làm tôi áy náy mỗi lần về Chùa, gặp Thầy.

Tôi kính Thầy là một nhà tu, một nhà văn, đã đem đạo nguyện của mình gầy dựng cho Viên Giác suốt hơn 25 năm qua. Một hành diện cho người Việt xa quê.

Kính mừng sinh nhật lần thứ 54 của Thầy và kỷ niệm 25 năm Viên Giác.

• (Minden, 21.05.2003)

Dòng đời vô định

Vũ Nam

Tháng sáu mỗi năm ở Đức thường là tháng đã có nắng hè, chưa có nắng dữ dội, vẫn được coi là tháng có khí hậu dễ chịu nhất trong năm. Mưa không còn nhiều như trong tháng tư, tháng năm. Các cành cây trong tháng sáu hoa đã ra trái. Người ta không còn khổ cực vì bị Heuschnupfen như trong hai tháng trước, khi những cánh hoa li ti rải đầy bông phấn trong những cơn gió. Nhà cửa, khung kiếng bị hoa phấn vàng bám đầy.

Bài viết 25 năm cho chùa Viên Giác, báo Viên Giác, tôi vẫn chưa biết khởi đầu bằng cách nào! Ghi lại những hình ảnh từ những ngày đầu về chùa, những bài viết, truyện đầu tiên cho tờ báo, quả cũng không dễ. Nhiều hình ảnh đã mờ phai trong trí nhớ, nhạt nhòa theo thời gian. Mới đó mà đã 25 năm rồi! Thế giới đã có nhiều biến động và thay đổi lớn lao trong thời gian này. Nga và Đông Âu đã rời xa Chủ nghĩa Cộng sản. Việt Nam xáo trộn. Theo Nga, Việt Nam cũng phải đổi mới từ năm 86. Kể từ năm 75, sau mười một năm những người cộng sản nắm quyền định đưa đất nước tiến lên theo đường lối Xã hội Chủ nghĩa, nhưng đã thất bại, họ đành phải thay đổi. Văn nghệ ở Việt Nam sau năm 86, nói như một nhà văn đã mất: "Họ trối rồi mờ, mờ rồi trối, không biết đầu mà lường!". Thế giới có những cuộc chiến tranh lớn. Chiến tranh vùng Vịnh sau khi Irak chiếm đóng Kuwait. Chiến tranh chống khủng bố ở A Phú Hân sau ngày xảy ra vụ 11 tháng 9 ở New York. Và mới đây chiến tranh chống Saddam Hussein ở Irak. Đời sống với áo cơm trong một chuỗi ngày dài như thế phút chốc đã qua. Những lo lắng cho trong gia đình, ngoài xã hội, người bàn xử chung quanh đã chiếm mất thời gian "sống" của một đời người trong thời gian ấy. Đời sống tinh thần, quay về nguồn cội, có lẽ chỉ là dịp cuối tuần: bên bạn hữu; bên những người thân, chồng vợ con cái sum vầy, và bên những hoạt động tinh thần như biểu tình, lễ Phật, đi chùa, lễ lộc, v.v...

Một trong những điều tôi muốn viết ra ngay trong bài này - 25 năm cho chùa Viên Giác và báo Viên Giác - là hình ảnh và những lời nói, việc làm của thầy Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác, Chủ nhiệm báo Viên Giác. Hình

ảnh Thầy, theo tôi cũng như bao nhiêu hình ảnh các vị thầy mà tôi có dịp gặp, từ những ngày còn thơ ấu, năm sáu tuổi, đến hôm nay, sau hơn bốn mươi năm. Mỗi thầy có một hình ảnh riêng, cung cách riêng, biểu lộ riêng, tiếp xúc riêng, ... khó có ai giống ai hoàn toàn. Vì thế, hình ảnh vị thầy tu từ Nhật qua Đức năm 78 sau cuộc đổi đời nghiệt ngã trên quê hương năm 75 với người khác chắc có nhiều điều đặc biệt, nhưng với tôi thì không. Đơn giản với tôi, Thầy là vị tu hành tôi kính phục.

Nhưng còn việc làm của Thầy thì quả đến nay ai cũng biết. Một người có đức độ to lớn lắm mới hoàn thành những công trình và việc làm đầy tầm cỡ, đầy phước báo như Thầy: một ngôi chùa lớn và những Phật sự rộng khắp nước Đức (với hơn mười tám Chi Hội Phật Tử hoạt động). Ngôi chùa Viên Giác rất quan trọng cho công việc hoằng pháp ở nước Đức. Nhưng theo thiên nghi của tôi việc sau quan trọng hơn việc trước. Chùa là phương tiện, nhưng cứu cánh vẫn là tất cả lòng người Việt tại Đức dần dần theo thời gian thấm nhuần được Phật pháp. Có thể nói: còn Phật pháp, lòng người, chúng ta còn tất cả, mất Phật pháp, lòng người, chắc rồi chùa cũng dần dần bị mai một mà thôi. Và một chuyện khác. Trong những lần giảng thuyết tôi thường nghe thầy Thích Như Điển nói: "*Mỗi Phật tử nên tìm hoặc nên có một vị thầy mà mình cho là thích hợp để nương theo vị đó mà tu hành, như vậy mới dễ có kết quả. Có người cho là tôi khó, như vậy thì tìm thầy dễ, thích hợp với mình để theo tu, điều đó cũng tốt thôi.*" Như vậy, nếu quả thật Thầy khó, nhưng cũng có rất nhiều người "thích hợp" với Thầy và đã nương theo Thầy để tu tập. Nhiều vị Tỷ Kheo, đệ tử thầy, đã thành công trong việc tu, việc học đã nói lên điều đó: Thầy Hạnh Tấn, Hạnh Nguyên, Hạnh Hào (người Đức), Hạnh Bảo, Hạnh Vân, Hạnh Từ, Hạnh An v.v... Như vậy, ngoài chùa, Hội Phật Tử với các Chi Hội, Thầy còn có một số đông đệ tử thành đạt, xứng đáng là những người rao giảng Phật Pháp cho các thế hệ sau.

Thường tôi không thích hình ảnh những vị Thầy nơi những lễ hội đông đảo, "tiền hô hậu ủng", có lẽ đời sống trẻ thơ đã có ít nhiều gắn bó với các Thầy tu ở những nơi vắng vẻ, nên cho đến bây giờ vẫn thích những vị Thầy quần áo nâu sòng, đời sống đạm bạc trong những ngôi chùa trên núi cao, trước cảnh sông nước êm đềm, biển rộng bao la, rừng cây bạt ngàn với đầy thú rừng chim chóc. Những thâm sơn

cùng cốc đó mà thỉnh thoảng vị Thầy trụ trì phải tiếp một Phật tử đến viếng chùa, một đoàn hành hương, hay phải đứng ra tổ chức một ngày lễ rằm, vía Phật cho bà con dưới thôn dưới làng lên vân tập, hành lễ nơi chùa là hình ảnh trong sáng và đẹp biết bao. Ngày xưa ở Sài Gòn, nơi tôi ở trọ học gần một chùa lớn, cảnh "rằm rộ" trong chùa trong các ngày lễ hội lớn đã là những hình ảnh quen thuộc, đến nay ít còn để lại ấn tượng gì trong đầu (ngoại trừ những chuyện đã xảy ra trong những năm đầu của thập niên sáu mươi, vì đó là chuyện lịch sử. Nhưng khi ấy tôi lại còn quá nhỏ, ở dưới quê). Nhưng lại thấy bâng bạc trong lòng mỗi khi nhớ về những ngày trẻ thơ, tuổi còn dại khờ, thỉnh thoảng nhìn được một vị Thầy với bộ đồ nâu đang đàm đạo với ba tôi; đôi khi nhìn được "ông thầy" đang xách bình nước đứng tưới cây trong khu vườn nhỏ quanh chùa. Buổi chiều gió biển lộng đây. Biển đang giông. Trời đầy mây mù. Hình ảnh Thầy sao an nhiên trước bạo lực, dù đó là "bạo lực" của đất trời. Thầy khiêm cung, an tâm làm việc tưới cây. Khi ngẩng mặt lên gặp một đạo hữu bất thần đến thăm chùa, bao giờ Thầy cũng mỉm cười, an nhiên tự tại, tiếp đón niềm nở. Dù nói như vậy, nhưng không hẳn tôi đã không hợp với Thầy Viên Giác. Chính tôi đã học qua nhiều lời giảng và cung cách của Thầy. Những lúc Thầy buồn, Thầy giận, Thầy vui, lúc Thầy làm đúng, lúc Thầy nghĩ sai... nếu gần Thầy người ta cũng học được rất nhiều điều bổ ích, rút ra được ít nhiều kinh nghiệm cho mình. Nhưng ví cho cùng, như các Thầy hay dạy, ngày nào chúng ta còn biết phân biệt ngày đó chúng ta còn khổ. Do đó vui, buồn, giận hờn, đúng sai, thành đạt hay thất bại... cuối cùng rồi cũng bị cuốn trôi theo dòng đời mà thôi. Câu hát "...để gió cuốn đi..." trong một bài hát của Trịnh Công Sơn có lẽ là câu khuyên nhủ rất hay.

Kỷ niệm 25 năm cho chùa Viên Giác, báo Viên Giác mà không viết ít dòng chữ cho anh Vũ Ngọc Long tôi vẫn thấy không yên, dù lúc sinh thời qua những bài viết, anh cũng dụng chạm đến ít người, làm buồn lòng đến ít người. Nhưng với báo Viên Giác công của anh không ai chối cãi được. Anh là nhà báo, nhà thơ, nhà văn đã cộng tác rất lâu cho tờ báo. Từ những ngày khởi đầu cho đến lúc anh gần lìa đời. Anh cộng tác hơn mười mấy năm. Suốt thời gian dài ấy hầu như chỉ có anh lo viết về phần Thời sự - Chính trị cho báo Viên Giác. Rồi thỉnh thoảng cũng cộng tác văn, thơ. Súc sống và súc viết anh

đang sung mãn, bỗng nhiên anh lại ra đi! Dù biết đời chỉ là huyền mộng, chuyện đi-ở, còn-mất là chuyện thường tình, nhưng tôi vẫn không cầm được nước mắt trong ngày lễ tiễn anh ra nghĩa trang. Và đã khóc trong những giờ phút viết bài "Vài hàng sau cùng với nhà báo Vũ Ngọc Long" để đăng trên những tờ báo có anh cộng tác. Tình cảm khi viết bài báo ấy thật nóng hổi với những cảm giác tái tê sau mấy ngày anh vừa mất. Chưa bao giờ có một bài viết nào làm tôi xúc động bằng bài viết này. Còn Bác Năm, Chị Nga, anh Sanh, anh Như Thân..., những cột trụ cho Chùa, cho Tòa soạn và việc in ấn sách. Còn các anh chị đã từng cộng tác: Lê Thị Bạch Nga, Phạm Thắng (Canada). Nhà văn Hồ Trường An, Giáo sư Vũ Kỳ, Giáo sư Huyền Thanh Lữ, Bác sĩ Tôn Thất Hứa, anh Nguyễn Tấn Hưng... cùng toàn bộ anh chị trong Ban Biên Tập với anh Chủ bút Nguyễn Trí, và các cộng sự viên đã là những người đã đóng góp ít nhiều cho tờ báo, tôi thật không viết ra hết được.

Nhà văn Nguyễn Văn Ba cũng đóng góp chút ít cho tờ báo. Anh quen biết báo Viên Giác chưa lâu thì cũng vinh biệt cõi đời. Anh ra đi cũng sớm! Y như anh Vũ Ngọc Long. Cũng có ít người đến báo Viên Giác, rồi thăm lặng ra đi với những vui, buồn, hờn giận hay khoan dung. Trong dòng đời vô định này, như đã nói, sự tan hợp là chuyện thường tình, tôi không muốn bàn nhiều.

Trong mấy ngày rảnh rang vừa qua tôi có nằm đọc cuốn truyện dài Trong Lâu Đài Kỷ Niệm (TLĐKN) của chị Dư Thị Diễm Buồn. Nhân chuyện ôn lại quá khứ với báo Viên Giác, tôi muốn nhắc lại đôi chút truyện TLĐKN của chị Diễm Buồn. Vì truyện cũng viết cho một thời quá khứ của chị. Thời cuối thập niên sáu mươi. Thời con gái. Lúc tuổi còn hồn nhiên như trang giấy trắng vào đời. Những mối tình đầu len lén vào tâm hồn. Tôi đọc thấy hay vì có lẽ vẫn chị sống thực. Tâm hồn cũng thấy ít nhiều dao động theo những chi tiết do chị kể. Những lần đi chơi với người tình. Những lần vui và những lần mệt mỏi, chán chường, thất vọng. Những lần đi câu cá trên những nhánh sông phụ lưu sông Tiền Giang với cha. Những lần kể chuyện về người chồng tương lai, người mẹ, người chị, người em trong gia đình. Chị làm tôi cũng choáng ngợp với khung cảnh và tình người miền Nam. Nơi quê tôi chỉ có biển, không có sông, nên qua truyện của chị tôi như sống được những phút giây trên sông nước miền Tây. Tiếp xúc được cùng các cô gái miền Nam

hiền hậu, chân tình. Nơi đâu trên đất nước Việt Nam lại không có các cô gái đẹp. Bắc Trung Nam đều có cả. Nhưng mỗi khi tác giả nào đó cho đọc giả khi đọc những đoạn mình viết phải liên tưởng ngay, cảm tình ngay đến những con người, những cô gái, chàng trai mà tác giả diễn tả trong câu chuyện, như vậy cũng có thể gọi là thành công rồi. Chị Dư Thị Diễm Buồn cũng vậy. Không phải vì cuốn TLĐKN do nhà văn Doãn Quốc Sĩ viết tựa mà tôi đọc, mà vì chuyện trong sách lôi cuốn. Không phải là một tuyệt tác, nhưng với tôi sách rất níu kéo người đọc. Đọc luôn một mạch cũng được. Đọc đoạn trước đoạn sau rồi đến đoạn giữa cũng được. Cái chính là rồi cũng sẽ đọc cho xong cuốn sách. Có vài tiểu tiết trong truyện, theo thiên nghĩ của tôi, chị không cần ghi vào trong truyện, không cần thiết. Nhưng có lẽ chị "thật quá", nên nghĩ cứ ghi hết những gì chị đã sống qua, biết qua. Nhưng ấy chỉ là tiểu tiết, không quan trọng, không làm mất giá trị cuốn sách.

Những ngày đông vừa qua, thỉnh thoảng chiều chiều một đàn cừu vài ba trăm con đến ăn cỏ trên cánh đồng trước khu nhà tôi ở. Tất cả đều cúi xuống, chúng nó chỉ có một nhiệm vụ là ăn cỏ, an tâm ăn cỏ, ít để ý đến những chuyện chung quanh, đất trời đang vần vũ, màu trời đang mờ mịt, chiều sắp xuống, tuyết sắp rơi. Ở một gốc cây xa xa, một bác chăn cừu mặc bộ đồ đen dài rộng, trên tay cầm một que cây, ánh mắt mông lung, xa vời, ít tập trung vào chuyện gì nhất định. Sao người và cừu ung dung thế! Trong khi bên ngoài đàn cừu, bên ngoài cánh đồng, đời sống đang tranh giành, những con người và hăng xuống đang có những tính toán làm ăn hơn thua, giành giật. Cứ khi nhìn đàn cừu hiền hậu, tâm hồn tôi có chút bức xúc, nghĩ đến những thân phận làm than, những con người không biết đến tương lai khó khăn đang chờ đón mình. Đàn cừu đâu biết đến ngày mai ngày mốt nào nó sẽ bị lên bàn mổ, bị làm thịt để nuôi người, vậy mà bây giờ vẫn an nhiên cúi đầu gặm cỏ. Hạnh phúc cho đàn cừu. Hạnh phúc cho những người ít biết tính toán hơn thua. Cho những người chỉ biết sống với những giờ phút hiện tại.

Sau cùng, trong khi viết bài này, tình cờ tôi đọc được một câu của thầy Thích Như Điển viết trong một cuốn sách của Thầy, tôi xin lấy nó để chấm dứt bài viết này: *Tôi thích bán những gì người ta thích mua, chứ tôi không bán những gì mà tôi thích bán.* Lời Thầy đã chỉ ra cho tôi một con đường. •

Viên Giác Tự



• Hồng Nhiên

Năm nay 2003. Đánh dấu chặng đường một phần tư thế kỷ; đạo Phật có mặt trên nước Đức và 25 năm xuất bản báo Viên Giác từ số 01 đến 135.

Người viết xin ghi lại vài dòng cảm tưởng của mình trong thời gian qua.

Không biết bắt đầu từ lúc nào, nhưng điều tôi nhớ nhất là vào cuối năm 1978, lúc tôi và hai cháu nhỏ còn ở Việt Nam. Nhà tôi, anh Thiện Căn và cháu trai đầu lòng được đến Tây Đức, đang tạm trú tại trại tỵ nạn Friedland. Lúc còn ở trại, anh gởi thư về trong đó có một câu mà tôi vẫn còn nhớ mãi tới ngày nay:

"Ở đây chẳng thiếu thứ gì, nhưng buồn lắm. Cũng may anh gặp hai người. Thứ nhất là một vị Đại Đức người Quảng Nam (lo về tinh thần) cùng xứ Quảng với anh. Thứ hai là Bác sĩ Nguyễn Xuân Trang, người Mỹ Tho cùng quê với em". Tôi không biết vị Đại Đức, nhưng Trang là cháu gọi tôi bằng Cô, tôi đã biết Trang từ lúc nhỏ còn ở quê nhà.

Năm sau, gia đình tôi đoàn tụ và vị lo về tinh thần là Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì chùa Viên Giác và cũng là Sư phụ của tôi đã cho tôi Pháp danh Thiện Tạo.

Vào những năm 1981 đến 1985, gia đình tôi thường về chùa Viên Giác vào những dịp có Đại Lễ. Anh Thiện Căn làm công quả, còn tôi chẳng biết làm gì, vì sau khi lễ Phật rồi còn quá dư thời gian tôi chỉ biết tìm bạn bè và những người quen để trò chuyện. Lúc đó thấy các bác, các anh chị rất đông làm công quả như: gọt xắt, nấu nướng,

làm bánh, phát hành thức ăn v.v... Tôi và chị Tư (Tăng Bích Phân) muốn làm nhưng chẳng biết hỏi ai và cũng sợ không biết mình làm có được không?

Mãi đến năm 1986, chúng tôi về Chùa gặp lúc đang họp để phân công việc và trách nhiệm (làm công quả) cho kỳ Đại Lễ Vu Lan sắp tới. Tôi xin phát hành thức ăn. Cũng từ đó về sau tôi gần gũi với Chùa với đạo nhiều hơn.

Ngày Khánh thành Tân Viên Giác Tự, tôi xin Quy Y, chánh thức là đệ tử của Thầy.

Trong thời gian làm công quả, tôi có rất nhiều bạn đạo. Người cùng đi, cùng về với tôi là chị Tư. Vì chúng tôi cùng ở chung một tỉnh, cùng học chung một khóa tiếng Đức và cùng làm chung một hãng. Nhưng ở đời chẳng có gì trường cửu "có hợp thì có tan". Ở gần đôi khi coi thường, không biết quý trọng, đến lúc xa thì luyến tiếc vô cùng. Mùa hè năm 1999, vì hoàn cảnh gia đình chị Tư dọn nhà đi đến tỉnh khác.

Còn tôi, tưởng phải đóng trụ ở đấy (Lingen) cho đến cuối cuộc đời, không ngờ rồi cũng xa thành phố thân yêu đó, nơi đã tạo cho gia đình tôi thật nhiều hạnh phúc. Rồi cũng chính nơi đây đã chia cho gia đình tôi thành những đơn vị nhỏ do các con chúng tôi học hành và trưởng thành.

Thành phần trong Ban Phát Cơm của chúng tôi còn có các em Nam, Vinh, Dinh, cô Duyên, chị Tám (trong Ban Hộ Trì), Nghiêm và nhiều người nữa.

Còn một đôi "vợ chồng" trẻ nữa, nếu tôi quên nhắc ra thì lần tới về Chùa chắc bị đối (vì sau này tôi không còn làm ở Ban Phát Cơm mà vào Văn phòng giúp chị Nga tại Ban phát hành kính sách).

Cặp "vợ chồng trẻ" đó là anh Tường, chị Hữu. Đôi khi tôi cũng tự nghĩ, nhờ duyên may nên làm "công quả" chung với anh chị để tôi sống thêm tuổi thọ nữa chẳng? ... Vì anh chị rất có sức khỏe và lúc nào cũng nở nụ cười rất là ... tươi mát.

Đến ngày Chủ nhật mãn lễ, hàng cơm cũng lo dọn. Ban chúng tôi mới họp lại để chuyện trò, câu chuyện lúc nào cũng nổ như bắp rang. Nhưng "cuộc vui nào rồi cũng tàn". Nhìn từng người ra về, cứ "Tschuess! Tschuess!" hoài mà chẳng ai chịu quay lưng.

Cảnh Chùa trong những ngày lễ lớn cũng giống như buổi chợ đông. Trước đó nhiều người đã điện thoại cho nhau. Từ các cô cậu hẹn hò đến những cụ già, các cô, các anh, các chị, các bác cũng theo con cháu về Chùa để lễ bái, cầu nguyện, gặp gỡ Những người đi làm, các em sinh viên, học sinh cũng trông chờ đến cuối tuần gặp bạn.

Viết đến đây tôi nhớ có lần hỏi ở Chùa cũ tại đường Eichelkamp cũng vào trưa Chủ nhật tôi đang đứng ở hàng cơm thì có một em trai tuổi chừng 15, 16 đến gần tôi ngập ngừng một chút rồi em nói vừa đủ cho tôi nghe:

- Cô ơi! Con đói quá, cô cho con xin một phần cơm được không? Hôm qua má chỉ cho con vừa đủ tiền đi xe lửa nên con không có tiền mua vé ăn.

Tôi hỏi: Nhà em ở đâu?

- Xa lắm cô, con đi xe lửa gần nửa ngày mới tới.

-Hôm qua em có ăn gì không? Tôi hỏi tiếp.

Em trả lời: Thằng bạn của con nó cho con ăn cơm chung với nó. Hôm nay nó về rồi nên con không gặp.

Tôi đưa cho em phần cơm và dặn nếu chưa đủ thì em lại đây lấy thêm.

Đôi mắt em sáng lên khi nhận phần cơm.

Cũng vào giữa năm 1986, tôi bắt đầu lục lạo trong ký ức để viết chuyện vui và chuyện cổ tích cho các em Thiếu Nhi (sau này đổi thành Trang Hoa Phượng).

Vào thời điểm này nhà văn Vũ Nam đang phụ trách Trang Thiếu Nhi. Anh còn trẻ nên viết cho tuổi trẻ rất thích hợp. Nhưng vài năm sau đó, anh xin nghỉ để tiếp tục con đường học vấn.

Tôi nhớ hồi nhỏ, lúc 7, 8 tuổi, ba tôi hay kể chuyện đời xưa. Tối nào tôi cũng ưu tiên ngồi trong lòng của ông (vì sợ ma và đôi khi ba tôi còn kể chuyện ma nữa), còn má và các chị tôi ngồi bên cạnh để nghe ba tôi kể chuyện. Có lẽ vì không có nhiều, nên mỗi câu chuyện ít nhất tôi cũng nghe qua ba, bốn lần.

Sau này có sách chuyện cổ tích nên tôi chỉ làm nhiệm vụ sưu tầm.

Ở trong Ban Biên Tập (BBT) rất vui, bên nữ chỉ có ba người: chị Nga, Huỳnh Hoa và tôi. Đặc biệt năm 2001 có Ngọc Châu và Ngọc Tuyết từ Neufahrn về Chùa họp báo. Ngọc Tuyết viết cho Trang Hoa Phượng, còn Ngọc Châu thỉnh thoảng cũng có bài cho báo Viên Giác và sau này Ngọc

Châu phụ trách "Tin Tức Đức Quốc". Cũng từ đó, tôi có thêm vài người bạn thân nữa.

Bên Nam, sĩ số gấp ba bên nữ. Mỗi năm BBT về Chùa họp báo một lần. Sau giờ họp báo, Thầy Chủ nhiệm tặng cho chúng tôi mỗi người một bao "li-xì" (tượng trưng) và một bữa cơm chiều ở một nhà hàng gần Chùa. Đó là thời gian chúng tôi chuyện trò thoải mái nhất. Tính đến nay tôi đã tham dự 17 lần.

Nhớ lại những số báo năm đầu (01.01.79) rất đơn giản và chữ trong khuôn khổ đánh máy, màu trắng, đen, mỗi hai tháng một kỳ. Mỗi kỳ phát hành 500 tờ. Suốt trong thời gian 25 năm qua, mỗi năm số độc giả càng tăng, đến năm nay con số trên 6.000 tờ và gởi đi cả thảy 33 quốc gia trên thế giới. Tôi rất quý tờ báo Đạo này nên thường hay đọc lại để so sánh và tìm hiểu. Vì vậy mà tôi đã giữ gìn đầy đủ đến ngày hôm nay.

Kính bạch Thầy. Thầy sắp sửa giao ngôi Chùa Viên Giác lại cho một Đệ tử, Đại Đức Thích Hạnh Tấn, tiếp tục điều hành. "Tre già thì măng mọc". Thầy ví như cây tre sống trên xứ tuyết, cây tre Chùa Viên Giác nếu so với tuổi đời thì Thầy chưa phải là già. Con mắt và trí tuệ thô thiển của chúng con thấy có những vị Thượng Tọa đã nhiều tuổi đời, tuổi đạo, nhưng chưa có một Đệ tử để thay. Còn Thầy, trong hiện tại đã đào tạo được nhiều Đệ tử tài giỏi, kiến thức cao, hiền đức, rất xứng đáng để thừa kế. Đó là niềm hân diện của Thầy và hàng Đệ tử chúng con. Đã biết Thầy có đi đâu vì Phật sự rồi những ngày lễ lớn Thầy sẽ trở về Chùa nhưng không hiểu tại sao chúng con cảm thấy buồn, hình như mất mát một thứ gì quý báu lắm.

Nhớ ra vì con là Đệ tử của Thầy.

Con cũng xin tạ lỗi với Thầy, vì đạo hạnh của con còn quá kém, chuyện đời con nhớ nhiều hơn chuyện đạo. Những ngày lễ con về Chùa lễ Phật xong thì chỉ biết ở hàng cơm và bây giờ là hàng sách phụ với chị Nga, con không có thì giờ để ngồi trên Chánh điện nghe quý Thầy thuyết pháp.

Nhớ lại Tết vừa qua con không về Chùa được, nên ngày rằm tháng giêng chúng con mới về, đến trưa ngày Chủ nhật được Thầy thuyết pháp bằng một mẩu chuyện kể, mới nghe thấy đơn

giản nhưng rất có ý nghĩa. Đó là chuyện "Hoa hồng trên xứ tuyết".

Lúc ra về, anh Thiện Căn nói với con: - Lâu quá mới nghe Thầy thuyết pháp. (Vì chúng con bận phụ trách các công việc khác tại chùa, không thể bỏ đó để lên chánh điện nghe thầy thuyết pháp!).

Lắm lúc con nhớ lại những kỷ niệm đau đầu, nhức óc về mặt thể xác lẫn tinh thần mà Thầy đã trải qua từ lúc mua 4.000 m² đất để xây Chùa (không đủ tiền trả), đến khi hoàn tất ngôi Chùa trị giá trên 9 triệu Đức Mã. Con đường chông gai, nhiều chướng ngại mà Thầy vượt qua đã làm rạng rỡ cho người Việt Nam ở nước Đức nói riêng mà còn cho tất cả cộng đồng người Việt sống trên Âu Châu này nữa. Câu của Nguyễn Thái Học: "*Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông*" rất đúng trong trường hợp này.

Tiếp theo đây, con xin phép Thầy cũng như tất cả độc giả báo Viên-Giác kể một câu chuyện hơn mười năm về trước.

Sau ngày lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác tôi có gặp vài người quen, các chị ấy tuổi cũng trên năm mươi. Khi nhớ ra và đã quen mặt nhau vài lần ở quày phát cơm Chùa cũ. Chúng tôi nhắc sơ vài kỷ niệm ở Chùa thì một chị nói với tôi giọng như hờn trách.

"-Tôi nói ra chị đừng buồn nhé. Chúng tôi bên (nước láng giềng của Đức) buồn lắm. Nhỏ hồi bên Đức chưa xây Chùa mỗi thì chúng tôi bên này đã lặn lội tới Chùa cũ, có phương tiện thì đi xe riêng, còn không thì chúng tôi hùn lại đi xe Bus. Lúc đó Chùa cũ rất chật chội, thiếu thốn đủ thứ, nhưng quý Thầy và các Đạo hữu thấy chúng tôi ở xa đến thì mừng rỡ, vui vẻ đầy tình người, nghĩa đạo."

Còn bây giờ Thầy và Phật tử có Chùa to, Phật lớn, giàu quá nên thấy chúng tôi chẳng ai màng đến. Thậm chí cần gì cũng không biết hỏi ai. Buồn quá nên chị em chúng tôi chắc không bao giờ đến nữa."

Nghe câu chuyện chị vừa kể, tôi không buồn giận chị, mà trái lại tôi rất thông cảm cái khổ tâm, cái giận hờn của người cố chấp, sự nông cạn về cách suy nghĩ, cách nhìn của người ngoại cuộc. Các vị này cứ tưởng Chùa lớn là Thầy giàu, Đệ tử giàu. Nhưng ... muốn có một nền Văn hoá và Đạo

Phật phát triển ở đây, thì Thầy và các Phật tử phải quyết tâm về tinh thần và vật chất để xây dựng ngôi Chùa. Không những cho thế hệ này mà còn lưu lại cho các thế hệ sau.

Còn Chùa lớn muốn hỏi ai, tìm ai cũng là một vấn đề, nhưng đó là một vấn đề nhỏ. Nếu muốn thoải mái, không cố chấp thì xin quý vị cứ hỏi, người này không biết thì hỏi người khác, chỉ đơn giản thế thôi.

Sau khi nghe tôi giải thích có những lần vì hết tiền, nhà thầu đòi nợ. Thầy và các Đệ tử phải đi khẩn thực, gõ cửa từng nhà hoặc có lúc mấy chục người làm công quả mà Chùa không có một đồng để mua thức ăn ...

Các chị này hồi đầu câu chuyện thì sân si nổi dậy và đến bây giờ thì "đổi giận làm vui". Các chị còn xin lỗi tôi vì họ không nghe ai kể lại, cũng không biết quý Thầy và Phật tử đã gặp nhiều khó khăn như vậy.

Kính bạch Thầy! Theo con nghĩ, câu chuyện trên đây là một lời phê bình, một chống đối nhỏ và có thể Thầy đã nghe cũng như đã nhận được nhiều thư của những Phật tử cũng như không Phật tử. Người nói vô thì ít, kẻ bàn ra thì quá nhiều.

Kính bạch Thầy! Nhân sinh nhật lần thứ 54 của Thầy, chúng con kính chúc Thầy thân tâm thường an lạc cũng như tất cả đều thuận duyên trong việc ẩn tu, dịch kinh và nhập thất v.v...

Kính chúc Đại Đức Thích Hạnh Tấn, tân Trụ Trì Chùa Viên Giác sẽ tiếp nối con đường hoàng dương Đạo pháp để đạo Phật càng phát triển mạnh trên nước Đức cũng như ở Âu Châu này.

Sau cùng, câu dân gian thường nói "sóng sau vỗ sóng trước". Tờ báo Viên Giác có được như ngày hôm nay là do nhiều nhân duyên và nhiều cây viết nối tiếp nhau. Có người đã ra đi cũng như có người mới bước vào. BBT báo Viên Giác lúc nào cũng mở rộng vòng tay đón chờ những bạn trẻ, những cây viết mới để cho tờ báo được thêm phần khởi sắc hơn lên.

Mùa Phật Đản 2547 (2003 dl)
Willich

Thấy hiu hiu gió...

Hoài niệm về những bằng hữu đã cộng tác với báo Viên Giác

• **Phù Vân**



vang những bước chân chập chờn, những bàn tay tua tủa móng vuốt...

Nghĩa trang, bây giờ là cảnh giới của muôn màu muôn sắc hòa hợp trong một khung cảnh trật tự, bình yên bằng những cấu trúc nhân tạo hài hòa với những quần thể cây cỏ thiên nhiên, không những chỉ làm cho linh hồn người chết được yên ổn siêu thoát mà còn xoa dịu được nỗi tiếc thương của thân nhân người quá cố. Đây là cõi tịnh thoát xa thế tục...

Ngày ngật nắng gió. Tôi chìm mình trong mùi trầm hương, chập chờn theo những âm vang xa xôi mịt mù từ cõi nào vọng lại, tôi nghe như có tiếng còi thét lên. Tiếng còi tạo nên một khoảnh khắc im lặng trong Chánh điện của một buổi đại lễ Phật Đản nào đó tại Chùa Viên Giác, hình như vào năm 1983 thì phải.

Đó là tiếng còi quen thuộc của bác Quang Kính. Tiếng còi của những năm xa xưa kia, chứ sau này bác không còn sử dụng nữa vì bà con đã ý thức giữ được trật tự và yên lặng nơi chốn tôn nghiêm. Tôi không hiểu tại sao hôm nay trong tâm thức tôi có sự hiện hữu của bác. Tôi thì thầm:

- Bác Quang Kính ơi, Phù Vân biết bác từ buổi đầu khi được nghe tiếng còi của bác thét lên! Biết bác là người lo vấn đề trật tự cho các buổi lễ tại Chùa, chứ không dám nghĩ bác là một vị trọng tài... bóng đá, vì bác sử dụng cái còi, xin lỗi bác, lần lúc nghe cũng nhúc đầu... điếc con ráy!

Hình như tôi nghe giọng cười dễ dãi của bác, bác hỏi tôi:

- Phù Vân còn nhớ đến những kỷ niệm từ buổi ban đầu đấy á! Còn nhớ gì nữa nào?

- Nhớ chiếc áo dài màu khói hương của bác, nhớ chiếc nón lá bác thường kẹp trong tay, nhớ chiếc khăn bác quàng lên cổ vào mùa lạnh, nhớ cuốn sổ bác giữ trên tay...

- A, cuốn sổ thì không thể thiếu được. Đó là vật bất ly thân! Bởi hồi đó Chùa còn nghèo quá, bác phải lo kêu gọi Phật Tử phát Bồ Đề tâm cúng dường trai tăng, đóng góp chương trình này, phát triển công tác nọ để tăng thêm phúc báu...

- Thưa bác, bây giờ Phù Vân nói bác đừng cười nghe! Nhiều lần trong túi trống rỗng, Phù Vân thấy bác từ xa mà không dám lại gần để hỏi thăm sức khỏe của bác; thôi đành "tam thập lục kế, đào vi thượng sách" tìm đường trốn bác là... ăn chắc!

- A, thì ra thế! Nay Phù Vân, mà bác cũng sợ gặp mặt Phù Vân, nhất là vài tháng trước Tết! Phù Vân có biết tại sao không?

- Dạ không, xin bác cho biết lý do?

- Vì sợ Phù Vân đòi bài Sớ Táo Quân! Bác khổ tâm nhất khi viết bài này vì bác phải vận động trí nhớ để ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong năm... Nhiều lần bác nói với Phù Vân là bác đã già rồi, nên kiếm người khác thay thế mà Phù Vân cứ bắt buộc bác hoài...

- Dạ đâu dám bắt buộc bác, Phù Vân chỉ năn nỉ nhờ vào một tay... Táo Bà! Nay xin mời bác nghe lại phần mở đầu của "Táo Ha-Nô" ở Hannover trong Sớ Táo Quân Xuân Quý Mùi năm 1993:

Muôn tâu Thượng Đế

Thần quy dưới bệ

Là Táo Ha-Nô

Trình bày bệ hạ

...

Nhiều lần bác Quang Kính "năn nỉ" tôi tha cho bác khỏi viết Sớ Táo Quân, vì bác đã lớn tuổi, không còn nhớ hết những chi tiết đã xảy ra trong năm từ tình hình Việt Nam, đến tình hình thế giới; từ sinh hoạt Phật sự của Giáo Hội Phật Giáo Hải Ngoại cho đến những chi tiết của Chùa Viên Giác và của các Chi Hội Phật Tử. Nhưng nhận thấy bác có nhiều khả năng về thể loại này và nhất là bác đã từng làm thơ tranh đấu đăng ở báo Nhân Quyền Hannover, và bác cũng đã có những bài thơ xuất sắc trong công cuộc vận động xây Chùa Viên Giác. Trong tiến trình xây dựng Chùa Viên Giác, Thầy Trụ Trì phát động bao nhiêu chương trình thì bác Quang Kính có bấy nhiêu bài thơ vận động kêu gọi mọi người mọi giới đóng góp. Đây là một loại thơ dễ làm mà khó thành công vì tứ thơ phải phát xuất từ tinh thần, khác với thơ nghệ thuật phát xuất từ tâm ý.

- Bác Quang Kính ơi, bác còn nhớ năm nào bác la rầy Phù Vân viết "tục" quá trong một loạt bài: "Mỗi Kỳ Một Chữ", hình như hồi đó Phù Vân viết về chữ "chơi" thì phải?

- Nói bậy nào! Bác nào có "la rầy" gì đâu, chỉ góp ý với Phù Vân. Loạt bài đó có giá trị văn chương lắm, kể cả văn chương bình dân với nhiều ca dao tục ngữ nên không tránh khỏi những

danh từ "trần tục" thiếu thanh tao, làm cho các bậc tu hành nhân mặt, các bác khó chịu, nên mới nhờ bác là người quen biết nói lại với Phù Vân...

- Cảm ơn bác, cũng nhờ vậy mà từ đó Phù Vân chuyển hướng viết về văn chương hướng thượng...

Lại nhớ vào mùa hè năm 1997, Tiến sĩ Lâm Như Tạng ở Úc châu, trong một chuyến đi Âu Châu có ghé lại Chùa Viên Giác và mở khóa huấn tu. Bác Quang Kính cũng có tham dự và sau đó có làm bài thơ để tặng Tiến sĩ Lâm Như Tạng với tựa đề: "Bán Tự Vi Sư" gửi đăng báo Viên Giác. Gặp bác, tôi làm bộ nhăn nhó trách:

- Tại sao bác viết bài thơ "Xây chùa là Thầy", mà "Bán Chùa Cũng Là Thầy" là sao?

- Bậy nào? Bài thơ có tựa là "Bán Tự Vi Sư"- có nghĩa "Nửa chữ cũng là Thầy" mà!

- Xin lỗi bác, giờ nghe bác giảng nghĩa đầu óc Phù Vân mới hiểu ra. Thật đúng là, mặt mày trông sáng sủa mà chữ nghĩa lại tối om! Thế mà cứ tưởng... ! Thôi xin bác bỏ qua cho, vốn liếng chữ Nho của Phù Vân chẳng có bao nhiêu, đúng là nho chùm, nho thối! Còn chữ Hán thì háng...

Cũng may tôi vừa kịp stop cái miệng ăn mắm ăn muối của mình lại... còn nếu không lỡ phát ngôn trọn câu, thì chắc phải tội quỳ hương sám hối!

Bài thơ của bác có mấy đoạn rất thật, rất chí tình:

...
*Thầy ơi, giáo lý rất mù mờ
Nghe Thầy thuyết giảng chỉ hiểu sơ
Mấy người học giỏi, khen ngợi hỏi:
- Thầy dạy rõ ràng, bác hiểu chưa?*

*Hiểu hay chưa hiểu, cũng đành thôi
Bảy mẩy, trí khôn lụn hết rồi!
Hiểu được chữ nào hay chữ đó
Xin đừng lục vấn, hỏi lời thôi!
(Quang Kính, Hannover 28.7.1997)*

Có lần tôi gửi thư thăm bác Quang Kính đồng thời nhắc nhờ bác viết Sơ Táo Quân cho số báo Tết, trong thời gian này bác đang tu học tại Chùa Viên Giác, mặc dù bác mới bị té chân còn bó bột, bác gửi cho tôi bài thơ "Lời Chúc Đầu Xuân":

*Ở chùa một tháng vừa xong
Cảm tình đạo hữu có lòng giúp tôi
Cẳng đau, khó lạy, đứng ngồi
Đỡ dần người dốt, tôi thời ghi ơn*

*Tiếng chuông điện thoại reo vang
Có thủ nhắc bác báo Xuân đây
này!*

*Phù Vân tính cũng khéo thay
Cho đăng bài này để góp bài kia!*

...
*Tết Mậu Dần, chúc đồng bào
Trong ngoài nước Việt dạt dào tình
thường...*

Đó là bài thơ Xuân cuối cùng của bác. Bác Quang Kính đã hóa ra người thường cỡ vào hạ tuần tháng 6.1998, hưởng thọ 76 tuổi. Tôi bàng hoàng khi được Tòa Soạn báo tin, bác mất trong một ngày mùa hạ có mưa buồn lâm râm. Dù bận công việc, tôi cũng vội về Hannover để dự đám tang của bác. Cảm nghĩa thâm sâu, tôi ngâm ngợi đọc bài "Mấy Vần Thơ Viết Vợ" trong ngày tang 13.6.98 tại nhà nguyện Laatzten Hannover:

*Bác Quang Kính ơi,
Nghe tin bác mất rồi
Giữa mùa hè mưa rời
Lòng tôi buồn biết mấy
Nói năng chẳng nên lời!*

*Dù đời là ảo mộng
Lòng không khỏi ngậm ngùi
Ba nén hương hồi tưởng
Thương nhớ bác bồi hồi!*

*Này bác Quang Kính ơi,
Từ nay xa nhau rồi
Mấy vần thơ viết vợ
Lòng tôi buồn khôn nguôi!
(Tùy Anh)*

Bác Quang Kính, tức là bà Nguyễn Thị Viên, Pháp danh Viên Mãn. Mong rằng mọi ước nguyện của bác được vẹn tròn viên mãn và trong cõi hư vô diệu vợ, hương hồn bác sớm được siêu thăng...

Đầu đó trong gió thoảng tôi còn nghe tiếng điện thoại reo vang, giọng anh Nguyễn Ang Ca đầm ấm dặn dò và thông báo thời gian chuyển xe Bus của Hội Trung Cao Niên ở Vương Quốc Bỉ đến Chùa Bảo Quang Hamburg. Tôi lại được gặp ông anh văn nghệ lần nữa, sau lần tôi qua thăm gia đình anh tại Bruxelles. Từ năm 1985 chúng tôi thường liên lạc với nhau qua thư từ khi anh Nguyễn Ang Ca bắt đầu viết trở lại cho các báo chí Việt ngữ ở hải ngoại. Không ngờ tờ báo địa phương tại Hamburg do tôi điều hành cũng được ông anh chiếu cố. Từ đó tôi được nhà báo lão thành Nguyễn Ang Ca nhận làm đứa em kết nghĩa do những bài phóng sự của tôi, bởi anh thành danh cũng từ những bài phóng sự về thể thao, kịch trường, màn ảnh. Anh là một trong những ký giả nổi tiếng đã 3 lần tham dự Thế Vận Hội ở

Tokyo (1964), Mexico (1968), München (1972) và đoạt Huy Chương Vàng Thế Vận Hội Báo Chí về bình luận năm 1968, Huy Chương Vàng về phóng sự thể thao tại Mexico năm 1968...

- Này chú đừng "ca" ông anh quá sá đố nghe! Bây giờ anh đã buông bỏ tất cả để trở về với cát bụi, với thế giới Sắc Không rồi...

- Anh nói vậy chứ, em cũng phải ghi lại chút ít về cuộc đời và sự nghiệp của anh cho độc giả biết chứ!

Ký giả Nguyễn Ang Ca tên thật là Nguyễn Kim Cang, sinh ngày 10.10.1927 tại Bạc Liêu. Ông còn có bút hiệu khác là Nhu Thắng Cang, Ngọc Kỳ Lân. Xuất thân từ nhật báo Thời Cuộc (1950) của ông Huỳnh Hoài Lạc. Khởi nghiệp làm phóng viên Thể thao, Kịch trường. Chủ biên: tuần san Duy Tân (với Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm); Saigon Vận Động (với Phan Như Mỹ, Thanh Đạm); Tâm Nguyên (với Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Đạt Thịnh). Chủ nhiệm nhật báo Tin Sớm (với Giang Tân, An Khê) từ năm 1964-1972. Thành lập nhà in Tin Sớm, Phạm Ngũ Lão. Thành lập nhà xuất bản Dân Tộc. Cộng tác với nhật báo Tiếng Chuông (của Đinh Văn Khai), Tiếng Dội (của Trần Tấn Quốc), Saigon Mới (của bà Bút Trà), Buổi Sáng (của Tam Mộc), Bến Nghé (của Đinh Văn Ngọc), Phổ Thông và Dân Ta (của Nguyễn Vỹ), Điều Tra Phóng Sự (của Việt Tha), Lê Sống (của Ngô Công Minh)... Cộng tác báo chí: phóng viên báo Quân Đội (1952-1954), phóng viên Đài Phát Thanh TNQĐ (1955-1958) ...

Ngoài nghề ký giả, ông còn kiêm thêm nghề soạn giả với bút hiệu Ngọc Huyền Lan và đã hợp soạn với soạn giả Viễn Châu nhiều tuồng cải lương như: Yêu Nữ Thần, Người Yêu Của Hoàng Thượng, Thiên Thần Trên Tiết Mã, Gió Cuốn Cành Hoa, Từ Sân Khấu Đến Cuộc Đời, Viên Ngọc Rắn Thần, Con Gái Hoa Mộc Lan và nổi bật nhất là vở tuồng Hoa Mộc Lan từng được diễn trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga.

Nguyễn Ang Ca rất tích cực trong các hoạt động văn hóa và xã hội; thêm tánh tình hòa ái, chân tình và hết lòng giúp đỡ anh em. Cùng với cố ký giả Trần Tấn Quốc thành lập giải Thanh Minh, sáng lập viên và Phó Chủ tịch Hội Bảo Trợ Học Sinh Nghèo do bà Vũ Bá Hùng tức là nữ sĩ Thiều Mai làm Chủ tịch.

Cuối năm 1978, Nguyễn Ang Ca và gia đình vượt biển đến Pulau Bidong tại Mã Lai. Tháng 2.1979 được định cư

tại Vương Quốc Bỉ. Sau khi ổn định cuộc sống, ông bắt đầu viết trở lại và cộng tác với hầu hết với các báo chí Việt Ngữ hải ngoại, với những bút hiệu mới như Việt Hưng Quốc, Quách Tư Sinh, Hoàng Bích Vân, Hoàng Ngọc Giao.

Tại Bruxelles ông còn thực hiện "Bản Tin Tỵ Nạn" (La voix des Réfugiés Vietnamiens) tức là tiếng nói của Người Việt Tỵ Nạn chưa quên nỗi hờn mất nước, nhà tan. Ông còn kêu gọi Phù Vân vào cộng tác với Nguyệt San Tin Điện tại Đức, nếu như người trách nhiệm giao cho anh chức vụ Chủ Bút...

Anh Nguyễn Ang Ca rất chân tình, hòa ái nhưng cũng rất tếu. Trong chuyến hành hương và du lịch miền Bắc Âu năm 1990, nhà văn nữ Nhà Ca (hồi đó còn ở Katrineholm, Thụy Điển) dẫn chúng tôi đi thăm Stockholm, hoàng cung của Vương Quốc Thụy Điển, anh Nguyễn Ang Ca khều tôi dặn rằng:

- Chủ làm ơn nhớ cho kỹ đấy nghe, đừng gọi chị ấy là Nhà Ca, mà phải gọi là chị Nhà. Bởi khi chú gọi tôi là anh Ca và lại gọi chị Nhà Ca là chị Ca- anh Ca, chị Ca nghe dễ hiểu lắm và dễ sinh... mất lòng lắm!

Chị Nhà Ca cũng cười hề hề và hỏi lại:

- Có hai nghệ sĩ mà tên của họ lại mang hai động tác khác nhau. Các anh có biết ai không?

Chúng tôi đang ngẩn ngơ suy nghĩ, thì chị tiếp:

- Đó là tôi. Nhà Ca: nhà ra, ca hát và bà Phùng Há: phùng má, há miệng...

Tiếc thay, anh Nguyễn Ang Ca đã mất sớm vào ngày 26.03.1991, chỉ mới 65 tuổi, trong khi những dự tính về việc thành lập một quy chế báo chí Việt ngữ tại hải ngoại chưa kịp thành hình như bài thuyết trình của anh tại Đại Hội Báo Chí ở Stuttgart / Cộng Hòa Liên Bang Đức vào năm 1987. Mãi cho đến nay, sau khi anh mất hơn 10 năm, tại Little Saigon, California / Hoa Kỳ mới tổ chức được một Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại, trong ba ngày từ 18 đến 20.4.2003, quy tụ khoảng 200 kỹ giả, nhà báo, nhà văn, nhà thơ họp mặt để thảo luận về một quy chế chung cho báo chí Việt ngữ tại hải ngoại... Trễ thay, nhưng có còn hơn không!

Anh Nguyễn Ang Ca đã để lại một gia sản văn nghiệp rất lớn, nhưng cho đến khi anh nằm yên dưới lòng huyết mộ, anh vẫn chưa nhìn thấy tận mắt tác phẩm của anh là Giá Tự Do hay là

Lệ Trần Biển Đông do Đại Nam xuất bản năm 1992. Cuốn Tuyển Tập Nguyễn Ang Ca do Phù Vân tuyển chọn, Viên Giác xuất bản năm 1993 để làm lễ vật và cũng là món quà tinh thần trân trọng gởi đến chị Huyền Nhi, tức bà quả phụ Nguyễn Ang Ca nhân ngày Giỗ Đại Tường của anh...

Tôi thì thầm:

- Anh Nguyễn Ang Ca ơi, em còn nợ anh lời hứa qua thăm Vương Quốc Bỉ lần nữa. Nhưng anh cũng còn nợ em lời hứa dẫn em đi thăm vườn Thượng Uyển Keuchenhof với hơn ngàn loại hoa nổi tiếng của Hòa Lan. Hoa muôn màu vẫn còn đó, vườn vẫn mở cửa hàng năm chào đón du khách, mà sao bóng anh vẫn biệt trong thế giới sa mù...

Đi tìm những sợi sắc không trên cõi phủ sinh, đi tìm những dấu chân ngày cũ, đi tìm những hình hài đã xa ngoài dấu chân mây, con người trở nên vô vọng thấy mình lạc lõng trong chính tâm thức của mình...

- A ha! Phù Vân đã để cho tâm ý của mình chạy rong như ngựa! Hãy dẫn ngựa đi thành thơ theo vị hành giả, như ta hít thở đều hòa theo những bước chân hành thiền...

- Ô, chào Bác Thiện Nghĩa, cả bác Diệu Huệ nữa. Chà lâu quá không gặp lại hai bác. Mỗi lần gặp, bác lại cho Phù Vân một bài học quý giá. Vâng, thưa bác, Phù Vân có cái tâm vọng động quá. Bao nhiêu năm gần gũi của Thiền, bao nhiêu cơ hội được gặp quý cao Tăng, thế mà ý vẫn chưa định, tâm vẫn chưa tĩnh nên Phù Vân chưa lĩnh hội được trọn vẹn một bài pháp; chưa thực sự hiểu được từng nhịp mõ hồi chuông, chưa lắng nghe được tiếng vọng cuối cùng trước khi âm vang tan loãng trong cõi vô cùng...

Bác Diệu Huệ nói:

- Từ ngày trả hết nợ trần, quãng gánh lo đi, chúng tôi thường dẫn nhau đi dạo để suy gẫm từng Lời Pháp và Lễ Đạo nhiệm màu mà chúng tôi đã học được trong nhiều năm, bởi vì hồi đó chúng tôi quá "tham lam", học nhồi nhét mọi thứ trong đầu, nên sinh ra nặng đầu, nặng tâm, nặng trí nên khó tu chúng...

- Mà tu chúng là phải biết làm thế nào cho đầu óc nhẹ nhàng ra..., Bác Thiện Nghĩa nói tiếp, làm sao đạt được tâm đắc, vì tâm đắc là đất đứng của ngôn hạnh nhất như, là giềng mối của tu chúng bát nhã...

- Thưa bác, người mới học đạo ai cũng biết cũng muốn bỏ vòng điên đảo mê lầm, bỏ mê về ngộ, bỏ vọng về chơn để thấy được bản ngã của mình, chơn tướng của vũ trụ. Ai cũng biết,

tâm Phật nhu nhuyễn, viên dung cả thiện lẫn ác, thế nhưng...

Bác Thiện Nghĩa cười:

- Phù Vân muốn nói đến, những người đã lỡ uống chất độc tà kiến nên suốt đời chỉ nhả ra khí độc kiến chấp, chỉ thốt nên những lời hư vọng. Những hạng người này chỉ thích hợp với một xã hội đầy bom đạn, bạo lực, mê muội, nặng thú tính, hoàn toàn khác với một xã hội có tôn ty, trật tự, có đạo lý, kỷ cương- đó là một thế giới có Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, có Trí Dũng, có Từ Bi, Bác Ái...

- Thưa bác, bác có thể nói rõ thêm chút nữa...

Hai ông bà ngồi xuống cạnh tôi nhẹ nhàng như tơ trời, không gây một âm vang nào cả. Bác Thiện Nghĩa nói tiếp:

- Phù Vân à, mình đang thực hành hạnh từ bi hỷ xả của Đức Phật. Mình nên thương những người đang ngập lặn trong vòng nghiệp chướng, trong sông mê bể khổ; họ là những con mọt đục rỗng đạo đức, xói mòn lý tưởng, họ bị màn lưới vô minh phủ lấp lương tâm để lao vào con đường tha hóa, chạy theo trần cảnh với muôn vàn vọng tưởng hư ảo để chỉ chuốc lấy phiền não, khổ sầu...

- Như vậy thì làm sao tâm trần lắng sạch, ý thức lắng yên được phải không bác?

- Câu hỏi này làm tôi nhớ lại bài tùy bút của Phù Vân, dưới bút hiệu Tùy Anh. Bài viết rất ngắn, cả cái tựa cũng rất ngắn "Hạnh"; thế nhưng cái cảm xúc và rung động thì rất dài, rất sâu xa. Hình như bài này đăng trong tập san Văn Bút Âu Châu số 1 khoảng năm 1990. Bài này tôi đọc mấy lần, lần nào cũng hình dung ra dáng đắp thư sinh của Tùy Anh đang cầm tay Hạnh lần cuối cùng trong bệnh viện... Đúng là có những cuộc tình nghiệt ngã ngang trái, vừa bôn ba chạy trốn, vừa bươn bả kiếm tìm...!

- Cảm ơn bác. Hồi đó Phù Vân còn quá trẻ, mà lớp tuổi trẻ lại sống căng thẳng trong cuộc chiến tranh ý thức hệ dẫn vật, xót xa giữa làn ranh bạn thù, của những cuộc chia tay tử sinh tình cờ hoặc âm thầm. Để rồi có những đêm dừng quân bên bờ sông còn ẩm cát, thao thức nghe sóng vỗ mãi một âm quen hay những chiều nằm kích trong rừng dày đặc sương mù, nghe tiếng suối thì thầm tiếc thương thời tuổi dại...

Bác Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu thừa hưởng gần trọn vẹn gia sản tinh thần của cụ ông- học giả Đào Trọng Đủ. Nói về việc học thì không ai bằng bác, tốt nghiệp Dược sĩ tại Pháp; đến định cư tại Đức khi tuổi đã cao, bác

còn chịu khó học lại để lấy văn bằng tương đương; rồi lại đến Hannover tìm Thầy học Đạo từ lớp sơ cấp, lớp trung cấp, đến lớp cao đẳng. Thầy Nhu Điền mở dạy lớp nào thì hai bác ghi tên theo học lớp đó. Riết rồi, Thầy phải tính đến chương trình thợ bất quan trai, huân tu, các khóa Giáo Lý Âu Châu... "Còn khỏe là còn đi học" hình như đó là châm ngôn của bác. Nếu mỗi khóa, quý Thầy cấp một chứng chỉ, thì không hiểu trong gần 20 năm theo chân chánh pháp, bác đã nhận được không biết bao nhiêu chứng chỉ?

Là thành viên trong Ban Biên Tập báo Viên Giác, bác đã ghi lại sở học qua một vài bài tiểu luận của Phật Giáo dưới cái nhìn khoa học. Trí óc tôi cũng được mở mang phần nào do những điều học "cọp"...

- Thôi chào Phù Vân nghe, tụi tôi phải đi ngay cho kịp khóa học...

- Vâng chào hai bác! Không hiểu học gì mà học ghê quá!!!

Thật sự hai bác kể trước người sau đã về cõi an lạc từ lâu. Bác Diệu Huệ từ bỏ chốn hồng trần vào mùa Thu năm 2000, lúc tuổi 79; còn bác Thiện Nghĩa cõi hạc quy tiên vào mùa Đông năm 2001, thượng thọ 83.

Tôi chợt tỉnh thức, hình như tôi đã thì thầm trong một thoáng mơ màng nào đó. Có thể là tôi đã thiếp đi một chốc, nhưng tôi không mơ. Tôi chiêm nghiệm lại những trao đổi với hai bác, từ giọng nói ngập ngừng ngắt quãng và tiếng cười reo vui của bác Thiện Nghĩa, đến giọng nói nhẹ nhàng ngắn gọn của bác Diệu Huệ- ngay cả trong một lần bác trách tôi cho đăng nhiều bài thơ tình trong tờ báo đạo. Tôi không tin có hồn ma bóng quế, không có sự hiện hồn, nhưng tôi nghĩ trong một phút giây đồng cảm nào đó, người ta có cảm tưởng như mình đang cùng thân nhân trò chuyện...

Chỉ có tiếng gió rì rào trên ngọn cây, chỉ có lá vàng cuộn bay trong nắng. Nắng. Tôi nhớ đến đoàn văn "Những vạt nắng cuối trời" của nhà văn Vũ Nam viết để tưởng niệm cho nhà văn Nguyễn Văn Ba. Anh đến với báo Viên Giác cũng khá lâu, sau khi anh đã nổi tiếng qua tập truyện đầu tay "Làm Mai, Lành Nợ, Gác Cu, Cầm Châu" xuất bản vào năm 1988.

Khi biết được gốc gác "nhà nông" tay lấm chân bùn của nhau, anh thường gọi tôi là "thân huynh", bởi vì tôi vào nghề trước anh. Dù anh có nhiều bút hiệu như Một Sách, Phù Sa, Nguyễn Kim Long, nhưng cái tên bắt đi

bắt dịch là Thái Minh Kiệt, sinh năm 1947 tại Sa Đéc. Tốt nghiệp Đại Học Nông Nghiệp, nhân viên giảng huấn Viện Đại Học Cần Thơ trước năm 1975. Chuyên viên canh nông, cộng tác tại Đại Học Saskatschewan, Canada sau năm 1975. Anh để lại nhiều công trình nghiên cứu trên các tập san khoa học như Week Science, Canadian Journal of Botany và nhiều tác phẩm văn chương tiếng Việt như Phận Đàn Bà (viết chung với Nguyễn Bạch Mai, 1990), Thành Đô Gió Bụi (1991), Cây Trái Quê Minh (viết chung với Huỳnh Hữu Cửu, 1993), Tự Truyện (1995), Về Miền Đất Lạnh (1997). Cộng tác với hầu hết báo chí Việt ngữ hải ngoại.

Trong lần qua Đức năm 1997, Nguyễn Văn Ba hẹn gặp tôi tại Hamburg, nhưng khi đến viếng Chùa Viên Giác ở Hannover, thì anh lại đổi ý đi thăm Berlin. Trong cuộc điện đàm, anh nhắc đi nhắc lại: "Thân huynh đừng buồn đệ nghe!".

Chúng tôi lỡ chuyến tương ngộ cuối cùng, bởi vì sau chuyến đi Âu châu, anh bị bệnh bán thân bất toại, thế nhưng anh cũng vận dụng ý chí tập viết bằng tay trái, gửi cho tôi những đoạn thư ngắn nghuệch ngoạc nhưng lời lẽ thật chí tình.

Khi nghe tin anh mất ngày 14.8.1998, tôi bùi ngùi thương tiếc và viết cho anh bài thơ "Người Về Từ Cánh Cửa Không" để cầu nguyện cho linh hồn của anh Nguyễn Văn Ba sớm được siêu thăng:

*Người về gần với Chân Như
Buồn vui, thôi cũng già tử mà thôi!
Nụ cười vừa đọng trên môi
Cũng tan như hạt sương rơi âm thầm*

*Người về thoáng động phù vân
Bao phen ảo mộng, mấy lần phù du*

*Bây giờ mãi đến thiên thu
Bụi mù trong cõi thiên thu vẫn còn*

*Người về trắng khuất đầu non
Chút thưởng, chút nhỏ hao môn dung nhan*

*Cánh hoa thưởng tiếc cũng tàn
Trầm hưởng tử cõi nhân gian vẫn nồng*

*Người về nung cánh cửa Không
Thân danh đã hết còn trông đợi gì
Một đời theo cánh chim di
Dấu chân đã mờ hẳn vì nghiệp duyên*

Người về ru giấc ngủ yên

*Ngàn năm trôi hắt đã quên hết rồi
Tử sinh, sinh tử luân hồi
Tử trong tiền kiếp bao đời hóa duyên*

*Người về vui với an nhiên
Nụ cười tự tại trên miền hư không...
(Tháng 8.98)*

*
* *

Ai cũng muốn được an nhiên tự tại, ai cũng muốn có được giấc ngủ bình yên. Nhưng Vũ Ngọc Long lại yên giấc ngàn thu do một tai nạn trên khoảng đường Stuttgart-Reutlingen vào ngày 11.12.1995. Vài lần lái xe ngang qua gầm cầu, nơi bạn tôi quần quai đón đầu bỏ cõi hồng trần, tôi ngậm ngùi thương tiếc người bạn xấu số, chưa tới tuổi 50...

Mơ hồ bên tai tôi còn văng vẳng tiếng nức nở kể lể của hai cháu Chinh, Phương: "... Tối hôm đó, tụi cháu nôn nóng chờ ba về. Chưa bao giờ ba về trễ như vậy. Tụi cháu điện thoại hỏi thăm những người quen, chẳng ai biết ba đang ở đâu. Bỗng có tiếng chuông gọi cửa, hai nhân viên cảnh sát, một nam một nữ vào nhà, hỏi thật nhỏ nhẹ:

- Các cháu có phải là con của Ông Vũ... Vũ Ngọc Long không?

Nhìn gương mặt những người khách lạ với thái độ quan tâm đầy tình lân mẫn, chúng cháu cảm thấy có một điều gì bất thường xảy ra cho ba cháu... Chúng cháu thật lo lắng và chỉ gật đầu "dạ" thật nhỏ và khi người cảnh sát đưa cho chúng cháu cái ví da và tấm thẻ căn cước bọc nhựa của ba cháu, thì bà nhân viên ôm tụi cháu vào lòng và nói thật buồn " - Ba của các cháu... đã mất rồi!"... Nước mắt tôi ràn rụa.

Trong mơ màng nửa tỉnh, nửa mê, tôi nghe tiếng ai hỏi:

- Đến giờ này mà "ngài" vẫn còn khóc được đấy ư?

Đúng là giọng của Vũ Ngọc Long. Chúng tôi vẫn thường xưng hô bằng "ngài" và "tớ". Tôi cười buồn:

- Khóc vì ngài đã bỏ anh em để tìm về cõi an lạc. Khóc vì... ân hận. Tớ đến thăm ngôi mộ của ngài mấy lần, mỗi lần như vậy tớ lại thấy cái "tội" của mình...

Long cười, châm biếm như thường lệ:

- Ngài thì hằng hà vô số tội, kể sao cho xiết!

- Ngài có thấy được trên mộ kia của ngài, người ta đã khắc chữ gì hay không đã?

- Sao lại không. Đây, họ tên của tớ: Vũ Ngọc Long, bút hiệu Hạ Long...vân vân và vân vân...

- Ngài không thấy lạ à? Có lần ngài đã trách tớ trong một buổi họp Ban Biên Tập Báo Viên Giác tại Hannover, rằng là ông Phù Vân không những đã sửa văn chương mà còn đổi luôn cái bút hiệu của tôi nữa!

- Có, tớ có trách điều đó, nhưng chẳng ai biết rõ lý do tại sao ngài lại sửa bút hiệu của tớ?

Tôi cười trừ:

- Hình như lần đó, tớ quên xin lỗi ngài. Cũng may ngài đã hoan hỷ nhận cái bút hiệu Hạ Long. Mà chính cái bút hiệu do tớ "tình cờ áp đặt" cho ngài lại trở thành nổi tiếng mới oai chứ! Đây, khi viết bài tham luận chính trị thì nội cái tên Vũ Ngọc Long của ngài cũng đủ nói lên giá trị của bài viết! Còn về văn thơ thì bút hiệu Hạ Long cũng chẳng thua kém ai trên văn đàn hải ngoại... Bây giờ có cần tớ xin lỗi ngài hay không?

- Khổ quá! Biết rồi, nói mãi! I "can" you! Tớ xin can ngài, đừng tăng bốc nhau lên chín tầng mây, có ngày "nhà cháu" cũng bị... cho đi tàu bay giấy!

Số là vào năm 1983, chúng tôi cùng bao thầu một tờ báo địa phương. Tôi kiểm luôn thư ký đánh máy- phải nói là "gõ" bằng hai ngón tay, loại máy chữ không có dấu tiếng Việt. Ban ngày phải đi "cày" kiếm cơm, ban đêm mới miệt mài "đánh máy", làm ngày chưa đủ tranh thủ làm đêm. Khổ một nỗi, là bàn máy chữ lóc cóc vốn đã kêu lớn tiếng, ban đêm nó lại càng rên rĩ lớn hơn. Tôi không thể "điều chỉnh âm thanh, vặn vừa đủ nghe để khỏi làm mất lòng xóm đang cần giấc ngủ..." như thưở xa xưa nào đòi phát thanh Sài Gòn thường nhắc nhở thính giả. Chăm chăm chú chú đánh máy từng chữ, nhưng càng về khuya càng... buồn ngủ, mắt nhắm mắt mở, kềm nhèm hai mắt hầu như chẳng nhìn thấy chữ nghĩa ra làm sao. Vũ Ngọc Long ký tên dưới những bài thơ là Hoàng Hạ, thế mà không hiểu trời xui đất khiến ra sao khi đánh máy tôi lại gõ thành... Hạ Long!

Trong bài viết "Những Kỷ Niệm Tàn Mác Về Vũ Ngọc Long", tôi đã ghi lại tang lễ của bạn tôi tại nhà thờ nguyện ở nghĩa trang Unter den Linden thuộc thành phố Reutlingen vào ngày 15.12.1995 do Thượng Tọa Viện Chủ Chùa Viên Giác đồng thời là Chủ Nhiệm Báo Viên Giác mà bạn tôi đã cộng tác từ năm 1984 làm chủ lễ.

"... Tuyết sẽ tan, trời sẽ lạnh. Vành khăn tang màu trắng quấn trên đầu trẻ thơ như đám mây mù màu xám vất qua đầu núi. Bạn tôi ra đi như hàng cây mùa đông trụi lá. Các con bạn bơ vơ như những cành ngọn lè loi. Biết bạn có trở về với con như lá xanh sẽ trở về với cành ngọn khi sang mùa mới? Sống gửi, thác về. Còn nhớ chăng, Long ơi, là trong tâm khảm của người ở lại! Chỉ mong được thấy màu thanh thoát từ thượng giới xuống, chứ không ai mong cầu từ mặt đất khổ ải mọc lên. Cái hạnh phúc đơn sơ trần lụy một đời đã hưởng, cái đắm say xót đắng một thời bạn đã trải qua, bây giờ phản chiếu vào hồn như một mảnh đời xưa cũ, một khối băng khuâng ngây ngất huyền diệu như một phép lạ nhiệm màu..."

Cũng trong ngày tang, thay mặt ban Biên Tập Báo Viên Giác, tôi ngâm ngùi đọc bài diếu văn:

Than ôi,
Một cảnh hoa rụng giữa đồng
Một trời tiếc thương với vợ
Từng phiến tuyết bay phủ trắng màu tang
Từng giọt nước mắt ngậm ngùi tưởng nhớ,

Long ơi,
Con cháu còn đây, người thân còn đây,
Bạn, Thầy còn đó
Anh ở nơi nào trong thế giới hư vô
Kẻ ở người đi, âm dương cách trở
Biết bao giờ gặp lại nhau trên chốn sông hồ!

Thân xác anh dù vùi chôn trong lòng tuyết mộ
Mà thân danh vẫn còn trong trí nhớ của anh em
Chút hình hài linh thiêng xin quay về cố thổ
Hồn phách có hiển linh xin phiêu hốt chốn đài sen!

Thương Long,
Quê Thái Bình (1) mà chẳng được bình yên, nên từ bé đã di cư tránh loài quỷ đỏ
Đất Sài Gòn-Đà Lạt (2) là khí thiêng sông núi hun đúc anh thành nhà báo, nhà văn
Là phóng viên, là biên tập anh viết cho báo Đời, Quạt Khởi, Sóng Thần (3)
Chống bất công xã hội, chống kẻ thù đến tận cùng bằng số!

*Đến cuộc đối đời, long dong những năm tù tội
Ba chìm bảy nổi qua các trại tù Biên Hòa, Bà Rịa, U Minh (4)*

*Vượt ngục, vượt biên, lênh đênh trên trùng dương sóng gió
Đánh đổi tự do bằng cả sinh mạng của mình!*

Trong "Nỗi Buồn Viễn Xứ Ai Buồn Hơn Ai" (5) anh tiếp tục đấu tranh "Tim Nèo Đường Về" (5) không tương nhượng, không giao lưu khoan thứ

Nhưng tiếc thay tâm nguyện chưa thành
Tuổi năm mươi anh đã thành người thiên cổ!

Ôi, vô thường, vô ngã, con người vẫn mãi trầm luân trong bể khổ
Bên trời góc biển, tứ cố vô thân, oan nghiệp khó lường
Đất khách quê người, sống gỏi nạc, thác gỏi xương, muôn dặm quan sơn cách trở
Thời cũng đành, chẳng có ngày anh trở lại quê hương!

Long ơi,
Đời người như mây, như hoa, như tuyết, như trăng
Mây sẽ tan, hoa sẽ tàn, tuyết sẽ tan, trăng sẽ khuyết
Chỉ còn lại tấm lòng tinh khiết của thân nhân bằng hữu
Mệnh mỏng như biển, bát ngát như thảo nguyên.

Một cảnh hoa, ba nén đất
Có có không không trong kính cầu giải thoát

Hương trầm đây, nắm mộ đây
Muôn nghìn kiếp cùng từ đây thăm thăm biết bao giờ thấy lại!
Chín suối đầu, Niết bàn đâu?
Long ơi, nếu có linh thiêng xin về chứng giám!

(Phù Vân)

- (1) VNL quê ở Thái Bình, Bắc Việt, di cư vào Nam năm 1954
- (2) Xuất thân từ Ban báo Chí, Viện Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn và Ban Cao Học Chính Trị Xã Hội Đà Lạt.
- (3) Các tuần báo và nhật báo tại miền Nam VN trước năm 1975
- (4) Các trại tù mà VNL đã trải qua dưới thời CSVN
- (5) Các tác phẩm của VNL do Chùa Viên Giác xuất bản năm 1987 và 1992.

Ngoài ra, sau khi VNL mất, Chùa Viên Giác cũng xuất bản tập thơ của anh "Việt Nam Quê Hương Tôi Bây Giờ Là Thế Đó" vào năm 1996.

Rồi cũng trong cơn mơ màng không dứt đó, tôi nhớ có lần đã điện thoại cho chị Ngọc Ẩn ở Vương Quốc Bỉ:

- Chị Ngọc Ẩn ơi, chị nhớ thấp giùm tôi một nén hương tưởng nhớ đến Ngọc Quỳnh nghe. Cảm ơn chị nhiều lắm!

- Vâng, tôi sẽ thấp hương cầu nguyện cho Quỳnh như anh dặn!

Ngọc Ẩn là chị của Ngọc Quỳnh, hay là Bác sĩ Y Khoa Hoàng Ngọc Quỳnh, tức là Hoàng Ngọc Quỳnh Giao, là Tiểu Quỳnh hay "*Người Thơ Áo Trắng*" do tôi gọi vì có dính dáng đến nghề nghiệp của Ngọc Quỳnh. Tiểu Quỳnh sinh năm 1953 tại Quảng Bình, tiểu học ở Quảng Ngãi, Phú Trinh tại Phan Thiết; trung học tại trường Đồng Khánh Huế; tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa Tổng Quát tại Đại Học Université Catholique de Louvrien năm 1983 tại Vương Quốc Bỉ. Cộng tác tài tử với Tập san Y sĩ ở Canada, Nội san Y sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ, Nguyệt san Y tế Hoa Kỳ, Nội san Y Giới Việt Nam tại Pháp và Viên Giác tại Đức.

Tiểu Quỳnh là người em văn nghệ, mắc bệnh ung thư. Nàng vui vẻ chấp nhận số phận, hằng đêm cầu nguyện và chờ ngày ra đi. Vào dịp cuối năm, tôi điện thoại viên liên cho Tiểu Quỳnh để hỏi thăm sức khỏe và chúc mừng năm mới. Thế mà không ngờ, đầu năm mới, tôi nhận được hung tin từ chị Ngọc Ẩn, Tiểu Quỳnh đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 13.01.2001. Lá thư của nàng từ Bruxelles viết cho tôi vào ngày 14.11.2000 là bút tích cuối cùng của Quỳnh trong những ngày chiến đấu vật và với cơn bệnh nan y:

Anh H. thân,

Q. vừa mới nhận được tập thơ Khúc Hát Tiêu Dao anh gửi tặng. Xin cảm ơn anh H. đã có lòng nghĩ đến.

Lời thơ nhẹ nhàng, đúng là nửa đạo nửa đời như lời anh viết và đời sống hiện tại của anh nữa. Cũng chân thành cảm ơn những lời thăm hỏi chân tình của bậc đàn anh và là đồng hương nữa.

Năm 2000 cũng gần hết, Q. kính chúc anh H. thật nhiều sức khỏe, vạn sự như ý trong mọi lãnh vực nhất là văn thơ.

Kính

Hoàng Ngọc Quỳnh

Nhân ngày giỗ một năm của Tiểu Quỳnh tôi có viết cho nàng bài tưởng niệm "Giã Biệt Quỳnh Giao":

- "... Quỳnh Giao ơi, bây giờ nước non ngàn dặm biệt. Ngu ngơ nửa đời, ngồi lật trang kinh, lòng tôi bồi hồi nhớ đến người em kết nghĩa văn nghệ. Tôi làm được gì cho em để xóa nỗi trầm luân:

Mai kia... chạnh nhớ câu thơ

Qua cầu nước chảy... bốn bề vọng âm

Ồi Tiểu Quỳnh, em như trái đất quay tìm nắng ấm mà thời gian với bốn mùa hạ đỏ, xuân xanh, thu vàng, đông giá đầu có đủ những lửa ấm trong đời để chữa lành hết những cơn bệnh của thế gian. Mà em có biết đâu, em cũng lỡ mang cơn bệnh lụy phiền nửa đời chối bỏ tương lai. Thế nhưng với em dù "chỉ một phút giây mà nghìn thu khởi sắc", thì cũng giống như "Quỳnh Hoa" đang độ mãn khai.

Ồi tâm liễu ngộ, phóng ngoại tha hóa như pháp danh Tâm Hòa của em vẫn luôn nặng lòng với tha nhân. Có một nơi để về, để nương tựa, để gửi gắm dư hương ngày cũ hay ít ra cũng gơ tay níu lại được những nỗi buồn đông chín. Từ đó ta thấy được niềm vui ở một góc đời buồn hiu, thấy dễ thương khi mưa về lầy lội khó ưa! Nhưng còn niềm tin? Phải chăng đó là nguồn thơ mượt mà nhưng gấm, là cõi tử sinh, là nẻo vô thường? Nhưng dẫu gì đi nữa, lòng thế nhân cũng nhen nhóm mối cảm hoài "Vàng Hương Mộng Ngọc"...

"... Bởi như em đã viết "tài hoa thân thể phù du lắm", nên có khi ta cần "bám vào từng giọt sắc không, lắng nghe giọt mật hòa cùng giọt kinh" để sớm thoát vòng điên đảo luân hồi... Thế nhưng đời vẫn là cơn mộng tưởng. Quỳnh Giao ơi, xin chiêu niệm về em trong trầm tư mặc tưởng, xin hướng nguyện về em trong vùng trắng vô lượng và xin hoài niệm về em bằng những giọt nắng hồng lung linh trong trái tim..."

(Vàng Hương Mộng Ngọc là tác phẩm đầu tay và cũng là tác phẩm cuối đời của Hoàng Ngọc Quỳnh Giao do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Bruxelles xuất bản năm 1998).

Bài này tôi viết cho báo Viên Giác, nhưng khi báo phát hành, tôi ngạc nhiên không thấy in tấm hình của Tiểu Quỳnh trên báo. Tôi điện thoại xuống tòa soạn, người phụ trách kỹ thuật cho biết không tìm thấy có tấm hình mà tôi đã cẩn thận kèm theo. Tôi đem điều này kể lại cho chị Ngọc Ẩn nghe. Chị linh cảm có một điều lạ lùng nào đó. Mấy đứa con của chị bảo: "Chắc di Quỳnh không muốn!". Qua điện thoại,

tôi nghe được giọng chị run run. Chị bảo, khi nghe các cháu nói, tôi cảm thấy nổi da gà ớn lạnh...

Vâng, tôi cũng cảm thấy ớn lạnh khi tưởng mình đang đi bên hồ Oberaegeri ở Thụy Sĩ để tưởng nhớ đến một thi hữu thân quen, để tìm một nhân diện nào đó đã ghi lại trong tôi nỗi buồn xót xa thương tiếc, nhà thơ E.P.

E.P cộng tác với Làng Văn ở Canada và Viên Giác ở Đức từ năm 1994. Thơ của E.P gọi trong tôi một chút xao xuyến, một chút cảm xúc, một chút luyến nhớ, một chút thiên vị. Thơ hòa điệu với nhịp đập của trái tim, thơ len lén đi vào tâm hồn, đọng ở tâm thức và cho tôi những rung cảm sâu xa.

Tôi không có nhiều kỷ niệm với nhà thơ E.P, nhưng câu chuyện làm quen hầu như tôi chẳng bao giờ quên. Tôi gọi điện thư cho E.P và đề nghị "anh" gửi cho tôi một số bài thơ đủ loại để tôi giới thiệu với độc giả hâm mộ trong Vườn Thơ Viên Giác. Thư gửi đi nhưng biệt vô âm tín. Tôi thần thờ coi như thư gửi vào hư không, trớt quơ trớt quớt... Sau Tết, khi không còn có ý chờ đợi nữa thì tôi nhận được thư trả lời. Trong thư của nhà thơ E.P có đoạn viết: "... Tôi đa đoan nhiều việc nên không viết được trước Tết ta, nên đành "mang nợ" đến nay. Trước hết xin cảm ơn anh đã thay thế Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giúp tôi bỏ thân nữ để biến thành thân nam có đủ hình tướng trượng phu. Vì thua anh, tôi đang làm mẹ của hai anh cu bắt đầu tuổi dậy thì và làm bà nội... trợ cho ba đấng "niên ông" trong nhà..."

Đọc thư chị, chị Lê Kiều Phương, tôi tự cười mình, tự trách mình. Thư chị viết dí dỏm, đúng ý tôi. Làm văn nghệ, có cái vui văn nghệ. Kết bạn văn nghệ qua thư từ cũng có cái nhàm lẫn... văn nghệ đáng nhớ! Chị vượt biên năm 1977, đến định cư tại Thụy Sĩ và lập gia đình với Emil, một bác sĩ người Thụy Sĩ. Từ đó mới có bút hiệu viết tắt E.P: Emil Phương.

Sau này qua thư từ liên lạc hay qua điện đàm, tôi mới biết thêm chị đang mang bệnh ung thư. Ngày 8.8.1999, tôi nhận được thi tập "Tâm Quê" của chị do Làng Văn xuất bản. Chưa kịp gởi thư cảm ơn thì 5 ngày sau tôi lại nhận được hung tin, chị đã bỏ anh em bằng hữu về cõi vĩnh hằng ngày 13.8.1999 trong tuổi 52.

Chị Phương ơi,

Có con chim nhỏ, mỗi sáng hót buồn ngoài vườn nhà tôi. Tự nhiên tôi thấy luyến luyến với tiếng chim. Phải chăng trong tập Tâm Quê chị đã viết:

...
Con chim nhỏ hót trên cầu
Ngẩn ngơ giọt lệ tuôn trào nhớ ai?
Người đi để chút thương vay
Nhắm cành lan tím nhớ ngày bên
nhau

Chị đã chiến đấu với cơn bệnh nan
y, mà qua điện thoại chị ví von "trời
kêu ai nấy dạ". Giọng nói của chị ngọt
ngào nhỏ nhẹ trầm tĩnh làm sao. Triết
lý và kinh điển Phật Đà đã làm cho
tâm chị an nhiên, vui vẻ chấp nhận lẽ
vô thường của tạo vật.

...
Con chim nhỏ cất tiếng chào buổi
sáng
Mừng ta trở về nhập cuộc phù sinh

Chị Phương ơi,
Bây giờ chị đã ra đi, vĩnh viễn ra đi,
nhưng bên tôi vẫn còn tiếng thơ của
chị, vẫn còn tiếng chim hót gọi bình
minh, nên tôi vẫn còn nhớ đến giọng
nói hiền hòa trầm tĩnh của chị...

*

Tiếng chim hót làm tôi giật mình
tỉnh giấc. Tôi nhớ mình chỉ chớp mắt
một khoảng thời gian ngắn ngủi mà
hình như tôi đã trải qua nhiều biến
chuyển trong sinh hoạt văn hóa của tờ
báo Viên Giác gần suốt 25 năm với
hình bóng của những văn thi hữu đã
một thời cộng tác. Họ đã thành thoi
đáp thuyền Từ rồi xa bề khổ trầm mê,
nhưng thơ vẫn vẫn còn để lại trong trí
tưởng của chúng ta, như hình bóng
của họ còn nương theo chiều gió vẫn
vương...

...
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió là hay... người về!

Tôi xin tạm kết thúc bài hoài niệm
về những văn thi hữu đã cộng tác với
báo Viên Giác- những người có giao
tình và có ít nhiều kỷ niệm đối với tôi.
Riêng đối với một số văn thi hữu khác
cũng đã cố hạc quy tiên mà tôi vô tình
không biết, hoặc là tôi biết quá ít về
những bậc trưởng thượng như các lão
thi hữu Trình Chung hay Tôn Nữ
Chung Anh, nên tôi không dám đề cập
đến. Tôi xin kính cẩn khấu đầu tạ tội
và kính xin hương linh quý vị hỷ xả
cho.

Xin đốt một nén hương tưởng niệm
và thành kính cầu nguyện cho hương
hồn người quá cố sớm được siêu sinh.

Cuối cùng, như thường lệ, kính xin
độc giả lượng thứ cho những cái tôi
đáng ghét không thể không nhắc tới vì
những liên hệ cần thiết.

(Ahrensburg, 30.4.2003)

THƠ Ngô Minh Hằng

(*tha thiết gọi đồng bào Việt
Nam, quốc nội và hải ngoại*)

Xin đứng lên lời ca chính khí



Nghề tin, lòng tôi đau xót
Đảng bỏ tù Lê Chí Quang
Vì không phục phụng sâu mọt
Và vì anh yêu Việt Nam

Vâng, chính vì anh yêu nước
Thấy người bán đất tổ tiên
Anh giống hồi chuông đảm lược
Mong chuông vang vọng ba miền

Anh mong đồng bào góp sức
Anh mong tuổi trẻ tiếp tay
Ghé vai, giữ gìn non nước
Chung tìm lối sáng, đường ngay

Với Tàu, tuyên lời cảnh cáo
Bắc triều bành trướng, tham ô
Vớ Đảng, tố lời chính đạo:
Công bằng, dân chủ, tự do...

Phải việc anh làm là lỗi
Để cho Đảng nhốt anh tù???
Phiên tòa buộc anh vào tội
Không lời biện hộ. Đứng ư???

Hỡi người Việt Nam, mọi giới
Quân dân, cán bộ, mọi ngành
Sinh viên, học sinh, mọi tuổi
Những người yêu chuộng công
minh

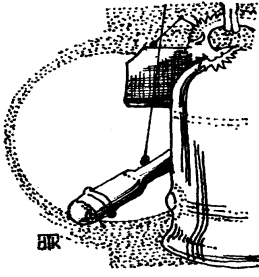
Có nghe cõi lòng bất nhẫn?
Có thấy tim buồn xót xa?
Khi đời bất công trước mặt
Khi câu chính nghĩa tan nhòa???

Khi chữ YÊU DÂN, YÊU NƯỚC
Chỉ là gian dối mà thôi
DÂN CHỦ, CÔNG BÌNH, LÝ
TƯỜNG
Cũng là bánh vẽ, lừa người...

Xin anh, xin em, xin chị
Đứng lên, nói thật lòng mình
Đứng lên, ca lời chính khí
Đứng lên dựng ánh mình mình

Cho anh, cho em, cho chị
Cho nhà, cho nước Việt Nam
Và cho những người chiến sĩ
Trong tù như LÊ CHÍ QUANG!

(Tháng 11. 02)



25 năm kỷ niệm

Nhật Trọng

Hai mươi lăm năm, một thời gian rất nhỏ bé so với sự hiện hữu và tồn tại của trái đất, của vũ trụ bao la; nhưng đối với đời sống con người thì quả thật không phải là ít! Điều đó rất hiển nhiên!

Thi hào Nguyễn Công Trứ đã diễn đạt qua hai câu thơ đầy ý nhị và thấm nhuần tư tưởng Phật Giáo:

"Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,

Cảnh phù du trông thấy nực cười!"

Thật vậy, cho dù ai đó trong chúng ta được sống lâu đến trăm tuổi thọ, nhưng cảnh phù du, vô thường biến đổi mà thế nhân phải nhận chịu thật đáng cho người đời suy ngẫm! Nếu chúng ta cứ phó mặc cho ngày tháng trôi qua, cuộc sống không định hướng, chỉ biết bon chen với công danh, sự nghiệp, với sự tham luyến, mê nhi, phục vụ cho cái ngã và ngã sở của mình, thì năm bảy mươi năm rồi cũng thấm thoát như bóng câu qua cửa sổ và khi ngoảnh lại thì cuộc đời thật vô nghĩa! Nhưng nếu chúng ta nhận biết được giá trị của thời gian, thì từng phút giây trong cuộc sống thật đáng trân quý vô cùng!

Đất nước Việt Nam thương yêu của chúng ta đã trải qua liên tiếp những cuộc chiến tranh tàn, thảm khốc! Không kể đến "một ngàn năm bị đô hộ bởi giặc Tàu, gần trăm năm bị đô hộ bởi giặc Tây; chỉ riêng ba mươi năm nội chiến từng ngày" cũng đã gieo rắc cho dân tộc biết bao nhiêu tang thương đổ nát!

Trong hoàn cảnh nhiễu nhương đó, từ những năm đầu của thập niên 60 (năm 1964), một Thiếu Niên vừa lên 15 tuổi đã nuôi chí xuất gia, đi tìm con đường giác ngộ, giải thoát và diu dắt chúng sanh! Qua những ngày tu học cam khổ dưới mái chùa Viên Giác ở Hội An và chùa Phước Lâm ở Quảng Nam; được Sư Phụ Thích Long Trí ban cho Pháp Danh là THÍCH NHƯ ĐIỂN. Cho đến năm 1969, Chú được Thầy cho vào Saigon ăn học và với một ý chí dũng mãnh của người con Phật, sau khi thi đậu bằng Tú Tài toàn phần, năm 1972, Chú đã xin xuất ngoại du học tại Nhật về ngành Giáo Dục Phật Giáo.

Sau ngày 30.04.75, trong nỗi cảm hoài vì nước mất, chùa tan, trong cảnh lạc loài, bơ vơ nơi hải ngoại vì không thể quay về với Tổ quốc thương yêu, đã rơi vào tay người Cộng Sản! Nhưng bấy giờ, Thầy không còn bé bỏng nữa! Với quyết tâm không dừng lại, không bỏ lỡ con đường tu học của mình để hoằng dương Phật pháp. Và chắc cũng do nhân duyên tiền định, do sự bổ xứ của Chư Phật, Chư Bồ Tát cũng như Long Thần Hộ Pháp, Thầy đã được người bạn chí thân hỗ trợ để sang xứ Đức này. Rồi với biết bao nhiêu

tâm sức của chính mình cùng với sự nhiệt tình đóng góp của những người bạn thân thương từ thuở còn đi học ở quê nhà, của quý Chư Tôn Đức, đã đến Âu Châu này trước như Hòa Thượng THÍCH MINH TÂM, hiện nay là Chủ tịch Điều Hành Giáo Hội PGVNTN Âu Châu, cũng như của Cộng đồng người Việt Nam và Phật Tử ly hương, Thầy đã tạo dựng nên mái chùa Viên Giác uy nghiêm như ngày nay!

Tháng sáu năm 2003, tại chùa Viên Giác, Hannover, có tổ chức những buổi lễ thật trọng đại và chắc chắn sẽ ghi vào lòng người Phật Tử nhiều dấu ấn thân thương, đó là: Lễ mừng Sinh nhật thứ 55 của Thầy, 28.06.2003; kỷ niệm 25 năm thành lập chùa Viên Giác; 25 năm tờ báo Viên Giác có mặt với Kiều bào và Phật Tử Việt Nam ở hải ngoại, trao giải thưởng "Viết về Âu Châu", cùng với lễ tấn phong Đại Đức THÍCH HẠNH TẤN làm Trụ trì Viên Giác Tự.

Hưởng ứng Thông báo của chùa và để đóng góp ít nhiều đạo vị vào những ngày Lễ Hội tháng sáu năm nay, tôi muốn ghi lại nơi đây những nhân duyên được gần gũi, tu học với Thầy cùng tất cả tâm tư, tình cảm của mình!

Tôi đã được sanh ra từ giữa cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước ngửa nghiêng, chiến cuộc kinh hoàng, triền miên, thảm khốc! Sau Hiệp định Genève 1954, tôi có cái may mắn hơn bao nhiêu bạn bè của mình là được lên Saigon ăn học. Nhưng cuộc chiến giữa những người anh em cùng chung huyết thống mà khác nhau về lý tưởng đã xảy ra ngày càng thêm ác liệt! Suốt thời gian trên hai mươi năm đó, cũng như số phận những người con khác của Mẹ Việt Nam, em trai của tôi đã hy sinh vì cầm súng để bảo vệ miền Nam Việt Nam Tự Do! Bản thân tôi cũng vương cảnh tội tù! Tôi cũng đã nghe, đã thấy những cảnh tử biệt sanh ly đầy nước mắt, những hoang tàn đổ nát vì bom đạn và bao nhiêu tiếng khóc nghẹn ngào. Mạng sống của con người như chỉ mảnh treo chuông. Sáng ra còn đó, nhưng buổi trưa, buổi chiều thì đã ngã gục, vĩnh biệt cõi đời! Cha mẹ, vợ con khóc than vật vờ! Biết bao nhiêu vành khăn sô trắng đã quấn vội lên đầu những người quả phụ bơ vơ, những bé thơ vô tội!

Năm 1946, người anh cả của tôi, trong một chuyến về ăn Tết tại quê nhà, xã Phước Thạnh, tỉnh Bến Tre, đã bị giặc Pháp bắn chết cùng lúc với hàng trăm đồng bào ruột thịt khác trong một trận càn! Giặc đã đốt nhà và quăng xác anh tôi vào trong lửa đỏ! Một vết thương đau dai dẳng cho gia đình chúng tôi! Tôi còn nhớ mãi hình ảnh những giọt nước mắt của Ba Mẹ tôi trong mỗi lần cúng giỗ, mặc dù thời gian đã trôi qua hàng chục năm. Và cảnh "Tre già khóc măng" lại một lần nữa diễn ra, khi em trai của tôi hy sinh vì Tổ Quốc vào năm 1969! Tôi thù ghét, ghê sợ chiến tranh.

Ngày đó, tôi cũng được nghe những lời thiết tha nguyện ước của đồng bào đang ở trong các vùng lâm chiến: "Nguyện cho chiến tranh chấm dứt, dù phải ăn cháo cũng vui".

Rồi ngày 30 tháng 4 đen đã đến, nước mất nhà tan, Cộng Sản thôn tính nốt Miền Nam Tự Do. Tiếng đạn bom không còn nữa, nhưng cảnh ăn cháo, ăn bo bo đã lan tràn khắp mọi nơi. Thù hận, chết chóc, cảnh tử biệt sanh ly vẫn còn quá nhiều. Hàng triệu người đã trốn chạy, đã vượt biển, vượt rừng mong tìm lại hai chữ tự do và đã có không biết bao nhiêu người gục ngã trong rừng sâu hay vùi chôn thân xác trong lòng biển cả!

Vận nước đảo điên. Trong nỗi bàng hoàng tủi nhục của người thất trận, cùng với bao nhiêu chiến hữu Quân Lực VNCH, tôi cũng phải bước chân vào ngưỡng cửa tù cải tạo mà người ta traу chuốt với mỹ danh là đi "học tập". Sau khi ra tù, tôi phải hồi hương và sống tại một làng quê với thật nhiều kỷ niệm đắng cay. Bao nhiêu lần vượt biển không thành và lại phải tiếp tục nếm mùi lao lý.

May thay, các con của tôi đã vượt thoát và được Chánh phủ Đức tiếp nhận trong những đợt đầu tiên. Sự thật, chắc không có ai trong chúng ta biết trước và hy vọng những đứa con sẽ bảo lãnh lại mình. Nhưng với lòng nhân từ vô lượng vô biên, xứ Đức đã cho chúng ta đoàn tụ gia đình.

Nhiều kỷ niệm, nhiều nghĩa tình sâu nặng, tôi đã gói gắm trong mẩu chuyện "ÂN TÌNH VIỆT ĐỨC". Ở đây, tôi chỉ xin ghi lại nhân duyên được gặp gỡ và tu học với Thầy:

Ngày 20.04.1989, vợ chồng tôi và đứa con trai út lên 10 tuổi đã đặt những bước chân đầu tiên trên đất nước CHLB Đức, đã thật sự đến bến bờ tự do; tính ra chỉ còn 10 ngày nữa là tròn 14 năm, sống và chứng kiến cuộc "đổi đời" nhiều đắng cay, nghiệt ngã tại quê nhà!

Sau 3 tháng ở trại tiếp chuyển Tübingen, chúng tôi được về Ausländerwohnheim Rappertshofen - Reutlingen. Ở đây, chúng tôi đã được dự buổi lễ Phật cầu an đầu tiên trong đời sống ly hương của mình do Thượng Tọa THÍCH NHƯ ĐIỂN chủ trì! Tôi còn nhớ, hình ảnh Bàn Phật hôm đó thật trang nghiêm, số người tham dự rất đông! Gặp Thầy và nghe Thầy thuyết Pháp, đạo tâm chúng tôi như được khơi dậy sau một thời gian dài bị lãng quên vì hoàn cảnh đổi đời nghiệt ngã, vì những năm tháng đi tù cải tạo và trải qua hơn 10 năm vất vả trong cuộc sống hồi hương! Từ nhân duyên Phật pháp này, chúng tôi đã có nhiều lần về viếng chùa, lễ Phật, thăm Thầy, từ khi chùa Viên Giác còn ở bên chỗ cũ! Theo thời gian, chúng tôi được gần gũi nhiều hơn với Thầy, với bạn để đi vào con đường tu học, làm Phật sự như bây giờ.

Tôi đã Quy Y Tam Bảo từ năm 14 tuổi tại quê hương Bến Tre, xứ dừa thơ mộng. Bổn Sư truyền giới của tôi là Thầy THÍCH HỒNG KHƯƠNG, trụ trì Thiện Bửu Tự. Hồi đó, tôi cũng có ý định xuất gia, nhưng vì chiến cuộc, gia đình phải lên Saigon lánh nạn! Xa Thầy và sống giữa lòng đô thị, tôi đã trải qua những năm tháng rất thường tình: ăn học, đỗ đạt, đi làm, cưới vợ, có con và nhiều nỗi thăng trầm! Sau biến cố Tết Mậu Thân tôi nhập ngũ. Cho đến ngày 30.04.75, ngoảnh lại thì ... đã hai mươi năm trôi qua, mình cũng chẳng có định hướng gì! Được sang Đức là đại nhân duyên cho chúng tôi và tôi thường nói lên nguồn hạnh phúc của mình là được gần gũi Phật pháp, được tu học ! Vợ và con của tôi cũng Quy Y với Thầy. Đến năm 1997, chúng tôi được Thọ Bồ Tát Giới và niềm vui to lớn nhất là người con trai út của chúng tôi, cùng sang Đức trong chuyến bay ngày 20.04.1989, bây giờ đã được xuất gia tu học với Thầy!

Nhân đây, bản thân con và gia đình, chúng con xin thành tâm cảm niệm ân đức của Thầy đã từ bi thế độ, cũng như Đại Đức ĐỒNG VĂN, Thầy Giáo Thọ và Đại Chúng chùa Viên Giác đã dạy dỗ, dìu dắt cho Chú Thiện Chánh! Chúng tôi cũng xin cảm ơn quý vị Cận Sự tại chùa đã hỗ trợ về mặt tinh thần cho Chú!

Nhớ lại những ngày đầu tiên chúng tôi vừa sang xứ Đức, mấy đứa con đã đưa cho chúng tôi xem những tấm hình chụp trong thời gian Thầy mới đến Đức và đi hoằng hóa khắp nơi ! Lúc đó, Thầy còn dáng dấp thư sinh, mảnh khảnh; lúc đó, bàn Phật được trang trí rất đơn sơ, chỉ có một tấm hình hoặc một Tôn Tượng của Đức Bổn Sư với chiếc lư hương, bình bông, đĩa trái cây nho nhỏ! Hồi đó, Thầy tìm đến để giúp đỡ, để thông dịch, để làm lễ Phật cầu an, dìu dắt về tâm linh cho Đồng bào ruột thịt của mình! Sau này, có nhiều dịp Thầy đã tâm tình: Niềm vui là bây giờ, các em, các cháu đó còn giỏi tiếng Đức hơn mình nhiều! Hồi đó, khi gặp Thầy, nhiều em còn bắt tay Thầy rất tự nhiên như ở ngoài đời! Nhưng sau thời gian tu học và hiểu về Giáo lý, Phật pháp, những người con của Phật đã đi vào nền nếp, đã chấp tay cung kính chào Thầy, thật đẹp và trang nhã ! Còn biết bao nhiêu mẩu chuyện vui buồn mà Thầy đã viết trong quyển sách Chùa Viên Giác, xuất bản từ năm 1994 !

Nhắc lại những việc nho nhỏ mà Thầy đã làm từ hơn hai thập niên về trước, Phật Tử chúng ta chiêm nghiệm được rằng, nếu biết nhen nhúm một tia lửa nhỏ, biết vận dụng tự tánh của mọi người, biết xây dựng với một ý chí sắc son thì tia lửa đó sẽ trở thành một vùng ánh sáng lớn! Sự thành hình và phát triển của mái chùa Viên Giác là kết quả cụ thể vậy! Thầy thường dạy chúng ta: " Ý chí là một yếu tố đầu tiên và tối cần để đi đến sự thành công!". Thầy còn dạy cho đệ tử và Phật Tử về nền nếp, trật tự, vệ sinh, siêng năng, đúng giờ v...v...và thật nhiều nữa, qua thân giáo !

Ngoài việc tu tập, đào tạo Tăng Ni, hằng năm tại chùa Viên Giác còn cử hành những ngày lễ lớn như Đại lễ Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán, Rằm thượng ngươn, Rằm hạ ngươn, những ngày Vía của Chư Phật, Chư Bồ Tát. Đặc biệt, từ 5 năm qua, còn có khóa tu Gieo Duyên trong thời gian hai tuần lễ, từ đầu tháng 7 Dương lịch; các khóa Huân tu Tịnh Độ, Huân tu Đại Bi v.v...

Mỗi lần như vậy, có từ vài chục đến hàng trăm, hàng ngàn Phật Tử và Đồng hương về tham dự. Nhìn cảnh chùa thật an vui, thân thiết, là nơi nương tựa tâm linh cho mọi người con dân nước Việt đang sống xa Quê hương, Tổ quốc:

Thật thâm thúy và tương đắc làm sao với hai câu thơ bất hủ của Thiền Sư Mãn Giác:

"Mái chùa che chở hồn Dân tộc,

Nếp sống muôn đời của Tổ tông"

Chúng tôi rất mong, về đây trong những ngày lễ lớn, dù có ồn ào một chút, dù có vài điều không được như ý, vì điều kiện, diện tích ngôi chùa của chúng ta chỉ có như vậy, nhưng Phật Tử và Đồng hương cũng rất vui lòng và tìm thấy được trong khung cảnh chùa Viên Giác một góc trời Việt Nam nơi hải ngoại này!

Mái chùa của chúng ta còn là một Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo. Việt Nam. Có khả năng giới thiệu với người Đức, với quan khách thập phương những nét đặc thù về việc tu học, về bản sắc dân tộc, về Văn hóa Phật giáo và Dân tộc của chúng ta!

Tôi còn nhớ mãi hình ảnh kỷ niệm rất sâu đậm về buổi lễ nghinh đón Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, vào ngày 18.06.95! Mái chùa Viên Giác hôm đó đã hiện lên một niềm vui rạng rỡ cùng với sự háo hức đợi chờ của hàng ngàn Phật Tử

và Đồng hương. Ai cũng muốn tận mắt nhìn thấy nụ cười từ bi, thân ái của Ngài, được nắm bàn tay của Ngài, hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Và bài Pháp Tứ Diệu Đế mà Ngài đã thuyết giảng, cũng là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nhưng đã thành những lời giáo huấn ghi đậm vào tâm thức của mọi người.

Chùa Viên Giác cũng có vinh hạnh đón tiếp Hoàng Hậu xứ Bhutan viếng thăm vào ngày 27.07.2000! Một tình cảm, một nghĩa ân đặc biệt đem đến cho Thầy, cho Chùa và cho Phật Tử Việt Nam nói chung. Vì Bhutan, một đất nước nhỏ bé, nhưng từ Quốc Vương, Hoàng Hậu cho đến người dân đều thấm nhuần Phật pháp. Tôi muốn ghi lại nơi đây một câu nói của Vua Bhutan, mà tôi nghĩ là đáng cho mọi người suy ngẫm: "Sự tăng trưởng kinh tế của nước tôi có nghĩa là dân tôi mỗi ngày làm được một việc thiện. Vì việc thiện càng nhiều thì đời sống người dân sẽ có hạnh phúc. Hạnh phúc đó chính là sự tăng trưởng kinh tế; chứ không phải kinh tế hiểu theo nghĩa tiền bạc".

(Trích trong "**Bhutan có gì lạ ?**" của TT Viên Giác)

Qua năm 2001, Thầy cũng đã viếng thăm xứ Bhutan và đã viết quyển sách "BHUTAN CÓ GÌ LẠ?", tác phẩm thứ 32 của Thầy, với những mẫu chuyện rất bổ ích.

Cũng có người cho là, tại sao tu mà quý Thầy cứ xây cất thêm chùa và cần chi chùa to lớn?

Là một Cư sĩ, may mắn có được nhân duyên tu học, nghe Pháp, dù kiến thức rất giới hạn, chúng tôi xin mạo muội thưa rằng: Tất cả đều do thực hành mục đích hoằng Pháp lợi sanh mà Chư Phật hằng chỉ dạy. Nếu có dịp tham dự những khóa tu học với một, hai trăm người hoặc quan sát những dịp lễ lớn, chúng ta sẽ thấy mái chùa Viên Giác còn quá nhỏ so với nhu cầu của Phật Tử và khách thập phương.

Hơn nữa, đối với một vị chơn tu thì ngôi chùa không có tính chất là sở hữu của mình! Cụ thể là sau khi chùa Viên Giác đã được xây cất hoàn thành, Thượng Tọa Viên Giác đã cung hiến cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Điều này, giúp cho người tu đứng ra ngoài các tục lụy về ngã và ngã sở ở đời. Và điều lợi ích rất thiết thực là ngôi chùa thuộc quyền sở hữu của một Pháp nhân, tránh được những vướng mắc thường tình.

Bên cạnh chức năng là một Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo, chùa Viên Giác còn có Tờ Báo Viên Giác là Cơ Quan Ngôn Luận Phật Giáo, tiếng nói của Kiêu bào và Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức.

Mỗi năm, phát hành 6 số vào các tháng chẵn, và mỗi số trên 6000 tờ, Báo Viên Giác giới thiệu với độc giả tại Đức quốc, Âu Châu và 33 nước trên thế giới về Tôn Giáo, các sáng tác Văn nghệ, Biên khảo, Tham luận Chánh trị, Trang Hoa Phụng, Y học, Xã hội Từ Thiện, Tin thế giới, Tin Cộng Đồng, Tin Phật Sự v.v...

Đặc biệt, "Thư Tòa Soạn" do Thượng Tọa Viên Giác viết cho mỗi số báo. Với nội dung thật xúc tích, Thầy đã gói gắm vào đây từ Giáo lý, Phật pháp, kiến thức đến quan điểm cũng như tâm tư tình cảm của mình hướng về Đạo pháp và Dân Tộc...

Mục Tin Vui cũng như Cáo Phó và Cảm Tạ là nhịp cầu giữa những người bạn Đạo, giữa mọi người Việt Nam trong nước và ở hải ngoại để chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn.

Qua đó, chúng ta còn cảm nhận được sâu xa hơn lời Phật dạy về sự vô thường. Chúng tôi đã có rất nhiều suy tư khi đọc qua mỗi số báo, bên cạnh một vài Tin Vui là năm, bảy Tin Buồn! Bạn hữu, người quen, người thân của chúng ta cứ lần lượt ra đi; cũng có những trường hợp tuổi đời còn quá trẻ!

Bộ Nội Vụ Liên Bang Đức từ lâu đã hỗ trợ tài chánh cho việc in ấn, phát hành Báo Viên Giác. Điều đó cũng nói lên sự ích lợi thiết thực của tờ Tạp Chí này.

Về cơ cấu, tổ chức, qua nhiều năm, Thầy đã lãnh đạo Chi Bộ PGVNTN tại CHLB Đức; cùng xây dựng, điều hành, sinh hoạt với Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức và 18 Chi Hội tại các địa phương, với 9 ngôi chùa và Niệm Phật Đường. Thầy đã thường xuyên cùng với quý Chư Tôn Đức chùa Viên Giác đi hoằng hóa khắp nơi; về các Chi Hội để cử hành lễ Phật cầu an, thuyết giảng Giáo lý, chủ trì các Khóa Tu Bát Quan Trai Giới, các khóa Huân Tu Tịnh Độ, Huân Tu Đại Bi v.v...

Tháng 6 tới đây, sau khi tấn phong Đại Đức Hạnh Tấn lên làm trụ trì Viên Giác Tự, Thầy chỉ còn là một Sáng lập trụ trì hay có thể gọi là "Phượng Trượng" của chùa.

Cũng có nhiều Phật Tử rất suy tư trước quyết định của Thầy! Nhưng chúng tôi thiên nghĩ, không phải Thầy không toan tính. Vì nhìn lại thành quả của 25 năm qua, bên cạnh việc xây dựng và vun bồi cho mái chùa Viên Giác thân thương ngày thêm uy nghi, nền nếp; Thầy đã dày công đào tạo cho Giáo Hội nhiều Tăng tài. Đã hoằng dương Giáo Pháp của Như Lai đến hàng vạn người ở khắp nơi từ Âu, Á, Mỹ đến Úc Châu. Giờ đây, Thầy muốn ẩn dật nhiều hơn, muốn có sự thanh tịnh để nghiên ngẫm Giáo Pháp của Như Lai, để dịch thuật Kinh điển và cũng để cho những Đệ Tử của mình tự lực vươn lên.

Trong bài **Kính mến Thầy**, mà Phật Tử chúng ta thường hát lên mỗi khi chào đón Thầy, có câu:

"*Thầy là bóng cây che mát chúng con*"

Nhiều lần, Thầy đã nói cho vui mà thật ý nhị: "*Thầy không muốn là bóng cây che khuất chúng con*".

Còn như Phật Tử chúng ta nghĩ đến nỗi buồn khi phải xa Thầy. Điều đó cũng tự nhiên đối với chúng sanh còn mang nặng thường tình như chúng ta mà thôi. Nhưng điều mà Chư Phật đã dạy và quý Chư Tôn Đức thường truyền đạt cho chúng ta; đó là sự vô thường. Ngày xưa, Đức Thế Tôn rời cũng nhập diệt, phải rời xa Đệ Tử thương yêu của mình!

Thật ra, như trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 có nói: Đức Thế Tôn chẳng phải thực diệt độ mà xướng nói là diệt độ, để gợi lên ý tưởng khó gỡ, phát lòng luyến mộ, khát ngưỡng trong hàng Tú Chúng và để họ gieo trồng gốc lành.

Trong Kinh cũng có mẫu chuyện: Một Lương Y rất tài giỏi, nhưng mấy đứa con thất tâm không chịu uống thuốc của ông để trị bệnh. Một hôm, ông bỏ nhà ra đi đến một phương xa, rồi một thời gian sau, ông cho người về nói với các con là ông đã chết và khuyên các con dùng thuốc quý. Lúc bấy giờ, mấy người con vì thương tiếc cha mình, vừa ăn năn vì đã không nghe lời khi cha còn sanh tiền. Họ đã uống thuốc và khỏi bệnh.

Tôi thầm nghĩ, những phương tiện của Chư Phật, Chư Bồ Tát ngày xưa đã dùng hoặc vị Thầy khả kính của chúng ta

ngày nay, đang làm, không ngoài tâm ý, muốn tạo nhân duyên cho Đệ tử xuất gia cũng như tại gia của mình vươn lên trên đường Đạo nghiệp.

Nếu chúng ta có tín, nguyện và hành trì Giáo pháp của Như Lai, ghi nhớ và phụng hành những gì trong thời gian 25 năm qua Thầy đã dày công dạy dỗ thì đó chính là một cách để đền đáp thâm ơn và tình thương cao cả của Thầy thiết thực nhất. Được như vậy thì chúng tôi nghĩ, dù xa mặt nhưng không cách lòng vì Thầy, trò đều đang đi chung trên con đường giác ngộ giải thoát! Chúng ta vững tin, những người đi trên một con đường, tất sẽ gặp nhau, ít nhất là tại điểm đích.

Ngoài sự tu học, hành trì Giáo pháp của Như Lai, xây dựng chùa Viên Giác, đào tạo Tăng Tài; hoằng hóa cho biết bao nhiêu Đệ Tử và Phật Tử khắp nơi; những quyển Kinh mà Thầy đã dịch thuật cùng với các tác phẩm của Thầy là những gì quý báu còn lưu mãi cho các thế hệ tương lai.

Quyển sách "**C M TẠ XỨ ĐỨC**" -Danke schön Deutschland- tác phẩm thứ 34 của Thầy vừa được xuất bản, đã nói lên tất cả tâm tư tình cảm của Thầy, đặc biệt là việc ghi nhớ thâm ân của Chánh Phủ và Nhân Dân Đức đã cứu mạng và bảo bọc cho Đồng bào Tỵ Nạn chúng ta, đã tận tình giúp đỡ nhiều mặt để ngôi chùa Viên Giác thành hình, tồn tại và phát triển như ngày nay.

Bằng những dòng thô thiển trên đây, tôi cũng muốn nói lên tất cả lòng mình "Ôn cổ tri tân".

Nhìn lại thời gian trên 30 năm kể từ ngày Thầy rời xa quê hương, du học tại xứ lạnh Phù Tang và trên 25 năm hoằng dương Giáo Pháp của Như Lai tại xứ Đức này, Phật Tử chúng ta có thể hành diện vì có một vị Minh Sư, một vị Thầy khả kính.

Tháng sáu 2003, với nhiều Lễ Hội để đánh dấu một chặng đường đã đi qua, để kiểm điểm lại những thành quả, rút tỉa những kinh nghiệm, những niềm vui, nỗi buồn và cũng để nói lên tất cả nghĩa ân, điều mà Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy cho người Phật Tử phải hành trì, đó là "Pháp Tứ Trọng Ân".

Những năm tháng sắp tới, mặc dù Thầy không còn gần gũi và trực tiếp dạy dỗ Tăng Ni, Phật Tử như thời gian 25 năm qua, nhưng quán tưởng đến những phương tiện thiện xảo trong Phật pháp, như sự diệt độ của Đức Thế Tôn hoặc là mẫu chuyện vị Lương Y trong Kinh Pháp Hoa, Phật Tử chúng ta có cơ sở để giữ vẹn niềm tin, ý chí và hành trì giáo huấn của Thầy.

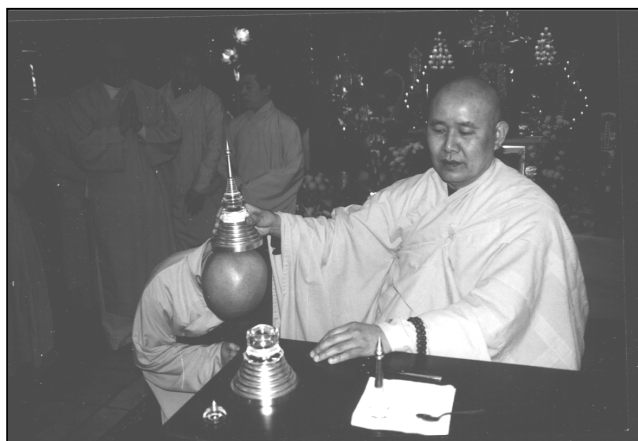
Kính nguyện Hồng ân Tam Bảo gia hộ cho Thầy trên đoạn đường còn lại luôn gặp nhiều thắng duyên và mãi mãi là "ánh sáng dắt dìu chúng con, là con thuyền thanh lương đưa chúng con đến bờ thanh lương".

Kính nguyện Chư Phật, Chư Bồ Tát thường gia hộ cho Đại Đức THÍCH HẠNH TẤN, vị tân Trụ Trì, Pháp thể được Khang an để tiếp nối chí nguyện của Thầy, để lèo lái con thuyền VIÊN GIÁC, chuyên chở Phật Tử chúng con lìa khỏi bến mê, sang bên kia bờ Giác ngộ.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



Cung nghinh Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 viếng chùa Viên Giác vào ngày 18.6.1995



Tinh thượng đệ tử



Thầy chụp ảnh lưu niệm với các Phật Tử vừa Quy Y Tam Bảo nhân dịp khóa tu Bát Quan Trai tại CHPTVNTN Mannheim ngày 01.2.1997



PT. Nhứt Trọng trước cổng chùa Viên Giác trong mùa tuyết

Hai mươi năm vẽ và xây chùa Âu châu

• Trần Phong Lưu



Chùa Viên Giác

VIÊN thành quả phúc số đồ họa GIÁC ngộ chân tâm dự án cung

Ở bên nhà thật ít khi có cơ hội vẽ chùa, vì làng nào tỉnh nào cũng đã hiện diện một vài ngôi già lam từ lâu đời. Cho nên khi được mời gọi dự tranh thiết kế "Tổng y viện Phật giáo", chúng tôi vô cùng hứng khởi, tưởng đâu đã có thể đem sở học kiến trúc cổ truyền dân tộc, diễn họa lên công trình xây dựng cho y khoa đời mới. Chúng tôi đã hằng hái đến gặp Thượng tọa Nhựt Minh ở Linh Sơn tự, đường Cô Giang nhiều lần; quan sát miếng đất của Thầy Quảng Liên trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, để biết nhiều khó khăn đang chờ đợi, như dòng điện cao thế chạy băng qua miếng đất, phải tránh xa, mà xa quá thì đâu còn đủ đất để xây! Nhưng gian nan nhứt vẫn là vấn đề tài chánh. Mặc dầu lễ đặt viên đá đầu tiên đã được cử hành vô cùng trọng thể, dưới sự chứng minh của chủ Tôn Đức và sự chủ tọa của ông bà Thủ Tướng, cùng chư tăng ni, với đông đảo đồng bào Phật tử khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, các tỉnh miền Đông và mười mấy chiếc xe dò miền Tây chở các phái đoàn Phật giáo Tứ Ân, Phật giáo Hòa Hào, mang đủ màu cờ sắc áo lên tham dự; dù cho ông Chủ tịch hội Đền Hùng, chính là nhạc phụ của Thủ Tướng, đứng vai Trưởng Ban Tổ Chức; nhưng việc thiết kế xây dựng lần hồi cũng chìm khuất trong cuộc leo thang chiến tranh, cho đến ngày di tản, vượt biên.

Hành trang mang theo lên tàu Cap Anamur, hay nhờ người nhà gửi qua Đức sau, chỉ là hình ảnh ba cái giải thưởng: Tái thiết chợ Sài Gòn (Bến Thành), Ngân hàng Phát triển Kỹ nghệ (Việt Nam) và Innotech center (6 nước Đông Nam Á). Còn Kiến trúc tôn giáo chỉ là hai ngôi Giáo Đường. Việc sửa soạn hành nghề Kiến trúc lại cũng gian nan như việc học tiếng Đức. Sau các lần tập sự, làm việc ở các văn phòng kiến trúc, hãng thầu xây dựng, Konz, Saarburg, Köln, Kall... Tôi quyết định lên Hannover dự khóa tu nghiệp hành nghề Kiến trúc sư, thay vì nhận đề nghị qua Đại học Aachen, để được hướng dẫn làm phụ giảng. Chính quyết định này đã đưa tôi vào ngả rẽ chuyên biệt của ngành kiến

trúc. Cũng như nếu tôi được định cư tại Mỹ, thì chưa chắc tôi có cơ duyên xây chùa.

Hai mươi năm trước đây, trong cư xá của hãng xe Volkswagen ở Hannover, tình cờ tôi đã gặp một em sinh viên Việt Nam, và bắt liên lạc lại được mấy cậu học trò cũ của trường đại học Kiến trúc Sài Gòn đang theo học khóa dự bị vào Đại Học Đức. Rồi anh Hiếu, qua đây từ năm 75-76, đã sắm xe hơi, đến rước tôi đi dự hội Tết với cộng đồng người Việt tỵ nạn tại đây, và sau đó đưa luôn đi lễ Phật và đón giao thừa tại ngôi chùa đầu tiên trên nước Đức, mà tôi đã nghe nói đến từ năm 81.

Thông thường dân ta đón Tết tung bừng náo nhiệt, nếu không ăn nhậu vui tươi, thì cũng xem phim hài hước. Còn như coi hát cũng bói tuồng "Happy end", đem lại nhiều Phúc-Lộc-Thọ cho năm mới. Nhưng đêm giao thừa năm đó chúng tôi và các cô bác anh chị em Phật tử đã để rơi bao nhiêu nước mắt trong phòng khách trước chánh điện vì Thầy đã cho xem phim "Lá Sầu riêng" do ban kịch Kim Cương đóng! Sau khi đã được nghe Thầy tụng kinh và giảng pháp lần đầu. Nhưng từ những giọt nước mắt nhớ quê hương, hay tủi phận tỵ nạn đó, tôi tìm dịp trở lại chùa nhiều lần, để mượn sách báo Việt ngữ, để dò theo tiếp dòng văn học quê nhà đang lúc tha hương. Cho đến lúc một sinh viên cũ nhìn ra chữ ký trên sổ mượn sách, đúng là chữ ký sửa bài trong trường Kiến trúc bên nhà, tôi chưa có dịp kể cho ai về nghề nghiệp của mình. Cho tới hôm tôi gặp một anh đi làm về trên chuyến xe điện số 5 qua Đại học Hannover về Stöcken, và được mời về nhà anh, ở chung với anh chị Danh, tôi mới kể về chỗ tạm trú của mình ở cuối đường. Thế rồi một buổi chiều thứ năm, chính anh Danh hẹn đưa tôi lên chùa gặp Thầy, vì trong buổi giảng hôm chủ nhật vừa qua, Thầy đã thông báo cho mọi người, dự định tìm đất xây chùa mới và cần giới thiệu cho một Kiến trúc sư Việt có thể thiết kế và xây dựng trên nước Đức. Tôi đem tập ảnh các giải thưởng và phối cảnh ngôi Thánh đường các đấng tử đạo Việt Nam, đã được triển lãm trong buổi lễ 300 năm thành lập Công giáo và trong ngày lễ đặt viên đá đầu tiên đã được chôn chung với thánh tích của các vị Á thánh, mà về sau đã được phong Thánh, cùng hình ảnh lễ khánh thành tân Thánh đường xứ Kê Sắt (Hố Nai).

Xem xong tập ảnh, Thầy nói ngay:

"Anh vẽ nhà thờ giống chùa lắm; nhưng ráng đừng vẽ chùa giống nhà thờ".



Chùa Khánh Anh - Evry Pháp

Khi về lại Saarburg, theo nhu cầu Thầy đề ra, tôi đã thiết kế 2 phương án trình Thầy: Phương án 1 theo tượng ý tòa

sen mãn khai, với những thành phần kiến trúc rất hiện đại. Nhưng Thầy đã chọn phương án 2 với mái ngói hình lá Bồ đề, và mặt tiền mang đường nét kiến trúc truyền thống Việt Nam. Về sau phương án này được kết hợp với mặt bằng hình búp sen và kích thước cũng thay đổi theo luật lệ xây dựng Đức, miếng đất được chọn, cùng những đợt quyên góp tiền. Thầy trò chúng tôi đã đi xem từ miếng đất phong cảnh sơn thủy hữu tình, nền thoải thoải, phía sau lưng Huyền vũ tựa vào dãy núi, phần thành lũy thiên nhiên của Saarburg thời Trung cổ, trước mặt Minh đường thủy tụ, dòng sông Saar uốn khúc, giá lại rẻ chỉ có 4DM, một thước vuông. Cho đến 3 miếng đất ở góc các xa lộ và ven thành phố Recklinghausen với quyền sở hữu chỉ 99 năm. Cuối cùng miếng đất do ông chủ nhà của chùa cũ giới thiệu đã được chọn, vì ở ngay trước chùa cũ, nơi linh khí bao năm kinh kệ tụng niệm của chư Tôn Đức và đồng đạo Phật tử đã tụ về. Mà lúc trông coi xây dựng và sau này dọn về chùa mới cũng rất thuận lợi. Thành phố Hannover, lúc đọc lên nghe âm hưởng gần như Hà-nội, cũng có hồ lớn như hồ Trúc Bạch và vườn Thượng uyển của Đức Ông, lại là thành phố văn hóa, với các hội chợ quốc tế mở ra hàng năm và Expo được xem như cửa ngõ mở ra thế giới, địa điểm ở ngay gần chùa.

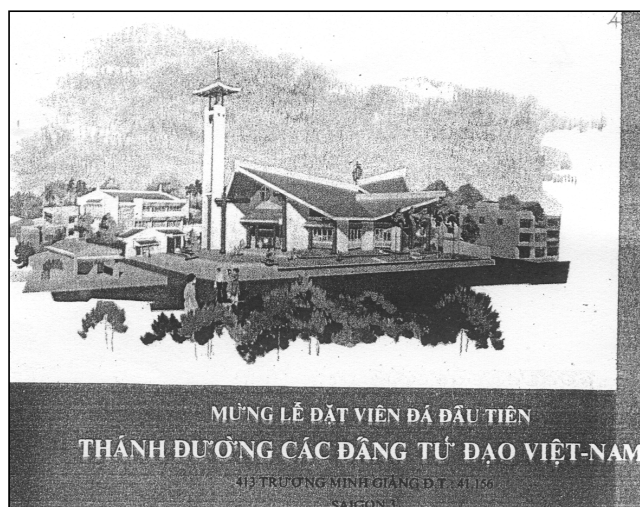


Mô hình chùa Khánh Anh mới tại Evry (phụ cận Paris)

Vào mùa Phật Đản năm 1987 Thầy làm lễ đặt viên đá đầu tiên, nhằm hôm mưa giông, gió lộng. Ai cũng lo điềm chẳng lành, ít ra bà con đến dự lễ phải chịu ướt lạnh. Nhưng không sao gió rồi cũng dịu dần, mưa rồi cũng ngớt hột, để lại một vũng nước đọng. Hòa thượng Thiện Định qua chứng minh đã phê ngay: "Thầy Như Điển có số tụ thủy". Phần tôi nghiệm qua lá số, lại mừng thầm: Số tụ thủy là có tiền vô. Nước càng chảy vào, đọng lại; tiền càng tích lũy.

Sang mùa Phật Đản 88, dọn đất đo đạc. Rồi mùa Vu-Lan vẽ bằng hiệu xây dựng trưng lên, qua tháng 9 được giấy phép của sở xây dựng thành phố Hannover: Cả một va-li hồ sơ hơn mười mấy bản vẽ không bị trả đi trả về, sửa tới sửa lui, như lúc xin phép xây cất thông thường. Tới 6 giờ rưỡi sáng thứ sáu 19 tháng năm, 1989, nhằm ngày trăng tròn tháng tư năm Kỷ Tỵ Phật lịch 2533, khởi công xây "Nơi Tao ngộ Hoa Sen", tên Đức của tôn Viên-Giác tự. Các xe cơ giới đào đất hiện đại của nhà thầu Mehmel, nổi tiếng với công trình cao tầng nóc vòm cầu "Hannoversche Allgemeine Zeitung" từ 20 năm trước, đã dựng phải những khối bê-tông phế thải cũ nằm ngằm dưới đất từ lâu đời, ngay buổi chiều đầu tiên! Mà khối lớn nhứt dài gần 10 m và sâu hơn 1 thước rưỡi. Khó khăn bắt đầu từ lúc đào móng, nhưng vẫn phải đúc nền cho thật kiên cố, để xây tường, thả dàn sắt đổ bê-tông, dựng cột lên. Tài chánh eo hẹp, tiền quyên góp vất vả, nhân sự hiếm hoi, kinh nghiệm xây cất khác biệt... nhưng vẫn phải cố gắng thực hiện một công trình qui mô to lớn sao cho vững bền, tốt đẹp. Thành ra tất cả công việc thiết kế kiến

trúc, lập toàn bộ hồ sơ 22 bản tỷ lệ lớn, vẽ chi tiết các thành phần kiến trúc, trông nom điều khiển công trường, giám sát thi công, đòi hỏi một đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật nhiều ngành. Nhưng nhìn đi ngó lại, chỉ còn một mình tôi, phải gánh vác luôn ba bốn mặt, cả phần cống rãnh, ống thoát nước mưa nước sạch, nối với hệ thống cống thành phố. Lại thiếu cả các cán bộ phụ giúp và các họa viên khai triển các họa đồ, thể hiện các chi tiết. Ngoài ra còn dành thêm một số công việc trong các công tác của nhà thầu, để các Phật tử đến làm công quả, hầu giảm bớt gánh nặng tài chánh. Thế loại công tác lại thuộc cấp cao nhứt trong bảng xếp hạng công tác xây cất 5 cấp của luật xây cất Đức: vừa mang tính chất văn hóa, xã hội (cấp 4), vừa biểu hiện thần thức tôn giáo (cấp 5). Thế mà đường nét kiến trúc Việt Nam ở tận miền Viễn Đông, thì hoàn toàn xa lạ với thầu thợ Đức và chút kinh nghiệm kiến tạo cổ truyền Á Châu của một xứ nhược tiểu, tuy đã được trang bị thêm mô kiến thức Âu Mỹ, cũng khó mà điều khiển, hướng dẫn trôi chảy những nhóm tay nghề già tuổi đời Tây phương.

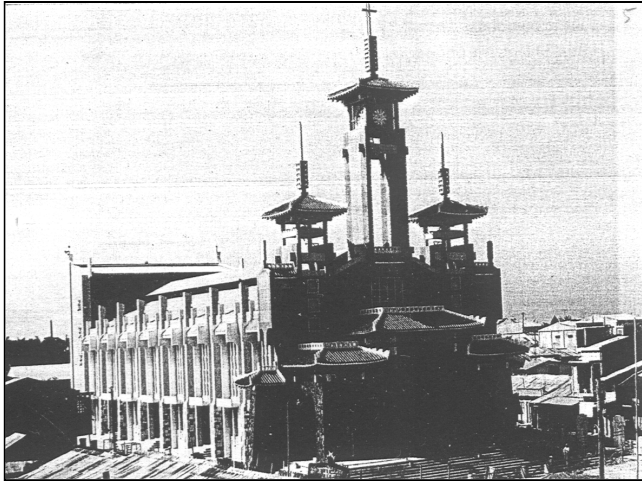


Từ tháng 7 đổ sàn bê-tông tầng trệt, sang tháng 8 đúc cột, dựng tường. Qua mấy năm xây hội trường lên chánh điện, cất Tây Đường rồi thả đà, đóng ván khuôn thông qua Đông Đường. Lễ Thượng Lương mới vừa tổ chức tháng 5 năm trước, năm sau Thầy trò chúng tôi đã lo chuẩn bị hai đại lễ, Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế giới vào tháng tư và đại lễ Khánh Thành vào cuối tháng 7, 1991. Xen kẽ vào hai kỳ lễ lớn hằng niên, lễ Phật Đản và lễ Vu Lan. Mà để chuẩn bị cho mỗi kỳ đại lễ, thì phải gấp rút gọi thêm thầu tô tường trong, tường ngoài; phải hối thúc xưởng mộc lắp cửa sổ kính màu hình cờ Phật giáo và hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn DM phải chạy cho ra. Rồi quý thầy phải lo sơn cột, các chú phải lo quét vôi tường và bà con công quả phải lo dọn dẹp cây vắn, gạch vụn nằm ngổn ngang bên đống giàn trò mà thợ còn bỏ dở! Đến các cô cũng phải phụ quét dọn rác rến, dăm bào, mặt cưa để các bác dọn bàn ra và anh em bắc thang lên treo màn trang hoàng. Xong đại lễ lại phải dọn dẹp ngay, để thầu thợ lòi ván gỗ, dựng dàn trò lên xây tiếp. Để một hai tháng sau lại tái diễn cuộc chuẩn bị cho kỳ lễ lớn kế tiếp. Dân gian thường nói: "Ba lần dọn nhà bằng một lần cháy nhà". Mà Thầy trò chúng tôi đã dọn đi dọn lại 4 lần như vậy, không phải dọn một căn nhà, mà dọn dẹp cả một ngôi chùa lớn, đang xây cất dở dang. Đại Lão Hòa Thượng Tâm Châu gặp Thầy bên Gia-Nã-Đại đã từng khen tặng 3 điều:

1) Thầy tu công đức nào, trì tụng công phu gì, mà đến Đức lo việc Phật sự chẳng bao lâu, đã góp lời cầu nguyện khiến cho bức tường Bá Linh đổ ?

2) Đã truyền dạy được một đệ tử lên hàng Vô Thượng Sư, vang danh khắp thế giới.

3) Đã xây dựng được một ngôi chùa rộng lớn, huy hoàng như Âu châu.



Tân Thánh Đường Kê Sắt (Hố Nai)

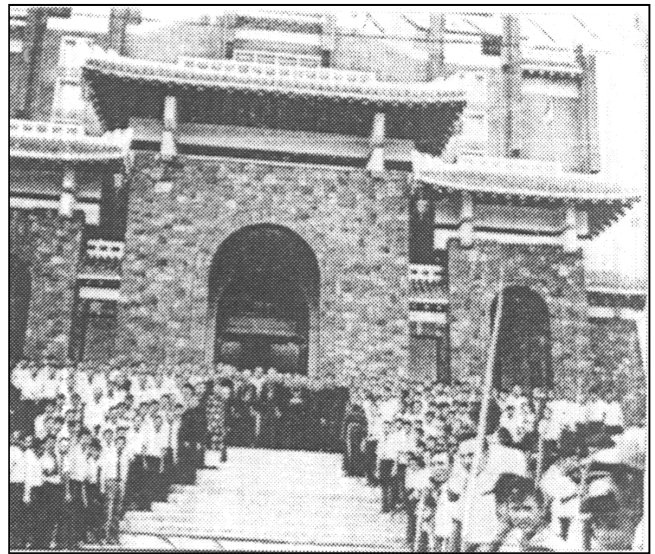
Nhưng hôm đại lễ Khánh Thành, gặp tôi trước cổng chùa Hòa Thượng đã quả nhe :

"Thầy trò anh làm gì sao cũng tất bật quá? Chính điện mới lợp, tường chưa tô, mà đã gửi thiệp khắp các nước mời chư Tăng về họp Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế giới. Nhiều chỗ trong chùa còn xây cất dở dang, mà đã tổ chức lễ Khánh Thành !"

Sở Xây Dựng thành phố đọc báo mới biết tin chùa sắp làm lễ Khánh Thành ngày mai và sẽ có hàng ngàn người khắp các nước về tham dự, mà họ đang chịu trách nhiệm về sự an toàn xây cất, lại không được thông báo. Nói chi đến thủ tục gửi đơn lên xin nghiệm thu, để họ cho phép sử dụng. Ngay xế trưa hôm đó, ông Trưởng phòng cấp phép đã phải thân hành đến tận chùa cùng hai nhân viên tìm gặp tôi để đòi phải cấp tốc dựng ngay 36 chỗ rào cản, giữ an toàn cho các tam cấp, cầu thang và thang xiêng, cũng như các rào ngăn với Đông Đường chưa xây xong, như là từng trên còn đang dang dở, mà bên dưới cây gạch nằm ngổn ngang, đỉnh chĩa lên tua tủa! Tìm đâu người phụ làm giữa đoàn khách dự lễ và đám đông chỉ đến xem náo nhiệt, trong khi các anh em công quả còn bận rộn với các việc Thầy đã giao, và một số đã về thay đồ để đón bạn bè hay tiếp thân nhân. Mà nào có ai tôn trọng các rào cản hay sợ tai nạn đâu. Suốt ngày lễ cứ ngăn được mấy em nhỏ dừng nhảy xuống tam cấp, thì các em khác đã leo lên chạy giỡn trên thang xiêng; vừa mời được cô này dừng bước qua rào ngăn bên dưới, thì anh kia đã xô ngã rào cản bên trên để tiến ra cười đùa chụp hình!

Có những lỗi lầm, mình đã học biết và đã trải qua kinh nghiệm hành nghề, nhưng vì hoàn cảnh, vì yêu cầu phải tổ chức lễ quá sớm, mình phải ngậm miệng, ráng nghe lời phiến trách của giới chức xây dựng Đức. Có những sai sót mà do sự hiểu biết chưa phổ quát, còn thiếu tu nên vấp phải, dù đã lên ăn ở trên chùa mấy năm, lạy đủ tam thiên, vạn Phật và mấy mươi trang Pháp Hoa. Những lời chê trách vẫn đè nặng trước đây tưởng không sao gánh vác nổi,

nhưng qua thời gian kinh nghiệm đã rút tía được cho các lần sau, các lỗi lầm đã nhận biết sẽ có cơ hội sửa chữa.



Tân Thánh Đường Kê Sắt lễ khánh thành ngày 19.12.74

Khi hay tin tôi vẽ chùa và đang đứng trông coi xây dựng ngôi đạo tràng Giác-ngộ qui mô như Âu Châu, các bà con thân hữu, các Giáo sư, Khoa trưởng, Thầy dạy cũng như học trò cũ ở bên Tây, bên Bì hay còn kẹt lại Việt Nam, cả vị Viện Trưởng Viện Đại Học Lock-Haven bên Mỹ đều khen mừng, khuyến khích, ai cũng nghĩ mình đang tạo phước chẳng những cho đời mình hiện tại, mà cho mấy đời con cháu về sau, duy chỉ có người cô nhấn qua thư của đứa em gửi từ quê nhà: "... Nghe anh Ba vẽ và xây chùa, cô Năm có ý lo về sau sẽ nghèo, vì ông Tú bà Tám đứng coi xây chùa ở quê mình, bây giờ còn nghèo hơn hồi trước!..."

Nhưng tôi đã chấp nhận, việc xây dựng sự nghiệp không đặt thành quả trên tiền tài, giàu có, mà làm sao trình bày được sở học một cách sáng tạo, để trồng lên một đóa hoa Kiến trúc Việt Nam, trong khu vườn Tây phương. Nên đã từ chối cơ hội hợp tác lâu dài với Deutsche Vermögen (Frankfurt) trong chương trình qui mô qui hoạch và thiết kế theo kiến trúc dân Maure, trang viện du lịch Villa Vita (Đời sống) của giới thượng lưu Đức ở Amacao de Péra bên Bồ Đào Nha; để đủ thời giờ và tâm trí lo cho tác phẩm đầu tay ở hải ngoại, cho dù sau này có chịu thiếu thốn. Bù lại tôi được Thầy Huyền Diệu mời qua Ấn Độ hành hương Tứ Động Tâm Phật giáo và qui hoạch khu đất mới gần Bồ đề Đạo tràng và góp ý thiết kế các cơ sở trong Việt Nam Phật Quốc tự. Sau này còn được dự lễ đặt viên đá đầu tiên, được nhờ thiết kế ngôi chùa bên Đan-Mạch, đi xem đất ở Hamburg để lập dự án xây cất Ni tự và qui hoạch hai mươi mấy mẫu đồi đất thoai thoải cho khu làng văn hóa Phật giáo vùng Lisieux, bờ biển Normandie. Phái Tịnh Độ cũng nhờ về một ngôi chùa nhỏ miền Nam nước Pháp. Năm bảy năm sau Thầy giới thiệu qua thiết kế và trông nom xây dựng chùa Khánh Anh mới đã đặt viên đá đầu tiên trong công viên Thỏ rừng ở Evry. Sau lần trình bày các bản thiết kế và đề nghị xây dựng trước Sư Ông và Ban Hưng Công và được đưa đi xem miếng đất hơn 4000 m², đã đào đất để xây từng hầm và rào quanh chiếm trọn gần 6000 m² đất. Qua nhiều lần họp bàn với các nhà thầu Tây ở phòng khách nhà hàng China Agora và các Kỹ sư, chuyên viên Pháp ở Maison Alfort. Nhưng nhà thầu cứ thay đổi, mỗi lần họp lại gặp bộ mặt chuyên viên mới. Không biết họ bỏ vì công tác lớn lao, khó khăn, hay những câu hỏi về tài chánh chưa được trả lời thỏa đáng. Công việc

cứ kéo dài hết tháng này qua năm khác. Cho đến khi tôi nhận ra còn vài điểm phong thủy chưa ổn: Bào tháp trước chùa lại nằm bên vị trí Bạch Hổ, xây cao hơn phòng Su Ông trụ trì ở đầu dãy Thanh Long. Còn phía sau Huyền vũ lại trống trải. Tôi xin sửa lại đồ án. Xây thêm ba tầng tháp Đa Bảo phía sau phòng Su Ông, để đầu Thanh Long cao hơn Bạch Hổ và dời tháp Địa Tạng phía sau vào nằm ngay trên trục chính, để làm lưng tựa phía Huyền vũ cho Phật điện. Từ đó nhà thầu Bồ Đào Nha chịu lãnh xây chùa toàn bằng bê-tông cốt sắt. Đến khi Su Ông chấp thuận việc xây lên tháp Đa Bảo, cũng là lúc giấy phép dựng cần trục được cấp. Công việc xây dựng chùa mới lúc đầu tiến triển tốt đẹp, nhưng về sau chậm dần với nhiều lần nhà thầu "đình công" theo với nhíp thu góp tài chánh, chưa kể mấy lần họ dọa kéo cần trục và các nhà conex làm việc đi. Nhưng nhờ Phật độ, bà con Phật tử khắp thế giới còn rảnh đóng góp, nên bao nhiêu lần khó khăn đều đã vượt qua. Chi phí xây cất công trình đã lên trên 37 triệu quan Pháp. Mà khó khăn vẫn tiếp tục chông chát và ngày càng lớn hơn, khiến Su Ông cứ phải lao tâm lo nghĩ, nhiều lúc sanh bệnh. Các tòa nhà trong chùa đều đã xây lên đến tầng nóc. Ngay cả ngôi tháp Quan Âm mới xây phía trước cũng đã lên đến tầng thứ sáu, đang đóng ván khuôn đúc sàn trên và dự trù thực hiện xong từng cuối vào tuần tới. Nhà thầu Bồ Đào Nha này nhỏ, không được rộng rãi và có tâm đạo như nhà thầu Mehmel xây chùa Viên Giác bên Đức. Nhưng giờ chót vẫn muốn xây thêm hai tầng thứ 8 và thứ 9 cho đại tháp Địa Tạng phía sau, trước khi dọn đồ rút đi. Ngôi đại tháp này chẳng những án ngữ đứng lưng Huyền vũ của phương hướng ngôi chùa, mà còn nằm đúng trên trục chính của con đường lớn thành phố Evry, chạy từ dưới sông Seine lên bùng binh công viên Thỏ Rừng. Nên dân chúng và Thành phố đều khen ngợi. Họ còn tưởng đây là công trình công cộng, đã được Thành phố qui hoạch từ trước, theo đúng chương trình thiết kế thị thôn (Urbanisme). Phần tôi coi như đã đóng góp trong việc thiết kế và trông coi xây dựng hai ngôi chùa lớn nhất Âu Châu. Những phiền muộn do những lời chê trách cũ vừa mới phơi pha, tưởng được thanh thỏa hành nghề tiếp, nhưng nghiệp lại hành thêm bực dọc mới:

*"Lợi đã thoát vòng, vũông chút Danh,
Bao năm công quả, phúc để dành.
Thiết kế hai chùa, hoa Sen nở.*

Góp chút nhân lành, nghiệp đời tranh".

Mỗi lần dùng xe điện ngầm, đổi qua xe lửa ngầm RER tuyến D, hướng Malesherbes (tạm dịch *Cổ đại*. Mal ghép với những chữ khác còn có nghĩa *cực nhọc, khó chịu*, nhưng herbe còn hàm ý *hy vọng*), đều phải xuống trạm Bras de fer (cánh tay sắt), rồi đi bộ thêm mấy trăm thước nữa mới đến công trường xây chùa mới, tôi đều pha trò với các người đồng hành, để tự an ủi: "Mong chùa mới sẽ xuất hiện những **Thiết Thủ Đại Sư** để gờ những cánh tay rắn chắc như sắt thép chống đỡ mái chùa che chở hồn dân tộc, trong vùng giông to gió lớn này và phát huy Phật pháp ra khắp Âu châu".

Mấy tháng trước Thầy cho hay bên Ba Lan họ muốn nhờ tôi vẽ chùa và vào lễ Phật Đản năm nay, hai người trong hội Việt Đức Rostock, sẽ qua gặp Thầy và tôi để nhờ hỗ trợ xây một Niệm Phật Đường trong nhà dưỡng lão sắp xây. Còn bộ hồ sơ xin phép xây cất chùa Trúc Lâm bên Thụy Điển đã nộp từ năm ngoái để Sở Xây Dựng thành phố Malmö xem xét và thông báo cho dân chúng khắp vùng chung quanh coi có ai phản đối, thắc mắc gì không. Nhưng ông Trưởng phòng cấp phép cũ đã về hưu. Bà Kiến trúc sư, Trưởng phòng mới muốn gặp tôi để hỏi một vài điều. Ý cũng muốn biết những công trình tôi đã thực hiện, ít ra cũng trình qua

THỜ

Theo bóng thời gian



*Tôi như đám mây lành
Phiêu lưu bốn hướng trời xanh dôi tìm
Mỏi mòn tìm cá bóng chim
Quê hương ôi vẫn đắm chìm mù sa*

*Tôi như những ánh dương tà
Theo thời gian vẫn chan hòa bể dâu
Trải bao chiến địa giang đầu
Nhìn qua chỉ thấy úa nhàu hoàng hôn*

*Tôi như con suối lạc nguồn
Quạnh hiu dưới lưng, dòng tuôn hững hờ
Hỏi đâu mạch nối sông hồ ?
Tháng năm ôm hận đôi bờ cách ngăn*

*Tôi như trăng sáng đêm rằm
Vẫn luôn luôn dẹt tỏ tâm vàng ươm
Thả về vườn cũ mù sương
Thùy chung lòng khách viễn phương tình hoài*

*Tôi như những tiếng thỏ dài
Lênh đênh theo mảnh hình hài nổi trôi
Cánh bèo mặt nước trùng khơi
Hài hùng giữa một khung trời bao la...*

• Vân Nương

giấy phép hành nghề hay bằng cấp. Biết vậy tôi cố ý trình cho bà xem nguyên trang in hình họa đồ chùa Viên Giác có in tên tôi trong quyển sách giáo khoa Đại học Đức **"Atlas Gebäudegrundrisse-Lehre, Forschung und Kultur"** với trang bên in bình đồ các giáo đường do các giáo sư Đại học Berlin, Stuttgart, Darmstadt và các Kiến trúc sư nổi tiếng bên Mỹ, bên Áo thiết kế. Bà liếc qua trang trước thấy hình nhà thờ Ronchamp, Paris liền phê ngay: "Ông ngồi cùng hàng với Su tổ Le Corbusier". Rồi không hỏi gì giấy phép hành nghề nữa và hẹn 6 tuần sau sẽ cấp giấy phép xây cất.

Nhớ lại lời dạy đầu tiên của vị giáo sư lý thuyết ở Đại học Kiến trúc năm xưa: "Nhiệm vụ của Kiến trúc sư không phải chỉ đặt trong Không gian mà chính ở Thời gian; Sự mạng của Kiến trúc sư là gây thông cảm giữa Quá khứ và Hiện tại".

Tôi hy vọng sẽ giữ được một chỗ cho ngôi chùa Viên Giác trong không gian kiến trúc Đức và nhíp cầu bắc qua hai bờ văn hóa khác biệt sẽ được lâu bền theo thời gian. •

Lời rất thật cho những điều đã nghĩ

THỎ-CHI-VIỆT

Xem như từ 3 năm qua tôi đã có hẳn tờ báo Viên Giác, Tạp chí của Kiều Bào và Phật Tử Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, do chùa Viên Giác tại Hannover (Đức Quốc) phát hành 2 tháng 1 lần.

Ngôi chùa Viên Giác do Thượng Tọa Thích Như Điển là Viện Chủ; chùa Viên Giác được khánh thành tại Hannover trong 3 ngày, từ ngày 24 đến 30 tháng 7 năm 1991; mà tôi luôn mong ước được đến viếng bái một lần. Tạp chí Viên Giác trước đó, đã lâu, tôi được đọc do một người bạn Phật Tử xem xong thì trao lại cho bạn bè cư ngụ xung quanh. Tôi đọc T/c Viên Giác nhận thấy bài vở rất hay, đã giúp ích nhiều cho tôi trong cuộc sống hằng ngày. Bia báo với những hình ảnh tôi rất thích; mà báo khi tới tay tôi thì có khi không còn bia (vì đã bị cắt ra giữ lại?!); khi thì có báo, khi thì không, đọc không được liên tục, cho nên tôi có ý định viết thư sang Tòa soạn để xin gửi thẳng theo địa chỉ nhà. Nhưng vì bận rộn chuyện gia đình, thời gian trôi qua mà tôi vẫn chưa viết thư được.

Rồi nhân duyên cũng đến, tình cờ một dịp liên lạc cho bà Má nuôi, tôi được biết anh chị Huy Giang (anh HG cũng là con nuôi của Má nuôi tôi), anh là nhà thơ, và trong BBT/ Tạp chí Viên Giác, nên tôi nhờ anh liên lạc với Tòa soạn để gửi báo cho tôi. Qua bà Má nuôi chúng tôi quen nhau; Má nuôi đã tạ thế hai năm nay; vậy mà tôi vẫn còn nhớ lúc trước nói chuyện với bà: "*Má ơi, anh N. là nhà thơ đó, anh làm thơ viết truyện hay lắm...*". Cặp mắt bà sáng lên, nhìn tôi: "*Thế à! Thế à! Thằng N. thế mà giỏi chữ nhỉ?*". Má nuôi chúng tôi là người miền Bắc, hai anh em chúng tôi là người miền Nam. Rồi tôi cũng được biết thêm, anh HG (xuất thân từ Trường TSQVN), Quân nhân/TQLC trực thuộc Đ4/Kinh Ngụ,

chung một Tiểu Đoàn với một người anh của tôi đã hy sinh trong trận chiến Hạ Lào 1971; nên đối với anh HG dù rằng mới quen biết, tôi đã xem như anh tôi. Hai gia đình chúng tôi từ đó thân nhau. Tôi cũng rất cảm ơn anh chị HG đã khuyến khích tôi siêng năng viết hơn để cho nhuần.

Tạp chí Viên Giác do Thượng Tọa Viện Chủ chùa Viên Giác làm Chủ nhiệm. Tôi chưa được diện kiến với Thầy (tôi chỉ thấy Thầy qua hình ảnh trên sách báo). Nhưng tôi đã được đọc sách của Thầy viết, như: **Tim Hiểu Giáo Lý Phật Giáo - Đường Không Biên Giới - Có và Không - Vọng Cổ Nhân Lâu** v.v... và những bài viết đăng trên T/c Viên Giác. Trừ những bài viết của Thầy về Phật Pháp cao thâm, tôi chưa được thấu đáo và những bài viết bằng tiếng Đức, tôi không có học tiếng Đức nên không được hiểu. Văn phong của Thầy lúc nào cũng như lúc nào, không bóng bẩy cầu kỳ, nhưng nhẹ nhàng đầy lòng nhún nhường làm cho tôi xúc động và cảm thấy trong đời sống tinh thần được rất nhiều an lạc, nên tôi đã xem Thầy như Vị Thầy khả kính của tôi và các Bác, các Chú, các Anh Chị Em tác giả của các bài viết khác nhau trên T/c Viên Giác tôi cũng chưa hân hạnh gặp mặt mà tôi xem như người thân của tôi.

Ngoài Tạp chí Viên Giác, tôi còn có thêm tờ Đặc san Đa Hiệu, Cơ Quan Ngôn Luận của TH/CSVSQ/TVBQGVN (tôi có các người thân trong gia đình là CSVSQ), những người Linh của QLVNCH mà tôi suốt đời thương yêu. Rồi tờ Nhịp Cầu, Tờ báo của LĐ/Công Giáo Việt Nam ở Vùng Đông Bắc Pháp do Linh Mục Joseph Võ Quang Linh sáng lập - Linh Mục VQL bây giờ đã hưu trí, và Linh Mục Vincent Phạm Phú Hải kế nhiệm thực hiện, có cô em họ của tôi trong Nhóm Cộng tác. Thêm tờ Dân Văn, T/c Thời Sự, Chính Trị, Văn Hóa, Cơ Quan Ngôn Luận VNQĐĐ/Âu Châu, VNQĐĐ với Đảng Trưởng Anh Hùng Nguyễn Thái Học, và các Đảng viên trung kiên yêu Đất Nước, mà toàn dân Việt Nam ghi nhớ đời đời ngọn lửa thiêng Yên Bái. Thầy o Giản Phan Ngô (Thầy dạy học cũ của mấy chị em chúng tôi) là cựu Đảng viên. Qua Tờ Dân Văn, tôi cũng được hân hạnh biết nhà thơ Huyền Thanh Lữ Lê Hòa, là một văn tài về chữ Hán thơ Đường. Nhà thơ Lê Hòa cũng là Đảng viên đầy lòng yêu Nước.

Rồi Đặc san Vô Ưu, của Liên Chi Hội PTVNTN Reutlingen-Tuttlingen-Rottweil và Vùng Phụ Cận do các Bác, các Chú, Anh Chị Em Phật Tử (bạn) của ĐH Thiện Chánh thực hiện. Thêm tờ Nhịp Cầu Hàng Không do các Bác, các Cô, Chú của Air Việt Nam (Hàng Không Việt Nam) trước năm 1975, và Dì tôi là cựu Tiếp viên Phi hành, cùng thực hiện để làm nhịp cầu liên lạc, họp mặt của các gia đình cựu Air Việt Nam hải ngoại và giúp đỡ g/đ đồng nghiệp còn lại trong nước). Và tờ Lời Chúa, Nguyệt san Thông tin Công Giáo, và Phổ Biến Lời Chúa vùng Yvelines (Pháp) do một dì khác của tôi gửi xuống.

Cho nên, mỗi lần nhận được những tờ báo này, tôi rất vui mừng vì có cảm tưởng như mình nhận được tin tức của những người thân. Cũng còn rất nhiều những tờ báo khác với những nhà văn, nhà thơ tên tuổi mà tôi đã nghe danh tiếng trước năm '75 - cũng như những nhà văn, thơ trẻ tuổi hôm nay. Nhưng thật là đáng tiếc, tôi không có đủ thời giờ để đọc hết các báo chí phát hành. Tôi nhận thấy mình thật là may mắn, dù đang sống trên quê hương người, mà vẫn còn được nuôi dưỡng trí tuệ bằng tiếng Mẹ đẻ qua các sách, báo lành mạnh, giá trị. Tâm tánh tôi ghiền đọc sách báo; nên không hiểu mình sẽ sống ra sao, nếu không có còn những món ăn tinh thần này?

Nhờ có sách báo, chúng ta học hỏi những điều hay lẽ phải, lánh ngừa những điều xấu; được biết những tin tức thời sự ở khắp nơi; biết những chuyện tốt; những tấm gương sáng của người để khâm phục, noi theo; những chuyện xấu, bất công của người để biết răn mình, lánh ngừa; những đau khổ chịu đựng của người để mình có thể giúp đỡ, chia xẻ. Rồi những kỷ niệm chất đầy tâm tình thương yêu, nhưng nhớ để khi đọc thấy mình cũng buồn, vui theo câu chuyện. Và rồi có thể biết được những nơi chốn núi sông, làng mạc, cảnh sắc kỳ thú, ngoạn mục mà mình chưa một lần đi đến; còn nhiều điều để học hỏi nâng cao kiến thức mà những người viết đã bỏ công sưu tầm, khảo cứu ghi lại để truyền đạt đến chúng ta qua sách báo.

Ở hải ngoại này tôi rất an lòng, phấn khởi vì đã biết có nhiều, nhiều lắm, những tấm lòng người Việt của tôi vẫn luôn hoài vọng đến tiền đồ Tổ Quốc Việt Nam, và luôn mong muốn lật đổ chế độ lừa dối bất nhân độc tài đảng trị của Cộng sản Việt Nam để

Quê hương thật sự được tự do no ấm. Có rất nhiều, nhiều lắm, những văn tài về văn, thơ, khảo cứu, biên soạn, phiên dịch những tác phẩm, bài viết giá trị, công phu, xác tín tấm lòng luôn muốn gìn giữ, bảo tồn, phát triển nền Văn Hóa của Dân Tộc Việt Nam chúng ta, nền Văn Hoá lấy đạo lý, nhân nghĩa làm đầu, và ý chí hào hùng bất khuất đã có từ thuở tiền nhân vua Hùng dựng nước, cho đến đời con cháu về sau và mãi mãi.

Tôi xin được gửi tấm lòng quý trọng đến tất cả những người đã bỏ công sức (từ tinh thần đến vật chất) để hoàn thành những cuốn sách, những tờ báo cho chúng tôi học hỏi hiểu biết. Đọc được những cuốn sách giá trị, những bài viết súc tích, là một hạnh phúc mà ơn Trên đã gián tiếp ban cho chúng ta qua các cây viết tài hoa.

Kính Bạch Thầy Viện Chủ chùa Viên Giác, trước hết con xin được kính chúc Thầy sức khỏe an khang, cũng được kính gửi đến toàn thể BBT/Tc Viên Giác và Gia đình lời cầu chúc tốt lành.

Con đã nhận được tờ báo Viên Giác; hình bìa tờ báo đã đem không khí Tết đến nhà, khi ngoài trời tuyết đang rơi trắng xóa. Tạp chí Viên Giác Xuân 2003 đầy ắp những bài viết ngày Xuân, cũng như tin tức ở khắp nơi trong năm. Điều đáng nói nữa là chữ in lớn, rõ ràng, con đọc không còn cảm thấy mỏi mắt như lúc trước. Tờ báo đến tay con là do công sức của rất nhiều người từ việc viết bài, đánh máy, lên khuôn, in ấn, cắt xén, bao bì, đi gửi v.v... Con xin được gửi đến tất cả tác giả các bài viết, và Tòa soạn lời cảm ơn chân thành đã cho con (gia đình con) món quà Xuân quý giá trong những ngày đầu năm.

Những ngày như hôm nay con có rất nhiều cảm xúc đến rơi lệ nhưng thật an lành, khi con vừa xem qua cuộn Video Lễ Đưa Tiễn Linh Cữu Đức Cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận vừa tạ thế ngày 26- 9-2002 vừa qua tại Roma. Sự ra đi của Đức Cố Hồng Y là một niềm đau tiếc cho chúng con. Nhưng Người đã để lại cho chúng con di sản tinh thần quý báu của Người, qua lời giảng, gương sống hy sinh, chịu đựng trước bao thử thách bằng chính kinh nghiệm bản thân trong một loạt sách viết về "**Niềm Hy Vọng**". Cuốn sách đầu tiên được dịch ra nhiều thứ tiếng đó là cuốn "**Đường Hy Vọng**". Người đã dạy cho chúng con biết thương yêu, chia xẻ: "... Con

hãy dùng phương pháp Tông đồ hữu hiệu: Tiếp xúc để hòa mình, nhập thể với mọi người để hiểu, để nghe, để yêu mọi người (Đường Hy Vọng)".

Thì cũng vừa trong cuốn báo Xuân Viên Giác, con đọc bài: "Người Thầy Cũ" của Thầy; và cũng như lúc nào lời nói thâm tình của Thầy luôn làm cho con thấy xúc động. Rồi con lại nhớ tới gương mặt hiền từ của Đức Thánh Cha Gioan Phao Lồ Đệ Nhị trong quyển "**N'Ayez Pas Peur !**" của nhà văn André Frossard, viết lại cuộc đối thoại của Đ.T.C với tác giả trong cuộc tiếp kiến tại Đại giáo đường Thánh Phê Rô ở Roma và lời đầu tiên của ĐTC với mọi người là: "Non abbiate paura !" (Đừng sợ hãi). Một câu nói ngắn ngủi, nhưng đã đem lại cho con cảm thấy sự che chở biết bao. Và những lời dạy của Thầy, và Sư Huynh Hà Đạu Đồng ở khuôn chữ "Phúc", chúng con sẽ cố gắng noi theo để giữ mình.

Những gì con đã cảm nhận liên tiếp mấy ngày vừa qua, thực sự đã đem đến cho con sự bình an vô tả. Bây giờ thì con chắc chắn chính những gì con đã tiếp thu được từ những lời giảng dạy, khuyên bảo của những bậc Thiên Sư, Chân Tu và những người thường, nhưng có tâm hồn đạo hạnh, đức độ đã đem sức mạnh đến cho con, giúp con biết tìm sự hướng thiện, với lòng can đảm đứng vững để bước đi trong cuộc đời.

Con là người Công Giáo, trong một gia đình theo đạo lâu đời. Ông bà Cố là người giáo huấn con cháu rất nghiêm nhặt, và giữ đạo rất siêng năng theo tinh thần kính Chúa, và thương yêu mọi người - rồi đời sau cứ nối tiếp mà dạy dỗ con cháu. Từ thuở ấu thơ con đã biết tin, kính Chúa như lời kinh Tin Kính mà con đọc hằng tuần trong Thánh Lễ: "... Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc, vô cùng, dựng nên trời đất...". Và kính yêu Đức Mẹ là Mẹ Chúa Ngôi Hai. Rồi khi tuổi trưởng thành, con được dịp tìm hiểu về Phật Pháp con cũng tin kính Đức Phật Bổn Sư Thích Ca, và ngưỡng mộ tin tưởng ở Giáo Lý của Ngài như Kinh Thánh. Con chưa đủ hiểu biết Giáo Lý để diễn đạt sự màu nhiệm của các Đấng Cao cả đã cho con lòng tin cậy; chỉ với suy nghĩ đơn giản trong con, Thiên Chúa như bên ông bà Nội tuy nghiêm khắc, và Đức Phật như bên ông bà Ngoại dịu dàng hơn; nhưng cả hai bên Nội, Ngoại đều bao dung, nhân từ, đầy lòng thương yêu con cháu và luôn mong muốn con cháu được nên người tốt.

Được thấy, được nghe những lời giảng dạy, thuyết Pháp với những Giáo Lý nhân từ hòa ái con người sẽ hiểu đạo làm người, luôn hướng thiện; sẽ cảm thấy niềm an lạc, dù phải sống trong khổ đau chịu đựng cũng có sức vượt qua. Con xin cảm tạ Đấng Cao Cả trên trời đã để lại hình ảnh các Ngài qua các bậc Thiên Sư, Chân Tu cũng như những người có tâm hồn đầy đức hạnh ở thế gian này.

Đọc tiếp, để thấy ngậm ngùi với: "Mùa Xuân Bên Dáng Mẹ Hiền", "Hành Trang Ngày Trở Lại"; nhưng nhớ về dĩ vãng, với: "Tâm Tình Người Thiều Phụ", "Buổi Chia Tay Cuối Năm". Những mẩu chuyện nhỏ nhỏ, để thương ngụ ý răn đời của Trang Hoa Phượng, Gia Đình Phật Tử; những bài Thơ đẹp cả ý lẫn lời. Lời thơ Đường u buồn, nhưng tuyệt đẹp "Phong Kiều Dạ Bạc". Những bài viết về Đạo, Đời, về Giáo Lý. Những bài khảo cứu, sưu tầm về lịch sử cho đến hiện đại giúp mở rộng tầm mắt. Rồi những đói khổ, bệnh tật, những oan trái bất công nơi quê hương mà người dân con đã, đang gánh chịu; mà mỗi lần đọc tin tức, con như bị kim châm trong lòng, giận mình không đủ sức để có thể chia xẻ được nhiều hơn. Và con rất cảm kích khi biết có rất nhiều, thật nhiều những tấm lòng nhân hậu ở khắp nơi đã, đang đưa tay giúp đỡ, xoa dịu bớt những đau thương của người bất hạnh. Tóm lại, những bài viết đều chuyên chở những tâm tình thương yêu Đạo Lý cho đời sống con người. Mỗi lần đọc xong xếp quyển sách hay cuốn báo lại, những cảm giác vui, buồn, thương cảm, thoải mái như quện lẫn vào nhau và in đậm nét trong lòng.

Rồi con đọc tiếp bài viết của hai tác giả Phạm Trần, Trịnh Hưng nói về nhà thơ Hữu Loan với bài thơ bất tử "Màu Tím Hoa Sim". Làm con nhớ lại năm học Đệ Ngũ, có Thầy Lương dạy Việt Văn thật là hay; lúc học thơ tiền chiến, nói về thơ Hữu Loan, Thầy có đọc thêm một bài thơ, con rất thích và thuộc trong lòng; theo thời gian quá lâu, con đã quên tựa bài, và vài câu trong bài thơ.

Cuối cùng, trên đây là lời rất thật cho những điều đã nghĩ. Vì con trí tài thô thiển, sự hiểu biết còn nông cạn nên lời viết có rất nhiều sơ xuất, thiếu sót. Con xin ở Thầy, các bậc trưởng thượng, các anh chị em, và các bạn vui lòng lượng thứ. •

Dòng đời lãng đãng



Kỳ Sơn

Đã có duyên vào đời, có lẽ không ai không có kỷ niệm. Đời tôi không ra ngoài quy lệ ấy. Nếu buồn, vui, hạnh phúc, khổ đau.... là những hình thái sống của một cá thể, khi nổi trôi trong dòng đời, thì kỷ niệm một thời của tôi cũng đầy ắp những mảng tình nhẹ tênh và giản dị chồng chất lên nhau. Ai đó cho rằng hạnh phúc sẽ hiện hữu, khi mình chấp nhận thực tại và khổ đau chỉ hình thành, lúc mình không toại nguyện, với tôi, hạnh phúc đến từ may mắn nhiều hơn chấp nhận.

Ngay những ngày đầu tiên có mặt ấy, cảm nhận tiếp xúc cuộc đời của tôi là một xâu chuỗi tâm thức đầy vô tư và tự tại. Như những mầm sống đang vươn lên mơn mớn, tự nhiên, tôi cùng các bạn của tôi vui đến ngất ngây với công việc hằng ngày. Dù có đôi phút băng quơ để ra về tự lực, nghĩ về tương lai, nhưng như làn chớp, chỉ là chợt lóe lên trong thoáng chốc trên cao xanh vô tận, rồi biến dạng vào khoảng không vô cùng. Vâng! chẳng cần nghĩ đến quá khứ, chẳng cần nghĩ về tương lai. Vì quá khứ là gì? tương lai là gì? nếu không là kết quả và hành động mình trong hiện tại. Tương lai là màu xanh ư? không thể được, khi hiện tại chỉ là một màu xám. Những ngày ấy của chúng tôi là thế. Hiện hữu mà không tính toán, không so đo, không phát nguyện, không vì một chủ thuyết, hay cá nhân nào!

Thế nhưng, thực tế không đơn giản như chúng tôi tưởng, cuộc đời đâu chỉ là một con đường dài, với điểm khởi đầu khi vào đời và điểm kết thúc là lúc vĩnh viễn ra đi. Cuộc đời là một ngôi trường đa dạng trong đó có nhiều bài học, mà chúng ta cần phải học để mà tồn tại trong cuộc đời. Thuở ấy, khi đồng loại chúng tôi có mặt càng lúc càng đông trong không gian hạn hẹp là lúc mà những nguyên tắc sống, những quy luật vận hành càng phải được nhắc đến nhiều nhất để tạo sự an toàn. Thế mà đã có một lần thiếu may mắn, và chỉ có một thôi, khi tôi quên sự hiện diện của tôi trên dặm đường thiên lý, kết quả dẫn đến một trận cọ xát, dù chỉ đủ để in nhẹ trên hình dáng thanh tú của tôi một vết sẹo nhỏ, nhưng vẫn là vết thương đời, để nhớ, để gặm và để thương cho thân phận mình.

Thấm thoát thế mà đã hơn hai năm rồi kể từ ngày may mắn tôi đủ tất cả nhân duyên để giã từ các bạn đồng hành của tôi, lên đường đến chùa Viên Giác! Hai năm như một giấc mơ mà trong trí nhớ của tôi, tất cả dường như mới ngày nào hôm qua. Ngày ấy, đặt chân về đây, tôi không thể tưởng tượng được công việc của tôi như thế nào, dù rằng ý thức của tôi lúc nào cũng nhắc tôi tâm nguyện, mà tôi đã phát trước khi lên đường. Biết rằng tôi được về đây là cả một sự thương tình, Thượng Tọa và đại chúng dành cho tôi. Rất nhiều và rất nhiều cả tài lực lẫn tinh thần. Sự hiện hữu của tôi không chỉ là kết quả của bàn thảo và thông qua nhiều thủ tục hành chánh, mà còn bằng trị giá của những mẫu bánh đạo tình, quý cô đã dành nhiều thời gian gia công và phát hành. Vốn là kẻ nhạy cảm tôi càng nhạy cảm hơn khi tôi đặt cả hai phần đạo tình cao cả ấy và công việc của mình lên trên bàn cân phân biệt. Làm sao tôi có thể để đáp đền ân đức cao dày này?

Hơn ai hết tôi là người biết rằng điểm phúc này của tôi là điều mà rất nhiều người bạn của tôi đã và đang mong đợi. Đời như một dòng sông chảy mãi, có những hạt nước trôi qua, có những hạt nước đang đến và sẽ có nhiều hạt nước nữa góp mặt để tạo một lưu lượng liên tục từ quá khứ đến hiện tại, và từ hiện tại về tương lai. Nguồn nước không bao giờ khô cạn khi còn rất nhiều đám mây thương yêu đang âm thầm chuyển nước về nguồn, khi còn nhiều tảng băng lạnh lẽo trên

cao ôm giữ hạt nước vào lòng, đang chờ một ngày đẹp trời nắng ấm tiễn nước ra đi, như những người mẹ gửi con vào đời. Hạt nước này rời nguồn mẹ, hạt nước khác liền đến, để tiếp tục bổn phận và tạo nên duyên mới. Dòng chảy này vừa rẽ nhánh sang ngang, dòng chảy khác thay vào chỗ trống. Tôi như hạt nước bé nhỏ ấy đang được trôi theo dòng thời gian, không được phép dừng chân lâu tại đâu, dù muốn hay không, tôi phải vận hành, tôi phải buông mình về phía trước theo dòng đời để thích ứng với môi trường mới của mình.

Rời ngõ ngàng của ngày đầu tiên cũng lặng lẽ trôi qua, tôi quen dần với công việc riêng tôi, quen với cá tánh của từng người ở thầy Hạnh Hòa thông minh, nơi thầy Hạnh Định vui vẻ, ở thầy Hạnh Giới nguyên tắc, ở cô Hạnh Ngô nhanh nhẹn, với chú Hạnh Tuệ nhuần nhuyễn, nơi chú Hạnh Giả cẩn thận... nhưng người hiểu và lo cho tôi nhiều nhất là chú Hạnh Tuệ. Với tôi, chú dành cho tôi rất nhiều nỗi cảm thông vì gần gũi tôi và chăm sóc tôi khi trái gió trở trời. Nghe tiếng tôi, chú hiểu tôi muốn gì. Ngược lại, tôi chưa bao giờ làm chú phật lòng, và tôi cũng chẳng lấy làm buồn, khi chú chơi tôi sát ván. Mở sổ de, chú cho tôi lùi, mà không cần quan sát sau lưng, chú đem mông của tôi để thủ cột sắt, nhưng với tôi chẳng sao cả! Tôi chưa hề giận chú ấy, bởi vì giận chú tôi chỉ chuốc lấy bệnh hoạn và khổ đau thôi. Giận chú, chú cho rằng *Không biết gì về ĐIỂM!* Giận chú, ai sẽ là người lo cho tôi được tầm mắt, được ăn no, được uống đủ khi tôi cần. Những chuyến đi xa của tôi, có chú bên cạnh tôi an tâm. Và những lần tôi trở về, chú quan sát tôi rất kỹ từ trong ra ngoài. Chú bắt tôi hát cho chú thưởng thức; kể chuyện cho chú nghe, thậm chí có nhiều lúc tôi phải trùng tuyên lại những bài giảng của quý thầy cho chú học. Tôi với chú là một. Chú vội vã, thì tôi chạy nhanh, thế là chú bị phạt. Tôi bệnh, chú cũng bệnh theo. Biết chú quan tâm cho tôi, tôi không lấy làm hành diện chỉ thăm nghĩ đến hai chữ cảm ơn mà thôi.

Theo gương người xưa *Chỗ nào chúng sanh cần con đến, chỗ nào Đạo Pháp gọi con đi, Chẳng ngại gian lao, Chẳng nề khó nhọc*, tôi vào cuộc và làm tất cả mọi công việc với ước mong đáp đền ân đức của Thượng Tọa. Sức tôi khoẻ, dáng tôi đẹp, tiếng tôi tốt, nên

tôi chiếm được nhiều cảm tình từ mọi người. Và lại, ngoài chú Hạnh Tuệ ra, tôi sẵn sàng chiều lòng bất cứ ai cần tôi giúp đỡ. Đời tôi gắn liền với hai chữ LƯU ĐỘNG, chứ không phải LƯU VONG, nên hầu như cả ngày tôi ở trên đường phố nhiều hơn, và cuối tuần nào cũng được hầu Thượng Tọa đi xa. Nơi nào có người Phật tử Việt Nam hiện diện, nơi đó có hạnh nguyện của Thượng Tọa sáng soi, và hẳn nhiên có hình dáng của tôi thấp thoáng tới lui qua lại.

Ai gặp tôi một lần không quên, bởi hình dáng đặc biệt bên ngoài RẤT NGẪU, với BỘ CÀNG INOX trắng tinh gắn phía trước gương mặt khả ái không ốm không mập của tôi. Công việc của tôi không chỉ biết đùa đốn, biết hát, biết kể chuyện mà còn biết lắng nghe nữa. Đường càng xa, tôi càng được nghe nhiều câu chuyện tu học từ thuở làm điệu của Thượng Tọa, chuyện Chùa, chuyện Đạo đầy tình quê hương và dồi dào tình ĐẠO. Tôi nhớ mãi chuyện đời tu của Sư Ông Chơn Điền, khi đến Hồng Kông gặp gỡ một người thọ ân của Ngài khi Ngài ở chùa Ấn Quang, mà chính Ngài cũng không ngờ. Ôi! Một miếng khi đói bằng một gói khi no, không chỉ triết lý mà là sự thật của tiến trình NHÂN QU TR VAY. Đã gọi là NỢ, dù TIỀN hay TÌNH không ai có thể XỬ được, khi còn hiện hữu trong thế giới TA BÀ này. Tôi ngẫm nghĩ sự đời, gẫm lại đời mình biết đến bao giờ tôi mới đến đáp trọn vẹn những thâm ân mà chư Tôn Đức, chư Phật tử đã dành cho tôi. Càng nghĩ càng xót xa cho thân phận mình! Thời thì chỉ biết cố gắng làm hết sức mình để tròn những tâm nguyện mình vốn cầu mang.

Không chỉ được nghe, mà tôi còn được sử dụng đôi mắt sáng ngời để chiêm ngưỡng và quan sát, để thu vào tầm mắt của tôi những nét chấm phá của cuộc đời. Đi cùng Thượng Tọa sang đất nước Anh, quê hương của những người từng tuyên bố mặt trời không bao giờ lặn trên đất nước họ, tôi được chứng kiến cảnh Vô Thường. Mới ngày nào đây, mỗi lần đài BBC cất tiếng phát thanh, nghe tiếng chuông đồng hồ đổ, tôi tưởng tượng hình ảnh cái đồng hồ BIGBEN to lớn oai hùng, giờ đây cái đồng hồ ấy, với tôi đã trở thành thô kệch không thể sánh với ngôi nhà BÚT CHỈ hiện ngang phong độ ở thành phố Frankfurt. Phi càn Luân Đôn, tôi mơ tưởng ngày ấy chắc

chấn không thể nào bằng OSAKA rực rỡ ánh đèn, đêm cũng như ngày. Nước Anh còn đó những địa danh như YORK, như SETTLE, nhưng hào hoa của nó đã bị những thành phố mang thêm chữ NEW che phủ mất rồi. Ở Anh, có lẽ vì vật giá đắt đỏ, người Việt định cư không đông, chưa có ngôi chùa Việt Nam nào dựng lên xứng đáng để che chở hồn dân tộc. Chỉ có một vài Niệm Phật Đường nho nhỏ khiêm tốn đủ là nơi trở về cho những người con Phật mang dòng máu Tiên Rồng.



Paris, với tôi đã qua rồi cái thuở huy hoàng của thủ đô ánh sáng hoa lệ của Pháp, được mệnh danh là thành phố văn hóa Tây Phương. Paris ngày nay sao ngọt ngào quá! Đường chật, xe nhiều, không trật tự... khác với thành phố Hannover êm đềm và yên tĩnh. Nếu được hỏi rằng Paris có gì lạ không em, tôi trả lời "Lạ lắm"! Lạ hơn thuở trước! Paris có dòng sông Seine nước đục, có tháp Eiffel đầy du khách đến nổi khó mà mua cho được một chiếc vé tham quan, có con đường đầy rác chạy dọc hai bờ sông, vì ảnh hưởng khủng bố mà nắp các thùng rác bị khoá lại cẩn thận, có chợ 13, rất nhiều người Việt đến đi buôn bán hàng hóa Á Đông; có ngôi chùa Khánh Anh to lớn đang xây dựng và không biết đến bao giờ tâm nguyện của Hòa Thượng cùng chư Tăng, Phật tử ở Âu Châu được hoàn thành.

Vượt cả trăm ngàn cây số về phương Bắc, có những con đường xa lộ xuyên qua những cánh đồng mênh mông, có những cây quạt gió khổng lồ quay từ từ như những Thiền sư kinh hành. Tôi thích Bắc Âu, một phần vì Bắc Âu thanh bình, một phần vì những cây quạt gió này. Có lần ngồi trên phà

lênh đênh trên biển Bắc Băng Dương, qua Thụy Điển, lên Na Uy, thăm chùa Khuông Việt, một ngôi chùa mang hình dáng Thiền Môn Việt Nam nơi xứ tuyết. Thời tiết lạnh nhưng lòng người vẫn ấm. Những con đường quanh co khúc khuỷu nhưng tấm lòng lại bằng phẳng như mặt hồ đóng băng mỗi khi Đông về. Có một sự khác biệt tinh và động thật rõ ràng giữa hai không gian biểu trưng cho hai nền văn hóa.

Về miền Đông, tôi đến tận chân tường Bá Linh lịch sử để chứng kiến cảnh *thưởng hải biến vi tang điền*. Thủ Đô Bá Linh kiêu hùng đã hết rồi cái thời đau thương chia đôi thân thể của mình. Như cánh chim Bằng sấp sửa tung mình vào không gian vô tận, Bá Linh đang thay màu áo để xứng đáng thủ đô có hai lần viết nên lịch sử, dù lịch sử ấy đầy nước mắt đau thương, để bước lên tầm cao của thời đại hoàng kim. Chiến tranh bao giờ cũng bị lên án, thì thống nhất trong hoà bình không rơi một giọt máu đào là việc không ai không ca ngợi tuyên dương. Chỉ được một lần thống nhất trong hòa bình này thôi, Bá Linh cất cao tiếng hát tự hào cho quê hương của những Triết gia lừng danh thế giới. Dù vẫn còn đó một đoạn thành loang lổ, một hào sâu ngậm ngùi, một nhà thờ cụt đầu của Bá Linh để giữ lại tiếng nói đau buồn muôn thuở của chiến tranh.

Dù sao tôi cũng là dân Đức, sinh ra và hiện hữu trên đất nước này, tôi xót xa với quá khứ đau thương, nhưng tự hào trong hiện tại và hy vọng tương lai đầy tươi sáng của nước Đức của tôi. Nhưng tôi có duyên với chùa Viên Giác với Thượng Tọa kính yêu, với chư Tăng Ni, với người Phật tử Việt Nam. Từ may mắn này đến may mắn khác, được gần gũi Thượng Tọa và chư Tăng cũng như những thiện hữu tri thức, trong tôi đã nhẹ đi phần nào những cá tính cố hữu mà trước đây rất khó khăn để tôi vượt qua. Tôi có thể dễ dàng chấp nhận tất cả và san sẻ những gì dung dị nhất cho mọi người. Dòng đời hẳn vẫn còn lằng đằng khi tôi còn phải tròn bổn phận mình với thầy Hạnh Tấn, với thầy Hạnh Giới, với chú Hạnh Tuệ, chú Hạnh Giả, chú Thiện Tịnh, chú Đồng Tâm... trên những con đường mà Thượng Tọa hướng đi. Với tôi, *chỉ còn một hướng đến Tây phương khi mà Sự đời, đã tắt lửa lòng, Chen chi vào chốn bụi hồng khổ thân.*



SEIN UND NICHTSEIN

● THICH NHU DIEN

Aus dem Vietnamesischen ins
Deutsche übertragen von
HANH TAN & HANH GIOI



(Fortsetzung von VG Nr. 134)

Kapitel IV

SECHZEHN VERSAMMLUNGEN

In der ersten Versammlung wurden 400 Faszikel zusammengefasst, die in Gradhrakuta gepredigt wurden. In der zweiten Versammlung wurden 78 Faszikel, die Faszikel 401 bis 478, zusammengefasst, die ebenfalls in Gradhrakuta gesprochen wurden. Ähnlich wie die erste Versammlung wurde auch das Mahaprajna von Kumarajiva, das Phong Quang-Prajna von Vo La Xoa und das Quang Tan-Prajna von Truc Phap Ho übersetzt. Einige Kapitel wurden getrennt und unterschiedlich wieder zusammengefasst. Es fehlen jedoch 2 Kapitel: „Himmelsgott“ und „Dharmakraft“. Die Texte wurden auch zum Teil gekürzt.

Während der dritten Versammlung wurden 69 Faszikel, 479 bis 537, die auch in Gradhrakuta gepredigt wurden, behandelt. Auch hier wurden die Kapitel getrennt und unterschiedlich wieder zusammengefasst; es fehlen ebenfalls zwei Kapitel.

Während der vierten Versammlung wurden 18 Faszikel, 538 bis 555 erfasst. Auch sie wurden in Gradhrakuta gesprochen. Der einzige Unterschied besteht hier darin, dass der Text des Kapitels "Mit-Einverständnis" im Vergleich zu den

ersten drei Versammlungen anders lautete. Das Mahaprajna-Sutra wurde kopiert und von Dam Ma Ty aus der Bo Tran-Dynastie übersetzt. Das Dai Minh Do Vo Cuc wurde von Chi Khiem aus der Ngo-Dynastie übersetzt; Chi Cau La Sam übersetzte das Kapitel „Dharmatugend“; das kurze Kapitel wurde von Kumarajiva übersetzt. Das Tripitaka des Prajna wurde von Thi Ho aus der Tong-Dynastie und das Kapitel "Die Buddha Mutter" von Phap Hien übersetzt. Sie alle stammen aus dieser Versammlung.

Während der fünften Versammlung wurden 10 Faszikel, 556 bis 565, die in Gradhrakuta gepredigt wurden, behandelt. Im Vergleich zu der zweiten Versammlung sind sie wesentlich kürzer formuliert.

Während der sechsten Versammlung wurden 8 Faszikel, 566 bis 573 behandelt. Auch sie wurden in Gradhrakuta gesprochen. 17 Kapitel fallen ganz anders aus als im ersten Teil. Das Kapitel "Siegender Himmelsgott Prajna" wurde von Nguyen Ba Thu Na übersetzt.

Während der siebten Versammlung wurden 2 Faszikel, 574 und 575, behandelt. Sie wurden im Garten des Anathapindika gesprochen und "Kapitel über Man Thu That Loi" genannt. Die zwei Kapitel "Manjusri" und "Prajna" stammen aus dieser Versammlung und wurden von Man Da Tien übersetzt. Diese Versammlung wurde in die 46. Versammlung des "Maha-Ratnakuta-Sutra" aufgenommen.

Während der achten Versammlung wurde das 576. Faszikel behandelt, welches auch im Garten von Anathapindika gesprochen wurde und "Kapitel über Na Gia That Loi" heißt. Das Kapitel über den Bodhisattva der großen Reinheit wurde von Tuong Cong aus der Luu Tong-Dynastie übersetzt.

Während der neunten Versammlung wurde das 577. Faszikel, das "Kapitel über das Vajra" heißt, behandelt. Er wurde im Garten von Anathapindika gesprochen.

Während der zehnten Versammlung wurde das 578. Faszikel behandelt, das im Himmelspalast Tha Hoa gesprochen wurde. Er wird auch "Kapitel über die Freude am Prajna" genannt und ähnelt dem Freude-Sutra von Mat Bo; lediglich die Mantras sind hier anders.

Während der elften Versammlung wurden 5 Faszikel, 579 bis 583, behandelt. Sie wurden im Garten von Anathapindika gesprochen und auch "Dana-Paramita" genannt.

Während der zwölften Versammlung wurden 5 Faszikel, 584 bis 588, die im Garten von Anathapin-

dika gesprochen wurden, behandelt. Sie heißen "Sila-Paramita".

Während der dreizehnten Versammlung wurde das 589. Faszikel, der ebenfalls im Garten von Anathapindika gesprochen wurde, behandelt. Er heißt "Paramita".

Während der 14. Versammlung wurde das 590. Faszikel, „Virya-Paramita“, behandelt. Er wurde im Garten des Anathapindika von Buddha gepredigt.

Während der 15. Versammlung wurden zwei Faszikel, das 591. und der 592., „Dhyana-Paramita“, die in Gradhrakuta gesprochen wurden, behandelt.

Während der 16. Versammlung wurden 8 Faszikel, 593 bis 600, welche im Venuvanara-Vihara in der Nähe des Bachs Lo Teich (weiße Erscheinung) gesprochen wurden und „Prajna-Paramita“ heißen.

Buddha hat außerdem einige andere kurze Sutren gesprochen. Außer dem großen Mahaprajna-Paramita-Sutra wurden alle übrigen während der 16 Versammlungen von Buddha gepredigt. Das Menschenkönig-Prajna-Sutra jedoch gehört nicht zu diesen Versammlungen.

Es wurde folgendes berichtet:

1. Das Mahaprajna-Paramita-Sutra (thong quan phap, 6 Faszikel), wurde von Vinh Long aus der Tong-Dynastie übersetzt.

2. Das Mahaprajna-Paramita-Sutra (Ly Thu Phan Thuat Tan, 3 Faszikel), wurde vom Bhikkhu Khuy Co aus der Tang-Dynastie übersetzt.

Die kurze Version des Prajna-Paramita-Sutra, bestehend aus 252 Wörtern, die wir jeden Tag rezitieren, wurde vom Meister Hiuan-tsang übersetzt. Es hat eine historische Bedeutung, denn die tiefen Gedanken der Weisheit, des Mittleren Weges, der Leere und der sechs Paramitas sind darin enthalten.

Viele Leute wollen sofort die Bedeutung des Textes verstehen; doch in Wirklichkeit kann man nicht alles verstehen. Die Rezitation dauert höchstens fünf Minuten. Seine tiefe Bedeutung würde man in Hunderten von Büchern nicht erklären können. Wie soll man dann die Bedeutung dieses Sutras, das aus Tausenden von Seiten besteht, in solch einer kurzen Version ausdrücken können.

Um mehr Informationen über das Mahaprajna-Paramita-Sutra zu bekommen, müssen wir auf einige geschichtliche Fakten zurückgreifen.

Das Mahaprajna-Paramita-Sutra gibt es in vielen Versionen. Folgende Versionen liegen in der vietnamesischen Sprache vor. Die Titel werden deshalb im Vietnamesischen wiedergegeben:

1. Ma ha Bat Nha Ba La Mat Dai Minh Kinh. Ein Band, er wurde vom Meister Kumarajiva übersetzt; Tam Kinh Bi Dien von Hoang Phap (Japan) ist der Band, der die Bedeutung des Sutras erklärt. Es trägt jedoch den Titel: Phat Thuyet Ma Ha bat Nha Ba La Mat Da Tam Kinh (Buddha predigt das Große-Weisheits-Herz-Sutra).

2. Bat Nha Ba La Mat Da Tam Kinh. Der Band wurde von Hiuan-tsang übersetzt, Hien Thu (3. Patriarch der Hoa-yen-tsong Schule) kommentierte ihn; er trägt den Titel: Tam Kinh Luoc So.

Thien An hat auch einen Band des Bat Nha Tam Kinh U Tan übersetzt. Außerdem gibt es auch einen Band des Prajna-Paramita Herz-Sutra, das von Phap Nguyet aus der Tang-Dynastie kommentiert und veröffentlicht wurde. Phap Thuyet Thanh Phat Man Bat Nha Ba La Mat Da Tam Kinh. Der Band wurde von Thi Ho aus der Tong-Dynastie übersetzt. Darin wurde die Version von Kumarajiva am häufigsten wiedergegeben, denn sie erklärt die tiefgründige Bedeutung des Prajna und trägt daher den Titel "Herz-Sutra". Es liegen weitere folgende Bände mit Kommentaren zu dem Herz-Sutra vor:

Tam Kinh Chu. Der Band wurde von De Ba kommentiert. Tam Kinh Tan, der Band wurde von Vien Trac aus der Tang-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh So, der Band wurde von Minh Khoang aus der Tang-Dynastie kommentiert. Tam Kinh So, der Band wurde von Tue Tinh aus der Tang-Dynastie kommentiert. Tam Kinh So, der Band wurde von Tinh Mai aus der Tang-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh U Tan; 2 Bände wurden von Khuy Co aus der Tang-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh Luoc So, der Band wurde von Phap Tang aus der Tang-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Luoc So Hien Chinh Ky; 3 Bände wurden von Phap Tang aus der Tang-Dynastie kommentiert und von Tien Khien Ich aus der Ming-Dynastie zusammengestellt. Tam Kinh Tam Chu; der Band wurde von Tue Trung aus der Tang-Dynastie übersetzt und Dao Giai Hoai Tham aus der Tong-Dynastie kommentiert. Tam Kinh So; der Band wurde von Tri Vien aus der Tong-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh Chu; der Band wurde von Dao Long aus der Tong-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Tung, der Band wurde von Quang Muc aus der Tong-Dynastie kommentiert. Tam Kinh U Tan Thiem Cai Khoa, der Band wurde von Thu Thien aus der Tong-Dynastie ergänzt. Tam Kinh U Tan Khong Dong ky, 3 Bände wurden von Thu Thien zusammengestellt. Tam Kinh Chu Giai, der Band wurde von Chan Kha aus der Ming-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh Truc Dam,

der Band wurde von Chan Kha aus der Ming-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh Yeu Luan, der Band wurde von Chan Kha aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Thich Nghia, der Band wurde von Quan Quang aus der Ming-Dynastie erklärt. Tam Kinh Truc Thuyet, der Band wurde von Duc Thanh aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Khai Luan, der Band wurde von Quan Quang kommentiert. Tam Kinh Thuyet, der Band wurde von Hong An aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Chu Giai, der Band wurde von Tong Lac und Nhu Di aus der Ming-Dynastie gemeinsam kommentiert. Tam Kinh Trac Luan Giai, der Band wurde von Thong Dung aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Chanh Nhan, der Band wurde von Dai Van aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Khai Do, der Band wurde von Hoang Le aus der Ming-Dynastie herausgegeben. Tam Kinh Phat An, der Band wurde von Chinh Thuat aus der Minh-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Te Nguyet, der Band wurde von Dai Tue aus der Ming-Dynastie erklärt. Tam Kinh Thiem Tuc, der Band wurde von Hoang Tan aus der Minh-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Quan Nghia, der Band wurde von Hoang Tan aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Thich Yeu, der Band wurde von Tri Huc aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Tieu Dam, der Band wurde von Quan Hanh aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Nhat Quan So, der Band wurde von Ich Chung aus der Ming-Dynastie gedichtet. Tam Kinh Chi Duong, der Band wurde von Nguyen Hien aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Su Quan Giai, der Band wurde von Tuc Phap kommentiert. Tam Kinh Nhu Thi Kinh Nghia, der Band wurde von Hanh Man kommentiert. Tam Kinh Chu Giang, der Band wurde von Hanh Man kommentiert. Tam Kinh Cu Giai, der Band wurde von, von Tinh Dinh herausgegeben. Tam Kinh Ich Thuyet, der Band wurde von von Dao Bai gesprochen. Tam Kinh Luan, der Band wurde von von Ham Cuong zusammengestellt. Tam Kinh Khau Nghia Biet, der Band wurde von von Dai Bao herausgegeben. Tam Kinh Chu Giai, der Band wurde von von Kinh Chi zusammengestellt. Tam Kinh Giai Nghia Tiet Yeu, der Band wurde von von Tong Liem aus der Ming-Dynastie geschrieben. Tam Kinh De Cuong, der Band wurde von von Ly Chat aus der Ming-Dynastie zusammengestellt. Tam Kinh Thich Luoc, der Band wurde von von Lam Trieu An aus der Ming-Dynastie zusammengestellt. Tam Kinh Chu Giai, der Band wurde von von Chu Van Ly aus der Ming-Dynastie kommentiert. Tam Kinh Chu Giai Di Tri, der Band wurde von von Vuong

Trach Chu kommentiert. Tam Kinh Giai Nghia, der Band wurde von von Tu Hoc Dinh kommentiert.

Hiuan-tsang

Der Meister Hiuan-tsang lebte im Kloster Dai Tu An aus der Tang-Dynastie. Sein Nachname war Tran, der Vorname war Vi. Er kam aus Yen Su. Sein Bruder hieß Tiep und ging mit 13 Jahren in die Hauslosigkeit, in die Pagode Tinh Do in Lac Duong. Mit 13 Jahren wurde auch Hiuan-tsang in die Pagode Tinh Do aufgenommen. Er folgte Tue Canh, um das Nibbana-Sutra zu hören und Dharmalehrer Nghiem um das Mahayana-Sampragaha-Sastra zu studieren. Er wurde sehr früh bekannt. Im ersten Jahr der Vu Duc Dynastie folgte er seinem Bruder nach Truong An. Wenige Zeit später kam er in die Stadt und folgte zwei Meistern, Dao Co und Bao Thien, um das Sampragaha-Sastra und Ti Dam Sastra zu studieren. Diese folgten dem Dharmalehrer Chan, um das Phat Tri Sastra (Weisheit-Entwicklung) zu hören. Im fünften Jahr der Vu Duc Dynastie sprach er die vollen Bhikkhu-Gelübde. Nachdem Hiuan-tsang die Sastrer zu Ende studiert hatte, ging er nach Kinh Chau, um dort die Sampragaha- und Ti Dam Sastrer zu predigen. Er ging nach Tuong Chau, um den Meister Tue Huu zu treffen. In Trieu Chau lernte er das Satyasiddhi-Sastra vom Meister Dao Tham. Später ging er zurück nach Truong An, um das Abhidharma-Kosa-Sastra zu studieren. In jener Zeit waren zwei große berühmte Meister, Phap Thuong und Tang Bien, dort anwesend, die überall das Mahayana-Sampragaha-Sastra predigten. Er ging zu ihnen, um sich das Sastra anzuhören. Doch weil jeder Meister eine andere Lehrmethode hatte, wusste er nicht so recht, welche die richtige war. Deshalb wollte er eine Reise gen Westen machen, um das herauszufinden. Er bat den Kaiser um Erlaubnis, doch dieser willigte nicht ein. Aber er wollte nicht aufgeben. Im achten Monat des Jahres Trinh Quan (einige andere Thesen schreiben: im ersten oder im vierten Monat des Trinh Quan Jahres) machte er sich auf den langen Weg. Er mußte viele Gefahren überwinden und überquerte viele Länder. Im siebten Jahr der Trinh Quan Dynastie gelangte er nach Indien. Auf dem Weg begegnete er Moksha Gupta im Khuat Chi Land. Dort machte er Niederwerfungen vor den Zahn-Reliquien des Buddha und der Badewanne in Pagage Nap Phoc im Phoc Hat Land. Er folgte dem Meister namens Bat Nha Yet La aus dem Lich Ca Land und studierte das Vibhasa-Sastra. Er machte Niederwerfungen vor der großen Steinstatue im Pha

Dien Na Land. Im Ca Tat Thi ankommend, verweilte er in der Sa Lac Ca Pagode. Dort erörterte er zusammen mit einem großen Mahayana-Meister namens Mat No Nha Cu Sa und anderen Mönchen aus der Tat Ba Da Bo wie z.B. A Le Da, Phat Ma die Buddhalehre. Als er in Indien ankam, ging er zum Na Yet La Hat Land, um einige Relikte, die vom Dipankara-Buddha hinterlassen wurden, mit Niederwerfungen zu ehren. Er ging in die Stadt, wo Reliquien des Buddha verehrt wurden, um sie mit Niederwerfungen zu ehren. Er machte auch Niederwerfungen vor dem Samghati (Gewand) des Buddha, dem Bild des Buddha in der Drachenkönig-Cu La Ba-Höhle. In der Stadt Bo Lo Sa Bo La des Kien Da La Landes besuchte er die Sitzplätze von vier Buddhas der Vergangenheit unter dem Ti Bat La Baum und die Pagode Ca Sac Nhi Ca. Im O-Truong-Na Land ging er zu den heiligen Orten, z.B. dorthin, wo Buddha die Bodhisattva-Gelübde abgelegt hatte und einige andere Bodhisattvas Teile ihres Körpers geopfert hatten, um die fünf Yakchas (eines der 8 Lebewesen) im Dat Xoa Thuy La Land zu ernähren. Dort besuchte er auch die Orte, wo die Bodhisattvas ihren Kopf und andere Körperteile den hungrigen Tigern geopfert hatten. Im Ca Thap Di La Land folgte er dem großen Meister Tang Xung, um das Abhidharma-kosa-Sastra, das Hetuvidya-Sastra, das Vyakarana-Sastra, das Thuan Chinh Ly Sastra zu studieren. Zusammen mit anderen Mahayana Mönchen wie z.B. Ti Thanh Da, Tang Ha studierte er viele Sutren und Sastren. Im Kiet Ca Land lernte er das Sata-Sastra, das Satastravaipulya. Er blieb beim ältesten dortigen Brahmanen. Im Chi Na Boc De Land begleitete er den Meister Ti Nhi Da Bat Liep Ba und lernte das Doi Phap Sastra, das Sastra der Exotischen Schule, das Ly Mon Sastra. Im Tuy Loc Can Na Land begleitete er den Meister Da Xa Cuc Da und lernte das Sibhasa-Sutra. Im Xa Lan Dat La folgte er dem Meister Chien Dat La Phat und studierte das Chung Su Sibhasa. Ankommend im Mat De Bo La Land folgte er dem Meister Mat Da Tu Na, Schüler des Duc Quang und studierte das Bien Chan Sastra und das Tuy Phat Tri Sastra. Im Kiep Ti Tha Land ging er zu den Drei Heiligen Stufen, wo der Buddha aus dem Himmel in die Welt kam, um diese mit Niederwerfungen zu verehren. Im Yet Nha Cuc Xa las er zusammen mit Ti Li Da Te Na das von Buddha gepredigte Vibhasha-Sutra. Er reiste überall im Bat La Da Gia Land herum, um heilige Orte aus Buddhas Zeit wie z.B. den Geburtsort, den Ort des Eintritts ins Nirvana, den Ort, wo Buddha das Dharmarad zum ersten Mal in Bewegung setzte, zu besuchen.

In der Phe Da Bo La Stadt lernte er das Bodhisattva-Sutra. Er ging auch nach Magadha und besuchte den Vajra-Stupa unter dem Bodhibaum. Er besuchte weitere heilige Orte wie z.B. Gradhrakuta, Venuvanarama. Er besuchte die Na Lan Da Pagode nahm Gioi Hien als Meister an und studierte das Yoga-Sastra. Er studierte einige weitere Sastren und Sanskritschriften. Danach ging er nach Y Lan Na Bat Phat Da und rezitierte zusammen mit Dat Tha Yet Da Cuc Da das Vibhasha-Sastra. In Kieu Tat La Land lernte er das Tap Luong Sastra von einem Brahmanen. In Da Na Yet Kiet Da folgte er den Mönchen von der Mahasamghika-Schule um die Grundlehre A Ti Dat Ma und andere Mahayana-Lehren zu studieren. In Bat Phat Da Land folgte er einem Reverend und lernte das A Ti Dat Ma und andere Lehren der Sammatiya-Schule. Er kehrte dann nach Magadha zurück, ging zum Thang Quan Meister im Truong Lam Berg und lernte das Vijnaptimatratasiddhi-Sastra, das „Bedeutung-Erörtern“-Sastra, das Sutralamkara-Sastra. Großmeister Tu Quang unterwies ihn in den zwei großen Sastren, in dem Mittleren- und dem Sata-Sastra, decodierte die Bedeutung des Yoga, kommentierte die 3.000 Sutrentexte des Hoi Tong Sastra. Er traf auf die Andersgläubigen und diskutierte mit ihnen. Er gewann alle Diskussionsgefechte. Er gewann gegen den Hinayana Mönch aus dem O Do Che Tat Land und konnte das Mahayana-Sastra von insgesamt 700 Sutrentexten erörtern. Er kritisierte ihre falsche Lehre und verfaßte das Sastra gegen böse Ansichten bestehend aus 1600 Sutrentexten. Kaiser Gioi Nhat Vuong ehrte ihn sehr, weil er eine Versammlung einberufen ließ, zu der alle Gelehrten in die Stadt Khuc Nu eingeladen wurden. Er wurde auf einen hohen Thron gebeten und konnte die Mahayana-Lehre preisen. Niemand konnte gegen seine Thesen argumentieren. Wenig später ging Huan-tsang zusammen mit Kaiser Gioi Nhat Vuong nach Bat La Da Gia, um an der alle fünf Jahre stattfindenden Versammlung teilzunehmen. Dann kehrte er im 19. Jahr der Trinh Quan Dynastie in seine Heimat zurück. Er brachte eine 657 Sutren-Sammlung, die in Sanskrit gefaßt war und die er selbst gesammelt hatte, mit nach Hause und übergab sie dem Kaiser. Kaiser Thai Tong beauftragte die Hoang Phuoc Pagode mit der Übersetzung ins Chinesische. Im dritten Jahre der Vinh Huy Dynastie unter dem Kaiser Cao Tong beantragte er beim Kaiser, einen großen Stupa in der Tu An Pagode nach dem Vorbild der Tay Vuc Architektur zu bauen. Im 4. Hien Thanh Jahr ließ der Kaiser den Ngoc Hoa Palast in ein Kloster umbauen

und bat Huan-tsang dort zu bleiben. Im darauf folgenden Jahr übersetzte Huan-tsang das Prajnaparamita-Sutra. Im zweiten Monat des ersten Lan Duc Jahres beauftragte er seinen Schüler Pho Quang alle Sutren und Sastren, die er in insgesamt 75 Bände mit mehr als 1335 Seiten übersetzt hatte, zu kopieren. Am 5. Tag des selben Monats verstarb er im Alter von 65 Jahren. Über die Biographie von Meister Huan-tsang kann man in Dai Duong Tay Vuc Ky, Quang Hoang Minh tap, Tuc Cao Tang Truyen (Band 4), Dai Tu An Tu Tam Tang Phap Su Truyen, Phat To Thong tai, (Band 12) und weiteren Schriften nachlesen.

Die Freude am Prajna, die Grundgedanken des Prajna, die Philosophie des Prajna wurden umfangreich im Mahaprajnaparamita-Sutra erläutert und in vielen anderen Sutren niedergeschrieben. Wenn jemand sich der Mühe unterzieht, dann braucht er bestimmt sein ganzes Leben, um dieses große Werk zu lesen. Die Sutrensammlungen in Pali, in Tibetisch und Mongolisch sind noch nicht mitgezählt. Jede Sutrensammlung hat ihre Merkmale, da jedes Land seine eigenen Patriarchen und namhaften Ordensleute hat, die die Lehre weiter an die Nachkommen überliefern. Auch ihr Leben wurde in das Tripitaka des jeweiligen Landes aufgenommen.

Die Sammlung des Dai Chanh Tan Du Tripitaka war ursprünglich chinesisch; sie wurde aber in Japan während der Dai Chanh Dynastie, also zur Zeit des Vaters des Chieu Hoa Kaisers und Patriarchen des jetzigen Binh Thanh Kaisers, niedergeschrieben. Diese Sammlung hat ca. 250.000 Seiten mit 100 Bänden Sutren, Sastren und Vinayaregeln. Wenn man sie ins Vietnamesische übersetzt, braucht man bestimmt die doppelte, wenn nicht sogar die dreifache Anzahl von Zeilen.

Das Sarva-Sutra oder Tripitaka

Das sind alles Namen der buddhistischen Überlieferung. Es steht geschrieben: "Im ersten Jahr der Khai Hoang Dynastie wurden überall in den großen Städten und Orten Hofbeamte angestellt, die das Schreiben des Sarva-Sutra in den Pagoden organisierten. Die Sutrensammlung wurde an geheimen Orten aufbewahrt." Der Name "Sarva-Sutra" existiert seitdem. Dieser Name bezeichnet die Sutren, Vinaya und Sastren, die der Buddha gesprochen hat. Der Tripitaka umfasst heute auch die Werke der früheren großen Mönche in China, Indien und Japan. Der Buddhismus wurde in vielen Ländern der Welt verbreitet und dementsprechend wurden auch die Sutren in die jeweilige Landessprache

übersetzt. Die Originalversion des Tripitaka in Sanskrit und Pali, die übersetzt und verbreitet wurde, enthält die chinesische, tibetische, mongolische Man Chau Sutrensammlung (Tripitaka, Band 30, 1-36) und andere Sutren, die in einige europäische Sprache übersetzt wurden. Das tibetische Tripitaka ist eine Sutrensammlungen, die von den Anhängern des Lamaismus aufbewahrt wird. Es gehört zu den Sautrantika und besteht aus acht verschiedenen Arten, insgesamt 151 Bänden und 350 Büchern. Das Sautrantika wurde im 23. Khang Hi Jahr der Thanh Dynastie gedruckt. Das Tuc-Tripitaka wurde im 6. Ung Chinh Jahr gedruckt. Das Man Chau Tripitaka werden in Phung Thien (Phönix-Himmel) aufbewahrt. Das Man Chau Tripitaka gibt es auf der ganzen Welt in nur einem Exemplar, das von den Japanern während des Russland-Japan Krieges beschlagnahmt wurde. Es gibt außerdem noch eine Übersetzung des Tripitaka in anderen Sprachen. Doch das chinesische Tripitaka enthält die meisten Bände und Bücher. Die früheste Übersetzung des chinesischen Tripitaka ist das Kim Ngan Tu Buddha Sutra während der Tong Thai To Dynastie. Im selben Jahr ließ der Kaiser Tong ein weiteres Tripitaka auf insgesamt 30.000 Holzbrettern drucken. Im ersten Chi Dao Jahr, schickte Kaiser Cao Ly Tri Gesandte zu dem Tong Kaiser, um ein Exemplar für Vergleichszwecke zu erhalten. Es wurden Vergleiche mit den zwei bereits existierenden Tripitaka gemacht. Die Exemplare werden zur Zeit im Ursprungsland aufbewahrt. Nach 14 Jahren wurden die Vergleichs-, Korrektur- und Druckarbeiten beendet. Diese Sammlung wird heute das Cao Ly Tripitaka genannt. Dieses Tripitaka enthält 1521 Bände mit 6589 Bücherjn. Im 3. Gia Hi Jahr, während der Ly Tong Kaiserzeit aus der Nam Tong Dynastie, wurde das Tripitaka erneut auf Holz geschnitzt. Es umfasst 1421 Bände mit 5916 Büchern und wird Tong Tripitaka genannt (Tripitaka, Band 30, 1-36). Im 14. Chi Nguyen Jahr unter der Nguyen The To Dynastie wurde das Tripitaka erneut gedruckt. Ea hat 1422 Bände mit 6017 Büchern. Die Sammlung wird Nguyen Tripitaka genannt (Tripitaka, Band 30, S. 1-36). Dieses und das Tong Tripitaka wurden im des Feuerkrieg am Ende der Nguyen Dynastie vernichtet. Nur ein Exemplar gelangte vorher nach Japan und wird heute noch dort verehrt. Es gab eine Nonne namens Phap Tran (Tripitaka, Band 30, Band 36, S. 1-36), die gelobte, das Tripitaka neu zu drucken. Sie beendete ihr Werk nach 30 Jahren. Das war der Anfang des Phuong Sach

Tripitaka. Im 18. Vinh Lac Jahr, befhli der Minh Thanh To Kaiser, das Tripitaka auf Holz zu schnitzen. Die Arbeiten wurden im 5. Chinh Thong Jahr beendet und wurden das Bac Tripitaka genannt. Es wird zur Zeit in Peking aufbewahrt. Das Nam Tripitaka entstand während der Hong Vi Kaiserzeit unter der Minh Thai To Dynastie. Kaiser Thanh To ließ sogar ein Exemplar des Tripitaka auf Steinplatten in der Dai Thach Hölle gravieren. Doch dieses Tripitaka ist noch nicht sehr weit bekannt, denn die Gelehrten halten es für unpraktisch. Später, während der Than Tong Kaiserzeit, gelobte der Meditationsmeister Mat Tang auch das Phuong Sach Tripitaka es zu drucken. Die Arbeiten wurden im 17. Van Lich Jahr im Ngu Dai Son Gebirge (5 Große Berge) begonnen. Die Arbeiten wurden aber nicht beendet, nachdem der Meister verstarb. Sein Nachfolger setzte die Arbeiten fort und konnte sie schließlich beenden. Dieses Werk wurde das Minh Tripitaka genannt, das aus 6711 Büchern besteht. Das Thanh Tripitaka wurde im 13. Ung Chinh Jahr begonnen und im 3. Can Long Jahr beendet. Es war das Tripitaka, das der Zenmeister Uyen Cong Da Tan in der Phong Thach Hölle auf Steine meißeln ließ. In Japan werden noch viele Sutren mit alten Handschriften aufbewahrt. Am bekanntesten ist die Sammlung des Sarva-Sutra. Kaiser Quat Xuyen Thien beauftragte 10.000 Mönche, diese Sammlung innerhalb eines Tages abzuschreiben. Duc Xuyen Thi befahl Thien Hai Tang Chinh einzelne Schriftzeichen zu schnitzen, um sie zusammen zu legen und das Tripitaka zu drucken. Die einzelne Schriftzeichen und das damit gedruckte Tripitaka existieren bis heute. Es besteht aus 6323 Büchern. Wenige Zeit später ließ der Hochehrwürdige Thiet Nhan in Hoang Ba erneut das Minh Tripitaka im 13. Minh Tri Jahr drucken. Die Königsbibliothek benutzte die Cao Ly Tripitaka als Basis, um es mit den drei Tripitaka, dem Tong-, Nguyen-, und Minh Tripitaka zu vergleichen. Korrekturarbeiten wurden durchgeführt und schließlich wurde das Maha-Tripitaka in losen Schriftzeichen mit insgesamt 1916 Bänden und 8534 Büchern gedruckt. Sie wurden anschließend zu 40 Faszikel mit 418 Bänden zusammengefasst. Im 33. Minh Tri Jahr benutzte die Tripitaka-Bibliothek die einzelnen Schriftzeichen, um das Japanische Maha-Tripitaka zu drucken. Sie ergänzt außerdem die fehlenden Teile des Tripitaka und nennt es das Japanische Ban Tuc Tripitaka. Es besteht aus 7873 Büchern. Am Ende der Thanh-Dynastie edierte Tan Gia Tinh Xa in Shanghai das Exemplar von Hoang Giao und bearbeitete es ein

wenig. Er ließ anschließend das Maha-Tripitaka bestehend aus 40 Faszikeln, 414 Bänden, also insgesamt 1916 Bänden mit 8416 Büchern, drucken. Kürzlich entstanden einige Übersetzungen ins Englische, Französische, Deutsche und Russische. In Zukunft wird es noch mehr Übersetzungen des Maha-Tripitaka in andere europäische Sprachen geben. Auf allen Kontinenten wird heute die Buddhalehre studiert und praktiziert. Während der Praxis der Buddhalehre muß man natürlich die Lehre studieren. Aus diesem Grund entstehen heute Buddhologie-Fachbereiche in vielen europäischen und amerikanischen Universitäten.

Der Buddhismus existiert nun seit mehr als 2500 Jahren. Er unterliegt selbstverständlich dem Veränderungsprozess. Deshalb wird der Buddhismus stärker in das Leben der westlichen Länder als in das der östlichen Länder integriert. Früher dauerte es 500 bis 1000 Jahre bis der Buddhismus Blüten in Asien schlagen konnte. Heute, in der modernen Zeit der Technologie, braucht er dagegen nur 100 Jahre, um in allen Schichten der Gesellschaft Wurzeln zu schlagen. Mit den besonderen Merkmalen des Buddhismus, der Vergebungsbereitschaft des Buddhismus und der Barmherzigkeit der Bodhisattvas in der Vergangenheit und der großen Weisheit vieler Meister wurde der Buddhismus heute zu seinem festen Einrichtung in vielen modernen Ländern der Welt.

(Fortsetzung folgt)

Impressum

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger Verein e.V)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail : bao_vien_giac@web.de
E-Mail : baoviengiac@viengiac.de
Homepage: <http://www.viengiac.net>

Herausgeber :

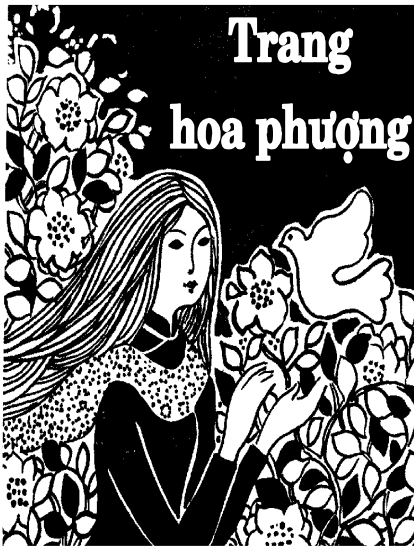
Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.

Redaktion :

Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



Sự tích con đế

Ngày xưa có một người đàn ông hai vợ, người vợ cả chết sớm để lại một đứa con trai còn nhỏ, tên Văn Linh. Người vợ sau cũng sinh được đứa con trai khác tên Văn Lang. Văn Lang hơn Văn Linh năm tuổi, nhưng hai anh em rất thương yêu, thân thiết hơn cả anh em ruột. Những khi Văn Linh bị trẻ con hàng xóm ăn hiếp, Văn Lang bênh vực. Nhưng Văn Lang không biết mẹ chàng trái lại, coi Văn Linh như một kẻ thù.

Văn Linh ngày một lớn khôn, người cha cho chàng theo nghiệp sách đèn. Còn Văn Lang thì từ lâu đã theo cha quen nghề cày cấy. Nhà họ vốn khá giả. Cả một tư cơ đồ sộ chất chiu vài ba đời gần ba chục mẫu ruộng vườn, nhà ngói cây mít, thuộc loại khá giả nhất trong vùng.

Đột nhiên, người cha đau nặng rồi qua đời. Người vợ sau ngoài mặt đối đãi với Văn Linh ngọt ngào tử tế nhưng trong bụng thì ghét cay ghét đắng muốn nhổ cái gai trước mặt. Là con trưởng, Văn Linh sẽ được gần như toàn bộ tài sản. Còn mẹ con Văn Lang thì nhiều lắm cũng được vài ba mẫu ruộng xấu với một cái trại ở bên kia đồi. Tục lệ đã đặt số phận của hai anh em là như vậy. Người di ghê bỗng nảy ra âm mưu giết chết con chồng để chiếm lấy tất cả sản nghiệp. Ý nghĩ ấy ngày một nung nấu trong lòng người đàn bà, càng nung nấu nhiều hơn từ hôm người chồng, kẻ bênh vực cho Văn Linh không còn nữa.

Một hôm, người mẹ ghê sai hai anh em mang tiền đi mua gỗ. Trước khi đi, mẹ gọi Văn Lang vào buồng riêng dặn dò:

- Con ơi! Con hãy tìm cách khử nó đi. Rừng nhiều thú dữ, sức con khỏe mạnh, nếu khôn khéo và kín đáo thì con chẳng sợ tội vạ gì hết.

Người mẹ còn rỉ tai: "Nếu nó mà sống thì mẹ con ta không đất cắm dùi... Có trừ đi được, chúng ta mới hy vọng sung sướng..."

Văn Lang không muốn nghe lời mẹ, nhưng cũng không muốn làm mẹ giận, nên giả vờ vâng lời rồi hai anh em khăn gói ra đi. Đến cửa rừng, Văn Lang nói thật cho Văn Linh biết mọi việc, rồi bảo:

-Mẹ em trước sau cũng tìm cách hại anh. Vậy anh hãy tìm cách trốn đi. Số tiền mua gỗ, anh hãy cầm lấy tất cả mà tiêu. Một lúc nào đó anh trở về, chúng ta sẽ sống bên nhau.

Khi Văn Linh đi rồi, Văn Lang giết một con chó, lấy máu bôi khắp nơi, rồi trở về nói cho mẹ biết là mình đã hạ thủ Văn Linh xong, mặt khác nói với mọi người rằng anh mình đã bị hổ vồ mất tích. Xóm làng không một ai nghi ngờ. Người di ghê cho là mưu của mình đã đạt, từ đấy không còn lo lắng gì nữa.

Lại nói chuyện Văn Linh đau khổ từ già Văn Lang ra đi. Một thân một mình chưa từng rời khỏi nhà bao giờ, nay bơ vơ giữa vùng đất xa lạ, chàng ngập ngừng không biết đi đâu. Loanh quanh mãi, cuối cùng một đêm nọ lặn về mộ mẹ, nằm úp lên mộ than khóc rồi ngủ quên. Ở dưới mồ, mẹ chàng thương con quá, bèn hiện lên thành một con chim phượng hoàng lớn ấp con vào đôi cánh. Thấy trời sắp sáng, phượng hoàng dùng chân quắp lấy Văn Linh rồi bay đi rất xa. Tới một hòn núi cao, phượng hoàng hạ cánh. Tỉnh dậy, Văn Linh sửng sốt, nhưng phượng hoàng đã nói:

- Ta là mẹ của con, con hãy ở đây chờ có đi đâu mà nguy hiểm. Rồi mẹ sẽ hàng ngày đến với con.

Nói rồi phượng hoàng hóa thành nhà cửa và mọi thứ đồ dùng, đồ ăn để Văn Linh ăn ở tại đây. Sợ con sao lãng học tập, phượng hoàng lại mang sách vở tới cho con. Ban ngày phượng hoàng biến đi, nhưng đêm lại, nó bay đến để bảo vệ con. Từ mờ sáng, nó còn gáy lên để đánh thức con dậy học, rồi mới cất cánh bay đi.

Bấy giờ ở phía dưới núi có một xóm dân cư rải rác, trong xóm có nhà cô gái tên Ngọc Châu. Ngọc Châu rất đẹp, nàng có một người tớ gái, tên Hồng. Hai người sống nương tựa vào nhau, lấy nghề dệt vải nuôi thân. Từ dạo Văn

Linh đến ở trên núi, Ngọc Châu lấy làm lạ không hiểu vì sao trên núi từ lâu vắng bóng người, thế mà lúc này cứ từ mờ sáng, khi họ ngồi vào khung cửi đã nghe tiếng chim phượng gáy, rồi nghe tiếng học trò đọc sang sảng cho đến sáng.

Một hôm, gà gáy canh năm, Ngọc Châu giả cách làm tắt đống nhúm để bắt nàng Hồng lên núi xin lửa của người học trò, bấy giờ đã cất tiếng đọc sách.

Hôm ấy Văn Linh dậy sớm thắp đèn ngồi học, bỗng nghe có tiếng gọi cửa. Chàng mở cửa ra thì là một cô gái. Sau khi cho lửa, anh hỏi vay cô gái một hũ dầu vì dầu nhà anh sắp cạn.



Nàng Hồng chỉ nhà để anh xuống lấy. Nhờ đó Văn Linh làm quen với Ngọc Châu. Thế là chàng đã có bạn xóm giềng, tối lửa tắt đèn có nhau. Từ chỗ quen nhau họ muốn được nên vợ nên chồng. Một hôm, Ngọc Châu mời chàng về ở cùng mình một nhà để tiện bề đèn sách. Được con báo tin, chim phượng hoàng mang đến cho quần áo và tiền bạc. Rồi đó, chim không trở lại nữa.

Đám cưới rất đơn giản nhưng cũng rất vui. Từ nay bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ, cảnh đầm ấm ấy không ai hơn được.

Sau năm năm đèn sách, Văn Linh quảy lều chiếu đi thi. Đậu trường Hương, chàng vào Kinh quyết tranh đua ở trường Hội. Chàng sung sướng khi nghe loa báo có tên mình ở bảng Tiến Sĩ. Hôm vinh quy, cờ quạt chiêng trống và quân gia rầm rộ kéo về làng quê. Thấy anh vinh hiển trở về, Văn Lang hết sức mừng rỡ. Trong khi ấy người di ghê nghe tin đột ngột không kịp trốn, bèn chui nấp dưới gầm giường. Nhưng vì quá sợ hãi, bà đã vỡ mật mà chết, hóa thành con đế.

(Trong Truyện cổ Việt Nam)

• Hồng Nhiên sưu tầm

Tìm hiểu:
MOTHER'S DAY
"Ngày vinh danh
và biết ơn Mẹ"

"Ngày vinh danh Mẹ" năm nay nhằm vào Chủ Nhật ngày 11 tháng 5 - 2003

Đây là một ngày mà phong tục Hoa Kỳ dành riêng hàng năm để con cái có dịp chính thức vinh danh người mẹ, tặng quà, thăm viếng để bày tỏ lòng biết ơn đối với những công lao và tình thương mà người mẹ đã dành cho con cái từ lúc mang thai cho đến tuổi trưởng thành.

Tại Hoa Kỳ, "Ngày của Mẹ" được qui định vào tháng Năm dương lịch, lấy ngày Chủ Nhật thứ nhì kể từ đầu tháng.

- Vài dòng về sự hình thành ngày Mother's Day tại Hoa Kỳ

Dĩ nhiên là không phải bỗng dưng mà có một tập tục tốt đẹp và ý nghĩa để mọi người cùng noi theo. Ngày "của Mẹ" tại Hoa Kỳ đã có một "lich sử" của nó.

- Ngày vinh danh người Mẹ của Hoa Kỳ có từ lúc nào?

1. Tại Anh Quốc và một số nước ở Âu Châu:

Phong tục về MOTHER'S DAY "Ngày Vinh Danh Mẹ" đã được cử hành từ rất xa xưa tại Anh quốc. Vào thời xa xưa ấy, người ta gọi là Ngày Chủ Nhật của Tình Mẫu Tử: "**Mothering Sunday**" và ngày này cách Lễ Phục Sinh 20 ngày (tính từ lễ Tro vào ngày thứ Tư). Người Nam Tư (Yugoslave) và một số dân tộc khác ở Âu Châu cũng chọn ngày Chủ Nhật của Tình mẹ như bên Anh quốc.

2. Tại Hoa Kỳ:

Đến năm 1872 mới bắt đầu có ý niệm về ngày lễ này. Người đầu tiên đưa sáng kiến về một ngày Vinh danh Mẹ tại Mỹ là bà **Julia Ward Howe**. Bà gợi ý rằng người dân nên làm lễ vinh danh Mẹ vào ngày mùng 2 tháng sáu xem như là một ngày dâng hiến cho sự bình an. Bà ta đã tổ chức những buổi lễ long trọng đồng đúc để Vinh danh người Mẹ tại thành phố Boston (Massachusetts) trong nhiều năm.

Tại Kentucky, một giáo viên tên là Mary Towles Sasseen đã khởi đầu tổ chức lễ Vinh danh người Mẹ vào năm 1887.

Tiếp theo, ông Frank E. Hering tại thành phố South Bend, tiểu bang Indiana đã hô hào vận động cho ngày lễ Vinh danh người Mẹ vào năm 1904.

Rồi ba năm sau, ở thành phố Grafton tiểu bang Virginia và Philadelphia, bà Anna Jarvis đã bắt đầu vận động cho một ngày Vinh danh người Mẹ chính thức trên toàn quốc Hoa Kỳ. Bà Anna Jarvis đã chọn ngày Chủ Nhật thứ nhì trong tháng 5 và khởi đầu tục lệ cài hoa cẩm chướng (carnation/oeillet) trong ngày của Mẹ.

- Diễn tiến của cuộc vận động cho một "Ngày của Mẹ" trên toàn quốc.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 1908, các nhà thờ ở Grafton và Philadelphia đã cử hành lễ cho Ngày vinh danh Mẹ. Riêng tại nhà thờ Andrews Methodist Episcopal ở Grafton, thánh lễ được dâng để truy điệu Anna Reeves Jarvis, thân mẫu bà Anna Jarvis.

Năm 1912, trong phiên họp khoáng đại của giáo hội Methodist Episcopal tại Minneapolis, Minnoseta, một phái đoàn từ Andrews Church đã công bố quyết định thừa nhận bà Anna Jarvis là người sáng lập ra Ngày vinh danh Mẹ "Mother's Day".

- Mother's day trở thành ngày quốc lễ.

Năm 1914, ngày mùng 9 tháng 5, Mother's Day được công nhận là một ngày quốc lễ. Vào ngày đó, Tổng Thống Woodrow Wilson đã ký một quyết định chung giữa Quốc Hội và cơ quan hành pháp của Chính phủ liên bang về Ngày vinh danh người Mẹ. Và năm sau, Tổng Thống Wilson được phép tuyên bố "Mother's Day" là một ngày quốc lễ hàng năm.

- Các tập tục trong ngày vinh danh Mẹ.

1. Dâng Lễ Cầu Nguyện tại nhà Thờ

Vào ngày lễ Vinh danh Mẹ, các gia đình đến nhà thờ để xin dâng một thánh lễ đặc biệt dành riêng để vinh danh và biết ơn những người mẹ.

2. Tục Cài Hoa Cẩm Chướng

Trong Ngày Của Mẹ nhiều người theo phong tục cài hoa cẩm chướng (carnation) vào áo. Hoa cẩm chướng được dùng để biểu tượng người Mẹ. Có hai biểu tượng trong việc cài hoa. Một hoa cẩm chướng đỏ hay hồng biểu tượng cho người mẹ còn sống với con. Người cài hoa cẩm chướng trắng có nghĩa là mẹ đã qua đời.

Hoa Cẩm Chướng là một loài hoa có cánh mỏng có mùi hương, có nhiều màu: đỏ, hồng, trắng hoặc trắng lấm lấm hồng. Tiếng Anh gọi là Carnation. Ngoài việc biểu tượng cho người mẹ, Carnation còn là "State Flower" của tiểu bang Ohio với tên gọi là "Scarlet Carnation". Thân cao từ 30 cm đến 91 cm. Cũng là Hoa đặc biệt của tháng January. Tiếng Pháp gọi là Oeillet nghĩa đen là "con mắt nhỏ". Oeillet có hai loại: Oeillet de Chine là Hoa Thạch Trúc và Oeillet d'Inde là Cúc Vạn Thọ. Hoa Cẩm Chướng có thể nở quanh năm, thường trồng bằng nhánh. Chôn nhánh xuống đất nó sẽ mọc rễ mới và thành cây con.

Tại sao người ta dùng "Carnation" để tượng trưng cho tình Mẹ? Phải chăng vì cánh hoa dịu dàng, có mùi thơm và vì chữ "Carnation" từ nguyên ngữ còn có nghĩa là màu của da thịt con người, mà mẹ là người đã cho ta da thịt và sự sống từ thuở bé thơ! (Trong ngôn ngữ Anh và Pháp, "Incarnation" có nghĩa là sự hiện thân, sự nhập thể).

Ngoài lễ cầu nguyện ở nhà thờ, người mẹ còn được con cái chúc tụng và tặng quà cáp để tỏ lòng biết ơn mẹ.

Trong hoàn cảnh sinh hoạt của xã hội Hoa Kỳ, phong tục dành ra một ngày nhất định trong năm để cho các con bày tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ quả là một sáng kiến rất hay. Công ăn việc làm dù vất vả, dù phải đi làm ở xa, hàng ngày không có dịp lo cho cha mẹ thì những người con sẽ thu xếp dành thời gian cho ngày của Mẹ của Cha.

- Ngày Của Mẹ và Phong Tục Việt Nam

Trong phong tục Việt Nam, không có một ngày dành riêng để Vinh danh Mẹ định kỳ hàng năm như ở Mỹ và một số nước Âu Châu. Tại sao?

Các nhà nghiên cứu xã hội học đã giải thích rằng đó là do "khung cảnh sinh hoạt xã hội và gia đình". Thật vậy, người Việt Nam thường sống quanh

quần trong làng xóm hay thành phố nhỏ, thường sống chung một mái nhà với cha mẹ, cho nên bốn phận lo cho cha mẹ là thường ngày, do vậy không cần thiết phải có một ngày dành riêng. Tuy vậy, tình cảm của hầu hết con cái đối với mẹ thường vẫn rất sâu sắc. Đó là lòng hiếu kính đối với bậc sinh thành đã phản ánh một cách chân thiết và cụ thể trong ca dao, tục ngữ, thơ văn và nhạc...

Hầu hết người Việt sống trên quê hương đều biết những câu ca dao như:

"Công cha như núi Thái Sơn"

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con"

Đối với truyền thống dân tộc Việt, **Đạo Làm Con** rất quan trọng, nó là khởi đầu của Đạo Làm Người. Đạo làm con của người Việt Nam truyền thống được thể hiện trong việc lo phụng dưỡng mẹ hàng ngày trong năm. Ngay lúc còn bé, đứa con nhỏ dại cũng đã nghĩ đến việc giúp đỡ mẹ trong cuộc sống hàng ngày:

- "Mẹ ơi, chỗ đánh con đau"

Để con bắt ốc hái rau mẹ nhờ"

Và khi người mẹ đã già thì con cái đã trân trọng:

- "Mẹ già như chuối ba hương"

Như xôi nếp một, như đường mía lau"

hoặc:

- "Ổn cha nặng lắm ai ơi"

Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang!"

Về tình thương và sự đùm bọc che chở, tục ngữ Việt đã vinh danh người Mẹ một cách tuyệt vời:

- "Con thì mẹ, cá thì nước!"

- "Con có mẹ như măng ấp bẹ"

- "Con có mẹ như thiên hạ có vua"

Sở dĩ so sánh Mẹ với Vua là vì ngày xưa dưới thời quân chủ chính thống, sách ghi rằng Vua là người nhận thiên mệnh để chăm sóc cho dân về mọi mặt như cha mẹ lo lắng cho con cái. "Thiên hạ có vua" thì đời sống được an cư lạc nghiệp, được thắm nhuần "ơn mưa móc". Sách cũng có câu "Nhất nhật vô vương, thiên hạ đảo

huyền" nghĩa là một ngày không có vua, nhân dân sẽ rơi vào cảnh xáo trộn, khổ sở đến cực điểm. Chữ "đảo huyền" nghĩa đen là "bị treo ngược đầu xuống".

Xã hội Việt Nam đã ghi nhận sự quan trọng của người mẹ đối với đời sống của con cái về cuộc sống vật chất:

- "Mồ côi cha, ăn cơm với cá"

Vì tình thương của người Mẹ góa thường trút hết cho đứa con côi cút cho nên sự nuôi nấng rất tươm tất.

- "Mồ côi mẹ lót lá mà nằm"

Vì hầu hết người cha trong xã hội Việt Nam đều phải lo sinh kế, lo đối phó với đời sống cho nên ít có thời giờ chăm sóc con cái về cái ăn mặc và chỗ ngủ một cách chi tiết, cho nên nhiều đứa con mồ côi mẹ phải sống một đời thiếu sự chăm sóc chu đáo về vật chất.

Và cả về đời sống tinh thần người Mẹ cũng đóng một vai trò quan trọng, đời sống của con tốt hay không đều chịu ảnh hưởng từ những hành động và đức tính của mẹ.

- "Con nhờ đức mẹ"

Phúc đức tại mẫu"

Gần đây, các nhà khoa học về Di truyền đã nhận thấy rằng trí thông minh của con cái phần lớn do "gien" của người mẹ chứ không hoàn toàn từ người cha.

Về giá trị công ơn đối với con, ca dao ghi nhận rằng:

- "Nhất mẹ, nhì cha, thứ ba bà ngoại".

Phải có kinh nghiệm về sinh dưỡng con cái, người ta mới ý thức được sự vất vả, nhọc nhằn của người Mẹ:

- "Lên non, mới biết non cao"

Nuôi con, mới biết công lao mẫu tử".

- "Mẹ nuôi con biển hồ lai láng..."

Đã có rất nhiều bản nhạc và thơ ca ngợi Tình Mẹ và Lòng thương con của người mẹ: "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình..."

- Ngày Mẹ trong truyền thống Phật Giáo.

"Ngày của Mẹ" trong truyền thống tín ngưỡng Phật giáo được kết hợp với ngày lễ Vu Lan, vào Rằm tháng bảy

Âm Lịch, là ngày đức Mục Kiền Liên, một người con hiếu thảo đã hết lòng thương yêu mẹ, lo cứu mẹ thoát khỏi cảnh khổ địa ngục do lúc sống mẹ đã gây nhiều tội chướng...

Trong ngày Báo Hiếu này, ở Nhật, người theo Phật giáo cũng có tục cài hoa hồng lên áo để nhớ mẹ. Hoa hồng màu đỏ dành cho những ai còn mẹ và hoa hồng trắng cài trên áo những người đã mất mẹ...

Phong tục cài hoa hồng này đã được du nhập vào Việt Nam qua cuốn "Bông Hồng Cài Áo" của Thượng Tọa Nhất Hạnh từ các thập niên 1960.

- Hình tượng "Mẹ" trong tâm thức người Mẹ.

Đối với người Việt, "Mẹ" là một hình tượng bao la rộng lớn bao trùm cả quê hương đất nước, chứ không phải chỉ giới hạn trong gia đình. Về ngôn ngữ thì "tiếng mẹ đẻ", hay "tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi...". Về nơi chốn thì "quê mẹ", "đất mẹ", "nước mẹ"... (trong lúc Tây phương dùng chữ: Patrie, Fatherland để chỉ tổ quốc). Trong sách vở Việt Nam cũng có chữ "quê cha đất tổ" nhưng dân gian rất ít dùng đến khi nói về tình yêu thương đối với quê hương.

Đối với những người mẹ đã qua đời sự trân trọng phụng thờ cũng rất đặc biệt:

- "Ngó lên trên trời thấy cặp chim đang đá"

Ngó về hạ thú thấy cặp cá đang đua

Thôi, anh lui về lập miếu thờ vua

Xây lăng thờ mẹ, chạm chùa thờ cha"

Thờ mẹ bằng lăng; mà "lăng" trong truyền thống Á Đông thường chỉ dành cho các bậc vua, chúa, công hầu khanh tướng. Vậy thì xây lăng thờ mẹ phải chăng có ý nghĩa xem công đức của mẹ giống như các bậc vua chúa...

Có lẽ cũng là quan niệm "con có mẹ như thiên hạ có vua". Đối với đứa con, mẹ là tất cả những gì âu yếm thiết tha ấm nồng nhất, mẹ còn là "một anh hùng" như lời của một trẻ em Hoa Kỳ khi được hỏi: "Em biết ai là anh hùng?". Em đáp: "Mẹ là anh hùng!".

Thật vậy trong cuộc đời, "mẹ là người anh hùng" đang từng phút giờ âm thầm chiến đấu với mọi hoàn cảnh

để bảo vệ con cái và gia đình mà không hề nói đến công lao, không đòi hỏi chiến công bội tinh. Công ơn và tình thương của mẹ làm sao nói hết. Có lẽ vì vậy mà Thích Tịnh Từ đã than: "Ngôn ngữ rách nát của thế gian, làm sao nói hết tình thương của Mẹ" ...

Trong tác phẩm "Quê Mẹ" nhà văn Thanh Tịnh đã ghi nhận những hình ảnh thân thương về mẹ như: "Buổi mai hôm ấy, một buổi sáng đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường dài và hẹp..."

"Tôi rụt rè nép dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường..."

Trong thi phẩm "Mẹ" xuất bản ở Paris, Thi Vũ đã viết: "Thế giới giàu sang đến bao nhiêu cũng không đánh đổi được tiếng ru hời của mẹ, tiếng vo gạo của mẹ từ vại hứng nước mưa sau chái, tiếng gió trúa bên hiên hè còn thoảng chút hương cau trên vông mẹ. Thành phố sáng láng nguy nga bao nhiêu cũng không bằng khuôn mặt mẹ bên đĩa đèn dầu leo lét những đêm con học bài" ...

Thật là một hình ảnh đầy tình cảm của quê nghèo... nơi có "người mẹ hiền...chiều chiều mắt hoen mờ vì con..."

• NGUYỄN CHÂU (5-2003)

thơ

Coi như mới hôm qua ...

Coi như mới hôm qua...
Đang nằm yên trong bụng
Con bất thần đạp mạnh
Mẹ đau thấy ông bà.

Coi như mới hôm qua...
Ở trong nhà hộ sanh
Suốt một ngày hành mẹ
Con mới chịu ló ra.

Coi như mới hôm qua...
Ngày đầu tiên đi học
Con không thèm vô lớp
Níu mẹ đòi về nhà.

Coi như mới hôm qua...

Tại văn phòng nha sĩ
Con mím môi không chịu
Cho nhổ răng sún ra.

Coi như mới hôm qua...
Con nữ sinh ban "A"
Bao chàng trai ngấp nghé
Trồng cây si trước nhà.

Coi như mới hôm qua...
Đôi mắt con đổ hoe
Khi nhà trường thông báo
Nhận nội trú tỉnh xa.

Coi như mới hôm qua...
Đêm đầu ngủ lạ nhà
Con phôn về thổn thức,
Mẹ thức trắng như cha.

Coi như mới hôm qua
Con vui mừng thông báo
Người yêu con đã ngõ
Lời cầu hôn thiết tha.

Coi như mới hôm qua...
Ngồi nơi bàn tiệc cưới
Bận áo khăn hoàng hậu
Con đẹp như tiên nga.

* *

Nay con đã có con,
Một bầy rộn đầy nhà.
Con vui đời hiền mẫu,
Mẹ thẳng chức lên Bà.
Nhưng con luôn là Bé
Của mẹ như ngày xưa.

Con con cũng có con
Làm con trở thành Bà
Mẹ vinh thăng lên Cụ.
Nhưng con mãi vẫn là
Con Bé Cưng của mẹ
Như những ngày đã qua.

• Đồng Châu

(Phỏng dịch theo ý bài thơ "Seems Like Yesterday" của nữ sĩ Lynn Plourde đăng trong cuốn "Chicken Soup for Expectant Mother's Soul" của Nhà xuất bản Health Communications Inc., Deerfield, Florida, 2000).



**Gia Đình
Phật Tử**

Thay lá



Thời gian đi qua như dòng nước chảy dưới chân cầu, cuộc đời thì lăm lăm đổi thay như lá trên cành nay xanh, mai tàn úa, cũng như hôm nay Hoàng ngồi đây ghi lại chuyện Đạo, Đời của mình và những thăng trầm của nó mà chàng đã trải qua. Chàng biết chắc sẽ còn thiếu sót và sơ suất rất nhiều. Nhưng xin ví nó như là cây trở lá rồi rụng theo mùa.

Di nhiên Hoàng là một người Việt Nam, ở một quê hương bốn mùa ẩm áp, nằm dọc theo ven Thái Bình Dương ngạo nghễ có sóng vỗ rì rào. Bây giờ là nghìn trùng cách trở, và rồi đến định cư tại một địa danh xa xôi nằm phía Tây Bắc nước Đức, biên thù giáp giới Hoà Lan. Tuy nơi ấy hiền hoà nhưng nhiều buồn tẻ.

Đường ra xa lộ khá xa, muốn đến phải chạy vòng vo trên mấy con đường làng có ruộng đồng và cây lá. Nếu viễn khách có cơ hội đến thăm cũng chỉ dừng chân trong đôi phút, đứng ngắm mây trời thả hồn theo thơ, theo nhạc rồi vội vã ra đi, trả lại cảnh vật trở về với tiêu sơ hoang dã. Song nơi đó đối với Hoàng là kỷ niệm đẹp nhất và khó quên trong đời. Nơi đó đã có hàng cho chàng làm việc, nơi đó gia đình chàng được đoàn tụ, các con chàng lớn khôn và đã gả cưới nơi đây. Nơi đó có những đồng hương sống gần gũi tại các phố phường phụ cận, hể cuối tuần ra chợ là gặp mặt nhau trao nhau lời hỏi, tiếng chào; ghé thăm trong những ngày rảnh rỗi, hoặc cùng tụ họp vui chơi trong những dịp tổ chức hội hè. Nơi đó có những phố chợ đơn sơ, không nhộn nhịp, hoa đèn bằng thị thành lớn, nhưng có những con đường mà chàng

thường đi qua trong xuân, hạ, thu, đông, trong nắng gió mưa mùa.

Hoàng cảm thấy yêu thương làm sao ấy!?...

Cũng từ dạo ấy Hoàng đến với Viên Giác tự tại Hannover, xét ra cũng đã phần tu thế kỷ trôi qua. Chàng nhớ lại ngày đó, đang vào đông tuyết rơi và rất lạnh, cái băng giá mới gặp lần đầu. Ngồi trong lòng chiếc máy bay đưa người tỵ nạn từ Thái-Lan, vào nửa đêm đáp xuống phi trường Hannover, trong khi chờ đợi nhân viên hành sự cho phép xuống, từ dưới đi lên có một vị Sư còn rất trẻ, nói giọng Quảng Nam đến hỏi thăm đồng bào. Hoàng bồi hồi và mừng thầm, nghĩ trong đầu: "Té ra nơi đây có một vị Thầy tu thì chắc có đạo Phật và có Chùa, thế thì đỡ cho mình lắm".

Từ chỗ định cư đến Hannover quãng đường hơi xa nhưng rồi chàng cũng mon men đến đó. Ban đầu đi xe lửa, rồi sang xe Bus để đến Chùa. Xét ra cũng khó khăn lắm, vì tiếng Đức không rành, đường sá chưa thông nên hành trình đến nơi đã gặp lắm điều vất vả. Sau vài năm nhờ đi làm hãng Hoàng để dành tiền và đã tậu được xe riêng, do đó con xa lộ số 30 rẽ qua số 2 đi Hannover chàng rất rành và quen thuộc.

Lễ Phật Đản năm 1979 (PL. 2523) tổ chức tại Bethoven Saal của Stadthalle Hannover đã có mặt Hoàng, lúc đó chàng còn đang tạm trú ở trại tỵ nạn Friedland và được xe của trại chở đi dự lễ rồi chở về.

Thời tiết lạnh và mưa gió nhiều, trong Saal không có ghế nên ngồi dưới nền xi-măng trải tấm Nilon lớn để có chỗ cho mọi người ngồi tạm. Cuối cùng vì quá lạnh ai nấy đề nghị rút tấm Nilon ra đắp phủ lên người.

Viên Giác tự hay nói đúng hơn là một căn phòng nhỏ trong chung cư tập thể ở đường Kestner. Đến năm 1981 thì dời về đường Eichelkamp Str. tại Hannover. Bình thường vì xa xôi nên không thường xuyên có mặt, nhưng vào dịp Đại Lễ nào do Chùa tổ chức Hoàng cũng về đó tham gia Phật sự với mọi người.

Cái thuở ban đầu ấy rất đa đoan và nhiều công việc, nói là Chùa nhưng đó chỉ là một cái phòng lớn (Halle) thiết trí lại làm Chùa để cho có nơi bà con Phật tử và mọi người vân tập về đây chiêm ngưỡng, lễ bái.

Thấy mọi người về đông, Thầy Trụ Trì, Hội Phật Tử và Ban Tổ Chức phải

mượn Trung tâm Thanh niên (Jugendzentrum) làm nơi ngủ nghỉ cho đồng bào và cơm nước cũng nấu tại đó để đem phân phát cho họ. Văn nghệ cho đồng bào xem phải mượn rạp hát Aegi tại Trung tâm Hannover. Di chuyển cho người và đồ đạc phải có nhiều Ban mới đáp ứng được nhu cầu cho đồng bào ở xa về dự lễ. Và các Ban này đều là những anh chị em thiện nguyện giúp đỡ cho Chùa.

Rồi sau đó đa số lần lượt có xe riêng nên mỗi lần có lễ người về Chùa càng đông hơn, Thầy Trụ Trì, Hội Phật Tử và Ban Tổ Chức phải mượn Hội Trường lớn của Tiểu Bang Niedersachsen (Niedersachsenhalle) để cho đủ chỗ... Và rồi càng đông hơn nữa phải tìm mượn Ellendehalle cho rộng thêm ra. Và muốn mượn các chỗ ấy xử dụng được cùng một thời gian cho hợp Đại lễ, phải đặt trước hai năm mới có hy vọng kết quả.

Từ năm 1991 đến bây giờ là Viên Giác tự rộng lớn, đủ tiện nghi do công, của của Phật tử và đồng bào khắp mọi nơi đóng góp dựng nên, có hội trường, chỗ nấu ăn v.v... nên các Đại lễ, Thầy Trụ Trì, Hội và Ban Tổ Chức không cần phải bận tâm tìm kiếm chỗ gặp nhiều phiền phức như xưa nữa.

Thời đó, trong các Ban nào là Ban Trai Soạn, phát cơm, di chuyển, xắt gọt, rửa chén, kinh sách, tiếp tân, phát hành bánh trái, cà-phê, văn nghệ, trật tự, vệ sinh v.v... ai cũng biết mặt Hoàng và quen thân, nên hề gặp, trước niệm A-Di-Đà, sau mừng rỡ bắt tay mời mọc. Hoàng cần gì là họ đưa ngay, chỉ cần chìa tay là nhận lấy của "Chùa".

Trong các Ban người nào cũng còn rất trẻ hoặc tương đối trẻ nên rất hăng say sẵn sàng đảm nhận công việc Phật sự, cho dù có cực khổ, khó khăn cũng chấp nhận miễn sao đáp ứng được nhu cầu cho đồng bào mình ở xa về đây tham dự Đại lễ. Chẳng ai phiền hà và trên môi luôn nở nụ cười cởi mở vị tha. Lúc đó trong hàng ngũ người Việt tỵ nạn của mình mới đến cũng có một số thanh niên chưa ý thức được nếp sống trật tự hoặc kỷ luật tự giác của người dân bản xứ, họ ý y và quen lối sống hỗn tạp tại quê hương mình trong thời chinh chiến đã nhập ba, nhập năm làm thành băng, nhóm lợi dụng rượu chè say sưa đến những nơi có tổ chức công cộng của mình gây náo động hoặc phá phách làm phiền hà cho những người chung quanh

không chịu nổi và gây ảnh hưởng không tốt với người bản xứ đánh giá dân tộc mình.

Để cho yên, Hoàng uyển chuyển tìm cách đứng ra phân giải, giảng hòa để tránh bất đồng và thù hận.

Thời buổi đó đã đi qua, nay họ đã lớn khôn chững chạc nên không còn ngêngh ngang nữa, hầu như họ sống ở đây lâu rồi cũng phải ý thức và nhập tục, hoặc giả họ đã có vợ con đùm đê nên tối ngày bận bịu lo cho bầu đàn thê tử?!...

Thấy mừng!....

"*Cây có cội, nước có nguồn*" dù sống tha phương, ai nấy bận lo ổn định và kiếm sống nhưng mái Chùa luôn là nơi che chở hồn dân tộc, nơi giữ lại truyền thống an sinh, tập tục của quê hương Việt Nam mình, do đó mà có ngày Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng là vậy. Chùa cũng là nơi tạo cho mọi người có nơi chốn để gặp gỡ, hàn huyên, thăm hỏi, quen biết tay bắt mặt mừng hay cũng có khi là chỗ đem cơ hội cho trai thanh, gái lịch gặp nhau để rồi nên duyên, nên phận không chừng?!... Việc ấy không ai phủ nhận cả, nhìn đó Hoàng cảm thấy đắc ý mỉm cười.

Hàng cây quanh Chùa Viên Giác ngày đó mới trồng, bây giờ đã cao lớn, trút lá và trở lá theo mùa. Những người trong các Ban phụ Chùa ngày ấy cũng đã đổi thay. Có kẻ đã vinh viễn nằm yên nơi đất lạnh, có người già đi hoặc tóc đã hoa râm, thời gian cứ mãi vô tư chòng chành khiến cho sức khỏe hao mòn, biết rằng Chùa vẫn còn đó mà trong mỗi Đại Lễ hằng năm họ không thể qui về làm công quả nữa, khiến cho họ cảm thấy xót xang, bần thần.

Duyên đến, duyên đi thay cho duyên mới, người cũ còn lại ít ỏi, người mới thế vào, hành trình Phật sự vẫn trôi chảy và tiếp tục như xưa, nhưng có lẽ không nhiều đa đoan, nghịch cảnh như lúc ban đầu, vì nơi chốn để tổ chức đã có sẵn hẳn hoi, an bày. Mọi sự việc lo toan đều qui về một chỗ. Bây giờ Hoàng về lại Chùa chàng cảm thấy mình bị lạc lõng, không người quen sẵn đón, vồn vã mời mọc như xưa, vì những người mới đến phụ việc chẳng ai biết mặt chàng. Nhưng Hoàng cho đó là sự đổi thay tự nhiên, vô thường của đất trời và vạn vật. Khi "Tre tàn thì măng mọc" mới có sự kế tiếp và tồn tại ở cõi đời này.

Nói đến đây trong ý nghĩ không phải chàng đề cao mình hoặc trách người, nhưng để ghi lại những ngày đã qua trong lòng đời, đạo và cũng không phải để tự mình cho là có công lao mà thời gian xóa nhòa khiến cho Chùa hay ai đó đã quên lãng. Chàng cũng cảm nhận được và cho đó là việc tất nhiên phải có như đã trải qua bao thế hệ của dòng đời. Như những anh hùng, liệt nữ vô danh không ghi vào trong sử sách.

Hiểu theo Phật, đó là "Vô thường" có, không và không, có, để tâm tư ai nấy được thành thoi, tự tại an nhiên, cho những chấp ngã tan theo mây khói lam trần.

Lạy Phật! Độ cho con, mọi người cùng chúng sanh tâm an lạc. - Chàng niệm thầm như thế.

Những cơn gió hè thoảng nhẹ đưa về làm cho khí oi trở nên mát mẻ, chàng thoáng nghe từ Chùa vọng lại có tiếng mõ, hồi chuông, câu kinh Bát Nhã:

"Xá-lợi-tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc. sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị" - Xá-lợi-tử! Thị chủ pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm ... thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô-đẳng đẳng chú"

Và thanh thoát bên tai giọng hát êm đềm của một nữ ca sĩ nào đó với bài thơ của Thi sĩ Hoàng Ngọc Ẩn qua tài phổ nhạc của Nhạc sĩ Huỳnh Anh:

*"Anh đi rừng chừa thay lá,
Anh về rừng lá thay chừa ?
Phố cũ bây chừ xa lạ
Hắt hiu đội gió giao mùa,
* **

*Xuân xưa mình em lẻ bóng,
Xuân nào mình ngóng trông nhau
Cuốn hút phưởng trời vô vọng
Nhỏ thỏng bạc trắng mái đầu ...
* **

*Anh có về qua lối cũ,
Phố phưởng chừ đã đổi thay
Thưởng anh nửa đời hoang phế
Thưởng em chịu kiếp lưu đày ...
* **

*Xuân nay mình anh lẻ bóng,
Có còn tiếc nhỏ xuân xưa
Dài tay đếm từng nhung nhỏ
Anh ơi, chờ gió giao mùa ... "*

Những thân cây trồng quanh Chùa theo thời gian cứ mãi lớn cao, nhưng lá thì cứ đổi thay theo năm, tháng, theo mùa. Hoàng ôn lại để viết lên thay lời cho mình, cho người và cho Viên Giác tự.

Willich đầu Hè 2003

• **Thiện-Căn Phạm-Hồng-Sáu**

PHẬT PHÁP



Đáp: - Trước khi giải đáp câu hỏi này, tốt hơn ta nên định nghĩa danh từ "Khoa học". Theo tự điển khoa học là "kiến thức mà có thể hợp chung lại thành hệ thống, kiến thức thuận theo nghĩa gì ta thấy, những sự kiện được trải nghiệm và nêu lên những định luật thiên nhiên tổng quát, là một ngành của kiến thức ấy, bất luận gì có thể khảo sát là đúng vậy".

Có những sắc thái của Phật Giáo không hợp đúng với định nghĩa này, nhưng giáo lý nòng cốt của Phật Giáo - Tứ Diệu Đế, hay bốn chân lý thâm diệu -- chắc chắn là thích nghi. Chân lý hay Đế đầu tiên. **Khổ đế**, là một kinh nghiệm có thể mô tả, chứng nghiệm và đo lường. Đế thứ nhì là **Tập đế**, nói rằng đau khổ phát sanh do một nguyên nhân thiên nhiên, ái dục cũng có thể mô tả, chứng nghiệm và đo lường. Không có sự cố gắng nào để giải thích đau khổ như một khái niệm hay câu chuyện thần thoại có tính cách siêu hình. Theo đế thứ ba, **Diệt đế**, đau khổ chấm dứt, không phải bằng cách ý lại nơi một nhân vật tối cao, bằng đức tin hay bằng cách van vái nguyện cầu, mà chỉ giản dị bằng cách diệt trừ nguyên nhân sanh ra nó. Đó là định lý rõ ràng và hiển nhiên. Đế thứ tư, **Đạo đế**, là con đường, đường lối hay phương cách để chấm dứt đau khổ, một lần nữa, không có gì liên

quan đến siêu hình mà chỉ tùy thuộc nơi cuộc sống theo những đường lối đặc thù. Và một lần nữa, lối sống này có thể được trải nghiệm. Phật Giáo cũng như Khoa học, không dựa trên khái niệm về một nhân vật tối thượng mà giải thích các nguyên nhân và sinh hoạt của vũ trụ theo những định luật thiên nhiên. Tất cả những điểm này chắc chắn cho thấy rõ tinh thần khoa học. Một lần nữa, Đức Phật luôn luôn khuyên dạy không nên có đức tin mù quáng mà phải nghiên cứu, học hỏi, khảo sát tận tường trước khi chấp nhận điều gì là chân lý. Ngài dạy:

"Không nên để tập tục cổ truyền, những tin đồn, hay những kinh sách cổ xưa lưu truyền, những lời được thuật lại, những luận thuyết suông, những thành kiến, hay những lời có vẻ hợp lý của người nào, dẫn dắt đi sai lạc và không nên tin chắc vì lòng tôn kính nghĩ rằng "đây là lời của thầy, ta phải tin". Nhưng khi tự mình hiểu biết rằng điều này là tốt, không đáng bị khiển trách, điều này được các bậc thiện trí tán dương và khi được thực hiện và đảm nhận, điều này đưa đến hạnh phúc và lợi ích, chùng đó hãy theo". (AI 188).

Như vậy ta có thể nói rằng mặc dầu Phật Giáo không hoàn toàn đúng là khoa học nhưng chắc chắn hòa điệu với khoa học và chắc chắn có nhiều đặc tính khoa học hơn bất luận tôn giáo nào khác. Điều có nhiều ý nghĩa là Albert Einstein, nhà khoa học đứng hàng đầu của thế kỷ hai mươi nói về Phật giáo:

"Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo thuộc về vũ trụ. Nó phải vượt lên trên một Thần Linh cá nhân và xa lánh những tín điều và những giáo thuyết thần học. Bao gồm cả hai sắc thái, thiên nhiên và tinh thần, tôn giáo này phải căn cứ trên một tinh thần tôn giáo phát sanh từ sự kinh nghiệm tất cả mọi sự vật, thiên nhiên và tinh thần và có tính cách thuần nhất có ý nghĩa. Phật giáo giải đáp thỏa đáng sự mô tả này. Nếu một tôn giáo có thể thỏa mãn những nhu cầu của ngành khoa học hiện đại, thì đó là Phật Giáo".

(Tham khảo theo sách Khéo vấn, khéo đáp của Tác giả Ven. Shrivasti Dhammika - Dịch giả Phạm Kim Khánh)

• **Thiện Căn**

Nụ Sen mới

(Tuồng thuật trại sinh hoạt
Thanh Thiếu Niên Phật Giáo
tại Aschaffenburg -
Đức Quốc, lần thứ nhất)

Trần Thị Nhật Hưng



Hon 6 tiếng xe lửa từ Aschaffenburg, tôi trở về đến nhà gần 10 giờ tối. Lục đục tắm rửa, ăn chén súp nóng (do chồng nấu cho) huyền thuyên kể chuyện, rồi đánh răng... mãi gần 12 giờ khuya tôi mới lên giường đi ngủ.

Sáng sớm hôm sau 6 giờ thức dậy sửa soạn đi... cày. Công việc ứ đọng của 2 ngày thứ 5, thứ 6 (lấy hè, cộng với công việc của thứ 2 đầy ắp trên bàn. Tôi một mình chịu trách nhiệm một phòng không ai thay thế).. Ông xếp trước khi về văn phòng còn đứng đó chờ đợi, về lo âu. Tôi trấn an ông:

- Ông an tâm đi. Tôi sẽ làm giờ phụ trợ. Bỏ luôn giờ giải lao để thu xếp cho xong hết công việc này.

Ông cười gật đầu:

- Sehr gut (tốt lắm!). Rồi ông bỏ đi.

Sở dĩ tôi phải nói với ông như vậy vì mùa này đang cao điểm công việc. Tuy được phép lấy hè nhưng thông thường không nên chọn vào thời điểm

đó. Tôi trấn an ông, mục đích nghỉ cái thể lâu dài, lần sau có dịp nghỉ nữa.

Nhưng khi ông đi rồi, nhìn đồng việc, phần lờ mờ mệt mỏi vì thiếu ngủ, phần ngao ngán phải trọn lời hứa với xếp, tôi chóng mặt. Có như thế tôi mới thấm thía nỗi gian lao vất vả của Ban Tổ Chức trại sinh hoạt Thanh Thiếu Niên Phật Giáo tại Aschaffenburg suốt 4 ngày và nghiêng mình trang trọng tán thán công đức của quý bác, cùng anh chị em ba Chi Hội: Frankfurt, Wiesbaden và Aschaffenburg đã vì tương lai của Phật Giáo, Dân Tộc và giới trẻ để đảm nhận trách nhiệm do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu giao phó.

Vấn đề tôi muốn nhấn mạnh ở đây. Vì là trại tổ chức đầu tiên. Bước gian nan bao giờ cũng ở khởi đầu khó mà lường được sự thành bại cũng như cất đặt sắp xếp công việc sao cho ổn thỏa. Thế nhưng với lòng nhiệt thành xuất phát từ tinh thần Bi-Trí-Dũng của đạo Phật, ba Chi Hội đã không ngại khó nhọc quyết tâm thực hiện cho bằng được.

Trại sinh hoạt nhằm ưu tiên giới trẻ tuổi từ 16 -> 45. Cỡ 50 như tôi thuộc thành phần... "quá đát", tới trại bị xếp vào hàng "các cụ", nhưng tôi vẫn muốn tham dự, dù không được mời, vì nhiều lý do: Trước hết hỗ trợ tinh thần mọi người; sau đó... rờ được việc gì thì cũng xin đóng góp. Hay quan sát sự việc rồi về nhà viết bài tuồng thuật kể lại cho bà con, những người vắng mặt. Hơn nữa chuyến đi này, đặc biệt có một Cư sĩ được quý Thầy kêu gọi đại diện giới trẻ thuyết trình về đề tài "Người Cư sĩ trẻ nghĩ gì và mong chờ gì ở Phật Giáo". Và Cư sĩ đó không ai khác hơn là Bào, cậu "quí tử" nhà tôi.

Ở trại, ai cũng nói đùa, mẹ đi theo để "rình", để "canh" con, coi con ăn nhiều không, đi tắm, đánh răng chưa và nhất là nhắc nhở ngủ tập thể con đừng có ngáy để phiền lòng... hàng xóm! Rồi còn sợ quý Thầy... dụ dỗ đi tu (mục này thì tôi không sợ vì lúc nào tôi cũng khuyến khích Bào đi tu), tôi chỉ sợ các "Phật tử... gái" dụ dỗ ở lại không chịu về nhà thôi! Ai trêu, tôi chỉ cười cười, đùa lại cho vui trại, vui người, chứ thật ra không ai nghĩ rằng gia đình tôi rất lo lắng về sự kỳ vọng của quý Thầy giao cho Bào. Nếu Bào không hoàn thành trách nhiệm, lúc về nhà, cậu sẽ lãnh vài hèo!!!

Hai mẹ con tôi đến trại đúng 12 giờ trưa thứ 5. Trời vào Thu se se lạnh. Những chiếc lá vàng trải đầy trên bước

chân đi. Xung quanh, toàn những rừng cây thưa lá về lên nền trời những cành lá khẳng khiu. Tôi đưa mắt nhìn kỹ, trại là một nhà hàng ăn thuê lại nằm lẻ loi lơ lửng giữa cánh rừng, trên một ngọn đồi vắng. Khung cảnh rất thơ mộng, thật thuận lợi để tổ chức sinh hoạt. Sự tinh mịch vắng vẻ ở đây dễ làm lòng người gần bó, thân thiện, ấm cúng để cảm nhận sự hiện hữu của nhau.

Một vài người quen hỏi Hữu, chồng tôi, sao không tham dự. Tôi cười trả lời vì tuổi chàng vướng nhiều chữ quá. Ba chữ quá trước một chữ đát: quá, quá, quá đát nên chàng ở nhà. Hơn nữa một mình tôi đi "rình" cậu con rồi về báo cáo lại cũng đủ rồi!

Thứ 5 và thứ 6 không nhằm ngày lễ lạc, phần phổ biến chưa rộng rãi nên số người tham dự chỉ lèo tèo. Cà trẻ và... ít trẻ (lời Thầy Hạnh Tấn an ủi gọi thành phần quá đát) độ khoảng 40 người. Tuy nhiên, buổi họp mặt đầu tiên quây quần bên nhau trong chánh điện dưới sự chứng minh của quý Thầy: Hạnh Tấn, Hạnh Từ, Hạnh An và An Chí cùng Sư cô Tuệ Đàm Nghiêm, tất cả đều rất trẻ trên dưới 30 tuổi đã không kém phần hào hứng. Từng người tự giới thiệu họ tên, xuất xứ, nêu sở thích và phỏng vấn lẫn nhau. Những tiếng cười rộn ràng đã như chất keo sơn kết mọi người xích lại gần hơn, khai mở ra những buổi sinh hoạt kế tiếp sôi nổi, thân thiện và dạn dĩ.

Từ tối thứ 6 đến sáng thứ 7 người tham dự tăng vọt. Trẻ 61 em. "ít trẻ" được 40 người. Số lượng chưa gọi là nhiều nhưng vừa đủ theo dự trù, mong đợi của Ban Tổ Chức. Nhìn chung đây là cốt lõi "quí hồ tinh hơn quí hồ đa" tương lai sẽ ghi vào... lịch sử như lời Thầy An Chí nói đùa. (Khóa Tu Học Âu Châu lần đầu chỉ có 24 người. Giờ luôn luôn 600 người).

Từ thứ bảy, sinh hoạt dành cho Thanh Thiếu Niên rộn ràng với những đề tài hội thảo vô cùng hấp dẫn:

- Đạo Phật đối với tuổi trẻ.
- Hôn nhân dị giáo.
- Phật giáo đối với vấn đề ngừa và phá thai.
- Người Cư sĩ trẻ nghĩ và mong chờ gì ở Phật Giáo.

Đề tài hấp dẫn quá. Già, trẻ ai cũng muốn tham dự. Nhất là các cụ muốn níu kéo tuổi xuân, muốn hòa mình cùng giới trẻ để tìm lại hình bóng mình thuở xa xưa, một thời vàng son nay đang dần dần từ giã các cụ. Nhưng, ... "lệnh" của Thầy Hạnh Tấn, để cho giới trẻ được tự nhiên, thoải mái

khi phát biểu, không khép nép, e ngại khi có sự hiện diện của người lớn nên các cụ phải... đi chỗ khác chơi! Hơn nữa, các cụ... *quá đất* rồi, còn thai nghén gì mà háo hức nghe ngửa và phá thai?! Cho nên, trong khi ngoài lề -hai chiếc lều lớn được dựng lên trước trại- chưa kể các lều nhỏ, để giới trẻ ngủ nghỉ và hội thảo, thì bên trong, các cụ bị... lừa vào chánh điện cũng hội thảo như ai -có chịu thua đâu nào?!- cũng về đề tài nha nhá như trẻ (nếu muốn) ngoại trừ vụ thai nghén !

Bây giờ xin mời quý vị vắng mặt hãy lắng nghe một vài đề tài trong cuộc hội thảo của giới... "ít trẻ".

Điều chúng ta muốn nói không bao giờ nói sao cho hết những bất công vô lý mà Phật Giáo muốn thuở (vì quá hiền) luôn là nạn nhân đỡ đòn hết từ chính sách này, thủ đoạn kia, tập đoàn nọ và bây giờ "hôn nhân dị giáo" là một trong những điều phi lý đó. "Anh hay chị phải theo tôn giáo tôi - nghĩa là bỏ đạo Phật - thì mới làm đám cưới!". Câu nói này nếu tôn giáo nào cũng tuyên bố như vậy, thử hỏi, điều gì sẽ xảy ra, nhân loại sẽ sống trong hòa bình không? Tôi xin lặp lại, ghi lại điều tôi đã từng viết trong bài "Đại Học Oanh Vũ" ở báo Viên Giác, số 99, trang 43, cũng về đề tài này "biết rồi, khổ lắm, nói mãi": "Mục đích của tôn giáo đúng ra là nên ở vai trò hướng dẫn tinh thần, phục vụ con người mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại hơn là bằng cách này cách khác thậm chí có những trường hợp đã dùng đến cả bạo lực để bành trướng làm mọi người trở thành tín đồ của tôn giáo mình. Kinh nghiệm đau thương trong lịch sử về những cuộc thánh chiến thời trung cổ và hiện tại vẫn tiếp diễn ở Cận Đông chưa đủ cho chúng ta tỉnh ngộ hay sao?! Đã đến lúc sự dị biệt tôn giáo cần có sự tương kính lẫn nhau, phát huy những điểm tương đồng và tôn trọng những điều khác biệt hơn là lấn lướt nhau. Vì điều đó, sẽ đưa đến sự tị hiềm, đổ kỵ, chia rẽ trong khi dân tộc ta đang cần sự đoàn kết để đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam. Và điều đó hoàn toàn không phù hợp với tinh thần dân chủ của thời đại văn minh ngày nay. Những điều vô lý bất công đó trước sau trên thực tế không tránh khỏi luật nhân quả".

Thực vậy, hành động trái với tinh thần tôn giáo tự nó đã nói lên bản chất yếu kém, không tốt, tự bôi nhọ lên tôn giáo mình vì đã không còn cách nào

khác phải lạm dụng vào tình yêu và hôn nhân để phát triển tôn giáo.

Trong khi đó, như chúng ta đều biết, đạo Phật không gõ cửa từng nhà để truyền đạo; không sử dụng vũ lực để bành trướng; không chúc quyền, tiền bạc để như thiên hạ theo. Đạo Phật chỉ có một chữ "KHÔNG" to tướng. Thế nhưng, dù muôn thuở luôn bị áp bức (vì hiền mà!), từ hơn hai ngàn năm, Phật Giáo vẫn tồn tại như dòng suối êm mát nhẹ nhàng chảy trong lòng đất. Nếu mạch phía này nghẹt, nhờ bản chất "mềm" lại uyển chuyển lách được qua khe kia để tiếp nối chảy không bao giờ khô cạn. Ngày nay, người Âu Mỹ tự tìm đến Phật Giáo như một nhu cầu cần tầm mắt trong dòng suối ngọt để giải tỏa nỗi bức rứt do chính cuộc sống văn minh khoa học vật chất gây cho họ và ở đó, bên dòng suối, họ như còn khám phá những nàng tiên dịu dàng, kín đáo, dễ thương không phô trương nhưng tiềm tàng một sức quyến rũ lôi cuốn. Rồi sau một thời gian tìm hiểu thấu đáo, với một niềm tin sâu sắc, chính họ sẽ là cốt lõi hạt bồ đề nảy cành xanh ngọn và cũng sẽ là những viên gạch dựng nên thành trì vững chắc xây tòa nhà Phật Giáo trong tương lai.

Trong cuộc hội thảo, mọi người cùng nêu ra những kinh nghiệm đau thương mà chính bản thân, gia đình họ từng là nạn nhân của "hôn nhân dị giáo"; kể cho nhau nghe những chuyện đáng tiếc: gia đình xào xáo, anh em thù hiềm, người người đổ kỵ thậm chí đôi trẻ yêu nhau tha thiết đành ngậm ngùi chia tay vì không chấp nhận điều vô lý bất công mà tôn giáo áp đặt lên họ.

Vậy tinh thần tôn giáo rêu rao công bằng, bác ái, an lạc ở đâu? Sao không tìm trong sự dị biệt để thấy những điểm tương đồng như năm ngón tay dài, ngắn khác nhau nhưng lại có điểm chung, cùng nằm trong một bàn tay cần nương nhau, dựa nhau và khi nắm chặt trở thành một sức mạnh của quả đấm, cũng chính như là sức mạnh của dân tộc vậy. Ôi, đáng thương thay cho dân tộc Việt Nam vì "hôn nhân dị giáo"!

Một đề tài khác cũng khá hấp dẫn. Cùng lúc "đám trẻ" hội thảo thì bên "nhóm già" - ngoại trừ Thầy Hạnh Tấn - Thầy đề nghị quý cụ thử đoán: "Người cư sĩ trẻ nghĩ gì và mong chờ gì ở Phật Giáo".

Nhiều ý kiến đưa ra, trẻ ngày nay ham chơi, suốt ngày ôm Computer,

Internet..., bận rộn với công việc, chạy đua theo thú vui vật chất mà khả năng chúng ta và điều kiện từ đời sống khoa học văn minh Tây phương đem lại, nên bỏ quên hay không cần đời sống tâm linh. Chỉ khi nào vấp ngã, thất bại, đau khổ mới tìm về tôn giáo.

Có người thì cho rằng đám trẻ ngày nay sẽ chẳng nghĩ và mong chờ gì ở tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, nếu, chúng không có một chút khái niệm hay hiểu biết gì về tôn giáo.

Một đứa trẻ miền Bắc, sau 1975 vào Nam, nhìn tôn tượng Đức Thích Ca Mâu Ni Đản Sanh, em thốt: "Cậu bé này trông dễ thương đáo để", hoặc thấy bức tranh Đức Mẹ Maria, em khen: "Trông cô gái này có xinh không?". Thử hỏi, nếu không ai giải thích, muôn đời em chả biết gì Phật, Chúa. Đã không biết thì còn nghĩ và mong chờ gì?! Ngay cả lúc lớn lên, lần đầu tiên đến chùa, gặp quý Thầy thì bắt tay chào bác, chào anh; cúng thí cá loạn cào cào. Cho nên, chính chúng ta thế hệ đi trước mới phải quan tâm, nếu muốn "tre già măng mọc" mong đám trẻ thức tỉnh trước sức quyến rũ lôi cuốn của vật chất thời nay, hãy quay về đời sống tâm linh để quân bình đời sống rồi ra mới tiếp nối duy trì tôn giáo trong tương lai. Và bốn phận của thế hệ... già phải hướng dẫn trẻ hiểu đạo. Có hiểu rồi thì chúng mới nghĩ và mong chờ ở tôn giáo.

Có người lại lên tiếng: Trẻ nghĩ và mong chờ ở Phật giáo còn tùy ở lứa tuổi.

Thực vậy, lúc còn thơ, bé thích theo bà, theo mẹ đi chùa; trước vì bà, vì mẹ và may ra ở đó còn có chuối, oản để ăn. Lớn lên chút nữa vì vui, vì bạn mà đến. Khi trưởng thành và chạm cuộc đời chuốc bao đắng cay đau khổ mới tìm đến chùa mong cầu sự an lạc, lãng quên. Hoặc cầu Phật gia hộ đủ thứ, những mong ước của thế gian: tình người, sức khỏe, tiền tài... Nhưng tất cả điều đó, nhà Phật giải thích chính là duyên khởi, qua đó, dần dần gặp cơ hội khác thêm nhân duyên mới để biết, hiểu và tin đạo. Khi biết, hiểu và tin rồi, mới nghĩ về và trông chờ. Chúng ta hãy nghe trực tiếp nhóm thanh thiếu niên tham dự trại hôm nay ít nhiều các em cũng có khái niệm về Phật giáo qua bài tường thuật của Bảo, hơn là ngồi nghe các cụ... thử đoán!

Riêng nhóm cụ chúng ta, tóm lại, ngay giờ "muộn còn hơn không", như nhiều người đưa ý kiến, bậc ông bà, cha mẹ phải làm gương, sống đạo đức

theo tinh thần Phật giáo để hướng dẫn con, cháu. Điều đó... hết xảy rồi! Nhưng, cụ thể nhất là "dạy con dạy cháu còn thơ" tập các bé từ một tuổi vừa biết đi, đứng; biết bập bẹ bi bô lạy Phật mỗi tối trước khi đi ngủ. Đó là cách gây chủng tử, mang hình ảnh hiền hòa của Đức Phật vào tâm bé. Cho đến lớn, bé có thói quen, không xao lãng được. Thêm vào đó, vào các bữa ăn quây quần với con, cháu, nếu chúng ta có khả năng Phật Pháp cỡ nào, ta cứ... truyền. Vì đạo Phật có hơn 80.000 pháp môn tùy căn cơ trình độ để hiểu mà.

Chúng ta cứ gieo mầm, nó nảy lên được cây nào hay cây đó. Chứ không thể chỉ... tu một mình. Ta an lạc thanh thản ở Niết Bàn; còn con, cháu lo ngại ngập lặn trong cõi ta bà, ngã quì, súc sanh, ta có vui không nào? Phải thế không, thưa các cụ?!

Sau buổi hội thảo, tôi vội vàng chạy ra chỗ lều Bảo đang thuyết trình. Từ nãy giờ ngồi trong chánh điện, Thầy Hạnh Tấn và cả tôi rất sốt ruột, ngồi đó mà hồn để ở ngoài lều, không rõ "bọn trẻ làm ăn ra sao?". Đám trẻ (nhất là các cô) có... bắt nạt, ăn hiếp Bảo không? Tôi vạch cửa lều, ghé mắt... "rình" xem, rất an tâm khi thấy có hai Thầy: An Chí và Hạnh An ngồi hai bên... che chở Bảo!

Một buổi hội thảo khác cũng khá sôi nổi về đề tài "Quý cụ nghĩ gì về cung cách khúm núm quì lạy của quý cụ đối với Tăng Ni khiến giới trẻ cảm thấy ngán cách, khép nép trước Thầy, Cô". (Đây là câu hỏi của giới trẻ đặt ra hôm thứ 6).

Diễn đàn được mở ra với những lời bàn luận sau đây:

- Nếu quì lạy để giới trẻ sợ sệt, ngăn cách không tìm đến Phật giáo nữa là điều thiệt thòi, không nên.

- Chúng sanh vô số lượng không phải ngại điều đó.

- Quì lạy để tỏ lòng cung kính. Vì Thầy chính là Phật.

- Phật giáo xưa nay dễ dãi, lại thêm xã hội điên đảo, loạn ly, ngày nay không thiếu kẻ lạm dụng giả dạng Thầy tu mưu đồ cá nhân; phá rối Phật giáo nói chung, **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất** nói riêng dưới chiêu bài **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam** (nhập nhằng bỏ 2 chữ Thống Nhất) do công an nhà nước Việt cộng giật dây; rõ ràng "chiếc áo không tạo

nên ông thầy tu" vậy đó có phải là Phật để lạy không?

- Đến chùa cần trí tuệ để phân biệt đâu là sư thật, sư giả. Sư giả thì ta đừng tìm đến.

- Minh sư đạo cao đức trọng thì hãy lạy.

- Đã đến chùa thì không nên mang tâm phân biệt. "Tâm phân biệt sẽ không bắt được pháp thân?".

- Quì lạy đó là truyền thống từ ngàn xưa. Nên giải thích cho mọi người hiểu, nhất là giới trẻ.

- Từ ngàn xưa tôn kính "quân, sư, phụ" (vua, thầy, cha). Ngày nay đâu còn vua. Điều đó chúng tôi truyền thống có thể thay đổi theo thời đại.

- Quì lạy ngoài vấn đề tỏ lòng cung kính còn hàm ý nghĩa để được công đức.

- Cung kính cũng có thể tỏ lộ bằng nhiều cách chứ cứ chỉ quì lạy. Thấy người khác lạy bắt chước lạy theo mà lòng không muốn, không phục cũng như không. Chỉ vái mà lòng cung kính thì sao?

- Mọi người lạy, một số lại đứng ngồi trông nghênh ngang, lổn ngổn, mất trật tự, không đẹp. Phải tính sao?

- Giải thích để cùng lạy hết thì khó. Rõ ràng chín người, mười ý.

- Cứ lạy để được công đức bắt cứ lạy sư giả hay thật. Nếu sư giả thì sư đó mang tội, gánh nghiệp.

- Minh được công đức để sư giả đó mang tội, gánh nghiệp, mình có công đức không?

- Quì lạy nhưng đừng thái quá như có cụ xì xụp lạy xong, còn... bò xà lui, không thắm mỹ tí nào!

Diễn đàn bàn cãi như thế. Xin hỏi ý kiến những người vắng mặt, không tham dự hôm đó thì sao?

Ngoài ra, còn hai buổi hội thảo chung giữa trẻ và ít trẻ. Nhiều câu hỏi đặt ra từ hai phía được viết lên giấy, nhưng thời gian có hạn, buổi hội thảo chỉ nêu lên những điểm chính yếu, quan trọng. Nội dung không ngoài mong muốn của đôi bên:

* Già thì mong:

- Trẻ tin và nâng cao đời sống tâm linh.

- Dẫn thân hành động như các cụ

* Trẻ thì muốn:

- Các cụ suy nghĩ, hội nhập vào đời sống Âu Tây.

- Nếu không, hãy hiểu và thông cảm chúng.

Tự trung chẳng qua cũng chỉ có nếp sống, cách suy nghĩ khác biệt của hai nền văn hóa Âu, Á mà cả đôi bên từng hấp thụ, âm sâu vào tim óc để khó mà hiểu nhau nếu không có diễn đàn hôm nay để "giải bày tâm sự". Có nói ra, cùng lắng nghe mới thông cảm nhau trong tinh thần từ bi, hỷ xả của đạo Phật.

Chẳng hạn, các em tâm tình, đời sống ở đây họ dạy các em quen tự lập. Từ chỗ tự lập cho các em niềm tự tin để tự chủ. Rồi khi tự chủ được thì cái gì cũng muốn mình tự làm, tự quyết định không phiền đến cha mẹ nữa chứ không phải vì tự kiếm ra tiền hay có trợ cấp nên không cần cha mẹ.

Trong khi đó, các bậc phụ huynh quen sống với nếp suy nghĩ Việt Nam, dù con đã lớn ở tuổi, chưa hay đã trưởng thành, vẫn muốn chăm sóc để tỏ lòng yêu thương và chỉ an tâm những đứa con mình luôn được bao bọc chở che không nơi nào an toàn bảo đảm nhất bằng "vòng tay của mẹ!", quên mất rằng với tinh thần tự do, phóng khoáng của nếp sống Âu, Mỹ sẽ khiến con, cháu mình... ngộp thở trong vòng tay đó.

Tự do, đương nhiên, không thể vinh danh hai chữ tự do để sống luông tuông vô tổ chức, vô trật tự. Tự do cũng có giới hạn của nó trong khuôn khổ, chừng mực như một quốc gia dù dân chủ, luật pháp vẫn hiện hành. Dựa theo đó, nếu cha mẹ buông lơi... vòng tay, thả cho chúng chạy nhưng âm thầm ghé mắt quan tâm (nói nôm na là... rình dấy) thì khi chúng vấp ngã hoặc rơi xuống vực sâu còn có cơ biết được để đỡ dậy hoặc kéo lên.

Thêm nữa, chúng ta, những người Việt Nam ở hải ngoại, có lẽ không bao giờ thích hợp cung cách nuôi con như nuôi chim ở đây. Đúng 18 tuổi cho... chim ra ràng, tự do ra khỏi lồng. Bay đi đâu thì bay. Sống sao thì sống mà cha mẹ không còn quyền hạn nào cả. Đòi cua, cua máy. Đòi cá, cá đào. Thế nhưng, cũng không thể nhân danh cha mẹ áp đặt quyền hạn một cách không hợp thời ép buộc con, cháu theo ý mình mong muốn. Một câu chuyện thương tâm, Thầy Hạnh Tấn kể về một sinh viên chiều lòng cha mẹ học rất giỏi ngành y khoa, nhưng gần đến năm cuối, cảm thấy bức bách, đành tự tử để kết thúc cuộc đời.

Cho nên, cần dung hòa hai nếp suy nghĩ Âu, Á. Qua đó, trẻ cũng nên hiểu lòng yêu thương lo lắng kiểu Việt

Nam của ông bà, cha mẹ mình. Đùng vin vào "nếp sống hải ngoại nó... dzậy" nhập gia tùy tục rồi... quậy để cha mẹ đau lòng.

*
* *

Xen kẽ với những buổi hội thảo, để tâm trí thư thả, là những buổi thể thao, văn nghệ (như đêm lửa trại tối thứ bảy).

Tôi không thích thể thao, tranh thủ thời giờ nhàn rỗi, một mình, tôi thả bộ đi dạo dọc theo con đường ven rừng dẫn tới mái ngôi làng nhỏ. Ngôi làng với những căn nhà kiến trúc hiện đại kiểu biệt thự nhỏ nằm rải rác hai bên đường, trên những cánh đồng cỏ mà tiết thu lạnh đã làm màu héo úa. Buổi chiều trời nhạt nắng. Gió thu hiu hiu thổi, tuy nhẹ, vẫn lay động được vài chiếc lá phất phơ còn vẩn vương luyến tiếc trên cành nhẹ nhàng rơi xuống đất. Tôi nhìn chiếc lá, cảm nhận lẽ tuần hoàn của tạo hóa. Chiếc lá rồi cũng như người về với cát bụi, bị chi phối bởi luật vô thường, lẽ "sinh, lão, bệnh, tử" của đạo Phật. Cứ thế, cứ thế... có đấy rồi mất đấy. Không rồi lại có...

Từ ngày học đạo, chỉ mới lờ mờ, hiểu được chút chút, nhìn đâu tôi cũng thấy đầy đạo vị. Rồi khi áp dụng, tôi thích thú nhận ra sự nhiệm màu của giáo lý nhà Phật. Tôi tin nhân quả, luân hồi. Dù kiếp trước, kiếp sau còn mơ hồ chưa giải thích chứng minh rõ nhưng tôi cứ tin để tìm thấy sự an lạc, đổ dành tôi trong những lúc thất vọng.

Quẹo sang con đường khác, tôi lững thững đi tiếp, hít thở thật sâu vào lồng ngực không khí trong lành buổi chiều thu. Lòng cảm thấy khoan khoái, nhẹ nhàng. Tâm hồn lâng lâng tưởng như đang hòa nhập vào cảnh sắc thiên nhiên của tạo vật.

Khi tôi đang dợt quẹo về trại, tôi gặp Sư cô Tuệ Đàm Nghiêm cũng đang đi dạo cùng một chị Phật tử. Hai người vừa đi vừa trò chuyện. Tôi nhập theo, đi bên cạnh Sư cô, nghe Sư cô kể về những chuyến hành hương ở Trung Quốc, xứ Phật ở Ấn Độ. Đầu đầu Phật giáo cũng đang bùng dậy. Vẫn chỉ là dòng suối ngọt vẫn cứ nhẹ nhàng lách để tiếp tục chảy mãi...

Lúc tôi về đến trại, tiếng reo hò ì xèo của những đội thể thao kéo chân

tôi đi về hướng đó. Nhưng khi tôi đến nơi, cuộc đấu vừa kết thúc. Lối bàn tán lại ì xèo. Nghe... đồn các cụ ông đã "trẻ trung hóa tinh thần làm việc" (theo yêu cầu của giới trẻ khi hội thảo) nên các cụ... "hăng tiết vệt" thể hiện hành động một cách dũng cảm lắm. Tôi xin đại diện "phe ta" có lời chúc mừng, hoan hô các cụ "ông" !

*
* *

Ở trại Thanh Thiếu Niên Aschaffenburg người tham dự chắc chắn không quên được đêm lửa trại độc nhất vô nhị đáng... ghi vào lịch sử cận đại mà Thầy An Chí luôn nói đùa "cười trọ cả quai hàm!".

Cũng như các... "bác trai" bên thể thao, các "bác gái" phía văn nghệ cũng nhất định "trẻ trung hóa tinh thần làm việc" nên các bác chẳng những tiên phong (dẫn đầu) qua nhạc phẩm "Kính Mến Thầy" do "cụ" Diệu Đồng (trạc 50 tuổi) mở màn mà nhìn chung các bác còn chiếm gần trọn chương trình văn nghệ nữa. Nào ca, kịch, nhạc cảnh đủ cả. Chỉ còn thiếu múa! Nhưng thay vào đó đã có một màn vũ do các em nhỏ (có lẽ cháu nội, cháu ngoại của các cụ) thay các cụ trình diễn rất dễ thương.

Phụ họa hưởng ứng với tinh thần các bác gái, có một bác trai đánh đàn và bác trai Long làm M.C (cũng xin nói thêm, bác trai Long còn kiêm "xếp chánh" của Ban Trại Soạn chỉ huy hòa đầu quân nấu các món chay rất ngon... đang ghi vào lịch sử!). Một lần nữa, đại diện "phe ta" hoan hô bác Long.

Một câu hỏi đặt ra, vậy đám trẻ đầu cả sao không "làm chủ" tình hình trên sân khấu? Không lẽ mới đó bị... lão hóa lụ khụ hết sao? Không đâu, chẳng qua vì là trại đầu tiên đa số các em còn bỡ ngỡ, mắc cỡ, dù biết diễn không dở nhưng còn e lệ thẹn thùng đấy thôi. Chứ thật ra, giới trẻ chỉ vài em đóng góp, đã lên sân khấu rồi, tinh thần rất cao thiếu điều không muốn xuống hoặc có vài tiết mục vui nhộn "cười trọ cả quai hàm" để chứng tỏ "quí hồ tinh hơn quí hồ đa" (ít nhưng ngon lành hơn đông). Hy vọng những kỳ tới, giới trẻ sẽ xông xáo với văn nghệ hơn nhưng nhớ đừng... lấn các cụ... rớt xuống sân khấu nhé. Các cụ cũng ham "dzui" mà!

Đêm văn nghệ lửa trại có tính cách bỏ túi, không nặng phần trình diễn dù

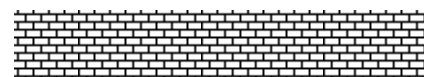
sẵn sân khấu lộ thiên của nhà hàng, nằm sát sườn đồi phía sau trại. Nam, nữ "nghệ sĩ" cũng như khán giả đều mặc măng-tô, áo khoác vì đêm thu rất lạnh. Nhưng càng lạnh, rừng khuya càng vắng, bên ánh lửa hồng thêm mùi khoai tây nướng, mọi người càng cảm thấy cần nhau để sưởi ấm lòng nhau. Văn nghệ diễn sớm từ 19 giờ 30 -> 21 giờ 30 chấm dứt nhưng chưa ai muốn về trại, trừ một số vì chuyện riêng.

Đêm về khuya, lửa dần tàn, mọi người vây quanh xích ghế lại gần, kẻ đứng, người ngồi càng sát nhau hơn. Một chương trình hò đối xuất khẩu thành văn, thơ tự phát. Không ai bảo ai, cũng không chuẩn bị trước xuất hồn phát ra, chia làm hai nhóm. Để cho câu chuyện có vẻ thần thoại hợp với khung cảnh rừng rú, bên nữ bị đối phương đặt danh "Công Chúa Lộ Lem". Đối lại, phía nam cũng có danh gọi "Hoàng Tử Cóc". Hai bên sát phạt nhau bằng những câu thơ "cười trọ cả quai hàm". Rất tiếc tôi không có trí nhớ tốt để ghi lại đây.

Ngoài ra, trung gian giữa hai bên, còn thêm "Bà Phù Thủy" (phe cụ). Bà chỉ mong "ăn đầu heo" lợi dụng cơ hội trở hết miệng lưỡi bùa phép se duyên cho Hoàng Tử cùng Công Chúa. Phụ họa với chương trình là những tiếng cười ròn rã, từng chập, xé tan màn đêm vang trong rừng khuya. Cho đến lúc hòn than cuối cùng chỉ còn hiu hắt mọi người mới lục tục về trại. Bảy giờ kim đồng hồ vừa chỉ gần 23 giờ khuya. Thế nhưng, riêng nhóm trẻ, đêm cuối cùng với sự hiện diện của Thầy Hạnh Tấn, còn quuyến luyến tâm tình trong lều đến 1, 2 giờ sáng lặn.

Lời kết

Không chỉ là lời nói đùa của Thầy An Chí, mà trại sinh hoạt Thanh Thiếu Niên Phật Giáo tại Aschaffenburg hy vọng sẽ... đi vào lịch sử để đánh dấu những "Nụ Sen Mới" lần đầu tiên cấy tại trời Âu. Với phong thủy, khí hậu xứ người hoàn toàn khác biệt với phương Đông, đòi hỏi người trồng phải khéo léo lựa chọn chất dinh dưỡng sao cho thích hợp và chăm sóc một cách cẩn trọng thì chắc chắn không riêng nụ sen kia nở hoa, mà trong tương lai trời Âu sẽ tràn ngập ao sen với đầy hương sắc vậy. Mong thay !!!



Gió thông đưa kệ tan niềm tục



Hương Giang THÁI VĂN KIỂM

I.- Lời dẫn nhập:

Hồn Bướm Mơ Tiên là tên cuốn tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng, một truyện tình tương đối giản dị và trong sạch, không có những tình tiết éo le, gay cấn đến mức độ bi đát như những truyện tình huyết lệ đã xảy ra ngoài đời.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một truyện tình đượm mùi trầm hương và thiền vị, không thể kéo dài nơi chốn thiền môn, vì lẽ vấp phải sự thệ nguyện năm xưa với người quá cố, rồi cuộc phải giải quyết bằng sự chia ly mà vẫn giữ được tình yêu trong sạch, nhờ sự cảm thông sâu sắc về mặt tinh thần và tôn giáo.

Cốt truyện Hồn Bướm Mơ Tiên như sau:

Ngọc vốn là sinh viên trường Cao Đẳng Canh Nông Hà Nội, đi nghỉ hè hai tuần tại chùa Long Giác, mà vị trụ trì là chú Ngọc. Nơi đây Ngọc làm quen thân với một thanh niên tu hành tên Lan mới qui y. Nhưng Ngọc để ý thấy hình dáng và bộ điệu của Lan có vẻ Thiếu nữ. Khuôn mặt trái xoan, hai má ửng hồng, đôi mắt phượng mơ màng như liễu rủ trên mặt nước hồ thu, khiến ta nhớ tới đoạn văn sau đây của Kinh Thánh ngày xưa: "*Comme la lumière, sur le chandelier, telle est la beauté du visage dans l'âge épanoui* (L'Écclésiastique, XXVI, 17)". Đâm nghi, Ngọc bèn hỏi vặn Lan một cách khéo léo, khiến Lan phải thú nhận mình là thiếu nữ, giả dạng trai, để tiện bề tu hành tại chùa này. Mối tình giữa hai người này nở trong sự tinh khiết; vì đã lỡ thề nguyện với mẹ sẽ không lấy chồng trọn đời, mà Lan đành chấm dứt mối tình đang chớm nở với Ngọc, để sống trọn trong tình thương đạo lý nhiệm màu và vĩnh cửu.

Truyện của Lan, có phần tương tự truyện Quan Âm Thị Kính, vốn là đàn bà con gái mà giả dạng đàn ông đi tu, rồi bị vu oan cáo vạ v.v... Chuyện này ai ai cũng biết, chẳng cần phải kể lại. Truyện Hồn Bướm Mơ Tiên cũng khiến ta nhớ đến truyện Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa ra bướm, bay nhón nhơ hoan lạc giữa vườn hoa. Lúc tỉnh dậy, Trang Tử tự hỏi: "Ta thật sự là cái gì? Một con bướm mơ thấy mình là Trang Tử, hay là Trang Tử tưởng tượng rằng mình đã là con bướm? Trong trường hợp của ta, phải chăng có hai sự vật khác nhau? Phải chăng có sự biến hóa của một vật này ra một vật khác?"

Hình ảnh xinh đẹp này đã được vua Lê Thánh Tông (1442-1497) nhắc lại trong một bài thơ, mà Ngài đã cảm tác trong trường hợp có thể gọi là "giai ngộ giữa mùa xuân", được văn học sử ghi lại như sau:

II.- Bồi Liễn Tiên Nướng

Căn cứ trên văn phẩm "Công Du Tiệp Ký" của Vũ Phương Đề (thế kỷ 18) và quyển Lê Thánh Tông của Chu Thiên (do Hàn Thuyên xuất bản, Hà Nội 1943), thì vua Lê Thánh Tông đã chọn một ngày hoàng đạo đầu xuân để ngao du sơn thủy.

Thoạt tiên, Ngài đi thăm nhà Thái Học (Văn Miếu), trên đường về qua chùa Ngọc Hồ ở thôn Thanh Ngô gần đấy. Ngài thấy một vị Ni cô trẻ đẹp, liền rẽ vào vãn cảnh. Ni cô biết ý nhà vua vào tìm hoa hơn là lễ Phật, liền ra một bài thơ tức cảnh, với cái đề có vẻ khuyên răn:

*Vào chùa mến cảnh mến thầy
Tuy vui đạo Phật chưa khuấy lòng người.*

Ngài liền làm một bài bát cú, sai ông Thân Nhân Trung viết đưa lại cho Ni cô. Thơ rằng:

*Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười
Sắc, không tuy vội, hây lòng người.
Chày kinh mấy tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời!
Bể Sồ nghìn trùng mong tát cạn.
Nguồn ôn mấy trượng hây khơi với
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây, chín rõ mười.*

Ni cô xem xong, chê hai câu tam tứ và chữa lại là:

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.*

Ngài phục Ni cô có thi tài, liền vờ lên xe cùng về cung. Đi đến cửa Đại

Hung (của Nam bây giờ), Ni cô biến đầu mắt. Lúc ấy Ngài mới biết là mình gặp Tiên, liền sai làm một cái lầu ở trong vườn ngự uyển, gọi là Vọng Tiên Lầu để hằng nhớ đến cuộc giai ngộ ấy.

III.- Lời tựa của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, chủ biên "Phong Hóa", "Ngày Nay" và "Đời Nay", đã viết lời tựa tiểu thuyết "Hồn Bướm Mơ Tiên" như sau:

Quyển Hồn Bướm Mơ Tiên là quyển truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn và lại là quyển truyện thứ nhất của Khái Hưng.

Lối viết truyện này có hai đặc sắc khác những lối viết truyện xưa và nay.

Tác giả không tả cảnh rườm rà, chỉ một vài nét chấm phá thanh đạm như những bức thủy họa của Tàu: cảnh trong truyện nhiệm vẻ nào là tùy theo tâm hồn của người trong truyện; cảnh đối với người có liên lạc nhịp nhàng và linh động.

Tác giả không bàn luận lời thôi: ông khéo đem một vài nhận xét tinh vi, một vài việc xảy ra thích đáng để phô diễn tâm lý những nhân vật trong truyện.

Vì hai lẽ đó nên truyện Hồn Bướm Mơ Tiên có vẻ hoạt động, xem ham mê từ đầu đến cuối: độc giả tưởng như được cùng với người trong truyện cùng sống quãng đời diễn trong truyện.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một truyện tình dưới bóng Tử Bi, một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau, "yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng" như lời tác giả nói. Tác giả đặt câu truyện vào trong một cảnh chùa ở miền Trung du Bắc Việt và khéo phô diễn những vẻ đẹp thiên nhiên của miền ấy, khiến ta đem lòng yêu những cảnh đồi núi, nó khác hẳn cái cảnh "bùn lầy nước đọng" miền hạ du phẳng lì và buồn tẻ.

Lại thêm được lối văn giản dị, nhanh nhẹn, tuy vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần. Cái cảm ấy là một cái cảm giác nhẹ nhàng, phảng phất vui buồn, tựa như những ngày thu nắng nhạt điểm mưa thưa.

(Nhất Linh, Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1933)

IV.- Văn Chương trong Hồn Bướm Mơ Tiên

Khái Hưng là một cây bút điêu luyện của thời tiền chiến; lối văn tả tình, tả cảnh cùng với những sự nhận xét tinh tường của ông về cuộc sống

hàng ngày và tâm lý của các nhân vật là những mẫu văn chương đáng được ta ghi nhớ:

"Tuy lúc đó đã vào quang năm giờ chiều, mà lửa tháng năm hây còn gay gắt. Mặt trời xiên ánh sáng xuống cái lạch nước phía bên đường, rồi phản chiếu lên, khiến người lữ hành phải đội nghiêng cái mũ dạ về bên trái để che cho khỏi chói mắt.

Hai bên đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái, cúi khom lưng cầm liềm nhỏ cắt lúa trông dáng vội vàng chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ mà gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phân đồng lực lưỡng, người thì lấy sức rít dây lật bó các lượm lúa lại thành từng bó, người thì cầm đòn xóc xuống đất, đứng chéo chân, nhìn vợ vẫn. (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 9,10).

Về phía đông nam mây trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm một sắc da cam. Nền trời xanh nhạt, lơ thơ mấy áng mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín, màu vàng thắm, con cò trắng thông thả bay về phía tây, đôi cánh lờ lờ cất lên đập xuống loang loáng ánh mặt trời". (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 37-38).

Và Hồn Bướm Mơ Tiên đã kết thúc như sau:

Bấy giờ trời diu diu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thông thả rơi vào quang êm đềm tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm mắt lơ lơ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu....

Lá rụng.

Lá rụng thì về cõi, người rụng thì về lòng đất, để chuẩn bị một cuộc tái sinh thiên hình vạn trạng giữa vũ trụ bao la, ba nghìn thế giới...

V.- Triết lý trong Hồn Bướm Mơ Tiên

Hồn Bướm Mơ Tiên, với những nhân vật đơn giản trong truyện, đã diễn ra trong một khung cảnh trang nghiêm, đượm màu sắc tôn giáo, với kinh kệ, hương trầm, hồi chuông cảnh giác và phảng phất mùi hoa Ngọc Lan (tên khoa học là: *Michelia champaca odoratissimus*, họ *Magnoliacees*, vốn là quốc hoa của Chiêm Thành - Champa) thanh khiết của chùa đền Việt Nam.

Linh mục Gras của Tu viện Xuân Bích (Thị Nghè) Giảng sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm xưa, đã từng nghiên cứu thấu đáo truyện Hồn Bướm

Mơ Tiên, và đã kết luận thiên khảo cứu của ông như sau:

"Tình yêu nhân vị khác hẳn ái tình điên cuồng của những kẻ chiếu theo bản năng, thoái nhượng quyền tự do mà quy thuận chế độ tất nhiên của vũ trụ tự nội. Tình yêu đó dễ ràng buộc những tâm hồn của hai người tự do không phải làm nô lệ tình mê". (Nhân vị trong "Hồn Bướm Mơ Tiên", Đại Học số 4, 5 Sept 1958, trang 119).

Để chứng minh điều đó, chúng ta sẽ trích ra đây những câu trả lời của Lan cho Ngọc, để khuyên nhủ Ngọc nên trở về Hà Nội tiếp tục sự học hành, và nên sớm quên Lan, để cho trọn vẹn tình yêu tinh khiết và lý tưởng theo kiểu Platon:

"... Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác ái. Vì lòng bác ái mà Phật Tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ lang thang khắp bốn phương trời để tìm phương giải thoát cho chúng sinh. Vậy xin ông cũng vì bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế, ông sẽ cứu được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời chỉ có lòng bác ái là đáng kể (Hồn Bướm Mơ Tiên, Nhà xuất bản Đời Nay, Hà Nội, 1933, trang 80).

"Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này mà thôi!". (HBMT, trang 77).

Và đây là những câu khuyên dụ của Ngọc, nhằm xiêu lòng và lôi cuốn Lan:

"Lên ở chùa mới biết yêu, mới biết yêu là có thú vị... song chẳng lẽ ta cứ yêu suông, yêu bóng má? Thế thì cũng uổng, thà chà yêu cho xong! (HBMT trang 60)

"... Tôi yêu một cách chân thành, tôi yêu trong linh hồn, trong lý tưởng. Cô tha thứ cho, tôi không thể yêu mãi chú Lan, phải cho phép tôi yêu cái linh hồn thực của chú Lan mới được: Cái linh hồn ấy là cô Thi" (HBMT trang 63).

"Mấy hôm nay tôi đọc quyển Phật Giáo, tôi thấy yêu Đạo Phật. Tôi yêu đạo Phật thì tôi lại càng yêu cô...". (HBMT trang 63).

Những lời khuyên dụ của Ngọc khiến ta liên tưởng những câu thơ sau đây trích truyện Trinh Thử (Con Chuột trinh tiết) của Hồ Quyền Quý, một thi phẩm đời Trần, có một tác dụng châm biếm Hồ Quý Ly đã làm điều bất chính là tiếm vị ngôi báu nhà Trần:

*Chữ rằng: Xuân bất tái lai
Một ngày là mấy sớm mai hồi nàng
Tôi lui đôi lẽ cho tưởng,
Tĩnh về xử biến hờn bề kiến trính
Kết làm phu phụ chi tình,
Chẳng lo thuyền bách lênh đênh
giữa dòng,
Lòng xuân tưởng đối cũng buồn,
Chẳng nghe câu ví phường ngôn
thường lẽ:
Chơi Xuân kẻo hết xuân đi
Cái già xồng xộc nó thì theo sau.*

Mặc dù hùng biện đến mấy, Ngọc cũng không thể thuyết phục và làm xiêu lòng được Lan. Và đây là lập trường dứt khoát của Lan, nhất định không chiều theo ý muốn của Ngọc, để hoàn toàn dấn thân vào con đường tu hành trọn kiếp:

"Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng tử bi Phật Tổ". (HBMT trang 97).

Từ đây Lan sẽ cố quên hình ảnh của Ngọc: trong nội tâm đã diễn ra một cuộc giằng co dai dẳng giữa tình yêu và tôn giáo; để đi tới sự toàn thắng của tôn giáo, như được diễn tả trong mấy câu thơ đượm Lão Giáo và Phật Giáo sau đây:

*Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa làm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một cõi thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời.*
(Cung Oán Ngâm Khúc - Ôn Như Hầu)

VI.- Thân thế và Văn nghiệp của Khải Hưng

(1896-1947)

Chúng tôi nghĩ rằng khi nói tới một văn phẩm có giá trị như Hồn Bướm Mơ Tiên, chúng ta nên biết qua về thân thế và sự nghiệp của tác giả.

1) Thân thế:

Khải Hưng là bút hiệu của Trần Khánh Giu (Khải Hưng là những chữ ghép tráo lại của những chữ Khánh Giu. Tây phương gọi là anagramme). Ông sinh năm 1896 ở làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Thân phụ là ông Trần Mỹ, một nhà cự nho, làm Tuần phủ Phú Thọ. Còn nhạc phụ là ông Lê Văn Định, Tổng đốc Bắc Ninh, văn sĩ có 3 anh em trai, trong đó có một người em là Trần Tiêu, tác giả các tập truyện: Con Trâu, Chồng Con, và Truyện Quê.

Khái Hưng theo học ban Trung Học ở trường Albert Sarraut, nổi tiếng tinh nghịch và giỏi Pháp văn, nhưng chỉ đỗ Tú Tài Pháp phần thứ nhất ban cổ điển, còn phần hai thì bốn năm vẫn trượt luôn. Ngoài căn bản Pháp văn, ông còn hiểu biết cả Nho học nữa. Ông từ già trường Albert Sarraut ra rồi, thì bước vào nghề dạy tư ở trường Thăng Long. Theo dự luận học trò của ông, thì ông là một giáo sư thông minh, ngôn luận có duyên, thường pha điểm ít nhiều về hoài nghi dí dỏm giữa lời nói. Trong sự giao thiệp, bạn bè rất luyện mẫn, ông tính tình phóng khoáng, vui vẻ, khéo pha trò làm nòng thắm câu chuyện.

Năm 1930, Trần Khánh Giu bước vào đời văn với những bài xã thuyết, hoặc truyện vui đăng trên tờ báo của Chu Mậu.

Năm 1931, Trần Khánh Giu gặp Nguyễn Tường Tam, tìm thấy ở vị Giáo sư Cử nhân Khoa học dạy cùng trường ấy một người bạn tri kỷ.

Ngày 22.9.1932, Nguyễn Tường Tam (bút hiệu là Nhất Linh), đứng ra Giám đốc tờ Phong Hóa của Phạm Hữu Ninh vào đời đã được 13 số, với sự cộng tác đặc lực của: Trần Khánh Giu (bút hiệu Khái Hưng hoặc Nhị Linh), Nguyễn Thế Lữ (bút hiệu Thế Lữ), Nguyễn Trường Long (bút hiệu là Tú Ly, sau cải gọi là Hoàng Đạo), Hồ Trọng Hiếu (bút hiệu Tú Mỡ), Nguyễn Tường Lân (bút hiệu Thạch Lam).

Cũng từ năm 1932 trở đi, bắt đầu trên tờ Phong Hóa, Khái Hưng theo lời khuyên của Nhất Linh lại chuyển viết về tiểu thuyết, và giữ mục này rất đều đặn. Trên tờ Ngày Nay sau đó, ông còn giữ mục "câu chuyện hằng tuần". Các tác phẩm của ông đều do nhà xuất bản Đời Nay ấn hành, từ tác phẩm đầu tay là Hồn Bướm Mơ Tiên ra đời ngày 27 tháng 7 năm 1933 đến tập Cái Ve ra ngày 7.6.1944, cả thảy 21 quyển vẫn có giá trị, đã làm cho ông nổi tiếng là một tiểu thuyết gia lỗi lạc của tiền bán thế kỷ hai mươi. Những văn phẩm này chứng tỏ cả một kỹ năng hành văn hấp dẫn kèm bị, nói lên một bộ óc thông minh, một tâm hồn phong phú, một nguồn mỹ cảm dạt dào.

Ngoài những hoạt động báo chí văn nghệ ra, Khái Hưng còn là một chiến sĩ yêu nước hăng hái hoạt động chính trị nữa, cũng như đa số các nhà văn khác của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Theo Phạm Trường Sơn cho biết thì trong giai đoạn tranh đấu chính trị

ác liệt những năm 1940-1945, Khái Hưng là một chiến hữu thân tín của Nhất Linh trong đảng Đại Việt Dân Chính. Ông đã cùng với Hoàng Đạo trốn sang Trung Hoa năm 1940, qua năm sau lại trở về thì bị thực dân Pháp bắt cùng với một số đồng chí, và đều bị đưa đi an trí ở Vụ Bản, Châu Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Về thời kỳ này, ông vẫn tiếp tục sáng tác những tác phẩm mà sau đó không thể xuất bản được.

Năm 1943, Khái Hưng và các bạn lại bị đưa về quản thúc ở Hà Nội. Sau cuộc đảo chánh Nhật ngày 9.3.1945, ông giữ việc biên tập tờ Ngày Nay kỳ nguyên mới (1945). Rồi khi Nhất Linh ở Trung Hoa trở về nước, lại cộng tác đặc lực làm tờ báo Việt Nam, cơ quan ngôn luận của Quốc Dân Đảng, tích cực chống Đảng Cộng Sản. Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông tản cư về quê ngoại ở Nam Định, thì bị Việt Cộng bắt giam ở Lạc Quận (Trực Ninh) được mấy tháng thì chẳng may bị Việt Cộng sát hại bằng súng lục giữa một đêm tối gần bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường (1947).

2. Văn nghiệp

Khái Hưng là một kiện tướng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, đã sáng tác rất đều đặn, xuất bản nhiều tác phẩm, và đã chiếm cảm tình độc giả rất nhiều, vượt bỏ tài năng tất cả các tiểu thuyết gia nhóm này cũng như các văn gia khác ngoài nhóm. Ông là nhà văn đa tài, viết đủ các loại văn. Không kể những truyện ngắn chỉ đăng mà chưa in, ta có thể xếp loại và kể dẫn như sau:

a/- Truyện dài:

- Tiểu thuyết lý tưởng có tính cách luận đề: Hồn Bướm Mơ Tiên (27.7.1933), Nửa Chừng Xuân (13.2.1943), Trống Mái (1936).

- Tiểu thuyết phong tục: Gia Đình (15.4.1938), Thoát Ly (31.12.1938), Thừa Tự (4.1.1940)

- Tiểu thuyết tâm lý: Hạnh (1940), Những Ngày Vui (25.1.1941), Đẹp (1940).

b/- Truyện ngắn:

Đọc Đường Gió Bụi (1936), Tiếng Suối Reo (1937), Đợi Chờ (1939), Đợi Mũ Lạch (4.11.1941)

c/- Kịch:

Tục Lụy (15.3.1937), Đồng Bệnh (11.5.1942)

d/- Truyện nhi đồng:

Ông Đồ Bể, Quyển Sách Ước, Cây Tre Trăm Đốt (trong "loại sách Hồng" Đời Nay).

e/- Tác phẩm viết chung với Nhất Linh:

Anh Phái Sống (1934), Gánh Hàng Hoa (1934), Đời Mua Gió (1934).

VII.- Chung Luận

Nhìn chung về sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, nhà văn học Phạm Trường Sơn đã có lời phê bình như sau:

"Ông là một tiểu thuyết gia có biệt tài, luôn luôn cầu tiến trong nghệ thuật, lúc ban đầu nặng về tiểu thuyết lý tưởng, dần dần chú trọng loại tiểu thuyết tâm lý. Tuy nhiên, bất kỳ ở thể loại nào, ông cũng vẫn tỏ ra là một nhà văn rất am tường tính tình của tuổi trẻ. Các văn phẩm của ông phản ảnh đầy đủ những băn khoăn hoài vọng trong tâm hồn nam nữ thanh niên ta. Về phương diện văn, sự tiến hóa vẫn thấy rõ không kém, từ những tác phẩm đầu tay cho đến những tập sau cùng, nếu ông trước kia giọng điệu bay bướm, thường dài lời bao nhiêu, thì đến giai đoạn về cuối vẫn lại giản dị, nhanh nhẹn trong suốt, già dặn bấy nhiêu. Bảo rằng Khái Hưng là một ngôi bút tài hoa mê luyện nghệ thuật, một trí tuệ thông minh, một linh hồn dào dạt luôn luôn nặng lòng với những chuyện vui buồn của đời người và người đời, thì cũng không phải là quá đáng vậy".

Đứng vào thời đại mà nhìn một cách tổng quát, chúng ta có thể nói rằng: Với văn phẩm đầu tay Hồn Bướm Mơ Tiên, Khái Hưng nói riêng và nhà xuất bản Đời Nay nói chung, đã mở đầu một kỳ nguyên mới lạ và phong phú cho nền văn chương Việt Nam cận đại.

Cảm đề Hồn Bướm Mơ Tiên

*Hoa Lan tử thuở khép từng mơ,
Lầu Ngọc vừng trắng lướng đợi chờ
Mấy độ Ngân Giang vờn sóng bạc
Bao giờ Ô Thuộc bắt cầu thơ ?
Mặt vừa giáp mặt đà duyên nợ,
Người dẫu xa người vẫn tóc tơ;
Đã trót thề nguyện nường của Phật
Nâu sồng kinh kệ lánh thời cơ.*



Ý nghĩa "Thập như thị"



Thiện Nguyên

Trong lúc lục lại chồng hồ sơ sách báo cũ chuẩn bị dọn đi trú ngụ một nơi khác, tôi tình cờ đọc lại bài viết nhan đề "Giá trị con người" của Cư sĩ Chánh Trực trong Viên Giác số 112. Tôi rất thích đọc những bài của Cư sĩ, vì tính cách thực tế và thiết thực, chẳng hạn như bài: "Bất tùy phân biệt, cầu trời, trời có giúp gì". Cư sĩ đã đưa Đạo vào Đời, khuyên nhủ ta cách sống trong xã hội vật chất văn minh và xô bồ này sao cho đúng với Đạo. Lối đặt vấn đề và trình bày của Cư sĩ hết sức giản dị, lời văn bình dân, cố tránh những thuật ngữ rất nhiều trong giáo lý mà những vị mới học đạo khó lãnh hội được. Trong bài viết trên, Cư sĩ cho rằng giá trị con người không do tiền tài, thế lực, danh vọng, sắc đẹp, bằng cấp, tài năng mà ở chỗ giác ngộ được bản ngã chân thật, bên ngoài không chấp trước, chính mắt chuyện trần đời, mắt trông thấy sắc rời thôĩ, tai nghe tiếng thì không cho nên bên trong tâm không có niệm khởi, do đó giải thoát khỏi phiền não, khổ đau. Con người có giá trị là con người "bát phong xuy bất động", là con người có cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời vậy. Tác giả đã trích dẫn rất nhiều kinh như Kinh Pháp Cú, Pháp Bảo Đàn, Kinh Bát Nhã, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa để luận giải giá trị con người hết sức rõ ràng và thấu đáo.

Nhưng học thuyết "Thập như Thị" trong Kinh Pháp Hoa mà tác giả nêu ra để làm luận cứ theo thiển ý có vẻ quá

gượng ép. Tác giả cho rằng "khi bị ai khác chỉ trích, công kích, mạ lị, chúng ta không chấp vào đó, coi đó là những chuyện 'đương nhiên phải có' ở thế gian đầy tranh chấp, ganh tị và đố kỵ thì chúng ta sẽ được an ổn, không ai xâm phạm đến ta được". Cư sĩ cho rằng những việc thị phi xảy ra ở thế gian là chuyện "đương nhiên phải có", "đương nhiên như thị" cho nên không chấp làm gì. Nếu hiểu học thuyết "Thập như Thị" như tác giả trình bày quá đơn giản, quá sơ lược e có thể gây nhầm lẫn hơn là soi sáng cho người học đạo. Những việc thị phi trong cuộc đời là do tâm "tham, sân, si", tâm chấp ngã tham ái mà sinh ra, ta phải dùng tam vô-lậu học và bát chánh đạo để giải trừ. Còn thuyết "Thập như Thị" có một ý nghĩa khác, thâm sâu hơn nhiều.

Trong bài viết vì sơ suất tác giả đã làm lẫn để sai thứ tự mười thứ "như thị". Đầu tiên là "như thị tướng" chứ không phải "như thị tánh". Thiếu sót chẳng khi tác giả giải thích tánh là tâm tánh con người, đó là nghĩa hẹp chứ tánh có nghĩa rộng hơn nhiều, về "báo" tác giả nói chung chung là nghiệp báo nhưng báo trong "Thập như thị" có ý nghĩa cụ thể và đặc biệt hơn nhiều, sẽ bàn sau.

Học thuyết "Thập như thị" ở trong Phẩm Phương Tiện, Kinh Pháp Hoa, Ngài Xá Lợi Phất khẩn cầu 3 lần Đức Phật mới nói - Vì sao thế? Vì "Pháp khó hiểu chỉ có Phật cùng Phật mới thấu hiểu chân tướng các Pháp nghĩa là các Pháp: Tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rất ráo như vậy".

Học thuyết này làm hiển lộ chân lý sâu xa nhất về sự "hiện hữu của tất cả sự vật trong vũ trụ cũng được gọi là "Nguyên lý chư pháp thực tánh" (thực tính của mọi hiện hữu).

Khoa học hiện đại đã phân tách các chất thể vật lý đến mức độ hạt nguyên tử, đến electron, proton. Nguyên lý "Thập như thị" hay "Chư Pháp thực tánh" còn thâm sâu hơn sự phân tích ấy nhiều vì mở rộng đến cõi tâm thức nữa.

Từ "Như" tức là chỉ một cái gì hằng cố, bất biến. Như thị nghĩa là như thế, như vậy và cũng có nghĩa là: một cách nhất định, không hư hại, không làm lạc.

Sự hiện hữu của tất cả sự vật (chư pháp) nhất định có sắc tướng. Đây gọi là "như thị tướng". Cái gì có sắc tướng nhất định có một bản tánh. Đây gọi là

"như thị tánh". Cái gì có một bản tánh nhất định có một thể chất. Đây gọi là "như thị thể". Cái gì có một chất thể nhất định phải có một năng lực. Đây là "như thị lực". Lực đây là năng lực, một khả năng nào đó. Khi có năng lực thì nhất định sẽ tạo nhiều chức năng hướng ngoại. Đây là "như thị tác". Chức năng hướng ngoại của một vật trong vũ trụ tất nhiên có liên hệ với nhiều vật khác. Chúng hỗ tương, tương tác, tương tức với nhau và tạo ra nhiều hiện tượng khác (thuyết trùng trùng duyên khởi trong kinh Hoa Nghiêm). Đó là nguyên nhân tạo ra các hiện tượng và được gọi là "như thị nhân". Dù có một nguyên nhân chủ yếu nhưng một mình nó cũng không tạo ra kết quả được. Phải có điều kiện nào đó kết hợp thêm gọi là duyên. Ví dụ lúc nào trong không khí cũng có nhiều hay ít hơi nước. Đó là nguyên nhân chủ yếu. Nhưng phải có nguyên nhân thứ yếu hay duyên như khí lạnh tiếp xúc thì hơi nước trong không khí mới biến thành sương. Một cơ hội hay điều kiện như thế gọi là "như thị duyên". Khi một nguyên nhân chủ yếu gặp một duyên thì kết quả mới được tạo ra. Đây là "như thị quả". Một kết quả không chỉ tạo một hiện tượng mà còn để lại một dấu vết hay tồn dư nào đó. Ví dụ kết quả hình thành sương sẽ gây một cảm giác thích thú nào đó cho một thi sĩ ngồi bên cửa sổ, thưởng thức một tách trà ấm, vừa nhìn cảnh sương mù bên ngoài. Nhưng cũng có thể kết quả thành sương ấy gây cảm giác bức bối, bất an đối với một nông phu vì vụ mùa có thể bị hư hại vì sương. Chức năng này để lại một dấu vết hay tồn dư nơi thi sĩ và người nông phu nên gọi là "như thị báo".

Chín như thị nêu trên xảy ra liên tục trong xã hội và tổng thể vũ trụ. Mọi sự vật đều vận hành theo luật "Thập như thị" từ "tướng" (hiện tượng) cho đến "báo", từ đầu đến cuối. Đây là ý nghĩa của "như thị bốn mặt cứu cánh đẳng" tức tổng thể cơ bản rất ráo từ đầu đến cuối là như vậy. Tất cả các Pháp kể cả con người và liên hệ giữa các pháp với nhau đều được thiết lập bởi quy luật "Thập như thị" hay thực tính của toàn bộ hiện hữu.

Mạo muội xin góp ý cùng Cư sĩ Chánh Trực và mong các bậc cao minh chỉ dẫn thêm về thuyết "Thập như thị" nếu có gì sai lầm. •

Bạn hãy tự chọn cho mình một lẽ sống công bằng



Cử-sĩ Đông-Phước MAI-LÝ-CANG

Người ta có thể nói rằng, từ lâu, văn hóa của đạo Phật thật sự đi sâu vào lòng xã hội dân gian bằng sự thể hiện ra trong phương cách sống, cách nghĩ và hành động của những con người đã từng tự nguyện dẫn thân đi tìm hạnh phúc cho mình theo như ý nghĩa của một *lẽ sống công bằng*.

Thật vậy, với tinh thần giác ngộ thường xuyên của người tu niệm mà câu nói “*Bồ-Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả*” quả là một hình thức ẩn dụ, ứng nghiệm cụ thể về luật công bằng sẽ không bao giờ phân biệt và úy kỵ về đẳng cấp của con người. Đọc trong kinh điển Phật-đà, người ta nhận thấy rằng học thuyết Trung-Đạo đã tiên phong trực tiếp đề ra một khái niệm về nhân sinh mang hình ảnh lượng cả, bao dung mẫu mực. Đạo Phật từng khuyên nhủ con người xa bỏ *mê lầm* để phải sống cuộc đời *vô ngã vị tha*, bút phá ngay cả mọi biên cương có hàng rào chủng tộc, để tạo cơ hội cộng đồng, đồng tiến phẩm giá con người. Và đồng thời, cũng để tạo ra điều kiện thích hợp công bằng cho kẻ có bản lĩnh hơn phải được thành công, cho người có công tu sớm có được ngày đạt đạo. Ngoài ra, ý nghĩa của sự công bằng trong đạo Phật cụ thể cũng còn hàm chứa một sự rắn đe đối với ý đồ lương tâm của những con người sai phạm, lại có mưu toan thoát ra khỏi ngoài vòng pháp luật của lưới trời.

Thử nhìn lại những sự kiện lịch sử đã qua, thì mới ngày nào ở nước ta từng có gia đình một họ oán ngôi Vua lên cầm quyền. Và khi vừa có chủ trương ra tay hành động tấn công xâm

nhập chùa chiền, thì lập tức toàn gia vong mạng. Còn gần nhất, thì có một nhóm người lãnh đạo quốc gia cường tín, chủ trương hủy diệt di tích văn hóa lâu đời của nhân loại. Và khi vừa đập tan hai pho tượng Phật, thì tiếp theo sau tức khắc là đất nước của họ phải gian nan gánh chịu bao điều khốn khổ, điều linh. Ngày xưa, quán triệt sâu xa về ảnh hưởng quá khứ vị lai của đạo Phật đối với tuần dân vận nước, cho nên nhà thông thái Trạng-Trình của chúng ta chẳng từng đã cảnh cáo dân gian bằng câu sấm bất hủ lưu truyền “*Giặc đến bờ-đề thì giặc phải tan*”. Ngày nay, phần đông chúng ta ai ai cũng biết rằng là kinh kệ của mọi tôn giáo ở trên thế gian này đều có phần nội dung giảng dạy về đức tính công bằng cho bốn đạo của mình, dù nếu không dưới hình thức này thì cũng bằng trường hợp khác.

Học thuyết của đạo Phật, nói riêng, thường nhắc nhở chúng sinh về định luật vô thường trong tạo vật. Và cũng trong ý nghĩa ưu việt của định luật này, nó đã tàng trữ một sức mạnh tiềm tàng, siêu quyền lực, có khả năng kỳ diệu để làm đổi thay cả màu sắc xã hội, dân gian. Những thay đổi ấy, tất nhiên, phải bắt nguồn từ nhiều lý duyên sinh có ảnh hưởng then chốt, liên quan trực tiếp tới sự vật ngay từ lúc khởi đầu cho đến phần kết cuộc. Và người ta có thể nói lý duyên sinh đó chính là trọng tâm của một bản cân công lý vô hình, bất cứ lúc nào cũng có chức năng giám sát của một vị trọng tài thẩm phán, luôn luôn công bằng phán quyết, áp dụng thi hành mọi biện pháp chế tài. Còn Phật pháp chủ trương vốn tánh tự *không*. Và chữ *không* trong pháp Phật có ý nghĩa theo *bát-nhã* thật là vạm đại bao la...Để rồi vào một ngày công phu nào đó, nếu tâm hồn nhân ái của bạn còn có thêm những mối ưu tư nhiều về sự chênh lệch trong kiếp trầm luân của con người, thì có thể đặt vấn đề lại hỏi:

- *Làm thế nào để mà tìm thấy được tính chất ý nghĩa của sự yêu chuộng công bằng trong đạo Phật?*

- Xin trả lời rằng, sự công bằng này đã được chứng minh bằng luật trả vay, hay bằng hình thức khác, như hễ bất cứ chúng sinh nào mà cố công tu được thì sẽ thành Phật được. Và bạn phải hiểu rằng, vì đây là một *đạo bình dân của xã hội chúng sinh*.

Đạo Phật trọng chữ tâm, và dành một chỗ ngồi đặc biệt xứng đáng cho những kẻ có thực tài tôi luyện tâm thân, ý chí để nhằm vào mục đích

phụng sự cuộc đời cao cả. Do vậy, phải nói tính chất của sự công bằng trong đạo Phật tự nó đã mang một ý nghĩa tích cực, kích thích bản tính năng động, cầu tiến của con người. Chẳng hạn như nếu ai có công làm phước thì sẽ được phước, ai đi gieo gió thì gặt bão, còn ai chỉ thích ngồi không hưởng thụ và không có tinh thần sáng tạo thì cuộc đời sẽ vấp phải những nỗi khó khăn.

Giờ đây, trong cuộc hành trình hoằng dương chánh pháp về phương Tây, đạo Phật đã tiến xa trên một đoạn đường dài bằng những bước đi chững chạc với hình ảnh của những bữa ăn rau đậu, hành thiền, tái lập trật tự tinh thần thường nhật cho tín đồ vốn đã bị động loạn nhiều về trí óc. Ngoài ra, đạo Phật cũng còn có cái nhìn vào những mối tương quan (*tử trọng ân*) về mọi nghĩa vụ giao tế xã hội quốc gia, bốn phận gia đình đối với cha mẹ, lòng thành kính phụng thờ ngôi Tam-Bảo, tinh nghĩa thầy bạn. Và khuyên nhủ con người nên cùng nhau liên hệ sòng phẳng, và tuân hành tinh thần phát huy nội lực của chính mình. Do vậy, đức tính *nhẫn nhục* lúc nào cũng được coi như là một phương tiện khuôn mẫu để hòa đồng, tế nhị tốt nhất trong sự chung đụng trong *lẽ sống công bằng*.

Tính chất và ý nghĩa của *lẽ sống công bằng* như đã nói ấy sẽ tạo nên thuận cảnh cho những kẻ muốn được thành thoi, không hệ lụy ưu phiền vì khi phải nghĩ đến những ngày ăn năn, sám hối về sau. Thực vậy, trong suốt chiều dài cuộc sống của con người, chỉ có phút lâm chung mới chính lại là quan trọng nhất. Do vậy, sẽ vô phước thay, nếu trong một thời khắc cực kỳ sát na nào đó, mà tâm hồn của bạn hãy còn vướng bận vào những tội ác đã gieo thâm họa cho người! Và cũng phước lành thay, nếu trong hoàn cảnh thời khắc cực kỳ sát na nào đó, mà ngược lại, tâm hồn của bạn sẽ cảm thấy được thanh thản nhẹ nhàng thân thể.

Vậy thì, với hai sự kiện xảy ra...

Một bên, có khả năng làm cho bạn vướng mắc bao nỗi đau buồn trước giờ vĩnh biệt thiên thu cõi đời ô trọc.

Một bên, có khả năng giúp cho tinh thần của bạn được cảm thấy phấn chấn, mãn nguyện, để ra đi tiêu dao nơi miền lạc cảnh.

Và bây giờ, bạn sẽ nghĩ sao sau khi nhìn thấy được rõ ràng về những mối tương quan không thể không có về luật công bằng thiêng liêng của trời đất, vốn có liên hệ mật thiết trong cuộc sống của đời người?

Phật-giáo với truyền thống tốt đẹp là cứu khổ độ nhân, rao giảng *tin lành* bên cạnh tinh thần *vô úy* cho hàng tín đồ, là cũng chỉ vì cốt ý mong sao cố làm thu ngắn lại được khoảng cách bất công giữa trong đời sống của con người. Chính vì vậy, mà hình ảnh của một xã hội chịu nhiều ảnh hưởng của Phật-giáo, khi xưa, đều có được một nền tảng pháp chế, trật tự kỷ cương lành mạnh dựa vào tinh thần nguyên tắc áp dụng hành sự theo đúng lẽ công bằng. Giờ đây, thử hỏi tưởng lại về hình ảnh nhân từ của những bậc minh vương từng có tâm hồn thương dân như con đỏ, đã làm cho chúng ta thật là bồi hồi cảm động. Và người ta có thể nói tới sự kiện Đức Phật, thuở xa xăm, nhờ có dịp rời khỏi cung vàng thấy cảnh đời người lầm than, đau khổ, nhờ quán chiếu hình ảnh của một giọt sương, chiếc lá mà đã tìm ra chánh đạo tạo niềm an lạc phục vụ chúng sinh. Còn hành động cởi chiếc áo long bào của vua Lý-thánh-Tôn, mới ngày nào, đắp lên thân thể đói rét của một kẻ ăn mày, là thái độ trách nhiệm của một nhà lãnh đạo trị nước chấn dân nhờ khi nhìn thấy được hoàn cảnh thực tế dân gian, nổi bất công trong xã hội của mình. Hay nói cho đúng hơn, đây là hành động phản ứng từ tâm của một con người nhân hậu, biết thương xót kẻ nghèo hèn không được định mệnh cuộc đời đãi ngộ công bằng như bao nhiêu kẻ khác.

Trở lại về phần Phật-tử của chúng ta, từ lâu mỗi người đều từng có dịp được làm nhân chứng những hồi kết cuộc về sự công bằng trong nhiều trường hợp khác nhau trong xã hội. Và chúng ta cũng từng nghĩ ngay tới việc tạo phước điền để nhằm tương trợ, xoa dịu những nỗi bất công của đời người. Trong quan niệm này, việc làm của chúng ta từ lâu cũng đã không đi ra ngoài những điều răn dạy thực hành của giáo lý. Tuy nhiên, xét cho kỹ thì chỉ có con số tín đồ tận dụng khả năng tu tập chánh pháp, hoặc kẻ có thiện tâm là có ý chí muốn tự chọn cho mình một *lẽ sống công bằng* trong xã hội.

Đây là một đề tài tranh cãi đầy thú vị, trước những câu hỏi hóc búa được đặt ra ám chỉ vào tính chất bất công mà ở trong xã hội, dân gian lúc nào cũng có. Nhưng trong đạo Phật thì không bao giờ lại có chuyện truy tầm nhận diện kẻ thù, mà chỉ có sự nhìn nhận đến với nhau để cùng chung lau những giọt nước mắt vị mặn giống nhau, bằng những tình thương cùng màu máu đỏ giống như nhau của

chúng sinh. Do vậy, hình ảnh của một người Phật-tử tự chọn cho mình một *lẽ sống công bằng*, không có nghĩa là bắt buộc mình phải dang tay gánh vác vào những trách nhiệm lớn lao nào đó, nhưng lại hoàn toàn không tùy thuộc vào khả năng và tư thế của riêng mình. Ngược lại, *lẽ sống công bằng* mà người Phật-tử sẽ nhìn thấy đó là đức độ vị tha xả kỷ ở trong một tâm hồn cao thượng, vì nghĩa quên mình, không bao giờ có chuyện đấu tranh giai cấp, bán buôn thù hận chỉ càng tạo thêm ra mãi những hố sâu chất chứa khổ đau, oan nghiệt.

Là chúng sinh, ai ai cũng phải bị vướng mắc buộc ràng vào vòng tục lụy với bao điều vận mạng của cuộc đời. Có kẻ say mê quyền lực, có kẻ tham vọng tiền tài, có kẻ đắm chìm trong tửu sắc v.v. Tuy nhiên, chung cuộc thì kiếp phù sinh nào cũng phải tàn, và giá trị nhân cách của cuộc *đời người* sẽ được *người đời* công bằng phê phán khách quan. Nhưng nếu có kẻ thình không mà muốn tự chọn cho mình một *lẽ sống công bằng*, thì cũng không phải là chuyện dễ! Mọi việc tập tành lúc nào cũng phải có bắt nguồn từ bằng những bước khởi đầu, và những việc làm dễ nhất, đôi khi, cũng chính lại là những việc làm khó nhất, ít ai ngờ.

Chẳng hạn như trong lục độ Ba-la-mật gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, mà trong sáu hạnh Bồ-Tát đó, thì *bố thí* được coi như là nền tảng cho các hạnh còn lại. Trên thực tế, *bố thí* chỉ là một hành động tâm thường không hơn không kém đối với tấm lòng của một kẻ phát tâm làm việc nghĩa. Nhưng nếu trong cuộc đời của bạn chưa hề có *duyên bố thí* lần nào, thì thật rất khó lòng cho bạn một khi muốn rút tiền từ trong túi áo đem ra cho một kẻ khốn khổ, bần cùng đang cần ngay đến sự giúp đỡ của bạn thể theo ý nghĩa tinh thần của *"Miếng khi đói, gói khi no"*. Đây là những sự kiện mâu thuẫn tâm hồn thường xuyên xảy ra trong thực tế, và đã từng làm cho nhiều người vốn có thiện tâm, về sau, phải ray rứt ăn năn, hối hận trước thái độ vô tình quay lưng lại trong giây phút rung cảm của mình. Ở đây, tôi xin minh xác với bạn, là những người mà đã từng có tham gia hoạt động dẫn thân vào các công tác thiện nguyện phụng sự xã hội này, bao giờ cũng có lòng tốt. Nhưng dù sao, thì cũng phải nói đây là một dịp *tạo phước bố thí* do phản ứng vô tình tiêu cực của kẻ rất mực từ tâm, từ lâu đã có ước nguyện được chia sẻ định mệnh theo

như ý nghĩa tinh thần của một *lẽ sống công bằng* cùng với bao nhiêu kẻ khác.

Bây giờ, chắc bạn đã nhìn thấy được rõ ràng lộ trình đưa đến cho một hành động gieo trồng cội phước cần phải có hội đủ những điều kiện nhân tố quyện lấy ảnh hưởng cùng nhau như tâm từ-bi, hạnh bồ-tát, nghiệp bố-thí, cộng thêm vào với tinh thần kiên cố của người gắng công tu tập. Và với ước nguyện của người tạo phước muốn được góp phần an ủi nhỏ nhen vào trước những hình ảnh gọi là bất công, đau khổ, mà nếu nói cho đó là một dịp để đầu tư về mối lợi phước báu, thì cũng đúng thôi! Vì đây là một hình thức ý nghĩa trật tự giao tế sòng phẳng, tốt đẹp theo *lẽ sống công bằng* trong xã hội. Vậy bạn đừng ngạc nhiên và coi thường về lời đề nghị đơn giản, về công đức tu tập nghĩa cử từ-bi cao quý này. Ngoài ra, có thể bạn cũng còn biết thêm rằng, từ lâu đã có rất nhiều người từng có tâm hồn cao cả, luôn luôn thường hay có những ý kiến và lập trường bênh vực kẻ nghèo, nhưng chưa bao giờ có được những hành động phát tâm tế nhị, cụ thể trực tiếp để ra tay làm việc thiện. Sự kiện này, giống y như trường hợp của những kẻ có nhiệt tình, đam mê mộ điệu nghệ thuật thể thao bóng đá, mà suốt cả đời của họ, chỉ có những lúc cổ võ ngồi xem từ ở khán đài chứ chưa hề có dịp để bước ra sân cỏ, cho dù khi họ còn có được bản năng bông bột của tuổi thiếu thời.

Tóm lại, việc tạo phước trong đạo Phật có một tầm ý nghĩa thật là quan trọng, đứng ở hàng đầu cho mọi hành động của hàng Phật-tử mỗi khi phải nghĩ tới những công đức cứu độ tha nhân. Và cũng trong ý nghĩa đó, là để mong sao đóng góp phần lợi lạc nhỏ nhen, hầu làm vơi được niềm bất hạnh của những con người không may mắn. Kế đến, là muốn có dịp để chúng tỏ tấm lòng từ thiện của mình. Là người Phật-tử, chúng ta luôn luôn bao giờ cũng đứng về phía bên lề ranh giới của một xã hội cùng có được những con người cao quý, rộng lượng và ý thức nhiều về nhân ái, tình nghĩa, bao dung trong một *lẽ sống công bằng*.

Ngày nay, đạo Phật có được ảnh hưởng thịnh hành tràn vào xã hội Âu-Mỹ là do công lao của bao hàng tăng lữ đi trước như Nhật-Bản, Tây-Tạng và nhất là của các vị thiền sư Việt-Nam hải ngoại (nói riêng) sau này đã dày công tạo dịp. Và người ta cũng có thể nói thêm rằng, số dĩ đạo Phật được hân hoan đón chào ở ngay trong lòng

của các lực địa này, như vậy, cũng là nhờ do qua sự truyền đạt trung gian của những thành phần trí thức dân gian bản địa tiếp cận trước tiên bằng con đường dịch thuật, nghiên cứu những khái niệm về nền tảng triết lý của Đông phương. Trong đó, tính chất của Phật-giáo được coi như là một đạo có học thuyết căn bản dùng để làm biểu tượng mô tả tinh thần văn hóa hồn thiêng thích hợp của con số đông người. Hơn thế nữa, từ lâu nhà khoa học Albert Einstein, giải thưởng Nobel vật lý học, sau khi bỏ ra rất nhiều thì giờ để dày công nghiên cứu tường tận về nguồn gốc của đạo Phật, thì đã để lại cho lịch sử khoa học tôn giáo bằng những lời phát biểu ý kiến chắc nịch như sau:

- Nếu có một tôn giáo nào ứng phó được với các nhu cầu của nền khoa học hiện đại, thì đó chính là Phật-giáo.

Ngoài ra, sự tán dương đó còn cho phép chúng ta nhìn thấy được rõ ràng hơn là sự hiểu biết giới hạn trước đây của phương Tây. Từ lâu, vô tình họ đã bị đóng khung vào trong tầm nhận thức chủ quan về hình ảnh một tôn giáo vốn có ảnh hưởng vào đời sống tâm linh đa dạng của con người. Chính vì vậy, mà bây giờ họ lại bắt đầu nhiệt liệt dễ dàng chấp nhận vòng trật tự giao lưu của một nền văn hóa chuyên chở bản sắc tinh thần tôn giáo mới. Một tôn giáo với lời kệ kinh thuyết giảng, răn dạy hiền từ mà có khả năng khắc phục được tình cảm con tim của họ lấy đó để làm phương tiện chuyển hóa tâm linh. Họ, nhờ qua sự mục kích rõ ràng về những điều ứng nghiệm hiển linh xảy ra thực tế, do từ tác dụng ảnh hưởng của sự công bằng, trước sau, không thể không có xảy ra trong cuộc đời. Do vậy, không một chút do dự, họ - một số không nhỏ - khẳng định cho rằng *lẽ sống công bằng* trong đạo Phật đã thực sự có ảnh hưởng tác dụng vào tinh thần khoa học cho chính họ, và trải dài ra cho cả xã hội đương thời...

Sau cùng, xin góp lại niềm tin vào lời vinh danh như trên đã nói, đạo Phật của chúng ta ngày hôm nay sẽ là một *đạo bình dân của con số đông người*, vậy chúng ta có bốn phận hãy đến cùng nhau để chan hòa hạnh phúc, để mưu làm mới lại hết thảy cho cuộc đời an lạc. Và, hơn thế nữa:

- Nếu mọi người đều *có* được một tinh thần tôn trọng *lẽ sống công bằng* trong xã hội thì chính bạn, tại sao không ?

(10-5-2003)

Tin về sinh hoạt hội tình thương / Đức quốc - cứu trợ thương phế binh Quân lực VIỆT NAM CỘNG HÒA



Ngày 26 tháng 4 vừa qua, Hội Tình Thương / Đức Quốc- Cứu Trợ Thương Phế Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã họp thường niên để tổng kết sinh hoạt trong năm qua, chuẩn bị cho những sinh hoạt sắp tới, và bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 2003-2004.

Trong năm qua, Hội TT/ Đức Quốc đã tổ chức Ca Nhạc Tình Thương, để quyên góp cứu giúp cho anh em TPB tại quê nhà. Cùng với sự ủng hộ của ân nhân từ khắp nơi gửi về với tổng thu là: 19.382, 58 €. đã gửi về giúp đỡ Anh em TPB tất cả là 314 người với số tiền 17.923, 81 € kể cả cước phí.

Phần bầu lại Ban Chấp Hành, toàn thể Hội Viên đồng ý lưu nhiệm Ban Chấp Hành cũ. Và, dự định sẽ tổ chức Đêm Ca Nhạc Tình Thương 3 vào tháng 11 năm nay 2003.

Cũng trong buổi họp này, Hội đã cứu xét thêm 19 Hồ sơ, trong số này Anh Chị Trần Duy Hoành nhận một Hồ sơ gửi trực tiếp cho một Thương Phế Binh.

Những Tấm Lòng Vàng

Tiếp Theo:

Bà Nguyễn Thị Trí (France) 150€. Anh Nguyễn Văn Các (France) 30€. Cô Nguyễn Anh Thư (Kalsruhe) 40€. Ông Nguyễn Linh (Elluangen) 60€. Ông Phan Bá Mật (Liège/Belgique) 50€. Ông Trần Văn Sáu 50€. Ông Hà Đăng Kiếm (Madrid) 30€. Ông Lê Hồng Đức 10€. Quầy Hàng Tình

Thương Chùa Viên Giác 100€. Ông Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 10€. Ông Lê Quang Anh (Vechta) 20€.

Danh Sách Phế Binh Nhận Tiền (theo giấy hồi báo do PB ký nhận) tiếp theo:

• **Sài Gòn:**
Ng. Văn Viễn nhận 2.000.000đVn.
nhận 1.000.000đVn: Dương Văn Chiến, Đinh Như Trung, Ng. Bá Vận, Ng. Văn Tuấn.
nhận 817.000 đVn: Đặng Văn Lục, Trần Văn Trung, Ng. Văn Đương, Ng. Văn Nguồn.
nhận 500.000đVn: Ng. Tân Bùi, Hồ Văn Mão. Đặng Xuân An 825.000đVn.

• **Bà Rịa - Vũng Tàu:**
Trần Văn Can 825.000đVn.

• **Bình Dương:**
nhận 817.000đVn: Ung Văn Đông, Ng. Văn Côn.

• **Bình Định:**
nhận 817.000đVN: Nguyễn Lan, Nguyễn Phú.

• **Đồng Tháp:**
nhận 825.000đVn: Phạm Văn Hai, Lê Văn Thắng.

• **Quảng Nam:**
Phan Tấn Thanh 825.000đVn.

• **Quảng Ngãi:**
nhận 825.000đVN: Trần Ban, Trương Hồng Minh, Lê Tạo, Trần Hoa, Bùi Phụ Cơ, Ng. Tấn Văn. Ng. Hữu Đức 817.000đVn.

• **Tiền giang:**
Trần Văn Đăng nhận 825.000đVn.

Địa chỉ liên lạc

1. Ông Nguyễn Thành Nam,
James F. Byrnes 44 -
70376 Stuttgart. Tel. 0711/244927

2. Ông Nguyễn Văn Tộ
Schaeffleweg 33,
72766 Reutlingen, Tel. 07121/46510

3. Ông Nguyễn Tiến Hóa,
Konto Nr. 0305459700,
BLZ 64080014,
Dresdnerbank Reutlingen

(vh trần ghi.)

Hát ru tiếng Mẹ, lòng Bà về những lời Ru Việt Nam



Vũ Hào

TỰA ĐỀ

Nhớ những lần xuống các Chi-hội, Thầy Bồn-sú Thuộng-tọa Viên Giác thường nhắc phải lo tổ chức cho các em học nói tiếng Việt. Chính Thầy viết rất nhiều và báo Viên Giác do Thầy chủ biên cũng là báo rất chuẩn mực về văn phạm tiếng Việt. Điều này càng nghĩ càng thấy không phải giản đơn. Người Việt nói, viết tiếng Việt như mọi giống hũu tình dùng không khí mà không cần biết nó giá trị thế nào. Không biết rằng để tồn tại như một con người, có tiếng nói để thông tin, có chữ viết để suy nghĩ, Cha Mẹ chúng ta đã dành cho ta bao nhiêu công sức, tháng năm. Cái đau khổ suốt một đời của các đấng sinh thành chính là việc con cháu thiếu, kém khả năng nói, viết. Chính là Cha Mẹ chúng ta lo cho chúng ta được sống làm người trong dòng Việt-tộc. Và tự nhiên tôi hiểu ra cái ý nhấn nhủ trong câu ca dao:

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hớn.

Ao ta đây chính là nền văn hóa vĩ đại của Dân-tộc Việt Nam. Cha ông ta khiêm tốn nói nó có trong, có đục. Nhưng chúng ta hiểu rằng, với nền văn hóa này, Dân-tộc Việt Nam đã tồn tại và phát triển theo thời gian, cùng với bao dân-tộc khác. Và để trao lại cái vốn sống vô giá đó cho con cháu, Dân-tộc ta có những ông thầy đồ cầm roi và có những người bà, người mẹ hát Ru. Ở một khía cạnh nào đó, tôi có thể nói rằng: Giáo lý Bụt-đà đến với tôi qua những lời Ru, những câu chuyện kể của Bà tôi của Mẹ, Cha tôi.

Tôi viết những dòng này để nhớ lại những lời Ru đã được nghe từ thuở ấu thơ, đã được nghe nhiều lần trong cuộc sống và cũng là để ghi công ơn Cha Mẹ, Ông Bà, ghi ơn Thầy Bồn-sú, ghi ơn Dân-tộc. Phần lời Ru, tôi có ước muốn sưu tầm lại những lời Ru của khắp miền đất nước, nhưng vì điều kiện thời gian và tài liệu quá thiếu nên kết quả thật nghèo nàn; Mong được quý bạn đọc giúp đỡ, trao đổi bổ sung.

- I -

Ai đó (1), viết rằng:

Dẫu cho đi hết một đời,

Cũng không đi hết những lời mẹ ru.

Tiếng Ru của người Mẹ đã đem lại những gì, để lại những gì mà có giá trị trường cửu như vậy đối với mỗi con người Việt Nam, và nói chung đối với mọi con người trên thế gian này ?

Càng ngày càng có nhiều người quan tâm đến tiếng Việt, chữ Việt và nhất là quan tâm đến những tiếng hát quê hương, những lời Ru của Mẹ. Ở nước ngoài: đương nhiên, nhưng ở trong nước cũng thế. Đó là một điều lành mạnh và đáng làm: Hãy trả lại Cesa những gì vốn thuộc về ông!

Nhớ về tiếng hát, lời Ru là nhớ về thời niên thiếu. Con người có một đặc điểm giống nhau là càng đi xa quê hương bao nhiêu thì càng thương nhớ nơi mình đã được sinh ra và khôn lớn; Cùng với tháng năm, khi tuổi càng cao, người ta càng da diết nhớ về tuổi trẻ: nhớ hàng cau, gốc mít, thương hình ảnh Mẹ Cha lam lũ, tảo tần ... Và khi trong ký ức hiện lên vật này: Cái Vồng, lòng ta lại thấy tuôn trào như suối: những lời Ru !

Tôi góp nhặt lại những lời Ru mà mình đã nghe và còn nhớ được cùng

những nghĩ suy bọc khời trong lòng; Chỉ là để cho tôi thôi, nhưng nếu bạn đời đọc được thì xin coi đây là những điều tâm sự.

Tôi cố viết cho có thứ lớp, nhưng cơ bản vẫn là viết theo cái cách trái tim mình mách bảo; Ý lộn xộn ư? Văn chẳng xuôi ư? Thì cứ xin quý vị "đại xá", xin tha nhân rộng lượng chỉ bày!

- II -

Như thông thường, người ta thường xem xét một thể loại văn-học hoặc nghệ-thuật theo hai phương diện: Hình thức và nội dung. Chúng ta sẽ thấy, trong Ru, hai phương diện này gắn bó với nhau cực kỳ chặt chẽ. Không công nhận điều đó sẽ không thể giải thích những trường hợp tưởng như phi lý tồn tại trong thể loại này. Chúng tôi xin nêu lên một số nhận xét về hình thức của Ru là điều dễ nhận ra hơn cả và sau đó sẽ tìm hiểu thêm nội dung một số lời Ru.

Nói về hình thức của Ru có thể trình bày ngắn gọn như sau: Ru dùng thơ lục-bát làm lời và sự rung động của tâm hồn làm nhạc điệu. Trên cái nền nhạc điệu ấy, Ru tiếp nhận cả song-thất-lục-bát hoặc biến thể dài ngắn khác nhau, nhưng cái khung lục-bát thì phải được bám sát vào.

Có người nhận xét như sau: "Phần lời ru lớn nhất ... lấy những bài ca dao từ 4 câu trở lên. Ít dùng loại ca dao 2 câu vì đang hát, vừa hát đã hết hay bị hẫng" (Trần Ngọc Thụy). Chưa thấy tác giả của nhận xét trên lý giải thêm: Hẫng thế nào? Vì sao mà hẫng ? Nay xin trình bày thiển kiến của người viết.

Ru là một **dụng** của **thể** lục-bát, mà lục-bát là tinh túy của dân Việt. Lục-bát có từ bao giờ và đã hình thành như thế nào là vấn đề xin dành cho những nhà nghiên cứu lịch sử văn học. Chỉ biết lục-bát thành văn và được đi sâu nghiên cứu, vận dụng bởi tác giả Việt Nam Quốc-sử Diễn-ca (Lê Ngô-Cát và Phạm Đình Toái) và biến thể của nó (song-thất lục-bát) bởi tác giả Chinh Phụ Ngâm Diễn-âm Tân-khúc (Phan Huy Ích): Phan Huy Ích làm cho thể loại này định hình với khái niệm Liên của mình. Ông gọi 4 câu thơ liền nhau của song thất lục-bát là một liên. Tôi thấy phát hiện này có một ý nghĩa rất lớn đối với thơ, nhất là thể lục-bát và song-thất lục-bát, nên đã cố truy tầm cho nó một lý giải, nay xin đưa ra đây để quý vị

rộng bàn. Thơ Á-đông lấy 7 chữ làm một câu. Con số 7 có ý nghĩa rất quan trọng trong tâm thức nhân dân, đạo Phật cho nó là số của thành tựu, Lịch-học cũng lấy làm đơn vị thời gian (1 tuần lễ). Nhưng thơ nói chung ít nhất phải có 4 câu (theo luật Phá-Thừa-Luận-Kết) là vì sao? Chúng ta thấy dùng đủ 4 câu thì ta có 28 chữ và con số 28 này cũng được dùng nhiều với ý nghĩa đặc biệt. Thế thì 28 chữ này và 28 ngày của một tháng mặt trăng (Âm lịch) có quan hệ gì không? Tôi tin là có. Mặt trăng quay quanh trái đất với một chu kỳ khá đều đặn; Vẽ độ tròn khuyết của mặt trăng theo thời gian ta được một biểu đồ lượn sóng (*hình sin*) lặp đi lặp lại và vô tận. Tương tác Mặt Trăng - Trái Đất cũng làm nên những biến chuyển hình sóng tương ứng trong cơ thể và tâm hồn con người. Thơ văn vốn được coi như điệu-thức của tâm hồn con người thì làm sao không chia sẻ những rung động kia của trời và đất? Con người vốn sinh ra từ tự nhiên và cũng từ việc học tự nhiên mới trở thành người văn-minh được! Hai mươi tám được chia làm đôi rồi làm bốn. Tờ ra hai ngả Lịch-học và Thi-học ta đều thấy cái dụng của nó. Thơ Đường phát triển lên thành 8 câu (bát-cú) nhưng cũng không ra ngoài cái khung 4 vế. Sự phát triển này là tự nhiên và không phải khó hiểu, cũng như thơ lục-bát được biến thể đi để dùng cho linh động. Trí thức con người vận động theo quy luật nhưng bản thân nó cũng có một sự tự do nhất định. Tóm lại, một liên 28 chữ, 4 dòng là một tối thiểu hoàn chỉnh của thơ lục-bát và các biến thể của nó; Làm cho đủ một cái hoàn chỉnh thì không bị hẫng. Xét trở lại các truyện thơ nổi tiếng như truyện thơ Thạch Sanh, Nhị Độ Mai, Truyện Kiều v.v... ta thấy phần lớn các đoạn 4 câu (1 liên) đều chứa đựng ý nghĩa trọn vẹn. Và cũng như Hằng Nga: sau một chu trình thì bắt đầu một cái mới, vẫn điệu khúc như xưa mà thực ra là rất khác; Không có cái mới nào giống y hệt cái đã qua!

Nói về Câu cũng xin nêu thêm một nhận xét nhỏ sau: Một câu *lục-bát* gồm hai vế: *lục* và *bát*; Nhiều người cho dòng là câu thì không phải. Một *lục* hay một *bát* đứng riêng ra thì không là gì; Nếu khi nói, người ta chỉ dùng một vế thì người nghe mặc nhiên hiểu là vế kia cũng được nhắc theo.

Sau đây chúng ta sẽ đi sâu vào nội dung một số lời Ru.

- III -

Có nhiều lời Ru rất phổ thông và dường như đã trở thành kinh điển. Trước hết ta xét hai câu Ru sau:

*Em tôi buồn ngủ buồn nghệ,
Buồn ăn cơm nếp, cháo khê, thịt gà ...*

Tôi từng nghe câu này từ thuở ấu thơ. Chữ *khê* thông thường có nghĩa là cháy: Cháo bị cháy hay bị bén (nghĩa là đun quá lửa, hoặc không được khuấy luôn tay cho nhiệt phân tán đều ra) thì gọi là *khê*. Toàn bộ nội dung câu ru là hợp lý, nhưng chữ *khê* thì nghe có vẻ vô duyên. Khi lớn một chút, được đi chợ huyện với chị tôi (*Chợ Huyện một tháng chín phiên, Có cô hàng xén kết duyên bán hàng ...*), tôi mới biết có loại cháo nấu bằng *hạt kê*, phết lên bánh đa mà ăn thì ngon lắm. Thế thì đúng ra ở đây phải là *cháo kê*. Tôi yên chí là mình đã tìm ra chân lý và rất thông cảm với trình độ những người thân của mình vốn là những kẻ chân quê! Nhưng rồi đến mãi sau này được nghe nhiều người ru lại vẫn câu ru ấy, vẫn chữ "*khê*" ấy, thì tôi thấy phải xét lại mình. Phải xét lại vì cũng có nhiều người nghe mà không ai phản đối hay đính chính mà đều đồng tình tán thưởng. Vì sao vậy? Và tôi hiểu ra rằng, khi nghe Ru, người ta đi vào một thế giới khác: Có thể gọi đó là thế giới của âm điệu, của tâm linh. Trong lời Ru trên, hai chữ nối vần nhau (mấu chốt của thơ lục-bát) là *nghê* và *khê* (hay đúng ra là *kê*). Chữ của câu lục là chữ theo vần kép: *ngh*. ; Để cho chỉnh vần, người ru đã chọn giải pháp đối vần: chuyển *kê* thành *khê* cho có cùng vần kép *kh*. Tôi thử đi thử lại thì thấy câu ru mềm đi hơn, nhuần hơn. Nếu sửa chữ của câu sáu, chữ *nghê* thành *bê* hoặc giản đơn thành *ê* chẳng hạn, câu ru cũng có vẻ nhuần nhưng sự vô lý ở đây sẽ vượt quá ngưỡng cho phép nên chẳng ai dùng (2)!

Trường hợp câu ru về con cò cũng có hai phiên bản mà tôi được biết, một:

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao;
Ông ơi, ông vớt tôi nao,*

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng;

*Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Và hai:
*Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm nhào cổ xuống ao;
Ông ơi, ông vớt tôi vào,
Ông nỡ lòng nào, ông lại xào măng;
Cò xào thì xào nước trong,
Đừng xào nước đục đau lòng cò con.*

Cũng như trường hợp trên, lời thứ nhất được ru rất nhiều trong khi lời ru thứ hai đã được chọn trình bày trong băng hình Những Ca Khúc Vượt Thời Gian. Lời ru thứ nhất có thể được giải trình như sau: Trong một phiên xử kiện con cò và người cứu nó, người ru là người làm chứng, nói: Con cò kia, mà đi ăn đêm, mà lộn cổ xuống ao ... Phần sau, người ru trình bày lại lời mặc cả của con cò với người đã cứu mình v.v... Lời ru này dùng chữ *xáo măng* là rất chính xác. Lời thứ hai trau chuốt hơn với hai chữ *cái cò* rất dễ thương. Toàn bộ không có gì gay gắt như lời một, chỉ là lời cò than van và trần trối lại: Ông đã cứu tôi khỏi chết, sao nỡ giết tôi? Tôi có con nhỏ, xin hãy nghĩ đến nó mà xử cho có tình v.v... Có thể cái con người cứu cò kia nghĩ lại và dùng nước trong để nấu cháo con cò. Tôi không tin là như thế, những cò con đang bơ vơ nơi tổ chờ ngóng mẹ sẽ bớt đau lòng. Tôi chỉ thấy cái cảm giác xát muối trong dạ mỗi lần nghe lời ru ấy!

Nhân nói đến *Cái Cò* cũng phải nêu lên là hình ảnh này được nhắc đến rất nhiều trong Ru cũng như trong văn học dân gian như ca dao, tục ngữ ... với tình cảm thật là triu mến và cảm động. Ấy là vì trong xã hội nông nghiệp ngàn đời nay của dân Việt, *cánh cò bay lả bay la* là một hình ảnh không thể thiếu trong bức tranh đồng nội. Con Cò, như được mô tả phần nào trong lời ru vừa nêu trên, là hình ảnh chịu thương chịu khó và vô cùng nhân hậu; Nhớ lại câu chuyện về người nông dân và con cò đọc từ thời niên thiếu, tôi thấy còn dậy lên cái cảm giác bùi ngùi khi hai nhân vật này phải chia tay nhau; Và tự nhiên tôi thấy giảm đi rất nhiều thiện cảm của mình khi nghe lại bài hát gần đây người ta viết về con cò:

Con cò bé bé, nó đậu cành tre, đi không hỏi mẹ ... Người viết muốn vận dụng một hình ảnh rất phổ biến là con cò để đưa vào nội dung giáo dục trẻ em của mình. Nhưng mô tả loài vật với những khuyết điểm, dù nhỏ, mà nó không có cũng là một sự bất công. Việc con người dùng hình ảnh các con thú khác để mô tả những tính xấu của người mình không ưa, tôi cũng cho là một điều thiếu văn-hóa. Nếu con người nêu ra và tranh đấu cho **nhân quyền** thì cũng nên nghĩ đến **thú quyền** hay **vật quyền** nữa. Đây không phải chuyện chữ nghĩa đơn thuần mà là một sự thực: Con người sống trong một tổng thể cân bằng và sự mất cân bằng sẽ làm tổn hại đến mọi thành viên trong đó có con người. Hãy coi người ta dùng các phương tiện kỹ thuật để tăng năng suất lúa (hóa chất chẳng hạn) đã làm hại đồng ruộng thế nào: những sinh vật nhỏ không còn nữa, cánh cò vắng dần trên đồng lúa, và sâu rầy thì có dịp sinh sôi ... Nhưng thôi, chuyện này không còn trong *khung* Ru nữa mặc dù Ru cũng bao gồm những điều vừa nói và thực ra còn rộng lớn hơn nhiều: Ru là nhân cách, là đạo lý, là văn-hóa!

Một bài ru khác cũng rất nổi tiếng:
*Bồng bồng mẹ bế con sang,
 Đò dọc quan cấm, đò ngang quan
 chèo;
 Muốn sang thì bắc cầu kiều,
 Muốn con hay chữ phải yêu lấy
 thầy.*

Đây là lời ru cực kỳ khéo, không phải ai cũng hiểu hết ý của người đặt lời: Rất nhiều người trích hai câu sau làm phương châm cho cuộc sống. Bản thân tôi cũng từng tin như vậy. Nhưng rồi mỗi lần đọc lại, cứ thấy có cái gì vương vướng. Chính là bởi hai chữ *phải* và *lấy* ở câu cuối: *Yêu mà phải* thì cơ cực, còn chữ *lấy* thì chua xót lắm. Tôi vốn giữ lòng kính trọng đối với những người đã dạy mình, dù ít dù nhiều. Mà trong văn học dân gian, câu này là một trong những câu hay nói về người Thầy. Chắc nhiều người cũng nghĩ như thế nên cắt riêng hai câu cuối ra và sửa đi chút ít: *Muốn con hay chữ thì yêu kính Thầy*. Cũng coi như là được đi nếu bỏ qua những tiểu tiết như chữ *thì* được lặp lại ở hai câu, rồi cả *yêu* lẫn *kính* xếp cùng một chỗ v.v...

Trở lại lời Ru: Cái khéo ở đây là sau khi tả cảnh quan cấm đò, tác giả

đề nghị một giải pháp: *Muốn sang bên kia sông thì bắc cầu mà đi*. Cái thể của thơ vẫn là thế, vô tội! Nhưng nghe hoài rồi thì thấy cái gì đó u uẩn, không an: *Làm sao đang bế con sang sông lại nghĩ đến chuyện yêu lấy thầy? Cái cầu kiều và chuyện con hay chữ thì liên quan gì đến nhau? Thực ra lời ru rất chặt chẽ và hợp lý: Người mẹ bế con nhỏ (còn chưa đi học!) về thăm cha mẹ bên kia sông (Có lấy thì lấy cách sông!). Thấy cảnh đò bị cấm (mà ông quan cấm đò chắc không phải người xa lạ, có ẩn tình gì ở đây chẳng?), người mẹ không qua sông được, ngồi nghĩ về cơ ngơi nhà cửa của cái ông quan này: Nhà sang lắm, có ao thả cá, có cầu rữa chân v.v... Cầu kiều là thứ cầu các nhà quan xây cho sang như ông Tào Tháo bên Tàu xây tới hai cái cầu lặn, nối liền hai cái hồ để mà chơi!... Nhưng muốn thế thì phải làm quan, phải cho con đi học chữ, tức là *phải yêu lấy thầy!**



Về chuyện làm quan cũng phải nói thêm rằng nó vốn là một ước mơ không phải nhỏ và không phải không chính đáng. Những người theo thuyết luân-hồi cho rằng người được làm quan là do phước lộc các kiếp tu hành trước mang lại. Người thì cho là do sự nỗ lực của bản thân trong tu dưỡng tài và đức, nhưng cũng có người cho là phải có một lý lịch gia đình thế nào đấy để tổ chức tiện sắp xếp. Quan thì mới sang, mới làm được những điều mình muốn. Ông Nguyễn Bính là một nhà thơ tình, khi thất tình ông nói giổ thế này:

*Mấy khoa thi cuối thầy ỏi,
 Thầy không thi đỗ để rồi làm
 quan;
 Để rồi lắm bạc nhiều vàng*

...
 Ta biết ông nói giổ như vậy trong cái lúc bị phụ tình vì chính ở mấy dòng trên đó, ông rất hiểu gia cảnh ông và cuộc đời ông:

*Còn tôi sống sót là may,
 Mẹ hiền mất sớm, trời đây làm thơ*

...
 Một người chan chứa tình cảm như thi-sĩ Nguyễn Bính không bao giờ trách giận cha, ông; Nhưng cái kiểu nói giổ, nói lầy, nói quá lên ta gặp nhiều ở thơ ông và việc *làm quan ... lắm bạc, nhiều vàng* cũng khá gần sự thật.

Trên đây là đôi bài trong nhiều bài Ru quen thuộc mà ai cũng từng nghe nhiều lần trong đời: nằm trong nôi, nằm trên chõng tre mà nghe, ngồi đầu đò mà nghe một người mẹ ru con, tự ru thăm trong lòng cho mình để mà suy ngẫm; Và cứ mỗi lần như vậy, ta lại thấy sáng ra một điều gì đó. Thế nhưng có những lời ru ta rất thích nghe, mà nghe mãi rồi vẫn không biết hiểu sao cho phải. Bài *Thằng Cuội* chẳng hạn: *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa thì đúng rồi; Nó bỏ trâu ăn lúa cũng còn hiểu được*. Nhưng cha nó *cắt cỏ trên gò* và mẹ nó *cưỡi ngựa đi mời quan viên* thì là thế nào? Cứ như thách đó, buồn đến bực mình, mà cứ muốn nghe, thích nghe! Tôi nghe đến chữ *trên gò* thì lòng rạo rức lên, cảm giác nóng ran truyền ra khắp người; Là vì chữ *gò* (bây giờ nói là trời) là chữ của một thời: thời thầy mẹ tôi viết và nói như vậy, thời quanh quanh những năm 50 đấy.

Chỉ có những lời Ru mới giữ lại cho ta những gì tưởng đã trôi qua; Ta cảm ơn người nghệ-sĩ đã thấu hiểu điều đó và làm sự sống những lời Ru còn mãi với thời gian.

- IV -

Nhưng nhiều khi không chỉ có lời ru không cần giải thích. Có những bài nghe ai đó ru, ta tự hỏi: sao lại ru con như thế? ru để làm gì? trẻ có hiểu không? Nghĩ trong lòng như vậy thôi, nhưng không thể hỏi được: Người ru kia đang say sưa như ru mình, ru cho mình, nói lòng mình.

Tôi từng nghe Thầy tôi ru em bằng bài Khóc Dương Khuê:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây tan tác, ngậm ngùi
lòng ta ...*

Tôi đã ở cái tuổi hết được bế ru, ngồi nghe như vậy và nghĩ: Bác Dương nào nhỉ? Bác đã đến chơi nhà mình lần nào chưa? v.v... Tha thần nghe, tha thần nghĩ như vậy cho đến khi em tôi ngủ lúc nào, Thầy tôi đặt em nằm rồi đi làm gì ở đâu tôi cũng không biết. Còn tôi thì chạy đi chơi, quên bẵng luôn đi, quên tịt hết những cái vừa diễn ra trong đầu mình! Bây giờ Thầy tôi mất rồi; Nhớ lại những ngày ấy, tôi mới hiểu ra rằng Thầy tôi thường ru bài này có lẽ vì trong đó có những câu:

*Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng chi đã mãi lên tiên ?
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua, không phải không
tiền không mua ...*

Là nghĩ vậy thôi chứ không dám đoan chắc. Tôi đã hiểu cuộc đời của Thầy tôi, nhưng e đi hết cuộc đời này, không biết mình có hiểu hết được lòng Người không, kể cả những điều Người thường gửi gắm trong những lời ru !

Trạng huống Ru như trên không phải cá biệt nếu chưa nói là phổ biến. Người ta ru cả một trường đoạn Truyện Kiều trong đó Thúy Kiều nhờ cậy Thúy Vân thay mình trả nghĩa chàng Kim để được nhắc đến câu:

*Trăm năm chắp mối duyên thừa
cậy em !*

Người ta ru đi ru lại *Thề Non Nước, Lữ Bức Sang Ngang ...*

Và như thế, người ru tự đưa mình đến trạng thái cộng hưởng của tâm hồn và thể xác. Lúc này người mẹ ru con và đứa trẻ trong lòng đã hòa thành một khối và lời ru như một thứ chân khí truyền từ người mẹ sang con. Tác dụng của Ru không chỉ nằm trong lời của nó; Nó được truyền cùng hơi ấm của vòng tay ôm ấp, cùng nhịp đập của trái tim người ru (thường là người mẹ) và đứa trẻ chìm vào giấc ngủ như chìm vào một giấc thôi miên. Mà thực sự đó là một kiểu thôi miên (3).

Cứ ru, cứ nghe, không phân trần, lý giải; Lời Ru in vào trí, thấm vào tâm thức, không rời khỏi ta trong suốt cuộc đời. Lời Ru vỗ về, lời Ru thôi

thức, lời Ru góp phần tu chỉnh đời ta. Cho nên, về một mặt nào đó có thể coi những bài Ru như một thứ kinh cầu hay chú nguyện .

- V -

Có một câu tục ngữ nói rằng: Cuộc đời thì tiến lên trước theo năm tháng, còn kiến thức của ta thì lùi lại phía sau. Ý là con người muốn hiểu cuộc sống thì phải biết nhìn lại đời mình.

Ai nhìn lại thời thơ ấu cũng thấy lòng mình xao xuyến, cũng ước mong được về lại tháng năm xưa, để nhỏ bé lại mà cuộn tròn trong lòng Mẹ, để được ngủ vui trong những lời Ru. Nhưng Bà ta, Mẹ ta đâu còn nữa! Ngày Người ra đi hoặc ta còn quá dại khờ (*Bà chết cháu được ăn xôi ... !!!*), hoặc ta còn mãi ngược xuôi bươn chải với đời, bóp trán vò đầu vì sự nghiệp! Ta chẳng biết rằng, từ phút giây Người ra đi ấy, lần thứ hai ta từ giã nguồn nhau! Lần đầu, khi cuống nhau được cắt, ta chào đời bằng tiếng khóc u ơ. Lần sau, khi Người trở về cát bụi, ta khóc thương Người mà cũng là khóc cho côi cút cuộc đời ta!... Ta chẳng biết trong phút giây đau đớn ấy, Người còn ưu tư cho ta biết nhường nào. Hôm nay, tóc đã pha sương, nhìn lại: Hình Mẹ ta hiện lên lồng lộng giữa đất trời! Và ta hiểu rằng ta chưa từng ra khỏi bàn tay kia, tấm lòng kia: Tấm lòng Người Mẹ!

*Chín tháng mang nặng đẻ đau,
Ba năm bú mớm, cù lao chuyên
cần ...*

*Qua ba tháng biết lẫy, bảy tháng
biết bò, chín tháng lò dò biết đi...
Qua một năm tuốt mọc răng, hai, ba
năm tróc ló... người Mẹ trông cho con
tới sáu tuổi để đi trường:*

*Khó đi mẹ dẫn con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường
đời !*

Giáo-dục học xác định (4): Trẻ em cho đến 6 tuổi, nếu thông thạo ngôn ngữ nào thì ngôn ngữ đó là tiếng mẹ đẻ của nó. Điều khẳng định này không cần giải thích vì chữ **Tiếng-Mẹ-Đẻ** quá đầy đủ. Nếu cần nói cách khác cho khó hiểu hơn thì có thể nói như sau: Mỗi người có một ngôn ngữ gốc là thứ tiếng nơi người đó được truyền dạy từ lúc lọt lòng và tới 6 tuổi là tuổi đi trường thì dùng nó một cách thành thạo.

Tiếng nói - Cái thứ xác định ta là một con người, cái thứ không có nó ta không sống trọn một đời - đã được Mẹ trao lại cho ta như thứ của hồi môn vô giá.

Nước nào cũng gọi tiếng nói cả Dân-tộc mình dùng là Tiếng-Mẹ-Đẻ; Người Mẹ nuôi con lớn lên bằng bầu sữa của mình; Nhưng người Mẹ cũng nuôi con lớn lên bằng ngôn từ, bằng biển sóng tình cuộn chảy từ những lời Ru.

• CHÚ THÍCH

(1) *Ai đó* ở đây chính là nữ-sĩ Xuân Quỳnh và hai câu thơ trên là trong bài thơ *Chị* viết ở Linh Nam năm 1967. Biết được như vậy là do gần đây được đọc tập thơ của Chị do một người yêu thơ cho mượn xem; Và như vậy tức là tôi đã đọc bài thơ này từ khi nó được đăng lần đầu trên báo Văn Nghệ. Câu thơ để lại dấu ấn trong tôi trong suốt thời gian dài dù tôi đã quên hết bài thơ, quên cả tên tác giả. Nay những điều đó đã tìm lại được rồi nhưng tôi vẫn giữ đoạn mở đầu trên và viết thêm lời chú này để giữ lại một kỷ niệm về thơ.

(2) Việc thay đổi từ ngữ từ nguyên thủy đến hiện thời ta có thể thấy nhiều trong tiếng Việt. Ví dụ câu tục ngữ rất phổ biến là:

Của người (thi) bỏ tạt, của mình (thi) lạt buộc.

Theo một ý kiến mới đây, mà tôi cho là có lý, thì nguyên gốc là:

Của người thi bỏ tạt, của mình thi lạt buộc.

Tiếng Việt có nhiều âm tiết, người Việt chuộng cái hài hòa, uyển chuyển trong ngôn ngữ (cái hồn của thi ca, nhạc khúc?):

*Chim khôn hát tiếng rảnh rang,
Người ngoan nói tiếng dịu dàng
để nghe.*

Ban đầu người ta tạo ra tiếng để diễn nghĩa, sau người dùng sửa đi cho đẹp hơn theo ý mình; Sự sửa đó được cộng đồng chấp nhận rồi theo thời gian, nghĩa gốc bị quên đi. Quá trình này không chỉ có trong tiếng Việt. Thầy dạy ngoại ngữ của tôi đã nói: *Ngôn ngữ là sinh ngữ*; Tiếng nói có cuộc sống, có lịch sử riêng của nó; Việc này xin dành cho các nhà ngôn ngữ học.

(3) Ngâm thơ có tác dụng trị liệu đối với một số bệnh - Đó là kết luận của các nhà bác học. Thông tin này được đăng tải trên Internet của VNN, tiếc rằng tôi không còn giữ được bản tin này; Ở đây chỉ xin lưu ý là tác dụng của hát ru cũng như của ngâm thơ là rất lớn trong việc (sửa) chữa bệnh và hình thành nhân tính của mỗi con người.

(4) Đây là ý trong bài giải đáp khoa học trên báo Phụ Nữ Việt Nam của một nhà khoa học giáo dục nữ.

Phụ lục I Những Khúc Hát Ru Quen Thuộc

1.
Cho dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh khó đi;
Khó đi mẹ dắt con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.

2.
Bồng bồng mẹ bế con sang,
Đò dọc quan cấm, đò ngang quan chèo;
Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy.

3.
Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô-thị, có chùa Tam Thanh;
Ai lên xứ Lạng tìm anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em .

Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mãi vui quên hết lời em dặn dò;
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương...

4.
Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ời ời;
Cha còn cắt cỏ trên gò,
Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.

5.
Bồng bồng công chòng đi chơi,
Ra đến chỗ lội đánh rơi mất chòng;

Ai có thương (thì) cho mượn
(chiếc) gầu sòng,
Để tôi tát nước vớt chòng tôi lên.

6.
Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm nhào cổ xuống ao;
Ông ơi ông vớt tôi vào,
Ông nỡ lòng nào, ông lại xào măng;
Có xào thì xào nước trong,
Đừng xào nước đục đau lòng cò con.

7.
Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non;
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.

Cao Bằng xa lắm anh ơi,
Về nhà gánh nước giếng khơi cho gần.

8.
Cái cò, cái vạc, cái nông,
Sao mà dầm lúa nhà ông hơi cò?
Không, không, tôi đứng trên bờ,
Mẹ con nhà vạc đỡ ngờ cho tôi;
Chẳng tin ông đứng mà coi,
Mẹ con nhà vạc còn ngồi đây kia.

9.
Con kiến mày kiện củ khoai,
Mày chê tao khó, lấy ai cho giàu.
Nhà tao chín đụn mười trâu,
Có ao thả cá, có cầu rửa chân.

Cầu này cầu ái cầu ân,
Một trăm con gái rửa chân cầu này;
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.

Nhà anh có một cây chanh,
Nó chữa ra cành, nó đã ra hoa;
Nhà anh có một mụ già,
Thổi com chẳng chín, quét nhà chẳng nên;

Ăn cỗ thì muốn ngồi trên,
Mâm sơn bát sứ đưa lên hầu bà...

10.
Bồng bồng bống bống bang bang,
Con đi lấy sàng cho mẹ đổ khoai;
Con ăn một (thì) mẹ ăn hai,

Con đi bốc muối thì khoai chẳng còn;
Con ngồi con khóc nỉ non,
Mẹ giận (mẹ) đánh (trận) đòn mẹ quẳng xuống ao ...

11.
Ai về đường ấy hôm nay,
Ngựa hồng ai cưỡi, dù tay ai cầm?
Ngựa hồng đã có tri âm,
Dù tay đã có người cầm thì thôi ...

12.
Hỡi cô thắt dài lưng xanh,
Có về Nam Định với anh thì về;
Nam Định có cây bồ-đề,
Có hoa thiên-ly, có nghề buôn cau ...

13.
Nước lên cá đuối ăn theo,
Lòng anh muốn lấy cô chèo đò ngang;
Thuyền than lại đổ bến than,
Bắt cô bé nhỏ gian nan một mình.

Thuyền không đổ bến giang-đình,
Ta không ta chỉ lấy mình mà thôi;
Khúc sông bên lở bên bồi,
Có người khóc đứng khóc ngồi vì ai ...

14.
Bồng bồng bống bống bang bang,
Ru con mẹ những đau lòng xót xa;
Nhớ khi rời bỏ quê nhà,
Bồng con bé cái tìm ra Hải Phòng.
Ra đi nước mắt rờn rờn,
Nhớ làng, nhớ xóm, nhớ đồng ruộng xanh;

Tiếc công xây dựng gia đình,
Công Cha, công Mẹ, công mình bấy lâu.
Tu, tu ... tàu đã kéo cầu,
Nhìn về chốn cũ mà đau đốn lòng.

Bây giờ đến chốn Hải Phòng,
Thành thân cá chậu, chim lồng mà chơi ;
Tuồng rằng đi được thành thơ,
Ai ngờ đi chuộc lấy đời làm than.

Bồng bồng bống bống bang bang...

15.

Chàng đi cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp
cam;
Ví bằng tình có dở dang,
Thì cho thiếp gọi đồ ngang thiếp
về.

Chàng ơi phụ thiếp làm chi,
Thiếp như com nguội những khi
đói lòng ...

16.
Rủ nhau xuống biển mò cua,
Cùng đi hái quả mơ chua trên
rừng;
Ai ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc xin đừng
quên nhau.

17.
Ba đồng một mớ trà cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày
còn không;
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn
câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra?...

18.
Ngày xưa anh búng anh beo,
Tay bung bát nước, tay đèo múi
chanh;
Bây giờ anh mạnh, anh lành,
Anh vui duyên mới, anh tình phụ
tôi.
Đất xấu nặn chẳng nên nôi,
Anh đi lấy vợ để tôi lấy chồng.
- Có lấy thì lấy cách sông,
Đùng lấy cách ngõ anh trông anh
buồn.
- Buồn thì cất gánh đi buồn,
Một vốn bốn lãi anh buồn làm
chi?

19.
Ngủ Đi Em
Huy Cận
Nắng chia nửa bãi, chiều rồi,
Vườn hoang, trinh-nữ khép đôi lá
rầu;
Sợ buồn con nhện giăng mau,
Em ơi hãy ngủ, anh hầu quạt đây;
Hồn anh trải với quạt này,
Trăm con chim mộng về bay đầu
giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường,
Ru em sẵn bóng thùy-dương đôi
bờ;

Cây dài bóng xế ngán ngơ,

Hồn anh đã chín mấy mùa thương
đâu;
Tay anh, em hãy gối đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng
rơi.

20.
Lỡ Bước Sang Ngang
(trích đoạn)
Nguyễn Bính

Em ơi, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đón, mẹ già em
thương;
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót
xa.
Cây em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đón, mẹ già em
thương.

Hôm nay xác pháo đầy đường,
Ngày mai khói pháo còn vương
khắp làng;
Chuyến này chị bước sang
ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây.

Rượu nồng em uống cho say,
Vui cùng chị một vài giây cuối
cùng;
Rồi đây sóng gió ngang sông,
Đầy thuyền hận, chị lo không tới
bờ.

Miếu thiêng vụng kén người thờ,
Nhà hương khói lạnh, chị nhờ cây
em ...
Đêm nay là trắng ba đêm,
Chị ngồi chị khóc con chim lia
đàn.

Một vai gánh vác giang san,
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ
thương;
Mắt quầng, tóc rối, tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm
gì!

Một lần này bước ra đi,
Là không hẹn một ngày về nữa
đâu;
Cách mấy mươi con sông sâu,
Và trăm ngàn vạn nhịp cầu chênh
vênh.

Cũng là thôi, cũng là đành,
Sang sông lỡ bước riêng mình chị
đâu ?
Tuổi son nhạt phấn phai màu,
Đầy thuyền hận, có biết bao
nhiều người !

Em đừng khóc nữa em ơi,
Dấu sao thì sự đã rồi nghe em !
Một đi bảy nổi ba chìm,
Trăm cay ngàn đắng con tim héo
dần.

Dù em thương chị muôn phần,
Cũng không ngăn nổi một lần chị
đi ...
Chị tôi nước mắt đầm đìa,
Chào hai họ để ra về nhà ai.

Mẹ trông theo, mẹ thở dài,
Dây pháo đỏ bỗng vang trời nổ
ran;
Tôi ra đứng ở đầu làng,
Ngồi trông theo chị khuất ngàn
dâu thưa ...

21.
Ru Con
Lời Ru Trong Phim

Bồng bồng con nín con ơi,
Dưới sông cá lội, trên trời chim
bay;
Ước gì mẹ có mười tay,
Tay kia bắt cá, tay này bắt chim.

Một tay chuốt chỉ lườn kim,
Một tay làm ruộng, tay tìm hái
rau;
Một tay ôm ấp con đau,
Một tay vay gạo, tay cầu cúng
ma.

Một tay cuốn vải, guồng xa,
Một tay (lo) bếp núc, cửa nhà,
nắng mưa;
Một tay đi cùi muối dưa,
Một tay (để) van lạy (để) bầm
thưa đỡ đòn.

Tay nào để giữ lấy con,
Tay (nào) lau nước mắt, Mẹ (vẫn)
còn thiếu tay.

à , ời ...
Bồng bồng con ngủ cho say,
Dưới sông (con) cá lội, chim (vẫn)
bay trên trời.

Vũ Hảo

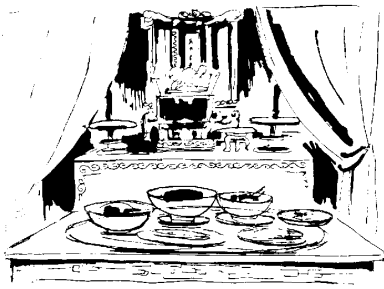
Elisabeth-Str.10
80796 München

(c/o Bùi Hồng-Mạnh)

Tel.+Fax: 089-28806462

E-Mail: hgmanh50@aol.com

ĐẠO "ÔNG BÀ": Một thứ 'Siêu thuyết' của Dân tộc Việt Nam



Nguyễn Thùy

Lời nói đầu: Bài này được viết do đọc bài "Lễ Gia Tiên hay Ý nghĩa một cuộc trở về nguồn" trong tác phẩm "**Về Nguồn**" của Giáo sư Vũ Kỳ, do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức xuất bản năm 2002. Nơi đây xin góp thêm một số ý mong mở rộng thêm một "tinh hoa của truyền thống dân tộc". **N.T.**

Không rõ thuật ngữ "ĐẠO ÔNG BÀ" xuất hiện vào thời nào trong ngôn ngữ Việt Nam, có thể đã rất lâu đời trong dân gian. Trong Văn chương Bác học, có lẽ từ khi bắt đầu có chữ Nôm vì danh từ "Ông Bà" quá nôm na đối với giới sĩ phu Nho học trước đó (người viết chỉ phỏng đoán, chứ không có dữ kiện để xác định).

Lâu nay, nói đến "Đạo Ông Bà", ta thường nghĩ đấy là việc "thờ cúng Tổ Tiên" và hàng năm, vào ngày Tết Nguyên Đán thường có "Lễ Gia Tiên" được xem là nghi thức, là cách thức thể hiện "Đạo Ông Bà" hầu khắp cả nước trong lúc việc "giỗ cúng ông bà, cha mẹ" tại mỗi nhà thuộc phạm vi từng gia đình vào từng thời gian khác nhau theo ngày qua đời của ông bà, cha mẹ. Vì quan niệm đơn giản là "Thờ cúng Tổ Tiên" nên "Đạo Ông Bà" thường được đồng nghĩa với "Đạo Hiếu" nơi Khổng giáo, nói lên lòng yêu thương, phụng

dưỡng cha mẹ lúc cha mẹ còn sống và thờ kính, nhớ ơn cha mẹ lúc cha mẹ qua đời. "Đại hiếu chung thân phụ mẫu", lời này của Đạo Nho nói lên đạo đức của con cái là phải suốt đời lo lắng, chăm sóc cha mẹ, vâng lời cha mẹ, không gây buồn phiền cho cha mẹ, không được rời xa cha mẹ và dù phải vì mục đích nào phải xa cha mẹ (vì nghĩa vụ đối nước non, dân tộc) thì cũng phải luôn luôn nhớ nghĩ đến cha mẹ, tạo nên tiếng tốt, việc tốt cho cha mẹ vui lòng, làm hiển danh cha mẹ. Người Việt Nam đã tiếp thu Đạo Hiếu này qua Khổng giáo (thật ra đạo Hiếu đã có sẵn nơi Đạo Ông Bà) và còn kết hợp 'Hiếu' với 'Thào' để thành "Đạo Hiếu Thào" (không rõ đạo Nho có nhấn mạnh đến chữ 'Thào' hay không, có gọi là 'Đạo Hiếu Thào' hay chỉ là 'Đạo Hiếu' không thôi, kính xin các bậc cao minh chỉ giáo cho người viết - 'Thào' có nghĩa 'nhường nhịn, chia xẻ, san sẻ, bù đắp cho nhau chứ không ganh tị, ích kỷ, tranh giành giữ riêng cho mình. Như thế, 'Thào' chỉ cách đối xử, liên hệ giữa vợ chồng, con cái, anh chị em luôn yêu thương, hòa thuận trong hiện tại cũng như lâu dài về sau; điều này càng nâng chữ 'Hiếu' lên một bậc vì khiến cha mẹ vui lòng được thấy con cái luôn luôn thuận hòa, gần bó, thương yêu, giúp đỡ nhau. Có lẽ, do ý nghĩa này mà người Việt Nam đã ghép chung từ 'Hiếu' với từ 'Thào').

Do hiểu "Đạo Ông Bà" riêng theo nghĩa "Đạo Hiếu" nên người Tây Phương thường gọi "Đạo Ông Bà" là 'Le culte des ancêtres' (sự thờ cúng tổ tiên). Nếu chỉ 'thờ cúng tổ tiên' không thôi thì chưa thể gọi là "Đạo" và dân tộc nào hầu như cũng đều có tục 'thờ cúng tổ tiên' như ta dù hình thức có khác. Người phương Tây, tuy không có bàn thờ ông bà trong nhà, không tổ chức cúng vái, mâm cỗ, nhang đèn, không tụ họp gia đình, không mời bà con thân thích trong ngày giỗ cúng nhưng lại có ngày "Fête des Morts", (ngày lễ Toussaint) và họ thăm viếng nghĩa trang, tu bổ mồ mả; lại có những 'Fête des Mères', 'Fête des Pères', 'Fête des amoureux' (ngày Valentin) ngay lúc cha mẹ, vợ chồng còn sống và trao nhau tặng vật. Đây là những tục lệ hay đẹp của người phương Tây; riêng về sự tưởng nhớ ông bà trong ngày 'Lễ tưởng niệm người chết' (fête des Morts) không lắm tính cách long trọng, thiêng liêng như ở Việt Nam. Vì thế, sự 'tưởng niệm ông bà' của người

phương Tây là một mỹ tục chứ không trở thành một 'Đạo' như đối với người Việt chúng ta.

Người viết nghĩ rằng "Đạo Ông Bà" của người Việt Nam mang nhiều ý nghĩa cao sâu hơn ngoài việc 'nhớ ơn và thờ phụng ông bà'.

1) Trước tiên, ta gọi là "Đạo Ông Bà". Từ "Đạo" vừa là 'đạo lý' vừa là 'con đường'. "Đạo lý" vì nói lên nguyên lý hướng dẫn tư duy và hành động cùng thái độ cư xử của con người trong cuộc sống cộng đồng. "Con đường" vì những nguyên lý đó đưa dẫn con người hướng đến cùng tìm về một thứ gì đó tốt đẹp, cao sâu, huyền nhiệm để cuộc sống thường nhật mang lấy một ý nghĩa cao quý. Từ "Đạo" nơi "Đạo Ông Bà" không hẳn giống với từ "Đạo" nơi các Tôn giáo như Đạo Phật, Đạo Chúa. Từ "Đạo" nơi các tôn giáo, theo người viết, bao gồm những tín lý, tín điều được nêu thành qui điều, 'nguyên tắc', định chế, giáo luật, giới răn, giới cấm, những nghi lễ nhất định phải theo và được khuôn ép vào một hệ thống lý luận cùng tổ chức (giáo hội, hàng ngũ tu sĩ, tăng ni) thực hành riêng biệt theo từng tôn giáo. Từ "Đạo" trong "Đạo Ông Bà" không có những tính cách đó. "Đạo Ông Bà", thoạt tiên, chỉ là một "Tín ngưỡng" (niềm tin và sự ngưỡng vọng về niềm tin đó) trước khi là 'tín lý' (do luận giảng của mọi người về sau); cũng không là 'tín điều' vì không có những nguyên tắc, những 'giới luật, giới răn, giới cấm', những lễ nghi nhất định, không do pháp chế áp đặt cũng không tuân thủ theo một hệ thống tri thức rao giảng cùng hành động thực hiện nhất định, không có tổ chức thành giáo hội, không có hàng ngũ đóng vai trò chỉ đạo, dẫn dắt; không có nơi thờ phụng nhất định như nhà chùa, nhà thờ; không có kinh kệ, không có truyền giảng cũng chẳng nhằm giáo huấn ai theo lối trường ốc. Dù có được mở rộng sự biết ơn và thờ cúng ông bà thành sự biết ơn và thờ phụng tổ tiên cả dòng họ (các từ đường) cùng danh nhân, anh hùng, liệt sĩ (các đền thờ, đình miếu) thì cũng không ra ngoài tính cách tín ngưỡng hơn là tôn giáo. Đạo Ông Bà nặng về tình cảm hơn là tín lý, tín điều. Do đó, có thể nói "Đạo Ông Bà" của người Việt Nam là một "Tín ngưỡng không Tôn giáo" hay nói cách khác: "Đạo Ông Bà tiêu biểu cho tinh thần tôn giáo của dân tộc ta, một thứ tôn giáo không kinh kệ; không giáo

luật, giáo quy; không hệ thống tổ chức; không truyền giảng và cũng không nhất thiết tuân theo những lễ nghi nhất định". Vì là một 'tín ngưỡng' nên Đạo Ông Bà thể hiện nơi "tấm lòng", nơi "tâm khảm" nhiều khi không cần thiết một lễ nghi và cũng không nhất thiết phải vào đúng ngày Ông Bà, Cha Mẹ đã qua đời. Nhà thơ Phương Triều, khi thuật lại cảnh một ông già sống lây lất nơi Xóm Mộ, một nghĩa trang nhỏ vùng quê ông sau cuộc 'đổi đời' bi thảm do Cộng Sản phủ trùm lên nhân dân Miền Nam từ sau 30 /4/1975, đã thực hiện "Đạo Ông Bà" trong hiu hắt buồn đau nào nùng trong ngày Tết:

-Nghĩa địa góc quen chiều chột Tết

Ông già mở lại gói đời quên

Bên kia chân mộ còn vương đất

Lót lá làm mâm đón tổ tiên! ...

(Tết, Xóm Mộ)

[Chú thích: Đoạn thơ trích trong thi tập "Xóm Mộ" (nxb Lê Huỳnh, Minnesota, Hoa Kỳ, 2001). Gói đời quên: Ông già luôn mang theo bên mình một bọc trong đó có bài vị và tấm hình của cha mẹ. Gói đời tha thiết này dành phải quên vì chế độ Cộng Sản buộc con người không được nhớ đến ông bà, cha mẹ để chỉ nhớ ơn Đảng và Nhà nước Cộng sản thôi].

Xin trích thêm một đoạn thơ khác cũng trong thi tập này, nói lên nỗi đau buồn, tê tái của kẻ đành rời bỏ quê hương ra đi tìm tự do, nhắn người em bày tỏ niềm ngậm ngùi thương nhớ mẹ cha, ông bà:

-Chẳng em có dịp về thăm mộ

Xin thấp dùm anh ngọn nến buồn

Ngồi che gió lạnh cho riêng nến

Không củ gì thêm những khói hương!

...

Nếu mai không thể về thăm mộ

Mà ngậm ngùi đau chốn viễn phưởng

Xin em thấp một lần cho nến

Nhìn lụn tàn theo nỗi nhỏ thương...

(Thăm mộ)

Vì là một "tín ngưỡng không tôn giáo" nên dân tộc ta dễ dàng dung hợp

các tôn giáo du nhập: Phật, Khổng, Lão và cả Ky Tô giáo cũng như mọi kiến trúc tinh thần khác của nhân loại. (Việt Nam chỉ có tôn giáo của mình với hai đạo Cao Đài và Hòa Hảo từ thế kỷ XX. Đạo Thiên Chúa đến Việt Nam kể từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh và thời Tây Sơn, không hề có sự bài xích tôn giáo này vào hai thời kỳ đó. Chỉ vào dưới các triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức mới có sự kỳ thị tôn giáo này và tiếp theo là tình trạng giết hại giáo sĩ và giáo dân do các phong trào Văn Thân, Cần Vương mà lý do chính chưa hẳn do xung đột giữa Văn hóa dân tộc (đạo Ông Bà) với Thiên Chúa giáo mà do động cơ Chính trị vì các phong trào đó cho rằng giáo sĩ, giáo dân Thiên Chúa giáo hoặc là gián điệp hoặc tiếp tay thực dân Pháp xâm lăng Việt Nam).

2) Ta gọi "Đạo Ông Bà" chứ không gọi là "Đạo Tổ Tiên". "Tổ Tiên" hoàn toàn chỉ tiền nhân, lớp người quá cố; "Ông Bà", từ thuần Việt chỉ cả cha mẹ, ông bà hiện còn sống cùng tổ tiên và tiền nhân bao lớp trước dù không cùng dòng họ. Trong ý nghĩa này, Đạo Ông Bà mang tính cách truyền thống, nói lên mối liên tục lịch sử của cuộc sống chung, sợi giây liên đới nối kết bao thế hệ quá khứ với thế hệ hiện tại, mối liên hệ không chỉ về huyết thống, dòng họ mà còn về công nghiệp, về thành quả dựng xây được lưu truyền và tiếp tục kế thừa qua lịch sử. Sự thờ cúng, tưởng nhớ ông bà là biểu hiện lòng nhớ ơn bao lớp người đi trước đã cam khổ dựng xây bao công trình tốt đẹp mà nay ta được thụ hưởng. Ca dao Việt Nam có câu:

Non cao ai đắp mà cao

Sông sâu ai xới ai đào mà sâu?

'Non kia, sông nọ' nơi đây, trong một ý nghĩa gần gũi, chỉ đất nước, non sông là công nghiệp bền bỉ lâu dài của bao đời tích tụ đến hôm nay, không chỉ riêng về mặt vật chất mà còn là cái 'truyền thống văn hóa' gìn giữ cuộc sống chung hài hòa tốt đẹp lưu truyền từ quá khứ. Tất cả đều là di sản' của tiền nhân, bao trùm lên tất cả là cái nguồn gốc xa xôi từ khởi thủy của giống nòi. Đạo Ông Bà biểu hiện tấm lòng biết ơn, quý trọng cùng trách nhiệm, bổn phận và ý chí gìn giữ, kế thừa cùng phát huy cái di sản tốt đẹp đó. Điều này không do một quyền lực, một nền pháp chế nào áp đặt mà trước

tiên phát xuất từ cái 'não bộ đạo tâm' (sensorum religieus - xem bài của Vũ Kỳ), một 'nguyên lý nội tại' (principe interne), một yếu tố hay tính chất bẩm sinh nơi con người (xem tác phẩm 'Về Nguồn' của Vũ Kỳ, trang 25), gìn giữ mối liên hệ giữa người chết và người sống, được xem như một 'di truyền tâm linh' giữa các thế hệ theo quan điểm 'Vật Linh' (animisme). Không giữ được Đạo Ông Bà là đánh mất một tính chất cao quý của giá trị con người và trở nên một cản trở tai hại cho văn hóa tức cho cuộc sống chung của cộng đồng. Đạo Ông Bà, vì thế, là một tín ngưỡng trở thành một thuần phong mỹ tục, một truyền thống tốt đẹp của Văn hóa.

Cũng nên nêu ra đây những trường hợp ông bà, cha mẹ đã làm những việc xấu xa, lỗi lầm như bán nước, hại dân hay những việc làm tồi bại, đê tiện (trộm cướp, hiếp dâm, giết người, bóc lột, đày đọa kẻ khác,...) thì con cái thực hiện "Đạo Ông Bà", thực hiện "Đạo Hiếu" ra sao? Dĩ nhiên cha mẹ, ông bà, tổ tiên, tiền nhân chúng ta qua suốt dọc dài lịch sử không lằm kè vì hoàn cảnh sống, vì giai đoạn lịch sử đen tối, vì áp đặt của những chế độ bạo tàn và vì óc tư hữu chiếm hữu cao độ đã phạm phải những lỗi lầm, sai trái tày trời nhưng Đạo Ông Bà không cho phép con cái phủ nhận công ơn sinh thành, dưỡng dục mà phải yêu thương, nhớ tưởng, cúng giỗ, thờ phượng dù âm thầm tủi nhục về hành động của cha ông đồng thời tự thân phấn đấu làm nên việc tốt, việc thiện cùng giữ mình không rơi vào những điều xấu xa của lớp trước hầu làm giảm nhẹ, chuộc tội cho cha ông đối với dư luận và lịch sử chứ không phải tiếp tục các lỗi lầm của ông bà cha mẹ, rồi đổ thừa cho tại vì những 'gène di truyền' của dòng họ. Tủi nhục, xấu hổ về những sai trái của ông bà, cha mẹ, hối hận cho ông bà cha mẹ về những việc làm xấu xa của ông bà, cha mẹ và phấn đấu tu sửa mình thành kẻ tốt, làm được những điều hay giúp ích cho người, cho đời để gỡ tội cho ông bà cha mẹ; đấy là thể hiện đúng đắn Đạo Ông Bà trong những trường hợp đó. (Một số cán bộ, cán binh Cộng sản đã phản tình quay lại chống Đảng, chống chế độ Cộng sản vì đã nhìn ra, đã hối hận về những sai trái lỗi lầm của cha ông và của mình đã gây ra cho dân, cho nước vì cuồng tín, say mê chủ nghĩa, vì đã làm lẩn làm công cụ cho Đảng và chế độ bạo tàn; những kẻ đó hiện đang tìm

cách trở về sống và thể hiện Đạo Ông Bà truyền thống văn hóa của dân tộc).

3) Đạo Ông Bà thể hiện hướng vọng về Nguồn của dân tộc ta. Hướng vọng về Nguồn tức tìm về với Nguồn Cội. Nguồn Cội, trong ý gần gũi nhất, chỉ Ông Bà, Tiên Tổ đã xây dựng nên dòng họ mình. Xa hơn chút, Nguồn Cội là Tổ Tiên lâu đời đã sáng dựng nên Dân tộc, Quốc Gia mà ta thường gọi là Quốc Tổ. Xa hơn nữa và rộng sâu hơn nữa, Nguồn Cội chỉ cái yếu tố tiên thiên, nguyên khởi đã 'sinh thành' vũ trụ gồm vạn hữu và con người. Cái yếu tố nguyên khởi này được gọi theo nhiều danh xưng (xin không đồng dài liệt kê nơi đây, trong "Về Nguồn", giáo sư Vũ Kỳ đã đề cập). Người viết, dựa theo Đạo học, gọi đấy là Đạo Thể (Êâtre), cái Hữu Thể nền tảng (l'Êâtre fondamental), cái "Nhất Thể Khởi nguyên" đã 'tự tác động' mình, tự 'sắc tướng hóa', tự 'đối tượng hóa' (s'objectiver) mình (nói theo Tôn giáo và Triết học), tự 'Vật chất hóa' (se matérialiser) mình (nói theo Khoa học) để làm phát sinh Vũ trụ hiện tượng (cõi thể gian, cõi tục đế hay cõi hiện hữu) rồi chuyển dịch theo diễn trình tiến hóa của cõi hiện hữu mà hồi phục lại mình cùng đưa vạn hữu trở lại với mình. Khoa học ngày nay đang đi tìm cái 'Đạo Thể, cái Nhất Thể Khởi nguyên, cái Một nguyên khởi đó hay cái Cội Nguồn của vũ trụ qua những lý thuyết Big-Bang, Tiền Big-Bang, lý thuyết về Sợi (théorie des Cordes) hay gì gì nữa để xác định đấy là Năng lượng, là một 'lượng tử (quanta), một Siêu Lực (Super force), một Siêu Sợi (Super Corde) hay một Instanton hoặc gì khác. (Xin không bàn nhiều đến Khoa học nơi đây; riêng người viết nghĩ rằng Khoa học không thể nào tìm ra theo cái biết Luận lý của mình lâu nay nếu không dựa vào Đạo học). Sự việc cái "Một Nguyên khởi" tự tác động mình để từ "Tự Hữu" (en soi) đi vào "Hiện Hữu" (pour soi, để tạo ra cõi Hiện Hữu) là một tác động nhiệm mầu, không thể chứng minh. Theo E. Kant là do "Nguyên nhân bởi Tự do" (Cause par Liberté), theo chúng tôi là do cái "Tự do phát khởi nguyên nhân" (Liberté causale) tức là một tác động đột khởi, một hoạt động tự động tuyệt đối (auto-activité absolue), cái năng lực "tự phát hiện" để phát sinh một trạng thái, một sự việc mà tất cả những sự việc về sau giúp soi sáng sự việc tiên khởi đó (xem "Hành trình vào

Nhất Thể" của NT&TMX, tập 1, nxb Mekong Ty nạn, Neward, CA, 2002). Một điều mà trước nay hầu như chưa một ai lưu ý là "Cái Đạo Thể (Nhất Thể khởi nguyên, cái Một nguyên khởi) luôn luôn dịch chuyển về Tương lai để hồi phục lại mình (Nhất Thể hồi phục) và dòng vận hành chuyển dịch này ứng vào dòng diễn tiến sinh hóa của cõi Hiện hữu (vạn hữu và con người) để đưa cõi Hiện Hữu trở về lại với mình. Do đó mà có Lịch sử, có Tiến hóa của cõi Hiện hữu". Khoa học không để ý vì cho đấy là ý niệm trừu tượng, siêu hình không hợp với luận lý khoa học. Điều này, Đạo học, Tôn giáo và Triết học đã nói nhưng mọi luận giảng trước nay chưa đề cập thật rõ ràng. Đạo Thể hay Cội Nguồn luôn dịch chuyển về Tương Lai vì thế Hướng Đến là Tìm Về, Tương Lai là buổi đầu Quá Khứ, giờ Chung Cục chính là Thời Điểm của Khởi Nguyên. Điều này, người xưa đã nói. Jésus đã bảo : "Ta là Alpha và Omega, là đầu và cuối", lời này có nghĩa 'Thượng Đế (từ Ta nơi đây ám chỉ Thượng Đế tức cái Đạo Thể, cái Nhất Thể khởi nguyên hay Cội Nguồn) tạo lập nên vũ trụ rồi chuyển dịch theo dòng vận hành sinh hóa của vũ trụ để đưa vũ trụ trở lại với mình vào thời điểm cuối cùng của dòng Tiến hóa nên cái Alpha trở về trong Oméga, cái Khởi nguyên trở về trong cái Chung cục. Lời Phật : "Hồi đầu thị nạn" (quay đầu thấy bến). Bến, theo Kinh điển là Bến giác tức cái thời điểm cùng trạng thái nhìn ra, sống với Tự Thể, Tự Tánh của mình và của chúng sinh. Nhưng chính ra Phật muốn nói đến dòng Tiến hóa của nhân sinh. Bến là nơi ta đến, tìm về, bình an, đoàn tụ, thoát hết mọi gian nan, e ngại trong suốt hành trình lên đến nơi sông hồ, biển cả (cõi hiện hữu trầm luân). Quay đầu nhìn về Nguồn Cội mới thấy cái Bến bình an, yên vui đoàn tụ đó vì "Cội nguồn dịch chuyển về tương lai". Đức Khổng đã bảo "Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ"; Lão Tử bảo "Phản giả Đạo chi động", Trang Tử cũng bảo tương tự. Các nhà Tư tưởng Cổ Hy Lạp như Pythagore, Héraclite,... cũng cùng ý đó dù chưa thật rõ ràng. Trong những thế kỷ gần đây, Nietzsche đã bảo "Sự quy hồi miên viễn của Thể Tính đồng nhiên" (le retour éternel de l'identique); M. Heidegger viết "Ngày xưa của bình minh trong ngày tới của tương lai" (le jadis de l'aurore dans le futur de l'avenir) và qua thiên cáo luận 'Le

Chemin de Campagne', nói về dòng vận hành của tư tưởng, đã viết: "Bối Tiếng gọi (tiếng gọi của Đạo Thể, của Cội Nguồn) từ một nguyên sơ thăm thẳm, một miền Cổ quận (Quê hương ban đầu mà ta đã phân ly) được hoàn trả lại cho chúng ta" (Par l'appel en une loitaine Origine, une Terre natale nous est rendue). Rõ ràng nhất là lời của Tôn sư Eckhart : "Thượng Đế chu lưu không biến tính suốt mọi đổi thay (của cõi thế) và tự kết thúc (tự hoàn thành, từ hồi phục) trong đơn nhất tính thể" (Dieu parcourt sans altération tout changement et se clot en unité d'essence). Xin mượn lời thơ để nói về sự việc chuyển về tương lai của Cội Nguồn :

-Tôi viết tờ thư

Hỏi Trời :

-Thuở trước, cha mẹ sinh ra

Đàn ông hay vốn đàn bà?

Trời rằng:

"Ta tự sinh ta

Thuở mù mịt chẳng có bà, có ông

Chẳng có vợ, chẳng có chồng

Hữu Vô vốn một, Có Không vốn đồng

Cõi Vô thì, ấy gốc nguồn

Cõi Vô Chung, ấy chốn cuối cùng của ta.

NT&TMX (Sao Mắt).

Nguyễn Du, do cảm ứng điều này, đã phỏng tác "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài nhân rồi đặt tên cho tác phẩm của mình là "Đoạn trường tân thanh" (xin không nói nơi đây vì rất dài dòng).

"Đạo Ông Bà" của chúng ta cũng nằm trong ý đó. Ta nên để ý hai từ thuần Việt 'Ông' và 'Bà'. Hai từ này chỉ hai giới tính Nam và Nữ, theo Đạo học là hai yếu tố Dương và Âm, cặp lưỡng nhất đã kết hợp nhau qua thời gian, sinh thành vạn hữu tức vũ trụ hiện tượng. Vậy, với hai từ 'Ông và Bà', Đạo Ông Bà của chúng ta đã nói đến cái Cội Nguồn phát sinh vạn hữu, trong đó có con người. Niềm hướng vọng về Cội Nguồn đã hàm chứa nơi hai từ này. Vọng về Cội Nguồn không phải để sống với quá khứ mà chính là để hướng đến tương lai, để soạn sửa, dựng xây tương lai ngay từ hiện tại này

(xem dưới). Không nhìn ra "sự chuyển dịch của Cội Nguồn về tương lai", ta sẽ khó lòng nhìn ra cùng dự đoán dòng diễn biến tiến hóa của nhân sinh qua từng giai kỳ lịch sử cũng như không thấy được ý nghĩa cùng cứu cánh của Tiến hóa, của cuộc sống, cuộc đời. Chẳng hạn, cái gì sẽ xảy ra sau cuộc chiến của Hoa Kỳ tấn công Irak? Hoặc Hoa Kỳ càng thêm điều kiện đẩy mạnh hơn nữa mộng đồ làm chủ thế giới hoặc Hoa Kỳ sẽ trở thành người bạn thật sự của toàn thế giới? (xin không nói rộng thêm).

Vậy, "Đạo Ông Bà" nói lên hướng vọng Về Nguồn cùng ý hướng về Tương lai của dân tộc ta. 'Hướng vọng về Nguồn' là điều Triết học Tây phương từ lâu đã nói, đấy là "nỗi Hoài Hương Hằng Thê" (la nostalgie de l'Être), là sự "Quy hồi Cổ Quận" (le retour au sol natal) trên nẻo đường tương lai.

4) Đạo Ông Bà còn nói lên cách đối xử giữa người và người với nhau trong hiện tại và về sau. Ta chú ý hai từ thuần việt 'Ông' và 'Bà'. Trong cuộc sống hằng ngày, gặp ai, nói với ai, viết thư cho ai, ta thường bảo: 'thưa ông, thưa bà', ngoại trừ giữa gia đình và lúc cần cứ trên niên kỷ thấp cao và thứ bậc trong dòng họ mà ta dùng những đại danh xưng khác trong lúc xưng hô: Cha, Mẹ, Ông Bà nội ngoại, Cụ, Bác, Chú, Dượng, Dì, Thím, Cô, Cậu, Anh, Chị, Con, Em... hoặc cơ sở vào chức vụ, cấp bậc: Tổng Thống, Thủ Tướng, Bộ Trưởng, Giám Đốc, Thiếu Tướng, Đại Úy, Bác sĩ, Kỹ sư, Tiến sĩ, Luật sư,... Nhưng dù gọi với bất cứ danh xưng nào thì cũng là 'Ông' và 'Bà' tùy theo đối tượng thuộc giới tính nào. Vậy, hai từ 'Ông, Bà' nói lên mối tương hệ, tương giao giữa mọi người trong cuộc sống bình thường của xã hội trong tất cả mọi bình diện sinh hoạt. Giữ mối tương giao đó êm đẹp thì cuộc sống chung của cộng đồng diễn ra vui vẻ, bằng an. Nhất là trong gia đình, dòng họ, giữ được mối tương giao đó hòa thuận, thân ái, gắn bó trong tình thương yêu, đùm bọc cho nhau thì Tổ Tiên, Ông Bà còn sống hay đã qua đời sẽ rất vui lòng, sung sướng. Do đó, "Đạo Ông Bà" không chỉ nói đến đạo Hiếu mà còn nói đến đạo Thảo giữa mọi phần tử trong gia đình dòng họ mà còn cả cách cư xử giữa mọi người để cuộc sống chung của cộng đồng luôn hài hòa, êm đẹp. Vì thế, Đạo Ông Bà

không chỉ là tín ngưỡng nơi tấm lòng đối với Ông Bà, Cha Mẹ mà còn là điều phải thực hiện ngay trong cuộc sống xã hội nhân quần.

Với những tính chất trên: tín ngưỡng không tôn giáo; liên tục lịch sử giữa các thế hệ; hướng vọng về Nguồn để dựng xây tương lai; thực hiện ngay trong hiện tại mỗi tương giao thuận hảo giữa người và người, ta có thể nói "Đạo Ông Bà" chính là "Đạo Sống" vừa tâm linh vừa thực tiễn của con người bất kỳ nơi đâu, thời nào, lúc nào, chung cho cả nhân loại. Về mặt tri thức luận, ta có thể xem Đạo Ông Bà là một thứ Siêu Thuyết (métathéorie) của dân tộc ta. "Siêu thuyết", hiểu theo nghĩa Toán học như định nghĩa trong Grand Larousse universel: 'Siêu thuyết của một lý thuyết diễn dịch nghiên cứu những ý niệm không mâu thuẫn, tự thân túc lý và độc lập của những công lý' [La métathéorie d'une théorie déductive étudie notamment les concepts de non contradiction, de complétude et d'indépendance des axiomes - Axiome = công lý, theo nghĩa triết học là 'chân lý không thể chứng minh nhưng hiển nhiên đối với ai hiểu được ý nghĩa chân lý đó' hoặc 'mệnh đề được nhìn nhận bởi tất cả mọi người không cần bàn cãi' (vérité indémontrable mais évidente par quiconque en comprend le sens - proposition admise par tout le monde sans discussion -theo Dictionnaire 'Le Petit Robert' và Dictionnaire Hachette). Từ một Công lý, người ta suy diễn ra những mệnh đề khác gọi là 'định lý' (théorèmes) trong Toán học]. Với 4 tính chất kể trên, ta thấy "Đạo Ông Bà" của dân tộc chúng ta là 'hiển nhiên', tự thân không mâu thuẫn và cũng không mâu thuẫn với một hệ thống lý thuyết hay chân lý nào khác, tự thân túc lý (tự thân trọn vẹn ý nghĩa), và độc lập có nghĩa không phải suy luận từ một định đề (postulat) hay định lý nào khác.

Trên đây là những góp ý để chứng minh tinh hoa truyền thống Văn hóa dân tộc chúng ta không chỉ của riêng chúng ta mà bao hàm cả tinh hoa truyền thống văn hóa nhân loại, ứng dụng cho toàn nhân loại suốt mọi thời đại. Rất mong bạn đọc và các bậc thức giả cao minh chỉ giáo cho những điểm người viết còn thiếu sót hoặc có tính cách 'cường điệu'.

(Grenoble, 23/03/2003)

Cuối những con đường

*Ở cuối những con đường
Có gì mà vui thế ?
- Chao! tràn ngập sắc hương
Hoa Xuân là chúa tể !*

*Ở cuối những con đường
Có gì không hổ bạn ?
- Ôi! không thể đo lường
Quanh co vùng đá sạn !*

*Ở cuối những con đường
À thì ra thế đó
Lại gặp buổi nhiều nhường
Dĩ nhiên đây gian khó !*

*Hãy như cụm mây trôi
Như trăng tròn mỗi tháng
Hãy đi trọn cuộc đời
Giữ tâm hồn thanh thản...*

• **Vân Nưởng**



Hoa tâm tư

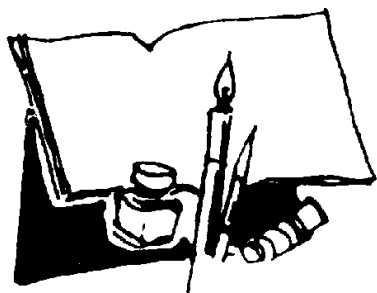
*Hoa vẫn nở giữa thu sang hạ tới
Hay mùa đông đầu củ phải mùa
Xuân
Giông tố cuốn vào, mây bay gọi ý
Đất nầy mầm, hoa trở cánh phân
vân*

*Mặt đấng làm duyên, thắm nhuần
cổ sự
Những chiều sống u uẩn tỏa
mênh mông
Còn bão nổi cuốn theo triều biển
động
Phút thăng hoa nồng đượm vị
nhân hoàn*

*Nở suốt bốn mùa, sắc hoa biệt dị
Uớp khói sống cho bền bỉ tháng
năm
Mỗi đêm về cùng trăng sao thủ thi
Ôi! loài hoa chỉ nở giữa thăng
trầm*

• **Vân-Nưởng Lê-Ngọc-Chấn**

Nhật ký ngày giỗ Cha



Tâm bút Trần Trung Đạo

Hôm nay là ngày giỗ cha tôi. Ngày đánh dấu ba mươi lăm năm chìm nổi của đời tôi. Ba mươi lăm năm là một quãng đời dài. Thế nhưng, tất cả chi tiết, hình ảnh về ngày bất hạnh đó, trong trí nhớ tôi, vẫn còn nguyên vẹn.

Buổi chiều cuối năm trong căn nhà tranh nhỏ ở làng Mã Châu, quận Duy Xuyên. Gần cuối bữa cơm đạm bạc như mọi ngày, cha tôi dùng đũa nhìn tôi và nói: "ăn Tết xong, con xuống Viên Giác ở với thầy ăn học". Tôi "dạ" đáp lời. Thật sự tôi không hiểu cha tôi nói như vậy có ý gì. Chiến tranh tuy đã lan rộng đến những vùng chung quanh, tiếng đại bác vọng về, màu hồng châu nhiều đêm soi sáng dọc bờ sông nhưng làng tôi cho đến đêm tháng Chạp 1968 vẫn còn tương đối thanh bình. Tại sao tôi phải bỏ đi? Tại sao đang sống bình an với gia đình, tôi lại phải xuống chùa Viên Giác, mãi tận Hội An, để ăn học?

Tôi biết cha tôi là đệ tử thầy Viên Giác. Ông rất kính trọng bốn sư và đã vài lần đưa tôi đến thỉnh an thầy. Thầy Viên Giác rất thương tôi. Thầy là Đặc Ủy Thanh Niên của Tỉnh Giáo Hội nên thường tổ chức các buổi văn nghệ lớn tại nhiều nơi trong tỉnh. Mỗi lần văn nghệ, thầy thường cho gọi Gia Đình Phật Tử Duy Xuyên, trong đó có tôi, đi theo. Thế nhưng, dù thân thiết bao nhiêu đi nữa, việc xuống ở luôn với thầy ăn học, như cha tôi dặn dò, là điều, trong trí óc thơ ngây của tôi, chưa bao giờ nghĩ tới. Cha tôi thì sao? Căn

nhà thân yêu, ngôi trường xinh xinh và giòng sông nhỏ của tôi thì sao? Tuy thắc mắc trong lòng nhưng tôi vẫn "dạ" khi cha tôi dặn dò. Như một thói quen, tôi vẫn "dạ" nhiều lần trong những đêm khuya khi cha tôi ru tôi ngủ bằng những câu chuyện buồn nhiều hơn vui của đời ông. Cha tôi không giải thích lý do tôi phải ra đi và tôi cũng chẳng hỏi gì thêm. Nhưng buổi sáng hôm sau tôi mới biết ra rằng bữa cơm tối hôm qua là bữa cơm cuối cùng của cha con tôi trong căn nhà nhỏ ở Duy Xuyên. Lời dặn dò của cha tôi "ăn Tết xong xuống Viên Giác" trở thành lời trấn trối của ông.

Cha tôi ra đi trong đêm tối trời tháng Chạp năm đó. Một viên đại pháo rớt vào căn nhà tranh của chúng tôi, nổ tung tuổi thơ tôi thành nghìn mảnh vụn, chặt đứt đi của tôi một tầng cây che mát cuối cùng, chỗ dựa thiêng liêng duy nhất mà tôi có trên thế gian này. Tôi thức dậy sau tiếng nổ với một thân hình đầy máu. Không phải máu của tôi nhưng là máu của cha tôi. Cha tôi ra đi không kịp nói với tôi thêm một lời nào khác ngoài những dặn dò sau bữa cơm chiều. Tôi áp ngực để nghe nhịp tim. Tim cha tôi vẫn còn đập nhưng vô cùng yếu ớt. Cha tôi ra đi giữa lúc tuổi đời tôi còn quá nhỏ. Mười ba tuổi. Ông đến một nơi, tôi không chắc là đâu nhưng có một điều tôi tin, ở đó sẽ không có chiến tranh, không bom đạn, hận thù, nghèo đói, bệnh tật, những độc dược đã tàn phá gia đình tôi, và bao nhiêu thế kỷ hủy hoại đến mức tận cùng sinh lực của đất nước tôi.

Bao nhiêu năm qua, mỗi khi nghĩ về lời dặn dò của cha, tôi cảm nhận được trong đó sự kỳ diệu của tình người. Cha tôi phải ra đi nhưng đã tìm một nơi ông yên lòng nhất để gửi gắm tôi. Mỗi ngày, mỗi đêm, mỗi giờ, mỗi sát-na mà tôi đang sống, cha tôi, qua hình ảnh một cơn gió nhẹ, một áng mây trên nền trời xanh, bao giờ cũng ở gần tôi, che chở tôi trong những cơn hoạn nạn, vực tôi đứng dậy sau những lần vấp ngã.

Tôi không nghĩ những lời dặn dò, trấn trối của cha là một điều siêu nhiên huyền bí. Tôi không tin cha tôi đã biết trước điều bất trắc sẽ xảy đến cho ông. Nhưng tôi cũng không nghĩ đó chỉ là những lời nói băng quơ, ngẫu nhiên, vô tình, vô cơ. Phải chăng đó là một trách nhiệm tinh thần và máu huyết thiêng liêng giữa cha và con, giữa người và người trong trùng trùng nhân duyên với nhau từ bao nhiêu kiếp trước cho đến kiếp này. Tất cả đã thúc dục ông lo

lắng, thúc dục ông chọn lựa và buộc ông nói những lời dường như không phải của chính ông.

Sau một thời gian sống với cô tôi ở Đà Nẵng cho đến hết trận Mậu Thân tàn khốc, tôi vào Vinh Điện học lớp tám ở trường Duy Xuyên, lúc đó đang dạy nhờ tại trường Nguyễn Duy Hiệu. Sang niên học mới, tôi xuống Hội An và tìm đến chùa Viên Giác. Thầy Viên Giác, sau khi nghe câu chuyện thương tâm đã nhận lời cho tôi ở lại. Tôi không bạch với thầy lời cha tôi dặn vì tôi biết thầy sẽ cười và gõ vào trán tôi mà nói "ai dạy con bài học chiến tranh tâm lý này sớm thế".

Ở Viên Giác, ngoài giờ đi học và kinh kệ, ngoại trừ thầy trụ trì, từ các thầy, chúng đệ tử cho đến đám trẻ con có tóc như tôi đều được giao một công việc để làm mỗi ngày. Là một trong những người nhỏ nhất, năm đầu, tôi được giao công việc lau bàn thờ và bàn ghế trong giảng đường.

Giảng đường chùa Viên Giác khá lớn. Những bộ trường kỳ dài, được đóng theo lối cổ và chạm trổ công phu, không có một vết bụi vì rất ít được dùng. Công việc tôi làm như là một hình thức để trả cái ơn thứ ba, ơn cơm gạo của chúng sinh, trong Tứ Ân của Phật Giáo, hơn là lao động nặng nề. Chính giữa giảng đường là bàn thờ các Thánh Tử Đạo đã hy sinh vì Đạo Pháp trong mùa pháp nạn 1963. Dọc bức tường dài là di ảnh hàng chục Thánh Tử Đạo Phật Giáo, từ chân dung Bồ Tát Quảng Đức, Hòa Thượng Tiều Diêu, Đại Đức Thiện Mỹ, nữ sinh Quách Thị Trang cho đến anh Nguyễn Hoàn, huynh trưởng Gia Đình Phật Tử quận Duy Xuyên của chúng tôi.

Anh Hoàn là người ở ngay trong tỉnh Quảng Nam và là đệ tử của thầy Viên Giác nên cái chết của anh được kể lại một cách chi tiết và rõ ràng hơn cả. Một đêm tối trời trước ngày 1 tháng 11 năm 1963, một số người lạ mặt gõ cửa nhà huynh trưởng Nguyễn Hoàn, kẻ súng và bắt anh đi. Tuần sau, gia đình tìm được xác anh trên một cồn cát cách nhà vài cây số. Hai tay anh bị trói bằng dây kẽm gai, mắt anh bị bịt chặt. Theo lời thân nhân, các thầy và các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử đi nhận dạng anh, anh không bị bắn chết. Thay vì, từ những vết máu khô còn đọng trong đôi mắt, tai, mũi, họ nghĩ rằng, những người lạ mặt đã ném anh Hoàn vào trong một bao bố, trói chặt và chôn sống anh trên bãi cát Tây An. Anh có tội gì để phải chịu đựng hình phạt thảm khốc đầy đau đớn như

vậy? Một nông dân nghèo. Một huynh trưởng chăm sóc cho Gia Đình Phật Tử quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Một người chồng, một người cha chỉ biết vất vả sớm trưa để nuôi bầy con còn nhỏ dại. Chị Hoàn sau ngày anh bị giết, buôn tảo bán tần vẫn không lo lắng nỗi cho mấy đứa con, đành đem gởi trong chùa. Một trong những người con anh, một thời gian, đã được thầy Viên Giác đem về nuôi nấng như tôi.

Và ở đó, trong giảng đường chùa Viên Giác, mỗi buổi sáng, đúng 6 giờ, tôi thức dậy để lau bàn thờ và bàn ghế trong giảng đường. Mỗi khi lau xong bàn thờ thánh tử đạo, tôi dừng lại một chút, nghiêm cẩn cúi đầu trước giác linh của những vị đã hy sinh để đạo Phật được đổi xử một cách bình đẳng như mọi tôn giáo khác trong cộng đồng dân tộc. Những lúc như thế tôi bắt gặp đôi mắt của huynh trưởng Nguyễn Hoàn nhìn xuống tôi. Có khi nghiêm trang. Có khi hiền dịu. Có khi đỏ au màu máu. Tôi nghe như có tiếng anh cười. Tiếng còi anh thổi thật nhanh trong những trò chơi lớn. Tôi nghe như có tiếng anh rên tức tưởi đau thương trong bao vãi. Tiếng anh van xin như con nai cổ thoát ra chiếc bẫy của người thợ rừng. Tiếng anh gọi vợ, gọi con ai oán trong đêm khuya giữa bãi cát trắng hoang vu. Mỗi buổi sáng lúc 6 giờ. Anh nhìn xuống tôi như muốn dặn dò, trao gởi những điều anh chưa kịp nói. Anh nhìn xuống như để mong tôi giúp anh tìm câu trả lời mà người giết anh, có thể đã bận lo bịt mắt, siết dây, nên không kịp trả lời. Họ là ai và tại sao họ phải giết anh?. Trong giảng đường chùa Viên Giác, tôi nhớ, có lần tôi đã hứa với anh rằng sẽ đi tìm thủ phạm.

Vài tháng một lần tôi được phép về Đà Nẵng thăm cô tôi, người gần gũi nhất còn lại của tôi lúc bấy giờ. Cô tôi bệnh thường xuyên. Cái chết của gia đình người chị họ tôi, con thứ bảy của cô, và rồi cái chết của cha tôi, em trai út của cô, đã làm căn bệnh của cô ngày thêm trầm trọng. Chị Bảy, chồng, và con gái bốn tuổi chết khi chiếc xem lam anh chị ngồi chạy qua một trái mìn cực mạnh được đặt trên đường lớn chạy từ trạm Nam Phước lên chợ Quận Duy Xuyên. Thân xác họ bị mìn xé tan nát thành hàng trăm mảnh nhỏ. Các anh họ của tôi phải đi dò tìm trong những thửa ruộng hai bên đường để nhặt từng cái đầu, từng cánh tay, từng chút thịt. Tất cả được bỏ chung trong một cái nia lớn, sau đó chôn cất trong nghĩa địa gần nhà.

Cô tôi có vẻ vui hơn trong những lúc tôi về. Biết tôi suốt tháng ăn chay nên dù rất nghèo, cô cũng ráng mua sắm thêm chút cá thịt cho bữa ăn. Cô thức khuya hơn, dặn dò tôi hàng trăm việc. Cố gắng nhịn nhục. Cố gắng chịu đựng. Cố gắng học hành. Cô hỏi thăm từng việc lớn nhỏ trong chùa tôi đang tá túc.

- Bà Chín có còn chửi mắng con không?

- Không, bà Chín chết rồi.

- Sao vậy?

- Xe tông chết.

- Có ai đánh con không?

- Không.

- Có ai bắt con làm chuyện gì nặng nề không?

- Không.

- Thầy có biểu con đi tu không?

- Có, nhưng không phải thầy Viên Giác.

- Thế ai biểu con?

- Thầy Giải Nguyên.

- Thầy Giải Nguyên là ai?

- Đệ tử của thầy Viên Giác.

- Con trả lời thầy Giải Nguyên sao?

- Con thưa với thầy con không muốn đi tu.

- Thầy nói gì thêm?

- Thầy nói đi tu sẽ được các thầy lo lắng ăn học, mai mốt lớn sẽ được đi Huế hay Sài Gòn học thêm. Không đi tu chẳng lẽ ở trong chùa này hoài hay sao. Chùa chỉ dành cho người đi tu thôi, đâu có thể nuôi con hoài như vậy được.

- Thế con trả lời sao?

- Con không biết trả lời sao vì không biết nếu thầy đuổi sẽ đi đâu, nhưng con nhất định không đi tu.

- Thầy hay hỏi thế không hay chỉ hỏi một lần?

- Nhiều lần nhưng tháng này thì không hỏi nữa vì con đã bạch với thầy là con nhất định không đi tu.

- Con đừng bỏ đi. Nếu thầy đuổi thì về Đà Nẵng ở với cô.

- Nhưng ở Đà Nẵng với cô thì chỉ đi bán cà-rem hay đánh giày chứ làm gì có trường công để học.

- Ủ thì lúc đó hãy tính.

- Con phải đi học.

- Cô biết, nhưng lúc đó hãy tính, giờ còn đi học được thì phải lo học.

- Dạ.

Hai cô cháu tôi thường ngồi như thế rất lâu trong căn nhà nghèo nàn phía trong Ngã Ba Huế. Một đứa bé bất hạnh ngồi bên người đàn bà bất hạnh trong một đất nước bất hạnh. Thịnh thoàng cô đưa bàn tay gầy guộc cầm lấy tay tôi sợ rằng đứa cháu trai của cô

sẽ khóc. Tôi không khóc. Cô không khóc. Không có hay vì không ai còn giọt nước mắt nào để nhỏ trong những đêm tôi về thăm cô. Nếu có chẳng chỉ là những giọt nước mưa từ buổi chiều còn đọng trên mái tranh nghèo, như những nốt nhạc buồn, gõ từng nhịp đều vào chiếc lu hứng nước ngoài sân.

Ở Hội An những năm đầu tôi không có bạn. Bạn chân tình của tôi, ngoài hai cây đa già mà tôi đã nhiều lần viết về trong những bài tâm bút khác, chỉ còn là những vì sao trên nền trời. Những đêm hè, tôi và nhiều chú đệ khác, thường ôm chiếu ra trước hiên chùa nằm ngủ. Sân chùa rộng, lát gạch, những chậu hoa nhiều loại được đặt chung quanh một hồ sen nhỏ. Các đệ nằm xuống là ngủ ngay. Hồn nhiên như những giọt sương sớm trên cành. Tôi chưa hề nghe các chú than van. Không chú đệ nào thắc mắc tại sao chú phải đi tu, tại sao chú không được đi thả diều, đuổi bướm, đá banh như nhiều đứa bé cùng tuổi trong xóm. Dường như với các chú, tu hành không phải chỉ bắt đầu vài tháng, vài năm mới đây thôi mà là để nối tiếp một hành trình dở dang từ kiếp trước. Tôi thì khác. Tôi phải sống ở đây chỉ vì không còn một nơi nào khác để dung thân. Tôi đang chiến đấu để tồn tại trước bao nhiêu bất hạnh của thế gian đang đè xuống đôi vai nhỏ bé của tôi.

Những đêm khuya im vắng tôi ngồi dưới hiên chùa ngắm hàng vạn vì sao mọc kín vòm trời. Một cảm giác lạ kỳ, vừa ấm cúng nhưng cũng vừa cô độc, vừa rất thực nhưng cũng vừa hư huyền thường đến với tôi trong những đêm khuya khoắt như thế. Tôi chọn một vì sao nhỏ, lẻ loi và xa xôi nhất trong dải thiên hà bát ngát để làm bạn với mình, để chia xẻ những buồn vui bất gặp trong ngày. Tôi tâm sự với sao những chuyện thầm kín nhất. Những chuyện tôi chưa từng nói với ai và, dù tôi muốn, cũng chẳng có ai gần gũi để cùng san sẻ. Như thầy Giải Nguyên có lần đã cảnh giác, nếu không đi tu, sớm hay muộn, tôi cũng phải ra đi khỏi nơi này. Tôi biết. Tôi biết. Dù thế gian này là giả tạo và mộng tưởng, dù khoảng khắc tôi đang sống là vô thường hay hữu thể, thì con đường dài sâu hun hút phía bên kia cổng tam quan chùa Viên Giác vẫn là con đường có thực. Con đường đầy gai góc kia, một ngày không xa, trong cuộc đời này, tôi phải dẫm lên, tôi phải đi qua.

Những đêm gió mát, tôi thường nằm hàng giờ lắng nghe tiếng lá rung xào xạt, hồn đuối theo những mơ ước

riêng tư của lứa tuổi đang bắt đầu mơ mộng. Tôi mơ về một mái nhà ấm cúng. Một gia đình. Một người chị. Một đứa em. Một người bạn. Một chiếc xe đạp. Một thôn xóm thanh bình. Tôi mơ thấy cha tôi về. Vẫn chiếc áo cánh đen như ông thường mặc. Vẫn giọng hát bộ điệu nam ai buồn nào nuốt mỗi đêm trong căn nhà tranh nhỏ. Vẫn với hình ảnh của người thợ dệt vải nghèo nàn ở làng Mã Châu, mỗi ngày dệt dày thêm những sợi buồn phiền vào cuộc đời vốn đã nhiều cay đắng của mình.

Những đêm như thế, tôi nhớ lại hình ảnh chiếc trực thăng quân đội mang cha tôi đến một bệnh viện dã chiến mà tôi không biết tên, với hy vọng cứu sống cuối cùng. Tôi nhớ đến đôi tay người lính Mỹ ôm tôi lại để khỏi bị cuốn theo sức hút từ chiếc trực thăng đang cất cánh. Chiếc trực thăng bay xa, bay xa, nhỏ dần, nhỏ dần và mất dạng bên kia hàng dương liễu. Tiếng gọi cha của thằng bé mười ba tuổi bị át đi bởi tiếng máy trực thăng. Không ai nghe. Không có tiếng trả lời. Tiếng thét của tôi, như một viên sỏi nhỏ rơi vào biển cả, không tạo nên một làn sóng nhỏ, không để lại một âm vang. Và như thế cha tôi đi. Ra đi vĩnh viễn trong cát bụi mịt mờ. Tuổi thơ của tôi, từ hôm đó, như chiếc lá non bị cuốn vào cơn bão lửa mịt mù của thế kỷ. Mỗi ngày 22 tháng Chạp, tôi tự mình đọc kinh cầu siêu cho cha. Không ai biết, ngay cả chính tôi, đó là ngày giỗ cha tôi.

Và ở đó tôi lớn lên. Lớn lên trong tiếng chuông chùa nhẹ đưa vào đúng 5 giờ sáng mỗi ngày. Lớn trong những lời Phật dạy "hãy bao dung và tha thứ" đi nhẹ vào tâm hồn ngây thơ trong trắng của tôi. Lớn lên trong tiếng lá đa xào xạc suốt mùa thu viết vào hồn tôi những vần thơ buồn, mãi ba mươi năm sau mới dần dần kết tụ. Và tôi cũng lớn lên dưới ánh sao của những đêm hè nằm nghe tuổi hoa niên thốn thức.

Tháng 8 năm 1972, tôi lạy Phật ra đi, sau lưng cánh cửa chùa cũng vừa khép lại.

Hôm nay ngày giỗ cha tôi. Nhìn đứa con trai mười ba tuổi của tôi lạy ông nội mà cảm thấy tự thương mình. Năm đó tôi cũng chỉ mười ba tuổi. Ba mươi lăm năm trong một đời người. Từ Mã Châu, xuống Hội An, ra Đà Nẵng, vào Sài Gòn và chiều nay giữa xứ người trong mùa đông Boston giá rét. Con nước nhỏ dưới chân cầu Vĩnh Điện, Câu Lâu ngày xưa đã trôi xa thẳm. Trôi xa hàng vạn dặm. Những người thân yêu nhất trong thời hoa

niên khốn khổ của tôi không còn nữa. Thầy Viên Giác đã viên tịch. Cô tôi đã chết. Cô tôi mất khi tôi còn ngồi trong tù vượt biển ở Bạc Liêu nên không kịp về Trung để tang cô. Ra tù tôi lại phải lo vượt biên lần nữa. Ngồi trên thành ghe tôi đau xót nhớ về cô. Ngày xưa tôi thường nói với các anh chị họ, nếu cô chết tôi sẽ không bao giờ về Mã Châu lần nữa. Thế mà thật. Hai mươi hai năm rồi từ ngày cô tôi chết, hai mươi hai năm tôi vẫn chưa về lại Mã Châu. Tôi nhớ vô cùng bàn tay gầy guộc, chiếc áo cánh màu nâu cô thường mặc, nụ cười héo hon trong mỗi lúc thấy tôi về. Văng vẳng bên tai tôi những lời hỏi han, dặn dò, lo lắng của cô "Có ai đánh con không?", "Có ai chửi mắng con không?" Tôi bao giờ cũng trả lời "không" để cô vui, dù mỗi ngày trên con đường tôi qua, biết bao người đã chửi mắng tôi, đã bao người xò tôi ngã.

Hôm nay, nếu cô tôi còn sống chắc là cô vui lắm. Thằng cháu mồ côi mười ba tuổi của cô đã sống sót, đã có gia đình, vợ và ba cháu rất ngoan. Giác mơ thời niên thiếu tuy vẫn còn xa, vẫn chưa thành sự thật nhưng cháu của cô đã làm được một điều quan trọng mà cô dặn dò: hy vọng để mà sống, cố gắng để vươn lên, học để làm người có ích. Nhánh lau non bên bờ sông Thu Bồn ngày xưa, còn đứng được sau cơn bão lửa triền miên dài hơn một phần tư thế kỷ.

Ba mươi lăm năm sau. Tôi đã tìm ra và đã bắt được kẻ đã chôn sống anh Hoành. Tôi cũng đã tìm ra và bắt được kẻ đã bắn viên đại pháo vào căn nhà tranh thân yêu của tôi trong đêm tháng Chạp năm 1968. Tôi đã tìm ra và bắt được kẻ đã đặt trái mìn trên con đường dẫn lên chợ Quận Duy Xuyên ngày trước.

Tôi đã tìm ra.

Vâng, nhưng tôi cũng đã tha họ đi.

Tôi tha người du kích đặt mìn và những người đã bắn viên đại pháo đi chỉ vì họ không phải là chính phạm. Chính phạm đã gây ra bao nhiêu thảm họa cho đất nước tôi, không phải từ những bàn tay, những viên đại pháo, những bẫy mìn, mảnh đạn nhưng là những tư tưởng phản dân tộc, nô lệ, vong bản, ngoại lai độc hại, bằng nhiều ngà, nhiều thời điểm, nhiều cơ hội đã cấy vào con người Việt Nam, xâm nhập vào suy nghĩ Việt Nam và qua đó, điều khiển những hành động của một số người Việt Nam, nhất thời, có quyền lực trong tay. Những nọc độc văn hóa đó gần một thế kỷ qua đã biến

bao nhiêu con người Việt Nam thật thà chơn chất thành những kẻ sát nhân, biến tâm hồn Việt Nam đầy ấp thi ca, với những ngày mới lớn "rất đậm hương và rộn tiếng chim" để có thể một ngày, nhắm tâm hạ bút "giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ".

Đất nước, vì thế, hơn bao giờ hết đang đối diện với một nhu cầu đổi mới. Không phải đổi mới theo mô hình xã hội chủ nghĩa hay kinh tế thị trường. Không phải đổi mới trong khoa học kỹ thuật hay kinh tế chính trị mà là đổi mới con người. Phục hưng Việt Nam phải bắt đầu từ việc phục hưng con người Việt Nam.

Tôi cũng đã tha những người siết dây anh Hoành đi, bởi vì, trong lúc sợi dây oan nghiệt phải tháo từ cổ anh Hoành nhưng cũng không nên dùng nó để buộc vào cổ người khác, và càng không nên buộc vào cổ con cháu họ. Tôi không thể nhân danh việc trả thù cho cái chết oan ức của anh Hoành, nhưng thật ra chỉ để trút cơn thù hận của riêng mình lên thế hệ hôm nay.

Đạo Phật là đạo của tình thương, bao dung và tha thứ. Lời thầy dạy ngày xưa: "tinh thần Phật Giáo giống như tấm lòng của mẹ đất, chịu đựng bao sức nặng và lỗi lầm của nhân loại mà không hề than van, oán trách, vẫn đem đến cho đời niềm vui và sức sống". Ba mươi lăm năm, những bài học đầu tiên đó còn in đậm trong tâm hồn tôi. Anh Hoành đã trọn nghiệp. Dân tộc đã trọn nghiệp. Bóng tối của lạc hậu, rẽ chia, thù ghét nhỏ nhen phải được xua tan bằng ánh sáng của cảm thông và đối thoại trong một tinh thần tương kính trên một đất nước Việt Nam văn minh và khai phóng.

Những con sông Gianh trong lòng người phải cần được lấp lại. Lấp lại bằng cảm thông chứ không phải bằng những bãi xương khô, những cánh đồng nhuộm máu. Người Việt Nam cần được nghe tiếng chuông chùa nhẹ đưa, tương tự như cũng cần được nghe tiếng chuông nhà thờ thánh thoát. Hãy trao cho các thế hệ tương lai Việt Nam một cơ hội để được sống trong hòa thuận, bao dung, tha thứ.

Tại sao chúng ta phải mang theo một gánh nặng của phân hóa, rẽ chia, hoài nghi, mặc cảm, trong lúc dân tộc Việt Nam đang cần một đôi cánh để bay cao, để vượt qua ao hồ quá khứ, để mong đuổi kịp nhân loại, đã nhiều thế kỷ tiến xa về phía trước? -

Tỉnh giấc liêu trai



Hà Mộng Bích

"Tiền thân ta dầy mây thúá,
Trăm năm với kiếp hạt mưa luân
hồi" (1)

Hồ Sinh, người tỉnh Long Hồ, thuộc dòng dõi thế gia và là con thứ tư của một gia đình mộ đạo, giàu có trong vùng. Thuở nhỏ cha chàng cho theo học chữ Nho với một bậc khoa bảng. Lớn lên Sinh tỏ ra là một thanh niên hào hoa trang nhã, tánh tình khảng khái, thích việc thiện ghét điều ác, sẵn sàng giúp kẻ thế cô. Từ lúc trẻ, Sinh đã có ý nghĩ thoát tục, chỉ ham chuộng thi phú văn chương và nhất là thích nghiên ngẫm các kinh sách của nhà Phật. Lạ hơn nữa là Sinh luôn luôn có một niềm tôn kính đặc biệt đối với những vị xuất gia, nhất là bậc Tăng lữ, vì vậy mà bà nội và chị càng thêm nuông chiều cho là phúc đức của gia đình.

Những khi rảnh rỗi nhàn hạ, Sinh thường hay đến viếng ngôi cổ tự trong làng. Phong cảnh thanh đạm u nhã của chốn thiền môn đem đến cho chàng một cảm giác thanh thản an nhiên tự tại mà chàng không bao giờ có được khi phải lẫn mình vào cuộc sống ồn ào ở chốn thị thành. Vào chùa lay Phật, nghe kinh, chàng thường hay lẫn thẩn đi viếng cảnh chùa, dạo chơi

khu vườn trúc râm mát u tịch, thường ngoạn hồ sen để xem đàn cá vàng tung tăng bơi lội. Lá sen xanh biếc một màu nhô lên khỏi mặt nước, chen lẫn với những búp sen còn nhọn hay những hoa sen nở rộng cánh trắng hồng, thanh khiết. Hương thơm của nhụy sen thoảng nhẹ trong làn không khí hương thiền đem đến cho khách nhàn du một cảm giác êm đềm thoát tục. Thật là:

"Gió thông đưa kệ, tan niềm tục,
Hồn bướm mở tiên, lẫn sự đời" (2)

Có lần vô tình, Sinh gặp được một vị lão tăng ở phía sau hậu liêu của nhà chùa. Vị sư già lông mày bạc phết, đôi mắt thường hay nhắm lại, nhưng không mất vẻ tiên phong đạo cốt của một vị thiền tăng. Tăng chúng trong chùa không ai biết rõ vị lão tăng vào tịnh tu ở chùa lúc nào, chắc đã từ lâu lắm rồi nhưng vì thấy Hòa Thượng trụ trì một lòng kính nể vị lão sư, đối đãi như một bậc tôn trưởng nên cả chùa đều kính trọng xem như một vị tiền bối thần tăng. Hồ Sinh không hiểu được cái duyên lành nào mà lại lọt vào cặp mắt từ bi của vị sư già này nên trong những lần thăm viếng chàng đã được nhà sư ưu ái giảng cho nghe một đoạn kinh cao thâm hay giải đáp những chỗ thắc mắc của chàng khi chưa thấu hiểu được cốt lõi của một quyển kinh Đại Thừa. Đã có lần vị sư hiền từ bảo chàng:

- A Di Đà Phật. Lão tăng thấy thí chủ dường như dành khá nhiều cảm tình với đạo Phật. Tuy nhiên, nay chưa phải là người xuất gia, nhưng bàn tăng cũng đoán được là thí chủ đã từng vướng víu nơi của Phật trong nhiều kiếp quá khứ, trồng nhiều căn lành, hạt giống bồ đề đã có sẵn nơi tiềm thức chỉ chờ có duyên lành là lời cuốn thí chủ vào chốn thiền môn này.

Sinh cung kính thưa:

- Đại Lão Sư. Tiểu sinh ngu muội, thật không biết đã trồng được căn lành gì, nhưng từ khi có duyên gặp gỡ Ngài đến nay thì như kẻ lạc đường trong đêm tối, bỗng thấy được ánh sáng le lói từ phía xa xa. Vậy nếu không phải là nhân duyên từ kiếp trước thì Đại sư bảo là gì đây? Tiểu sinh chỉ mong Đại sư lấy đức Từ Bi Hỉ Xả của nhà Phật mà mở đường chỉ dẫn cho tiểu sinh được nhờ.

Vị lão tăng cười hiền từ đáp:

- A Di Đà Phật. Phật Pháp vô biên, người gieo nhiều nhân lành đương nhiên gặt được quả tốt. Thí chủ vốn đã

có sẵn phúc phần chớ bàn tăng nào có tài đức gì đâu...

Ngày tháng trôi qua, Hồ Sinh thường hay lần la đến cửa chùa để thăm viếng vị lão tăng. Vị thiền sư đã không xem chàng là hàng hậu bối mà lại còn ưu đãi Sinh như một người bạn vong niên tri kỷ. Một già một trẻ xem chừng tương đắc, nhiều khi giữ chàng lại bên ấm trà nóng, cùng nhau đàm đạo thi văn hay kinh điển của nhà Phật làm chàng quên cả thời gian trôi qua.

Cho đến một hôm, đêm nằm ngủ, Sinh bỗng giật mình thức giấc, cảm thấy bản khoản ray rứt vì một giấc mộng kỳ dị quái đản mà chàng vừa mới trải qua. Chàng không hiểu tại sao cứ thấy giấc mộng này đã vài lần rồi chẳng lẽ nó có liên quan gì đến chàng chăng?

Sáng hôm sau, chợt nhớ đến vị lão sư, Sinh cả quyết đến chùa để thăm vị sư già đồng thời đem biếu vị lão tăng một ít trà ướp sen mà chàng vừa mới mua được và biết đâu vị thiền sư lại chẳng giải đáp được điềm mộng cho chàng. Đến chùa lay Phật và vấn an Hòa Thượng trụ trì xong, chàng xin phép được vào phía sau hậu liêu để thăm viếng vị lão tăng. Nghe tiếng Sinh đến, vị sư già từ từ mở cặp mắt hiền từ bảo chàng:

- A Di Đà Phật. Hôm nay thí chủ có thì giờ rảnh rỗi đến viếng cảnh chùa và thăm bàn tăng nữa à?

Sinh cung kính đáp:

- Đại Sư, tiểu sinh lại đến quấy rối việc thanh tu của Ngài, xin Đại Sư tha lỗi cho. Lão sư, Ngài có được khỏe chăng?

Vị lão tăng điềm đạm nở một nụ cười từ bi:

- A Di Đà Phật. Cửa Phật từ bi mở rộng, lòng rộn rang không động thì các vọng niệm cũng mất dần, thân tâm an lạc, thí chủ nghĩ bàn tăng còn phải bận bịu gì với trần cảnh dục lạc này?

Hồ Sinh trịnh trọng xá dài vị lão sư rồi cung kính thưa:

- Đại Sư, hôm nay tiểu sinh có điều muốn thưa với Đại Sư để nhờ Ngài chỉ điểm cho tiểu sinh được nhờ. Đã nhiều lần, tiểu sinh nằm mộng thấy mình đang ở trong một cảnh chùa tịch mịch nhưng cố tìm trong ký ức cũng không rõ đã viếng ngôi chùa này ở đâu, vào lúc nào? Nhìn lên chánh điện, chỉ thấy một cột khói hương bay mờ mờ ảo ảo dường như muốn nhắc lại cho tiểu sinh một tiền kiếp xa xôi nào. Giật mình tỉnh

giác, tiểu sinh vẫn còn nhớ rõ hình ảnh của cột khói hương mờ ảo uốn éo bốc lên, chắc hẳn phải có một cái gì liên quan mật thiết với tiểu sinh vậy.

Vị lão tăng nhìn Sinh với đôi mắt từ bi của nhà Phật, trầm ngâm hồi lâu dường như trở về với một quá khứ xa xôi, rồi điềm đạm bảo chàng:

- Thí chủ. Cột khói hương bay mờ ảo mà thí chủ thấy trong mộng đó là khói hương mà người đã kết nguyện ngày xưa cách đây trên một trăm năm. Khói hương vẫn còn vương vít nơi cửa Phật mà thí chủ đã hóa kiếp hai lần rồi.

Sinh bàng hoàng kinh dị, nhìn vị sư già trán trổ chưa kịp nói gì thì vị lão tăng lại tiếp:

- Lời kết nguyện của thí chủ thì bản tăng chưa có thể nói cho thí chủ rõ được. Sau này, khi thời gian đã đến lúc, quả đã chín muồi, đương nhiên thí chủ sẽ biết được lời nguyện này.

Hồ Sinh bàng hoàng rúng động, chàng thấy mình dường như đang trải qua một giấc mộng kỳ bí. Vị lão tăng sao lại biết rõ được, việc này chắc phải có một nguyên do gì đó chưa tiện nói ra. Nhớ lại lần đầu tiên được hầu chuyện với vị sư già, Sinh đã nảy ra một lòng kính phục sâu xa, tự mình đặt vào hàng đệ tử của Ngài dù chàng vẫn còn thuộc vào hàng thế tục. Từ vị sư già toát ra một cái gì an tĩnh thoát tục, từ bi có mãnh lực thu hút chàng. Đột nhiên như người chợt tỉnh cơn mê, tâm bồ đề vụt phát khởi, chàng đứng đặc quỳ xuống trước mặt nhà sư:

- Đại Lão Sư, tiểu sinh vừa mới ngộ được chữ KHÔNG của nhà Phật, không còn ham cảnh trần gian nữa. Tiểu sinh mạo muội xin Đại Sư mở lòng từ bi đốt sáng ngọn đuốc Phật Pháp mà khai thị cho con được nhờ và thân nhận tiểu sinh vào hàng đệ tử của Ngài.

Vị lão sư trầm ngâm một thời gian tưởng chừng như vô tận rồi từ tốn bảo chàng:

- Thí chủ. Lão tăng là một Tỳ Kheo già nua quê mùa, đã từ lâu không dám nhận ai làm đệ tử. Nhưng đối với thí chủ thì bản tăng lại có một đoạn nhân duyên mà sau này thí chủ sẽ hiểu rõ. Thôi thì đành phải tạo thêm nhân mới và nhận thí chủ vào làm đệ tử duy nhất của bản tăng vậy. Tuy nhiên, bản tăng chỉ e là không còn có nhiều thời gian để giảng dạy giáo lý của Đức Thế Tôn cho thí chủ nữa. Ấu cũng là nhân quả kiếp trước vậy. Nay Thầy đặt pháp danh cho con là: Nhất Hạnh.

Đúng như lời tiên đoán của nhà sư, chỉ 3 năm sau vị lão tăng qua đời, trở về nơi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà, và để lại cho Hồ Sinh một niềm thương cảm không nguôi. Nhớ lời Thầy dặn, vị Tỳ Kheo trẻ mở tay nài của Sư phụ để lại thì thấy có một bức tranh kèm theo một lá thư nhắn nhủ của vị lão sư. Chàng cung kính mở thư Thầy ra đọc:

"Đệ tử tâm đắc của ta,

Khi con đọc thư này thì Thầy không còn ở bên con nữa mà đã trở về nơi cõi hư vô vắng lặng. Nhưng muốn giữ tròn lời hứa với con lúc trước nên ta thuật lại cho con nghe một mẩu chuyện nhân duyên giữa Thầy và con.

Ngày xưa, cách đây hơn một trăm năm, có một chàng thanh niên hào kiệt vốn dòng yêu nước, nên không ngần ngại lao mình vào cuộc chiến đấu chống ngoại xâm để giành lại tự do độc lập cho quê hương dân tộc. Nhưng vận nước đã đến hồi đen tối suy sụp, thực dân lại đẩy đủ khí giới tối tân nên trong một trận đánh tấn công quân giặc, nghĩa quân ta đã bị thua to, binh sĩ chết la liệt. Tàn quân lại bị địch truy kích ngặt nghèo. Chàng thanh niên tráng sĩ và một người bạn thân bị thương nặng nên phải chạy vào ẩn trốn trong một ngôi chùa cổ ở vùng Rạch Giá thuộc tỉnh Kiên Giang ngày nay. Người đồng đội vì vết thương quá nặng nên đã chết ngay tại hậu liêu của nhà chùa, còn chàng nghĩa quân thì được vị Sư già trụ trì giấu dưới hầm kín trong chùa nên thoát được cái chết. Viên sĩ quan địch tra hỏi và đánh đập dã man vị Sư già nhưng vị lão tăng vẫn một mực chối dài, cam chịu tội phạm giới luật của kẻ xuất gia để cứu lấy một mạng người.

- A Di Đà Phật, cửa chùa là chốn thanh tu, bản tăng nào dám giấu giếm kẻ tội đồ nào đâu ?

Quá tức tối vì thấy có vết máu trong chùa và bản chất vốn hung bạo khát máu của tên sĩ quan giặc không ngần ngại bắn chết nhà sư trước khi rút đi.

Sau khi thấy yên lặng, chàng nghĩa quân mỗi bò ra khỏi hầm kín, định tìm nhà sư để tạ ơn cứu mạng, trước khi ra đi. Nhưng khi đến chánh điện thì chàng mỗi phát giác nhà sư đang hấp hối trên vũng máu, dưới chân bàn thờ Đức Phật Tổ. Quá xúc động, chàng nâng đầu nhà sư lên, miêng lấp bắp: Đại Sư... Đại Sư... mà đôi mắt đã dòng

lệ tuôn tràn. Vị sư già chưa chết, nhìn chàng cố thều thào:

- A Di Đà Phật, thí chủ đã thoát nạn. Đây là nghiệp quả của bản tăng. Thí chủ không có trách nhiệm gì đâu. Thí chủ hãy trốn đi cho xa... đi. Chàng nghĩa quân trai trẻ gạt giọt lệ chảy dài trên má, vừa vuốt mắt cho nhà sư vừa nức nở:

- Đại Sư, con thật là tội lỗi. Chính con đã gây ra cái chết oan ức của Ngài.

Rồi quả cảm, chàng bước lại trước chánh điện, đốt một nén nhang cắm vào lư hương, trịnh trọng quỳ lạy Đức Phật từ bi và lâm râm khẩn nguyện:

- Đại Sư. Vì con mà Ngài bị thảm sát. Con xin nguyện trong kiếp tái sinh sẽ làm đệ tử của Ngài và theo hầu hạ Sư phụ cho hết cuộc đời để báo đáp ân đức này.

Trên chánh điện, một cột khói hương mờ ảo uốn éo bốc lên như chúng giám lời nguyện của người chiến sĩ đang hồi thất thế sa cơ. Đệ tử, người chiến sĩ nghĩa quân đó là tiền thân của con trong một kiếp trước và vị Sư già trụ trì là một tiền kiếp của Thầy. Vì vậy mà đã có lần Thầy bảo là ta và con có một đoạn nhân duyên với nhau. Sở dĩ Thầy đặc cách nhận con làm đệ tử dù biết mình không còn sống bao lâu nữa, là vì Thầy có ý muốn thành toàn lời nguyện ước của con ngày xưa và để con có cơ hội trả cái quả ấy cho viên mãn. Con là một đệ tử thông minh lễ độ, lại ham trau dồi kinh điển nhà Phật nên con đường tu học của con sẽ được tốt đẹp và mười phước Bồ Tát sẽ gia hộ cho con. Còn một việc chót là Thầy muốn con treo bức tranh Thầy vẽ trên vách hậu liêu và con dùng nó làm đối tượng suy tư mỗi khi ngồi thiền định. Con hãy xem như là công án riêng của Thầy để lại cho con. A Di Đà Phật.

Người tu sĩ trẻ bồi hồi xếp lại bức thư và nhìn vào bức tranh của vị lão sư để lại. Chỉ thấy trên nền giấy trắng vờn vện một cột khói hương đen, mờ ảo uốn éo như từ từ bốc lên. Phía dưới có hai câu thơ:

*"Diệu khế tam sinh mộng,
Do tồn nhất lữ yên" (3)*

Từ khi vị lão sư viên tịch, chàng tu sĩ trẻ càng gia tâm tu học, miệt mài trong các kinh điển của nhà Phật. Ngoài các công việc Phật sự trong chùa, các khóa học tập giáo lý, các

thời công phu, chàng thường hay ngồi định tâm hàng giờ trước bức tranh vẽ của Thầy để lại.

Thời gian trôi qua nhanh chóng. Mười năm đã qua. Chàng tu sĩ trẻ đã trở thành một vị Đại Đức tài hoa thông biện, rộng hiểu Phật Pháp cao thâm, tính tình lại khiêm nhã nên càng được các Tăng chúng trong chùa quý trọng. Đại Đức Nhất Hạnh vẫn tiếp tục thiền định trước bức tranh của người Thầy quá cố. Cho đến một hôm người trong chùa bỗng nhiên không thấy vị Đại Đức đâu nữa. Các tăng nhân đổ xô tìm kiếm nhưng vẫn biệt vô tăm tích. Không ai rõ nhà sư trẻ đã bỏ đi đâu? Có người bảo là vị Đại Đức đã tìm được giải đáp của công án nên đã bỏ đi. Có người cả quyết là Ngài đã chọn lối tu "Đầu Đà Khổ Hạnh" làm một hành cước tăng, lang thang trên khắp nẻo đường của đất nước để hoằng dương đạo pháp đem giáo lý của Đức Thế Tôn truyền bá vào chốn dân gian, thực hành Bồ Tát hạnh, tự giác giác tha. Chỉ có điều là khi chú tiểu Sa Di đến quét dọn cái hậu liêu của vị lão tăng, chợt nhìn lên bức tranh trên vách, chú tiểu bỗng sững sờ kinh ngạc tròn tròn đôi mắt. Cột khói hương đã bay đi đâu mất, chỉ để lại trên nền giấy trắng cũ vàng hai câu thơ tuyệt bút của nhà sư:

*"Diệu kế tam sinh mộng,
Do tồn nhất lữ yên" (3)*

mà nghĩa thoát là:

*"Khéo phảng phất như giấc mộng,
Hãy còn một làn khói nhỏ như sợi dây".*

Ghi Chú:

(1) Trích thi phẩm "*Như Giọt Sương*" Nhất Quán, Phật Học Viện Quốc Tế.

(2) Điển cố: "*Hồn Buồm Mỏ Tiên*", kể chuyện vua Lê Thánh Tông ngự chơi chùa Ngọc Hồ gặp Tiên nữ. Bích Câu Kỳ Ngộ.

(3) Trích "*Đăng Hương Lô Sơn Tự*" của Nguyễn Trục (1417-1474) đời Lê Thái Tông, muốn nhắc đến điển cố "*Cột Hương*" trong sách Vân Phủ Quần Ngọc, Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam.



— THƠ : Trần Việt Yên

Vinh danh Chuẩn tướng LÊ NGUYỄN VỸ Tư Lệnh Sư đoàn 5 Bộ Binh

Một nén hương lòng dâng Tướng
Vỹ!
Người thề sống thác với giang
sơn
Lai Khê đất hận mây sầu thảm,
Bến Cát trời than gió oán hờn!
Dạ sắt quyết mang đền Tổ Quốc
Gan vàng đành nát với Quê
Hương!
Tấm gương hùng tráng Lê
Nguyễn Vỹ
Một Tháng Tư đen, mấy đoạn
trường!!

Vinh danh Thiếu Tướng PHẠM VĂN PHÚ Tư Lệnh Quân Đoàn II

Mất đất phải đầu Tướng bất tài!
Mà vì thế cuộc nước cờ xoay.
Tây Nguyên trấn giữ gồm thao
lược,
Duyên Hải vẫy vùng trở sức oai!
Muốn quyết một lần thề sống
mái
Đành tuân thượng lệnh đã an
bài!!
Một liều độc dược tròn danh tiết
Hồn phách Ngài còn sống mãi
đây!

Vinh danh Thiếu Tướng NGUYỄN KHOA NAM Tư Lệnh Quân Đoàn IV

Thiên thu hùng khí Nguyễn Khoa
Nam,
Sống mãi trong hồn người Việt
Nam!
Thấp sáng toàn dân vì Chính
nghĩa
Giục lòng Quân Sĩ cứu Nhà
Nam!
Ngân vang tiếng súng đèn ơn
Nước,
Bay bổng hồn về với Tộc Nam!
Quốc biển không màng chi mạng
gửi.
Nêu danh Hào Kiệt đất Phương
Nam!!



Vinh danh Thiếu Tướng LÊ VĂN HÙNG Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV

"Sinh vi danh tướng, tử vi thần!"
Oai dũng muôn đời Lê Tướng
Quân,
An Lộc Anh Hùng công Tử Thủ,
Bình Long Kiêu Dũng giữ an dân!
Tây Đô vùng vẫy Rồng thêm
cánh
Mộc Hóa táo trừ Hồ có chân!
Son sắt một lòng vì Tổ Quốc
Thung dung tự nghĩa chết
Thành Nhân!!

Vinh danh Chuẩn Tướng TRẦN VĂN HAI Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh

Lệnh trên buông súng phát ra rồi!
Làm Tướng ông đành gạt lệ rơi,
Vĩ thử Miền Tây còn kể chống?
Giả như Xuân Lộc đánh vu hồi?
Còn dân đâu thể ra xem nhẹ?
Vận nước sao đành bỏ phế thôi?!
Ông nguyện đem thân đền Xã
Tắc
Tướng Hai sống mãi giữa lòng
người!!*
* Trần Việt Yên họa bài của Thi Hữu
Từ Phong

Vinh danh Đại Tá HỒ NGỌC CẤN Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Chương Thiện

Thất cơ khí tiết vẫn Anh Hùng,
Trước mũi súng thù chẳng khiếp
rung,
Chương Thiện Địa Linh tài đởm
lược
U Minh Bình Giáp chí tang bồng
Cuộc cờ nước cuối Rồng sa bẫy!
Thời thế vùn xoay Cọp vương
lung!
Nơi đoạn đầu đài không bịt mắt
Tiếng hô đồng dục đến Thiên
Cung!!

Một áng mây bay



A Loris Deconti, con affetto
DUY PHƯƠNG

Câu nói của David đã ám ảnh tôi một khoảng thời gian rất dài, và có thể cho rằng từ lúc ấy quan niệm sống của tôi đã dần dần thay đổi. Trước kia tôi luôn luôn tất bật trong việc mưu sinh, toàn bộ thời gian đều dành cho công việc. Tôi đã sống theo một thói quen, như một phản xạ, chấp nhận một cách thản nhiên nhịp điệu đều đều của năm tháng và ít khi suy nghĩ vẩn vơ... nhưng biến cố xảy ra cho bạn đã làm tôi kinh hoàng nhìn lại mình và từ đó tôi thường hay thắc mắc và ưu tư về ý nghĩa cuộc đời.

Lúc ấy là một buổi chiều mùa thu. Trên nền trời thiên thanh có những cụm mây trắng đang phiêu diêu về một phương trời vô định. Chúng tôi đang đứng trên tầng thứ sáu ở cuối hành lang bệnh viện nhìn xuống những đứa bé trên tay cầm những que kem cuối mùa hay những chiếc bong bóng nhiều màu bay bay trong gió. Không gian im đến nỗi có thể nghe những tiếng reo vui của chúng. Trong đầu tôi vừa lóe lên ý nghĩ là những hình ảnh vui tươi ấy sao mà tương phản với thế giới bên trong, giữa người thường và kẻ bệnh, thì câu nói của David đã làm những hình ảnh trước mắt tôi chao đảo và nhạt nhoà.

Giờ thì David và tôi đã mãi mãi không còn gặp nhau. Nhưng mỗi khi cây phong trong vườn tôi bắt đầu đổi sắc, nhìn những tán lá muôn màu lung linh trong gió thu bắt đầu chớm lạnh, lòng tôi lại không khỏi băng khuâng nhớ đến người bạn cũ. Những lúc ấy,

hình ảnh David cứ chập chờn hiện đến, khi mờ, khi rất rõ, làm đôi khi tôi có cảm giác về sự hiện diện của anh. Tâm trạng đó chỉ đến với tôi trong vài giây ngắn ngủi, nhưng âm thanh của lời nói cuối như vẫn còn vang lên rồi vọng lại từ một đáy sâu thăm thẳm trong tâm hồn.

*

Mười năm trước tôi gặp David trong hội nghị khoa học chuyên ngành. Lúc ấy tôi vừa tốt nghiệp đại học được vài năm và đang phụ trách một nhóm nghiên cứu kỹ thuật dược. Có lẽ tôi là người Á Đông duy nhất nên sự hiện diện của tôi đã gây nên một sự chú ý cho các đồng nghiệp. Trong giờ giải lao chúng tôi tình cờ ngồi gần nhau và sau vài câu xã giao, hỏi thăm vớ vẩn, David cho tôi biết là đang làm việc cho một hãng siêu quốc gia có chi nhánh tại Milano. Anh có khuôn mặt rất hiền, dưới vầng trán rộng và cao là đôi mắt long lanh, đầy nghị lực. Lúc đối diện không hiểu sao tôi lại tình nghịch để ý đến lọn tóc vô duyên bên trái thường rơi phủ mắt, ranh mãnh nhìn anh mân mê rồi hất lên, điệu bộ như cô con gái hay làm dáng.

Sau một lúc David nhìn tôi và hỏi:

- Xin lỗi, tôi không đoán được ông là người ở đâu! Nhưng tôi chắc không là Nhật, cũng chẳng phải Đại Hàn hay Trung Quốc.

- Tôi là người Việt Nam!

Tôi nghĩ David không đoán ra là phải. Thuở ấy sinh viên Việt Nam qua Ý du học rất ít. Có thể nói là đếm được trên đầu ngón tay. Chính quyền miền Nam chỉ cho qua có hai đợt rồi ngưng lại, bởi lệnh động viên sau mùa hè đỏ lửa.

Sau tiếng "ò" kinh ngạc, David hỏi tiếp:

- Việt Nam, nhưng quê ông ở đâu?

- Tôi ở miền Trung.

Tôi chỉ trả lời qua quít vậy thôi. Nhiều người Ý có người không biết Việt Nam nằm ở đâu trên bản đồ thế giới, nhưng khi nghe Việt Nam thì cứ hỏi xấn, làm như hiểu biết ghê lắm. Vài địa danh nếu có tình cờ nghe từ các phóng sự chiến tranh qua đài truyền hình chắc họ đã quên rồi. Họ chỉ chờ chúng tôi trả lời là thuộc về miền Nam hay miền Bắc để bình luận chiến tranh, để phân biệt chúng tôi là loại thân Nga hay thân Mỹ, đưa sâu câu chuyện về nội dung chính trị mà chúng tôi thường

tránh mắt thì giờ khi thấy không cần thiết. Theo kinh nghiệm khi nói miền Trung là họ bị khựng lại và bắt buộc phải thay đổi đề tài.

Nhưng lần này thì khác hẳn. David cứ hỏi tiếp:

- Miền Trung mà ở tỉnh nào? Gàn Huế hay Phan Thiết?

- Bình Định. Tôi bất ngờ thú vị, nhưng vẫn trả lời nhát gừng, tình quái nhìn anh với vẻ thách đố. Ông có biết là đâu không?

- Sao lại không? Vừa nói David vừa lấy bút vẽ nguệch ngoạc trên giấy. Bình Định, Qui Nhơn nằm giữa Nha Trang và Đà Nẵng, ở về phía đông Pleiku.

Tôi trở mắt ngạc nhiên. Hóa ra những năm 68-70 David có chân trong phong trào sinh viên tranh đấu đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam nên đã theo dõi tình hình khá kỹ.

Sau hội nghị chúng tôi quen rồi thân nhau.

*

Vi cùng ở Milano nên từ đó tôi và David thường liên lạc. Mới đầu chỉ trao đổi những thông tin nghề nghiệp, nhưng dần dần chúng tôi trở thành bạn thân. Tuy nhiên chúng tôi ít có dịp gặp nhau vì lúc đó tôi ở ngoại ô còn David vẫn ở trong thành phố.

David lớn hơn tôi năm sáu tuổi và là người luôn luôn sống cho công việc. Trong đầu anh lúc nào cũng ám ảnh ý nghĩ làm giàu và toàn bộ thời gian của anh đều dành cho mục đích duy nhất ấy. Sau này khi biết anh nhiều hơn, tôi mới vỡ lẽ ra là tại sao một người thông minh và vui tính như anh lại có rất ít bạn bè.

Lúc ấy David đã lập gia đình và có một bé trai. Carla, vợ anh, là một cô gái trẻ, khá đẹp, nhưng ít khi tiếp chuyện với những người quen của chồng mình. Lúc đầu tôi cứ tưởng tại cô ta nhút nhát, hay e thẹn, nhưng David cười và bảo là không phải. Anh cho hay là cô ta làm việc trong công đoàn và trước đây còn là một thành viên hoạt động trong phong trào phụ nữ. Tôi thấy lạ quá. Thông thường những người hoạt động xã hội thường ăn nói hoạt bát, cơ sao... nhưng có lẽ sau khi lấy chồng, bận bịu con cái, cô ta thay đổi tính.

Nhìn bề ngoài vợ chồng David không có vấn đề, họ sống bình thường như những gia đình khác.

Khi mang thai đứa con thứ hai Carla đề nghị chồng mua một villa gần thành phố, có vườn để các con có chỗ vui đùa và họ dọn về đó trước khi đứa bé ra đời. Thời gian sau vì hai con còn nhỏ nên Carla quyết định xin nghỉ việc.

Villa của David nằm khá gần khu nhà tôi cư ngụ nên từ dạo đó chúng tôi thường có dịp gặp nhau, phần lớn đều do tôi chủ động và điện thoại trước chứ David rất ít khi liên lạc. Lúc đầu tôi hơi phiền nhưng về sau biết những bận rộn của bạn, tôi không còn quan tâm nữa.

Thuở ấy tôi còn khá trẻ và cũng rất đam mê công việc. Tôi làm việc rất hăng say, đọc nhiều sách kỹ thuật để trau dồi nghề nghiệp. Đường công danh của tôi thênh thang rộng mở, tôi hăm hở tiến đến những mục đích của mình. Toàn bộ thời gian tôi dành cho việc tiến thân, ít khi quan tâm đến những chuyện tâm tình hay chia sẻ những buồn vui với những người trong gia đình. Những chuyện ấy tôi cho là vật vãnh, quá tầm thường. Lúc đó tôi còn quá non nớt để nhận ra tầm quan trọng về giá trị của những điều tưởng như tầm thường vì luôn nằm trong tầm tay, tôi nào biết đó là những vấn đề căn bản của hạnh phúc và an lạc trong đời người. Đến lúc đó trong đời tôi chưa xảy ra biến cố nào để giúp cho tôi hiểu - mà thường khi hiểu ra như thế thì đã quá trễ rồi, không sao cứu chữa được - Nhưng cũng có thể là do tham vọng và lòng kiêu hãnh của những người trẻ tuổi, luôn tưởng mình có sức mạnh vạn năng, có thừa sức để thực hiện những ảo tưởng ngông cuồng. Và cái bả lợi danh đã lôi cuốn tôi lao vào dòng đời như muôn ngàn người trẻ khác.

Nhưng sức làm việc kinh khủng của tôi thật ra chẳng thấm vào đâu so với những năng nổ của David. Ngoài công việc ở hãng, thứ bảy chủ nhật anh còn bận pha chế mỹ phẩm, và buổi tối tuần ba, bốn bận, xin trực đêm ở một pharmacie.

Dù có vị trí vững trong công ty nhưng David vẫn không vừa ý. Anh thường nói là lời khuyên của cha lúc nào cũng văng vẳng bên tai và thôi thúc anh đi tới. Anh cho rằng một chỗ đứng trong công ty dù cao đến đâu cũng phải lệ thuộc vào người khác nên anh quyết vượt qua những ràng buộc ấy để vươn lên. Bởi thế sau khi tốt nghiệp, anh vừa làm vừa học để lấy thêm bằng chuyên khoa chế tạo mỹ phẩm. Sống trong môi trường được,

anh thừa biết là muốn lập một công ty phải cần vốn rất cao mà cả đời anh cũng không thể nào dành dụm nổi, chỉ có chuyển qua mỹ phẩm thì sau này anh mới có thể trở thành chủ, vì luật lệ sản xuất không đến nỗi khắt khe và máy móc dành cho sản xuất tương đối đơn giản.

Có thể nói đây là sự chọn lựa chính xác và suy nghĩ sâu sắc của anh. Ngay trong villa anh trang bị một phòng sản xuất nhỏ và với óc sáng tạo, anh hoàn thành những công thức mỹ phẩm bằng những thiết bị đơn sơ, phần nhiều do tự chế. Trong những đêm trực ở pharmacie anh so sánh, đối chiếu những thành phẩm của mình với những sản phẩm đã nổi tiếng, nếu có chi tiết nào không vừa ý, anh về nhà đối đi thử lại mãi cho đến khi vừa ý mới thôi.

Sức làm việc bất kể ngày đêm của David đã làm tôi hoảng hồn vì chưa từng thấy ai làm việc như thế. Những thời gian sau, tôi biết rõ những sinh hoạt hằng ngày của bạn: Sáng dậy sớm vì quãng đường từ nhà đến phòng thí nghiệm thường kẹt xe và chỉ có cách rời nhà khi mọi người còn ngủ mới có thể tránh được giờ cao điểm. Ở sở, David luôn bận rộn và trách nhiệm nặng nề, tương xứng với những thăng thưởng thường xuyên. Đến giờ ăn trưa, David thường đi riêng, luôn luôn mang theo một tạp chí kỹ thuật và ngồi ở nơi vắng vẻ, Anh ăn vội vã và gần như lén lút đẩy một cái bánh mì nhồi thịt vào xách tay, cầm thêm vài quả trái cây cho bữa ăn chiều, vì sau khi tan sở anh phải đi trực ở một nhà thuốc tây suốt buổi tối. Từ sở đến pharmacie khá xa, nếu phải mua sắm thức ăn, chắc chắn anh sẽ đến trễ...

Những lần tôi gặp anh, không khi nào câu chuyện của chúng tôi không bị gián đoạn. Nếu hẹn ở phòng pha chế trong villa vào dịp cuối tuần thì anh vừa pha chế vừa nói chuyện, đồng hồ điện tử trên tay chốc chốc lại reo lên nhắc nhở một cuộc hẹn hò nào đó phải đi ngay, hay trả lời những cú điện thoại gọi đến để đặt hàng, thương lượng giá. Còn gặp nhau buổi tối ở Pharmacie thì ít khi chúng tôi nói cho tròn những điều cần nói vì khách gọi của liên miên, hoặc có khi bị ngắt quãng chỉ vì bạn xi-ke bấm chuông, mua syringe để chích choát.

Cuộc sống của David luôn luôn bị hối thúc bởi thời gian và hoàn toàn bị ám ảnh về tiền bạc.

*

Một thời gian sau, Carla nói là cô chán ở nhà một mình chỉ để dọn dẹp nhà cửa và lo cho con cái, nên xin phép anh được đi làm trở lại. David sợ vợ buồn nên chẳng những không ngăn cản mà lại còn khuyến khích. Mấy đứa con thường được gửi ở nhà ông bà ngoại. Dần dần Carla bị cuốn hút vào sinh hoạt chính trị, hợp hành liên miên nhiều bữa đến khuya mới dứt. Đôi khi trở về căn nhà quanh quệ David cũng thấy buồn, nhưng nỗi buồn chưa kịp ngấm thì anh đã hăm hở lao vào dòng đời để đuổi bắt thời gian.

*

Thấy anh làm việc quá đáng nên có lần tôi gắng hỏi. David thường nói là tao cần tiền, rất nhiều tiền. Chỉ có tiền thì tao mới được tự do và hạnh phúc. Tôi không bị những lý lẽ đó thuyết phục, nhưng rất tò mò muốn biết vì sao một con người nhạy cảm và thông minh như anh lại chọn một lối sống không mấy thông minh như thế.

Một lần David tâm sự và kể tôi nghe về gia cảnh của anh. Khi nghe chuyện tôi cứ thắc mắc mãi và không biết là những lời giáo huấn của cha mẹ khi các con còn thơ ấu có ảnh hưởng ra sao đến việc hình thành nhân sinh quan của chúng sau này.

David sinh ra trong một gia đình khá nghèo. Những buổi tối về nhà với bàn tay còn dính đầy dầu mỡ, người cha thường lập đi lập lại "Nhớ nghe con, trên đời này chỉ có học thức và tiền bạc mới mang lại một cuộc đời hạnh phúc". Bà mẹ đang chờ chồng rửa tay ở bồn nước trong nhà bếp, ngược đời mắt lơ lảo nhìn ông, Những lời ấy đối với bà quá cao xa, chẳng khác gì chuyện người ta mong cầu trúng số.

Từ nhỏ David là một đứa bé rất ngoan và học hành chăm chỉ. Anh luôn luôn tâm niệm là mình cần cố gắng tối đa để xứng đáng với công lao khó nhọc của cha, những lúc sau luôn về trễ vì hay nhận việc ngoài giờ. Sau khi lấy xong Tú Tài, cha anh khuyên con nên chọn một phân khoa kỹ thuật ở đại học vì tin rằng đó là sự chọn lựa tâm đắc nhất.

Có lẽ đó không phải là con đường đúng nhất đối với David. Hình như văn khoa mới hợp hơn với tính tình nhạy cảm, hay mơ mộng của anh. Nhưng không phải vì thế mà việc học hành của anh bị trở ngại. Trái lại là khác, bởi

anh luôn là sinh viên xuất sắc từ khi nhập học cho đến ngày trình luận án ra trường. Nhưng tiếc rằng người cha thân yêu không đợi được ngày vinh quang đó của con mình. Một buổi tối mùa đông, các đồng nghiệp làm việc ngoài giờ thấy ông ngồi tựa đầu trên bàn máy, như đang say ngủ. Nhưng đó là giấc ngủ không bao giờ tỉnh dậy. Con nhồi máu cơ tim đã cướp ông đi vĩnh viễn.

David còn lại một mình với mẹ. Bà lão sau cái chết của chồng càng đâm ra dờ dẩn. Sau khi tìm được việc, David đề nghị thay đổi căn nhà cho mẹ, nhưng bà gạt đi, thích được sống trong căn phòng âm u quen thuộc, vì đã từ lâu không còn ước mơ gì nữa.

*

Một hôm sau khi ăn mẩu bánh mì và đang chuẩn bị đi trực ở Pharmacie thì David chợt nghe dạ dày đau nhói lên như có nghìn mũi kim châm chích. Thoạt đầu anh tưởng ăn không tiêu nên vội pha một gói Alka Selzer, nhưng uống xong cơn đau vẫn không thuyên giảm. Anh nghe bụng mình sôi lên và thức ăn bên trong như cứ chực trào ra. Không nhịn nổi, anh ôm bụng lăn lộn và gập người như con tôm. Khi nghe vị mặn dâng trong cổ họng, anh chạy vào phòng tắm rồi nôn ọe ra trong bồn rửa mặt. Một thứ bầy nhầy hôi hám màu đỏ bầm hiện lên, có xen vài giọt máu tươi. Anh vội vã súc miệng và khi ngẩng lên, nhìn khuôn mặt mình phờ phạc và hốc hác trong gương, anh sững sờ quay đi phía khác.

Sau phút hoảng hốt, anh cố gắng lấy lại bình tĩnh. Chắc chẳng có gì nghiêm trọng đâu. Chẳng qua chỉ là một cơn viêm dạ dày, nếu cố gắng chữa trị chắc sẽ đâu vào đấy. Nhưng anh thấy mình mệt mỏi và đầu óc vô cùng căng thẳng. Anh định bụng sẽ xin nghỉ một thời gian dưỡng sức. Anh sẽ bảo Carla xin phép để dẫn các con cùng đi. Lâu nay gia đình không có dịp sum họp. Bỗng dưng anh thấy mình có lỗi với vợ con. Rồi để tự trấn an anh cố hình dung đến những ngày lý thú sắp tới, nhìn các con tung tăng trên bãi biển.

Sáng hôm sau cơn đau vẫn không hề thuyên giảm. Những ngày kế tiếp cũng chẳng khá gì hơn. Khi David đi khám, bác sĩ cho nhập viện khẩn để xác định bệnh lý.

Kết quả kiểm nghiệm cho hay là anh bị ung thư bao tử !

David hoang mang vô kể. Làm sao bây giờ đây ? Anh thần thờ như người mất trí. Chiều đó anh nằm đợi ở nhà để báo cho vợ hay thì lại còn nhận thêm một cú điện thoại bất ngờ. Bên kia đầu dây, luật sư của Carla thông báo là nên tiếp xúc với ông ngay để dàn xếp vấn đề ly dị ! David bàng hoàng. Lâu nay hạnh phúc gia đình của anh đã tan thành mây khói mà anh vẫn không hề hay biết. Nhưng nỗi đau xé ruột là tại sao một vấn đề sinh tử như thế, Carla lại không trình bày với anh trước, để đến nỗi phải thông qua trung gian một người lạ mặt. Và oái ăm thay, lại chọn đúng lúc này !

*

Khi David nằm điều trị ở bệnh viện, Carla mang một xấp hồ sơ đến yêu cầu anh chuyển tên cô và các con làm sở hữu chủ villa và các trương mục ngân hàng. Lần đó David lặng người đi và xấp giấy rơi tung xuống đất bay là tả. Rồi anh thiếp đi trong mê man, phần vì mệt mỏi và căng thẳng, phần vì không muốn nhìn người đàn bà, mà đằng sau khuôn mặt mỹ miều kia có che giấu những âm mưu thâm độc, mà lâu nay anh vẫn ngu ngơ không hề hay biết.

Cho đến lúc này tôi vẫn còn thắc mắc về chuyện Carla và David. Tôi nghĩ dẫu họ không hoàn toàn hạnh phúc đi nữa, nhưng ít ra cũng có thể sống một cách bình thường như những cặp vợ chồng an phận trên dương thế. Trên đời này đâu có thiếu gì những cặp vợ chồng sống với nhau chỉ vì bốn phận, vì thói quen hay vì quyền lợi. Có thể sự mài mê làm việc của David đã tạo cho cô mặc cảm bị bỏ rơi, nhưng điều này cùng lắm là đưa đẩy cô đi tìm nguồn an ủi ở một người đàn ông khác, tình cảm giữa hai người đổ vỡ và đi đến ly dị. Nhưng tại sao Carla lại có thể nhẫn tâm như vậy ? Cái gì đã biến tâm hồn cô trở nên xơ cứng và bạo tàn như thế, đến nỗi đòi hỏi và chọn lựa thời điểm khi mạng sống của David mong manh như ngọn đèn trước gió ? Tôi thấy trong thái độ ấy có dáng dấp của một sự trả thù (?), có khi được xem như một cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa giai cấp nam và nữ, phát sinh từ sự hiểu biết lệch lạc và cực đoan về phong trào phụ nữ ! Còn lòng tham lam bệnh hoạn và ý muốn ly dị của Carla, sau khi quyết định có đứa

con thứ hai, là một điều vô cùng khó hiểu .

*

Sau khi cắt bao tử và lưu lại bệnh viện một thời gian xạ trị, sức khỏe David dần dần trở lại bình thường. Như vậy cái mầm bệnh hiểm nghèo đã được loại trừ khỏi cơ thể, nhưng còn lại một niềm đau khác đang xé nát tâm hồn.

Ý là nước tự do, tuy không cấm, nhưng do ảnh hưởng của Tòa thánh Vatican nên luật ly dị rất rườm rà và phiền phức. Trước khi hoàn tất thủ tục cần phải ly thân từ ba đến năm năm, có lẽ người soạn luật hy vọng là thời gian dài dằng dặc đó sẽ có những đổi thay và các đương sự có thể xin rút đơn, tránh đổ vỡ gia đình.

Thời gian ly thân David vẫn tiếp tục đi làm như cũ và mức độ làm việc của anh cũng không hề thuyên giảm. Villa lúc này vắng ngắt vì không có Carla và các con nên lúc buồn anh thường đến thăm tôi. Ít khi tôi thấy bạn đắm chiêu và suy nghĩ như thế. Có khi anh ngồi lặng hằng giờ, không nói tiếng nào.

Một hôm anh điện thoại báo tin là sẽ ghé lại thăm tôi để bàn vài việc trước khi đi trực ở Pharmacie. Tôi ân cần dặn anh đến sớm và nhân tiện mời anh dùng cơm chiều với gia đình.

Khó thể nào tôi quên được buổi chiều hôm ấy. Anh ngừng xe mô-tô trước nhà, tháo mũ casque cầm trước bụng bằng hai tay, điều bộ vô cùng thiếu não. Lúc bước vào anh chỉ kịp chào hỏi qua loa rồi xin phép để nghỉ chừng vài phút. Tôi bảo anh cứ tự nhiên. Thoạt tiên anh ngồi tựa đầu lên bàn nhưng chỉ một lát sau, vẫn giữ nguyên quần áo anh nằm xuống divan trong phòng khách rồi ngủ thiếp đi.

Tôi ái ngại nhìn anh, lắng nghe tiếng ngáy nặng nề nhưng vẫn để yên cho anh ngủ. Hơn một giờ sau tôi mới đánh thức vì sợ trễ công việc của anh. David bèn lên nhìn tôi, miệng lí nhí vài lời xin lỗi không nghe rõ.

Bữa cơm diễn ra thật vội vàng và không ai còn nhớ đến câu chuyện anh định nói với tôi. Trước khi từ giã tôi khuyên anh nên hạn chế việc trực tối ở Pharmacie và việc sản xuất cuối tuần, nhưng anh gạt đi "Không được đâu, tao phải làm. Tiền khám chuyên khoa và thuốc men bây giờ đắt lắm !".

*

Một buổi tối mùa đông, David ngồi một mình trong căn nhà vắng vẻ, Anh nhìn trân trân những đồ vật quý giá

đang bày biện khắp nơi. Anh đứng lên mân mê cái TV đắt giá, bộ HiFi tối tân, đặt chân lên tấm thảm Ba Tư trải nền phòng khách thanh thang. Anh bước qua gian sản xuất mỹ phẩm, rồi mở toang cửa sổ ngó ra vườn, sân chơi của các con. Đó là tất cả những hy sinh của mình và anh từng gán cho chúng những giá trị cao sang. Rồi đột nhiên một câu hỏi vụt lóe lên trong đầu. Những thứ ấy nay dùng để làm gì ? làm vương làm tướng gì chẳng ? Nó có thể thay vợ, thay con, thay hạnh phúc gia đình ? Nó hàn gắn được những đổ vỡ ? Nó sẽ giúp anh thu hồi lại mười mấy năm hoang phí trong ảo vọng mang niềm hạnh phúc cho anh và những người thân ? Không !

Thế tại sao anh đã đổi trao những thứ vô tri này với một phần đời tươi trẻ của anh !

David không tìm ra câu giải đáp. Đầu óc anh như muốn nổ tung. Anh tuyệt vọng. Và căm thù. Anh hận đời. Anh oán người. Anh giận dữ với chính anh. Anh bỗng thấy gan tức và đổ kỹ với tất cả loài người còn có nguyên bao tử, không bị cắt bỏ như một phế nhân. Bỗng dưng ý thức nổi loạn trong anh lại bùng lên. Anh muốn đập phá cho đã nữ giận. Anh muốn thiêu hủy và đốt cháy tất cả. Chỉ cần một mồi lửa là mọi vật sẽ tan thành tro bụi và không còn gì nữa.

David cười lên như một thằng điên rồi đập cửa, bước ra ngoài. Anh cảm thấy cuộc đời thật là vô nghĩa nên không còn thiết tha gì nữa. Anh sẽ rải xăng quanh nhà rồi lái chiếc Mercedes xông vô cửa chính với mồi lửa trên tay. Ha ha ! ha ha ! Con đàn bà khốn nạn ngày mai sẽ đọc tin trên báo. Và nó sẽ thất vọng biết bao, khi âm mưu chiếm đoạt đã không thành.

Nhưng gió đêm lạnh lạnh bên ngoài đã làm anh bình tĩnh lại. Không, không thể như thế được. Cuộc đời đầy những lọc lừa và xảo trá, có nhiều nỗi khổ đau, nhưng dẫu sao cũng vẫn còn đáng sống. Tội gì phải hủy hoại thân mình, nhất là sau khi đã đổi chọi và chiến thắng căn bệnh nan y.

Anh thần thờ bước ra đường rồi lầm lũi bước nhưng chẳng biết đi đâu cho đến khi thấy một quán nước hầy còn mở cửa. Anh bước vào. Đã lâu lắm anh không đi lang thang như thế hay sống qua đêm trong những quán mở khuya.

Ở một bàn kê trong góc quán có một cô gái da đen khá đẹp, ngồi một mình. David nhìn cô và mỉm cười, cô

gái cũng cười theo, phở ra hai hàm răng trắng và đều như răng chuột. Họ gọi chuyện làm quen và lúc sau cùng bước ra khỏi quán trong đêm lạnh leo đầy sương mù. Anh đưa Julie về nhà mình. Khi ôm cô trong vòng tay rắn chắc anh cảm thấy lòng mình ấm lại và thân thể nóng bỏng của cô ta đã làm anh rạo rục. Đã từ lâu anh không còn cái cảm giác buông xuôi. Bàn nằng đàn ông trong anh vùng thức dậy và bùng lên ngọn lửa. Anh ôm siết cô vào lòng, ve vuốt, chải những ngón tay trong mái tóc mềm mại của Julie. Mùi thơm của cô gái phả lên nhẹ nhẹ như hun đốt thêm làm anh càng siết chặt bờ vai cô gái đang run lên lẩy bẩy... Tự dưng anh thấy mình vô cùng thương yêu cô gái bất ngờ xuất hiện, đến từ một cõi nào xa vời vợi, đang vuốt ve và âu yếm anh trong yên lặng, David yêu cầu Julie ở lại với mình và những chiều David đi làm về cô hay ngồi trên divan chờ đợi. Từ xa trông thấy ánh đèn cửa sổ le lói, lòng anh bỗng trào dâng một cảm xúc diệu kỳ và ngay lúc bước vô, anh ôm chầm lấy cô, nâng bổng lên và quay một vòng rất mạnh.

*

Hạnh phúc đến đột ngột làm David ngây ngất. Nhưng chỉ vài tháng sau Julie lặng lẽ bỏ đi không một lời giải thích. David không làm sao hiểu được lý do. Nhà cửa lúc cô đi vẫn hoàn toàn ngăn nắp và không hề mất mát một vật nhỏ nhoi nào. Con chim đen của anh đã vỗ cánh bay đi như những ảo ảnh khác trong đời .

*

Hơn năm sau bệnh tình của David tái phát nên phải nhập viện. Lúc này tóc anh đã rụng nên không còn lộn tóc thường rơi phủ mắt. Tội linh cảm là anh sẽ không còn sống bao lâu nữa khi những tế bào ung thư theo mạch máu lan đi, nên mỗi tuần đến thăm anh ít nhất là hai lần. Anh cũng thừa biết thế, nhưng bản năng sinh tồn đã giúp anh chống chọi với nỗi nguy hiểm cận kề. Thế nhưng nỗi đam mê công việc trong anh vẫn không hề giảm sút. Một hôm anh bảo: Mày biết không, hồi sáng cô y tá có thoa một loại kem rất mới để cạo râu cho tao, mịn và mùi thơm rất dịu. Tao đang nghĩ là hôm nào sẽ làm một công thức như vậy, chắc lời cao. Tội yên lặng, không biết nên cười hay nên khóc. Đến nước này anh vẫn còn nghĩ đến chuyện làm ăn và tin rằng tiền bạc sẽ giải quyết được mọi điều .

*

Bằng có một tuần bận việc không đến thăm mà khi trở lại tôi khựng lại trên ngạch cửa. Tội ngần ngừ không biết nên vào hay chẳng. Lúc đầu tôi cứ tưởng là bệnh viện đã đổi phòng cho David.

Trước mặt tôi hình như không phải là David. Đó là một người đàn ông cao lêu nghêu và gầy kinh khủng. Hai đường rãnh thật sâu kéo dài từ sống mũi đến cằm. Hàm râu lâu ngày không cạo, lôm chôm phun những chấm đen đầy trên khuôn mặt. Anh đang liếm một que kem, xin lỗi người bạn đã một thời gắn bó với tôi, hình ảnh đó giống như con khi đói trong sở thú. Tội bụm mặt bước ra ngoài, chạy dọc theo hành lang và khóc lên nức nở. Chúa ơi ! sao bạn tôi lại đến nông nỗi này!

Tội quay trở vào sau khi lấy lại bình tĩnh và lau khô nước mắt. Trong David chỉ còn đôi mắt sáng, nhưng tia nhìn hình như mang nặng những lo âu.

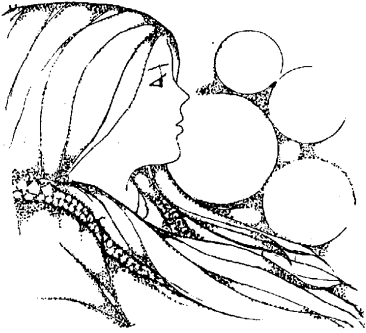
Khi thấy tôi David cố gượng cười. Sau vài câu thăm hỏi thường lệ, anh cho biết là ăn không ngon, chỉ có khát, và bảo tôi tắm khăn ướt đắp lên trán. Lát sau anh nói lâu ngày không vận động nên thấy tù túng quá. Tội đỡ anh ngồi lên xe lăn, thu xếp các ống nhựa, rồi đẩy anh ra khỏi phòng, đi đến cuối hành lang rồi quay lại. Đến vòng thứ hai anh bảo tôi ngừng và yêu cầu tôi mở cửa. Lúc đó trời đã vào thu và tôi sợ là gió lạnh về chiều sẽ làm anh khó chịu, nhưng giọng nói của anh nghe sao tha thiết quá. Tội điu anh đến bên cửa sổ và mở tung cửa kính. Anh gượng đứng lên ,mắt đăm đăm nhìn khoảng trời mở rộng. Anh đứng bất động một hồi rất lâu rồi quay sang tôi: "Nhìn kia Trung, những đám mây kia đẹp quá. Nhẹ nhàng và mềm mại như bông. Mày có thấy từ mặt trời đỏ rục những tia nắng nhiều màu xuyên qua mây rồi chiếu xuống theo hình nan quạt kia không ? Hoàng hôn ! Một cảnh sắc tuyệt vời. Thú thực đây là lần đầu tiên tao thấy nó. Trong đời tao, chưa bao giờ tao có thì giờ. Tao-chi-nhìn-chứ-chưa-bao-giờ-thấy" .

Tội lặng đi. Có cái gì cay đắng chẹn ngay cổ họng nên không thốt ra lời. Dường như David còn nói gì thêm, mà tai tôi ù đi, mơ hồ, nghe không rõ.

Về sau tôi hay là ngay đêm ấy David đã vĩnh viễn từ giã cõi đời. Năm ấy bạn tôi chỉ vừa bốn mươi lăm tuổi .•

(Milano 9-95)

Cuộc lữ hành



Vân Nướng Lê Ngọc Chấn

(Viết gửi Phạm Thị Kim Cúc -
California)

Vâng, cuộc lũ hành trong cõi nhân sinh ai nào tránh khỏi, phải không bạn? Tuy chúng mình vẫn coi nhau là tri âm tri kỷ, nhưng bạn chỉ biết tôi qua hình thức đại khái vậy thôi! Cái hình thức của một người vợ, một người mẹ rất bình thường, đã nhiều lần các bạn cho tôi được trời ban nhiều hạnh phúc, trội hơn những hoàn cảnh chung quanh. Tôi chỉ cười thầm, hình như đã có lần nói với bạn: "Đời tôi cũng đã trải qua nhiều sóng gió chứ phải không sao, và tôi hứa sẽ có dịp kể bạn nghe, chỉ riêng với bạn thôi! Còn thì hãy cứ để bức tranh hạnh phúc treo vui trước mắt mọi người. Cái cảnh gia đình hạnh phúc mà mãi khi mặt trời vừa đứng bóng, nghĩa là đã nửa đời người, gia đình tôi mới được yên tâm chung hưởng dưới một mái nhà".

Cũng chỉ vì trót sinh vào thời loạn lạc mà tôi đã phải dẫn bước biết bao nhiêu gian nan, quay cuồng trong kiếp sống, nhiều khi ngoảnh nhìn lại tôi đã không khỏi giạt mình tự hỏi: Tôi lấy nghị lực ở đâu để chịu đựng biết bao nhiêu thử thách như thế?

- Cuộc lũ hành đầu đời của tôi là lấy chồng vào một gia đình gốc thôn quê theo nông nghiệp. Chồng đang còn là một sinh viên, thông thường thì về nhà chồng là đúng lẽ nhất, nhưng khốn nỗi không thuận cảnh! Vì tôi sinh trưởng nơi tỉnh thành không thích hợp

với nếp sống hoàn toàn... quê rích quê rang!

- Vợ chồng bần nhau nát óc, cuối cùng tôi đành liều dẫn thân vào cuộc lũ hành sâu thêm chút nữa. Một người con gái tinh nhỏ ngo ngoe ngác ngác dẫn thân liều lĩnh ra chốn phồn hoa đô hội đất Thăng Long, giữa kinh thành Hà Nội khác nào như mán xá lạc lõng giữa thế giới của người Kinh?

Nhưng "trời sinh voi, sinh cỏ", gặp được người bà con đưa đường dẫn lối, tôi đã trở thành tay nghề làm bánh cung cấp cho mấy tiệm chốn kinh kỳ. Thứ bánh kẹp nướng làm bằng bột khoai mì, bột dong pha với nước cốt dừa béo ngậy, thêm vị vanille rất hợp với khẩu vị người Pháp. Không ngờ một chút nữ công tầm thường mà bắt cứ người con gái Việt Nam nào cũng biết, đã cứu vãn nếp sống của tôi suốt mấy năm chồng chưa thành sự nghiệp.

- Sau thời gian nghề làm bánh đã giúp tôi có một số vốn để hợp tác với một anh bạn mua máy và vật liệu sản xuất vở tập cho học trò, nhờ sáng kiến bìa trình bày "Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn" đã hấp dẫn được các cô các cậu học sinh nên cũng khá thành công. Tuy nhiên việc gì cũng chỉ là thời gian tạm bợ, khi chồng đã có một sự nghiệp vững vàng, chúng tôi đã từ già đất Thăng Long, chuyển hướng sang một cuộc lũ hành khác.

*
* *

Chẳng bao lâu xảy vụ "Cách Mạng Mùa Thu 45", Việt Minh xuất hiện đã đảo lộn nếp sống của người dân Việt, tôi phải mang con về tá túc quê chồng, trong khi nhà chồng tôi phải ra Hà Nội, khu vực Pháp chiếm đóng để tránh nanh vuốt bọn Cộng Sản đang phát động phong trào tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia.

-Sau đây là cuộc lũ hành cam go đã đảo lộn từ nếp sống thành thị sang nếp sống thôn quê, tuy đã được phân công lo việc bếp núc là việc nhẹ nhàng nhất trong những vụ chiêm, vụ mùa tất bật từ sáng đến tối. Nói nghe giản dị vậy nhưng hãy tưởng tượng phải lo cơm nước cho mấy chục người vào mùa gặt mùa cấy, lớp cho mấy chú lợn điền cày, bữa vào buổi sáng sớm tinh mơ. Phần cơm cho hai trẻ chăn trâu, lo bữa cơm cho gia đình sao cho thơm tất đầu vào đấy. Thoạt đầu là nồi nước chè tươi và cuối cùng là nồi cám lợn.

Tôi cứ xoay như chong chóng, rối rít tít mù; nhưng trời thương lâu dần rồi cũng quen và rồi cũng phải quen!!!

"Ngày ba tháng tám" theo như các cụ nói nghĩa là khi mùa màng đã chấm dứt, mọi người được nghỉ xả hơi. Mỗi phiên chợ Năng Cài cách nhà chừng nửa cây số, tôi lại ra chợ ngồi bán hai thúng gạo sớm muối (gọi vậy vì gạo trắng muốt như muối) thứ gạo kén để làm bún, bánh trắng, bánh cuốn... do anh người nhà gánh ra thu xếp chỗ ngồi cho tôi tươm tất rồi mới trở về. Tôi ngồi bán gạo bên cạnh một bà người Huế, bà cắt tóc ngắn, quấn một vòng khăn màu xanh lam, tôi nghe người chung quanh gọi là "bà Huế!". Cả chợ chỉ có tôi và bà Huế như hai cái cây khác giống mọc lạc lõng trong một khu rừng thuần nhất nơi đây! Bà Huế bán kim chỉ, thêm vài thứ lật vặt linh tinh bày trong một cái mẹt mà tôi nghĩ chỉ là hình thức dưới những cặp mắt soi mói của mấy chú Vệ Quốc Quân trong vùng.

Phần tôi khi bán xong hai thúng gạo, tôi lượn một vòng mua vài thứ lật vặt theo lời Mẹ tôi dặn, nếu anh người nhà bận việc không ra đón, thì tôi ỉ ạch quấy quang gánh về! Vậy mà chỉ là hai cái thúng không với vài thứ lật vặt nhẹ nhàng, trên đường về tôi cứ phải trở vai nọ sang vai kia. Đêm nằm còn bị đau ê ẩm, nhiều khi tủi cho thân phận, nghĩ tới câu thơ trong truyện Kiều của Cụ Nguyễn Du:

*Bất phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mỗi được phần
thanh cao*

Riêng chỉ còn lũ con là những liều thuốc bổ giúp tôi chịu đựng nổi trong giai đoạn này.

- Thế rồi vào năm 1948 nhà tôi thuê người về đón vợ con nhưng Mẹ tôi chỉ cho phép tôi đi với sứ mệnh: "Mợ ra đón cậu ấy về".

- Ôi, nói làm sao cho thấu cuộc lũ hành của tôi suốt hơn một tháng trời đi bộ từ Thanh Hóa ra Hà Nội. Ngày xưa tôi còn nhớ học môn Sử Ký - Địa Dư thì Thanh Hóa cách Hà Nội mấy trăm cây số. Vợ chồng người dẫn đường khi đó phải là những cán bộ giao liên của Cộng Sản, họ đã thuộc những con đường nào đi tắt, và tính giờ giấc đến đâu thì vừa tối để có nhà trọ nghỉ đêm. Còn các quán bán nước, bán thức ăn cho khách qua đường thì nằm rải rác qua các làng xóm địa phương nên cũng thuận tiện, đây là tai mắt của Việt Minh bố trí coi như những trạm liên lạc.

Hà Nội dưới sự kiểm soát của quân đội Pháp vẫn luôn có những người Việt trí thức ở các vùng nông thôn chạy về mỗi ngày một đông. Họ phải tổ chức phát thẻ xanh cho những gia đình công chức, trí thức để được cung cấp thực phẩm vốn khan hiếm trong đô thành vì bị Việt Minh bao vây quanh vùng nông thôn. Nhà tôi không lĩnh thẻ xanh nên chúng tôi phải mở quán cà-phê để kiếm sống qua ngày. Nhiều lần chúng tôi thuê người về đón lũ con nhưng Mẹ tôi vẫn cương quyết không là không! Đã đến nước này thì tôi không còn chịu đựng được nữa, tôi phải quay về với các con tôi chứ!

Vào năm 1950 tôi lại cùng với hai vợ chồng người liên lạc quen, tái diễn cuộc lữ hành vất vả hơn một tháng trời. Khi về tới quê nhà thì Cộng sản đang phát động phong trào nhân dân nổi dậy! Gian nhà thờ của gia đình tôi đã bị dùng làm nơi hội họp của Ủy Ban Nhân Dân Xã. Trong làng xóm cũng như mấy chú em chồng cán bộ coi việc tôi trở về như một sự quy thuận chế độ. Phần tôi cũng rất vui mừng gặp lại mấy đứa con sau hai năm xa cách. Mẹ tôi an ủi: "Thôi mợ yên trí ở nhà với các con, kệ cậu ấy!" tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng trời chẳng chiều người. Chỉ hai tháng sau đứa con gái đầu lòng lâm trọng bệnh, thiếu thầy thiếu thuốc, tử trần năm mười hai tuổi! Chao ôi! Ông trời dày dạn tôi đến thế là cùng!

Sau những đêm mất ngủ, suy nghĩ và tôi quyết định: "Bằng mọi cách, tôi phải mang lũ con tôi ra khỏi hỏa ngục này". Nhân dịp ra Cầu Bó tìm Bác sĩ chữa bệnh, tôi khẩn khoản nhờ anh tiếp tay giúp tôi mang được lũ con đi thoát làm ba chặng. Đã có lần tôi phải đi bộ vừa đi vừa về trong một ngày suốt 54 cây số. Lại còn phải kiếm cơ thể nào cho Mẹ tôi khỏi nghi ngờ nữa chứ. Phải công nhận có sự phù hộ do đứa con xấu số của tôi đã giúp mẹ mang được mấy đứa em còn lại, thoát khỏi cảnh cơ cực này.

- Đã đành thoát khỏi bên nội nhờ bên ngoại tiếp tay, nhưng còn chặng khó nhất là làm cách nào ra được Hà Nội đây? Lúc này lại phải nhờ bàn tay của Mẹ ruột tôi giúp sức. Mẹ tôi tàn cư về vùng này lâu nên quen biết nhiều và thuộc đường lối, và cũng vì có con đường nối liền từ Điền Hộ ra Nga Sơn để đi tới Phát Diệm thuộc vùng Pháp chiếm đóng cho nên có nhiều người địa phương kiếm ăn bằng nghề đưa dân chúng thoát khỏi chế độ Việt Minh Cộng Sản đang bành trướng, vì phần

không ít những trạm gác của Dân Quân đều do con cháu họ điều khiển.

Mẹ tôi đã nhờ một bà bạn tìm được mối dây liên lạc, chúng tôi bắt đầu vào một cuộc lữ hành cam go đầy nguy hiểm. Nhìn lũ con đứa lớn nhất 13 tuổi, đứa nhỏ nhất mới 6 tuổi mà phải lê gót hết chặng đường này sang chặng đường khác! Tuy thương con đứt ruột nhưng lại nghĩ "những bước chân non ấy đang đi tới một tương lai sáng sủa hơn" đã giúp tôi phấn khởi tinh thần, luôn luôn động viên: "Sắp tới nơi rồi, Ba đang chờ mẹ con mình đấy!...". Thế rồi mấy mẹ con tôi cũng tới được Phát Diệm để hôm sau đi tàu thủy lên Hà Nội, Bố con đã gặp lại nhau sau sáu năm trời ly tán.



Hai năm sau, năm 1953, nơi quê làng tôi đã phát động phong trào Cải Cách Ruộng Đất, gia sản Mẹ tôi bị tịch thu. Còn may nhờ có hai ông con trai theo Cách Mạng từ trong bóng tối và đang làm việc ngoài thị xã nên Mẹ tôi đã thoát được cảnh đầu gối chắp tay. Và năm 1954 theo Hiệp Định Genève nước Việt Nam khốn khó của tôi đã bị cắt đứt làm hai mảnh, phân chia Nam Bắc. Mẹ tôi phải từ bỏ nơi sinh quán đã đồ biết bao nhiêu mồ hôi để xây dựng cơ nghiệp suốt một đời người, ngày nay đành theo vợ chồng chú Út ra Hà Nội sinh sống.

Chỉ tiếc chúng tôi đã mang lũ con vào Sài Gòn từ năm 1952, nên Mẹ con bà cháu không được gặp lại nhau, lại vẫn cảnh hai phương trời cách biệt vì không may sinh nhằm vào thời loạn lạc, Nam-Bắc phân chia! Và như bạn đã chứng kiến cái hình thức bình thường của gia đình tôi trong lúc này.

- Có một thời gian chúng mình đọc báo chí tả bao nhiêu cảnh đoạn trường của dân Việt Nam vượt biển mong thoát gông cùm, chế độ sắt máu của Cộng Sản, thì hoàn cảnh tôi nào có khác gì? Tuy không phải vượt biển nhưng trên đường bộ tôi cũng đã gặp nhiều sóng gió đòi hỏi sự bền gan quyết chí để vợ chồng con cái được đoàn tụ như ngày nay.

*
* * *

Đời tôi như lớp sóng triều nơi biển khơi, khi lên khi xuống, qua bao nhiêu giai đoạn xuống tận bùn đen như ông trời muốn thử thách sức chịu của con người, cuối cùng tôi đã cố ngoi lên để nghe được tiếng "khen" của bạn.

- Tôi ngồi ôn lại những cuộc lữ hành mình đã trải qua, suốt một đời người tôi nghiệm thấy những gì được hưởng thụ thì mờ mờ ảo ảo chóng quên như sau một giấc chiêm bao mộng mị! Chỉ có những giai đoạn bị hành thân xác hay những đau khổ thấu tận tâm can như những dấu ấn xoáy sâu vào ký ức thì khó mà phai nhạt được.

Bây giờ tôi đã kể bạn nghe cuộc đời chìm nổi của tôi rồi đó. Bạn ngạc nhiên ư? Quả thật cuộc đời của tôi chẳng may giống bạn và có lẽ cũng chẳng giống một ai trong cõi đời này.

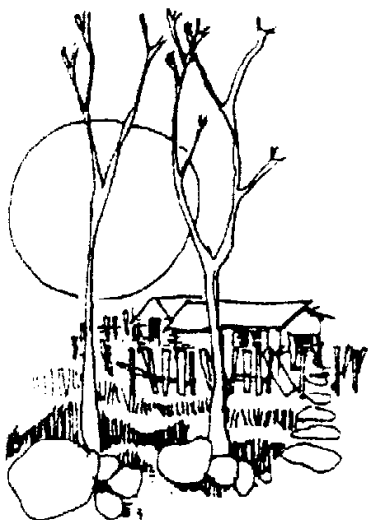
Bạn đầu tưởng tượng nổi: Tôi đã từng ngồi giữa chợ nơi quê chồng khi thì đóng vai chị bán khoai, khi thì đóng vai chị bán gạo.

- Tuy tôi vẫn nhớ lời Đức Thế Tôn đã dạy: "Đời con người phải trải qua "Hỷ, Nộ, Ái, Ố", nhưng sao tôi vẫn ngậm ngùi nhớ lại quá khứ mà thương thân trách phận.

- Xin gửi bạn bài thơ tâm sự, xin bạn thông cảm và lượng thứ, đừng trách lời thơ ngạo mạn. Sau khi bạn đã biết rõ bao cuộc lữ hành đầy cam go thử thách của tôi thì cũng cho tôi tự phụ một chút chút, phải không bạn?

*Ta ngồi ta ngắm cái thân ta
Tự buổi thanh xuân sẵn nếp nhà
Phú quý đã nhiều danh tước hưởng
Phong trần cũng lắm tuyết sương pha
Long đong quán nước búng hầu khách
Đài các lầu son dạo thưởng hoa
Trái bầy thẳng trâm thêm dạn dī
Càng trên càng tỏ mặt gan già !•*

Vườn Bà Ấp



HÀ NGỌC BÍCH

*"Lá rụng đầy sân những trời vẫn trong xanh,
không có cảnh trên không những đám mây bàng bạc.*

Một mình tôi bàng hoàng ôm nỗi nhớ..." (1)

Từ phía sau trường học làng Tường Lộc, quận Tân Bình, đi dài trên một con bờ mầu lớn, băng ngang qua những ruộng lúa bao la nối tiếp là đến khu vườn Bà Ấp. Tôi cũng không rõ tại sao người trong làng gọi là vườn Bà Ấp. Có lẽ bà là chủ của khu vườn rộng hoang vu này từ xưa khi làng mới thành lập. Đến nay không biết khu vườn thuộc về ai nữa nhưng cái tên Bà Ấp vẫn còn lại trải qua bao cuộc thăng trầm. Chỉ biết đối với bọn trẻ trong làng thì vườn Bà Ấp là nơi sản xuất một loại cá thia thia lưu linh to lớn khác thường, sống trong các mương vườn hoang dã này, nên được gọi là cá Bà Ấp. Khu vườn thật rộng lớn đầy đầy những đám dừa nước mọc san sát xen lẫn với đủ các loại cây hoang dại như tre gai, sắn, gừa, bần, vẹt và bao nhiêu thứ nữa.

Bên rìa miếng vườn là những đám dừa nước mọc đầy san sát đủ cung cấp lá dừa cho cả làng và luôn cả những vùng lân cận. Dân làng vẫn dùng lá dừa nước chằm lại để lợp nhà, những căn nhà thật đơn sơ, nên đất cột gỗ lợp lá, tuy mọc mọc ở chốn đồng quê nhưng được cái là rất mát mẻ. Vào những đêm mưa dầm, nằm ngủ nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà, tiếng chuột chạy kêu rít rít, tiếng nước chảy róc rách trên máng xối rồi ngủ thiếp đi trong một giấc mơ bình dị. Lá dừa nước quá dày nên ánh sáng mặt trời chỉ xuyên qua được lờ mờ. Phía dưới nước lấp lấp lầy lội, lúc nào cũng có vẻ tối tối âm u quái đản. Tôi vẫn quen gọi nơi này là vườn lá tối trời. Thật là một nơi thích hợp cho các loài rắn rít, chồn, chuột, ếch nhái và các loại chim nước.

Vào những đêm tối trời, tiếng ếch nhái kêu rộn rã không dứt. Đã bao lần tôi đi soi ếch với ông dượng ở những miếng ruộng giáp với đám dừa nước này. ch sống lưu linh nên rất to con, lại gặp vùng nước ngập quanh năm suốt tháng, sinh sản rất nhiều. Những khi rảnh rỗi dân làng vẫn hay đến đây câu ếch, đôi khi họ câu được nhiều con ếch bà nặng gần đến 1 kilô. Tàu là dừa nước bị đốn để lại những cái bập dừa màu nâu đen, đơm san sát vào nhau chỉ chít. Tôi vẫn thường rủ một vài thằng bạn nhỏ, len lỏi khó khăn qua những bập dừa này để bắt cá, nhất là loại cá bóng dừa. Tuy nhiên đôi khi cũng nguy hiểm vì có thể gặp phải rắn độc hay đèn nước. Nhưng bọn trẻ tôi vốn đã quen lối sống đồng quê ruộng rẫy, lì lợm với những hiểm nguy rắn rít nên vẫn không chừa và hay đến đùa giỡn, tiểu ngạo giang hồ tại khu vườn hoang này.

Càng đi sâu vào đám dừa nước, lá dừa càng mọc san sát dày đặc, thỉnh thoảng lại gặp được một quày dừa nước, trái nhỏ bằng nắm tay màu nâu đỏ, đơm chi chít. Cơm dừa màu trắng đục, ăn cũng tạm ngon ngon cho các trẻ con nghèo ở làng tôi.

Các loại chim rừng nhỏ như cò, le le, trích nước và nhứt là dòng dọc thường tụ tập về đây kiếm ăn hay làm ổ. Chim dòng dọc rất khôn ngoan, nơi nào chúng làm ổ, thường có những tổ ong bần hay ong vò vò ở kề cận nên ít ai dám đến lấy trứng chim hay tìm bắt chim con. Đôi khi tôi lại rủ thằng Năm Xương Gà vào đám dừa nước lục lạo tìm đến một quày dừa to trái đem ra ngồi ăn ở bờ ruộng. Nhiều ổ dòng dọc

lùng lẳng trên ngọn là dừa nước, tiếng chim gọi nhau riu rít. Một vài khi nhìn thấy không có ổ ong nào ở gần, chúng tôi cũng dám chặt phẳng lấy tàu lá, kéo gậy xuống để lấy trứng chim. Cảnh vật xung quanh lúc nào cũng hơi tối, âm u rờn rợn nhưng hai thằng vốn là loại tiểu quý phá phách, lại đi đôi với nhau như cặp bài trùng nên đâu còn biết ngán sợ là gì. Bỗng thằng Năm Xương Gà bảo tôi:

- Mày biết, có lần một người làm ruộng, vì tiếc của, rượt theo kẻ trộm trong đêm tối, đến bìa miếng vườn lá này. Chẳng may bác bị tên trộm núp trong đám lá đâm chết rồi đem vùi xác ở cái đĩa đằng trước đó

Tôi ón da gà nhưng vẫn làm ra vẻ đàn anh:

- Mày dóc tổ! Làm sao mày biết được chuyện này? Tao có nghe người ta nói đâu?

Thằng Năm Xương Gà cười hóm hỉnh:

- Tao nghe ba tao kể lại chuyện này và cấm tao không được đến chơi khu vườn Bà Ấp. Ba tao còn bảo là oan hồn của những người chết oan như vậy không chịu đi đâu thai đâu, nên vẫn còn lảng vảng ở khu vườn lá tối trời này mà.

Rồi nó phang thêm cho tôi một câu kết:

- Mày biết, mấy oan hồn như vậy thường hay thành ma dữ. Loại ma này ưa dắt mấy thằng nhỏ như tụi mình đem giấu trong bụi rậm rồi nhét đất sét đầy miệng, không cho về nhà.

Đến đây thì tôi thật hơi sợ nên đành gạt ngang nó:

- Thôi mày, làm tao mất hết cả hứng thú. Hai đứa mình vác dừa nước ra bờ ruộng ngồi ăn đi.

Nó cười khi khi gạt đầu bước theo sau tôi. Trời vẫn tối âm u. Các tàu lá dừa quơ qua quơ lại xào xạc, trông có một cái gì quái đản. Tôi phát rùng mình, chân bước càn, mắt ngó dáo dác hai bên, dường như có cái bóng đen nào đang lảng vảng phất phơ theo rình rập tôi vậy. Một con chuột cống nhum hốt hoảng phóng vọt chạy lồm bồm cũng làm tôi giật mình đánh thót. Tiếng thằng Năm Xương Gà từ phía sau kêu ơ ơ:

- B. ơ chờ tao với. Mày làm gì mà đi nhanh như bị ma rượt vậy.

Tôi đành đứng lại chờ nó. Hai đứa hướng về phía bờ ruộng nơi có nhiều tia nắng xuyên qua kẽ lá. Chỉ khi ra đến bìa vườn lá, ánh nắng mặt trời chói chang, tôi mới vững bụng và đứng thờ

hào hển. Thăng Năm Xương Gà cười hi hi:

- Mày coi vậy mà cũng biết sợ ma chết oan à?

Tôi cáu xường thụi nó một cái vào be xường non và bảo:

- Sợ thì chưa chắc tao đã sợ, nhưng nghe mày nói tao cũng thấy lạnh lạnh rợn người. Thôi hai đứa mình đi ăn dưa sướng hơn.

Hai thằng lại cười ròn rã, khệ nệ vác quày dưa nước ra phía bờ ruộng nơi râm mát dưới rặng trâm bầu. Tôi và nó ngồi bệt dưới đất, lấy từ trái dưa. Lấy một trái to, tôi vạt cái đầu bằng một nhát dao ngọt xớt rồi đưa vào miệng húp nước rột rột khoái trá. Bỏ trái dưa làm đôi, cạy côm dưa màu trắng đục mềm mềm ăn cũng tạm ngon. Trái dưa nước nhỏ xíu nên hai thằng ăn một hơi đã hết nhẵn quày dưa chỉ còn lại vài trái lép xẹp. Tôi đá tung mấy cái vỏ dưa vương bừa bãi trên mặt đất cho rơi tòm xuống ruộng. Thăng Năm Xương Gà vỗ bụng bành bạch:

- Đã quá! Tao lại thấy buồn ngủ rồi. Hai đứa mình đánh một giấc cho đã rồi hãy về nhà. Mày chịu không?

Tôi gật đầu hưởng ứng rồi tựa lưng vào gốc trâm bầu, nhìn đồng lúa bao la chạy dài tới tấp đến tận xa xa. Gió đồng thổi hiu hiu thật là mát mẻ. Trên bầu trời xanh ngắt không gợn một đám mây, một con diều hâu bay lượn vờ vờ thỉnh thoảng rít lên từng tràng dài iiii... iii... Tôi lim dim cặp mắt, cảm thấy thật là thoải mái. Cánh đồng thật tịch mịch, đôi mắt tôi nặng dần rồi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ.

Một phần khu vườn Bà Ấp được xẻ mương chằng chịt. Nước ngập quanh năm nên cỏ lạt cỏ năng, lục bình rau mát, rau muống, rau dưa mọc tràn lan bừa bãi. Đây chính là mảnh đất dụng võ của bọn tôi. Những lúc rảnh, tôi thường rủ một vài thằng bạn thân xách rổ đi hốt cá thia thia ở vùng này. Cá thia thia ở đây sống lưu linh từ năm này đến năm khác, không phải chịu cảnh ruộng khô cần nứt nẻ vào mùa hè, lại lúc nào cũng đầy rẫy thức ăn. Nước tù đọng trở màu hơi nâu đen vì cỏ mục. Các loại muỗi mòng sinh sản vô số, thiếu gì trứng nước hay lăng quăng mặc tình cho các loại cá con sinh sôi nảy nở. Cá thia thia vườn Bà Ấp (chúng tôi quen gọi là cá Bà Ấp) đen mun, to gấp đôi ba lần con cá thia ruộng, vây xanh kỳ đồ lặc lia, nổi tiếng là cá đá gan lì. Đem đá độ không

thua gì cá xiêm đúc. Chỉ có điều là loại cá Bà Ấp tương đối khó bắt vì chỉ đóng bọ ở những nơi hóc hiểm. Rau mát lục bình, bèo tai chuột lan tràn trên một diện tích rộng lớn bao la, không dễ gì tìm được bọ cá thia thia như trên mảnh đất ruộng. Đôi khi may mắn lắm mới tìm được một cái bọ cá. Tôi phải nhẹ nhàng vạch từng cọng cỏ năng hay miếng bèo tai chuột để nhìn thấy con cá to bằng ngón tay út, mun đen, lơ lơ ẩn hiện dưới cái bọ trắng ngà. Đưa rổ xúc đến gần, tôi xúc mạnh nhanh như chớp. Nổi vui sướng cũng bùng nổ khi trong lòng rổ một con cá thia thia xanh đồ lặc lia đang nhảy chơi chơi. Cá Bà Ấp được quý như vàng. Bọn tôi vẫn thường đem đi đá độ với bọn trẻ ở các làng lân cận như Mỹ Thạnh Trung, Cái Sơn Lớn, Cái Sơn Bé, Bằng Tăng... Mỗi độ chỉ vài xu vì hai đứa làm gì có tiền nhiều, nhưng độ cá thắng về vang vẫn là một nguồn vui của tôi và thằng Năm Xương Gà, được thêm một phen chế giễu các con cá bạch chàng ở những làng khác.



Trước khi cho cá đá, tôi và thằng Năm đã cấp độ cẩn thận, tin chắc vào khả năng bách chiến bách thắng của con cá Bà Ấp. Hai đối thủ được cho đá bóng với nhau để tăng thêm phần kích thích. Tôi và thằng Năm nhìn kỹ kỳ vi xem có dụng độ nhằm với loại cá kỳ son (2) chẳng. Vì theo truyền thống cá kỳ son đá không bao giờ thua. Loại thia thia nổi tiếng vẫn là cá xiêm đúc hay cá Rạch Giá, rất gan lì và chịu đòn giỏi, còn loại cá đồng thì bở rẹt chỉ đá vài phút là chạy te. Theo vài người lớn trong làng nói lại thì cá Bà Ấp thật ra là cá xiêm đúc lai, do một người trong làng đem cá xiêm giống thả xuống tại vùng Bà Ấp. Hồi xưa, nhiều đại điền

chủ giàu có, rất mê đá cá thia thia nhưt là các tỉnh miền Hậu Giang. Sau mùa lúa chín, họ thường đi ghe hầu, bè bạn com nước đầy đủ, để đi đá cá ăn tiền từ vùng này sang vùng khác như một người chuyên nghiệp. Nhiều độ cá ăn thua đến cả trăm gạ lúa.

Thằng Năm Xương Gà bảo nhỏ tôi:

- Cá tụi nó vậy không lấp lánh, đầu hơi nhỏ hơn cá mình, đá được mày.

Tôi đồng ý chấp nhận độ cá hai xu, đá đến chạy mới ăn tiền. Bọn trẻ Bằng Tăng cũng bằng lòng, đâu biết cá của tôi là cá Bà Ấp. Chúng tôi chắt bót nước đựng cá trong tách rồi đổ nhẹ hai con cá vào một cái keo lớn. Hai đối thủ lập tức phùng mang, giương cá kỳ vi, quạt đuôi vào nhau tới tấp. Thân mình uốn cong cong, cặp mang bành hẳn ra, cái đuôi xòe tròn như cái quạt, con cá của tôi đeo xoắn lấy địch thủ. Cá hai con phô diễn lực lượng, đuôi không ngớt quạt mạnh dường như để dọa sức đối phương. Cặp cá uốn éo lồng lộn, lửa miếng với nhau, sùi bọt lung tung. Bỗng nhanh như chớp, con cá Bà Ấp xấn mạnh vào mình đối thủ một cái. Tôi và thằng Năm khoái chí reo to. Con cá kia cũng không vừa, quay đầu lại xấn mạnh trả đũa. Một cái vây tróc ra còn dính trên miệng cá. Bọn Bằng Tăng được dịp cổ võ mạnh. Tôi cũng thấy nổi sùng lên. Con cá Bà Ấp quạt mạnh cho đối phương giạt hẳn ra rồi thừa thế xấn vào đuôi con cá kia một cái. Một mảng đuôi to bị cắn đứt, rơi từ từ xuống đáy keo.

Tôi khoái chí thục vào be xường non thằng Năm một cái. Cặp cá quần sát nhau, xấn qua xấn lại không ngớt. Bọn tôi la hét cổ võ om xòm mỗi khi cá mình xấn được đối thủ một cái. Một thời gian sau, cả hai con cá kỳ vi rách te tua, nhiều vây bị cắn tróc ra nhưng vẫn tiếp tục cắn nhau dữ dội. Bỗng hai con trực đầu cắn mạnh vào miệng nhau. Bọn tôi đồng hét to:

-Cá khẩu miệng.

Trong keo, hai con cá cắn chặt khẩu miệng nhau không con nào chịu nhả ra. Thân cá uốn éo, chiếc đuôi quạt qua quạt lại, thân hình nhiều lúc run run chắc có lẽ đau đớn lắm. Tôi thấy thương con cá của tôi quá nhưng không biết phải làm sao? Thật là một cặp cá kỳ phùng địch thủ. Hình như con cá của bọn Bằng Tăng là cá Rạch Giá, hèn chi nó đá dữ quá. Tôi rửa thăm: của mình với thằng Năm.

Một chút sau hai con cá mới chịu giựt xứt ra rồi lại tiếp tục cuộc chiến. Con cá Bà Ấp của tôi đã chịu nhiều

dòn nặng, một mảng đuôi lớn bị mất, kỳ trên lưng rách te tua, thân cá lấm tẩm bị nhiều vết cắn. Tuy nhiên địch thủ của nó xem ra còn thảm hại hơn nữa. Cả hai con đều quá mệt, sủi bọt không ngớt, hai thân cá xoắn lấy nhau nhưng không còn hơi sức để xoắn nhau như lúc đầu. Hai con cá quay vòng vòng uốn éo, ép sát nhau để tránh né không cho đối phương có cơ hội cắn mình. Bỗng con cá Bà Ấp quay đầu lại, thu hết tàn sức xoắn mạnh vào mang đối phương. Con cá Bằng Tăng có lẽ chịu không nổi miếng đòn tối độc này nên đành chịu thua, cắm đầu đâm thẳng xuống đáy keo, bỏ chạy quỳnh quang. Tôi và thằng Năm Xương Gà hét to cùng một lượt:

- Chạy rồi, Chạy rồi.

Bọn Bằng Tăng thất vọng ê chề, đứa nào đứa nấy méo xẹo cái mặt.

Trên đường về, thằng Năm Xương Gà ôm keo cá vừa bảo tôi:

- Nghỉ một chút mày. Con cá của mình nó cũng hết hơi rồi.

Hai đứa ngồi bệt xuống bãi cỏ ở vệ đường. Tôi nhìn con cá một cách triu mến, cảm thấy xót xa hồi hận.

- Tội nghiệp con cá tao quá! Lần này nó gặp phải đối thủ cũng dữ ghê. Về nhà tao sẽ để nó dưỡng sức ít nhứt cũng vài tháng cho lành hẳn lại.

- Mày phải để một ít đất sét vào keo cho cá mai mọc kỳ vị lại.

Tôi gặt đầu tán thành.

- Ủ tao với mày phải đi hót lãng quăng và lấy rong nước trứng về cho nó ăn để mau lại sức. Tao cũng phải thường công cho nó chứ!

Trong keo nước, con cá Bà Ấp như một thương phế binh sau cuộc chiến tàn khốc, thở thoi thóp mệt nhọc.

Đầu tháng cô dượng tôi phải lên tỉnh Vĩnh Long để ông dượng tôi đi lãnh lương giáo viên tiểu học, nên giao nhà lại cho bọn con cháu coi giữ. Cô tôi cần bận kỳ càn, để tiền chợ mấy ngày cho chị tôi lo việc bếp núc cho cả nhà. Chị tôi bàn với mấy người anh họ:

- Lâu quá rồi, tụi mình không được ăn bánh hỏi thịt quay. Hay là mình ăn sượng một bữa cho đã miệng rồi mấy ngày sau ăn bậy bạ gì cũng được cho qua ngày. Mấy anh chị có chịu không?

Người anh lớn gặt đầu tán thành:

- Ủ, ăn một bữa thịt quay đi. Mấy ngày sau tụi mình bắt ốc, mớ cua hay bắt cá cạn và cắt rau muống cũng đủ ăn rồi.

Cả bọn nhiệt liệt đồng ý vì thịt heo quay thì đứa nào lại chẳng chịu. Mấy

ngày còn lại rồi hãy tính sau. Thế rồi bà chị tôi ra chợ Tam Bình, dốc hết tiền của mấy ngày chợ, mua một miếng thịt quay vàng lươm thơm phức và một rây lớn bánh hỏi thoa mỡ hành. Rau sống thì đã có tôi đi hái ở các khu vườn lân cận. Cả nhà quây quần vui vẻ làm một bữa bánh hỏi thịt quay rau sống, chấm với nước mắm ớt củ kiệu, ngon ơi là ngon. Nhưng mấy ngày sau thì bọn cua đồng, ốc bươu, cá con lại phải chịu khổ oan. Không còn tiền đi chợ nữa nên sáng nào chị tôi cũng hỏi mấy người anh họ và tôi ra đồng để tìm cái gì cho cả bọn ngày ăn hai bữa. Thôi thì cua đồng xào giấm, ốc bươu nước cốt dừa lá cách, cá bống kho tiêu, rau muống xào tương và bao nhiêu cái tạp nhạp nữa. Tôi vui vẻ nói với mấy người anh họ:

- Cá gì kho tiêu ăn cũng ngon, nhất là để thêm một ít tóp mỡ thì tuyệt rồi.

Người anh họ gặt đầu đồng ý.

Tôi lại tiếp:

- Vườn Bà Ấp, cá con nhiều lắm như: bài châu, sắt bướm, bạc đầu, rô con, cào cồng, tép choai thiếu gì. Mình đem rô xúc, kéo nhau ra quần xúc mặc tình mà bắt.

Cả bọn đồng ý vì được dịp đùa giỡn luôn thể. Và lại cua đồng, ốc bươu cũng đã bắt đầu hết sạch rồi còn đâu nữa mà bắt. Tôi lại thêm vào:

- Nếu may mắn bắt được con thia thia trống nào, mấy anh đừng quên cho em, còn thia thia mái thì bắt về kho tiêu luôn.

Mấy người anh cười ồ rồi cả bọn rầm rộ kéo đi. Bọn tôi xúc lấy xúc để, gặt cá gì cũng bắt. Tiếng cười đùa ầm ĩ, tiếng chạy giỡn xầm xập, tiếng la hét om xòm khi xúc được một con sặt bướm hay một con cá rô. Khu vườn Bà Ấp ngày thường vắng lặng tĩnh mịch bao nhiêu thì nay bỗng nhiên trở thành ồn ào náo nhiệt bấy nhiêu. Tiếng quây nước ào ào, tiếng chửi thề ồm ồm khi gặp phải một con đĩa trâu dai nhách. Bọn tôi ra công xúc một mạch cho tới khi mặt trời đứng bóng mới thôi. Thành quả thật là khả quan, cả một giỏ tre nhỏ cá con đủ cho chị tôi kho tiêu, ăn một ngày không hết. Cả bọn lại đề nghị kéo nhau đi bứt rau muống mọc lan tràn trên mặt nước. Những đợt rau muống xanh rờn, non mơn mớn, đem luộc chấm với tương hay ăn với cá kho tiêu thì đúng điệu quá rồi!

Trên đường về bọn tôi tạt qua cái đĩa gần bên, rửa sạch bùn sinh, tắm sơ sơ nước phèn cho hết ghề ngứa, rồi vui vẻ kéo nhau về nhà. Gió đồng thổi

man mát. Một con cu đất đậu lắt léo trên đợt tre gai cất tiếng gáy: cú cu... cú cu...

Trước ngày cô dượng tôi về, nhà chỉ còn sót lại vòn vện hai cái hột vịt. Chị tôi đành đem kho với nước mắm thật mặn để cho tất cả cùng ăn bữa cơm chiều. Chúng tôi đứa nào đứa nấy cười méo xẹo như mếu.

Đến trưa hôm sau thì cô dượng tôi về đến. Lê dĩ nhiên ông bà mang theo từ tỉnh về bao nhiêu quà bánh, thức ăn ngon lành. Nào là thịt xá xíu, vịt quay, mắm ruốt, dưa mắm. Cả nhà mừng rỡ ồn ào hoan hô quá xá. Chắc cô dượng tôi cũng ngạc nhiên có thể tự hỏi: Mấy đứa nhỏ cái gì mà vui vẻ quá vậy. Không lẽ bọn nó nhớ mình đến vậy sao? Cô tôi có biết đâu là sau vài ngày cua đồng, ốc bươu, rau muống, cá con, bọn tôi đứa nào cũng chịu đả hết muốn nổi rồi. Nhưng chắc chắn là không đứa nào dám nói lại cho cô dượng tôi biết bữa thịt quay bánh hỏi để đời của bọn tôi. Tôi không khỏi mỉm cười khi viết đến kỷ niệm thơ ấu này. Thật đúng là: Thà huy hoàng một phút còn hơn le lói suốt năm dài.

Ngày nay ở xứ người, thịt cá quá thừa thãi ề hề. Những miếng thịt heo quay vàng lươm, thịt xá xíu đỏ son treo lủng lẳng, những chùm ruốt khìa thơm phức ở các quán ăn khu chợ Tàu quận 13 trên đất Pháp cũng không còn hấp dẫn được tôi như thời thơ ấu nữa. Tôi mỉm cười khan thềm nghĩ, nếu ngày xưa mình được một miếng thịt quay to như thế này. Nay thì thật không thấy thèm nữa. Không hiểu tại sao? Có lẽ vì không có cái làng Tường Lộc nhỏ bé, không có ruộng lúa bao la, thiếu khu vườn Bà Ấp, thiếu thằng Năm Xương Gà... Quê hương tôi giờ đây xa vời vợi. Tôi thần thờ lẩm bầm: Đúng rồi, đâu phải là miếng thịt quay của quê hương ngày xưa. Mình đúng là kẻ "một mình bàng hoàng ôm nỗi nhớ" của Hoàng Dung mất rồi.

- (1) Trích *Xóm Xưa* của Hoàng Dung
- (2) Cá kỳ sơn: Loại cá thia thia có một đặc điểm lạ đời hiếm có, chiếc kỳ xanh trên lưng có một đốm đỏ son.



Chân dung Đoàn Thị Điểm qua Hồng Hà phu nhân di văn



Phạm Trọng Chánh

Đoàn Thị Điểm là một nữ sĩ tài năng, thông minh xinh đẹp, giàu nghị lực hiếm thấy trong lịch sử văn học Việt Nam. Tuổi trẻ nổi tiếng thần đồng, mười sáu tuổi được tiến vào cung, nhưng bà từ chối con đường nhưng lựa của con chim oanh xinh đẹp, trở về giới mài kinh sử, y học, dịch lý. Tuổi thanh xuân các bậc vương tôn, công tử, Thượng Thư mai mối đến hỏi bà đều từ chối, để rồi bằng học vấn của mình, bà thay cha thay anh mất sớm nuôi mẹ già, nuôi cháu, nuôi người chị dâu tàn tật bằng nghề thuốc, dạy học, bói toán, viết câu đối, văn tế thuê. Những nghề dành cho nam giới, ở thời đại phụ nữ không được đi học, thi cử làm quan, nhưng học trò đến học với bà thường xuyên hơn 50 người và có học trò là Đào Duy Đoàn đỗ Tiến Sĩ. Khi các cháu khôn lớn, 36 tuổi bà mới kết hôn với Tiến sĩ Nguyễn Kiều làm quan tả Thị Lang, và làm Chánh Sứ, bà mất sớm năm 43 tuổi, tám ngày sau theo chồng đến trấn nhậm Nghệ Tĩnh.

Cuộc đời Đoàn Thị Điểm còn nhiều huyền thoại, mối quan hệ với Đặng Trần Côn tác giả Chinh Phụ Ngâm, những thêu dệt nhân gian Đoàn Thị Điểm với Trịnh Quỳnh.

Toàn bộ tác phẩm Đoàn Thị Điểm đương thời đã được Xuân Quận Công

Nguyễn Nghiễm cha Nguyễn Du sưu tập đầy đủ, nhưng chẳng may sưu tầm này bị cháy cùng với làng Tiên Điền trong cuộc khởi nghĩa chống Tây Sơn của Nguyễn Quýnh năm 1787. May mắn thay ngày nay chúng ta còn lại sưu tập của Nguyễn Xuân Huy, Đốc Trấn Sơn Nam, chồng người cháu gái Đoàn Lệnh Khương. Năm 1920 Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội đã sao chép lại toàn bộ gia phả họ Đoàn và toàn bộ sưu tập này mang tựa Hồng Hà Phu Nhân di văn (1). Di cảo ngoài phần gia phả, văn tế của Nguyễn Kiều và các con tế lúc bà mất còn lại khoảng 100 bài thơ chữ Hán, chữ Nôm, văn tế, câu đối của Đoàn Thị Điểm.

Dựa vào văn bản, di cảo Đoàn Thị Điểm, tôi có những cái nhìn khác biệt với các tác phẩm viết về nữ sĩ như sau:

- Đoàn Thị Điểm là một nhà thơ trào phúng,
- Đoàn Thị Điểm là một nhà thơ chữ Hán
- Đoàn Thị Điểm một nhà văn nhân gian chuyên viết câu đối văn tế cho các phụ nữ có chồng chết trong chiến trận.

- Đoàn Thị Điểm, bài văn tế anh Đoàn Doãn Luân, một án văn kiệt tác.

- Đoàn Thị Điểm một nhà văn tả cảnh đồng quê.

- Đoàn Thị Điểm, một Tiểu thuyết gia phụ nữ đầu tiên viết Truyền Kỳ Tân Phả.

- Bản dịch Chinh Phụ Ngâm Khúc. Bản B theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, một bản dịch chính xác, sống động tuyệt tác.

Bài viết này là một tóm lược những phát hiện mới về Đoàn Thị Điểm, một phụ nữ tài năng của Văn Học Việt Nam.

1. Đoàn Thị Điểm, một nhà thơ trào phúng ?

Năm 1814 trong bài tựa Lưu Hương Ký viết cho Hồ Xuân Hương (2), Tố Phong đã viết như sau: *Nước ta có tiếng là đất văn hiến, nhưng phụ nữ nhiều người không được đi học. Khoảng giữa đời Lê có bà Hồng Hà nữ tử (Đoàn Thị Điểm) chép sách Truyền Kỳ (Tục Truyền Kỳ Tân Phả), nhưng lời văn đều thiên về giọng trào phúng, đùa bỡn.*

Như thế dưới mắt Tố Phong, 56 năm sau năm mất, Bà Đoàn Thị Điểm được biết đến như một nhà thơ trào phúng và có viết Truyền Kỳ Tân Phả.

Di cảo Hồng Hà phu nhân di văn cho ta xác định được lời Tố Phong viết năm 1814 là có căn cứ Đoàn Thị

Điểm để lại khá nhiều thơ trào phúng. Bài thơ nôm Đùa Tặng Người Béo cho ta có cái nhìn về thơ trào lộng Đoàn Thị Điểm, trào phúng nhưng nghiêm trang không thái quá ra khỏi khuôn phép.

Đùa tặng người béo

*Sống lâu mà béo vẫn ổn trời,
Khôn gấp gầy kia biết mấy mười,
Béo giống gà nòi để xạc cánh,
Gầy như cò đói nghénh trông mời,
Béo ngồi chính chiến đủ người
rúốc,
Gầy bước co ro thốn kẻ mời,
Gầy chửa biết gầy nên sợ béo,
Còn diên sao kể bộm trong đời.*

(Chú thích: Bài thơ có vài chữ cổ thể kỳ 18)

Chinh chiến: ngồi oai vệ, thơ Hồ Xuân Hương trong bài Duyên Kỳ Ngộ có câu: Tên sẵn bút đề đường chinh chiến.

Thốn: thiếu thốn).

2. Đoàn Thị Điểm một nhà thơ chữ Hán

Trong thời đại Đoàn Thị Điểm, chữ Hán là chữ viết chính thức, người làm thơ thường gửi gắm tâm sự mình qua các bài thơ này. Di cảo còn lại 28 bài, chưa kể các bài trong Truyền Kỳ Tân Phả, còn nhiều bài xướng họa với chồng bà là Nguyễn Kiều chép trong Hạo Hiên thi tập. Nguyễn Kiều là một trí thức tài danh đương thời đỗ Tiến sĩ năm 21 tuổi, một lần được cử làm Chánh Sứ, và ba lần được cử viết Văn bia Văn Miếu Quốc Tử Giám.

Bài Thu Hứng tả cảnh gió mát lâm râm đã vào tiết đầu thu. Hương thơm trong trẻo vạn hạt lúa chín mùa thu tỏa trong chén trà pha gạo rang. Ngồi câu trên biển tiếng sóng tiếng gió nghe như tiếng kèn tiếng sáo thoảng. Tấm thân nhỏ bé có cái may được dự cuộc chơi trong đất trời bao la này. Tôi dịch thơ như sau:

Hứng mùa thu

*Đầu thu gió mát phất phỏ mùa,
Vạn học hưởng thơm tỏa chén trà,
Trên biển ngồi câu, kèn sáo
thoảng,
Cuộc chơi hạnh ngộ một mình ta.
Nguyễn tác phiên âm Hán Việt:*

THU HỨNG

*Lưỡng phong vi vũ thuộc sở thu
Vạn học thanh hưởng nhập trần
phù,*

*Điếu hải giác đa huyền quản nhạc,
Tửu sinh hữu hạnh bạng tử du.*

Bài Dạ Du Mạn Hứng, tả cảnh đêm xuân đi chợ Tết thành Thăng Long, người người đốt đuốc đi chơi đêm, nên đêm sáng như ban ngày, hương quế mùi bánh trái nấu nướng tràn ngập thơm phức. Ngọn đèn bạc treo cao sáng chiếu dòng người và phố phường như sông Ngân Hà (Ngân Hán). Ai ai cũng phơi bày rực rỡ ngọc hồ phách vàng như nửa độ mùa thu. Trong mắt người xưa nay chợ Tết vẫn không có gì thay đổi. Trên mảnh đất kinh thành nhà Vua cảnh phồn hoa vẫn như cũ. Cảm hứng đến thì có gì chuyện sông hồ đổi khác. (Có lẽ Đoàn Thị Điểm muốn nói đến biến cố các quan triều thần ép Chúa Trịnh Giang, vị Chúa gian dân ăn chơi xa xỉ nhường ngôi cho em là Trịnh Doanh năm 1740). Một mái chèo chờ thuyền rượu nhẹ lướt qua sông. Nâng chén rượu mà lòng thênh thang như thuyền lướt qua sông mặc chuyện đời thay đổi. Tôi dịch như sau:

Cảm hứng đi chơi đêm xuân

*Ai kẻ đêm xuân đốt đuốc chơi,
Hưởng bay mùi quế sáng chân trời,
Đèn hồng treo sáng thiên hà chảy
Ngọc phách phối vàng thu nửa vơi,
Kim cổ mắt người trời chẳng đổi,
Đế vương đất cũ cảnh đời vui,
Hứng về mặc chuyện sông hồ đổi,
Thuyền rượu một chèo lướt thảnh
thời.*

Nguyên tác phiên âm Hán Việt:

Dạ Du Mạn Hứng

*Hà giá xuân tiêu bình chúc du ?
Thiên quan như trú, quê hưởng
phù,
Ngân hồng cao quá thiên tầng
hán,
Ngọc phách quang phổ nhất bán
thu,
Phận đã phỉ thù kim cổ mục,
Phồn hoa y cựu đế vương chu,
Hứng lai bất quản giang hồ dị,
Nhất trạo khinh khinh tái tửu chu.*

3. Đoàn Thị Điểm nhà văn dân gian của các chính phủ

Trong cảnh bần hàn của gia đình, Đoàn Thị Điểm sống bằng nghề bốc thuốc, dạy học. Có lẽ bà được cha truyền cho vài phương thuốc gia truyền để chữa bệnh phụ nữ, có lẽ nghề này không khá nên bà chỉ hành nghề một

năm rồi đổi qua dạy học. Tiếng tăm hay chữ của bà đã được nữ giới kính trọng và họ đã nhờ bà viết hộ các câu đối văn tế phúng điếu chồng chết trận nơi châu Ô, hay những vụ giặc Nguyễn Cửu, Nguyễn Danh Phương...

Di cảo Hồng Hà phu nhân để lại cho ta những câu đối văn tế xúc động:

a) *Chàng hện trở về, thiệp trông
Châu Ô lòng đau xé,*

*Tướng quân không còn, mẹ nhìn
da ngựa nhỏ khôn nguôi.*

b) *Tóc bạc bỗng khóc thương nam
nhi khỏe mạnh, đời này sao nỡ thấy,*

*Hồng nhan sao giữ được phu quân
anh hùng, chỉ nguyện sẽ theo nhau.*

c) *Bệnh chàng không phương cứu
chữa, đành dôi theo đường thế khóc
thương chồng, người nhi nữ ruột gan
tôi tả! Chốn phòng khuê thăm sâu, đã
không thể giúp chàng thuyền giảm,
còn làm sao tránh cái chết cho chàng?
Giấy bút nào tả hết lòng thiệp, biết tính
sao trước tình cảnh này!*

*Sống không giúp được Quân
vương, chết hãy nguyện làm quý dữ
giết giặc, đại trượng phu chí khí cường
cường. Trong căn khôn vũ trụ đã
không tính liệu được sự sinh thì việc gì
phải buồn về sự tử? Tạo hóa đối đãi
hậu với ta, nào đâu phải ở công danh,
phúc lộc.*

4. Bài văn tế anh của Đoàn Thị Điểm, một áng văn kiệt tác

Đọc bài văn tế anh Đoàn Doãn Luân, chúng ta không khỏi xúc động trước tình cảnh bi đát của gia đình, cha mất, mẹ già, người chị dâu tàn tật, hai cháu Đoàn Doãn Y và Đoàn Lệnh Khương còn thơ ấu, người anh rường cột gia đình lại mất. Hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ cũng không yên vui, xung quanh vùng Kinh Bắc giặc giã lan tràn, gia đình họ Đoàn cũng như các gia đình khác phải rời làng lánh nạn sang vùng khác. Bài văn tế thống thiết xúc động:

*Nhỏ xưa nói lâu ngọc, em thừa tiếp
dung nhan của anh như được ôm ấp
khí ấm của gió xuân. Nay em trở về
làng xóm buồn vì cảnh sắc thảm thế.*

*Than ôi! Than ôi! người thương anh
là em, người thương em là ai? phần
thương anh dưỡng công danh đang
tiến, phần thương em cuối cùng không
nơi nương tựa.*

Bài văn tế xúc động nói đến những cảnh cùng khổ, gia đình đang nếm trải:

*nào tổ phụ bố vợ, gia đình sa sút, nào
gia kế sạch không. Những đoạn tả tình
cảnh bơ vơ của đàn cháu đại đợc lên
khó cảm nước mắt:*

*Trong tỉnh viện trẻ oa oa khóc bố,
nơi nhà vắng tiếng nức nở nghẹn ngào.
Con gái nhỏ tóc xoa ngang vai, giường
mất nhìn, không còn người rẽ tóc, kể
ấu nhi mỗi ê a theo học, lúc qua sân ai
dạy dỗ lễ thi.*

Đoàn Thị Điểm là một phụ nữ giàu nghị lực, nên tiếng khóc để tự nguyện gánh vác việc gia đình:

*Hưởng chi em là người cùng máu
mủ, nỗi cảm thương kể sao cho xiết
muôn thâm nghìn sâu. Chỉ biết theo
tình anh dạy dỗ cháu gái biết nấu cơm
lọc rượu, nối chí anh, đem điều hay
dạy cháu trai gắng gỏi nên người. Như
thế thì vong linh của anh có lẽ được an
ủi mà trách nhiệm em có lẽ cũng được
đền bù.*

*Cảnh em bần hàn không biết lấy
gì, chỉ có tấm lòng thành, vài chén
rượu hậm cùng anh.*

Đau xót thay, mong anh về hưởng!

5. Đoàn Thị Điểm nhà văn viết về đồng quê

Hồng Hà phu nhân di văn còn ghi cho ta thấy một tâm hồn yêu mến quê hương, mảnh đất làng Hiến Phạm nơi bà sinh trưởng với khung cảnh thiên nhiên, con người, những sinh hoạt hằng ngày, hội làng. Ngòi bút Đoàn Thị Điểm nhẹ nhàng đơn giản đã phác họa toàn bức tranh quê hương:

*Các ngọn núi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa
ngọn thì thấp xuống, ngọn lại nhô lên
trông rất kỳ lạ. Đó chính là nơi thắng
cảnh đệ nhất của vùng Thuận Văn (3).*

Tà con người vùng Thuận Văn, Đoàn Thị Điểm tả người buôn bán, người thợ thủ công, người nông dân phong cách nhân hạ ung dung.

*Người buôn bán thì ôm ấp phong
độ thanh liêm của Báo Thúc, thợ thủ
công thì chiếm được kỹ thuật tuyệt xảo
của Ninh Phong. Có người mang bừa
nghĩa, vác cây nhân đi lại thông dong
trên cánh đồng Hữu Sần, hai chữ công
danh không chút bận tâm, có người
khoác áo tơi, đội nón lá qua lại chốn
Đào Nguyên, nửa tiếng thị phi không
hề lọt tới.*

Tà cảnh làm việc chăm chỉ ngày đêm của người nông dân theo ngày mùa:

*Tuổi xuân trôi đi không trở lại, đời
người quý nhất, nhất là được thỏa chí
của mình. Ngày mồng ba sửa sang*

dụng cụ, mồng bốn xuống ruộng cấy bữa. Nông vụ hai mùa lo lắng chăm chỉ. Buổi sáng đi cắt cỏ tranh, buổi tối ngồi đánh tranh, suốt năm bận rộn không lúc ngồi tay.

Người nông dân làng Hiến Phạm không chỉ biết làm việc, mà ngày hội làng là những dịp vui chơi, phơi bày quần áo đẹp. Đoàn Thị Điểm đã tả một bức tranh sống động.

Bây giờ chọn ngày tốt, phô bày lụa là, tụ tập những cô gái đẹp, trắng trẻo, đoan trang và các danh kỹ thướt tha rực rỡ. Tóc búi lạ như núi Vu, quần phấp phới trên sông Tướng, đánh phấn phực sức rất tươi đẹp, lông mày nhọn cong như mảnh trắng non, đôi mắt biếc xanh như làn thu thủy, vẻ mặt sáng sủa xinh tươi.

Người múa giỏi trông nhẹ nhàng, mềm mại như ráng cây, đáng được thưởng nhiều gấm vóc, người hát hay hài luật lã, lạnh lảnh như ve sầu, đầu tiếc gì lụa đẹp ban khen. Tiếng đàn tuyệt diệu, gảy khúc Lưu Thủy Cao Sơn, đã có Chung Kỳ sống lại xin chỗ ngừng đàn. Tiếng sáo du dương vang cung diệu Xuyên sơn lập thạch, đã có Cổ Khánh phục sinh, xin dừng ngừng thổi.

Chỉ một vài nét chấm phá. Đoàn Thị Điểm đã làm sống lại khung cảnh ngày hội làng quê. Bài văn trên đáng đưa vào sách giáo khoa.

Công việc nghiên cứu về những tác phẩm của Đoàn Thị Điểm còn dài và còn nhiều điều lạ. Tác phẩm Truyền Kỳ Tân Phả, một tập tiểu thuyết quý giá trong nền Văn Học Việt Nam còn chưa được nghiên cứu phân tích. Bản dịch Chinh Phụ Ngâm Khúc bản B (4) chưa được ai phân tích nghiên cứu, so sánh với bản dịch Phan Huy Ích, chính xác và tuyệt vời. Mối quan hệ giữa Đoàn Thị Điểm, và Đặng Trần Côn, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Kiều... còn những bất ngờ và thú vị, tôi dành cho các bài viết sau.

Chú thích:

- (1) Nguyễn Kim Hưng. Một số phát hiện mới về Hồng Hà Phu Nhân di văn. Tạp Chí Văn Học số 1 - 1978 trang 84-92.
- (2) Phạm Trọng Chánh. Hồ Xuân Hương nàng là ai? - Khuê Văn xuất bản Paris 2000.
- (3) Thuận Văn: gọi tắt huyện Văn Giang và phủ Thuận An.
- (4) Hoàng Xuân Hãn. Chinh Phụ Ngâm bị khảo. Minh Tân - Paris 1953.♦



Ông Bảy Cù Làn

• Trà Nguyễn

Tự điển Lê văn Đức giải thích cù làn là làn lụa, là kéo dài mãi nhưng không hện lâu. Thí dụ như đi đòi nợ, người ta cứ hện cù làn, cù lụa năm lần bảy đổi mới chịu trả. Hoặc bà già muốn sớm có cháu nội bằng ẵm, nhưng anh con cả còn ham tuổi độc thân, than với bạn trầu rằng: "Tui hối nó lấy vợ mà nó cứ khát lần khát lụa mãi đó chi! Nhà học giả cũng định nghĩa cù làn là thú rừng loại gặm nhấm, giống con sóc, nhưng lông đỏ và nhuyển hơn; được dùng cầm máu và trị ho ra huyết.

Thật ra không dễ gì gặp con cù làn, ngay cả dân đi rừng, nói chi đến người sống trong thành phố. Có chăng là vô số thú mới thấy tận mắt con vật mắc cỡ thường đeo tròn trên nhánh cây hoặc lấy tay che mặt mỗi khi bị người xem chọc phá. Từ đó hai chữ cù làn được dùng để ám chỉ những người hay e lệ, nhút nhát. Ai chậm hiểu, có một việc đơn giản cứ hỏi tới hỏi lui hoài thì bị mắng là đồ ngốc. Còn ai rụt rè, gặp gái bẽn lẽn, đỏ mặt, tía tai, không dám lại gần thì người ta kêu là thú cù làn. Đàn ông con trai mà bị gán cho ba chữ *cù làn lửa* là chết một cửa tử. Riêng tôi, tôi cho rằng cù làn là con vật rất dễ thương bởi tính ngây thơ và cử động dịu dàng của nó. Hơn nữa loài vật ấy có sự tích gắn liền với quê hương nơi tôi sanh trưởng.

Chuyện như vậy:

Trong xã An Bình, quận Dĩ An chúng tôi, gần cổng 16 có cái miếu Cù Làn, trông nom bởi ông già vui tánh. Chứ vị lão làng kể rằng hồi trào Pháp, cù làn ở đâu mỗi năm tụ về một lần trên miếng đất nằm thấp bên dưới cổng xe lửa, sát cánh rừng và chỉ cách nhà lầu Tây chưa tới 100 mét. Đó là khoảng thời gian 45 - 50, lúc chiến tranh Việt-Pháp lan tràn khắp thôn xóm nên nhà nào cũng đào trảng-xê (hầm trú ẩn) để núp. Ba tôi kể lúc ấy Việt Minh oánh nhau với Tây hà rầm nên dân chúng ở giữa lãnh đủ. Mỗi lần nghe súng nổ, dù đang ăn cơm, chúng

tôi cũng phải buông đũa, phóng cho nhanh đến miệng hầm nhày xuống. Tính đến nay gần 50 năm, nhưng tôi vẫn hình dung ra chiếc hầm nhỏ xông mùi hôi đất làm nghẹt thở và bầy gián chạy tứ tung trên mảnh chiếu rách. Dưới nóc hầm lót bằng mấy tấm gỗ tạp, bên trên là bộ ván, nghe tiếng mọt-chê, tiếng súng mi-trây-dết, anh em chúng tôi ngồi co rút vào nhau run lấy bầy. Tôi vẫn còn nhớ lần ba tôi co giò chạy trốn khi được tin Tây bố ráp và những đêm ông phải ra chợ ngủ nhờ nhà người quen vì sợ Việt Minh về gõ cửa bắt đi. Dần dà theo năm tháng, chiến cuộc bót căng thẳng nên dân chúng trở về làm ăn sinh sống. Cho đến một năm, người ta bàn tán về sự tụ họp lạ lùng của hàng chục con cù làn, vốn là loài vật hiếm thấy. Dân cho là điềm lạ; chắc có sự biến chuyển. Quả thật, chẳng bao lâu Pháp rút. Thế là thân hào nhân sĩ, dân ngu cu đen hè nhau đến dựng miếu thờ. Ba tôi nói ban đầu miếu nhỏ như cái am; lần lần được xây cất lớn hơn, rồi biến thành nơi thờ phượng trang nghiêm không khác gì một ngôi đình rộng rãi. Tôi dám nói không ở đâu có đình có miếu mang cái tên ngộ nghĩnh là **Miếu Cù Làn** như ở Dĩ An. (Trước 54 thuộc quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, sau thành quận thuộc tỉnh Biên Hòa). Hàng năm, đến ngày cúng miếu, dân làng từ bô lão đến thiếu niên, viên chức địa phương từ Xã trưởng đến Trưởng ấp, thợ thuyền từ cặp-răng đến thợ cạo mũ cao-su, cả những người buôn thúng bán bưng, dù tất bật mấy cũng đến. Ngày giỗ Cù Làn vui lắm. Các cụ ông khăn đóng áo dài trịnh trọng. Các cụ bà không chịu thua: không chít khăn mỏ quạ cũng quấn khăn choàng cổ. Phụ nữ kẻ nấu nướng bên ngoài, người lo dọn chén bát bên trong. Con nít chạy nhảy đùa giỡn làm cho ngôi miếu huyền não hẳn lên. Có năm ban hội tề còn mướn đám hát bộ dưới miệt Cầu Muối về diễn ba đêm liền cho bà con thưởng thức. Trong miếu, nào kèn, nào chập chĩa, trống châu, trống dàn thi nhau hòa nhịp, người lớn say mê theo

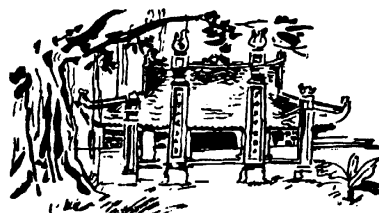
dôi Phàn Lê Huê, Trụ Vương mê Đắc Kỳ hoặc Lưu kim Đinh giải giá Thọ Châu. Bên ngoài, đàn ông con trai, đàn bà con gái xúm xít nhau thành từng nhóm trò chuyện. Vài cặp ung nhau dắt vô bóng tối bị con nít (trong đó có tôi) theo rình phá đám không làm ăn gì được, đâm quạu hoặc mắc cỡ dang ra. Họ đến đình đến miếu để tỏ lòng thành thì ít, mà để o mèò, ve vãn nhau thì nhiều. Song nhờ đám giỗ Cù Làn, nhiều cặp dính nhau, sanh con đẻ cái lù khù, nên vô tình con vật hiền từ trở thành ông mai bà mối. Mãi đến năm 75, cứ đúng ngày đúng tháng, dân chúng vẫn lù lượt đến cúng miếu. Như thế đủ biết con Cù Làn cũng có thờ, được kính trọng chứ không phải tầm thường như người ta tưởng.

Nhà tôi thuộc xóm ga, nhưng nằm xít bên trong nên muốn đến miếu, tôi thường đi tắt con đường đất đỏ, băng qua cổng xe lửa, tuột xuống cái dốc là tới. Lúc nhỏ tôi hay tới đó bởi hai lẽ: thứ nhất, có sân rộng tha hồ đá banh mà không sợ bà má tôi la rầy. Thứ hai, để nghe ông già giữ miếu kể chuyện vui và đùa nghịch với bầy dê của ông. Bác Bày, tục gọi là Ông Bày Cù Làn, là người xa xứ, ở đâu trôi giạt về làm ăn tại quê hương chúng tôi, sau xin ở luôn trong miếu để chăm sóc. Quanh năm, ngoại trừ ngày lễ giỗ, cửa mặt tiền lúc nào cũng đóng kín nên ngôi miếu mang vẻ tĩnh mịch. Nhưng hàng đêm, bác đều đốt đèn, thắp nhang bên trong lẫn bên ngoài nên được dân chúng hết lòng tin tưởng. Sáng sớm, khi mặt trời vừa lên, toa cuối cùng của chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày vừa khuất, hồi còi còn vang vẳng xa xa, bác Bày đã lùa dê đi ăn trong các rừng chồi lân cận. Chiều lùa dê về sớm, bác phải chun lên ngồi khoách đốc trên bộ ván với khúc rượu trắng, để mặc bầy dê nằm nhón nhơ quanh miếu.

Thường thì sau khi chạy nhảy thấm mệt, bọn nhỏ chúng tôi vừa kéo áo lau mồ hôi vừa túa vô miếu vây ông Bày. Cái quần xà lỏn dài gần tới đầu gối để lộ cặp giò khẳng khiu xạm nắng, bác chậm rãi móc bọc thuốc rê từ túi sau ra, vắn một điếu, thè lưỡi liếm miếng giấy quuyến dán lại rồi đốt điếu thuốc bằng cái quẹt máy nhỏ dẹp bằng hai ngón tay xong mới bắt đầu nói.

Khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, khi còn ở Trảng Bàng, bác vô rừng đốn củi đem về bán để giúp gia đình độ

nhụt. Một buổi trưa, khi vừa mé một nhánh cây khô xuống đất, bác chợt nghe một tràng súng liên thanh phá tan sự yên lặng của khu rừng. Bác thắc mắc trong bụng tại sao chỉ có một loạt súng. Mà nổ xong lại im, không như những lần gia đình bác chạy giặc khi hai bên đánh nhau súng nổ vang trời. Đầu óc luôn bị ám ảnh bởi sự việc bất thường, bác đem chuyện thuật lại thì cha bác cấm tuyệt không được nói cho ai nghe. Vài tháng sau, nửa đêm có mấy người lạ mặt đến nhà mời cha bác đi họp rồi biệt tăm vắng bóng. Sống đơn chiếc bên cạnh mẹ già, bác nuôi nấng hy vọng một ngày kia cha bác sẽ trở về để bác không tủi thân với làng xóm. Nhưng ông vẫn đi biển biệt không một lời nhắn nhủ. Đã qua mấy mùa Tết, bác vẫn trông ngóng tin tức từ người cha suốt ngày lam lũ bên liếp dưa, mẩu rẫy nuôi bác khôn lớn và luôn dạy dỗ bác ăn ở sao cho phải đạo. Thình thoảng có người đến thăm to nhỏ với mẹ bác sao đó, làm cho bà buồn rầu rồi lâm trọng bệnh. Đến khi sắp chết, bà mới trần trối là cha bác đã bị người ta thủ tiêu và khuyên bác nên bỏ xứ ra đi tìm nơi an toàn hơn để sống.



Kể từ đó bác cu-ki một mình kéo cần gào tưới rau tưới thuốc. Nhiều đêm trần trọc, bác tự hỏi những người hiền lương như ba bác có tội gì để bị thủ tiêu? Quanh năm suốt tháng ông chỉ lo làm lụng nuôi sống gia đình, ít khi đi đây đi đó và chưa hề gia nhập hoạt động cho một hội kín nào thì tại sao người ta nỡ giết ông? Và còn câu nói 'Họ thà giết lầm hơn tha lầm' của mẹ bác trước khi bà nhắm mắt nữa. Niềm bất hạnh cha mất rồi mẹ mất, để lại đứa con mồ côi mồ cút tạo cho bác nỗi buồn dai dẳng và mối hận canh cánh bên lòng. Bác tự nhủ một ngày nào đó bác sẽ tìm ra manh mối kẻ đã sát hại cha bác; nhưng rồi chiến cuộc sôi động trở lại làm cho bao nhiêu gia đình ly tán, các cuộc ám sát xảy ra thường xuyên làm cho bác sống ngày đêm trong lo sợ.

Với cái nhìn xa xăm, bác ngừng lại rồi tiếp:

"Có một lần súng nổ ngay trước nhà, tao hoảng quá chạy ra sau vườn, nhảy phóc xuống mương nằm im không dám nhúc nhích. Liền sau đó có tiếng chân chạy thình thịch làm tao sợ thót dái lên cần cổ. Mãi đến khi yên lặng hoàn toàn tao mới bò dậy thì thấy mình mảy bùn đất lấm lem. Từ giờ phút đó tao quyết định bỏ nhà bỏ cửa, tom góp quần áo, xách gói ra đi".

Nói đến đây bác lại trầm ngâm làm chúng tôi sốt ruột.

Một đứa bạn lên tiếng:

- Năm đó ông bao nhiêu tuổi, ông Bày?

- Mười tám tuổi.

- Đi rồi làm sao bác sống?

- Trong thời gian đầu được người bà con ở Sài Gòn đùm bọc. Sau đó bác tự tìm việc làm để nuôi sống bản thân.

Đứa khác hỏi:

- Làm gì vậy ông Bày?

- Bác làm đủ thứ nghề. Từ thợ sắp chữ, đi bỏ báo đến thợ nề, thợ mộc.

Trả lời xong bác thở dài: "Lúc trẻ, cuộc đời bác bầm dập lắm, không được may mắn như người khác".

Câu than thở của ông làm cho chúng tôi mất hứng và buồn ra mặt. Nhưng tuổi còn nhỏ dại, tôi nào hiểu được nỗi xót xa của bác. Nghe thôi nghe vậy, câu chuyện cũng chìm dần trong quên lãng.

Năm lên mười bốn, sáng sớm nào tôi cũng đi ngang qua miếu. Lúc ấy má tôi bán đường ngoài chợ nên anh em chúng tôi được ăn cháo trắng với đường tán vụn bà đem về mỗi ngày. Những ngày nghỉ học, gà mới gáy hiệp nhút, tôi đã thức dậy đi bộ theo bà vô lò đường đến rục giò môi căng. Bù lại, lúc về tôi được ngồi ngất ngưỡng trên xe bò rất vui thích. Hai bên con lộ ngoằn ngoèo, cảnh vật còn vui yên trong giấc ngủ. Chỉ có chiếc xe bò lắc lư làm ngọn đuốc soi đường sáng lung linh. Tiếng niềng sắt lăn trên mặt đá xanh lồi lõm tạo âm thanh lộp cộp lạch cạch buồn thê thảm khiến tôi thường ngủ gục. Đến khi bánh xe bò cán ngang đường sắt, chiếc xe lắc mạnh, tiếng động vang lên, là lúc tôi giụi mắt nhìn ngôi miếu để biết rằng sắp đến chợ. Từ đó con đường qua miếu Cù Làn trở thành quen thuộc và thân

thương như những người thợ nấu đường hiền lành tử tế. Nhớ ngày đầu vô lò đường thấy lạ, tôi bước lại gần để xem. Một bác nói: "Này cháu nhỏ! Cháu đứng xa ra kéo cái đuôi con trâu đuôi ruồi nó đập trúng vào mặt cháu đó". Câu nói ôn tồn của ông khiến lòng tôi cảm mến, khác xa thái độ hống hách của ông xếp ga thường đuổi bọn nhỏ chúng tôi không cho chơi trong ga xe lửa.

Đối với trẻ con, những việc lạ khơi dậy óc tò mò khiến tôi mãi mê quan sát. Coi lâu dần tôi biết rõ cách nấu đường ngày trước. Lò có ông che làm thành ba trục bằng gỗ ở trên. Bên dưới là hầm chứa nước mía ép. Trâu đi vòng tròn kéo trục giữa, lúc khỏe vừa đi vừa nhai; lúc mệt vừa đi vừa nhều. Hai người cho ông che ăn; hễ rút ra bên này thì lại dứt vô bên kia để cho ba ông che ép mía lấy nước. Khi bó mía đã đập, mỗi bên phải gấp xác mía làm đôi, làm ba nên trâu kéo nhiều vòng thấm mệt, khựng lại rồi ì cổ bước lên. Nước mía dưới hầm đầy bả vụn được múc lên cho vào chảo nấu thành chè một, chè hai, chè ba. Lửa đốt bằng xác mía phơi khô, ruồi, lẳng bu đen nghệt. Đến lúc đổ qua chảo chót, chè ba sệt lại thì ông thợ chính dùng hai tay cầm cán chiếc gáo bụ múc ra đi rót. Khuôn đường tán làm bằng cật tre có cái đuôi để xếp cho ngay hàng và sát nhau trên mặt đệm. Lần đầu quan sát thợ rót đường tôi phục ông quá. Tuy khệ nệ, ông rẽ cái vòi từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên đều tay một cách thiện nghệ, rót vừa đầy hàng ngàn chiếc khuôn không để chảy ra ngoài.

Coi ông rót đường khoái lắm! Nhưng không khoái bằng được cho nhúng mía lao. Có quen biết lắm chủ lò mới cho nhúng mía. Người lạ xấn rần quanh chảo, lỡ bị phỏng ráng chịu chớ chủ không có tkhèn.

(Xin đọc giả thông cảm cho tôi nói thêm chỗ này một chút rồi cười chê cũng được. Tại sao tôi viết chữ "tkhèn"? Đó là do tật nói đót. Hầu như dân làng tôi và những nơi lân cận như Tkhù Đức, Lái Tkhieu, lúc nhỏ ai cũng nói ngọng chữ "THỂ". Mãi đến lúc xuống Sài Gòn học, nhờ bị chúng bạn ngạo báng, tôi mắc cỡ tập sửa giọng lại và không còn nói "tkhuờng tkhuờng" nữa. Tuy nhiên gần đây, trong cái băng cassette cũ mềm, tôi lại nghe một cô ca sĩ nổi tiếng hát:

"*Tkhà* đừng quen nhau, quen nhau mà làm chi. *Tkhà* đừng quen nhau, quen nhau rồi biệt ly. . . *Tkkà* đừng yêu tôi, yêu tôi rồi lại tkhôi. . .".

Cứ thế cô *tkhà* tới *tkhà* lui nghe thiệt nức nở. Chỉ e cô *tkhà* mãi cho đến khi hết tuổi xuân *tkhì* thì uống lắm. Ông nhạc sĩ nào viết nhạc và lời hay thật. Nghe hàng chục lần, tôi vẫn thích bài hát đó nên cất kỹ cái băng cassette để nghe lại những từ ngữ dân dã thương mến của quê hương mình).

Trong lò đường người làm công qua lại tấp nập, còn tôi thì từ đầu trên chạy xuống đầu dưới, len lỏi coi hết chỗ này đến chỗ khác. Thấy vậy một bác cho tôi nhúng mía lao. Mừng hóm, tôi chạy đến đóng mía lựa một khúc gốc mập bằng cổ tay, dài một thước rồi mang đến thợ vào chảo đường. Rút khúc mía ra, đường tuột theo gần hết, chỉ còn dính một lớp mỏng. Sau tôi bắt chước người ta xoay nghiêng khúc mía cho lớp đường nguội bớt, đặc lại rồi mới nhúng tiếp. Càng nhúng càng xoay nhiều lần, lớp áo đường bên ngoài dày cui lên giống như cái đầu châu bịt khăn đóng. Chờ cho đường nguội, gỡ ra ăn từng miếng dẻo như kẹo mạch nha; đối với con nít, thật không còn gì thú vị bằng. Chưa hết, khúc mía chín bên trong mới tuyệt. Hồi đó tôi ngu quá không biết thưởng thức mía lùi. Có anh gạt tôi lấy khúc mía, bảo "Mày ăn đường rồi, ăn mía vô trót quớt". Nghe có lý, tôi đưa anh luôn. Về sau biết khôn, tôi gỡ đường ra hết, ăn thử mía chín thì thấy nó ngọt lịm, ngọt bùi một cách lạ lùng.

Sau này tôi không còn theo má tôi vô lò đường nữa. Nhưng thấy tôi thường dậy sớm, có lần ba tôi cho tôi đi tiệm là quán cà-phê duy nhất trong xã. Thời ấy cha con ít khi đi ngang hàng nhau nên tôi lọt tọt sau lưng ông trên con đường đất có nhiều vũng nước, băng qua nhà ga rồi đến đầu chợ. Tuy trời còn tờ mờ, hai chiếc xe ngựa đã đậu cập sát hàng rào đúc xi-măng, nơi mà tôi thường trèo lên, nhày xuống mỗi khi đi chợ vì không muốn đi vòng qua cổng để khỏi gặp bàn mặt hắc ám của ông xếp ga. Hai cha con tôi tiến vào quán. Dưới ánh đèn măng-sông sáng rực; người tôi thấy đầu tiên là bác Bảy đang ngồi co chân trên ghế thà hồn theo khói thuốc.

- Chú tu lại đây ngồi chung cho vui. Ông nhanh nhẩu nói trong khi tôi chưa kịp khoanh tay chào.

- Anh Bảy! Sao thức sớm vậy?

- Già rồi, ngủ bao nhiêu chú!

- Có gì lạ không anh Bảy?

- Tình hình coi bộ không yên rồi!

"Thời cuộc thay đổi nhanh quá! Mối yên ổn được mấy năm đã bắt đầu xáo trộn". Nói xong ông thờ dài làm ba tôi im lặng giây lâu rồi kêu một cái *noa* nhỏ và một cái ô-le lớn. (café noir ly nhỏ và café au lait ly lớn). Hồi đó mấy ông già thường hay chêm một hai tiếng Pháp trong lúc trò chuyện. Cái tủ gỗ đựng thức ăn mấy ông kêu là cái gạt-măng-dê (garde de manger), cái búa gọi mặt-tô (marteau), cái kẹp gấp kêu là pảnh-xét (pincettes). Đó là do ảnh hưởng sót lại sau thời kỳ bị đô hộ nên ai cũng coi là sự thường. Tôi chưa kịp hiểu những câu trao đổi giữa ba tôi và bác Bảy thì hai ly cà-phê đặt trên hai cái đĩa được mang ra. Ly cà phê sữa của ba tôi thì đầy, nhưng ly cà-phê đen của ba tôi chỉ có phân nửa. Thì ra thay vì chế đầy ly nhỏ, bà chủ chế nửa ly lớn cho tiện. Thấy tôi chần chừ, ba tôi bảo: "Con uống bớt đi rồi chấm giò chéo quày ăn". Uống hộp cà-phê xong, tôi thấy ba tôi chế cà-phê đen của ông trong chiếc đĩa trệt. Khó bực lên nghi ngút thành một mản sương mỏng, quyeten theo mùi cà-phê thơm phức. Ông chậm rãi bung đĩa lên húp rồi rít một hơi thuốc Bastos. Bàn kế bên, mấy người mới đến cũng đang húp đĩa nên chỉ hai cái đĩa sành trên bàn cái nào cũng ngả màu vàng xạm. Trong thời niên thiếu, đây là lần đầu tiên tôi được ăn giò chéo quày chấm cà-phê sữa và biết thế nào là cà-phê đĩa. Uống cà-phê đĩa có cái thú riêng của nó, nhưng về sau người ta bỏ đi. Những tập quán đơn sơ mộc mạc dần dà được thay thế bằng các hình thức văn minh tiến bộ hơn.

Trong quán, vì bận quét giò chéo quày nên tôi nào biết hai người lớn trao đổi những gì. Mãi đến lúc đứng dậy ra về tôi mới nghe bác Bảy nhắc ba tôi đừng cho tụi nhỏ đi chơi xa, nhất là đừng vô rừng không tốt. Bẵng đi một thời gian, dư luận đồn rùm về việc một ông Trưởng ấp bị bắt đi mất tích; sau đó ông Xã trưởng bị bắn lật gọng tại bàn làm việc ngay giữa ban ngày. Những sự việc xảy ra làm cho ba má tôi lo âu. Riêng tôi, tôi chỉ lướt tiếc những năm hoa niên thơ mộng không còn được đi rảo trong rừng lật lá, đốn mai cho ngày Tết hoặc tụ họp với bằng hữu trò chuyện dưới ánh trăng khuya.

Đến khi xảy ra vụ chọi tạc đạn vào đám đông tụ tập coi phim thời sự trước phòng thông tin, làm người lớn, trẻ em bị thương nằm la liệt, ba tôi cấm hẳn, không cho tôi đi chơi đêm nữa. Tôi bắt đầu suy nghĩ...

Lớn lên, tôi ít có dịp đến miếu như năm mười bốn, thường chỉ đòi ông già kể chuyện. Nhưng một hôm thấy tôi làng vàng bên ngoài, ông kêu tôi vô ngồi trên bộ ngựa kê ở hậu liêu là một chái ngói không vách. Trên bộ ván ba, bác Bảy bắt đầu phân tích. Ông nói sự kiện trong làng có nhiều thanh niên bỗng nhiên vắng mặt là dấu hiệu mất an ninh và khuyên tôi đừng nghe lời dụ dỗ của chúng bạn mà nên để tâm vào việc học.

Tôi hỏi:

- Tại sao bác nói vậy?

- Con cứ nghe lời bác đi rồi lớn lên mày sẽ hiểu.

Quả thật, qua một thời gian ngắn, bạn cùng lứa với tôi từ từ biến mất, lần lượt hết đứa này tới đứa khác. Thấy tình hình nguy hiểm, ba tôi kê sát bên tôi ngày một. Ông bảo: "Ráng học, năm tới thi đậu, ba sẽ cưới vợ cho".

Thiệt tình mà nói, đâu phải tôi ham có vợ mới lo học. Mà vợ con nổi gì khi chưa sạch cứt mũi? Chẳng qua là sợ thi rớt xấu hổ mới cố gắng thôi. Đêm nào tôi cũng thức khuya cắm cổ gạo bài, nôm na gọi là học thuộc lòng, nói vắn vè kêu là học từ chương. (Sẽ sẽ như tuổi tôi bây giờ, hồi trước nếu không học thuộc lòng, đố cha nào còn nhớ Lục Vân Tiên, chuyện Trê Cóc, hoặc Cung Oán Ngâm Khúc).

Nhờ học trốn chết, năm đó tôi không trượt vô chuỗi. Cô bác xa gần bắt đầu hỏi thăm và tính chuyện làm thân với má tôi. Biết vậy tôi cũng không nói gì, cứ để cho bà hạnh diện với chòm xóm, coi như chuyện thường tình, rồi sẽ qua đi. Ai dè bà làm thiệt. Một hôm bà kêu tôi lại nói:

- Má đã nhờ người làm mai con gái ông chủ xe đồ cho con rồi đó!

Nghe hoảng hồn hoảng vía, tôi phản ứng ngay:

- Không được đâu má! Không nghề, không ngỗng, cưới vợ dia cặp đất ăn được sao má?

Bà cự lại:

- Mày lớn xộn rồi, còn chần chờ gì nữa? Đây là chỗ gia cang hiền lành tử

tế, không phải ai muốn làm suôi cũng được đâu con!

Tuy nói mạnh, nhưng khi thấy tôi kịch liệt phản đối:

- Con nói không được là không được. Má mau đi hồi lại. Nếu không, người ta đi vô ích, nhà mình còn mang tiếng. Bà cũng làm thình.



Ngày trước ông bà ta cưới vợ gả chồng cho con sớm lắm. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó nên có nhiều cặp vợ chồng phải sao chịu vậy chứ không hề dám cãi lệnh bề trên. May mắn xứng đôi vừa lứa không nói gì, còn lỡ như vung nhôm úp nôi đất cũng đành cam chịu, không được than van. Đừng nói đâu xa, ngay cha mẹ chúng tôi cũng so le: bà lùn tịt, chỉ đứng tới nách ông! Còn chú Sáu ở gần nhà nữa. Trong khi bà vợ cao lớn đầy đà cộp vật ăn ba bữa chưa hết, ông nhỏ thó đứng núp sau lưng bà, ba người tìm cũng không thấy!

Theo chỗ tôi biết, từ thế hệ ông nội tôi tới thế hệ ba tôi, các ngài đã có con từ năm mười sáu, mười bảy. Và cũng theo phong tục đó, con trai mới lớn, nhiều anh chưa lặn thình đã bị cha mẹ ép lấy vợ rồi! Còn con gái, bậu nào lọt ra ngoài hăm mấy, gần tới ba mươi mà chưa có ai rinh là coi như ế chắc. Bằng chứng có những câu hát vông như sau:

Trai mười sáu còn lấu tấu lằng xăng

Chỗ gái mười lăm đã biết thêu khăn chớ tặng

Má em cần dặn

Chờ anh nên vóc nên hình

Mẹ anh tối hỏi

Mẹ anh tối hỏi. . .

Để hai đứa mình đẹp. . . diên (duyên)

Than thân trách phận thì có câu:

Trắng da vì bởi phấn gò

Đen da vì bởi em ngồi chợ trua

Trái lại những thiếu nữ con nhà khá giả đòi quyền lựa chọn:

Thông ngôn, ký lục, bạc chục không màng

Lấy thẳng thợ bạc đeo vàng đỏ tay

Hoặc có người cắc có hơn:

Má ơi con muốn lấy anh thợ bào

Rướng chun anh đây, cái nào cùng. . . xa

Nhờ thích coi cậu tôi đóng tủ thờ, tôi biết rõ ông thợ mộc nào cũng có ít nhất ba cái bào. Nhỏ nhất là bào con cóc, ngắn ngắn chưa tới một gang tay, dùng để xén chỗ u chỗ lồi. Gặp ván xấu, cậu tôi xúi nhanh chiếc bào làm nó nhảy lên nhảy xuống kêu lóc cóc rất vui tai. Thứ hai là bào trung, dùng để bào mặt ván, và thứ ba là bào trường, chuyên bào cạnh tấm ván đứng. Thợ mộc phải bào vuốt cho cạnh ván thật thẳng để khi ghép, chúng không bị hở. Muốn vậy, ông thợ bào phải đứng cẳng trước cẳng sau, nhón chun lấy trón, chòm tới đẩy một mạch cho thật xa từ đầu ván đến cuối ván. Làm như thế cạnh bào mới ăn khớp với lần mộc.

Tôi nghĩ bà nào muốn lấy anh thợ bào phải là người vô cùng thực tế. Bởi lẽ ông vừa có sức dẻo dai bào xa, đục sâu, vừa có nghề nghiệp vững chắc. Ngoài ba thứ bào nói trên, ông còn có bào chỉ, bào rãnh để thỏa mãn nhu cầu kiểu cọ của khách hàng. Nói chung, thợ mộc giỏi nhìn cách đục mộng, coi chỗ ráp mối biết liền. Còn cái thứ ba múa làm ăn như hạch, lỡ một lần, lần sau không ai thèm kêu nữa!

Mấy năm sau nhờ bậu đi học xa, tôi chưa bị ép lấy vợ sớm. Đến 26 tuổi tôi mới lập gia đình. Dù ở xa, năm nào tôi cũng về quê thăm cha mẹ và lần nào cũng ghé miếu Cù Lằn thăm ông Bảy, người đã cho tôi niềm vui và nhiều kinh nghiệm ngay từ lúc nhỏ. Tôi vẫn nhớ lời ông nói: "Con cứ nghe bác, lớn lên mày sẽ hiểu". Bây giờ tôi thừa hiểu thì bác đã quá già. Điều đau lòng là bác không còn được ở trong miếu nữa. Bọn ăn cướp khốn nạn đã đuổi bác ra khỏi nơi mà bác gìn giữ chăm sóc suốt ba chục năm trời. Có người nói ông Bảy Cù Lằn diên, sáng nào cùng đến đầu dốc, đứng chấp tay sau đít nhìn vô miếu nói làm nhảm. Tôi lại nghĩ khác: Người sớm ý thức thời cuộc như bác không để gì diên. Bác chỉ chửi chúng nó làm bầm trong miệng!•

Đòn ghen của Hoạn Thư một bi hài kịch chống tục đa thê



Võ Thu Tịnh

Hoạn Thư là một nhân vật trong "Đoạn Trường Tân Thanh" của Nguyễn Du (1765-1820), cốt chuyện dựa vào quyển "Kim Vân Kiều" của Thanh Tâm Tài Nhân, mà nhân dịp đi sứ ở Trung Hoa (1813) cụ đã đem về nước. Đầu đuôi chuyện Hoạn Thư đánh ghen Kiều thế nào? Tưởng có thể tóm lược lại như sau:

Vương viên ngoại có hai người con gái Thúy Kiều và Thúy Vân rất đẹp. Nhân tiết thanh minh, Kim Trọng gặp Kiều, cả hai "tình trong như đã, mặt ngoài còn e". Kim Trọng liền mượn cớ du học thuê nhà cạnh vườn họ Vương. Kiều và Kim Trọng có dịp hội ngộ, trao tặng thoa và quạt làm tin.

Cha mẹ và cả nhà về quê ngoại, Kiều cáo bệnh không đi, đêm sang nhà Kim Trọng, cùng thề ước sẽ lấy nhau. Bất ngờ Kim Trọng phải về Liêu Dương phục tang. Trong lúc ấy, nhà họ Vương mắc nạn. Kiều quyết hy sinh bán mình cho Mã Giám Sinh để có tiền chuộc cha, rồi nhờ em là Thúy Vân thay nàng đáp tình Kim Trọng.

Mã Giám Sinh lừa Kiều đưa vào lầu xanh. Kiều không chịu, bị Tú Bà đánh đập, nàng rút dao tự tử nhưng không chết. Tú Bà lo thuốc men, hứa gả chồng cho nàng. Kiều mắc mưu Sở Khanh dẫn đi trốn, bị Tú Bà bắt lại đánh đòn tàn nhẫn, cuối cùng nàng phải chịu tiếp khách.

Thúc Sinh đã có vợ là Hoạn Thư, con quan Lại bộ, nhưng chàng lấy cô theo cha kinh doanh, để đi xa vợ cho

được tự do ăn chơi. Thúc Sinh đến lầu xanh gặp Kiều, nghe nàng đàn và họa thơ, thì say mê, bỏ tiền chuộc ra. Thúc ông biết con trai ăn ở với một gái giang hồ liền làm đơn kiện. Quan phủ xử phạt Kiều phải chọn hai điều: "Một là cứ phép gia hình. Một là lại cứ lầu xanh phó vờ". Kiều xin chịu "gia hình" bị đánh roi, nhất quyết không thuận trở về lầu xanh. Thúc Sinh thấy Kiều bị đòn tới tấp, động lòng xót rằng: "Kiều đã nhiều lần khuyên chàng phải về xin phép cha và vợ cả, vì chàng không chịu nghe nên mới xảy ra oan khốc này!" Quan phủ hỏi lại nguồn cơn, rồi khen rằng: "Trăng hoa song cũng thị phi biết điều!" Lại nghe Kiều có ăn học, nên bảo làm một bài thơ vịnh cái công mà Kiều đang mang ở cổ. Kiều tuân lệnh, làm xong trình lên, phủ đường khen hay và khuyên cha Thúc Sinh: "Ngoài thì là lý, song trong là tình", rồi truyền cho phép Thúc Sinh cưới Kiều làm bé. Thương vì nét, trọng vì tài của Kiều, Thúc ông chấp thuận.

Vợ Thúc Sinh là Hoạn Thư, vốn con nhà quan, phong cách lịch sự, khôn ngoan:

Ổ ăn thì nét cũng hay,

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.

Nàng ứng xử khéo léo, đúng khuôn phép, nhưng khi cần ra tay đối phó, nàng cũng thừa đủ mưu chước, thủ đoạn để làm cho ra lẽ mới thôi.

Thúc Sinh vắng nhà đã một năm. Trong thời gian ấy, nghe được tin chồng lấy Kiều, miệng người đã lắm, tin nhà thì không, Hoạn Thư vẫn nhẫn nại, nhưng càng nhẫn nại, càng thấy căm tức, đau khổ. Nàng cho đó là trò trẻ con, làm sao Thúc Sinh có thể giấu được mãi. Nếu Thúc Sinh biết điều, xin phép, nàng cũng sẽ ứng thuận, để tỏ ra là một chính thất hiền đức, khoan dung.

Thế kẹt của Hoạn Thư - Tuy vậy, là người khôn ngoan, hiểu biết, Hoạn Thư hẳn cũng thấy rằng mình hiện đang ở vào thế kẹt lớn: Cha Thúc Sinh và quan trên đã chính thức cho phép Thúc Sinh cưới Kiều rồi. May mà Thúc Sinh hèn nhất, quen thói sợ vợ, nên chưa dám nghĩ đến việc cùng cha đưa Kiều về nhà nàng. Nếu ở trường hợp ấy, nàng cũng khó mà từ chối.

Hoạn Thư lại còn bị một thế kẹt nữa là nàng không có con. Đó là một cơ trong "thất xuất" ngày xưa để người đàn ông ly dị vợ (không con, dâm dăng và biếng nhác, bất hiếu với cha mẹ chồng, lắm điều, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật). Đã không con mà

còn cần không cho chồng lấy vợ bé để có con thừa tự nhà chồng, là bất hiếu ("Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại"): có ba điều bất hiếu với cha mẹ, mà điều lớn nhất là "vô hậu", không có con nối dòng). Rồi nếu sinh chuyện gây gổ, hành hung thì còn bị ghép vào tội ghen tuông trong "thất xuất" nữa.

Cho nên, Hoạn Thư phải làm cách nào tránh không để cho ai có thể buộc mình vào các tội bất hiếu, ghen tuông thất lợi cho nàng. Điều đó cũng không khó khăn gì cho lắm, vì nàng vốn là con nhà nề nếp, có ghen cũng không đại gì ra mặt đánh ghen một cách lỗ mãng vũ phu, đã trái với gia phong, mà còn rước tiếng ghen vào người, cho thiên hạ cười chê. Điều khó, là Hoạn Thư phải làm sao cho Thúc Sinh phải tiếp tục giấu.

Làm cho Thúc Sinh tiếp tục giấu, tức là chàng không mở miệng xin lấy Kiều, Hoạn Thư sẽ có thời gian dùng tình cảm lôi kéo chồng, làm cho chồng quên Kiều mà trở lại với nàng.

Giải pháp tình cảm - Về phần mình, Hoạn Thư cũng giấu không cho ai biết là nàng đã biết việc Thúc Sinh lấy Kiều. Trái lại, nàng cố làm cho mọi người tưởng nàng đã triệt để tin vào lòng thủy chung của Thúc Sinh. Thủ hạ đưa nào báo tin Thúc Sinh có vợ bé, đều bị Hoạn Thư sai và miệng bẻ rằng. Sau một năm, theo lời Kiều khuyên, Thúc Sinh về nhà, định bụng xin phép cưới Kiều. Hoạn Thư dư biết, song không gây gổ, giận dữ, hay tra gạn gì, mà vẫn một mực vui vẻ, chiều chuộng, âu yếm, tỏ ra tin yêu, quý trọng chồng. Nàng còn cho Thúc Sinh biết ở nhà thiên hạ xấu miệng dèm pha chàng có vợ bé, mà nàng đâu có tin những lời xuyên tạc vu vơ ấy. Nàng không để cho bị lung lạc, làm tổn thương đến tình nghĩa vợ chồng, để phải mang tiếng xấu chung. Thúc Sinh thấy vợ không nghi ngờ gì, thì:

Nghĩ đã bưng kín miệng bình.

Nào ai có khẩu mà mình lại xứng!

Nhưng suốt một năm trời nàng tận lực dùng tình cảm giành lại chồng mà vẫn vô hiệu quả. Trái lại, Hoạn Thư nhận thấy Thúc Sinh càng ngày càng tưởng nhớ, yêu thương Kiều.

Một năm trời nàng và Thúc Sinh sống với nhau có vẻ êm ấm, thuận hòa, đó chỉ là một cảnh "đồng sàng dị mộng", gần gũi xác thân mà không hào hợp tâm hồn, ngàn lần sâu thẳm, thâm thiết, tui thân hơn cả cảnh chồng lén đi khuất mắt ở riêng với vợ bé nào đó!

Giải pháp cứng rắn - Nhu không được thì phải cương. Bây giờ phải cứng rắn đối phó thế nào làm cho Thúc Sinh và Kiều phải xa nhau: Hoặc làm cho Kiều biến đi, hoặc làm Kiều tự ý bỏ đi.

1- Làm cho biến đi tức là làm cho mất tích, không tìm ra được, hay "thủ tiêu" (ám sát) như trong cổ tích "Vợ hai ghen ngược vợ cả" sau đây:

"Xưa có một người lấy hai vợ. Hai người ngày nào cũng cãi nhau, đánh nhau, chồng không sao chịu được, cho mỗi người ở riêng một nhà, nhưng không cách xa nhau mấy. Có một thời gian, người chồng đi buôn bè vắng, vợ cả nghe thấy vợ hai ở bên nhà nghề ngao hát rằng: "Chồng chung, chồng chạ, ai khéo hầu hạ, thì được chồng riêng! Chi mà sợ, chi mà kiêng!" Vợ cả biết nó gây sự với mình, tuy tức giận nhưng vẫn làm thinh không nói năng gì.

Hôm sau về nhà kể chuyện cho mẹ, cho em nghe. Mẹ khuyên: "Một sự nhịn là chín sự lành. Con đừng đối đáp nó làm gì. Đợi chồng con về sẽ hay!" Em gái cũng bảo rằng: "Cần chi phải để tâm. Người ta thường nói: Dù anh năm bảy nàng hầu, Em đây cũng cứ ngồi đầu chính thê". Vợ cả nghe mẹ, em nói như thế, nên không gây gổ gì với vợ hai.

"Không ngờ vợ hai lại thuê côn đồ bắt vợ cả đem đi giết chết, chôn một nơi, rồi sẵn có thầy chết trôi sông, chúng lôi bỏ vào nhà vợ cả phóng lửa đốt cháy. Sau chồng về, tưởng vợ cả bị chết vì nhà cháy, rất thương xót, không nghi ngờ gì.

"Một hôm ngồi trong hiên trông ra, vợ hai đang giặt áo quần ngoài ao, bỗng có con xanh xanh bay đến đậu trên cây hót to lên:

Phối áo chồng tao, thì phối bằng sào,

Đừng phối hàng rào, tao cào mặt ra.

"Người chồng nghe phảng phất như tiếng vợ cả xưa, liền đến gốc cây, rũ tay áo ra nói rằng:

Xanh xanh kia hỡi xanh xanh!

Có phải vợ anh, chui vào tay áo!

"Thì quả nhiên chim xanh xanh bay vào trong tay áo thật, rồi một chốc biến đâu mất. Người chồng nghi ngờ, đem vợ hai ra tra khảo. Vợ hai phải thú tội, rồi sợ quá, đến đêm ra đâm đầu xuống ao tự tử." (1)

Nhưng Hoạn Thư không giết Kiều như ở cổ tích này.

2- Làm cho Kiều tự ý bỏ đi, là chủ đích trong yếu của Hoạn Thư. Trong kế hoạch này, đoạn đầu, (phải chăng do một trùng hợp nào?) lại giống như cốt truyện trong cổ tích trên, nhưng khác nhau là sau khi bắt cóc xong, nàng không giết Kiều mà tìm cách làm cho Kiều và Thúc Sinh phải bị nhục nhã, ê chề cho hả dạ trước đã:

Làm cho nhìn chẳng được nhau

Làm cho đây đọa cất đầu chẳng lên

Làm cho trông thấy nhân tiên

Cho người thăm ván bán thuyền biết tay!

Nàng mớm ý cho Thúc Sinh nên về Lâm Tri thăm cha cho phải đạo làm con. Khi Thúc Sinh vừa ra khỏi nhà, Hoạn Thư liền về bàn với mẹ sai hai tên Khuyển và Úng đi đường tắt đến bắt cóc Kiều. Xong, đốt nhà, ném một thầy chết vô chủ vào lửa để phi tang, xông thuốc mê cho Kiều ngất đi, nhưng không đem Kiều về nhà Hoạn Thư ngay cho khỏi bị lộ, mà đem về nhà mẹ nàng.

Khi Kiều tỉnh dậy, mẹ của Hoạn Thư tra gạn lý lịch, Kiều vừa khai vốn là con nhà khá giả... thì bà liền cất lời, quát mắng Kiều là đồ "trốn chúa lộn chồng" mà đến đây còn phách lối, và sai đánh 30 gậy để cho "biết tay một lần", rồi đổi tên Kiều ra "Hoa Nô" (đưa ở gái), ghép vào hàng tôi tớ trong nhà. Mụ quản gia thương tình thuốc men, an ủi và dặn Kiều rằng:

Ở đây tai vách mạch rừng,

Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi!

Mấy ngày sau, Hoạn Thư đến thăm mẹ, nói cần một nữ tỳ. Bà mẹ sai Hoa Nô qua nhà Hoạn Thư giúp việc. Một hôm, Hoạn Thư hỏi Kiều nghề chơi biết được môn gì? Kiều thưa biết chơi hồ cầm. Nàng đưa đàn cho Kiều gảy. Nghe tiếng đàn:

Nỉ non, thanh thót, dễ say lòng người!

Tiểu thư xem cũng thương tài,

Khôn uy dưỡng cũng bớt vài bốn phân.

Bản Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Tử (2) cũng kể như vậy, nhưng nói rõ hơn là "Tiểu thư nghe xong tỏ ý vui mừng, bảo người đã giỏi ngón đàn, vậy thì từ đây về sau cứ ở bên ta, để lúc thư nhàn giúp thêm cảm hứng, khỏi phải ở lẫn trong đám tôi đòi như trước. Kiều ngò lời cảm tạ tiểu thư có lòng cất nhắc, từ hôm ấy, ngày đêm được ở bên

chạ tiểu thư, nhờ có cung đàn cũng tạm bớt được nỗi bất bình".

Thúc Sinh khi về thăm cha, thấy Kiều bị thiệt mạng vì nhà cháy, buồn rầu, than khóc một thời gian, rồi trở về quê. Hoạn Thư vồn vã đón Thúc Sinh vào nhà. Vợ chồng hàn huyên xong, Hoạn Thư cho gọi Hoa Nô ra chào ông chủ. Kiều sững sốt, không ngờ đây là Thúc Sinh, biết ngay mình đã bị sa vào tròng rồi. Sực nhớ đến lời dặn của mụ quản gia, Kiều đành phải cúi đầu qui xuống thi lễ. Thúc Sinh chợt nhìn thấy Kiều thì phách lạc hồn xiêu, thấy mình đã bị mắc mưu Hoạn Thư, biết làm sao mà cứu nhau được, quá xúc động nước mắt tuôn ra tràn trề.

Hoạn Thư gạn hỏi:

- Mối về mà chàng có việc gì phải động lòng như thế?

Thúc Sinh dối rằng:

- Vì mẹ mất sắp hết tang, bỗng nhớ lại thân mẫu ngày trước mà ứa lệ.

Hoạn Thư rằng: Nếu quả những giọt nước mắt của chàng vì thương thân mẫu nên mới trào ra, thực cũng đáng khen là bậc hiếu tử! Vậy thiếp xin bày tiệc rượu "tẩy trần" để chàng giải khuây (tiệc mừng "rửa bụi" cho người đi đường xa đến thăm).

Rồi:

Vợ chồng chén tạc, chén thù,

Bắt nàng đứng chực tri hồ hai nói.

Bắt khoan, bắt nhật đến lời,

Bắt qui tận mặt, bắt mời tận tay.

Thúc Sinh lại càng như đại, như ngầy,

Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén với.

Ngảnh đi, chợt nói, chợt cười,

Cáo say, chàng đã tỉnh bài lảng ra.

Thúc Sinh thấy không sao chịu nổi, muốn xô bàn rượu mà ôm lấy Kiều để khóc rống lên, nhưng... sợ vợ, nên không dám. Hoạn Thư thì cứ ngọt ngào mời mọc, mà chàng thì một mực cứ chối từ. Hoạn Thư liền thét bảo Kiều: "Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta có đôn!"

Thúc Sinh rụng rời chân tay, đành phải gượng uống cho hết một chén to đầy rượu. Tiệc chưa xong, Hoạn Thư đã bày ra trò khác: bảo Kiều đem đàn ra gảy cho Thúc Sinh nghe:

Bốn giây như khóc, như than,

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.

Cùng trong một tiếng tổ đồng,

Người ngoài cười nụ,

Người trong khóc thầm!

Hoạn Thư lại quát mắng:

- Hoa Nô! Tiệc vui mà ngươi lại đàn bài đoạn trường. Sao chẳng biết ý tứ gì? Làm cho ông buồn, tội ngươi khó tha!

Thúc Sinh kinh hãi sợ Kiều bị hành hạ, vợ vàng gương nói, gương cười cho qua...

Tấn bi hài kịch kéo dài mãi đến canh ba:

Tiểu thư nhìn mặt, dưỡng đã cam tâm,

*Lòng riêng khắp khối mừng thầm :
"Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay!"*

Hoạn Thư đau khổ suốt hai năm trời, nay chỉ đứng đạo diễn tấn bi hài kịch này chưa trọn một đêm mà đã hả lòng. Nhưng nàng lại thấy rằng để Thúc Sinh và Kiều ở gần nhau mãi cũng rắc rối. Phải làm thế nào cho Kiều tự ý bỏ đi, không đợi nàng mở miệng xua đuổi.

Thế rồi, thường thấy đôi mắt Kiều sưng và đầy nước mắt, Hoạn Thư bảo Thúc Sinh tra khảo vì nguồn cơn gì? Kiều viết tờ khai, đại ý nói quê nàng ở Bắc kinh, vì cha bị oan khiên, phải bán mình và bị lừa vào thanh lâu, có người chuộc ra làm vợ, rồi chồng đi vắng bị bắt đưa vào cửa nhà quan... buồn khổ, mong được vào chùa tu cho nhẹ nợ trần. Đọc tờ khai xong, Hoạn Thư:

Dưỡng có giận ngó chút tình.

Rằng: Tài nên trọng, mà tình nên thưởng!

Ví chẳng có số giàu sang,

Giá này dầu đức nhà vàng cũng nên.

Bể trần chìm nổi thuyền quyên,

Hữu tài, thưởng nổi vô duyên lạ đời!

Hoạn Thư đồng ý cho Hoa Nô vào Quan Âm các sau vườn để chép kinh.

Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Tử, cũng kể y như thế, song đầy đủ chi tiết hơn: Hôm sau, Thúc Sinh cùng Hoạn Thư tẩm gối trai giới, cùng lên kiệu để tiễn Thúy Kiều vào Quan Âm các. Nàng toan thi hành đại lễ (bái phục), tiểu thư rằng: "Bây giờ ngươi đã là hạng thượng nhân (tu đạo), chép kinh thay ta để tròn ý nguyện, tức là đệ tử của Phật, không cần thi hành đại lễ ấy nữa". Hoạn Thư khẩn rằng: "Trước kia đã hứa sao lục bộ Hoa Nghiêm kinh, nay xin..." Vừa khẩn đến hai tiếng trên, thì tiểu thư bỗng nhiên ngừng lại, quay hỏi Thúc Sinh: "Trước đức Bồ Tát mà nói Hoa Nô (đứa ở gái) chép thay, há chẳng khinh nhờn quyển kinh đó sao?" Thúc Sinh đáp: "Nếu nói về danh phận người chép kinh, thì nên

xưng là cúng dạng mới phải." Hoạn Thư nói: "Nghĩ nên thay cho nàng một đạo hiệu gì?" Thúc Sinh nhìn trên biển treo thấy có hai chữ "Trạc Tuyền" bèn bảo vợ: "Thôi lấy hai chữ ấy đặt đạo hiệu cho nàng". Hoạn Thư khẩn tiếp: "Nguyên trước đệ tử hứa chép bộ Hoa Nghiêm kinh, nay đặc biệt trao cho cúng dạng Trạc Tuyền, một tay sao lục, hôm nào hoàn thành, xin tu bổ công đức". Khẩn xong Hoạn Thư truyền bảo hai nữ tỳ Xuân Hoa, Thu Nguyệt rằng: "Chép kinh không phải công việc tầm thường, hai người phải siêng năng phục dịch, nếu có lỗi lầm, khi ta xét thấy, nhất định sẽ trị tội nặng." Hai thị nữ cúi đầu vàng dạ. Đoạn hai vợ chồng Thúc Sinh quay ra. Thủy Kiều toan đi tiễn chân. Hoạn Thư bảo: "Thôi, cứ ở lại chép kinh, đừng câu nệ lễ nghi lai vãng." (3)

Rồi Hoạn Thư tạo hoàn cảnh cho Kiều bỏ trốn. Nàng tuyên bố về thăm mẹ. Thúc Sinh tưởng thật, lén đến chùa cùng Kiều kể lễ, than khóc đông dài. Kiều hỏi có cách gì cứu nàng không? Thúc Sinh chỉ trả lời:

Liệu mà xa chạy, cao bay,

Ái ân ta có ngần này mà thôi!

Vừa lúc đó, Hoạn Thư bước vào, cười cười nói nói ngọt ngào, hỏi Thúc Sinh "mới ở chốn nào lại đây?" Thúc Sinh đáp đi dạo ngắm hoa, quá bước tạt vào coi viết kinh thế nào.

Hoạn Thư liền cầm bản chép kinh xem:

Khen rằng: Bút pháp đã tinh,

So vào với thiếp Lan-đình, (4) nào thua!

Tiểu thư lú lạc giang hồ,

Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài!

Hoạn Thư và Thúc Sinh ra về, Kiều hỏi hai nữ tỳ Hoạn Thư đến lúc nào? Đáp bà đến đã lâu, núp nghe câu chuyện giữa hai người từ đầu chí cuối. Kiều sợ hãi vô cùng, nghĩ rằng Hoạn Thư quả là một con người rất thâm độc, ở lâu chắc khó toàn tánh mạng. Câu "liệu mà xa chạy cao bay!" của Thúc Sinh lại hiện ra trong trí nàng. Phải, nàng phải tìm cách trốn thoát ra khỏi nơi này mới yên thân, nhưng đất khách quê người, ra đi tay không, ai mà chứa chấp? Buộc lòng nàng phải lấy trộm các đồ thờ bằng vàng, bạc trên bàn Phật đem theo hộ thân. Rồi thừa lúc hai nữ tỳ ngủ say, Kiều leo tường trốn đi. Nhưng Hoạn Thư bỏ qua, không cho người lùng bắt Kiều.

*

Về đôn ghen của Hoạn Thư, Nguyễn Du cho đó là một đôn: "nhẹ như bấc, nặng như chì" (câu 1879) và chỉ than một câu "Máu ghen đầu có lạ đời nhà ghen" (câu 1874). Còn những lời chỉ trích Hoạn Thư như "tinh ma, miệng hùm nọc rắn, nham hiểm giết người..." là của Kiều, nạn nhân của Hoạn Thư, chủ quan thốt ra. Rồi, vì thương Kiều, chúng ta hòa nhau lặp lại như thế mãi cho đến ngày nay. Có ai thông cảm được với nỗi đoạn trường của Hoạn Thư, một nạn nhân đáng thương của chế độ đa thê hà khắc ngày xưa không?

Có người chồng ngoại tình, dịch thù lại tài hoa, nhan sắc hơn mình, cha chồng và quan trên tác hợp, còn mình, vợ cả, lại bị luật lệ "thất xuất", lễ tục "phụ quyền" kiềm cặp, ràng buộc. Tưởng không có nỗi đau khổ, uất ức, nhục nhã nào hơn!

Mà "đố kỵ, ghen tuông là một trong bản chất con người tư hữu và chiếm hữu. Tình yêu là thứ đòi hỏi chiếm hữu mãnh liệt nhất. Nhất là khi đã thành vợ chồng, vì được luật pháp cho phép. Thúc Sinh đã tự ý làm mất sự phối hợp giữa chàng và Hoạn Thư, nên Hoạn Thư đòi lại, thế thôi! Dù thương Kiều bao nhiêu, ta cũng khó trách cứ Hoạn Thư về mặt này. Nàng quá nặng tay với Kiều chẳng? Có thể, nhưng nếu không thế thì làm sao dứt được Thúc Sinh khỏi Kiều?" (5)

Thật ra, từ khi Kiều bước chân vào nhà Hoạn Thư cho đến khi bỏ trốn, Hoạn Thư không hề đánh Kiều một roi nào. Cách hành hạ trả thù của Hoạn Thư không phải là làm cho Kiều phải đau đớn mà làm cho Kiều phải nhục nhã, và Thúc Sinh phải lộ chân tướng hèn nhất, bội bạc ra:

Liệu mà xa chạy cao bay,

Ái ân ta có ngần này mà thôi!

Khiến cho tình nghĩa giữa Thúc Sinh và Kiều ắt phải bị tan vỡ từ đây.

Con người Hoạn Thư thiện ác thế nào? Một buổi tối làm cho Kiều và Thúc Sinh phải ê chề nhục nhã, Hoạn Thư đã hả lòng. Từ đó, nàng hòa hoãn hơn. Hai lần nàng nói với Kiều, ngay trước mặt Thúc Sinh, rằng nàng trọng tài, quý nét, cùng xót thương cho số phận truân chuyên của Kiều. Điều này, có kẻ cho là giả dối, nhưng riêng chúng tôi, thì thấy rằng Hoạn Thư đã có phần thành thật, vì nàng đâu có bắt buộc phải nói như thế để làm gì? Nếu không phải là để an ủi, đem lại cho

Kiều một ít tự tin vào giá trị của mình đã bị chà đạp, mất mát!

Thông cảm với nỗi khổ tâm của kẻ tình địch, phải là người có từ tâm và tri kỷ tri bỉ, mới có thể ứng xử như thế được. Xưa Hoàn Ôn đi đánh Hung Nô, đem về một công nương vùng ấy làm vợ hầu. Vợ cả ghen tìm đến tận nhà để hành hung. Nhưng vừa bước vào, thấy vợ hầu của chồng nhan sắc tuyệt trần, nhất là phong cách cung khiêm, lịch sự, dịu dàng, liền than rằng: "Con người như thế này, ta thấy còn phải mê thay, trách gì lão gia nhà ta!"

Hoạn Thư có hiểm ác không? Kiêu trộm đồ trốn đi, nàng có thể bắt để quan trên gia hình, tù tội. Sau, Kiêu có ra tù, nàng có quyền không cho chồng lấy Kiêu, vì Kiêu đã trộm cắp, ("thất xuất" điều 5). Nhưng Hoạn Thư có làm như thế đâu?

Hoạn Thư đã ứng xử theo thường tình hiện hữu của dân gian, là "chút dạ đàn bà, ghen tuông thì cũng người ta thường tình!...Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai?", nhưng đặc biệt Hoạn Thư ứng xử "ngoài thì là lý, song trong là tình", có nhu mà có cương, có thù ghét mà cũng có xót thương, có cộc mà cũng có mở, nặng tay đó nhưng vẫn giữ được "cái nhân hậu", chớ không "cạn tàu ráo máng", đứng theo bản tính trung hòa hằng hữu của con người Việt Nam.

Đòn ghen của Hoạn Thư là một tấn bi hài chống chế độ đa thê, nhiều giá trị kịch tính, tình địch trực diện biết rõ lai lịch nhau, mà lại đứng vào những cương vị nguy tạo để ứng xử, đối đáp "người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm".

Đây cũng là một đoạn văn nhiều giá trị thẩm mỹ nghệ thuật nhất nhì trong Đoạn Trường Tân Thanh, đáng được nghiên cứu thấu đáo hơn. Chúng ta thương những nỗi đoạn trường của Kiêu, nhưng sao lại quên được những nỗi đau khổ, nhục nhã của Hoạn Thư, một nạn nhân cũng như muôn vàn nạn nhân khác, của chế độ đa thê hà khắc phi nhân.

CHÚ THÍCH

- (1)- Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, Hà Nội 1932, t. 1, tr. 51.
- (2)- Phạm Đăng Quế, *Truyện Kiều đối chiếu*, Hà Nội, 1991, tr. 300, 301 - trình bày Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Tử (Nhân), hồi 14, (Nguyễn Đình Diệm dịch).
- (3)- Phạm Đăng Quế, *Truyện Kiều đối chiếu*, s.đ.d., hồi 14.
- (4)- Lan-đình: xưa Vương Hy Chi, đời Tấn, viết tại Lan-đình bài tựa tập thơ, chữ rất đẹp, đời sau lấy làm mẫu, gọi là chữ "Lan-

đình".
(5)- Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân, *Đoạn Trường Tân Thanh, Tiếng Vui Trong Lời Buồn*, Mékong Tỵ Nạn, Cali. H.K., 1983, tr.158-160.

Tiếng gọi trong thơ Nguyễn Song Anh



Phù Vân

Nhà thơ Nguyễn Song Anh đến dòng sử mệnh, đoạn cuối của cuộc đời mà anh không còn có thể bám víu ở mảnh đất quê hương. Anh làm một cuộc phiêu lưu phó mặc rủi may để tìm một cuộc trùng sinh về cuộc sống và cuộc đời. Từ đó chúng ta thấy trong thơ anh khắc khoải nỗi hoài mong của một lối về hay một "dòng về". Một dòng về của người Việt lưu vong hiện tại hay một dòng về của dân tộc Việt Nam, của lịch sử Việt Nam đã trôi trên một "dòng không", mà dòng không đó lại dẫn dắt trên một dòng về "chuyển không thành có" như "Trôi hoài kim cổ một dòng không" của Nguyễn Xuân Tào dịch từ "Nhất phiến hàn thanh tống cổ cầm" của Nguyễn Du.

Vì vậy chúng ta không ngạc nhiên khi Nguyễn Song Anh viết những dòng thơ thương nhớ quê hương:

*Tám năm khuất bóng quê hương
Niềm đau nỗi nhớ đoạn trường từ ly.*

(Tháng Tư, Saigon, Tôi)

Từ cuộc đổi đời, Tháng Tư 1975, qua dòng thác di tản, tiếp đến là những đợt thuyền nhân, rồi tường nhân hay vượt cạn "tỵ nạn bằng chân"; dòng thơ đã thấm nhập với nỗi đau thương của một giai đoạn lịch sử thù hận, chán ghét chế độ; đến nỗi xót xa về thân phận lưu vong, căm thù tội ác, khao khát tự do và niềm tin về giá trị thiêng liêng của con người và cuộc sống. Thơ Nguyễn Song Anh cũng vậy. Chúng ta tìm thấy trong thơ anh những Tiếng Gọi.

Tiếng Gọi thảng thốt giữa mệnh nước đổi thay, Tiếng Gọi thê lương sau 25 năm quê cũ vẫn chìm trong thống khổ:

...

*Tháng Tư kẻ mất, người còn
Tôi lang thang giữa Saigon ngắn
ngớ*

*Đã dành dẫu biển cuộc cờ
Hai lăm năm chẵn dẫu ngỡ tang
thường...*

(Tháng Tư, Saigon, Tôi)

Tiếng Gọi nghẹn ngào khi đất nước thống nhất trong một thiên đàng cộng sản lửa bịp dối gian-một ngục tù chung thân cho cả hai miền Nam Bắc:

...
*Ôi tổ quốc nghẹn ngào thống nhất
Người quay lưng trở mặt hận thù
Đẩy dân vào thiên đàng mù
Bắc Nam chịu cảnh ngục tù chung
thân...*

(Tỵ Nạn Hành Khất Ca)

Giữa ra đi và ở lại, giữa bến tạm và tình quê là những ray rứt níu kéo vô cùng xót đau. Nhà thơ Nguyễn Song Anh cũng như bao nhiêu người khác đã không thể chung sống được với chế độ vô nhân, nên anh đã chọn giải pháp ra đi làm cánh chim di. Tiếng Gọi xé lòng người đi cũng xót xa cay đắng như tiếng lá bay trong những mùa gió loạn:

...
*Ra đi bến đậu còn thăm thăm
Ở lại tình quê cay đắng cay
...
Gió chuyển mùa bay xao xác lá
Mảnh đời tỵ nạn biết về đâu!*

(Nhật Mộ Hương Quan)

Thôi đành:
*Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng
ai.*

(Tàn Đà Nguyễn Khắc Hiếu)

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
(Thôi Hiệu)

Thơ Nguyễn Song Anh dung chứa một số tư tưởng. Tư tưởng trầm tích nhưng không lẫn khuất sâu xa, thầm kín nhưng không tĩnh lặng nên dù không thể nghiệm nhưng chúng ta vẫn có thể nhận ra. Bởi trong thơ anh có Tiếng Gọi rộn rã xuyên vào trái tim, chạm vào hệ thần kinh làm chúng ta giật mình tỉnh thức để thấy mình cô đơn trên sân ga vào một buổi tối mù sương và hình như cơn mưa cũng sắp bắt đầu đổ xuống:

*Hay tôi làm một con tàu
Ngược xuôi ngược giữa màu
thời không*

Mà đường ray mãi song song
có nên một chút rối lòng phưởng
xa?

Hay tôi làm một sân ga
đón ai-ai tiễn trắng tà thu sổng
quay lưng giấu nụ cười buồn
bước chân theo dấu tà đường cõi
người

...
Người đi tóc rối ó hồ
phố cung ty nạn nửa tờ du ca

Tôi con tàu-tôi sân ga
Nửa khuya nghe tiếng thiết tha gọi
mời
thu phong lạc điệp tôi bồi
múa đêm viễn xứ ru lời cổ hưởng.
(Con Tàu-Sân Ga)

Chúng ta đã nghe tiếng mưa giữa
khuya hay nghe tiếng lá rơi mùa thu.
Đó là Tiếng Gọi quê hương, tiếng gọi
của năm tháng trên phố lạ người dung,
hay là tiếng buồn trên từng nỗi sắc
không của một kiếp người?

Thật ra chúng ta đã tran trải tấm
lòng với đời, với quê hương và đành
chấp nhận một cõi tạm dung lênh đênh
như dòng nước, phiêu bạt như mây
trời:

Còn tôi ngày tháng đong đưa
Như trời chột nắng lại mưa vô
chùng
Bây giờ phở lạ người đứng
Thở buồn biết mấy đan từng sợi
không
Xa trôi một áng mây hồng
Biết đâu là cuối dòng sông vô
thường

...
Đất trời một cõi mệnh mỏng
Riêng người một góc tạm dung
cũng đành
(Ngày Tháng Đong Đưa)

Một cõi vô thường trong ngày tháng
tiêu dao với Tiếng Gọi của suối nguồn
dội vào tâm tình lặng hay là Tiếng Gọi
của thủy triều xô vào tâm ngoại vật.
Thơ đã đi vào cõi Không, cõi tịnh Chơn
Nhu:

...
Thiền sư đốt áo cà sa
Hủy kính diệt néo tâm ma cười giòn
Cổng chùa xóa tóc xuống non
Bán thố
đong rượu
ngắm mòn Chân Như.
(Đạo)

Để rồi:
Người về khuất néo tâm thố

Đau cơn ngã chấp đôi bờ nhân sinh
Ngộ thiền sư, vấn tâm kinh
Hóa duyên, giọt lệ khổ tình Trưởng
Chi.

(Đôi Bờ)

Rồi trên những dấu chân không
năm tháng nơi xứ người, chúng ta vẫn
lắng nghe Tiếng Gọi lưu luyến từ đâu
đó vọng về, gọi thương gọi nhớ về
những buổi trưa nào đó rất xa lạ có
vang vọng tiếng sáo diều của quê
hương, và những nỗi băng khuâng một
mình nơi xứ lạ, nghĩ hoài không ra:

Cõi người lưu lạc hình hài
Chút thưởng chút nhỏ nghĩ hoài
không ra

Một trưa nào như thoảng qua
Một nơi nào, nơi xứ xa, một mình

...
Chút thưởng chút nhỏ không nhiều
Còn như động tiếng sáo diều bay
cao

Một trưa nào, một nơi nào...
(Một Trưa Nào, Một Nơi Nào)

Thơ Nguyễn Song Anh còn là
những Tiếng Gọi không tên tuổi, không
sắc màu, không hương vị, không thời
gian và không gian, không cả những
tiếng khóc tiếng cười của nhân thế.
Tiếng Gọi từ trái tim, từ đức tin trong
những đêm mưa về gọi rửa những nỗi
niềm u uẩn:

...
Người- cõi người mỏng mệnh
Đêm vỗ về mưa gọi
Lời ăn năn tử tim...
(Lặng Lẽ Giáng Sinh)

Thơ Nguyễn Song Anh còn là
Tiếng Gọi dẫn dắt những thao thức của
lớp người ly xứ vẫn hằng mong một
ngày trở về cố hương, Tiếng Gọi thể
thiết nửa đêm nhắc nhở những cánh
chim di không còn tổ ấm để tìm về
trong những mùa xuân:

Nửa đêm đất khách gió lùa
Gọi người thao thức những mùa
xuân qua
Nước lìa nguồn còn ra biển đợi
Người xa quê mờ lối cổ hưởng
Việt Nam vẫn đẹp vô thường
Mà sao tan tác muối phưởng cánh
cò!

(Mùa Xuân Đen)

Trở về, không hẳn là hoài cổ, là
tiếc nuối quá khứ. Trở về là hướng đến.
Thơ Nguyễn Song Anh là Tiếng Gọi
dẫn dắt ta trở về nguồn cội hay quy hồi
cố quận, điều đó không có nghĩa là lùi
về quá khứ để chỉ hoài niệm tiếc

thương, mà chính là để chuẩn bị cho
một tương lai trong giây phút hiện tại,
giây phút hiện hữu trong cuộc sống, vì
cội nguồn luôn chuyển dịch về tương
lai:

Ta về qua phố đường trưa
Vào xuân lá rụng như chứa bao giở
Năm tàn lòng cũng ngẩn ngơ
Gió hiu hắt gió, tình thỏ thần tình
Như ta nửa cuộc phù sinh
Buồn vui địa ngục thiên đình bấy
nay

Bỗng dưng lòng cũng say say
Vỗi trưa nắng đổ, vỗi bay lá vàng.
(Ta Về)

hoặc:
Mai về gom lá cuối đông
Chờ xuân dấu muộn lửa hồng
nhóm lên

Khói bay vừa ấm sưởi đêm
Thềm sân ngô trúc ru mềm gió qua

Cuối năm trăng khuyết bóng tà
Ngồi đây lòng biết lòng sa mạc
trường

Hỏi ta là gió là sương
Là chi cũng được vô thường cũng
hay.
(Mai Về)

Do đó, trở về cũng là hướng đến, là
trở về với chân trời dĩ vãng. Vì vậy trở
về nguồn cội hay quy hồi cố quận chỉ
là hành động tái tạo lại cội nguồn ở
cuối chân mây, mà mỗi hành động
trong giây phút hiện tại sẽ làm cho sự
trở về càng ngày càng nhanh chóng
hơn.

Hiểu như thế, chúng ta sẽ rõ ý
nghĩa "Hồi đầu thị nạn" của giáo lý
Phật Đà, bởi vì cội nguồn luôn chuyển
dịch về tương lai thông qua từng hiện
tại trong dòng hiện hữu của vạn pháp.

*

Thơ của Nguyễn Song Anh, thơ
của những Tiếng Gọi- Tiếng Gọi của
hiện thực, phản ảnh hiện thực về
những chuyển biến của đời sống được
"lọc" qua tâm thức để trở thành những
tình ý và hướng vọng của thi nhân.

Nguyễn Song Anh, người nghệ sĩ,
đã biến những dòng tâm cảm của
mình thành một "chất sống" cho một
thế giới mơ mộng, lãng đãng bên trên
và chập chờn ẩn hiện vây quanh.
Người nghệ sĩ đã miêu tả hiện thực của
lòng mình để hướng đến và tìm về
"vĩnh cửu" sau cái hiện thực chợt biến,
chợt tan...

(Chôm Xuân Nhâm Ngọ, 02.2002)

- CỔ THI -

詩如鼓琴聲見心為人籟
 誠中形外我心清晏語無烟火
 我纏綿讀法然禪偈非佛
 理障非儒心之孔嘉其言藹如
 齋心
 袁枚

TRAI TÂM

Thi như cổ cầm,
 Thanh thanh kiến tâm.
 Tâm vi nhân lái,
 Thành trung hình ngoại.
 Ngã tâm thanh hòa,
 Ngũ vô yên hòa.
 Ngã tâm triền miên;
 Độc giả huyễn nhiên.
 Thiền kệ phi Phật,
 Lí chương phi Nho.
 Tâm chi không gia,
 Kỳ ngôn ái như.

(VIÊN MAI)

Dịch xuôi:

LÒNG CHAY

Thơ như gảy đàn,
 Nghe âm thanh ấy thấy được lòng người gảy.
 Lòng là sáo của con người,
 Thành tín bên trong hình ảnh hiện bên ngoài.
 Lòng ta trong sáng lặng yên,
 Lời không có hơi khói ánh lửa.
 Lòng ta bao la bát ngát,
 Đọc lời ý ẩn cao sâu vô cùng.
 Lời thiền truyền thụ chẳng phải là Phật,
 Lý lẽ ngăn cản chẳng phải là nhà nho.
 Sự to lớn tốt đẹp của lòng,
 Lời ấy thấm đậm tình khí hòa ái.

Dịch thơ :

Thơ như đàn gảy rạt rào
 Tiếng vang lòng thấy biết bao sự tình
 Lòng là tiếng sáo nhân sinh
 Bên ngoài hình tượng tín thành bên trong
 Lòng ta yên lặng như không
 Lời thơ thanh thoát lửa hồng nguội tanh
 Lòng ta bát ngát mông mênh
 Đọc lời ý ẩn trời xanh vô cùng
 Lời thiền chẳng Phật sao thông
 Cản ngăn lý lẽ nho tông chẳng là
 Tốt lành to lớn lòng ta
 Lời này thấm đượm khí hòa thân thương

Chú thích:

Trai: -giữ tinh khiết, giữ trong sạch.

Lã Thị Xuân Thu, Mạnh xuân:

Thiên tử nữ trai.

Chú: Luận Ngữ viết: *Trai tất biến thực, củ tất thiên tọa. Tự yên khiết dã.*

Thiên tử bèn giữ trong sạch.

Chú thích : Sách Luận Ngữ nói rằng: Giữ tinh khiết ắt thay đổi sự ăn uống, ở ắt chuyển chỗ ngồi. Tự mình tế lễ tinh khiết vậy.

-một chí nguyện lòng yên tĩnh rỗng không.

-phòng sách, nhà học, trái nhà,...

-Nhà Phật nói quá trưa không ăn.

-thực phẩm cúng dường Đức Phật, chư tăng, ni.

-ăn chay.

Tâm: -tim, một trong ngũ tạng (*tâm, can, tì, phế, thận*).

Mạnh Tử, Cáo Tử, thượng:

Tâm chi quan tắc tử.

Cơ quan của tim là suy nghĩ.

-tư tưởng, ý niệm, cảm tình...

Kinh Dịch, Hệ từ, thượng:

Nhị nhân đồng tâm, kì lợi đoạn kim.

Hai người cùng tư tưởng, sắc bén của nó cắt đứt kim loại.

Kinh Thi, Tiểu nhã, Xảo ngôn:

Tha nhân hữu tâm,

Dư thốn độ chi.

Người ta có tình cảm,

Ta đo lường được tình cảm đó.

-gốc, bản tính, bản thể,...

Kinh Dịch, Quẻ Phục, Soán truyện:

Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ.

Phục là thấy được bản thể của trời đất vậy.

-sự cần thiết tinh túy.

-trung ương, trung tâm,...

Giang tâm: giữa sông. *Chuông tâm*: giữa tay, lòng bàn tay.

Thiệu Ứng, Thanh dạ ngâm:

Nguyệt đảo thiên tâm xú.

Trăng tới nơi giữa trời.

Tấn, Can Bảo, Suu thần ký, 11, Hàn Phùng thê:

Nhật xuất đường tâm.

Mặt trời lên đúng giữa (bầu trời).

-gai nhọn của cây, nhụy hoa.

Kinh Dịch, Thuyết quái:

Kỳ ú mộc dã, vi kiên đa tâm.

Như cây ấy dẫn chắc có nhiều gai.

Kinh Thi, Bắc phong, Khái phong:

Khái phong tự nam,

Xuy bị cúc tâm.

Gió mát từ phương nam,

Thổi tới thấm như bị gai châm.

-tên một vị sao trong 28 vị.

Trai tâm:-chay lòng, lòng chay, lòng trong sạch, lòng tinh khiết, lòng lặng yên, lòng trong ít dục vọng.....

Liệt Tử, Hoàng Đế:

Giảm trừ thiện, thoái nhi nhân cử đại đình chi quán, trai tâm phục hình, tam nguyệt bất thân chính sự.

Giảm bớt nấu nướng ngon lành, rút lui mà ở nhân nhả nơi sân quán, lòng trong sạch ít dục vọng biểu hiện ra ngoài, ba tháng chẳng thân hành tới lo việc triều chính.

Văn Uyển Anh Hoa, Đường, Trần Tử Ngang, Tục đường cổ trung ngục thể huyền tiên sinh Phan tôn sư bi:

Triều bá bạch mao hề tịch tử phòng, trai tâm khiết ý miễn tưởng vọng.

Sáng bãi cỏ mao trắng chừ, chiều nơi phòng tiá, lòng yên tĩnh, ý trong sạch cùng trông ngóng nơi xa tít.

Tâm trai:-sự lặng yên của lòng, sự rỗng không trong sạch của lòng, một chí hướng khiêm nhượng, chẳng tự mãn trong lòng, lòng chay tịnh,...

Trang Tử, Nhân gian thế:

Nhan Hồi viết: Cảm vấn tâm trai.

Trọng Ni viết: Nhuộc nhất chí, vô thính chi dĩ nhĩ nhi thính chi dĩ tâm, vô thính chi dĩ tâm nhi thính chi dĩ khí, thính chi ử nhĩ, tâm chỉ ử phủ. Khí dã giả, hủ nhĩ đái vật giả dã. Duy đạo tập hủ, hủ giả tâm trai dã.

Nhan Hồi nói: Xin hỏi về sự yên lặng của lòng.

Đức Khổng Tử trả lời: Hãy dồn vào một chí hướng, không nghe nó bằng tai mà nghe nó bằng lòng, không nghe nó bằng lòng mà nghe nó bằng khí. Nghe dừng ở tai. Lòng dừng ở chỗ phù hợp. Khí là cái rỗng không mà đợi vật vậy. Chỉ có đạo hợp ở cái rỗng không. Rỗng không là phép làm cho lòng yên lặng trong sạch.

Cổ:-tiếng trống báo canh về đêm.

-đánh trống, gảy đàn.

Tà Truyện, Hỉ 23 niên:

Bất cổ bất thành liệt.

Chẳng đánh trống chẳng thành hàng.

-trống đánh, đàn tấu.

Kinh Dịch, Quẻ Li,

Bất cổ phẩu nhi ca.

Chẳng trống đánh chum gõ mà ca hát.

Kinh Thi, Tiểu nhã, Bạch hoa:

Cổ chung vu cung,

Thanh văn vu ngoại.

Trống đánh chuông gõ trong cung,

Tiếng vang ra ngoài.

-chấn động.

-cái trống.

Cổ cầm:-gảy đàn, đánh đàn, chơi đàn, dạo đàn,...

Câu 1 và 2 có thể thoát ra từ điển tích về Bá Nha và Chung Tử Kỳ như sau:

Liệt Tử, Thang Vấn thiên:

Bá Nha cổ cầm chí tại cao sơn, Chung Tử Kỳ viết: Nga nga nhiên nhuộc Thái Sơn, chí tại lưu thủy, viết: Dưỡng dưỡng nhiên nhuộc Giang hà. Tử Kỳ tử, Bá Nha tuyệt huyền, dĩ vô tri âm.

Bá Nha gảy đàn chí hướng nơi núi cao, Chung Tử Kỳ nghe, nói rằng: Chốt vót dường như núi Thái Sơn; Bá Nha lại gảy tiếp chí hướng nơi dòng nước, Chung Tử Kỳ lại nói tiếp: Mênh mông dường như sông Trường Giang, Hoàng Hà. Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha cắt đứt dây đàn, vì không có người sành âm thanh (tức là không có tri kỷ.) thường thức.

Nhân lai:

-miệng người ta nơi phát ra âm thanh.

-sáo người.

Trang Tử, Tề vật luận:

Nhân lai tắc tử trúc thị dĩ.

Sáo người thì là các ống trúc.

Chú: Dĩ trúc tưởng tử nhi xuy chi.

Chú thích: Lấy trúc làm những ống sáo mà thổi.

Thành:-chân thật, trung thực, thành tín.

Kinh Dịch, Quẻ Càn, Văn ngôn:

Tu tử lập kỳ thành, sở dĩ cú nghiệp dã.

Lập ngôn với sự trung tín với mình với người, đó là công phu tu nghiệp của thánh học.

-tin tưởng.

-quả nhiên, xác thật.

-lời nói giả thiết, như quả thế,...

Thỏa:-yên lành, an vui, yên ổn.

Hán Thư, Yên thích Vương Đán truyện:

Huân Dục tử vực, bắc châu dĩ thỏa.

Huân Dục rời khu vực, về phía bắc châu được yên ổn.

-ngồi yên, ngồi im.

Kinh Thi, Tiểu nhã, Sở tì:

Dĩ thỏa dĩ hựu,

Dĩ giới cảnh phúc!

Tới ngồi yên được mời rượu,

Tới cầu mong giúp đỡ không khí phúc lớn!

-rơi xuống, rụng,...

Đỗ Phủ, Trùng quá hà thị:

Hoa thỏa oanh sao điệp,

Khê huyền thát sấn ngư.

Hoa rụng xua bướm oanh,

Khe ồn rái cá đuổi cá.

Yên hỏa:

-lửa.

-khói người, khói người ta thổi nấu.

Sử Ký Luật Thư:

Yên hỏa vạn lý.

Khói người muôn dặm.

-phong hỏa, ngọn lửa, ngọn lửa báo động ở biên giới thời xưa.

Hán Thư, Hung Nô truyện:

Sở bắc biên tự Tuyên Đế dĩ lai, sở thế bất kiến yên hỏa chi cảnh.

Biên giới phương bắc mới đầu từ thời Hán Tuyên đế tới sau, hàng mấy đời không nhìn thấy sự cảnh giác của ngọn lửa.

-đồ ăn nóng.

-Đạo gia dùng tránh nấu nướng ngũ cốc để tu đạo thành tiên.

-có thể hiểu *yên hỏa* là mầm mống của động, như vậy là có sự biến rồi, mà biến là không thể tĩnh ngay được, tức là có *sự sinh*.

Triền miên:

-tinh ý sâu dày.

Văn Tuyển, Phan Nhạc, Quà phụ phú:

Tứ triền miên dĩ mậu loạn hề, tâm thôi thượng dĩ sáng trác.

Nghĩ ngợi tinh ý sâu dày để lơ mờ rối loạn chừ, lòng thôi thúc đau để bi thương.

-buộc chắc chắn không rời ra được.

Tấn Thư, Ứng Chiêm truyện, dữ Đào Khanh thư:

Thoái dĩ thân tầm bình sinh, triền miên cựu hảo.

Rút lui để lại tìm cuộc sống bình thường, tốt đẹp xưa buộc chắc không rời ra được.

-giao tiếp quán quít.

Tấn, Đào Tiềm, Tế tông đệ kính viễn văn:

Dữ thường học sĩ, triền miên nhân sự, lưu lãng vô thành, cụ phụ tổ chí.

Ta đã nếm thử cuộc đời học sĩ, giao tiếp quán quít việc người, đưa đẩy chẳng nên, sợ phụ chí hướng vốn có.

Huyền: -dòng nước ngầm.

-giọt nước giò xuống.

Huyền nhiên :-tự nhiên rớt nước mắt.

Kệ:-lời tụng trong kinh Phật, đó là nói ngắn gọn dịch nguyên từ chữ Phạn là *kệ đà*. Kệ thường thường dùng tam, tứ, ngũ, lục, thất, ngôn có khi nhiều lời trong câu, bốn câu hợp lại thành 1 bài kệ.

Lương, Tuệ Hạo, Cao tăng truyện, Cửu ma la thập:

Tông sử thụ kinh, nhật tụng thiên kệ, kệ hữu tam thập nhị tự, phạm tam vạn nhị thiên ngôn.

Theo thầy tiếp nhận kinh, hàng ngày tụng ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có 32 chữ, gồm tất cả 3 vạn 2 ngàn lời.

Chướng:-ngăn cản, ngăn cách, cách trở,....

Mặc Tử, Thân sĩ:

Sâm tẩu tại trác, thiện nghị chướng tắc, tắc quốc nguy hĩ.

Nịnh hót rù rê ở bên, lời bàn tốt lành bị ngăn cản bế tắc, thì nước nguy hiểm rồi.

-bình phong, bức màn, chướng,...

-nơi hiểm yếu nơi biên giới có quân trú phòng, bảo vệ.

Khổng:-cái động nhỏ, cái hang, cái huyết,...

-sâu xa, sâu thẳm,....

Hoài Nam Tử, Tinh Thần:

Khổng hồ mạc tri kỳ sở chung cực.

Sâu thẳm thay chẳng biết nơi hết của nó.

-to, lớn.

Khổng đạo: con đường lớn, đại lộ, xa lộ,....

-rất, lắm,....

Kinh Thi, Tiểu nhã, Lộc minh:

Ngã hữu gia tân,

Đức âm khổng chiêu.

Tôi có người khách tốt đẹp,

Âm đức của người đó rất sáng sủa.

-tên gọi ngắn gọn của loài chim *khổng tước*.

-tên họ.

Gia:-tốt lành, đẹp đẽ.

-rực rỡ.

-vui sướng, vui thích, vui vẻ.

-hạnh phúc.

-tên họ.

Ái như:-khí ôn hòa vui vẻ thân thích,....

Hàn Dũ, Đáp Lý Dục thư:

Dưỡng kỳ căn nhi sĩ kỳ thật, gia kỳ cao nhi hi kỳ quang, căn chi mậu giá kỳ thật toại, cao chí ốc giả kỳ quang việp, nhân nghĩa chi nhân, kỳ ngôn ái như dã.

Nuôi gốc mà đợi quả, thêm đất màu mà phì nhiêu, gốc tốt tươi sẽ có quả, đất màu đổ vào mà rục rở, nhân nghĩa của người ta, lời nói ôn hòa thân ái vậy.

• **Tiểu sử Tác giả:**

Viên Mai (1716-1797) quê Tiền Đường, tỉnh Triết Giang, về đời Thanh, tự Tử Tài, hiệu Giản Trai, đỗ tiến sĩ niên hiệu Càn Long năm thứ 4 (1739), làm tri huyện các huyện Giang Phố, Giang Ninh,... cha chết xin từ quan về chịu tang rồi không ra làm quan nữa. Xây Tuy Viên ở phía tây thành Giang Ninh trên Tiểu Thương Sơn, bạn bè bàn luận văn chương xa gần, vang danh 50 năm. Có *Tùy Viên Toàn Thư*.

Vài tài liệu để hiểu thấu thêm nữa:

-Kinh Thư, Thuấn điển:

Thi ngôn chí:- Thơ nói lên chí hướng của con người.

-Kinh thi thể hiện chí hướng của người dân.

-Tùy Viên Thi Thoại Bồ di, quyển 4:

Thi sinh ử tâm, nhi thành ử thủ. Nhiên dĩ tâm vận thủ tắc khả, dĩ thủ đại tâm bất khả.

Thơ này ra ở trong lòng, nên ở bàn tay. Tuy nhiên lấy lòng mà vận chuyển tay thì có thể, lấy bàn tay mà thay lòng thì không thể.

- Tra Tâm Cốc viết:

Thi chi hậu tại ý bất tại từ, thi chi hùng tại khí bất tại cú, thi chi linh tại không bất tại xảo.

(*Liên Đường Thi Thoại*)

Sự đầy đặn của thơ là ở ý chẳng phải ở lời, sự hùng mạnh của thơ là ở hơi thơ chẳng phải ở câu, sự linh hoạt của thơ ở rộng lớn chẳng ở khéo léo.

-Thánh nhân dụng hành xả tàng, khả thân khả xuất, vu thi diệc nhất quán.

(Thi Thoại 3)

Thánh nhân khi dùng thì thực hiện tài năng của mình, khi nghĩ thì cất giấu đi, có thể duỗi có thể co, đối với thơ thì cũng liền suốt như thế.

-Thi như xạ dã. Nhất đề đao thủ, như xạ chi hữu học, năng giả nhất tiễn trúng, bất năng giả thiên bách tiễn bất năng trúng.

(Thi Thoại Bồ di, 6)

Làm thơ như bắn cung vậy. Một đề tài tới tay, như bắn con ngỗng trời, bắn giỏi thì một mũi tên trúng ngay, chẳng giỏi thì trăm ngàn mũi tên cũng không trúng.

-Thiên phạt cao chi nhân kỳ tâm tất hu, khảng thụ nhân kỷ đạn.

(Thi Thoại, 9)

Con người có phần trời phú cao sâu lòng của họ ắt khiếm nhường, bằng lòng nhận lời phẩm bình của người khác.

-Tác sử tam trường: Tài, học, thức, khuyết nhất bất khả. Dữ vị thi diệc như chi, nhi thức tối vi tiên, phi thức tắc tài dĩ học câu ngộ dụng hĩ.

(Thi Thoại, 3)

Viết sử có ba phương diện phong phú đầy đủ: Tài năng, học hỏi, kiến thức, thiếu một trong ba thì không thể được. Ta nói làm thơ thì cũng như vậy, nhưng mà kiến thức là ưu tiên nhất, không có hiểu biết thì tài năng và học hỏi đều dùng làm lờ mờ vậy.

-Thi văn tự tu học lực, nhiên dụng bút cấu tử, toàn bằng thiên phạt. Triệu Vân Tùng, Luận thi, viết:

Đào lão thủy tri phi lực thủ,

Tam phần nhân sự thất phần thiên.

(Thi Thoại, 15)

Thơ văn tự rèn sức học, tuy nhiên sử dụng ngòi bút kết cấu ý tứ, tất cả dựa vào phần trời ban cho.

Trong Luận Thi của Triệu Vân Tùng viết rằng:

Tới già mới biết không lực nắm được,

Ba phần người có bảy phần trời ban.

-Thi giả, nhân chi tính tình dã, cận thủ chủ thân nhi túc hỹ.

Kỳ ngôn động tâm, kỳ sắc đoạt mục, kỳ vị thích khẩu, kỳ âm duyệt nhĩ, tiện thị giai thi.

Khổng Tử viết: *Bất học thi, vô dĩ ngôn.*

hữu viết: *Thi khả dĩ hưng.*

lưỡng cú tưởng ứng.

(*Bổ Di, 1*)

Thơ, tính tình của người vậy, lấy gần thân mình cũng đủ rồi.

Lời thơ cảm động lòng người, màu sắc thích mắt, vị khoái miệng, âm thanh vui tai, đều là thơ hay.

Khổng Tử nói: Không học thơ, không lấy gì để nói.

lại nói tiếp:

Thơ có thể gây hứng khởi.

Cả hai câu này ứng hợp với nhau.

- Thi đắc nhất tự chi sử, như hồng lô điểm tuyết, lạc bất khả ngôn.

(*Thi Thoại 4*)

Thơ được ông thầy một chữ, như bếp lò đỏ điểm thêm tuyết, vui chẳng thể nói được.

Ông thầy một chữ có điển tích:

Theo cuốn Đường Tài Tử Truyện thì nhà sư Tề Kì đã mang bài thơ Tào Mai đến xin Trịnh Cốc chỉ dạy. Nguyên văn câu 3 và 4 như sau:

Tiền thôn thâm tuyết lý,

Tạc dạ số chi khai.

Trịnh Cốc đọc xong, nói:

-Mấy cảnh thì chẳng phải sớm được. Nhược bằng: Một cảnh (nhất chi) thì đẹp biết mấy!

Tề Kì rất là bội phục, liền đổi: *số chi thành nhất chi.* Và kêu

Trịnh Cốc là *Ông Thầy Một Chữ (Nhất tự sư).*

- Có một người làm Ngự câu thi, viết là:

Thủ ba hàm đế trạch,

Vô xử trạc trần anh.

Sóng này chứa ơn vua,

Chẳng nơi giặt giũ bụi.

đưa cho nhà sư Hạo Nhiên xem.

Nhà sư Hạo Nhiên nói rằng:

-Chữ ba không hay.

Người ấy giặt dũ mà đi.

Nhà sư Hạo Nhiên viết ngầm vào lòng bàn tay chữ *trung* và chờ đợi người ấy trở lại.

Một lát, người ấy chạy như cuồng trở lại, nói rằng:

*-Đã đổi chữ ba là chữ *trung* rồi.*

Nhà sư Hạo Nhiên đưa bàn tay có chữ *trung* đã viết trước cho người ấy xem.

Cả hai cùng cười lớn.

(*Thi Thoại, qu. 12*)

-Thi tác như cổ cầm, nhiên tâm hủ tác thanh hòa, tâm trất tác thanh trệ.

(*Văn Tập, 11, Cung Húc khai thi tự*)

Làm thơ như gảy đàn, mà lòng trống rỗng thì âm thanh hòa hợp, lòng che lấp làm cho âm thanh ngưng đọng.

-Thi vi thiên địa nguyên âm, hữu định nhi vô định. Đáo khắp hảo xử, tự thành âm tiết. Thủ trung vi diệu, khẩu bất năng ngôn.

(*Thi Thoại 4*)

Thơ là âm thanh gốc của trời đất, có ổn định mà không ổn định. Tới nơi vừa hợp tốt, tự nhiên thành âm tiết, miệng không thể nói hay được.

-Kim nhân luận thi, động ngôn quý hậu nhi tiện bạc. Bất tri nghi hậu nghi bạc, duy dĩ diệu vi thủ. Dĩ lưỡng vật luận, hồ lạc quý hậu, giao tiêu quý bạc. Dĩ nhất vật luận, đao bối quý hậu, đao phong quý bạc. An kiến hậu giả định quý, bạc giả định tiện na? Cổ nhân chi thi, Thiếu Lăng tự hậu, Thái Bạch tự bạc, Nghĩa Sơn tự hậu, Phi Khanh tự bạc, câu vi danh gia.

(*Thi Thoại, 4*)

Người ta bàn về thơ, mở miệng quý đầy đặn mà khinh mỏng manh. Chẳng biết thích hợp đầy đặn thích hợp mỏng manh, duy chỉ lấy tuyệt vời làm chủ. Lấy hai vật mà bàn: chồn cày quý đầy đặn, cá giao tơ lựa quý mỏng manh. Lấy một vật mà bàn: sống dao quý đầy đặn, mũi dao quý mỏng manh. Tại sao thấy đầy đặn định là quý, mỏng manh định là khinh? Thơ của người xưa, Thiếu Lăng (Đỗ Phủ 712-770) dường như đầy đặn, Thái Bạch (Lý Bạch 701-762) dường như mỏng manh, Nghĩa Sơn (Lý Thương Ẩn 813-858) dường như đầy đặn, Phi Khanh (Ôn Đình Quân 812-866) dường như mỏng manh, tất cả đều nhà thơ nổi tiếng.

*-Nghiêm Vũ thời Triệu Tống viết trong cuốn Thương Lương Thi Thoại về phương pháp của thơ: *Thế chế* (thể tài), *Cách lực* (cách điệu, khí thế), *khí tượng* (cảnh sắc tự nhiên), *Hưng thú* (mùi tình dấy lên), *Âm tiết* (âm thanh cao thấp nhanh chậm, ... âm vận cách luật của thơ, ca).*

Lão Tử, Chương 16:

Chí hủ cực, thủ tĩnh đốc.

Hết sức trống rỗng rất mực, giữ lặng yên một lòng.

Tâm hư:

Hoài Nam Tử, Nguyên đạo:

Cố đắc đạo giả, chí nhược nhi sự cường, tâm hủ nhi ứng đáng.

Cho nên bậc đắc đạo, chí hướng yếu kém mà việc làm mạnh mẽ, lòng trừ bỏ thành kiến mà đáp ứng đúng lúc, đúng sự.

Bắc Đường Thu Sao, Tấn, Tạ Thượng, Đàm phú:

Lý huyền chí viễn, tử giản tâm hư.

Lý lẽ sâu kín ở nơi xa xôi, lời đơn giản lòng không thành kiến.

Hu tâm:

Trang Tử, Ngự phủ:

Khâu thiếu nhi tu học, dĩ chí ử kim, lục thập cửu tuế hĩ, vô sở đắc văn chí giáo, cảm bất hủ tâm.

Khâu học hành từ nhỏ, cho tới nay đã 69 tuổi, không được nghe lời chỉ giáo, không dám chẳng trống lòng (không dám có lòng tự mãn).

Văn Tuyển, Đông Phương Sóc, Phi hữu tiên sinh luận:

Hủ tâm định chí, dục văn lưu nghị giá, tam niên vu tử hĩ.

Lòng chẳng tự mãn, chí hướng ổn định chắc chắn, muốn nghe người tới bàn luận, ba năm đã ích lợi thêm rồi.

Hu vô : bản thể, bản chất, chân như,....

Trang Tử, Khắc ý:

Phù diềm đạm tịch mịch, hủ vô vô vi, thủ thiên địa chi bình, nhi đạo đức chi chất dã.

Kìa yên tĩnh vắng lặng, bản thể không làm, đó là mức bằng phẳng của trời đất, bản chất của đạo đức.

Sử Ký, Thái sử công tự tự:

Đạo gia vô vi, hữu viết vô bất vi,... kỳ thuật dĩ hủ vô vi bản, dĩ nhân tuàn vi dụng.

Đạo gia chủ trương không làm, lại nói không chẳng làm,.... Cái thuật của đạo gia lấy bản thể làm gốc, lấy phương pháp cũ mà không sửa đổi để dùng.

Thiên san phố, chiều 10.10.02

• HUYỀN THANH LỬ

Độc

"Giấc Mơ Trường Sơn"

Thi tập của Tuệ Sỹ

Dan Hà

*Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
Cọng lau gầy triu nặng bóng tà đường*
(trích Tôi Vẫn Đợi, trong Giấc Mơ
Trường Sơn)

Đây là hình ảnh Thượng Tọa Tuệ Sỹ, thế danh Phạm Văn Thương, sinh năm 1943, xuất gia tiểu đồng khi còn cư ngụ bên Lào. Thầy là một trí thức Phật giáo mà tâm thức và hành sử hướng về Dân tộc và Đạo pháp. Trước năm 1975, Thầy là Khoa Trưởng Phật Học Viện Đại Học Vạn Hạnh, tác giả nhiều cuốn sách biên khảo đặc sắc về Văn học, Triết học Trung Hoa, Thơ Tô Đông Pha, một số thơ, truyện và thơ dịch, đã đăng liên tiếp trên nhiều tạp chí Văn học tại Sài Gòn.

Tháng 3-1999, Hòa Thượng Huyền Quang đã gặp Hòa Thượng Quảng Độ và đề bạt Thượng Tọa Tuệ Sỹ làm Tổng thư ký Viện Hóa Đạo, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Hai câu thơ trong bài *Tôi Vẫn Đợi* là hình ảnh bi tráng của một thực tại, ví như một cọng lau gầy, nhưng không gãy đổ trước gió giông bão loạn, vẫn đứng sừng sững với thiên thu. Với tấm lòng yêu quê cha đất tổ, nên Người quyết chí ở lại với quê hương. Cho dù phải ở lại giữa lòng tay bạo chúa!

Đây có thể là tâm sự chung của cả một thế hệ đồng cảnh ngộ đã phải lạc loài. Mang một tâm trạng xót xa cho vận nước; một hoài bão xoay chiều thế cuộc. Đang sống trong thực tại rối rắm và hoang mang, mọi lối thoát nằm ngoài, cách ly với chủ thể hiện thời nên tư tưởng dành bay ngoài "viễn mộng"...

Vị Thiền sư đa mang một tâm hồn thi sĩ, nên thơ nở trên hai bình diện Trí Tuệ thâm diệu của bậc đại hạnh, và một tấm lòng Từ Bi thơ mộng của nhân sinh.

Thi Nhân sinh trưởng trên dãy Trường Sơn của đất Thượng Lào, trong một giai đoạn (tạm gọi) là thanh bình. Nơi chốn núi rừng ấy đã hiến dâng cho Người những nguồn sống tươi mát và đẹp nhất; đã ghi lại trong lòng những thiết tha yêu mến muôn đời. Nhưng trong sự chuyển

hóa của vô thường, vẫn ẩn dấu những chuyển biến của tan hợp:

Đôi mắt ướm tuổi vàng khung trời hội cũ

Áo màu xanh không xanh mãi trên đời hoang ...

Hai câu thơ đầu của một tuyệt tác, có tựa là "Không Đều" (sau in vào thi tập đổi lại tựa "Khung Trời Cũ") một bài thơ mà cố Thi sĩ Bùi Giáng đã nhận xét:

"Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương." (trích Đi Vào Cõi Thơ của Bùi Giáng, viết về Thầy Tuệ Sỹ).

Tâm cảnh ấy đẹp biết bao, vì đã chan chứa một thời hoa mộng. Nơi chốn bao dung cho những tấm lòng chân nguyên; chỗ che cho con người chưa hề biết đến hệ lụy của cuộc đời. Vì thế mà Người thấy mến yêu như chưa bao giờ... Lòng yêu mến quê hương và những kỷ niệm tuổi thơ đã trải dài từ núi lạnh đến biển trời mênh mông, còn mãi ghi khắc như những hạt muối đó chưa tan. Để biến thành một chí khí kiên cường trước tất cả những sức mạnh của bạo lực. Nên Người đã thể hiện tinh thần vô úy với hùng khí chất ngất, đã sống ngạo nghễ giữa lòng dân tộc. Khi thấy vận nước thăng trầm thì Người cũng dần thân vào con đường của Kề Sĩ. Cất cao tinh thần bất khuất, để mong sao cho đất nước được thoát khỏi vòng trầm luân khổ nạn. Đứng trước cảnh đất nước suy vong ấy, Người cũng đã một lần "cởi áo cà sa khoác chiến bào". Chiến bào ở đây là sử dụng Trí Tuệ và lòng Từ Bi của đấng Như Lai, mong xoay vận nước thăng trầm trở lại thăng bình. Nhưng bạo quyền không thấy được, nên đã giáng xuống Người những bản án bất nhân! (năm 1979 đến năm 1981, Người bị bạo quyền cộng sản nhốt tù. Rồi đến năm 1984 bị bắt lại, sau đó bị ra tòa với bản án tử hình). Được các tổ chức của thế giới như Ủy Ban Nhân Quyền, Văn Bút Quốc Tế... can thiệp, nên án được giảm xuống 20 năm cấm cố! đến 02 tháng 9 năm 1998, Thầy được trả tự do sau 14 năm khổ sai.

Thầy Tuệ Sỹ không những là một lãnh tụ Phật Giáo Việt Nam khả kính, một học giả uyên bác về Triết Học Đông Tây, về Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa, Thầy còn mang một tâm hồn nghệ sĩ trong thế giới thi ca âm nhạc: làm thơ, thổi sáo, đánh dương cầm và vĩ cầm...

Thầy Tuệ Sỹ làm thơ rất nhiều, nhưng chỉ lưu lại với bản thảo mà thôi. Sau này Ni cô Tuệ Hạnh thu nhặt lại một số thơ của Thầy in thành thi tập **"Ngục Trung Mị Ngử"** do Quảng Hương Tùng Thư xuất bản. Với thi tập này, thơ Thầy

làm hầu hết là thơ bằng chữ Hán. Cảm động nhất là bài thơ Cúng Dương:

*Phụng thủ ngục tù phạm
Cúng dương TỐI THẮNG TÔN
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn.*

Thượng Tọa Viên Lý dịch như sau:
*Hai tay nâng chén cơm tù
Dâng lên tử phụ bậc thầy nhân thiên
Thế gian huyết hận triền miên
Búng bình cơm độn lệ gột lệ trào.*

Đến thi tập **"Giấc Mơ Trường Sơn"**, (nhà xuất bản An Tiêm, San Jose, California, 2002.) cũng góp nhặt như thế. Thi tập này được kết hợp bởi các tập thơ mỏng của bản thảo như :

- Phương Trời Viễn Mộng có 9 bài thơ
- Giấc Mơ Trường Sơn gồm 29 bài thơ

- Tỉnh Tọa gồm 9 bài thơ
- Tỉnh Thất gồm 32 bài thơ

Tuy nhiên, trong các tập Tỉnh Tọa và Tỉnh Thất, với một tựa đề nhưng gồm nhiều bài thơ được đánh dấu 1-2-3.như "Trúc và Nhện" lại có đến 5 bài thơ...

Hai tập đầu (Phương Trời Viễn Mộng làm trước năm 1975, và Giấc Mơ Trường Sơn, làm từ 1975 đến 80) thuộc loại thơ diễn tả những suy tư về thân phận con người, về cảnh vô thường của tạo hóa, về vận nước thăng trầm, về lòng ái quốc và tinh thần dẫn thân của kẻ sĩ...

Còn hai tập sau (Tỉnh Tọa, làm từ 1983 đến 2000, và Tỉnh Thất, làm từ 2000 đến 2001) phần lớn là những bài thơ rất cô đọng, được sử dụng ngôn ngữ siêu thực hòa với ngôn ngữ cổ phong hiện thực, tạo thành những hình ảnh kỳ ảo riêng tây. Mà bóng dáng của những hình ảnh ấy ảo hóa đến vô cùng.

Chúng ta hãy thưởng thức các thể thơ:

1) Thể thơ như loại thơ Heiku của Nhật.

Bài số 7 (trong Tỉnh Thất)

*Trời cuối thu se lạnh
Chó giỡn nắng bên hè
Nắng chợt tắt
Buồn lê thê.*

2) Thể thơ Ngũ Ngôn Tú Tuyệt: Buổi Sáng Tập Viết Chữ Thảo.

*Sương mai lịm khói trà
Gió lạnh vượt tờ hoa
Nhè nhẹ tay nâng bút
Nghe lòng rộn âm ba.*

Sài gòn 80

3) Thể thơ Lục Bát:

Phố Trưa. (toàn bài)
Phố trưa nắng đỏ cờ hồng

Người yêu cát bụi đời không tự tình
 Sầu trên thế kỷ điều linh
 Giấc mơ hoang đảo thu hình tịch liêu
 Hận thù sôi giữa ráng chiều
 Sông tràn núi lở nước triều mênh
 mông
 Khói mù lấp kín trời đông
 Trời ối, tóc trắng rừ lòng quê cha
 Con đi xào xạc tiếng gà
 Đêm đêm trông bóng thiên hà buồn
 tênh.
 Đời không cát bụi chung tình
 Người yêu cát bụi quê mình là đâu?
 N.Tr 4-1975

4) Thể thơ Tự Do:

Bài Ca Cuối Cùng. (toàn bài)

Chim trời xếp cánh
 Hát vu vớ mấy tiếng trong lồng;
 Nhỏ mãi rừng cây thăm thẳm
 Ủ tâm tư cho hạt thóc cay nồng
 Rát bỏng vôi nổi hồn khổ nhục
 Nó nhịn ăn
 Rồi chết gục.

Tôi đã hát những bài ca phố chợ:
 Người ăn mày kêu lịch sử đi lui;
 Chàng tuổi trẻ cụt chân tử chiến địa
 Võ lễ đường đoán mộng tưởng lai.

Lòng son hạt cơm trắng
 Hạt thóc căng nổi hồn
 Giữa từng cao bóng mát
 Âm u lời ca khổ nhục
 Nó nhịn ăn
 Và chết.

Tôi đã hát bài ca của suối:
 Gã anh hùng bẻ vụn mặt trời,
 Gọi quỷ sứ tử âm ty kéo dấy,
 Ngập rừng xanh lấp lánh ma trời.

Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
 Từ sông Ngân đổ xuống cõi người
 Bà mẹ xoi tìm con thành lỗ
 Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời

Lòng son hạt cơm trắng
 Cánh nhỏ run uất hận
 Tiếng hát lịm tắt dần
 Nó đi về vô tận.

5 Thể thơ 8 Chữ:

Tôi Vẫn Đợi. (toàn bài)

Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc
 khoải
 Màu xanh xao trong tiếng khóc ven
 rừng
 Trong bóng tối hận thù, tha thiết mãi
 Một vì sao bên khóm miêng rừng rưng
 Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
 Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
 Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử

Dài con sông tràn máu lệ quê cha
 Tôi vẫn đợi suốt đời quên sông vỗ
 Quên những người xuôi ngược Thái
 Bình Dương
 Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
 Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương
 Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
 Ngón tay nào gõ nhịp xuống từng
 rêu
 Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng
 Như sống mai, như ánh chớp, mây
 chiều.

(trích Giấc Mơ Trường Sơn)

Những bài thơ trích dẫn trên đây, chỉ với mục đích giới thiệu các "thể, loại thơ" mà thôi. Cũng như hai bài thơ "Bài ca Cuối Cùng" và "Tôi Vẫn Đợi" cả hai chưa phải là những bài thơ đẹp nhất, tuyệt tác nhất của thi phẩm. Nhưng theo chủ quan, thì hai bài thơ này đại biểu cho hành trạng dẫn thân cứu nước của Thầy. Nói lên tấm lòng mến yêu Dân tộc và Đạo pháp trên tất cả. Thơ diễn tả cô đọng lại một giai đoạn lịch sử nước nhà. Chỉ qua một vài đường nét... Có thể hiểu là những bài thơ "Ngụ Ngôn" cũng được; hay có thể hiểu là thơ hiện thực cũng không sao. Vì hình ảnh phác họa ấy, sau năm 1975 chúng ta ai cũng đã biết. Hơn hai mươi triệu đồng bào miền Nam, trong tháng tư năm ấy cũng như: "*Chim trời xếp cánh. Hát vu vớ mấy tiếng trong lồng*". Chiếc lồng (dù là lồng son) cũng là chốn tù ngục của loài chim, cho nên vẫn nhớ đến bầu trời bao la, nhớ mãi rừng cây thăm thẳm... thì chẳng khác gì dân chúng tại thành phố Sài gòn (nói riêng) cũng đã hát như chim:

Tôi đã hát những bài ca phố chợ:
 Người ăn mày kêu lịch sử đi lui;
 Chàng tuổi trẻ cụt chân tử chiến địa
 Võ lễ đường đoán mộng tưởng lai.
 (Bài Ca Cuối Cùng)

Thế cho nên tôi vẫn đợi đã mở ra một sinh lộ mới cho tương lai Việt Nam. Vì hiện tại vừa tan tác, quê hương còn điêu tàn, thảm cảnh chiến tranh tuy đã chấm dứt, nhưng hận thù thì vẫn còn tiếp diễn. Câu thứ hai của đoạn thơ trên, phải chăng là nỗi khủng hoảng tột cùng của biến chuyển tháng tư đen? Nên người ăn mày cũng đang thảng thốt kêu gọi lịch sử hãy đi lui? để được thấy cảnh "thanh bình" trong "tao loạn", để được thấy lại cái dĩ vãng tuy không như ý, nhưng cũng còn được chút hơi thở tự do.

Sau 28 năm qua đi, nhưng cảnh ấy bây giờ ở Sài gòn có còn không nữa? Hay mỗi ngày tình cảnh còn bi đát thêm hơn, khi nỗi tuyệt vọng vẫn kéo dài mãi ra.

Khiến cho niềm chờ cứ vẫn ngày thêm khắc khoải.

Hay vẫn còn cảnh:

Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
 Từ sông Ngân đổ xuống cõi người
 Bà mẹ xoi tìm con thành lỗ
 Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời.
 (Bài Ca Cuối Cùng)

Những bài thơ trích đăng trên đây hầu hết là thơ Thầy làm ở trong tù, cho nên giá trị văn học có thể bị giới hạn. Tuy nhiên, nếu nghĩ đến sự hy sinh của một bậc tu hành, thì những bài thơ này đã nói lên tất cả tinh thần muốn vinh danh, những gì muốn suy tôn.

Như bài thơ Tôi Vẫn Đợi, đã thể hiện lòng son sắt với lý tưởng, ý chí quyết tâm của con đường Thầy đã và đang đi cho tương lai của dân tộc Việt Nam:

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
 Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
 Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
 Dài con sông tràn máu lệ quê cha.
 (Tôi Vẫn Đợi)

Lịch sử chiến tranh Việt Nam đã trải dài, xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông. Trong đó Phật giáo đã đóng góp rất nhiều công sức, kể cả máu xương để chống lại ngoại xâm bảo toàn đất tổ, thế mà Phật giáo chẳng được một phần thường nào cả. Trái lại còn bị chính quyền Cộng sản ngược đãi, đàn áp!

Đến bây giờ sau 28 năm chấm dứt chiến tranh, nhưng vết thương cũ chẳng những chưa lành hẳn, mà còn tạo nên vết thương mới, bởi hận thù phân hóa. Gần đây, chính quyền Cộng sản đã phải thú nhận: "Buổi đầu có thiếu sót, có nhiều sai trái...". Như vậy, công cuộc đấu tranh của Phật giáo đã có chính nghĩa. Và, trong suốt thời gian bị đàn áp, Phật giáo chỉ đấu tranh trong thầm lặng, dùng lời ái ngữ để kêu gọi sự quan tâm của chính quyền. Nhờ vậy mà được sự ủng hộ của thế giới.

"Tôi Vẫn Đợi", phải chăng là đợi một ngày vết thương cũ được hàn gắn, hay đợi một ngày mà giang san gấm vóc của dân tộc Việt không còn sâu một đực khoét, người người không còn phân ly, được sống trong tự do và hạnh phúc.

Và, một trong những người chờ đợi ấy là Thượng Tọa Tuệ Sỹ, vị Tu Sĩ có đủ khả năng đại diện cho Phật giáo và Dân tộc Việt Nam, với thành tích của một người tù lương tâm, với bản án tử hình năm 1988 và trên 14 năm ngục tù lao lung... nên vẫn sẵn sàng:

.....
 Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
 Cọng lau gầy trĩu nặng bóng tà
 dương!•

Tôi đọc

Một cuốn sách khác thường nói về chủ nghĩa Mác: "KARL MARX, CON ĐƯỜNG HUYỄN HOẶC" của Tiến sĩ Nguyễn Nam Châu

•VŨ KÝ (Bruxelles)

Tôi đang loay hoay viết báo Xuân thì chuông điện thoại reo. Tôi vội vàng chạy đến tiếp thì bên kia đầu dây một giọng nói lừng khừng mà hấp tấp:

"Tôi là Nguyễn Nam Châu đây. Anh còn nhớ tôi không, hồi chúng ta thường gặp nhau ở nhà Cha Cao Văn Luận ở Huế, cách đây hơn nửa thế kỷ. Bây giờ tôi định đến thăm anh và tặng anh cuốn sách tôi mới ấn hành và đã ra mắt ở Nam Cali, Los Angeles rất thành công".

Thế rồi một giờ sau, Tiến sĩ Nguyễn Nam Châu đã có mặt ở nhà tôi. Xa cách nhau quá lâu, qua câu chuyện, tôi được biết anh đã là giáo sư các Đại Học ở Bỉ và ở Pháp và đã đỗ đến 3 bằng Tiến sĩ: Tiến sĩ Kinh Tế và Xã Hội Học ở Đại Học Strasbourg năm 1963, Tiến sĩ Triết học Đại Học Louvain 1969, thêm bằng Tiến sĩ Quốc gia Văn chương và Nhân văn học Đại Học Sorbonne Pháp 1973. Hiện nay anh đã về hưu và làm Cố vấn Kinh tế Xã hội cho một vài chính đảng lớn ở Vương quốc Bỉ.

Dù rằng, tác giả được trang bị rất thông thái bởi các bằng cấp đầy mình nhưng thoát đầu nhìn qua tác phẩm với nhan đề "Karl Marx Con Đường Huyền Hoặc" với lời nhã kính thân tặng, thú thực tôi không mấy hào hứng vì luận đề ấy bây giờ trở nên nhàm chán rồi lại nói về một chủ nghĩa đã phá sản hoàn toàn từ lâu rồi vì những ứng dụng quá tai hại của nó khắp địa cầu...

Nhưng rồi, cầm trên tay tác phẩm ấn loát rất trang nhã, thêm nữa được anh cho biết buổi ra mắt tại Los Angeles, sách đã bán được hơn 300 cuốn. Đài truyền thanh, báo chí và các tổ chức đấu tranh địa phương cũng hết lời ca tụng nội dung tác phẩm. Với thành tích xuất sắc như thế, cộng với sự nghiên cứu tường tận của tác giả Nguyễn Nam Châu, sự ngờ vực của tôi tan biến và tôi đọc hết cuốn sách trong một buổi tối. Và rồi tôi ngạc nhiên một

cách thú vị "Karl Marx, con đường huyền hoặc" không phải là sách nghiên cứu chủ nghĩa Mác thông thường, cổ điển với những luận điệu thô sơ những dẫn chứng thông thường mà ta thường thấy. Đây là một cuốn sách thuần túy triết học theo một tiến trình tu duy rất yên bác để tìm hiểu từ Mác đến những nhà tư tưởng cận đại và bao nhiêu ứng dụng chính trị, kinh tế gây tai họa cho nhân loại sau này. Tiến sĩ Nguyễn Nam Châu bắt đầu đi từ Lamarck, Darwin các triết thuyết Platon, Hegel đến các nhà tư tưởng như Sartre, Heidegger, v.v...

"... Các nhà triết học hiện đại, cũng như các hiền triết ngày xưa và các nhà khoa học ngày nay, nếu họ từ chối quan niệm về một Thiên Chúa có bản tính nhân loại, một Thiên Chúa cai trị vũ trụ như một vị Hoàng Đế, thưởng kẻ lành, phạt kẻ dữ, v.v... nhưng họ đều công nhận rằng tinh thần nhân loại phải bắt nguồn từ một Tinh Thần siêu việt. Những người hoài nghi nhất cũng quan niệm rằng vũ trụ được hướng dẫn bởi một nguyên nhân (*cause première*) hay một nguyên lý tổng quát (*principe général*). Platon gọi nguyên lý đó là Ý tưởng tuyệt đối. Hegel, là Tinh thần tuyệt đối. Sartre và Heidegger, là Hiện thể tuyệt đối (*Etre*). Mà bởi vì Nguyên lý đó, đối với tinh thần hữu hạn của nhân loại, không thể nào thấu triệt được, cho nên tác giả "**Sein und Zeit**" (Hiện thể và Thời gian) gọi Ngài là Đấng không thể gọi tên (*l'Innommé*) và định nghĩa. "Hiện thể là đấng Siêu Việt" (*l'Etre est le transcendant pur et simple*).

Marx từ chối mọi quan niệm trừu tượng về một Đấng Tạo Hóa hay một định hướng của vũ trụ do một hoạch định có sẵn. Theo ý ông, không thể nào có sự gì khác ngoài cái thực tại mà ta cảm thụ được (*le réel sensible*). Mà cái thực tại đó là thế giới vật chất mà ta gọi là thiên nhiên (*la nature*). Đó là một chuỗi hiện tượng biến chuyển không ngừng, theo định luật biện chứng, trạng thái này thay thế trạng thái khác.

Marx phê bình phản đối quan niệm duy tâm tuyệt đối của Hegel. Dựa vào lý thuyết "**ngẫu sinh**" (*generatio aequivoca*) của Lamarck, Marx cho rằng sự sống là kết quả của tạo vật thiên nhiên **tự sinh** (*auto-engendrement*) và sau này ông lại dùng lý thuyết "**tiến hóa đảo thái**" của Darwin để chủ trương rằng con người là cao độ của sự tiến hóa đó...

Năm 1835, khi còn theo học ở ban Trung Học, Marx còn tin ở một thứ "**thần tính**" (*divinité*) điều khiển thiên nhiên: "*Chính thiên nhiên đã quy định cho loài vật cái môi trường hoạt động của nó... Đối với con người, "thần tính" cũng ấn định cho nó một cùng đích tổng quát: đó là hoàn thiện chính mình và hoàn thiện nhân loại*".

Từ luận án Tiến sĩ, năm 1841, Marx hoàn toàn chủ trương lý thuyết vô thần, chống lại tôn giáo và triết lý cổ điển..."

Từ đó, Marx thuyết giảng triết phái và nhân sinh quan của mình một cách khẳng định: đó là nhân bản vô thần. Và ông chủ trương không giảng hòa triết lý vô thần của Epicure với Kitô giáo nữa. *Làm như thế là điều vô ích. Làm như vậy cũng tựa như muốn xô đẩy cô nữ tu Cổ Đốc giáo vào tấm thân xinh đẹp, cuồng tráng của chàng trai Hy Lạp*. Rồi Marx cắt nghĩa và cho rằng triết học không bắt buộc phải biện hộ trước tòa án của tôn giáo và thần học: "*Triết học cũng giống như giọt máu làm đập mạnh trái tim. Nó hoàn toàn tự do và làm chủ vũ trụ...*"

Tác giả trình bày tiến trình tư tưởng của Marx từ trước đó đến sau này; không phải Marx không gặp nhiều cơ hàn, trở lực trên con đường lập thuyết. Từ 1850 đến 1860, Marx viết cho các báo New York diễn đàn ở Mỹ, tờ Tân Báo Oder ở Đức và Dân Chủ Tự Do báo ở Anh. Nhờ sự giúp đỡ tài chính của Engels, Marx mới rảnh trí viết bộ Tư Bản luận. Rồi Marx tham gia soạn thảo nguyên tắc và điều lệ tạm thời cho Hội Quốc Tế Lao Động, sau này được gọi là Đệ Nhất Quốc Tế.

Học thuyết Marx là một học thuyết tôn giáo không thần thánh, nghĩa là đánh đổ mọi tôn giáo thông thường mà nhắm vào sự giải phóng con người, nghĩa là tiêu diệt mọi tôn giáo biến con người thành những con chiên hiền lành

với những tình cảm bạc nhược, nhụt chí đấu tranh.

Và triết gia đương đầu, phản đối triết đề Marx về chủ trương này là Bernstein. Ông khẳng định lý thuyết về kinh tế và giai cấp đấu tranh của Marx phản khoa học và đi ngược lại trào lưu lịch sử. Theo ý Bernstein, con người tự nhiên có khuynh hướng coi mọi sự theo tiêu chuẩn THIÊN, ÁC. Nếu muốn thành công, học thuyết xã hội cũng không thể thoát ly qui luật ấy.

Chủ nghĩa xét lại của Bernstein rất cuốc tử chối mọi ý tưởng cực đoan của Marx và nhất là mọi ứng dụng và hành động tàn nhẫn của chế độ cộng sản do Marx đề xướng.

Nhưng đến Lênin thì sự ứng dụng của chủ nghĩa Mác vào những chiến thuật, chiến lược có tính cách thực tiễn cốt yếu để lãnh đạo cách mạng đến thành công ở Nga. Nhưng một thành công mua bằng sự cao điểm của bạo tàn, sắt máu mà xã hội con người không tưởng tượng nổi. Đảng là trên hết. Giai cấp vô sản quyết định sự thành công của chuyên chế vô sản. Đó là sự thống trị của một phần xã hội trên toàn thể xã hội đó, sự thống trị trực tiếp dựa trên bạo lực, một bạo lực tàn nhẫn, mau lẹ và cương quyết. "Chỉ có một giai cấp còn sống đó là giai cấp vô sản. Còn tất cả vào tù để rồi bị tiêu diệt". Nhật lệnh và Đảng lệnh của Lênin.

Và rồi chủ thuyết Mác-Lênin thiết lập nên một chế độ xã hội, chính trị ghê tởm nhất về sự khủng bố, đàn áp, giết chóc mà Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pốt v.v... đã thực hiện.

Đến nỗi con người - chính con người Cộng Sản - cũng không chịu nổi không, không chấp nhận và vùng lên phản kháng, đòi làm một cuộc cách mạng khác, toàn diện, nhân bản để đập đổ chủ nghĩa cộng sản... Những phản ứng quyết liệt từ các nhà văn, các nhà chính trị, các nhà lập thuyết ly khai của cộng sản, hàng loạt vùng dậy chống đối quyết liệt. Tác giả thuyết trình tuần tự và đanh thép các chống đối ấy từ chủ thuyết đến chế độ cộng sản.

Nhà văn Hung Gia Lợi Arthur Koestler... đến Chủ Tịch và Tổng Thống Gorbatchev:

"... Mọi nguyên tắc của chúng ta đều tốt đẹp. Vậy mà các kết quả đều xấu xa. Chúng ta đã bắt mạch căn bệnh và nguồn gốc của nó một cách chính xác như kính hiển vi. Vậy mà khi đưa lưỡi dao vào mổ xẻ, thì một ung nhọt khác lại xuất hiện. Ý chí của chúng ta trong sạch và bền bỉ. Đáng lẽ chúng ta phải được nhân dân yêu mến. Vậy mà nhân dân lại thù ghét chúng ta. Tại sao chúng ta lại xấu xa và đáng ghét đến thế? Chúng ta đã mang lại chân lý. Nhưng trong miệng chúng ta, chân lý có bộ mặt dối trá. Chúng ta đã mang lại tự do. Nhưng trong tay chúng ta, tự do trở thành đòn vọt. Chúng ta đã mang lại sự sống thực thụ. Vậy mà ở đâu chúng ta lên tiếng, thì cây cối khô trôi, lá cây tan tác...". Arthur Koestler

Leszek Kolakowski: Xã hội Cộng sản lộn ngược

Là phát ngôn viên của thanh niên trí thức Ba Lan, Leszek Kolakowski đã nhận ra rằng xã hội cộng sản không có bộ mặt mà ông tin tưởng. Năm 1956, năm những người cộng sản Hung Gia Lợi vùng lên chống chế độ bạo tàn tại Budapest, ông đã viết một bài châm biếm được truyền tay khắp Đông Âu:

"Chúng tôi sẽ nói với các anh về chủ nghĩa xã hội. Nhưng trước hết, chúng ta phải nói thế nào là không phải chủ nghĩa xã hội. Đó là một vấn đề mà ngày xưa chúng ta có một ý tưởng khác với ngày nay. Nghe đây, chủ nghĩa xã hội không phải là:

- Một chủ nghĩa trong đó con người không phạm tội ác, nhưng lại ngồi đợi công an đến bắt.

- Một xã hội trong đó con người bị tố cáo là phạm tội ác, chỉ vì sinh ra là anh, là em gái, là con hay là vợ của một tội nhân.

- Một đất nước trong đó con người có thể bị kết tội, không xét xử.

- Một xã hội mà các lãnh tụ tự tuyên xưng địa vị.

- Một xã hội trong đó mười người sống chung một căn phòng...

- Một đất nước mà số công chức tăng lẹ hơn số người lao động.

- Một đất nước mà trong đó các luật sư bao giờ cũng đồng ý với các quan viện lý.

- Một xã hội nơi đó con người sung sướng hơn bởi vì không suy nghĩ gì hết...

- Một đất nước trong đó kẻ nào ca tụng các lãnh tụ thì được sống sung túc hơn...

- Một Nhà nước muốn rằng mọi công dân đều phải có một ý kiến độc nhất về triết học, về ngoại giao, về kinh tế, văn nghệ và luân lý.

- Một Nhà nước mà chính phủ độc quyền ấn định các nhân quyền của người công dân, còn người công dân không được ấn định quyền hạn của chính phủ.

- Một Nhà nước trong đó người ta phải chịu trách nhiệm về tổ tiên mình.

- Một Nhà nước trong đó một phần nhân dân này được lãnh lương bổng cao hơn 40 lần các phần nhân dân khác.

- Một Nhà nước không muốn cho người công dân đọc nhiều báo chí.

- Một Nhà nước có quá nhiều Bác học.

Đó là phần nhất. Bây giờ, coi chừng, chúng tôi sẽ nói với các bạn về chủ nghĩa xã hội.

A, phải rồi: chủ nghĩa xã hội là một sự rất tốt...".

(Trích dẫn từ "Karl Marx con đường huyền hoặc" của Nguyễn Nam Châu)

Alexandre Soljénitsyne: Ra khỏi ý-hệ-thức :

Giải thưởng Nobel văn chương năm 1970, Alexandre Soljénitsyne không những đã chia sẻ mọi nỗi khổ trong Goulag Nga Sô, nhưng còn am tường về đời sống cay cực của người dân trong chế độ cộng sản Mác-xít

Năm 1973, trong một bức thư gửi các nhà lãnh đạo Nga Sô, ông đã mô tả vài nét điển hình của đời sống đó. Theo ý kiến của ông, mọi sai lầm trong chế độ cộng sản Mác-Lê đều bắt nguồn từ sự sai lầm về ý-hệ-thức, nên ông kêu gọi các nhà cầm quyền hãy gạt bỏ ý-hệ-thức đó ra khỏi đời sống chính trị Sô viết...

Đến Gorbatchev, trong cuốn "Mỏ đầu Hồi Ký", ông viết vào năm 1983. như sau :

"Khi tôi nhận trách nhiệm lãnh đạo Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản Sô Viết vào tháng Tư năm 1985, trong chức vị Tổng Bí Thư, tôi biết trước rằng một công việc cải cách bao la đang chờ đợi tôi... Đất nước đã kiệt quệ trong cuộc thi đua võ trang. Các cơ

cấu kinh tế càng ngày càng tê liệt. Lợi tức của sản xuất thấp kém. Các khâu nhập về tư tưởng khoa học và kỹ thuật bị nền kinh tế quan liêu bóp nghẹt. Mức sống nhân dân sa sút một cách hiển nhiên. Sự tham nhũng trắng trợn bộc lộ trong mọi cơ sở của hệ thống quản trị. Sự sa đọa thắm nhập cả vào đời sống tinh thần: cái vẻ bần chệt về ý thức hệ vẫn thường che đậy xã hội không còn giấu ẩn được nữa sự dối trá, sự giả mạo và sự thô bỉ của chính quyền.

... Nhưng sau nhiều thất bại, chúng tôi phải nhận ra rằng nếu không thay đổi hệ thống chính trị, nhất là thay đổi chế độ, thì các cuộc cải cách kinh tế không bao giờ thành... Mọi chức vụ căn bản của sự quản trị kinh tế đều nằm trong tay lãnh đạo chính trị... Sự Nhà nước hóa đời sống công cộng là một sai lầm nghiêm trọng của hệ thống chính trị... Sự quan liêu hóa các cơ sở Nhà nước đã nhào nặn xã hội vào một khuôn khổ duy nhất và ứ đọng của đời sống...

Công bố ngoài miệng các nguyên tắc dân chủ, nhưng trong thực tế thì chuyên quyền. Nói dóc về dân chủ xã hội "tốt đẹp nhất thế giới", nhưng lại chà đạp các quyền cơ bản nhất của người công dân: thiếu minh bạch và tự do báo chí...

Một con quái vật đã đè bẹp xã hội và khiến cho mọi ý hướng cải cách hệ thống trước kia đều thất bại... Bởi thế, cần phải cải cách sâu xa chế độ chính trị..."

Từ đây, Gorbatchev từ bỏ hẳn chế độ chuyên quyền của Mác-Lê và quay về quan niệm dân chủ đích thực và phổ quát trên thế giới, Ông viết:

"Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội những con người tự do, một xã hội xây dựng bởi những con người lao động và được xây dựng cho họ, một xã hội xây dựng trên các nguyên tắc nhân đạo, dân chủ và công bằng xã hội.

Tôi ước mong nhìn thấy một xã hội bảo đảm chủ quyền nhân dân và mọi quyền hạn khác của con người, một xã hội chứa đựng mọi vốn liếng về dân chủ của nhân loại...

Điều tôi vừa trình bày chứa đựng một phần lớn về câu trả lời của tôi về thái độ đối với chủ nghĩa xã hội. Chính vì đã sống một kinh nghiệm cay đắng mà tôi đã hoàn toàn tin chắc vào sự vô nhân đạo và thiếu tương lai của mô

hình "chủ nghĩa xã hội" mà Staline (và Mác-Lê) đã ép buộc, cái mô hình không chút nào liên quan đến chủ nghĩa xã hội thực thụ".

Quả thực trên đây là một bản tuyên ngôn của một nhà lãnh đạo Mác-xít lớn về cuộc Cách Mạng lịch sử mà Gorbatchev muốn chủ trương gấp rút để đập đổ chủ nghĩa Mác-Lênin ở Liên Xô...

Để kết đề cho những phản ứng quyết liệt, chống đối chế độ cộng sản, xin trích đoạn văn của nhà chính trị kiêm nhà văn Roubachof mà Nguyễn Nam Châu viện dẫn tiếp trong tác phẩm "Karl Marx, con đường huyền hoặc" :

Roubachof: "Phải, hợp lý đến nỗi, vì quyền lợi muốn chia sẻ ruộng đất cho công bằng, chúng ta đã giết chết chừng năm triệu nông dân và gia đình của họ trong một năm... Vì muốn giải tỏa các khu vực kỹ nghệ, chúng ta đã lưu đày chừng mười triệu con người vào các trại lao công cưỡng bách, trong những miền rừng rậm hoang vu, và những điều kiện sinh sống cực nhọc như đời sống của bọn nô lệ thời cổ đại... Chúng ta hành động hợp lý đến nỗi trong các cuộc tranh luận tư tưởng, lý lẽ duy nhất của chúng ta là án tử hình... Vì quyền lợi hợp lý của các thế hệ tương lai, chúng ta đã bắt buộc thế hệ hiện tại những thiếu sót khủng khiếp... Việc tôn sùng lãnh tụ của chúng ta còn khắt khe hơn trong mọi chế độ độc tài phản động... Báo chí và trường học của chúng ta truyền bá tinh thần vị chủng, tinh thần quân bị, tinh thần giáo điều, tinh thần tông phục và sự dốt nát... Quyền độc tài của chính phủ là vô hạn định, chưa từng có trong lịch sử. Các tự do báo chí, ngôn luận và đi lại hoàn toàn biến mất. Chúng ta hành động như bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền không bao giờ có. Chúng ta đã xây dựng một bộ máy công an khổng lồ nhất, trong đó sự tố cáo lẫn nhau trở thành một quy chế dân tộc. Chúng ta đã thiết lập một hệ thống tra tấn tinh thần và thể xác thật tinh túy và khoa học. Chúng ta đã dùng đòn vọt để hướng dẫn đám quần chúng rên xiết tôi một hạnh phúc tương lai, mở hồ mà chỉ có một mình chúng ta tưởng tượng ra được. Nghị lực của thế hệ này đã khô cạn. Nó đã tiêu tan trong Cách Mạng. Bởi vì thế hệ này đã bị cắt tiết

đến xương tủy... Đó là kết quả lý luận hợp lý của chúng ta".

Tác giả Nguyễn Nam Châu đã biên khảo có hệ thống, với tiến trình mạch lạc về chủ thuyết Mác-Lênin từ khởi thủy đến kết cuộc sụp đổ tan tành của chủ nghĩa ấy, từ lý luận dựa trên các cơ sở triết học biện chứng pháp duy vật đến sự ứng dụng của nó vào xã hội, vào nhân sinh một sự nghiên cứu rất hấp dẫn mà tôi xem như một tác phẩm khác thường để nghiên cứu về vấn đề này chẳng những trong giới Việt Nam mà ngay trên học thuật giới quốc tế nữa. Một sách triết, một sách sử, một sách chính trị của một vị trí thức Việt Nam góp phần vào các sách nổi danh khác đồng loại trên bình diện quốc tế như cuốn "**Hắc thủ về chủ nghĩa Cộng Sản**" của nhà sử học Stéphane Courtois ở Pháp, cuốn "**Thế kỷ của những chủ nghĩa Cộng Sản**" của nhóm trí thức Pháp Michel Dreyfus, Claude Parmentier v.v... (nxb Les Editions de l'atelier Paris) và mới đây, cuốn "**Hồ sơ đen của Cộng Sản Việt Nam từ 1945 đến ngày nay**" của nhà văn, nhà báo Pháp Michel Tauriac -nxb Plon-. Chính vì thế mà tôi định tính cho tác phẩm này của Nguyễn Nam Châu là khác thường. Cũng cần biết thêm là Tiến sĩ Nguyễn Nam Châu là một tác giả quen thuộc hơn thế nữa được ngưỡng mộ của thế hệ thanh niên 1960-1970 ở trong nước. Ông đã là tác giả của 2 tác phẩm nổi danh bấy giờ là cuốn "**Sử mệnh văn nghệ**", "**Những nhà văn hóa mới**". Giới trẻ say mê đọc Nguyễn Nam Châu đến nỗi những cụm từ ông sử dụng trong các tác phẩm của ông như sứ mệnh, thân phận con người, tha hóa, ngục tín v.v... lan tràn khắp nơi và trên đầu mỗi các thanh niên nam nữ bấy giờ. Đến cuốn Đại Tự Điển phổ quát (Dictionnaire universel) -nxb Presses Universitaires de France (1994)- cũng nhắc đến ảnh hưởng sâu rộng của Nguyễn Nam Châu trong nền Văn Học Việt Nam của thế hệ 60 một cách trang trọng. Ấy đó cái tầm quan trọng của nền tư tưởng Nguyễn Nam Châu đối với các thế hệ hậu sinh là thế..

(10.02.2003)



Cảm nhận khi đọc tác phẩm "Cảm Tạ Xứ Đức"

của Thượng Tọa Thích Như Điển



VŨ KÝ

Tôi tiếp được tác phẩm "Cảm Tạ Xứ Đức" (Danke schön Deutschland) của Sư phụ ở chùa Viên Giác - Thầy Thích Như Điển - và tôi liền đọc xong một hơi trong một thời gian ngắn, không ngừng nghỉ. Điều đó chứng tỏ cuốn sách tuy thấm nhuần mùi vị tôn giáo, tư tưởng cần người đọc tập trung mạnh tâm ý vẫn gọi ở tôi nhiều lợi thú và hấp dẫn đặc biệt. Một câu chuyện xa xưa lại hiện rõ trong tâm thức của tôi - tôi xin lặp lại: trong tâm thức chứ không phải trong ký ức như nô nã người đời thường nói. Chỉ vì câu chuyện cấu tạo nên cái nền đạo lý, ánh đuốc tâm phục hướng dẫn suốt một đời người. "Vào một buổi chiều nghỉ hè của tôi năm ấy, cậu học sinh - là tôi- đã nghe cha tôi giảng một lời sách xưa - sách Mạnh Tử - Người nói: Bản chất con người là hướng thiện 'Nhân chi sơ tính bản thiện' - Cũng như nước kia thường chảy xuống chỗ trũng... cho nên con người vốn tính bản thiện nên ưa làm điều lành, cứu nhân độ thế. Nếu không làm được việc thiện ban ơn cho thiên hạ thì tối thiểu cũng phải nhớ ơn người đã ban ơn cho mình. Sự liên hệ giữa tính bản thiện và sự tri ân tuy gián tiếp và xa vời nhưng mà đó là một giáo lý nghiêm khắc của Nho gia đó, con".

Bây giờ nhớ lại lời xưa rồi đọc lời dẫn nhập tác phẩm của Thầy Thích Như Điển (người viết cuốn sách này) "Tất cả cũng chỉ với một tấm lòng là Cảm Tạ nước Đức". Tôi thấy cái ý, cái tác, cái hành của Sư phụ không ra ngoài nguyên lý nói trên. "Xin chấp tay cảm tạ thâm ân của Chính phủ Đức, của nhân dân Đức, của những Phật tử người Việt Nam tại Đức đã hỗ trợ cho

tôi, cho Chùa Viên Giác và Báo Viên Giác trong suốt 25 năm qua. Nếu không có những trợ duyên này, tôi kể như kẻ ra khơi không có phương tiện" (T.T. Thích Như Điển, trang 16). Rồi người luận về tứ trọng ân của người Phật tử: ơn quốc gia, ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha, ơn Thầy Tổ đào tạo mình trở nên người hữu dụng và ơn thứ tu là ơn xã hội đã cứu mang mình. Trong các tác phẩm của Thầy dồi dào đạo nghĩa, bàng bạc vô vàn thể sự, phải nói đây có lẽ là cuốn sách trang trải dồi dào nhất, hồn nhiên nhất, không chút điểm tô nghệ thuật văn chương nào cả, chuyên chở tấm lòng của một bậc Thiền sư nặng tình đối với một Đất Nước xa lạ mà một cơ duyên ngẫu nhiên Thầy lạc bước đến rồi cảm chân vinh viễn nơi đây để rồi chịu ơn Đất Nước ấy. Trong các chương kế tiếp, nào Thầy lược khảo về nước Đức với địa thế, cảnh trí, khí hậu, ngôn ngữ, chính trị, kinh tế... tác giả bàn rộng thêm với cặp mắt khoan dung nhân ái, về người Đức, với tâm thuật, tâm lý và cuộc sống của họ. Bao nhiêu kiến thức về địa lý, về nhân văn, về triết học mà Thầy đã có công giải bày cho độc giả thấu triệt...

Thầy nhớ lại chuyện cũ hồi nào việc ăn ở, tiếp xúc và tu học của Thầy ở Nhật Bản vô cùng kham khổ, không tiền, không bạn, không thân nhân, cô độc, thỉnh thoảng gặp được vài ba người đồng hương ân nhân giai đoạn thì mừng hóm tuy thế vẫn quyết tâm theo đuổi con đường học vấn và tu học của mình cho thành chánh quả. Bỗng nhiên, do sự tình cờ Thầy đến được nước Đức này vào một sáng tinh sương ngày 22.04.1977 do một người bạn ở đây là Văn Công Trâm gửi cho Thầy một giấy mời đến. "Thế là tôi có cơ duyên với xứ này và ở luôn lại đây tiếp tục việc học để rồi sau đó bắt đầu thành lập một Niệm Phật Đường khiêm nhường. Vào năm 1978 tôi trở về Hannover để thực hiện nhiều việc như phải làm sao an vị được một vị Phật, tổ chức lễ Vu Lan, đi học tại Đại Học Hannover và cả đón người ty nạn đến Đức... Tôi hào hứng soạn kịch bản để trình diễn văn nghệ nhân ngày Phật Đản năm 1979 tại Bethoven Saal (Hannover) với các vở "Cuộc Đời Đức Phật" và "Hoa Roi Trước Cửa Phật". Thầy còn nhớ vào Tết âm lịch 1981, năm Tân Dậu, ở ngôi chùa Viên Giác bé nhỏ lúc ban đầu, chẳng có ai đến lễ chùa cũng như đón Tết cả. Và suốt tháng như thế không có tiền đi chợ và

mua hoa cúng Phật, Thầy phải ra vườn bứt hoa dại về cắm lên bàn Phật. "Lúc ấy có lẽ Phật cũng đã mỉm cười cho cái thanh bần của chúng tôi thuở ấy...". (lời của Thượng Tọa, trang 123).

Thời gian trôi qua... sau đó, Chùa Viên Giác tổ chức kỷ niệm 10 năm ngày thành lập vào ngày 20.04.1988. Tiếp theo là cả một chương duyệt lại gồm nhiều suy tư, dữ kiện, thống kê từng bước đường đã trải qua, thiên nan vạn nan mà Thầy với một số rất ít tín hữu có thiện tâm đã giúp Thầy vượt qua... Nhưng điều Thầy luôn luôn nhắc đến là cái từ tâm vô bờ bến của các cơ quan Caritas, Tin Lành và nhất là nhân dân và chính phủ Đức đã hỗ trợ mọi phương diện cho ngôi chùa Viên Giác ngày nay đã thành hình, nghiêm trang, rực rỡ và đồ sộ như một thắng cảnh đượm mùi tôn giáo thiên linh trên xứ Đức. Cái **nhân** ở đây là một con số không về vật chất, chỉ có sự quyết tâm và nghị lực là vô bờ bến đem đến cả một cái **quả** như biển rộng trời cao mà mọi người phải nhìn nhận qua công sức của một vị Thiền sư lưu lạc nơi xứ người đang dần bước trên con đường tìm đến Chân lý và Đạo lý nơi Phật Tổ mà chỉ có vòn vẹn hai bàn tay trắng và khối óc trung trinh của mình để làm vũ khí tùy thân.

Trong một chương khác Thầy thuyết giảng tường tận, chu đáo về phương thế làm thế nào để được thành công và nhất là những điều kiện khách, chủ quan đã giúp Thầy đi đến sự thành công ấy "Ngày nay chùa Viên Giác là một ngôi chùa Việt Nam được xây dựng tại thành phố Hannover ở Bắc Đức mà cũng là ngôi chùa đầu tiên của người ngoại quốc cũng như của người Đức xây dựng kể từ khi Phật giáo được du nhập vào nước Đức đến nay". (TT. Thích Như Điển).

Ngày nay, như Thầy cho biết, đúng ra, Thầy phải tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm Chùa Viên Giác vào ngày 02 tháng 4 năm 2002 nhưng theo tâm ý của Người, Người đợi đến cuối tháng 6 năm 2003, Người mới tổ chức kỷ niệm 25 năm Báo Viên Giác và phát giải thưởng cho những người trúng giải "Viết Về Âu Châu" để cảm tạ chính quyền Âu Châu đã giúp đỡ cho đồng bào Việt Nam trong suốt 25 năm qua. Đồng thời sẽ tổ chức lễ tấn phong Trụ Trì Chùa Viên Giác vào ngày 28 tháng 6 năm 2003. Và thời gian ấy cũng là ngày sinh nhật lần thứ 54 của Thầy đó vậy.

"Cảm Tạ Xứ Đức đã cứu mạng tôi mấy chục năm trường, sống trên đất nước này -lời của Thượng Tọa Thích Như Điển- và cũng có thể một mai đây tôi sẽ chết trên đất nước này nữa.

Và cũng mặt khác tôi trao lại cho những thế hệ tương lai nếu ai đó, giờ chông sách cũ ra tìm tòi, thì biết đâu có một vài điều họ có thể chọn ra để học hỏi và thực hành cho cuộc sống của họ...".

Đó cũng là lời tâm huyết đích thực của Thầy đơn sơ ngẩn gọn không chút phô trương mà cũng không phơi bày chút tự ngã nào của Thầy.

Điều tôi cảm nhận khi đọc hết "Cảm Tạ Xứ Đức" của Thượng Tọa Thích Như Điển là tác phẩm bộc lộ một cách sung mãn cái tâm và thức của Thầy -tôi toan nói thêm cái "giác" của một vị Thiền sư- Trước ngôi chùa Viên Giác, tôi thoáng thấy hình ảnh rất đẹp của một vị cao tăng, áo mao chỉnh tề đang khấn đầu sụp xuống lạy để dâng lên cả một tấm lòng của mình cảm tạ. Không phải xứ Đức -đó là vấn đề như tiêu đề cuốn sách đã nói- mà là cảm tạ Phật Tổ từ trên chín tòa sen chất ngất rục rờ đã *giác tâm* Người đến *Ngộ đạo*. Người ở đây là tác giả Thượng Tọa Thích Như Điển xin dâng cả tâm linh lẫn nhục thể cho Đức Phật Tổ suốt một cuộc đời ngẩn ngui nhân thế của Người.

Trong ngày sinh nhật của Người (28.6.2003), bây giờ Người bình tĩnh tự kiểm bản thân với việc tu học, giác đạo của mình qua một sự giảng giải Phật lý rất uyên thâm "nào con đường đi đến Niết Bàn từ cõi Tha hóa tự tại thiên ở cõi dục với 1600 năm tại cõi Ta Bà, cõi Sắc và Vô Sắc để rồi nhập vào thập địa Bồ Tát bằng một thời gian được kể với con số 3 đứng đầu và 52 con số 0 đứng liên tục phía sau... Một thời gian vô lượng vô biên trong cõi Ta Bà". (TT. Thích Như Điển).

Đến đây tôi nhớ đến sự phân biệt của một nhà đạo học giữa thế giới của chúng sinh là chúng ta và vũ trụ của thần linh là 2 cõi không có gì tương xứng. Thế giới của chúng ta có thể có 4 chiều, hay 10 hay 100 chiều hay hơn thế nữa nhưng thế giới của những vị thần linh -những bộ óc siêu việt ngộ đạo, giác chân có đến vạn, vạn triệu chiều. Làm sao con người mảy trần mắt tục ngập lặn trong thế giới vật chất hữu hạn này hiểu thấu cái vô minh, vô lượng, vô thường của cõi sống của vị siêu phàm sống ngoài cái thế giới hữu tình hữu hoại của chúng ta ấy. Tôi lại

nhớ đến sự thuyết minh vô cùng uyên bác mà súc tích của một nhà thiên thể vật lý học nổi danh là Trịnh Xuân Thuận trong cuốn *Entretiens avec Jacques Vanthier*, (nxb Beauchesne Fayard 1992, trang 52), được viện dẫn bởi Giáo sư học giả Nguyễn Thùy trong tác phẩm *Hành Trình vào Nhất Thể - Tôi hiểu Chúa - Tôi Hiểu Phật* (nxb Mékong Ty Nạn Hoa Kỳ). Con đường trí thức là một lối đi mà mức đến cứ lùi xa mãi mỗi khi con người bước đến gần và cái bộ óc hữu hạn của chúng ta không bao giờ có thể tóm bắt được hết cái vô hạn của vũ trụ (*Je crois que notre cerveau fini ne pourra appréhender l'infini de l'univers*. Trịnh Xuân Thuận). Xin lặp lại: Các nhà đạo học, thần học, siêu khoa học, đại tu tưởng đều nhất điểm đồng thuận là cái vô minh, vô lượng, vô thường, cái huyền nhiệm của vũ trụ khoáng ngợp ngập tràn cái hữu hạn, cái nhỏ bé, cái chật hẹp không bao giờ thoát ra được của trí óc con người.

Cho nên trong tác phẩm *Cảm Tạ Xứ Đức*, Thượng Tọa Thích Như Điển với tính khiêm nhường vốn có của một vị cao đệ của Đức Phật luôn luôn tự nhận mình không bao giờ với đến được hết cái sâu thẳm thẳm và cao vời vợi của giáo lý nhà Phật, mặc dù Sư phụ tự cho mình đã cố sức tìm hiểu, phát hiện cái mệnh mông của Phật Pháp. Nhưng rồi Người tự nhận mình chưa đi đến đâu cả. Đó là một điểm son của vị cao tăng đó vậy để tất cả chúng sinh suy gẫm về tấm gương khiêm tốn sáng chói của Người. Chính vì vậy, tôi muốn thấy thấp thoáng cái tiêu đề chính và đúng mà Người muốn đặt cho tác phẩm của mình là *Cảm Tạ Đức Phật -chớ không phải Cảm Tạ Xứ Đức đâu!* Cái tiêu đề thứ hai chỉ là một hệ luận của ý chính thứ nhất mà thôi.

Sau khi phân tích chu đáo sự thành công của mình qua sự tạo dựng Chùa Viên Giác và điều hành Phật sự ở Đức bằng những chứng liệu, ngôn từ vô cùng hùng biện, thiết thực, tác giả trong phần kết có nhắc đến vô số kinh nghiệm sống trước thực tại trong thời gian dài đã trôi qua. Đây là một chương của sách vô cùng bổ ích, gây hiệu quả cho ai chịu suy tư mà cũng là những trang đàn trải đức độ, trí tuệ, lương tâm và tài năng của một nhà lãnh đạo tôn giáo với 2 bàn tay trắng từ bước đầu đã xây dựng được một sự nghiệp đồ sộ trên xứ lạ quê người. Tác giả làm công việc thuật sự, phê bình về người, về việc, về thiên hạ sự với

cái tâm quảng đại, minh đạo, minh chính của mình.

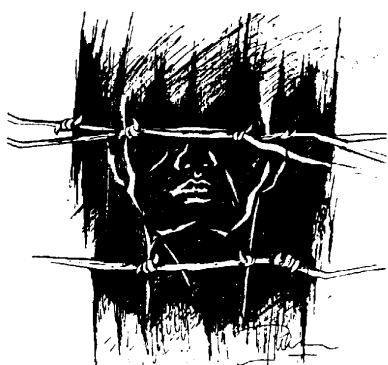
Người viết bài này mời các bạn đọc kỹ và đọc suốt các chương này để mà suy tư, nghiền ngẫm và xin không nêu ra các sự việc tác giả có nhắc đến rất nhiều để biện chứng cho lý luận của mình. Trong suốt tác phẩm cần nhắc lại là tác giả luôn giữ thái độ thận trọng, nghiêm túc, vô tư và bình tĩnh trong sự phân tích, tổng hợp tìm hiểu mọi sự kiện, biến cố dù là một chi tiết nhỏ liên quan đến việc xử thế ứng sự, đối nội, đối ngoại ở đời. Đó chính là phương pháp hiệu quả nhất của một trí tuệ và lương tâm đặc sắc để có được một suy tư chính xác, công minh, hợp tình hợp lý - cái *right thinking* - như triết gia Bertrand Russel, Anh quốc, thường nhắc đến. Và rồi nhân đó, tác giả là Thượng Tọa Thích Như Điển cũng truyền đạt rất thành công lòng nhân hậu, tử bi, vốn là của một nhà truyền đạo hiểu hòa -điều mà các nhà đạo đức, hiền triết Tây Phương ưa nêu ra để nhắc nhở người đời: chính đó là cái NICE FEELING, cái hào tâm, cái thiện ý, hóa độ của Người một ý niệm luân lý tương đồng với đạo nghĩa Hòa Nhi bất đồng theo truyền thống trọng phu quân tử Phương Đông. Tôi xin mượn lời tác giả để viết đôi dòng tạm biệt độc giả ở đây. "Từ Việt Nam xa xôi, anh Bảo Tâm, bảo huynh của Hạnh Bảo, đã gửi tặng tôi một bài thơ đồng thời kèm theo thơ chúc mừng ngày sinh nhật của tôi". (Thượng Tọa Thích Như Điển). Bài thơ ngắn, rất ngắn, thắm đượm cảm hứng và khí vị **VỀ NGUỒN** (Vũ Kỳ):

Về thăm quê Thầy

*Người đi kết chuỗi bồ đề
Từ làng Xuyên Mỹ lần về Hội An
Trải qua ba, bốn giới đàn
Vĩnh Gia, Quảng Đức, đạo tràng
Hưng Long
Đạo vàng xen phủ ánh hồng
Hà Linh, Viên Giác, Phước Lâm,
Phổ Đà
Dấu xưa tích cũ giang hà
Ba mươi năm chốn, xót xa chưa về
Mây trời xứ Quảng ử ề
Cổ tri, đồng đạo, tình quê vẫn nồng
Người đi ba chục năm ròng
Đạo vàng tỏa ngát ánh hồng Viễn
Tây.*

Bảo Tâm
(Trọng Xuân 2003)

Hồi ký vượt ngục của Trà Nguyễn hay sự quyết tâm tìm tự do của con người dưới chế độ Cộng sản



Vũ Uyên Giang

Tôi được làm bạn với tác giả Trà Nguyễn từ ngày đến thành phố Charlotte, North Carolina, tạm cư năm 1993. Qua những tâm tình trò chuyện, chúng tôi trở nên thân thiết vì có những điểm tương đồng trong quá khứ, trong hiện tại, trong suy nghĩ và trong quan điểm...

Tôi là một quân nhân đơn vị đồn trú tại thành phố Biên Hòa; quê quán của anh ở đó nên những người bạn của anh, tôi cũng quen biết và những địa danh, những nơi chốn, những quán nhậu, quán café v.v... tôi đã từng đi qua, anh cũng đã đến những chỗ đó. Tôi viết lách văn nghệ, văn gủng thì anh cũng có ghé qua làng văn, chợ bút. Anh quen biết hầu hết những người trong giới cầm bút quen thuộc với tôi từ khi tôi còn là một ký giả. Anh cũng bị đày ải trong tù ngục lao lung dưới chế độ cộng sản phi nhân sau 1975; tôi cũng đã treo đời mình trên sợi dây nghiệt ngã qua những trại hóa thú cải tạo. Anh vượt ngục ra khỏi vòng lao lý của kiếp tù đày thì tôi cũng tự ý ký giấy ra trại để giải thoát đời mình ra khỏi những vòng kềm gai oan khiên của lũ người vong bản cộng sản. Anh và tôi cùng lái ghe vượt biển phó mặc cho mạng sống mong manh giữa biển trời mênh mông, giữa hiểm nguy trùng trùng để tìm chút tự do trên quý nơi bến bờ xa

lạ, xứ sở xa lạ mà hai chữ ấy không tìm thấy ở ngay quê hương của chúng tôi.

Với thành tích là một tên tù vượt ngục bị săn đuổi, anh không thể trở về Việt Nam khi quê hương đó còn bị cai trị bởi những người cộng sản; thì tôi cũng chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện trở về vùng đất còn hình bóng ngự trị của lá cờ đỏ sao vàng tàn bạo, thấm đẫm máu người dân Việt. Anh thường trở trần những đêm dài vì nỗi đau biệt xứ thì tôi cũng quay quắt cuộc đời trong kiếp người tha hương không nẻo quay về. Anh kiên quyết phủ nhận chế độ cộng sản và tôi thì giữ vững lập trường chống cộng đến hơi thở sau cùng trong khi nhiều người chung quanh quay mặt trở cờ, đón gió, đợi thời, thậm thụt ra vào Việt Nam như đi chợ và những con người hèn mặt đỏ lại trở mặt ném đá giấu tay chụp mũ những người quốc gia không a dua theo phe nhóm là cộng sản... Đây là một thói xấu thường thấy xảy ra ở nhiều nơi, nhiều chỗ có người Việt tỵ nạn sinh sống.

Cái khác biệt giữa anh và tôi là ở chỗ anh là một quân nhân biệt phái về làm giáo chức, còn tôi là một ký giả báo chí rồi mới nhập ngũ vào quân đội; nào có sá gì vì anh và tôi đều là những thanh niên phục vụ đất nước bằng cách này hay cách khác, dưới bóng cờ vàng ba sọc đỏ và cùng chung số phận bị bội phản đốn hèn bởi những người bạn đồng minh, bởi chính những người lãnh đạo đất nước của mình. Anh là một người mang án 9 năm trong lần tù sau cùng vì nằm trong tổ chức vượt biên, còn tôi là một người sĩ quan cải tạo không có thời gian hạn định hẳn hoi nhưng tựu chung đều mang kiếp tù đày trong tay bọn giặc đỏ.

Chúng tôi thường trao đổi, trò chuyện với nhau và chính tôi là người đã khuyến khích anh nên viết lại những kinh nghiệm sống của đời anh; chẳng phải để huênh hoang khoe khoang, cường điệu, chẳng phải để kiếm chút hư danh như nhiều kẻ trình độ thấp kém thường làm; mà chỉ để truyền lại cho lớp con, em đi sau biết được những kinh nghiệm của lớp tuổi cha anh... nhưng trong trang đầu anh đã ghi: "**Để ôn lại một đoạn đời và để nhớ những nhân vật chính trong cuộc**". Chính vì vậy, tôi là người được hân hạnh nghe anh kể và được đọc những hàng chữ trong tập Hồi Ký này từ khi còn là bản thảo. Tôi xin phép được viết lên những điều suy nghĩ của tôi về cuốn sách nhằm mục đích giới thiệu với độc giả gần xa.

I. Đôi nét về tác giả

- Tên thật: Trà Văn Gỏi
- Sinh năm 1942 tại Gia Định

- Học lực: Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn năm 1965

- Nghề nghiệp: Giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp tại Trung Học Công Lập Vĩnh Bình (Trà Vĩnh) và sau cùng là Giáo sư Trung Học Trịnh Hoài Đức (Bình Dương).

- Địa chỉ hiện tại: Thành phố Charlotte, North Carolina

- Các tác phẩm của Trà Nguyễn:

1. Siêu Thượng Không Gian (dịch từ Hyperspace của Michio Kaku, Ph.D)

2. Núi Tâm Hồn (dịch từ bản tiếng Anh: Soul Mountain của Mabel Lee, Ph.D) - Nguyên tác: LINGSHAN, tác phẩm đoạt giải Nobel văn chương năm 2000 của Cao Hành Kiện).

II. Tóm tắt nội dung tập hồi ký

Sau ngày cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam, cũng như mọi người quân nhân, công chức VNCH tác giả bị tập trung cải tạo hơn 1 năm (Tháng 6/1975-1977); anh được thả về vì là giáo chức và nhu cầu đang thiếu người giảng dạy tại các trường học và được giao cho làm công tác tạm là quét dọn phòng thí nghiệm mà không được đứng lớp dù là một giáo sư có trên 10 năm kinh nghiệm. Chỉ sau 2 tháng thì anh bị đình chỉ công tác và bị trả về địa phương quản lý. Anh rời thành phố về quê làm ruộng nhưng không chịu nổi cảnh ăn nhờ ở đậu nên anh lại trở về thành phố và sống lậu tại nhà bạn bè để làm men bánh mì.

Nhờ một người bạn giới thiệu, anh đã được một nhóm người liên lạc để thành lập công trường bán đá và đập đá để cung cấp cho Ty Xây Dựng ở Bạc Liêu và Cà Mau. Anh dự tính đây là con đường thoát cho anh và cả gia đình nên đã nhận lời đặc trách công trình khai thác đá tại hòn Đá Bạc cách đất liền khoảng 2 cây số thuộc huyện Trần Văn Thời, Cà Mau.

Sau một thời gian khai thác, những người trong nhóm tổ chức đã cướp một chiếc tàu đánh cá của hậu cần VC để vượt biển và bỏ rơi anh cùng những người công nhân khác. Anh bị nhóm người này lợi dụng làm vai trò con bài nỏ để họ tính đường đánh một cú lớn và bỏ rơi anh. Anh rời hòn Đá Bạc trở về Sài Gòn... nhưng ý chí vượt thoát vẫn còn mãnh liệt trong anh, nên anh đã dẫn vợ con xuống Cà Mau sinh sống để chờ cơ hội tìm đường vượt biển tìm tự do. Việc chưa thành, anh đã bị bắt giam 4 tháng. Sau khi ra tù, anh trở về Sài Gòn tá túc ở nhà người bạn là nhạc sĩ Hoàng Nhạc Đô và tiếp tục làm men lậu để sống.

Vì mục đích chính là vượt biên nên khi gặp lại một người tổ chức vượt biên ở Rạch Giá là Đỗ Văn Thìn, anh đã già từ

nghe làm men để tham gia tổ chức này. Chính vì tham gia tổ chức này và bị sự ganh tị của một người trong nhóm, anh đã bị tố và bị bắt giam tù trại Phan Đăng Lưu 6 tháng rồi sau đó chuyển về giam ở Chí Hòa 3 năm. Với bản án 9 năm vì tổ chức vượt biên có trang bị vũ khí, anh được chuyển về Trại Lao động Đồng Hòa II ở Bình Long. Tại đây anh đã tính toán kế hoạch vượt ngục một cách kỹ lưỡng và đã thành công về được Sài Gòn sau Một Ngàn Sáu Trăm Hai Mươi Lăm ngày trong lao tù cộng sản.

Sau nhiều tháng trốn tránh ở nhiều chỗ khác nhau kể cả việc phải ra giữa đồng làm người chăn vịt để tránh sự truy nã của VC, anh đã được những người bạn cũ sắp xếp cho đi vượt biển bằng thuyền và cuối cùng anh đã thành công tìm được cái giá trị quý của sự Tự Do khi thuyền cập bến Mã Lai...

III. Điểm qua hồi ký vượt ngục

Đọc hồi ký vượt ngục (HKVN) của Trà Nguyễn người ta thấy anh viết tự nhiên như người kể chuyện, bằng lối viết bình dị qua cách hành văn đơn giản, anh cho người đọc theo dõi những thăng trầm của cuộc đời anh từ lúc còn là một sinh viên, tốt nghiệp Trường Đại Học Sư Phạm làm Giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp cho đến khi bị tù đày gian truân, khổ ải. Anh không dùng những ngôn ngữ cầu kỳ, bóng bẩy; cũng chẳng tạo ra những hư cấu không tưởng để cố làm hấp dẫn câu chuyện cho thêm phần ly kỳ. Anh viết văn như kể chuyện nhẹ nhàng từ tốn, nhắc đến những đoạn hồi tưởng trong quá khứ một cách chân thật. Xem HKVN của Trà Nguyễn người đọc sẽ tìm thấy những hình ảnh quen thuộc của từng thành phố, từng nhân vật, những địa danh và cảnh trí có thật trong đời sống khiến người ta nhìn thấy những sự việc ấy như xảy ra ngay trước mắt, trong đời sống của chính mình.

1. Bức tranh sinh động về đất nước

HKVG không chỉ là một cuốn sách mô tả những hồi hộp, gay cấn của chuyến vượt ngục được chuẩn bị chu đáo của tác giả mà đây đó rải rác ở nhiều chương, người ta nhìn thấy những hình ảnh đẹp của quê hương xa ngàn dặm để gợi nỗi nhớ bằng khuâng; gọi lại những kỷ niệm xa vời cho người đọc.

... những cánh cò trắng bay về đậu trắng cành sao, tô điểm bức tranh chiều thỏ mộng cho tỉnh lý Phú Vinh. (Trang 20)

-Sáng sớm, con đường từ Cầu Bình Lợi về Thủ Đức khá vắng. Hầu như chỉ còn xe lam và xe gắn máy chạy trên con đường ấy. Con đường mỗi năm vào dịp

Tết, người ta bày bán mai dọc theo bờ kinh... (Trang 38)

-Ngọn đồi Châu Thối càng ngày càng trọc. Cây cối thưa dần đến độ xác xơ. Chừa vẫn còn trên đỉnh; nhưng chân đồi, sườn đồi đã bị gặm lôm vào trong như đôi ăn ổ chín. (Trang 40)

-Bỗng có tiếng chim cu đất đang gù gù đầu đó. Loài chim sống chết với mảnh rừng thưa quen thuộc không để cho con trống khác đi vào cuộc đất của mình. Loài chim đó oai hùng nhưng ngây thơ, chung tình những đại đột... (Trang 51)

-Hình ảnh hoa buổi rụng đầy sân sau một cơn gió, nhất là màu trắng tinh khiết cùng hương thơm ngào ngạt của những đóa hoa hàm tiếu trên cành đã làm đề tài cho nhiều thi sĩ. (Trang 55)

-Gió đồng nội bao giờ cũng mang lại cho ta những cảm giác xao xuyến nhẹ nhàng. Qua đồng lúa chín, gió chiết hưởng mùi ra. Qua lũy tre, gió man mát màu xanh... (Trang 85)

-Người ta đồn "Pò Léo", Bạc Liêu là xứ lắm tôm nhiều cá thật không ngoa... (Trang 87)

-Đặc biệt ở trạm Phú Lộc, hai món nổi tiếng là bánh tét và cá lóc. Người ta bán bánh tét quanh năm... (Trang 88)

Những trích dẫn trên đây chỉ là một phần trong số hình ảnh quê hương mà tác giả Trà Nguyễn đã lồng vào tác phẩm của mình một cách trung thực vì chính kinh nghiệm bản thân của anh đã đi và sống ở những nơi đó; người viết không trích dẫn thêm.

2. Tình bạn trong quyển sách

Điểm nổi bật trong HKVN của Trà Nguyễn là tình bạn. Anh được sự thương mến của bè bạn bằng hữu từ thuở cấp sách đến trường, hay khi đã thành một Giáo sư Trung Học, hoặc ở trong hoàn cảnh khổ cùng lao tù hoặc trốn tránh. Anh nhắc đến những người bạn bằng những kỷ niệm thân tình thương mến và anh cũng được những người bạn tận tình giúp đỡ, bảo bọc khi ở những hoàn cảnh khổ cùng.

-Anh em chúng tôi lúc đó còn trẻ người non dạ lắm. Người anh Th., anh Đoàn Ng., đứa nào cũng 24, 25, cao lắm là 26 tuổi... (Trang 18)

-Khi nói đến những kỷ niệm của anh với nhạc sĩ Dzũng Chinh lúc sinh thời, anh viết: "... tôi mơ màng ngồi nghe Dzũng Chinh nói về bản nhạc Những Đồi Hoa Sim và những mối tình dang dở..." (Trang 19). "... Anh em chờ hỏi ý kiến bạn bè để khuyên Dzũng Chinh đi khóa sĩ quan đặc biệt. Hầu như anh em chúng tôi đều khuyến khích anh nên quyết định

chọn lựa con đường tương lai trong lúc này còn quá trẻ..." (Trang 19)

-. Thời Huy Cường nổi tiếng, không cần biết. Chỉ biết sau 75, anh buồn lắm. Một hôm hai vợ chồng tôi đang ngồi ăn cơm trong nhà, bỗng có chiếc Honda ôm đậu ngay trước cửa. Thấy người lạ xách đèn đề hai ba chiếc bị, vợ tôi hỏi ai? Tôi trả lời tài tử Huy Cường. Vừa vào đến nhà, anh nói ngay: "Mày ra trả tiền xe ôm giùm tao, rồi nói chuyện sau" ... (Trang 216)

-Ai đã từng bị tù đày trong lao tù cộng sản sẽ biết được những khó khăn trong việc giao tiếp với những người chung quanh khi ở hoàn cảnh khổ cùng, vì nhu cầu sống đã tạo ra một lớp người yếu đuối sẵn sàng đạp lên sinh mạng bạn bè để sống; kiếm được một người bạn cùng chí hướng để tin tưởng được là một điều hiếm hoi. "... Trong tháng đầu, tôi thường trèo lên gác trò chuyện với một người có thói quen nằm rung đùi ngâm thơ nhỏ trước khi ngủ. Đó là anh Ng.D.Tr. hay là nhà thơ Thái Anh Duy..." (Trang 318). "... Riêng nhà thơ, anh chẳng những là một người quốc gia chân chính, một chiến sĩ tự do, một tâm hồn yêu nước mà còn là một người đầy đủ nhân cách. Tôi thành thực viết như thế không phải để bày tỏ sự mang ơn anh đã không ngần ngại chôn giấu quần áo, thức ăn giúp tôi thành công trong cuộc vượt trại..." (Trang 333). "... Trưa về trại, tôi qua dãy nhà sau hàng rào ngăn cách tìm nhà thơ để tử giả. Anh nhìn tôi lặng lẽ hồi lâu môi nói được lời chúc may mắn..." (Trang 347)

-Sau khi vượt thoát trại giam, tác giả phải sống lén lút, trốn tránh nay đây mai đó. Có những lần ghé lại nhà bạn tù cũ, thú thật với họ hoàn cảnh của mình anh vẫn được các bạn giúp đỡ, che giấu; những tình cảm quý báu đó cho thấy sự thương mến của tình bằng hữu: ... Rồi Tân Thuận, tôi đến thăm người bạn tù ở chung trong khám lớn Chí Hòa, từng tốt nghiệp Message Maritime, trường hàng hải quốc gia. Ngày tôi chuyển trại, anh tặng chiếc áo mưa và nhắn nhủ khi về nhà ghé thăm anh. Nghe tôi thuật chuyện, anh khuyên tôi không nên về Cần Thơ vội; mà hãy tá túc trong trại cá của anh ngoài Phú Lâm một thời gian chờ tình hình lắng dịu..." (Trang 371). "... Tôi sống qua từng ngày nhấp nhỏ, chờ tin vợ liên lạc với Ba Luồng, người bạn trẻ trong trại Đồng Hòa II đã được tha về trước. Ba Luồng tử Rạch Giá lên Long An, rồi từ Long An xuống Cần Thơ, đến Bình Thủy tìm tôi. Gặp chú, tôi mừng người người bắt được của. Bởi vì trong tù

chú coi tôi như người anh và hứa sẽ tạo điều kiện giúp tôi ra đi..." (Trang 373)

3. Mô tả xã hội và đời sống của người dân miền Nam

Qua quyển hồi ký, tác giả cũng đã vẽ lại một cách sinh động xã hội và đời sống của người dân miền Nam trước và sau ngày bị cộng sản cưỡng chiếm, dù không gay gắt, hằn học, thù hận nhưng cũng khiến người đọc có dịp so sánh để thấy được phần nào những khổ cực của người dân dưới ách bạo tàn của cộng sản.

-*Thời buổi bầy giờ nảy sinh ra nhiều nghề mới lắm. Cô giáo bán cà-rem, bánh ngọt cho học sinh ngay trong lớp học để kiếm thêm tiền mua gạo. Bác sĩ, kỹ sư đập xích-lô ngoài đường để nhường chỗ cho lao công, tùy phái đứng lên làm chuyên viên, trưởng ban, chủ tịch...* (Trang 3)

-*Một hiện tượng khác xuất hiện sau 75 là sự họp chợ. Hầu như chỗ nào cũng có thể là chợ. Chợ đứng, chợ ngồi, chợ cố định, chợ lưu động. Người mua bán thuộc tây, đồng hồ, quần áo cũ khắp nơi tạo thành một thứ chợ chạy sống động. Sài Gòn đã thay đổi từ hình thức đến nội dung...* (Trang 3 và 4)

-*Chúng tôi đến tiệm cơm bình dân tại bến xe Tân Cảng. Đây là một quán nghèo dành cho người đập xích-lô, xe ba gác, công nhân, tài xế xe buýt, những kẻ đi đường đói bụng và một kẻ thất cổ lỗ vận...* (Trang 9)

-Sau năm 1975, miền Nam đã biến thành một xã hội bị tàn phá và điều tàn bởi trình độ ngu dốt của tầng lớp cai trị mới qua lời tuyên bố của Lê Duẩn trên báo Sài Gòn Giải Phóng: "*Muốn xây dựng xã hội chủ nghĩa, ta cần kiên quyết đào tạo con người chủ nghĩa xã hội. Muốn đào tạo con người xã hội chủ nghĩa, ta phải dẹp bỏ ý thức dân tộc một cách thấp hèn để đạt đến tư tưởng cộng sản chủ nghĩa (sic!) ...*" (Trang 15). Họ học theo gương của những bậc thầy của họ như Mao Trạch Đông, Stalin v.v... để dả phá, đập đổ cái cũ qua lời tuyên bố của Mao: "*... Tàn phá cái cũ, xây dựng cái mới... Tiêu diệt địa chủ, xây dựng vệ binh đỏ, đào tạo giai cấp đấu tranh... Trong nông nghiệp học tập đại trại, trong công nghiệp học tập đại khách... trí thức không giá trị bằng cục phân v.v... và v.v...*" (Trang 14)

-*... Đến Biên Hòa mà không biết đến buổi Công Thanh là một điều thiếu sót. Buổi ở đây nổi tiếng ngọt và thanh...* (Trang 57)

-*Dải đất miền Nam trù phú, làm chơi ăn thật, nên tình người cũng rộng như*

ruộng lúa mênh mông... (Trang 85). Có đi sâu vào đồng ruộng, ta mới cảm nhận được mối chân tình của người dân, mới thấy được nét đẹp hồn nhiên của đất nước và hiểu được thế nào là tình tự dân tộc... (Trang 85)

-*Chúng ta đã đến miền Tây rồi! Cơm, cá, thịt thà khỏi lo...* (trang 105)

-*"... Nghe nói người miền trên thiếu gạo, phải ăn độn, tội quá!"* (Trang 108)

4. Sự hà khắc của những người thẳng trận

Với những người miền Nam bị bội phần đốn hèn, người cộng sản đối với kẻ ngã ngựa được tác giả trình bày qua các trang sách không chỉ là những quân nhân, công chức miền Nam mà ngay cả dân chúng cũng bị o ép, phân biệt đối xử: -*Người trình diện được dồn trong nhiều phòng học đã dời hết bàn ghế ra ngoài. Kẻ đứng người ngồi xổm, đa số nằm xếp lớp trên nền gạch. Một số du kích trẻ cầm súng AK và các cán bộ cộng sản chạy tới chạy lui kiểm soát chúng tôi chặt chẽ...* (Trang 13)

-*Những lần có "Chú Mười" lên (ông giáo Ba gọi người đàn ông cao lớn dềnh dàng có nét mặt lạnh như tiền đó là chú Mười, coi như hàng em út mà ở Bến Giá người ta gọi là hung thần Mười Rùa, Trung tá cộng sản rất hà khắc với anh em cái tạo) ...* (Trang 20)

-*Người con gái này kính kiêu lên mặt giáng tràng giáng đại hải về chủ trưởng nhân đạo của cách mạng đối với nguy quân, nguy quyền rồi sau cùng dần dần tôi bằng những câu hăm dọa xác xược...* (Trang 24)

-*Khi đoàn thanh tra đến, có hai anh cán bộ cộng sản miền Bắc làm li ti nói, khác hẳn với tính tình thật thà cởi mở của ông phó giám đốc công ty xây dựng. Chúng tôi vòng quanh thung lũng, thủ leo lên sườn đồi một chút rồi tuột xuống đến gần các đồng đá trò chuyện mà không có một cử chỉ hay thái độ thân thiện thăm hỏi công nhân. Trong nhà, người bị cật vấn đầu tiên là tôi.*

-*Trong thời nguy anh làm gì?*

-*Tôi hành nghề tự do...* (Trang 169)

-*Gã tên thật là gì? Không ai biết. Chỉ nghe gọi Hai Pháo. Đàn anh của gã, nhất là những cán bộ gộc, người nào cũng có cái tên thật kêu thật đẹp như Năm Quốc Đảng, Ba Trường Sơn, Tư Hải Đảo v.v... Riêng gã rất bằng lòng với cái tên ấy, bởi gã gốc pháo binh và hay khoe "tổ pháo đầu trúng đấy"*

-*... Dân sợ gã như sợ hung thần mà tránh gã như tránh bệnh dịch. Khổ nỗi họ phải giáp mặt gã hàng ngày. Đó là một người đàn ông tưởng mạo bậm trợn, ước*

độ bốn mươi, có con mắt cú vọ chuyên rình rập đời sống của những người chung quanh... (trang 191)

-*... Còn thịt heo thì giấu đâu không thấy, vì đó là món hàng nghiêm cấm. Người mua, kẻ bán phải dò xét tin tưởng nhau mới dám xúc tiến việc mua bán...* (Trang 191)

-*... Chủ chiếc thùng tái mặt. Mười kí lô thịt heo da trắng nõn, sớ thịt đỏ tươi, lớp mỡ bóng lộn đang bị bàn tay ô dề của gã công an lôi ra.*

-*Chỉ cho tôi biết số thịt "nậu" này từ đâu ra. Hấn gằn giọng hỏi.*

-*Dạ! Dạ...*

-*Không dạ thưa gì hết! Theo tôi về phường "nằm" việc! ...* (Trang 194)

Sự tàn ác trấn áp người dân của những tên cán bộ VC trong những đợt xuất cảng người đi bán chính thức để lấy vàng được mô tả qua ngòi bút của tác giả một cách lạnh lẽo và vô nhân như lời nói của tên cán bộ cấp tỉnh nói với Hai Pháo: "*... Đàng ta thật tài tình. Chỉ cần tống cổ 300.000 tên thôi là ta thu hoạch một tỷ đô-la đấy đồng chí ạ! Này nhé, ba triệu lạng vàng, giá mỗi lạng từ 350 đến 400 đô; nhân lên có phải trên một tỷ đô-la không? Trước kia bác Hồ thu góp "Tuần lễ vàng", bán đứng Phan Bội Châu cho mật thám Pháp lấy tiền nuôi cán bộ. Chiếm miền Nam xong, đàng ta bán xác dân chúng cho hà bá để làm giàu là chúng ta đi đứng đường của bác thôi!*" (Trang 198)

... Một đêm trong công tác tăng cường người đi bán chính thức xuống tàu. Pháo giữ phần kiểm tra sau lái. Nổi đít ghe có hai cầu tiêu lộ thiên cho đàn ông, đàn bà riêng biệt. Chợt tiếng động bên dưới làm cho hắn chú ý. Trong bóng tối mờ mờ chưa phân biệt được đó là trái dưa khô bập bênh hay một khóm lục bình tấp vào ghe. Pháo bấm đèn pin rọi xuống. Một đầu người đang lặn hụp. Chờ cậu bé bắm lên thành cầu, Pháo nắm tóc kéo lên giáng mấy bốp tay sặc máu rồi bắt dẫn về phường. Té ra đó chỉ là một em bé nhỏ độ 14, 15 tuổi cố gắng bơi lặn ra ghe, chờ lúc khởi hành trèo lên đi lên... (Trang 199)

5. Sự bất khuất của người dân

Mặc dù với ưu thế của kẻ thẳng trận, với bạo lực trấn áp, khống chế dân chúng để áp bức, cưỡng đoạt nhưng người dân miền Nam vẫn kiên quyết chống lại như trường hợp chị Tu Nhân, một quả phụ có chồng Sĩ quan quân đội VNCH đã từ trận mà tác giả đã tả lại như sau:

.. *Nhân mỉm cười nhìn thẳng mặt Hai Pháo. Nụ cười đẹp đầy nét khinh mạn.*

-Tôi trả lời cho ông rõ: chồng tôi là một Sĩ quan chế độ cũ. Dù đã tử trận, anh ấy vẫn khác chiến tuyến với ông. Tôi, dù là một người đàn bà, vẫn khác chiến tuyến với ông. Các ông thắng trận, tất nhiên chúng tôi phải khổ sở vất vả. Nhưng chúng tôi còn danh dự và liêm sỉ. Các ông đã làm khi tưởng dùng sức mạnh khuất phục được chúng tôi..." (Trang 208)

6. Hình ảnh những quân nhân công chức VNCH trong lao tù cộng sản

Hình ảnh những người quân nhân, công chức VNCH trong lao tù cộng sản được tác giả Trà Nguyễn tả lại một cách tỉ mỉ khiến người đọc không khỏi ngậm ngùi thương cho những chiến sĩ tự do phải chịu đựng những nhục nhằn oan nghiệt, phải chết tức tưởi trong lao tù, bị người đời quên lãng.

-Trí ngày mai ra tòa. Anh chiến sĩ Quân Cảnh bị bắt về tội âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Người cao dong dỏng, bị đánh gãy hết răng của trên, những Trí vẫn vui cười thản nhiên trước bản án mà anh dự liệu tối đa là tử hình... (Trang 263)

... Trong thời gian ở Chí Hòa tôi có nghe về cái chết của bác sĩ Phan Huy Quát, cựu Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa và ông Sơn Ngọc Thành, cựu Thủ Tướng Cambodia.. (Trang 272)

... Lời người tử tội: "Má ơi! Con thương má lắm! Đừng khóc nhiều nha má!"

"Mẹ ơi! Con sắp đi gặp mẹ đây!"

"Anh em hãy giữ vững lập trường! Tôi nằm xuống sẽ có người khác thay thế!"

"Cộng sản tàn bạo phi nhân! Cộng sản khát máu!"

Đã đảo! Đã đảo!

Đột nhiên tiếng la im bật. Về sau chúng tôi được kể quản giáo dắt thanh niên trật tự vào phòng đánh bịt miệng người hô to khẩu hiệu chống cộng ngay trong tù... (Trang 277)

7. Tinh thần kiên quyết vượt thoát tìm tự do của tác giả

Cuộc vượt thoát lao tù của Trà Nguyễn đã được anh chuẩn bị tinh thần từ nhiều năm tháng trước để khi có cơ hội sẽ vượt thoát tìm tự do. Tinh thần kiên quyết ấy đã manh nha từ ngay khi còn nằm trong xà-lim Phan Đăng Lưu và đã được anh thực hiện khi gặp dịp thuận lợi sau 6 tháng ở trại giam Phan Đăng Lưu; sau 3 năm ở nhà giam Chí Hòa và 16 tháng ở trại lao động Đồng Hòa II. Phải nói cái tinh thần bất khuất, trí chí của anh rất đáng khâm phục vì anh nhận thức được rằng: "... Ở mãi trong một nhà tù,

dù là nhà tù lớn, cũng khiến người ta phát điên. Có lẽ nhà nước nắm vững tinh trạng tâm lý này nên cho xây nhiều loại nhà ngục khác nhau. Ngục thất cá nhân, ngục thất tập thể, ngục cách ly, ngục phân loại, ngục hỗn tạp, ngục vuốt ve, ngục trừng phạt, ngục khổ sai, ngục đối lạnh, ngục chất mòn. Rừng là ngục, núi là ngục, đồng bằng cũng là ngục. Nói chung xà-lim là ngục thất nhỏ nhất và xã hội là một thứ tù ngục giãn nở đến kích thước to nhất. Nhưng dù nhỏ dù lớn, nhà tù không thể đạt đến mục tiêu: Chế độ cộng sản không thể dùng chúng để thành công trong việc cải tạo tư tưởng con người... (Trang 280)

Cái tinh thần vượt thoát từ ngục luôn ở trong anh ngày một vững vàng hơn và cuối cùng thì cái cơ hội ấy cũng đến khi anh được chuyển về Trại lao động cải tạo Đồng Hòa II nằm trong mật khu Dương Minh Châu thuộc tỉnh Bình Long. Sau mười sáu tháng khắc khoải đợi chờ ở nhà giam này với mười lăm lần vợ anh lặn lội đi thăm nuôi chồng mà các con cái của anh phải nhịn ăn, nhịn mặc để có tiền mua lương thực tiếp tế cho anh. Trước giai đoạn quyết định đó, anh đã không nản lòng và nhất quyết phải thắng cuộc, phải ra đi.

Anh đã chuẩn bị một bộ quần áo lành lặn và lon sữa Guigoz bột gạo lúc Bích Chi nhờ anh Ng. D. Trại chôn giấu giúp. Đây là một nghĩa cử cao đẹp và can đảm vô cùng vì nếu lộ ra thì anh sẽ bị liên lụy nặng nề. Hãy đọc những dòng anh viết về cuộc vượt thoát này sẽ thấy ở con người tác giả sự tính toán cẩn thận, chu đáo và tính điềm tĩnh của anh là yếu tố quyết định dẫn đến thành công:

"... Trưa về trại, tôi qua dãy nhà sau hàng rào ngăn cách tìm nhà thờ để túi giã (nhà thờ Thái Anh Duy). Anh nhìn tôi lặng lẽ hồi lâu mới nói được lời chúc may mắn. Quay về phòng, tìm lại nửa hạt đậu cần thận rồi để nguyên quần áo nằm nghỉ. Tiền để dành cũng xếp nhỏ nhét vào trong đó..." (Trang 347)

"... Khoảng ba giờ, đích thân tôi mang bình trà môi châm lại mời anh bảo vệ. Cây súng anh dựng sát vách. Tôi nhờ mấy anh bạn tù đóng đĩa khúc gỗ môi để búng mực theo nhu cầu cán bộ Huề ra lệnh. Trời bắt đầu mưa lâm râm. Tôi nhúm một nắm mặt cửa vượt các ngón tay đầy mực tàu trước mặt anh lính vũ trang. Anh nhìn băng quờ rồi ngập vạt như đang buồn ngủ. Tôi bèn giả bộ đi rửa tay rồi lên ngay vào bụi tre có cành to gie xuống che kín một phần mái tôn căn trại.

Tôi bò như con sóc, bắt kể gai đâm quào. Củ bò, củ trườn tôi để đến mé rừng khoai mì xanh ri lá. Cây mì cao cỡ đầu

người nên lá che kín một người đang chạy lum khum..." (Trang 348)

Với một sự bình tĩnh và tính toán cẩn thận cộng với quyết tâm vượt thoát từ ngục cùng quyết tâm nuôi dưỡng hơn 9 năm đem cả gia đình đi vượt biên tìm tự do; cuối cùng anh đã đến được bến bờ tự do, dân chủ và nhân quyền bằng những bất ngờ vô cùng gay cấn. Người viết xin dành những ngạc nhiên ấy cho bạn đọc tìm xem quyển Hồi Ký Vượt Ngục của Trà Nguyễn.

IV. KẾT LUẬN

Tôi gấp lại quyển hồi ký mà tôi đã được nghe anh kể trong những lần ngồi uống trà, uống café, uống rượu trò chuyện với nhau. Tôi đã đọc đi, đọc lại bản thảo tập hồi ký và góp ý với anh về một vài chi tiết cần đào xới, khai thác... Dù đã đọc nhiều lần, nghe nhiều lần nhưng tôi vẫn bồi hồi xúc động đến rơi lệ trước những cái chết hào hùng của các chiến sĩ quốc gia trong tù ngục cộng sản; trước những gian khổ mà những người chiến sĩ quốc gia đã phải âm thầm chịu đựng trong cô đơn, và tuyệt vọng. Những cảm trạng ấy, chính bản thân tôi cũng đã trải qua, đã sống, đã chịu đựng... tôi như thấy lại được chính một phần đời của mình trong đó.

Đọc Hồi Ký Vượt Ngục của Trà Nguyễn, tôi hết lòng khâm phục sự bình tĩnh, trí sáng suốt và quyết tâm vượt thoát của anh. Có lẽ chính vì vậy, mà "Hoàng Thiên bất phụ hào tâm nhân" nên trời cao đã phù trợ cho anh đến được phần đất tự do này để làm nhân chứng cho lịch sử cận đại của người Việt ?

Đây là một quyển sách rất đáng trang trọng để trong tủ sách gia đình của những người tự nạn Việt Nam để con cháu chúng ta nhìn thấy các bậc cha anh đã gian khổ đấu tranh để kiếm tìm hai chữ tự do như thế nào.

Charlotte, chớm Thu
●Vũ Uyên Giang

HỒI KÝ VƯỢT NGỤC

của Trà Nguyễn

Sách dày 400 trang. Khổ 5,5 x 8,5

Trình bày bìa : Họa Sĩ

Huỳnh Ngọc Diệp

Báo Chánh Đạo xuất bản

Muốn mua sách

xin vui lòng liên lạc với

tác giả Trà Nguyễn:

TraNguyen001@aol.com



Tăng cường trí nhớ

Thông thường trí nhớ tốt lành mạnh không phải ngẫu nhiên tình cờ mà có được. Bộ não hoạt động như các bắp thịt của chúng ta, càng rèn luyện thì càng có kết quả tốt, chế độ dinh dưỡng đúng tốt cho bộ não vì các tế bào chất xám cần có chất để nuôi sống.

Vận động thể thao giúp bơm dưỡng khí vào đầu, vận chuyển máu mang nhiều chất dinh dưỡng đến các tế bào não, làm xung lực điện phía sau bộ não chạy nhanh hơn "triển khai mở đường" cho sự dẫn truyền thần kinh.

Mỗi ngày dành 20 phút để trí tưởng tượng của bạn được tự do thư giãn liên kết ý niệm hình dung tưởng tượng nào đó. Ví dụ bạn có thể nghĩ đến tên kết hợp một màu sắc nào đó, vần thơ ý tưởng nào đó đến với mình, chọn chữ nào đó thành lập một "dây chuyền" liên tiếp các chữ trong đó có ý niệm hình dung tưởng tượng, theo xu thế tăng mức độ chọn lĩnh vực chính xác nào đó về hai thực vật cây cỏ hay động vật súc vật thú rừng...

Thủ tập luyện từ lúc sáng sớm mới thức dậy cho đến khi đi ngủ suy nghĩ về những việc làm chính xác đúng của ngày hôm qua và sắp xếp công việc cho những ngày tiếp theo.

Các tế bào chất xám bị tiêu hao mất đi trong sinh hoạt công việc hàng ngày cần được bồi dưỡng tái tạo bằng "chất sống" phù hợp sự dẫn truyền thần kinh. Trên hết rất quan trọng cần phải cung cấp cho não là Vitamin B, cũng như các chất khoáng vi lượng chẳng hạn như Calcium, Natrium, Magnesium chất sắt, iod, crom. Vitamin C và Vitamin E bảo vệ các tế bào não chống lại sự tấn công của các gốc tự do

Ngoài ra việc cung cấp dưỡng khí, lưu thông máu trong những mạch máu cực kỳ nhỏ (vi mạch) trong não có thể được cải thiện tốt hơn bằng cách dùng chất trích từ lá cây Ginkgo, sản phẩm nhân sâm (Ginseng), ngoài ra một số loại củ rễ sâm cây thuốc Trung Quốc

cũng có tác dụng tích cực đến việc trao đổi chất, được đánh giá tốt trong quá trình nuôi dưỡng bộ não.

Các chất tác dụng thiên nhiên Lecithin hay Dimethylaminoethanol (DMAE) bồi bổ tăng cường trí nhớ ký ức vì các chất này ngoài việc "tăng lực" thần kinh giúp khả năng tập trung trí nhớ được tốt hơn còn có khả năng làm kéo dài đời sống tế bào đến 50%.

• Quỳnh Hoa

Câu chuyện y học

SARS

- Bác Sĩ Trưởng Ngọc Thanh
- Dược Sĩ Trưởng Thị Mỹ Hà

Vào trung tuần tháng 3 năm 2003 Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) đã lên tiếng báo động về SARS - Hội Chứng Hô Hấp Nặng Cấp Tính - (Severe acute respiratory Syndrome = Schweres akutes respiratorisches Syndrom) - qua sự khuyến cáo của Bác sĩ Carlo Urbani, nhân viên của tổ chức này, từ Châu Á.

Carlo cũng vừa là nhà Vi Trùng Học, đặc biệt về bệnh Ký sinh trùng sốt rét và các bệnh truyền nhiễm ở lứa tuổi nhi đồng. Ông sinh quán tại một làng nhỏ vùng ven biển thuộc Ý Đại Lợi, theo học Y tại Ancona, đã có thời gian dài từng sự tại Macerata, Khoa Truyền Nhiễm - trước khi ông đến với Tổ Chức Y Tế Thế Giới.

Năm 1999 với tư cách Chủ Tịch, ông đã đại diện Tổ Chức Bác Sĩ Không Biên Giới nhận giải thưởng Nobel về Hòa Bình tại Stockholm, với những gặt hái đáng kể về các hoạt động y tế cứu giúp dân Phi Châu nghèo khổ.

Carlo đã phục vụ tại Hà Nội từ năm 2000 cho đến ngày lia đời. Ông là người đầu tiên mô tả về SARS nơi một bệnh nhân người Mỹ tại một bệnh viện ở Hà Nội. Ông cũng bị nhiễm lây bệnh. Việc tham dự Hội Nghị Y Học của ông tại Bangkok - Thái Lan, đã bị gián đoạn. Chưa đầy ba tuần, sau khi nhuộm bệnh ông đã ra đi với những đau đớn ở trạng thái hôn mê vào những ngày cuối đời tại một Bệnh viện ở Bangkok, khi mà giấc mơ đem ánh sáng y học, phục vụ những người cùng

khổ trên những mảnh đất nghèo khó chưa được thực hiện trọn vẹn.

Carlo và gia đình đã chọn Việt Nam làm quê hương thứ hai với ước vọng được cống hiến đời mình cho nhân loại, xóa đi phần nào những bệnh tật, thiếu thốn về thuốc men và y tế cho những người dân nghèo Châu Á. Đài BBC Luân Đôn và quê hương ông đã vinh danh ông như vị Thánh của những kẻ khốn nghèo.

I. Dịch học và mầm mống gây bệnh

Y học đã bế tắc trước sự cất nghĩa việc truyền bệnh, mầm mống gây bệnh SARS.

Người ta thấy có sự liên hệ giữa SARS và siêu vi trùng thuộc nhóm Corona. Thường thì Coronaviren chỉ gây bệnh ở một số loài thú nhất định; đối với loài người chúng chỉ gây các triệu chứng thông thường như cảm cúm về đường hô hấp. Coronaviren đã được biết từ lâu và chỉ gây nguy hiểm đối với những người đã có các tiền bệnh về đường hô hấp như bệnh hen suyễn, viêm sưng phế quản. Siêu vi trùng nhóm Corona không phát triển trong môi trường nuôi cấy tế bào, được nhận dạng qua kính siêu hiển vi. Có vài nhà Vi Trùng Học Đức đã đưa ra giả thuyết có sự hợp tác giữa siêu vi trùng Corona và Myxoviren trong quá trình truyền bệnh.

Bệnh rất dễ lây qua đường hô hấp, qua tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp (qua đồ vật) với những người đã nhiễm bệnh.

Đây có thể là những biến thể của siêu vi trùng Corona ở dạng mới. SARS Virus có thể sống một thời gian ngắn ngoài cơ thể.

Tháng 11 năm 2002 WHO đã được tường trình về một Dạng Sung Phổi Bất Thường của một Bác sĩ Niệu Khoa ở thị trấn Quảng Đông, miền Nam Trung Cộng. Người ta phỏng đoán ông ta đã mang mầm bệnh này gây một chuỗi truyền nhiễm tới Hồng Kông và từ đó chuyển đi khắp thế giới.

Quảng Đông, Bắc Kinh, Toronto, Hà Nội, Hồng Kông, Singapore đã ở vào tình trạng báo động vì việc lây bệnh ở mức độ rất nhanh. Tính đến ngày 09.05.03 đã có 321 người thiệt mạng trong tổng số hơn 5050 người bị nhiễm bệnh (tỷ lệ tử vong 6,3%). Bệnh đã xuất hiện ở 28 quốc gia trên thế giới. Liên Bang Đức có 7 trường hợp.

Có những bệnh nhân chưa hề có liên hệ, tiếp xúc với người nhiễm bệnh.

Có bệnh nhân đã truyền bệnh một lúc đến hơn 100 người khác (super spreader). Có kẻ bị nhiễm mà không lây cho người khác. Ở đây có sự khác biệt, không như thường thấy ở những mùa dịch cúm.

Nạn nhân thường ở lứa tuổi từ 20 đến 50, trong số này hơn 1/4 là các người phục vụ cho ngành y tế. Đến nay chưa thấy hoặc có rất ít bệnh nhân là trẻ em.

Toronto đã phải báo động lại một lần nữa vào ngày 27.05.03, sau một thời gian kiểm soát được phần nào việc lan bệnh.

II. Bệnh chứng và cách định bệnh

Tạm thời, biến thể mới của Coronavirus - SARS virus được xem là nguyên do gây bệnh sung phổi cấp tính và biến tính nặng.

Thời gian bị nhiễm bệnh tiềm ẩn kéo dài từ 2 đến 7 ngày, qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn tiền khởi: Sốt cao độ hơn 38 độ C, ớn lạnh, nhức đầu và mình mẩy, đau cổ, họng (như cảm cúm).

- Giai đoạn nhiễm đường hô hấp: Với những cơn ho khan dữ dội, không đàm, khó thở và gây đến máu bị thiếu dưỡng khí. Bệnh nhân đôi khi thấy đau bụng buồn nôn. Không thấy các biến chứng thần kinh.

Nghi ngờ bệnh SARS khi có các triệu chứng kể trên sau ngày 01.02.2003. Đặc biệt là những người đến từ những vùng nguy hiểm, hoặc đã tiếp xúc với các bệnh nhân SARS trước đây 10 ngày.

* Kết quả khám nghiệm về máu thường đa dạng, thay đổi giảm thiểu về bạch và tiểu cầu. Các Enzyme Transaminase gan gia tăng rõ rệt, kể cả Kreatinkinase.

* Hình X Quang cho thấy sung phổi bất dạng.

* Dùng PCR Test (Polymerase Chain reaction) để xác định có sự hiện diện của Corona Virus (SARS Virus) trong dịch hô hấp, phân...

Dù đã tiếp xúc, nhiễm bệnh, bệnh nhân thường không có sự miễn nhiễm lâu dài. Điều này có nghĩa một người bị bệnh SARS có thể bị lại nhiều lần, nếu không chết.

Số tử vong khi nhiễm bệnh có thể lên đến 15%, đặc biệt ở những người lớn tuổi.

III. Ngừa phòng và cách điều trị

Cho đến nay vẫn chưa có thuốc chủng ngừa SARS dù các vùng gây bệnh trong cấu trúc Gen ở Corona viren đã được tìm thấy và xác định.

Việc đề phòng bằng cách đeo Maske chỉ làm giảm thiểu phần nào số lượng siêu vi trùng Corona truyền qua đường hô hấp. Biện pháp hữu hiệu nhất vẫn là tránh đến các vùng nhiễm bệnh.

Việc điều trị đến nay vẫn chỉ có tính cách tạm thời với hy vọng ức chế được vi trùng do sự nhiễm bệnh thứ tính (Sekundär infektion) bằng các loại thuốc kháng sinh thông thường, trợ giúp hô hấp nhân tạo, theo dõi tim mạch trong những phòng khu vực cứu cấp.

Có những trường hợp thành công khi phối hợp Ribavirin (antiviral) và Steroid (Cortison) hay dùng kháng thể (AK) từ những bệnh nhân đã nhiễm SARS và lành bệnh.

Khi có những triệu chứng, như đã mô tả, nên tìm đến thầy thuốc để được theo dõi và điều trị kịp thời. -

Chernobyl Trung Cộng: SARS có thể truyền nhiễm qua sản phẩm xuất cảng

**Nguyên tác: Chinas Chernobyl:
SARS Can Spread on Imported
Goods, của Charles R. Smith.
Monday, May 5, 2003.**

• Trần Tú Uyên phiên dịch

Ghi chú của dịch giả:

Chernobyl: Tên của một thị trấn ở N. Ukraine đã bị bỏ hoang sau khi bị tai nạn thảm họa nguyên tử vào năm 1986 vì chất phóng xạ nguyên tử.

Các nhà khảo cứu về y khoa đã khám phá ra rằng vi trùng SARS có thể sống sót trên mặt những vật dụng thông thường trong nhiều ngày dưới nhiệt độ bình thường. Sự khám phá này tạo nên sự kinh ngạc cho những nhà xuất nhập cảng sản phẩm của Trung Cộng bởi vì sự thật đã rõ ràng là có thể vi trùng SARS sẽ được "xuất cảng" theo đồ vật bởi những người nhân công bị nhiễm trùng.

Sự kinh ngạc được khám phá bởi những khoa học gia ngành Y Khoa

ngiên cứu về vi trùng SARS còn cho hay rằng thuốc tẩy thông thường không thể trừ khử được loại vi trùng này, cho thấy rằng bỏ công sức ra khử trùng những khu vực bị ô nhiễm và đồ vật xuất cảng đều là vô hiệu quả. Các nhà nghiên cứu Nhật Bản cũng đã khám phá ra rằng vi trùng SARS sống sót với nhiệt độ cực lạnh trong một khoảng thời gian lâu dài.

Ông Klaus Stohr, người cầm đầu nhóm nghiên cứu y khoa của WHO phát biểu rằng: "Từ trước đến nay chúng ta chỉ phỏng đoán. Đây là lần đầu tiên chúng ta có đủ kiện cụ thể về sự tồn tại của vi trùng SARS".

Sự khám phá bởi nhiều nhóm của những khoa học gia ở Đức, Nhật, Hồng Kông và Trung Cộng cho biết rằng sự va chạm tiếp xúc giữa con người và đồ vật bị nhiễm trùng có thể làm lan truyền bệnh tật. Rất có thể là vi trùng SARS đã lan truyền qua sản phẩm bị ô nhiễm được xuất cảng bởi Trung Cộng đã từng dẫn đến sự việc lạng lẽ đình chỉ việc xuất cảng những sản phẩm điện tử và sản phẩm tiêu thụ sang Nhật Bản.

SARS: vi trùng nhân tạo ?

Tài liệu về bản chất của vi trùng SARS đến tay của nhân viên CDC (Centers for Disease Control) của Hoa Kỳ để thẩm tra về căn nguyên của vi trùng SARS. Có nhiều khoa học gia cho rằng vi trùng SARS là bởi thiên nhiên và biến xuất của vi trùng loại "corona" (giống hình vành khuyên). Những nhà nghiên cứu khác không tin như thế và đã đưa ra nhiều câu hỏi rằng phải chăng vi trùng SARS là vi trùng nhân tạo đã được cấu tạo bởi Trung Cộng.

Hai nhà khảo cứu người Nga mới vừa trở về từ Trung Cộng đã tuyên bố rằng họ cảm thấy rằng vi trùng SARS đã được nhân tạo và được thả ra bởi một tai nạn rủi ro. Trường hợp bệnh SARS đầu tiên đã bị phát giác là ở Trung Hoa Lục Địa, trong một thành phố có phòng thí nghiệm sinh vật học chính của Trung Cộng bên trong một trường đại học quốc gia.

Những nhân viên y khoa của Trung Cộng nhận biết về sự bộc phát của bệnh SARS từ tháng 11 năm 2002, nhưng đã không báo cáo về căn bệnh rất dễ bị lây này cho Cơ Quan Y Tế Quốc Tế (WHO) thể theo nhiều hiệp ước quốc tế.

Trung Tâm Chế Ngự Bệnh Tật báo cáo thẳng cho Bắc Kinh qua Trung

Ương Đảng Cộng Sản Tàu và không cho tin tức lọt ra ngoài ngoại trừ trường hợp họ được lệnh làm điều đó.

Trung Ương Đảng Cộng Sản Tàu đã không đưa tin tức về bệnh SARS cho WHO cho đến tháng Ba năm 2003.

Hành vi phản ứng chậm chạp của tập đoàn lãnh đạo Trung Cộng đã đưa đến hậu quả của những lời buộc tội rằng SARS là Chernoby của Trung Cộng. Sự quan hệ là tập đoàn lãnh đạo Trung Cộng đã quá sợ hãi để đưa ra những tin tức quan trọng để kèm chế sự bộc phát của vi trùng SARS cho dù là lý do quân sự hay chính trị. Hậu quả đã bắt buộc Bắc Kinh phải điều trị biệt lập trên 16.000 người, cấm đoán rạp chiếu phim, đóng cửa nhà hàng, và phong tỏa nhiều bệnh viện chính.

Theo như WHO thì có hơn 6.000 người bị nhiễm vi trùng bệnh SARS, và trên 400 người chết trong 27 quốc gia.

Sự độc tài nham hiểm

Nhiều nhân viên tinh báo và hành luật đã công khai bộc lộ sự quan tâm của họ về vấn đề tin tưởng vào Đảng Cộng Sản Tàu để phó mặc vào những điều lệ của hiệp ước WHO có thể chỉ là hy vọng ảo tưởng. Nhân viên chính quyền từ nhiều quốc gia Tây Phương đã lưu ý rằng sự đáp ứng của chế độ Trung Cộng quá nguy hiểm cho những dân tộc khác và rất có thể là một lý do bất khả kháng để trục xuất Trung Cộng ra khỏi Cơ Quan Mậu Dịch Quốc Tế (WTO).

SARS cũng đã truyền nhiễm sang gia đình đảng viên cao cấp của Đảng Cộng Sản Tàu.. Chủ tịch công ty chế tạo vũ khí Polytechnologies của Trung Cộng tên là Wang Jun, cũng đã bị lây bệnh SARS. Wang Jun là người đã từng được biết qua chuyến viếng thăm của hấn ta với Clinton ở Toà Bạch Cung vào năm 1996 cùng với nhân vật "China-gate" là Charlie "Ya lin" Trie. •



Giới thiệu sách báo mới

• Phù Vân phụ trách

Cảm Tạ xứ Đức (Danke schön Deutschland)

Song ngữ Việt-Đức, tác phẩm thứ 34 của Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác, sách dày 562 trang do Trung tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Đức Quốc ấn hành vào cuối năm 2002 và phát hành vào đầu năm 2003.

Thượng Tọa Thích Như Điển đến Đức vào ngày 22 tháng 4 năm 1977, tính đến tháng 4.2002 là 25 năm. Trong một phần tư thế kỷ đó, Thượng Tọa vẫn thường tự hỏi, người tỵ nạn Việt Nam ở Đức đã đóng góp được gì cho đất nước này, sẽ còn phải ở lại đây bao lâu và phải làm gì khi quê hương Việt Nam cần đến. Những ưu tư này dù có những lối giải thích có thể khác nhau, nhưng tựu trung chỉ có một tấm lòng là biết ơn xứ Đức đã mở rộng vòng tay nhân đạo tiếp nhận và bảo bọc người Việt tỵ nạn chúng ta.

Viết cuốn Cảm Tạ Xứ Đức, Thượng Tọa vô hình chung đã đại diện tập thể gần trăm ngàn người Việt tỵ nạn tại Đức, nói lên tấm lòng biết ơn đối với chính phủ và nhân dân Đức. Như tác giả ghi trong "Lời Vào sách":

"... Tôi không biết ai đã viết một tác phẩm như thế chưa, nhưng riêng tôi có bổn phận phải viết một tác phẩm như thế nhằm để cảm ơn chính quyền và nhân dân Đức đã đón nhận mình cũng như người tỵ nạn Việt Nam trong suốt 25 năm qua và cho tới hôm nay vẫn còn tiếp tục đón nhận dưới nhiều hình thức khác nhau như: tỵ nạn chính trị, đoàn tụ gia đình, kết hôn hoặc những trường hợp nhân đạo khác.", bởi vì:

"...Hai mươi lăm năm qua chúng tôi đã bước đi những bước chân dài ngắn khác nhau trên quê hương này, chúng tôi phải biết cảm ơn quốc gia này đã cho chúng tôi những đặc ân ấy. Chúng tôi hít thở được không khí tự do ở xứ Đức này chúng tôi phải biết cảm ơn cũng như nhân dân Đức đã mở rộng vòng tay đón nhận người tỵ nạn Việt

Nam đến từ Á Châu không có cùng một huyết thống, một ngôn ngữ, một tập quán, một màu da, mà chỉ có một mục đích là tìm cầu hai chữ tự do mà thôi. Chúng tôi có được một đời sống yên ổn ở nơi đây phải cảm ơn xã hội Đức đã cứu mang cho chúng tôi từ người già cho đến người trẻ có một cuộc sống ổn định, không vất vả với miếng cơm manh áo như tại quê hương mình. Đồng thời chúng tôi phải cảm ơn sự giáo dục của nước Đức. Từ đó đến nay con em người Việt học tại các trường Trung học, Đại học, Trường dạy nghề... đã ra trường và đóng góp trí tuệ, dĩ nhiên chỉ là phần nhỏ thôi, so với số người trí thức tại đây, nhưng điều ấy đã nói lên được một điều: "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "uống nước nhớ nguồn" là vậy."

Thượng Tọa lại quan niệm rằng:

"... Con người có thói quen là hay quên cái cũ và tìm tòi cái mới để học hỏi. Thế nhưng nếu không có cái cũ thì cái mới sẽ không xuất hiện và chẳng tồn tại. Do vậy mà viết thành cuốn sách để tri ân là bổn phận của những người đã đi qua, nhằm giao phó cho thế hệ tương lai một trách nhiệm, mà trách nhiệm tương lai ấy chắc chắn phải cần đến nền móng của quá khứ mà hình thành...".

Cuốn sách gồm 8 chương, ghi lại đôi nét về nước Đức; quá trình thành lập Chùa Viên Giác, hình thành Hội Phật Tử, Chi Bộ Phật Giáo VN Thống Nhất và sự liên quan với chính quyền Đức qua Bộ Nội Vụ Liên Bang; Nước Đức dưới nhân quan của tác giả qua 25 năm sinh sống tại Đức; một ít kinh nghiệm và điều kiện để đạt được thành công; Những pháp môn tu học, hành trì của Phật Giáo tại Đức; và chương cuối là vị trí của ngôi chùa Viên Giác tại Hannover đối với người Việt cũng như người Đức.

Với tác phẩm này không những có lợi lạc cho những người Phật Tử tỵ nạn biết rõ thêm sự phát triển của Phật Giáo đối với người Việt cũng như người

Đức, mà còn nêu rõ những chi tiết cụ thể cho những người khác từ lâu vì chưa biết rõ sự hoạt động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại nơi này, được hiểu tường tận và minh bạch hơn.

Cuối cùng, Thượng Tọa viết: "Xin chấp tay cảm tạ thâm ân của chính phủ Đức, của nhân dân Đức, của những người Phật tử Việt Nam đã hỗ trợ cho tôi, cho Chùa Viên Giác và báo Viên Giác trong suốt 25 năm qua. Nếu không có những trợ duyên này, tôi kể như kẻ ra khơi không có phương tiện".

Liên lạc ấn tống tại Chùa Viên Giác.

Thơ Thanh Long

Thi tập không có tựa đề, được đánh máy, bỏ dấu bằng tay, photocopie... trông rất đơn giản, nhưng nội dung thì rất phong phú về Thiền, về Đạo.

Thơ hướng về Tâm, như lời đầu của tác giả:

Hưởng Thiền chiếu sáng ngoài trong

*Trần gian ỏ trợ, trăm năm lo về...
(Tu Mau Kèo Trẻ)*

Lời tặng chung nhằm cảnh tỉnh những người còn mê muội chìm đắm trong bể khổ:

*Nỗi riêng một khối tình đầy
Tặng cho ai đó, lạc loài tháng năm!
Thoáng qua thi đã trăm năm
Bỏ quên còn, mất... trong lòng bàn tay!*

Thanh Long là bút hiệu của cư sĩ Nguyễn Thanh, sinh năm 1939, viết nhiều bài thơ ngắn về Thiền và về Đạo, nhấn nhủ chúng ta nên mau học Phật để sớm tìm giác ngộ, bởi khi:

*Tỏ rồi: không sợ bị... Quả xấu
Chỉ sợ: Nhân xấu lỗi... đã gieo!*

Thì ra:
*Mình đang đứng giữa ngã ba,
Nếu không thức tỉnh, chân sa
xuống hào!*

*Lối kia là hướng trắng sao
Lên cao, xuống thấp: cõi nào tùy ta.*

Thơ Thanh Thanh

Cùng một thể thức và hình thức như thi tập Thanh Long, cũng đơn giản nhưng chất chứa một khối tình về quê hương dân tộc. Gồm những bài thơ ngắn, có âm điệu và thể loại như tập thơ Thanh Long, có những bài thơ được viết từ năm 1962. Không hiểu giữa Thanh Thanh và Thanh Long có mối liên hệ như thế nào? Hoặc giả Thanh Long là Thanh Thanh của những năm tháng sau này khi tác giả đã buông bỏ tất cả phiền não của cuộc đời ô trược để đi vào con đường tu Thiền thanh tịnh chăng?

Trở lại với Thanh Thanh, vào năm 1962 đã "Xin Tụ Nguyễn":

...
*Xin một lần nằm xuống
Nghe khúc khải hoàn ca*

và nghe tâm nguyện của tác giả trong việc bảo tồn văn hóa Việt Nam:

*Bảo tồn văn hóa Tiên Long
Còn người, còn tiếng, non sông mãi còn!*

*Tiếng Việt còn, người Việt còn
Tiếng Việt mất, nước Việt suy vong!*

*Ta mang dòng máu Tiên Long
Phát huy văn hóa Việt Nam rạng
ngời!*

*Tiếng Việt Mẹ Đẻ tuyệt vời
Ai ói ghi nhớ ngàn đời chớ quên!*

Xin ghi lại một bài thơ tình nếu như "Em Không Đến" qua bốn mùa của đất trời biến chuyển:

*Em không đến, nhưng thu sầu vẫn đến
Lá vàng rơi, rơi ngập bến tưởng tu
Gió giao mùa, cau mặt nước hồ vôi
Giai nhân hỡi, thở đang mùa hy vọng!*

*Em không đến, nhưng xuân hồng vẫn đến
Hoa muôn hướng, chim trĩu cánh
mong chờ*

*Lều trắng xưa, thỏ đợi đến bao giờ
Nghe hoang phế, nên thỏ đi tàn tạ!*

Em không đến, nhưng hạ vàng vẫn đến

*Trăng vẫn tròn, ve cất giọng nỉ non
Núi cô đơn, vôi núi cánh mây trời
Người thưởng hời, đêm hạ vàng tế tái!*

Em không đến, nhưng đông tàn vẫn đến

*Đá sỏi mòn, biển vọng điệu buồn riêng
Sợi nhân duyên chẻ nhánh gói lịm
hồn*

Em không đến, Bốn Mùa Tưởng Tụ đến!

Địa chỉ liên lạc:

Mr & Mme Nguyễn Thanh
Rue Mediterranée
Res Pietralba - BAT C
20090 AJACCIO / CORSE

Một phần tư thế kỷ thi ca Việt Nam Hải Ngoại 1

Do Võ Đức Trung thực hiện, sách dày 300 trang, Bìa: Nguyễn Hữu Nhật; Phụ bản: Duy Lam, Hiếu Đệ; do Văn Hóa Pháp Việt xuất bản năm 2002.

Theo ông Võ Đức Trung, người chủ trương Nhóm Văn Hóa Pháp Việt, trong phần Vào Sách thay Lời Tựa quan niệm rằng, trong suốt một phần tư thế kỷ thi ca hải ngoại, người tỵ nạn Việt Nam nói chung hay người cầm bút nói riêng đã "thờ bằng thơ" hay "thờ ra thơ" trên những đất nước tự do, không còn bị kèm kẹp kiểm soát như dưới chế độ cộng sản Việt Nam... Từ đó, trên văn đàn hải ngoại, thi tập được in ra thật nhiều để nói lên tiếng lòng của tác giả, nỗi đoạn trường của những người tha hương, cho dù một số tác phẩm bị thời gian mai một hay đào thải, nhưng nó cũng để lại dấu ấn trong một giai đoạn lịch sử nào đó...

Vì vậy, tác giả cho biết: "... Do nhiều năm chủ trương một tờ báo thuộc Nhóm Văn Hóa Pháp Việt, vô hình trung chúng tôi trở thành một cái gạch nối nhỏ giữa hai khuynh hướng Đông Tây, giữa thế hệ đi trước và bao người tuổi trẻ hôm nay ở Pháp. Chúng tôi trở nên mạnh dạn sưu tầm, liên lạc và thỉnh cầu nhiều người làm thơ và

các nhà thơ hãy cùng chúng tôi vui vẻ gặp mặt lần lượt trong các tập "Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại (1975-2000)"...Mặc dù như quý bạn đọc và bạn thơ sẽ thấy, các tập sách này còn nhiều những sai sót và thiếu sót. Sự thiếu sót hàng đầu vẫn là vì chúng tôi không cách nào liên lạc được với tất cả các bạn thơ ở hải ngoại, do lượng thông tin bị giới hạn cùng nhiều những khó khăn khác."

"Còn sự khó khăn khi làm một tập thơ cũng không ít trở ngại, qua việc tham khảo nhiều cuốn hợp tuyển thi ca của một số quốc gia cùng phần lớn những cuốn Thi Tuyển Việt Nam xuất bản từ trước đến nay...".

Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 1 quy tụ một số thi hữu đã thành danh từ trong nước trước 1975 hay ở hải ngoại như:

- Ở Hoa kỳ: Cao My Nhân, Chu Vương Miện, Diên Nghị, Du Tử Lê, Duy Năng, Dư Thị Diễm Buồn, Hà Bình Trung, Hải Triều, Lê Nguyễn, Phan Lạc Giang Đông, Song Nhị, Sương Mai, Thanh Trí Cao, Thúy Trúc, Thy Lan Thảo, Trần Thúc Vũ, Trần Vấn Lệ.

- Ở Âu Châu: Đỗ Bình, Vân Nương Lê Ngọc Chấn (Pháp), Tùy Anh (Đức), Nguyễn Thị Vinh (Na Uy), Phương Hà (Bi).

- Ở Úc Châu: Nguyễn Tư.
Giá phát hành, kể cả lệ phí bưu điện: 18, 50 Euro
Địa chỉ liên lạc: Nhóm Văn Hóa Pháp Việt
1, Allée des Peupliers
59320 Hallennes-Lez Haubourdin
France
Phone: 0320 44 81 32
Email: voj72@aol.com

Người thích nhìn vú

Tập truyện của Nguyễn Văn Thà, gồm 14 truyện ngắn và 20 bài thơ trong phần phụ lục.

Tên thật là Nguyễn Văn Thục, sinh ngày 9.01.1955 trên một chiếc thuyền chèo đày cam, đầu nguồn sông Gianh. Được bổng vào Nam. Định cư ở Vĩnh Thủy, Phan Thiết; dinh điền Bàu Bàng, Bình Long; cuối cùng về ấp Bàu Giòi,

Hàm Tân. Đi tu học ở nhà dòng Công Giáo (1966-1967). Học Triết ở nhà dòng và Đại Học Văn Khoa Saigon (1973-1975). Tù vượt biên ở Hàm Tân (1979-1981). Vượt biên tới Bidong 1987 và định cư ở Na Uy từ năm 1989. Học chữ Nhật và tốt nghiệp tại Đại Học Oslo năm 1995. Hiện làm công nhân Bưu Điện ở Oslo/ Na Uy. Bắt đầu viết từ năm 1995. Viết truyện ngắn, dịch truyện ngắn và truyện dài của Nhật, làm thơ, viết tiểu luận. Cộng tác với Thế Kỳ 21. Tác phẩm đã xuất bản: * Sao Chúa Mãi Im, * Bên Dòng Sông Hằng, * Người Thích Nhìn Vú. Sẽ xuất bản: Tuyển tập truyện ngắn Nhật Bản, Thơ Nguyễn Văn Thục, Đĩa CD ca khúc Nguyễn Văn Thục.

Truyện của Nguyễn Văn Thà đọc thấy lạ và xoắn xuýt những suy tư trói buộc độc giả vào những diễn biến của câu chuyện. Phần nhiều sự việc xảy ra trên phong sắc của xã hội Việt Nam thân quen, nhưng cách hành xử của những nhân vật tương đối lại có đôi nét khác lạ với thường lệ. Chính sự khác lạ đó là những điều quyến rũ độc đáo của Nguyễn Văn Thà để lôi cuốn chúng ta vào những chuyện đời thường, như: Người Thích Nhìn Vú, Miếu Đền, Người Thích Nghe Chuông, Hoa Tạ Màu Nhớ Nhung, Đàn Ông Là Cái Giống Ác Độc...

Sách dày 292 trang. Bìa của Nguyễn Thị Hợp, trình bày Võ Thành Diễm do nhà xuất bản Giếng phát hành. Giá: 15 Mỹ Kim.

Địa chỉ liên lạc:
Nguyễn Văn Thục
Riiser Larsenv. 7
1368 Stabekk
Norway
Email: nguyenvanthuc@yahoo.com

Trong lâu đài kỷ niệm truyện dài của Dư Thị Diễm Buồn.

Câu chuyện kể về cuộc sống của năm chị em -ngũ long công chúa- và một số bạn gái trong khung cảnh tương đối bình yên của miền Lục Tỉnh với những tình cảm sâu sắc, những ưu tư tế nhị của một lâu đài kỷ niệm chung cho cả gia đình và lâu đài kỷ niệm riêng của tác giả.

Người đọc mừng tượng rằng, hình như tác giả đã ghi lại cuộc đời của chính gia đình và của chính bản thân từ thời còn tuổi thanh xuân, cho đến khi lập gia đình. Viết như vậy, tuy dễ mà khó. Dễ vì không cần phải cấu trúc cốt chuyện, mà chỉ biết sắp xếp diễn tiến của câu chuyện theo thời gian. Khó là làm sao tạo cho độc giả cảm thấy thích thú để theo dõi câu chuyện. Với lối viết rất thực, những mẫu đối thoại vui nhộn giữa mấy chị em cũng đủ phản ánh tâm hồn của chính tác giả. Hẳn đó là một nét độc đáo tạo được sự thành công của tác phẩm.

Trong Lâu Đài Kỷ Niệm ta lại bắt gặp hình ảnh hạnh phúc của một mái ấm gia đình- mà không phải ai cũng có được, như trước đây Dư Thị Diễm Buồn đã viết trong Chân Trời Hạnh Phúc:

"... Chồng tôi là như vậy, trước khi làm một việc gì dù lớn hay nhỏ, anh cũng nghĩ suy chín chắn, đâu đó đằng hoàng, chứ không lụp chụp lao chao như tôi. Dù ở hoàn cảnh nào, chàng cũng là cột trụ của gia đình. Chàng đùm bọc che chở mẹ con tôi. Có chàng, tôi an tâm trước mọi vấn đề phức tạp, khó khăn cho thế mấy đi nữa. Chàng giải bày hộp tình, hộp lý, cho tôi thấy tôi biết mọi gút mắc phải tháo gỡ, phải giải quyết cách nào mà không hại người thiên mình. Tôi luôn thầm cảm tạ Ông trên đã cho tôi một người chồng tốt để diu dắt, giúp đỡ tôi trên đoạn đường đời dài, nhiều hệ lụy, oan trái này..."

Sách dày 302 trang do Bảo Linh xuất bản năm 2003. Bìa: của Văn Vũ, Tựa của Đoàn Quốc Sỹ, Trình bày: Bảo Linh. Sách không ghi giá bán.

Địa chỉ liên lạc:
Dư Thị Diễm Buồn
1250 army Trail Rd.
Addison, Ill 60101 - USA
Email: dtdbuon@hotmail.com

• (Phù Vân)

Cáo lỗi

Vì công việc đa đoan, nên một số sách gửi tặng đến bây giờ mới giới thiệu được. Xin độc giả và tác giả thông cảm và hoan hỉ cho.

Cảm ơn (PV)

Hãy nhìn xuống chân ...

*"Còn gì đẹp trên đời hơn thế,
Người yêu người sống để yêu nhau"*

Thế nên lần nào cũng vậy, vừa về đến Việt Nam, việc đầu tiên của Ni Sư Diệu Phước là tổ chức cứu trợ hoặc uỷ lạo đồng bào nghèo ở vùng sâu, vùng xa trên đất Việt. Càng tiếp cận, càng gần gũi với những mảnh đời bất hạnh. Ni Sư càng thấy lòng mình đau đơn, xót xa. Nước mắt không đủ để đọng đầy lòng thương cảm, vẫn biết rằng **NHÂN - QUẢ** luôn vô tư và bình đẳng, nhưng tại sao vô tư và bình đẳng đến nghiệt ngã như thế.

Thổn thức bởi nỗi khổ và niềm đau của chúng sanh, lại nhận được sự vận động và hỗ trợ của Thượng Toạ Viên Giác tại Đức, được gửi về qua lần thăm viếng của quý sư Việt Nam. Chưa kịp nghỉ ngơi, Ni Sư đã vội tổ chức thăm viếng và uỷ lạo các bệnh nhân bệnh phong và bại liệt ở Bắc Bộ. Vào 16h30' chiều ngày 19/11/2002, đoàn từ thiện chúng tôi do Ni Sư Diệu Phước làm trưởng đoàn gồm có: Ni Sư Diệu Phước, Sư cô Như Giác, Diệu Hằng, Diệu Minh là hai phật tử Berlin, Di Ba và tôi đã xuống sân ga Hà Nội. Xuôi theo hơn 10 km đường bộ, chúng tôi đến chùa Bồ Đề huyện Gia Lâm, một huyện ven đô thành phố Hà Nội, là điểm dừng chân của đoàn trong thời gian đoàn lưu trú tại Hà Nội để đi uỷ lạo.

Suốt quãng đường từ sân ga Hà Nội về Gia Lâm, tôi vẫn bắt gặp những căn nhà nhỏ lụp xụp, xiêu vẹo, mái tranh lẫn mái ngói chen chút nhau, lơ mờ nép dưới những rặng cây. Lác đác mới có một hai căn nhà cao tầng bằng bê tông cốt thép, sơn phết hào nhoáng, sừng sững vươn cao như thách thức và hãnh diện. Cuộc đời là như thế, các cặp phạm trù đối lập luôn xuất hiện đồng thời: giàu và nghèo; được và thua; hạnh phúc và đau khổ. Chúng như những cặp anh em song sinh vậy.

Càng về chiều, trời Hà Nội càng rét mướt, sương mù dày đặc, mới 17h mà phố xá đã lên đèn. Mặc dù cửa kính ô-tô đã đóng chặt, tôi vẫn cứ run lên từng chập vì lạnh. Nhưng thoáng chốc, tôi cảm thấy hổ thẹn, vì tôi vừa liên tưởng đến những con người bất hạnh mà chúng tôi sẽ đến thăm. Tuy chưa gặp, song chắc chắn một điều, họ chẳng bao giờ đủ cơm ăn, áo mặc, lại đeo mang căn bệnh phong khổ sở đáng thương. Có lẽ họ đang lạnh hơn tôi gấp ngàn lần, lạnh vì đất trời sắp sửa vào đông và lạnh lắm vì bị cuộc đời ruồng bỏ xa lánh.

Liên tục hai ngày 20,21/11/2002, chúng tôi đến thăm viếng và tặng quà 2 trại phong, gồm một bệnh viện "Phong và Da Liễu" tại xã Hoà Long, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội 30 km, trực thuộc Sở Y Tế tỉnh Bắc Ninh.

Chúng tôi có mặt tại bệnh viện vào 13h chiều ngày 20/11/2002 trong sự mong ngóng và hân hoan của các bệnh nhân. Vừa xuống xe, chúng tôi gặp bác Nguyễn Duy Chương - là chủ tịch " Hội Đồng Bệnh Nhân Tự Quản" - cho biết: Bệnh viện này được thành lập vào năm 1913, gọi là " Trại Phong Quả Cảm". Đến năm 2001, trại được nâng cấp thành bệnh viện, mang tên là Bệnh viện "Phong & Da Liễu". Hiện tại bệnh viện được trang bị 10 giường cho bệnh nhân phong và 10 giường cho bệnh nhân da liễu. Bệnh nhân nơi đây trên dưới 200 người, được phân loại tùy theo tình trạng bệnh tật. Bệnh nhẹ thì bị lở loét chút ít, hoặc biến hình dị dạng nhưng vẫn còn đi lại được, những bệnh nhân này sống tập thể với nhau. Bệnh nặng thì bị mất đôi chân, cụt đôi tay, hoặc mù đôi mắt, như cụ Lê thị Nhưồng (78 tuổi) bị mất đi đôi chân, hoặc như cụ Tạ Công Trân (90 tuổi) mất hẳn đôi bàn tay và mắt thì không còn nhìn thấy gì nữa. Trong những trường hợp này, cứ 3 bệnh nhân thì được xếp vào một phòng. Về đời sống thì quá thiếu thốn, quân bình mỗi bệnh nhân được 100.000 VNĐ/1 tháng. Trong đó 90.000VNĐ cho tiền ăn, 10.000VNĐ để xài vật; vị chi mỗi ngày bệnh nhân được ăn hai bữa : 9 giờ sáng và 16 giờ chiều, tiền cho mỗi bữa ăn là 1.500VNĐ. Bữa ăn thật đơn giản, chủ yếu là cơm và kèm theo một ít rau. Do đó họ sống trông chờ vào sự

thăm viếng của các đoàn từ thiện. Chúng tôi thăm hỏi bệnh nhân và trực tiếp trao tặng nơi đây 200 phần quà. Mỗi phần quà vừa hiện vật lẫn tiền mặt trị giá 100.000VNĐ. Trao quà tận tay cho bệnh nhân, mỗi người trong chúng tôi đều không khỏi chạnh lòng, phải kềm nén lắm để đừng bật khóc, khi thấy họ nhận quà bằng hai khuỷu tay. Rồi cũng bằng hai khuỷu tay ấy, họ vỗ tay để cảm ơn đoàn. Vậy mới xót xa làm sao. Ôi " Hãy nhìn xuống chân, biết bao nhiêu người khốn cùng. Sống đời tối tăm như loài giun . . ."

Thế rồi những hình ảnh đau lòng này, những mảnh đời khốn khổ này, chúng tôi lại tái gặp ở " Khu Điều Trị Phong" huyện Sóc Sơn -TP Hà Nội, cách Hà Nội 60km, nằm sát chân núi. Trại này có 55 bệnh nhân và 20 trẻ em là con em của bệnh nhân. Một số đã tự tách ra khỏi khu điều trị, dựng lên những túp lều nhỏ nhỏ trên triền núi, xung quanh trại để hình thành một gia đình. Điều kiện sống nơi đây của bệnh nhân thì thê thảm hơn ở bệnh viện " Phong&Da Liễu" tại Bắc Ninh. Trại phong này cách xa nơi dân ở khoảng 6-7km, họ không thể đi lại được. Do vậy từ con số 175 bệnh nhân, giờ chỉ còn 55 người. Họ chết không những do bệnh phong hủy hoại mà còn chết do những bệnh tật khác vì không kịp cứu chữa. Mỗi bệnh nhân của trại mỗi tháng được 15 kg gạo, 1kg thịt, 1kg cá mắm và 10.000 VNĐ. Ngoài ra không có tiêu chuẩn về quần áo hoặc các nhu cầu khác. Gạo thì có thể đủ cho họ ăn trong tháng. Nhưng 1kg thịt và 1 kg cá mắm, dè sẻn lắm, chỉ nuôi họ được nửa tháng đầu; nửa tháng còn lại họ phải dùng 10.000VNĐ để mua rau ăn. Nhìn họ, tôi cứ tự hỏi, chẳng biết họ đã gây nhân gì trong quá khứ, mà đời này họ phải gánh chịu quả báo nặng nề, khủng khiếp như thế. Thật là tận cùng của sự khổ. Trước cảnh tình này, đoàn đã tặng họ 75 phần quà, mỗi phần trị giá 115.000 đồng VN.

Điều mà chúng tôi xúc động nhất, cũng như bệnh viện "Phong &Da Liễu", trại phong này cũng có một ngôi chùa .Hằng ngày họ vẫn tập lại để lạy Phật và tụng kinh. Quan sát, tôi thấy có đủ loại kinh như : Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Nhật Tụng, Kinh Vạn Phật... Cứ 16 giờ chiều mỗi ngày, họ họp lại để tụng Di Đà, buổi sáng thì công phu Lăng

Nghiêm, ngày rằm và cuối tháng thì Sám hối Hồng Danh. Quý hóa biết bao, trong bóng tối của cuộc đời, họ vẫn tìm thấy được nẻo sáng để hướng tâm. Như thế, họ vẫn hơn rất nhiều người đang ẩm cật phi da, không thiếu thứ gì. Ở thì nhà cao cửa rộng, mặc thì áo lụa quần là, ăn thì sơn hào hải vị, một bữa tiệc có thể nuôi sống một người trong một tháng. Nhưng họ lại đứng đững, lạnh lùng trước nỗi đau của đồng loại. Thật đáng tiếc, sống như vậy là sống hoà, sống phai, chẳng lợi ích cho ai và tương lai của họ đã thấy trước là một màn đêm.

Phật đã dạy "Nhân thân nan đắc", khó khăn biết chừng nào, chúng ta mới được làm người. Do đó chúng ta phải sống một cuộc sống có ý nghĩa. Nên biết, sống 100 năm chưa phải là nhiều, sống một ngày cũng không hẳn là ít. Vấn đề là chúng ta phải sống như thế nào để có lợi ích cho tha nhân và xã hội, như một ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn "... Sống trên đời phải có một tấm lòng để cho gió cuốn đi...". Vàng, Phật tử và Kiều bào tại Đức đã để cho gió tình thương mang tấm lòng bác ái, vị tha của mình về quê mẹ Việt Nam.

Cái gì rồi cũng phải đến lúc kết thúc. Chúng tôi bùi ngùi rời khỏi "Khu điều trị Phong" Sóc Sơn trong tiếng hát xa đưa theo điệu quan họ Bắc Ninh của một bệnh nhân: "Người ơi, người ở đừng về... Người ơi!". Nhưng biết làm thế nào, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình xoa dịu nỗi đau, san sẻ sự bất hạnh với các em trường "Nuôi Dưỡng Và Giáo Dục Trẻ Em Tàn Tật" xã Phù Linh, cùng thuộc huyện Sóc Sơn. Trường mới được thành lập tháng 09/2002, nên cơ sở vật chất còn thiếu thốn nhiều, chưa ổn định. Hoạt động của trường chủ yếu là nuôi dưỡng trẻ em thiếu năng trí tuệ và trẻ em câm điếc. Chẳng biết vì lý do gì khi đoàn đến, một số em vắng mặt, hiện diện ở trường chỉ khoảng 60 em. Nên đoàn đã tặng 60 phần quà, mỗi phần trị giá 80.000VNĐ. được tiếp xúc chúng tôi thăm hỏi từng em về tình trạng sức khoẻ cũng như điều kiện sống của bản thân và gia đình. Nhưng chúng tôi chẳng ghi nhận được gì, vì các em không nghe và không hiểu. Thế là phải nhờ các cô giáo làm "thông dịch viên". Tuy nhiên chúng tôi vẫn thấy hầu hết ở

các em cũng như những người bất hạnh khác có một điểm rất chung là thích sống, muốn sống và lắm lúc sống rất lạc quan. Vì sao vậy? Vì cái mà ta gọi là Nghiệp. Chính nghiệp đã khiến họ biết bằng lòng với số phận hẩm hiu của mình, chấp nhận sống một kiếp đọa đày đến hết đời. Như Nguyễn Du đã nói :

*"Đã mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời
xa"*

Chợt nhận ra hoàng hôn đã bắt đầu buông xuống, chúng tôi vội vã già từ huyện Sóc Sơn để trở lại chùa Bồ Đề, chuẩn bị cho chương trình phát xe lăn ngày hôm sau. Cũng nên nói thêm, trong chuyến đi từ thiện lần này, ngoài việc ủy lạo đồng bào nghèo, đoàn còn có chương trình phát xe lăn và mổ mắt từ thiện ở miền Trung. Do đó, chiều ngày 24/11/2002, sau khi phát chiếc xe lăn cuối cùng trong số 20 chiếc xe lăn cho bệnh nhân bại liệt ở Hà Nội và huyện Tiên Du-Bắc Ninh, đoàn từ thiện chúng tôi lên tàu ngược vào Nam để đến Quảng Nam-Đà Nẵng.

Trải qua gần một ngày đêm trên xe lửa, 15giờ ngày 25/11/2002, chúng tôi đến Quảng Nam trong cơn mưa tối trời tối đất, mưa như trút nước, mưa như thác đổ. Sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, tôi chưa bao giờ thấy cơn mưa nào lớn như thế. Thảo nào, người ta chẳng bảo đây là xứ sở của bão lũ. Mặc cho thời tiết ra sao, đoàn vẫn tổ chức thăm viếng và tặng quà cho đồng bào nghèo ở xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trên đường đến Quế Lộc, chúng tôi có ghé qua Thu Bồn và Phú Đa để tặng 20 phần quà cho 20 hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo. Sau đó, chúng tôi vượt khoảng 8km đường đèo mới đến Quế Lộc. Quế Lộc là một xã miền núi, cách thị trấn Vĩnh Điện 40km. Năm nay do hạn hán, thiếu nước trầm trọng, mùa màng gần như mất trắng, nên dân làng lâm vào cảnh đói kém. Tuy nhiên theo tôi, khách quan mà nhìn thì không phải chỉ có Quế Lộc bị đói kém năm nay, mà hầu như đồng bào miền Trung nhất là Quảng Nam thì bị cái nghèo đeo đuổi triền miên. Bởi khí hậu quá khắc nghiệt, lại thêm bão lụt hàng năm, đất đai thì chật hẹp cằn cỗi. Cho nên đến bây giờ, địa phương nào phát triển thì không biết, chứ

người dân đất Quảng vẫn cứ đói, nghèo vẫn cứ nghèo, không khá lên được.

Đến Quế Lộc lúc 10 giờ trưa, chúng tôi thấy đông đảo đồng bào tập trung từ sáng sớm, phần lớn là người già và trẻ em. Quá ngạc nhiên, tôi tìm hiểu, thì mới biết hầu hết thanh niên nam-nữ đều rời bỏ quê nhà vào Sài Gòn để tìm công ăn việc làm, còn lại chỉ toàn là người già và trẻ em. Thật lòng với 180 phần quà mang theo, chúng tôi chỉ muốn sưởi ấm lại phần nào những tâm hồn bị nỗi cơ cực, bần hàn đã làm cho đông cứng.

Cuối cùng, phần còn lại của chương trình từ thiện là phát xe lăn và mổ mắt cho bệnh nhân nghèo. Trong hai ngày 28-29/11/2002, đoàn đã phối hợp vừa phát 10 chiếc xe lăn cho người tàn tật ở Đà Nẵng và Hội An, vừa cùng với Bệnh Viện Mắt Đà Nẵng giải quyết mổ 100 ca bệnh về mắt các loại cho đồng bào nghèo.

Không khí của bệnh viện sáng hôm ấy tấp nập hẳn lên. Thật sự, phải giải phẫu cho 100 ca trong hai ngày thì quá vất vả cho tập thể Bác sĩ và Y tá của bệnh viện. Nhưng tôi thấy tất cả đều vui vẻ và sẵn lòng làm việc, thậm chí dùng bữa ngay tại chỗ. Về phía bệnh nhân thì khỏi phải nói, ai cũng nồn nóng được kêu đến lượt mình, nét mặt hẳn hoan và không ngớt cảm ơn đoàn. Chúng tôi vô cùng xúc động và xin hỏi hướng tất cả công đức cho các nhà hảo tâm, quý ân nhân, Phật tử và Kiều bào ở hải ngoại nói chung và ở Đức nói riêng.

Chúng tôi chỉ là những sứ giả của tình thương. Không có gì hơn, với lòng trắc ẩn, chúng tôi chỉ muốn san sẻ phần nào nỗi đau của những mảnh đời bất hạnh. Đồng thời muốn chuyển đến đồng bào thân thương tấm lòng nhân ái của những người con Việt đang ở nơi xứ lạ quê người. Tuy xa xứ nhưng vẫn luôn hoài vọng về cố hương. Cho dù ở phương trời nào đi nữa thì:

*Ai quên cho được mái tranh nâu,
Luống đất bờ ao với nhịp cầu,
Mỏ mỏ ông bà chôn giữa đất,
Lòng người, lòng đất cảm thông
nhau.*

Ngày 20 - 29 tháng 11 năm 2002
• Quảng Hạnh kính ghi

Một chuyến đi

Chuyến đi nào cũng có mục đích của nó, có phải vậy không thưa quý vị? Riêng tôi, lần này về Việt Nam thăm mẹ già. Mẹ tôi năm nay đã gần 90 tuổi, cái tuổi mà người xưa thường ví như ngọn đèn trước gió, như chỉ mảnh treo chuông v.v... và chắc cũng vì vậy mà các cụ thường hay buồn tủi, thường hay trông đợi con cháu về thăm viếng, quần quýt bên cạnh các cụ hầu an ủi tuổi già...

Sau khi lo đầy đủ các thủ tục giấy tờ, còn phải chuẩn bị hành lý để ngày mai ra sân bay, tôi cố thu xếp thì giờ về chùa lễ Phật (nhà tôi ở gần chùa Bảo Quang) và chào Sư Bà cùng quý Sư Cô để đi cho phải phép. Lúc gặp tôi Sư Bà thật vui vẻ, Người có chúc phúc cho chuyến đi xa này và cũng không quên gửi lời thăm hỏi mẹ tôi và gia đình. Bỗng như nhớ ra điều gì, Sư Bà liền gọi tôi và nói:

- Cô Như Lộc! hiện có một ít tiền do bà con Phật Tử ở Đức phát tâm ủng hộ Quỹ Từ Thiện Xã Hội của Chi Bộ để gửi về bên nhà giúp Trại củi, Trại mù, Cô nhi viện v.v... Vậy Cô có phát tâm cầm tiền về thực hiện một đợt cứu trợ nhỏ trong chuyến đi này không?

Rồi Sư Bà dạy tiếp:

- Coi bộ Cô có nhân duyên tiền kiếp với chúng sanh ở vùng cao nguyên đất đỏ nhiều lắm. Nếu tôi nhớ không lầm thì hồi năm ngoái cũng vào dạo này Cô cùng Sư cô Minh Hiếu có đến ủy lạo trại Phong ENNA tại tỉnh Đắk Lắk, Ban Mê Thuột phải không? Năm nay Cô đi kết duyên một lần nữa cho tình người thêm thắm thiết, thế nào?

Lúc đó đầu óc tôi đang nghĩ, cầm tiền về là chuyện nhỏ, dễ thôi, nhưng đi cứu trợ một mình cũng hơi ngán, thú thật những lần về trước đây tôi cũng đã từng đi cứu trợ, nhưng đi với sự hướng dẫn của quý Thầy, quý Sư cô, tôi là loại thiên lôi sai đâu đánh đó, còn lần này mình phải chủ động, thấy ngán thật. Tôi đang lúng túng chưa dám quyết định bỗng nghe Sư Bà hỏi:

- Thế nào?

Tôi giật mình ngờ ngác và Người như đoán được sự suy nghĩ của tôi. Sư Bà cười nhẹ bảo rằng:

- Không sao, Cô yên tâm đi, tôi có quen biết với Sư Bà HC ở Ban Mê Thuột, tôi sẽ đưa số điện thoại cho Cô, nhớ khi về Sài Gòn liên lạc xem Sư Bà HC có giúp Cô được gì không? Và lại người phát tâm đi làm việc thiện đem lợi ích lại cho người khác thường được chư thiên, chư thần gia hộ độ trì. Mà nhiệm vụ, cứ tin như vậy đi và mạnh dạn lên chứ.

Sư Bà còn bồi thêm: Hay là Cô sợ kết duyên sâu đậm với đồng bào Thượng du rồi kiếp sau phải đầu thai làm người miền Thượng nên còn ngần ngại? Chẳng phải vậy đâu mà phần chắc là họ sẽ theo Cô về Kinh để tái sinh lại, họ còn nhờ vào duyên lành này phát tâm quy ngưỡng ngôi Tam Bảo nữa đó. Lành thay! Lành thay!

Mọi người đều cười xòa, tôi cũng cười theo và chấp tay:

- A Di Đà Phật, con xin nhận lãnh công việc Sư Bà giao phó. Đi đem niềm vui đến cho người khác, con hứa sẽ cố gắng dù có khó khăn vất vả.

* *

Về Sài Gòn ở chơi với Mẹ được mấy hôm, ngày 28.03.03 tôi lên Ban Mê Thuột đúng 9 giờ phi cơ hạ cánh xuống phi trường Phụng Dục, nhìn cảnh vật xung quanh thật khô cằn xơ xác, có lẽ lâu ngày rồi chưa có được một cơn mưa nào nên đất đỏ đã bám đầy những cành cây, lá xanh cũng đã đổi màu. Mấy ngày ở Sài Gòn nóng bức, ngọt ngọt tôi tưởng lên đây dễ chịu hơn, nào ngờ mới buổi sáng đã oi ả nóng nực làm sao! Nhưng đã đến đây rồi phải nhanh tay vào việc chứ đâu được chậm trễ vì ngày mai là ngày thứ bảy trong tuần.

Vừa về đến người quen nơi tôi ở trọ, tôi liền gọi điện thoại mua 3.200 kg gạo, mì gói, sữa, kẹo... (sữa, kẹo để biếu các cụ già và trẻ em thiếu dinh dưỡng), rồi phải lo hợp đồng xe, liên lạc Hội Chữ Thập Đỏ nhờ giúp nhân sự. Còn nữa, lo đổi tiền lẻ, chạy mua bao thư, vì tối nay phải để tiền vào bao thư cho sẵn sàng. Tôi mệt nhừ và cảm thấy phục lẫn quý Sư Cô đã tổ chức những chuyến cứu trợ mà tôi được tháp tùng thật chu toàn đầy đủ.

Việc khó khăn bây giờ của tôi là phải làm sao đóng gói cho kịp bốc xếp lên xe trước 7 giờ sáng mai (29.03.03). Đêm ấy tôi lo lắng nên trằn trọc mãi ít ngủ được và tự nhủ lòng, mình phải tính toán cẩn thận chu đáo chớ để thất thoát một đồng nhỏ nào vì tiền bạc của bà tánh thật phương gom góp nếu xài không đúng chỗ thì phải tội đấy.

Vé khứ hồi Sài Gòn - Ban Mê Thuột tôi tự lấy tiền túi ra mua rồi đóng góp thêm chút xíu vào với khả năng khiêm tốn của mình, tôi thật sự cảm kích và trân quý tấm lòng bi mẫn của những người con Phật cùng hướng về quê hương cùng chia sẻ với những đồng bào bất hạnh ở quê nhà, thì tôi đâu dám sử dụng bữa bãi, nghĩ như vậy và tôi đi vào giấc ngủ chập chờn.

Hôm sau tôi thức dậy vào lúc 5 giờ sáng nhưng phải đợi đến 6 giờ mới dám gọi điện thoại đến chỗ đặt gạo xem việc đóng gói ra sao? và gọi lại hãng xe nhắc nhở việc bốc xếp càng sớm càng tốt. Nhưng may quá, họ cho biết độ 45 phút

nữa là xong hết mọi việc và trên đường đi ghé đón tôi. Sư Bà HC cùng đi.

Hơn 7 giờ xe bắt đầu ra khỏi thành phố chạy về vùng Kinh Tế Mới cách tỉnh lỵ 70 km (lần này tôi đi sâu hơn chuyến ủy lạo trại Phong ENNA hồi năm 2002 độ 40 km). Ai có đi sâu, đi xa vào vùng quê hẻo lánh mới nhìn thấy tận mắt cảnh sinh hoạt của dân miền Thượng, đời sống ở đây nghèo nàn cơ cực hết chỗ nói, đầu đội trời, chân đạp đất dưới cái nắng gay gắt đổ lửa của miền đất đỏ Cao Nguyên thì thật là khủng khiếp. Đường đi nhiều khó khăn vất vả nên gần 10 giờ chúng tôi mới đến được địa điểm cấp phát (mất 3 tiếng đồng hồ cho 70 km).

Xe vừa dừng lại mọi người nhanh nhẩu nhảy xuống ai lo việc nấy, nào là giăng băng cứu trợ, nào bốc đồ xuống, nào tập trung bà con v.v... Dân ở đây đa số là người Thượng, có trên 50% biết nói tiếng Việt nhưng không rành lắm. Tội nghiệp nhất là trẻ em và các cụ già gầy còm khô đét, tay chân tong teo, áo quần rách rưới. Nhìn mấy đứa trẻ đôi mắt sáng lên, nét mặt rạng rỡ đầy hạnh phúc khi nhận những gói quà khi chúng tôi trao tay, cùng với niềm hân hoan vui mừng hiện lên gương mặt nhăn nheo của các cụ già thấy mà thương quá đi thôi! Bất giác nước mắt tự động tuôn chảy tôi phải cố gắng lắm mới ngưng được. Thật sự ở đây cái gì cũng hiếm, cái gì tầm thường cũng trở nên quý giá, có lẽ một phần vì miền rừng núi xa xôi đi lại khó khăn ít có phái đoàn đến ủy lạo nên dân chúng bị thiếu thốn mọi bề, phần khác là vì cái nghèo, cái khổ truyền kiếp vây quanh từ đời này sang đời khác không tìm ra lối thoát. Chúng tôi làm việc tới tấp suốt mấy tiếng đồng hồ dưới ánh nắng của buổi trưa chẳng hề có một bóng cây che mát.

Hơn 14 giờ phát xong 320 phần quà, mỗi phần 10 kg gạo, mì ăn liền, sữa, kẹo bánh, tiền mặt. Thu dọn xong chúng tôi tìm chỗ nghỉ ngơi giải khát và ăn trưa (thức ăn chúng tôi có đem theo ở trong xe). Khi trở về xe chúng tôi trống nhẹ (những gói quà tình nghĩa đã được trao tận tay đồng bào) và lòng tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm vui vui...

Xin cảm ơn lòng hào tâm của Phật Tử Việt Nam hiện đang sống trên nước Đức. Cảm ơn những người chia sẻ nhọc nhằn vất vả cùng tôi trong lần ủy lạo này. Cảm ơn Hội Chữ Thập Đỏ đã đào tạo những con người tận tụy hy sinh, xông pha trên khắp nẻo đường thiện nguyện để phụng sự tha nhân và xin trân trọng cảm ơn tất cả.

Xe về đến thành phố thì trời đã sụp tối từ bao giờ.

• Phật Tử Như Lộc

Xin xem hình nơi Tin Phật Sự
trang 177

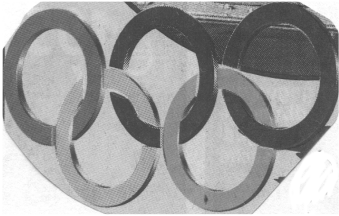


Thể thao

• NGƯỜI GIÁM BIÊN

Vắng bóng một thời gian khá dài, lần này Người Giám Biên trở lại cầu trường trên số báo Viên Giác 135, kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Chùa cũng như tờ báo Viên Giác, hầu cố gắng hiến quý khán giả tin tức liên quan đến vài môn thể thao mà quý vị hâm mộ.

• THỂ VẬN MÙA HÈ

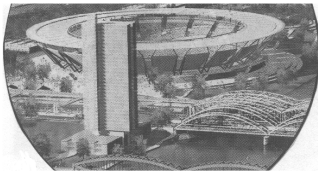


- Năm 2000 đã được tổ chức tại Sydney-Úc Đại Lợi
- Năm 2004 sẽ được tổ chức tại Athen - Hy Lạp
- Năm 2008 sẽ tổ chức tại Shanghai - Trung Quốc
- Năm 2012 sẽ được tổ chức tại đâu ?

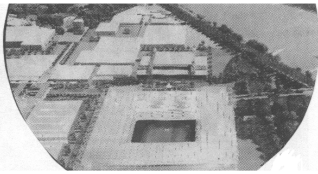
Hiện đã có nhiều thành phố của nhiều quốc gia nộp đơn xin tổ chức. Riêng tại Đức có 5 thành phố đưa đơn ứng cử, nhưng chỉ được chọn 1/5 đại diện nước Đức tranh cử với các nước khác.

Năm thành phố đó là: Hamburg - Düsseldorf - Stuttgart - Frankfurt/a.M (ở phía Tây) và Leipzig (ở phía Đông).

Mô hình kiến trúc Vận Động Trường và hạ tầng cơ sở được các thành phố phác họa để đưa ra tranh cử như sau:



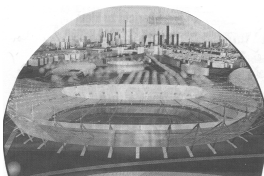
Hamburg. Với một kế hoạch kiến trúc tân kỳ cạnh bờ sông



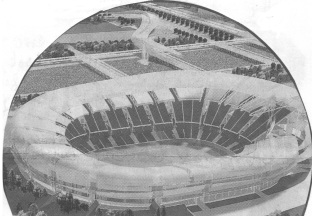
Düsseldorf: Đã được chọn tổ chức các trận đấu giải vô địch túc cầu thế giới năm 2006.



Stuttgart. Dự trù một ngân khoản 4,5 tỷ Euro để xây dựng Vận động trường và hạ tầng cơ sở.



Frankfurt/a.M. Với một kiến trúc độc đáo cộng thêm những tiện nghi tối tân đã có sẵn v.v...



Leipzig. Vận động trường chính có thể chứa 82 ngàn khán giả.

Ngày 11.04.2003, Ủy Ban Thế Vận Quốc Gia Đức đã họp, được sự hậu thuẫn của Thủ Tướng Liên Bang, Ông Gerhard Schröder, và nhiều chính giới tên tuổi, đã quyết định chọn Leipzig đại diện Đức tranh cử với các nước khác để tổ chức Thế Vận Hội Mùa Hè 2012. Quyết định này, theo dư luận báo chí, nghiêng về phần chính trị hơn là phần khả năng và vật chất.

Vài con số về Leipzig

Dân cư: 491.905

Diện tích: 298 cây số vuông

Dự trù chi phí cho Thế Vận Hội: 2,5 tỷ Euro.

Dự trù chi phí xây dựng hạ tầng cơ sở: 142,8 triệu Euro.

ĐỊA ĐIỂM TRANH TÀI:

Diễn kinh, bóng tròn tại Vận động trường chính có sức chứa 82 ngàn khán giả.

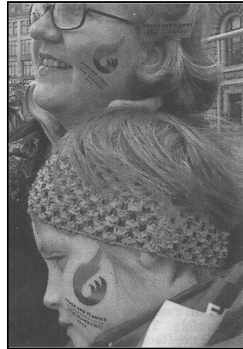
Tại khu hội chợ mới phía Bắc thành phố sẽ tổ chức bóng rổ, bóng chuyền, bóng nước, khúc côn cầu (Baseball), đấu kiếm, nhào lộn, thể dục nhịp nhàng đồng bộ và tram-pô-lin.

Phía Nam sẽ tổ chức đua thuyền, kanu (thuyền độc mộc), bóng chuyền trên cát, ba môn thể thao phối hợp (bơi lội, xe đạp và chạy bộ -Triathlon-) v.v...

Ngoài ra những môn tranh tài khác sẽ được tổ chức tại Dresden - Moritzburg - Riesa - Chemnitz và Halle/Saale, v.v...

Theo điều kiện ấn định của Ủy Ban Thế Vận Hội Thế Giới (IOC = International Olympic Committee) thì một thành phố muốn xin tổ chức TVH phải có ít nhất là 1 triệu dân cư. Nhưng Leipzig chỉ có 491.905 (tính đến ngày 10.04.2003), chưa hội đủ điều kiện. Tuy nhiên Leipzig vẫn tràn trề hy vọng vì tuy là một thành phố nhỏ nhưng người dân Leipzig đã đạt nhiều thành tích vẻ vang về thể thao cũng như chính trị, như:

THỂ THAO: Đạt 45 huy chương vàng Thế Vận Hội, không một thành phố nào trên thế giới có được thành tích này. Một trường Cao Đẳng Thể Thao từ dưới thời Cộng Sản Đông Đức (DDR). Tại đây đã có nhiều thể thao gia và công chức ngoại quốc theo học.



Chính trị: Leipzig được nổi danh trên thế giới vì là trung tâm xuất phát những cuộc biểu tình bất bạo động, bỏ phiếu bất tín nhiệm chế độ độc tài Cộng Sản bằng chân, tiến hành một cuộc cách mạng không đổ máu lật đổ chế độ Cộng Sản Đông Đức vào năm 1989, tiếp theo là sự sụp đổ các nước Cộng Sản Đông Âu và Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết, chấm dứt một cuộc chiến tranh lạnh kéo dài nhiều năm.

↑ OH, NEIN ! Ủng hộ viên Hamburg thất vọng khi bị loại.



OH, JA ! Ủng hộ viên Leipzig vui mừng khi được chọn tranh cử tổ chức TVH Mùa Hè 2012.

SAU ĐÂY LÀ LỊCH TRÌNH LÀM VIỆC CỦA IOC

* **15.07.2003.** IOC sẽ tuyên bố chấm dứt nhận đơn của các thành phố xin tổ chức. Hiện giờ có bốn thành phố lớn xin tổ chức là: New York (Mỹ), Madrid (Tây Ban Nha), London (Anh quốc), Havana (Cuba). IOC dự trù sẽ có độ 12 thành phố sẽ xin tổ chức, trong đó có Paris (Pháp), Moskau (Nga) và Budapest (Rumanie).

* **Tháng 07.2004:** Vòng loại đầu, Ban Chấp Hành IOC sẽ chính thức chọn từ 5 đến 6 đơn của các thành phố xin tổ chức.

* **15.11.2004:** Thời hạn cuối cùng, 5 hay 6 thành phố đã được chọn phải đệ trình những mô hình kiến trúc chính và hạ

tầng cơ sở, sơ đồ tổ chức, làng thể vận, an ninh, truyền thông v.v...

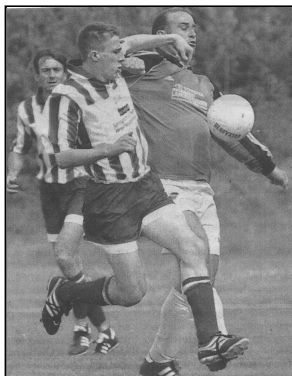
* **Đầu năm 2005**: Một Ủy Ban của IOC sẽ đi kiểm tra và lượng định. Đến tháng 5/2005, bản phúc trình của Ủy Ban này sẽ được chính thức công bố.

* **06.07.2005**: Một Đại Hội Nghị của IOC sẽ họp tại Singapur để quyết định thành phố nào được vinh dự tổ chức Thế Vận Hội Mùa Hè năm 2012 !

Từ đây đến đó còn 9 năm nữa, Người Giám Biên không biết sẽ còn sống để viết tin tức hầu cống hiến quý khán giả không ? Vì năm nay Người Giám Biên đã 74 tuổi Tây hay 75 tuổi Ta rồi !

• BÓNG TRÒN

Giải Vô Địch Âu Châu (Từ 12.06 đến 04.07.2004)



Giải này sẽ được tổ chức tại Portugal. Đương kim vô địch là đội cầu Pháp quốc. Hiện giờ các đội cầu quốc gia Âu Châu đang tranh vòng loại.

Điểm đặc biệt của giải Vô Địch Âu Châu lần này sẽ không áp dụng quả "**Gôn Vàng**" (Golden Goal). Nghĩa là sau 90 phút, nếu hai đội huề nhau, sẽ đá thêm hai hiệp, mỗi hiệp 15 phút. Nếu vẫn còn huề nhau thì sẽ đá 11 thước.

Đội cầu Đức nằm trong toán

có các đội như sau:

Germany
Schottland
Litauen
Island
Färöer-Insel

Đội Đức sẽ đụng các đội trên theo lịch trình như sau:

- 07.06.03 - Schottland (a) - Germany
- 11.06.03 - Färöer-Insel - Germany
- 06.09.03 - Island - Germany
- 10.09.03 - Germany - Schottland
- 11.10.03 - Germany - Island

(a) Đội đứng trước có nghĩa là trận đấu sẽ đá trên sân của đội đó.

Hiện giờ đội Đức đang dẫn đầu bảng, kể đến là Schottland. Nhưng còn 5 trận nữa, nếu đội Đức đứng hạng nhì trong toán thì phải đụng với một đội hạng nhì của toán khác. Vì chỉ có đội đứng nhất toán mới được vé đi Portugal tham dự vòng chung kết.

Đội tuyển Đức may mắn bốc thăm được nằm trong toán toàn là những đội không tên tuổi, ngoài đội Schottland. Do đó, hy vọng đội đang đứng hạng nhì thế giới sẽ không bị lọt sổ ở vòng loại.

• QUẢ "GÔN BẠC" (Silber Goal)

Hết quả "**Gôn Vàng**" đến quả "**Gôn Bạc**", có lẽ trong tương lai sẽ có quả "**Gôn Đồng**" chăng ? Số là trong giải chung kết của những đội vô địch các quốc gia Âu Châu (Europapokals der Landesmeister / der Champion League) và giải chung kết UEFA-POKAL mùa bóng 2002-2003, Tổng Cuộc Bóng Tròn Âu Châu đã hủy bỏ quả "**Gôn Vàng**", thay thế bằng quả "**Gôn Bạc**". Có nghĩa là, sau hai hiệp đấu, mỗi hiệp 45 phút, nếu hai đội huề nhau, sẽ đá thêm hai hiệp nữa, mỗi hiệp 15 phút. Hiệp một nếu đội A đá thắng đội B một quả, đến hết hiệp một, đội B không gỡ huề được thì coi như đội A thắng trận. Trọng tài thổi tiếng còi chấm dứt trận đấu, không phải đá thêm hiệp thứ hai 15 phút nữa. Thể thức này được gọi là quả "**Gôn Bạc**" !

Trong giải chung kết UEFA-POKAL tại sân vận động Sevilla (Tây Ban Nha) ngày 21.05.2003, giữa đội FC Porto (Portugal) và Celtic Glasgow (Schottland) trọng tài đã áp dụng quả "**Gôn Bạc**", nên mang thắng lợi về cho FC Porto với tỷ số 3 : 2 khi hai đội đã huề nhau 2 : 2 sau 90 phút đấu.

• MÙA BÓNG TRÒN CỦA ĐỨC

Mùa bóng tròn 2002-2003 của Đức đã chấm dứt vào ngày 24.05.2003 với những trận đá thứ 34. Những đội cầu hạng nhất (1. Bundesliga) và hạng nhì (2. Bundesliga) đã tranh đấu rất sôi nổi, hào hứng, đôi khi hơi tàn bạo như đốn chân, kéo áo, thúc cùi chò vào mặt v.v... Các đội hạng nhất thì cố thắng để được xếp hạng cao hầu được tham dự giải Vô Địch Âu Châu để có tiền mua cầu thủ; đội thì cố thắng để khỏi bị tuột xuống hạng nhì. Còn các đội hạng nhì thì cố thắng để nháy lên hạng nhất hoặc khỏi tuột xuống hạng 3 !

• SAU ĐÂY LÀ BẢNG XẾP HẠNG

Các đội hạng nhất

	trận	thắng	huề	thua	điểm	
1. Bayern München	34	23	6	5	70:25	75
2. Stuttgart	34	17	8	9	53:39	59
3. Dortmund	34	15	13	6	51:27	58
4. HSV (Hamburg)	34	15	11	8	46:36	56
5. Herta BSC	34	16	6	12	52:43	54
6. Werder Bremen	34	16	4	09	51:50	52
7. Schalke 04	34	12	13	09	46:40	49
8. Wolfsburg	34	13	7	14	39:42	46
9. Bochum	34	12	9	13	55:56	45
10. 1860 München	34	12	9	13	44:52	45
11. Hannover 96	34	12	7	15	47:57	43
12. MG. Gladbach	34	11	9	14	43:45	42
13. Rostock	34	11	8	15	35:41	41
14. Kaiserlautern	34	10	10	14	40:42	40
15. Leverkusen	34	11	7	16	47:56	40
16. Bielefeld	34	8	12	14	35:46	36
17. Nürnberg	34	8	6	20	33:60	30
18. Cottbus	34	7	9	18	34:64	30

* Đội Bayern München vô địch mùa bóng 2002-2003 (Deutscher Meister)

• THAM DỰ GIẢI ÂU CHÂU VỀ CHAMPION LEAGUE

- Bayern München
- Stuttgart
- Dortmund (đội này phải đá mấy trận với các đội đứng hạng 3 của các nước khác, nếu thắng mới được ở Champion League, nếu thua sẽ được tranh UEFA Cup).

• EUFA-CUP

- Hamburg SV
- Hertha BSC Berlin
- 1. FC Karserslautern (đội này được vào chung kết đụng với Bayern München ngày 31.05.03 tại Berlin giải Cúp của Đức (Deutscher Pokal). Dù thua 1 : 3 vẫn được tham dự giải UEFA Cup vì đội Bayern München đã nằm trong Champion League rồi).

• UI-CUP

- Werder Bremen
- Schalke 04
- Wolfsburg

• TUỘT XUỐNG HẠNG NHÌ

- Arminia Bielefeld
- I. FC Nürnberg
- Energie Cottbus

* Lên hạng nhất

- I. FC Köln
- SC Freiburg
- Eintracht Frankfurt

Một vài con số

Cầu thủ phá lưới :

1. Elber (Ba Tây) (Bayern) 21 lần
Christiansen (Đức) (Bochum) 21 lần
3. Ailton (Ba Tây) (W. Bremen) 16 lần
4. Pizarro (Ba Tây) (Bayern) 15 lần
Kuranyi (Đức) (Stuttgart) 15 lần
6. Romeo (Ba Tây) (HSV) 14 lần
Bobic (Đức) (Hannover) 14 lần
Marcelinho (Ba Tây) (Hertha) 14 lần
Schroth (Đức) (1860) 14 lần
10. Koller (Rumanica) (Dortmund) 13 lần

• **BÓNG BÀN**



Giải Vô Địch Bóng Bàn Thế Giới được tổ chức tại Paris (Pháp) từ 19.05 đến 25.05.2003. Trên 600 tay vợt của 120 quốc gia đã hội tụ về thủ đô ánh sáng để tranh nhau đoạt chức vô địch.

Bên bóng tròn có quả "Gôn Vàng", quả "Gôn Bạc", thì bên bóng bàn cũng bắt chước thay đổi vài điều lệ để trận đấu được hào hứng, lôi cuốn khán giả v.v...

Điều lệ cũ

Mỗi trận đấu có 5 ván. Mỗi ván có 21 điểm. Mỗi bên giao banh 5 lần. Khi hai bên huề nhau ở tỷ số 20 : 20, thì mỗi bên chỉ được giao banh có 1 lần. Ai thắng 2 điểm cách biệt thì kể như thắng ván đó. Người nào thắng 3 ván được coi như thắng trận đấu.

Điều lệ mới

Mỗi trận đấu có 7 ván. Mỗi ván chỉ có 11 điểm. Mỗi bên giao banh chỉ có 2 lần. Khi hai bên huề nhau 10 : 10, thì mỗi bên chỉ được giao banh có 1 lần. Ai thắng hai điểm cách biệt được coi như thắng ván đó.

Người nào thắng 4 ván thì coi như thắng trận đấu.

• **KẾT QUẢ VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI NĂM 2003**

Huy chương vàng

Đón Nữ

Cô Nan hạ cô Yining (cả hai cô đều là người Trung Quốc) với tỷ số 4 : 3 (11:7, 11:8, 11:4, 5:11, 6:11, 11:5).

Đôi Nữ

Hai cô Nan + Yining hạ cặp Jianfeng + Yue (cả 4 cô đều là người Trung Quốc) với tỷ số 4 : 1 (11:7, 11:7, 7:11, 11:2, 14:12).

Đón Nam

Anh Werner Schlager hạng 6 thế giới (người Áo) hạ anh Joo Se-Hyuk hạng 61 thế giới (người Nam Hàn) với tỷ số 4 : 2 (11:9, 11:6, 6:11, 12:10, 8:11, 12:10).

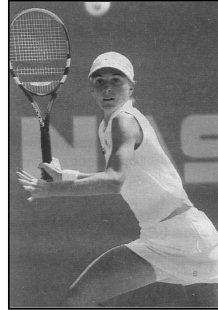
Đôi Nam

Hai anh Ligin + Sen hạ cặp Hao + Linghui (cả 4 anh đều là người Trung Quốc) với tỷ số 4 : 2 (11:9, 11:8, 7:11, 6:11, 11:8, 11:5).

Nhìn vào kết quả, chúng ta thấy hiện giờ các tay vợt Trung Quốc đang tung hoành, làm mưa làm gió trên bàn gỗ. Riêng hai anh Werner Schlager (Áo) và anh Joo Se-Hyuk may mắn lắm mới vào được chung kết đơn nam. Anh Schlager đoạt huy chương vàng đem danh dự về cho nước Áo sau 66 năm dài mà đàn anh của anh đã không thực hiện được ! Anh có lối đánh thiên về thể công, còn anh Joo Se-hyuk thì thể thủ. Do đó hai ván đầu anh thắng J.S.Hyuk dễ dàng. Ván thứ ba, Hyuk thay

đổi cách đánh, từ thủ sang công nên anh thắng anh Schlager với tỷ số 11:6. Sang ván thứ 4, anh lại trở về thể thủ nên thua Schlager 10:12. Ván thứ 5, anh áp dụng thể công nên thắng 11:8. Nhưng rất tiếc, sang ván thứ 6, anh lại lui về thể thủ nên bị Schlager hạ 12:10 đoạt giải Vô Địch Thế Giới với huy chương vàng và một cái Cúp.

• **QUẦN VỢT**



Quý độc giả hâm mộ môn quần vợt còn được gọi là "Tennis". Nhưng có người chưa hiểu rõ tại sao gọi là "Tennis", kích thước của cái sân ra sao ? và trái banh nặng nhẹ, to lớn như thế nào ? Lần này Người Giám Biên xin ghi ra đây để quý vị được rõ.

Chữ "Tennis"

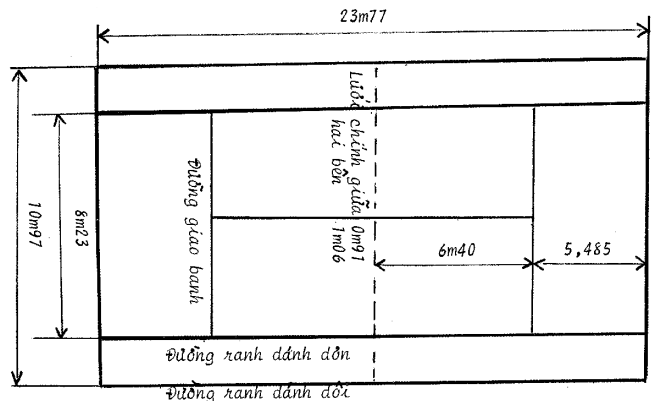
Chữ này bắt nguồn từ chữ Pháp là "Tenez" của động từ "tenir" có nghĩa là cầm giữ. Thời Trung Cổ, vào thế kỷ thứ 14, những vị Thầy tu trong các Tu viện, trong lúc nhàn rỗi, thường ra sân dùng một vật tròn, người A ném qua người B chụp giữ, xong lại ném qua cho người C, v.v... và v.v... để cho giãn gân giãn cốt. Lần lượt theo thời gian chữ "Tenez" nói thành "Tennis". Rồi cũng theo thời gian 200 năm sau người ta dùng vợt và lưới phân chia hai phần sân cho hai đối thủ và trái banh bằng cao-su.

Sân Tennis cải tiến như hiện giờ phát xuất từ Anh do những người thợ cắt cỏ phát minh. Do đó trước kia bên Anh sân Tennis đều là sân cỏ. Bây giờ có 4 loại sân:

- 1/- Sân cỏ
- 2/- Sân xi-măng
- 3/- Sân cát
- 4/- Sân lót bằng một chất nhựa hóa học cứng.

Kích thước sân Tennis

Chiều dài 23,77 mét; ngang 10,97 mét. Bên trong được phân chia theo hình vẽ như dưới đây:



Trái banh

Hình tròn đường kính 6,5 cm, nặng từ 57 đến 58 gram, trong làm bằng cao-su, ngoài bọc một lớp nilon để giảm tốc độ của trái banh, màu trắng hoặc màu vàng. Theo luật của Tổng Cuộc Quần Vợt Thế Giới thì trái banh khi để một độ cao 254 cm thả xuống một mặt phẳng bằng bê-tông, trái banh tung lên một độ cao không dưới 134,62 cm và không quá 147,32 cm. Do đó những trái banh được thay thế sau khi đánh 7 ván.

Cái Vợt

Khởi thủy, người ta dùng bàn tay, nhưng theo đà văn minh sáng tạo, bàn tay được thay thế bằng một miếng gỗ. Từ một miếng gỗ, người ta khoét một lỗ bên trong và đan bằng chỉ sợi để trái banh khi đụng dội lại. Từ chỉ sợi được thay thế bằng gân thú vật. Hiện giờ theo đà tiến bộ, người ta chế tạo cái vợt, sườn

bằng một kim loại đặc biệt rất nhẹ và rất chắc, còn lưới bằng gân thú được thay thế bằng dây nylon đặc biệt, rất bền và độ co giãn được giới hạn tùy theo độ căng. Quá trình thay đổi như trên phải trải qua một thời gian khá dài gần 7 thế kỷ !

Ngày xưa "Tenez" hay "Tennis" là một môn thể thao thuần túy, nhưng lần đầu tiên người ta đánh ăn tiền. Trước năm 1975, người viết cũng đánh Tennis, lần nào ra sân cũng phải đánh độ ít nhất là một "Râu" (50 đồng). Nếu không đánh ăn tiền thì không ai cấp độ với mình. Hiện giờ môn Tennis là một môn hái ra tiền. Rất nhiều người giàu có bỏ tiền đầu tư bằng cách gửi con vào các trường dạy Tennis để hy vọng con mình sẽ trở thành ngôi sao quần vợt thì chẳng mấy chốc sẽ trở thành triệu phú ! Trường hợp điển hình là anh Peter Sampras, mười mấy năm cầm vợt, nợ tiền thắng giải là 43 triệu Mỹ kim (chưa kể tiền quảng cáo lên đến cả 100 triệu Mỹ kim). Anh André Agassi, Boris Becker, cô Graf Steffi, hai chị em cô Williams v.v... Gia tài mỗi người không dưới 50 triệu Mỹ kim !

Vì lý do này mà trong làng quần vợt hiện giờ chúng ta thấy xuất hiện những tay vợt rất trẻ, có tài, bên Nam cũng như bên Nữ, đang làm điều đúng các bậc đàn Anh, đàn Chị đã và sẽ thay thế họ trong một tương lai không xa.

• NHỮNG CÂY VỢT TRẺ ĐANG LÊN

Nữ

Hai chị em Williams (Mỹ), cô Kim Clijsters (Bỉ), Justine-Hemin-Hardenne (Bỉ), Daniela Hantuchova (Slowakei) v.v...

Nam

Anh Roger Federer (Thụy Sĩ), Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha), Guillermo Coria (Á Căn Đình), Augustin Calleri (Á Căn Đình) v.v...

• GIẢI GRAND SLAM AUSTRALIA OPEN

(từ 13 đến 26.01.2003)

◆ NỮ

Chung kết: Hai chị em gia đình Williams - Cô em Serena Williams hạ cô chị Venus Williams với tỷ số 7:6, 3:6, 6:4. Cả hai nhận 2 tấm ngân phiếu trên 1 triệu Mỹ kim !

◆ NAM

Chung kết: André Agassi (Mỹ) hạ dễ dàng Rainer Schüttler (Đức) với tỷ số 6:2, 6:2, 6:1. Trong giải này, Agassi đã hứa là nếu anh đoạt giải, thì giải Grand Slam French Open anh và vợ anh là cô Graf Steffi sẽ đứng cặp đôi Nam Nữ tranh giải. Nhưng rất tiếc là hiện giờ cô Graf Steffi mang thai nên dự định này bị hủy bỏ !

• GIẢI GRAND SLAM FRENCH OPEN

(từ 26.5 đến 07.06.2003)

Vì phải nộp bài cho Tòa Soạn để kịp ấn loát nên giải này Người Giám Biên không tường thuật được, xin hẹn lại số báo sau.

• CHANG, GIÃ TỬ PARIS

Trước đây 14 năm (1989) một người Mỹ gốc Đài Loan mới có 17 tuổi 3 tháng đã đoạt giải vô địch Grand Slam French Open. Anh là tay vợt trẻ tuổi nhất trong lịch sử quần vợt đã đoạt giải Grand Slam.

Anh đã hạ cây vợt số 1 thế giới, anh Ivan Lendl (Tiệp) với tỷ số 4:6, 4:6, 6:3, 6:3, 6:3 trận đấu lịch sử kéo dài 4 giờ 43 phút !

Ngày 26.05.2003, trong một trận đụng với anh Fabrice Santoro (Pháp) ở vòng đầu, Chang đã bị thua 3 ván liền. Sau

đó, anh tuyên bố giã từ French Open trong nghẹn ngào nước mắt. Anh nói:

"Trong đời cầm vợt của tôi, tôi chỉ có 2 lần khóc. Hai lần đều tại sân này.

Lần 1, tôi khóc khi tôi hạ anh Ivan Lendl tại sân Roland Garros - Paris.

Lần 2, tôi khóc khi tôi giã từ các bạn cầm vợt và khán giả cũng tại sân Roland Garros - Paris".

Trong đời cầm vợt của anh, anh đã thắng nhiều trận và đã nhận được tiền thắng giải độ 19 triệu Mỹ kim. Hiện giờ anh tuốt xuống hạng dưới 100. Anh cho biết là anh cảm thấy đời cầm vợt của anh sẽ chấm dứt trong ngày gần đây. Có thể là sau giải Grand Slam US Open, anh sẽ tuyên bố giải nghệ.

HAI BỘ MẶT MỘT KIẾP NGƯỜI



1989- Chang cười khi nhận Cúp !



2003- Chang khóc khi rời sân!

MƯỜI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(có giá trị đến ngày 01.06.2003)

Nữ:

1. Serena Williams (Mỹ)
2. Kim Clijsters (Bỉ)
3. Venus Williams (Mỹ)
4. Justine-Hemin-Hardenne (Bỉ)
5. Amelie Mauresmo (Pháp)
6. Lindsay Davenport (Mỹ)
7. Jennifer Capriati (Mỹ)
8. Chanda Rubin (Mỹ)
9. Daniela Hantuchova (Slowakei)
10. Anastasia Myskina (Nga)

NAM :

1. André Agassi (Mỹ)
2. Roger Federer (Thụy Sĩ)
3. Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha)
4. Rainer Schüttler (Đức)
5. Guillermo Coria (Á Căn Đình)
6. Carlos Moya (Tây Ban Nha)
7. Augustin Calleri (Á Căn Đình)
8. Felix Mantilla (Tây Ban Nha)
9. Andy Roddik (Mỹ)
10. Gustavo Kuerten (Ba Tây)

Nhận thức về một số suy luận mới về sử liệu Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU:

Thời gian gần đây, trên nhiều đặc san ấn hành ở Âu Mỹ, có nhiều bài nói đến vài giai đoạn thuộc thời tiền sử Việt Nam. Gọi là suy luận mới nhưng thật sự cũng chỉ lặp lại những huyền thoại mơ hồ của sách Lĩnh Nam Chích Quái kèm thêm lập luận hay giải thích riêng tư không dựa vào sử liệu khiến người đọc càng hoang mang thêm. Trên các đặc san đó đã có những đề tài như sau:

- 1- Dân tộc Việt Nam là hậu duệ của Thần Nông Viêm Đế bên Tàu.
- 2- Sự hiện diện của nhân vật Kinh Dương Vương ở thời tiền sử
- 3- Giải thích về định nghĩa của danh xưng Việt.
- 4- Giải thích về danh xưng Bách Việt và lập luận về một đại tộc Bách Việt.
- 5- Lập luận nói rằng địa bàn hoạt động của dân tộc Bách Việt từ hồ Động Đình đến vịnh Thái Lan.
- 6- Giải thích danh xưng Lạc Việt và đưa ra lập luận về địa bàn sinh hoạt của dân Lạc Việt ở Hoa Nam và Lương Quảng, và chủ trương nói rằng Lạc Việt là một thành phần của nhóm Bách Việt.
- 7- Thục Phán là người nước Ba Thục.
- 8- Cương giới nước Văn Lang từ biên giới nước Hồ Tôn tới hồ Động Đình.
- 9- Danh xưng "BẢ TRIỆU ẤU"

*

Đối với những lập luận nói trên xin có những lời góp ý sau đây (để khỏi lẫn lộn Việt này với Việt kia, tác giả dùng danh xưng người Việt nam để chỉ Tổ Tiên ta mặc dầu thời đó chưa có tên đó).

1- DÂN TỘC VIỆT NAM KHÔNG PHẢI LÀ HẬU DUỆ CỦA THẦN NÔNG VIÊM ĐẾ BÊN TÀU

Trung Hoa có rất ít sách nói về Thần Nông. Chuyện dễ hiểu vì đối với dân Trung Hoa các nhân vật thời Tam Hoàng đều được liệt thuộc về huyền sử Trung Quốc nghĩa là chưa chắc đã có thật. Tuy vậy trong số ít sách có nói đến Thần Nông như sách Đế Vương Thế Kỳ của Hoàng Phủ Mật, Cổ Sử Khảo của Tiêu Chú, Thông Giám Thế Kỳ của Lưu Thủ đều thống nhất ở điểm **Dòng Họ Thần Nông Chỉ Truyền Được Tám Đời và Đến Đời Thứ Tám Của Đế Du Vông thì bị Hiên Viên làm cho Tuyệt Tụ**. Ngay những sách cổ đời Chu như Kinh Dịch, Lễ Ký, đời Tần Hán như Sử Ký, Lã Thị Xuân Thu đều không thấy nhắc gì đến Thần Nông. Tư Mã Thiên (145-76 trước Tây lịch) không ghi đời Tam Hoàng vào Sử Ký mà chỉ bắt đầu từ Ngũ Đế trở đi. Về sau Tư Mã Trinh đời Đường (618-907) mới thêm phần Tam Hoàng vào sách Sử

Ký và cũng nói rõ dòng họ Thần Nông đến Đế Du Vông gồm tám đời được 530 năm thì bị Hiên Viên nổi lên giết sạch.

Không có sách sử Trung Hoa nào kể chuyện Đế Minh tuần thú phương Nam rồi sinh ra Lộc Tục. Việc dễ hiểu là vào thời này lãnh địa cai trị của Tam Hoàng đang ở lưu vực sông Hoàng. Vậy thử hỏi nếu dòng họ Thần Nông đến Đế Du Vông đã bị tuyệt tộ thì làm sao về sau lại có thể có được những tiền nhân của dân tộc Việt Nam ngày nay được ?

2- SỰ HIỆN HỮU CỦA NHÂN DÂN KINH DƯƠNG VƯƠNG Ở THỜI TIỀN SỬ

Như đã nói trên là không có sách sử Trung Hoa nào nói đến việc Đế Minh du ngoạn phương Nam, sinh ra Kinh Dương Vương để rồi dòng họ Thần Nông càng ngày càng đông thành trăm tộc Bách Việt như thấy kể trong truyện Hồng Bàng Thị của sách Lĩnh Nam Chích Quái. Chính Ngô Sĩ Liên người từng sao chép chuyện Hồng Bàng Thị vào sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư cũng từng nghi ngờ và cũng là người đầu tiên nêu lên ý kiến cho rằng: chuyện Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân là phỏng theo chuyện Liễu Nghị chép trong sách Đường Kỳ (**Đại Việt Sử Ký Toàn Thư**: Ngoại Kỳ, Hồng Bàng kỳ, q.1 - tờ la bản Hv.118 của Thư viện Sử Học). Các sử gia triều Nguyễn, tác giả sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục trong Bản Tấu Nghị Lên Vua Tự Đức: "*Vai vế Kinh Dương Vương trong truyện Hồng Bàng Thị hoàn toàn hoang đường không thể có thật và ngày xưa Trần Thế Pháp đã phỏng theo truyện Liễu Nghị ở sách Đường Kỳ của Lý Triều Uy người đất Lũng Tây đời Đường để dựng lên nhân vật Kinh Dương Vương trong truyện Hồng Bàng Thị*". Như thế đủ rõ nhân vật Kinh Dương Vương không hề có thật trong tiền sử Việt Nam mà chỉ là danh xưng của một nhân vật truyện Tàu được hư cấu lên vì thế có thể hiểu vì sao các sử gia xưa đều nhất trí không công nhận Kinh Dương Vương là vị vua đầu tiên dựng nước ta mà chỉ kể từ các vua Hùng.

Cũng nên nhớ rằng không một truyền thuyết dân gian nào từ xưa lưu lại có nhắc đến một nhân vật tên là Kinh Dương Vương. Trái lại truyền thuyết dân gian chỉ nhắc đến một Mẹ Âu đã đưa nửa số con của mình từ Phong Châu lên vùng Hạ Hòa để bày cho con cái, trồng cây lương thực, trồng mía, trồng dâu, nuôi tằm; hoặc một CHA Lạc dẫn nửa số con còn lại rời Phong Châu xuống miền Châu Nhai để cùng nhau đắp đê ngăn nước để tranh giành đất đai với biển cả hòng mở rộng địa bàn trồng lúa nước. Danh xưng Kinh Dương Vương không hề thấy có trong các truyền thuyết dân gian.

Ngoài ra có một điểm vô lý nữa là: Theo truyện Hồng Bàng Thị thì cha của Kinh Dương Vương là Đế Minh là cháu ba đời của Viêm Đế Thần Nông. Như vậy Kinh Dương Vương là huyền tôn hay chắt của Viêm Đế. Nhưng theo

sách **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** chép lại từ Lĩnh **nam Chích Quái** thì Kinh Dương Vương cai trị nước Xích Quỷ từ năm 2879 trước TL. Còn sử Trung Hoa lại ghi thời gian trị vì của Viêm Đế là từ năm 2737-2697 nghĩa là huyền tôn Kinh Dương Vương trị vì 142 năm trước Cao Tổ Viêm Đế tức là một việc không thể xảy ra trong thực tế.

Như vậy đủ thấy rõ danh xưng Kinh Dương Vương được lấy từ thư liệu Trung Hoa để tạo ra một nhân vật nổi lên tiền sử Việt Nam lên đến Thần Nông Viêm Đế. Vì vậy trong thực tế lịch sử dân tộc Việt Nam không hề có nhân vật Kinh Dương Vương. Đây là do lòng tự hào dân tộc lối nhà Nho, Trần Thế Pháp đã tạo dựng như vậy để chứng tỏ vua chúa Việt Nam cũng có nguồn gốc về vang không kém gì nguồn gốc thần thánh của các vua thời Tam Đại ở Trung Hoa. Nếu dân Trung Hoa thuộc dòng dõi Hoàng Đế thì dân Việt Nam cũng là con cháu Thần Nông, cũng thuộc Tam Hoàng cả, ai nào kém ai.

3- ĐỊNH NGHĨA CỦA DANH XÚNG VIỆT

Từ trước đến nay cũng đã có nhiều người viết về sử cố gắng giải thích danh xưng Việt. Người thì chủ trương viết phải được viết theo bộ mẹ mới đúng vì chữ Việt được dùng để chỉ một dân tộc sống chuyên về nông nghiệp. Người thì nói Tàu viết chữ Việt theo bộ tẩu là có ý khinh miệt dân tộc ta. Có người thì cho rằng Tàu dùng chữ Việt để gọi rợ Đông Di chuyên dùng rìu xéo là vũ khí.

Vậy thật sự danh xưng Việt có định nghĩa như thế nào?

Ngày xưa giới trí thức nhà Chu quan niệm rằng chỉ lưu vực sông Hoàng vùng họ ở là trung tâm của văn minh, còn những dân cư xung quanh đều là lạc hậu mà họ gọi chung là TỬ DI bao gồm: Đông di, Tây nhung, Bắc dịch và Nam man. Đối với những bộ lạc sống ở vùng Nam man mà họ không mấy biết và cho rằng những bộ lạc này có lối sống hỗn độn. Nên người nhà Chu dùng từ Việt, có nghĩa là Vượt để gọi những dân tộc người ở vùng Nam man này mà họ cho "có lối sống Vượt ra ngoài vòng lễ giáo của nhà Chu". Như thế danh xưng Việt do người thời nhà Chu dùng đầu tiên và chỉ có nghĩa đơn giản như vậy.

4- GIẢI THÍCH VỀ DANH XÚNG BÁCH VIỆT

Đến đời Xuân Thu người Xuân Thu lại dùng từ Việt để chỉ nước của Câu Tiễn. Đến khi Tư Mã Thiên viết sử, ông chú ý đến những tộc dân vùng Nam man này hiện có nếp sống khác hẳn dân Hồ Hán ở phương Bắc nhưng lại có một số nét giống lối sống của dân nước Việt của Câu Tiễn nên Tư Mã Thiên đã biến từ Việt, một danh từ riêng để chỉ nước của Câu Tiễn thành một danh từ chung để gọi chung những tộc người đang sống ở vùng Nam man này; ông gọi chung họ là *bách Việt*. Từ *bách* ở đây chỉ có nghĩa là nhiều. Bách Việt là nhiều tộc Việt chứ không có nghĩa là trăm tộc Việt. Sở dĩ Tư Mã Thiên gọi là nhiều tộc Việt chứ không gọi là một tộc Việt vì đây là nhiều bộ tộc khác nhau từ trình độ văn hóa và không cùng chung một huyết tộc hoặc ngôn ngữ. Tình trạng này cũng từng được sách Hậu Hán Thư xác nhận.

Cũng cần lưu ý là trong số 30 thiên của sách Sử Ký, Tư Mã Thiên đã đặc biệt dành 5 thiên để nói về những bộ tộc Việt này: từ nước Việt của Câu Tiễn đời Xuân Thu, các nước Đông, Âu, Mân Việt trước thời Tần Hán cho đến các nhóm Việt ở Lĩnh Nam và khu vực sông Phần, nói chung số lượng danh xưng các bộ tộc mà ông nêu ra không quá con số 20.

Sử gia La Bí đời Tống trong sách Lộ Sử cũng quả quyết rằng nhóm Bách Việt chỉ gồm khoảng Hai Mươi Tộc khác nhau từ huyết tộc đến trình độ văn hóa.

Suốt một thời gian dài sau đó từ Việt chỉ còn được dùng để chỉ dân cư ở miền nam và để phân biệt dân này với dân Hồ, Hán ở phương Bắc. Đến thời kỳ Hán Vũ Đế với âm mưu bành trướng xuống phương Nam đã cho phổ biến chủ trương rằng dân cư phương Nam đều chung dòng giống Bách Việt tức là dân của THIÊN TRIỀU và nơi nào có người Việt ở thì nơi đó thuộc lãnh thổ của Thiên Triều. Kế sau đó Hán Vũ Đế đưa quân tiến đánh miền Nam.

Nhiều người viết sử thời nay đã vô tình căn cứ vào những thư liệu giả tạo này đưa ra giả thuyết nói rằng địa bàn hoạt động của tộc Việt đến tận Vịnh Thái Lan hoặc nói con cái Lạc Long Âu Cơ chia nhau lập nghiệp đến tận Mã Lai.

Nói tóm lại trong lịch sử không hề có một đại tộc Việt.

5- NGUỒN GỐC CỦA DANH XÚNG LẠC VIỆT

Lạc Việt là gì ? Nhiều người đã cố gắng giải thích danh xưng này. Có người nói rằng Lạc là biến âm của từ LÃO, tên xưa của các bộ tộc Choang ở Hoa Nam. Có người thì nói rằng Lạc là danh họ tự xưng và Lạc là âm cuối của từ LAI của danh xưng Mã Lai đọc trại đi. Những suy luận như vậy hơi vu vơ vì không dựa vào một tài liệu gì đích xác cả.

Học giả Đào Duy Anh thì nói rằng từ Lạc để chỉ dân Việt Nam xưa thường lấy chim Lạc làm vật tổ. Nhưng lịch sử cũng từng cho biết rằng dân Việt Nam xưa không chỉ lấy chim Lạc làm vật tổ mà còn nhiều thú khác nữa. Và lại chữ Lạc có nhiều nghĩa. Lạc có thể là con chim nước ô bạo. Theo sách Quảng Vân đời Tống thì Lạc là con cú mèo hoặc có thể là con ngựa trắng bờm đen. Với những định nghĩa ấy từ Lạc đi kèm với từ Việt chẳng diễn tả được gì cả.

Vậy muốn hiểu rõ nghĩa đúng của danh xưng Lạc Việt thì trước hết nên tìm hiểu nguyên do xuất hiện của từ Lạc:

Từ Lạc xuất hiện từ một đoạn văn trong sách Trung Hoa **Giao Châu Ngoại Vực Ký** từng được ghi lại trong sách **Thủy Kinh Chú**: "*Thời xưa lúc Giao Chỉ chưa thành quận huyện, thì ruộng đất có ruộng Lạc, ruộng ấy theo thủy triều lên xuống mà làm. Dân khẩn ruộng ấy mà ăn nên gọi là Lạc Dân*".

Tăng Cổn, Thứ sử Giao Châu đời Đường viết trong sách Việt Chí: "*Giao chỉ có Lạc điền, theo nước triều lên xuống mà làm*".

Tư Mã Quang trong sách **Tự Trị Thông Giám** hay Tư Mã Trinh trong sách **Quảng Châu Ký** đều ghi: "*Giao Chỉ có ruộng Lạc, dân sống bằng ruộng đó, theo thủy triều lên xuống mà cày cấy nên gọi là Lạc Dân*".

Trong sách **An Nam Chí**, Cao Hùng Trung đời Minh có ghi: "*Giao Chỉ khi chưa được chia thành quận huyện, có ruộng Lạc theo thủy triều lên xuống, khai khẩn ruộng đó là Lạc Dân*".

Như thế các tác giả trên đây đã giải thích rõ ràng nguyên do xuất hiện của từ Lạc cũng như đã minh định rõ Lạc Dân là dân nước Giao Chỉ ở Bắc Phần Việt Nam ngày nay chứ không phải ở nơi nào khác.

Bây giờ hãy tìm định nghĩa của từ Lạc.

Kỳ điền tòng triều thủy thượng hạ.

(Ruộng ấy theo thủy triều lên xuống)

(Giao Châu Ngoại Vực Ký)

Quán điền tòng thủy triều thượng hạ
(Tháo nước vào ruộng theo nước triều lên xuống)
(Gia Chi thành ký)

Ruộng dựa vào nước thủy triều lên xuống là ruộng chỉ có thể cày cấy vào dịp nước rút hay nước rặc. Loại ruộng này theo ngôn ngữ xưa ở miền Bắc Việt Nam thường được gọi là *ruộng Rặc*.

Rặc là do biến âm của tiếng Việt-Mường xưa RÁC có nghĩa là NÚ C. Nên nhớ rằng những từ Việt-Mường xưa qua nhiều thời gian đã nhiều lần biến âm để trở thành tiếng Việt Nam ngày nay. Quy luật biến đổi phụ âm trong tiếng Việt Nam và luật đối ứng ngữ âm giữa tiếng Việt Nam và tiếng Mường thường cho thấy nhiều biến đổi, ví dụ như:

a	thành	ă	dàng	thành	dằng
ô	thành	a	hột	thành	hạt
			rột	thành	rạt
r	thành	n	rác	thành	nát (1)
a	thành	ơ	nác	thành	nước

(1) tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, dân địa phương vẫn còn nói NÁC thay cho NÚ C

Trong hệ thống âm vị tiếng Hán không có âm R và người Trung Hoa thường dùng âm L để thay thế cho âm R này, nên có thể vì vậy mà

RỘC → RẠC → LẠC :

Như vậy LẠC ĐIỀN là RUỘNG NƯỚC, lạc dân là dân làm ruộng nước. Từ thời Hán Vũ Đế từ Việt dùng để chỉ dân phương Nam nên Lạc Việt có nghĩa là dân phương nam chuyên làm ruộng lúa nước. Định nghĩa của danh xưng Lạc Việt như vậy rất phù hợp với lời giải thích trong các sách **Giao Châu Ngoại Vực Ký** hay **Giao Châu Thành Ký**.

6- ĐỘC NHẤT CHỈ CÓ DÂN LẠC Ở GIAO CHỈ ĐẶC CHUYỀN TRỒNG LÚA NƯỚC

Vừa rồi có bài báo nói rằng dân Bách Việt ở Lương Quảng đã có nền văn hóa ổn định trồng lúa nước. Đó là một sai lầm lớn vì vào thời này miền Nam Trung Hoa đang sống theo nền nông nghiệp trồng khô với những cây lương thực như túc, cao lương và mạch. Sử liệu Trung Hoa cũng từng cho biết chỉ độc nhất có dân Lạc ở Giao Chỉ đang sống theo ngành nông nghiệp tưới nước mới đặc chuyên trồng lúa nước. Các thư tịch cổ Trung Hoa như sách **Tự Trị Thông Giám**, **Quảng Châu Ký**, **An Nam Chí** hoặc **Giao Châu Ngoại Vực Ký** đều đồng nhất cho biết rằng ở GIAO CHỈ LÚC CHƯA Bị Đô Hộ, dân cư ở đó chuyên trồng lúa nước nên đã được Trung Hoa gọi là dân Lạc.

Ngay ngành khảo cổ nghiên cứu về Đông Nam Á cũng công nhận rằng đến giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên (khoảng 4000 năm + - 100 năm cách ngày nay), việc trồng lúa nước ở Bắc Phần Việt Nam đã thành loại hình kinh tế chính trong khi nhiều cư dân Á Châu chưa biết đến việc trồng lúa và theo các nhà dân tộc học vào thời đó cây lúa chưa phải là loại cây trồng điển hình của nông nghiệp cổ xưa của Trung Hoa. Nhiều sách Trung Hoa xưa như **Thái Bình Quảng Ký**, **Phiên Ngung Tạng Ký** (đời Đường), **Hưng Hóa Chí**, **Dương Vật Chí** và ngay cả **Thủy Kinh Chú** đều

công nhận nền công nghiệp đặc thù trồng lúa nước ở Giao Chỉ của loại dân mà vì thế được gọi là dân Lạc. Sách **Đạo Phẩm** của Hoàng Tĩnh Tăng đời Minh còn kể rõ chuyện vua nhà Tống sai sứ đem châu báu sang nước ta để Đổi Lấy lúa gạo mà dân trung hoa chưa trồng được.

Nhiều thư tịch còn nói rõ sau khi Mã Viện thắng Hai Bà Trưng xong đã cho đầy hàng chục ngàn dân của hai huyện Mê Linh và Chu Diên trung thành với Hai Bà, sang lưu vực miền Nam sông Dương Tử hoặc Lương Quảng thì chính những người dân Lạc bị lưu đầy này đã phổ biến lối trồng lúa nước ở vài nơi ở miền Nam Trung Hoa.

Cũng trong bài báo đó có thêm câu: "*theo cổ sử Tàu dân Lạc Việt vùng Lương Quảng còn giữ được các biệt sắc chung của chủng Mã Lai như xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trâu, áo gài nút bên trái*". Đây là một sai lầm nữa vì ngày xưa không một cư dân nào ở miền Nam Trung Hoa có xăm mình chỉ có cư dân nước Văn Lang mới phải xăm mình để khỏi bị thủy quái sát hại khi hằng ngày họ phải lội nước đắp đê, tranh giành đất đai với biển cả để mở rộng địa bàn trồng lúa nước vì thế dân nước này được gọi là VĂN LANG có nghĩa là nước của những người xăm mình. Nếu dân Lương Quảng cũng có xăm mình thì nước ta đâu có tên Văn Lang. Cũng nên nói rõ là dân miền Nam Trung Hoa tuy có ăn trâu **nhưng không có nhuộm răng đen**. Nhờ thế dưới thời bị đô hộ Tồ Tiên người Việt Nam nhuộm răng đen để tự phân biệt mình với dân Hán tộc.

7- DẦU NGÀY XUA ĐƯỢC GỌI LÀ LẠC VIỆT; DÂN TỘC VIỆT NAM KHÔNG BAO GIỜ CÔNG NHẬN MÌNH NGÀY XUA THUỘC NHÓM BÁCH VIỆT

Các sử gia danh tiếng xưa như Lê Văn Hưu, Lê Tắc, Ngô Thì Sĩ đều phủ nhận cái gọi là nguồn gốc Bách Việt. Trong sách **Địa Lý Chí**, Nguyễn Trãi cũng đã nói rõ là "*ông không thừa nhận việc nước Nam ta xưa nằm trong địa phận chín châu ở Trung Hoa*". Các sử gia triều Nguyễn, tác giả bộ **Khâm Định Việt Sử** cũng cho là chuyện hoang đường bỏ qua không nhắc đến.

Ngay trong sách **Sử Ký**, Tư Mã Thiên đã đặc biệt dành 5 thiên để nói về người Việt: Từ nước Việt của Câu Tiễn đời Xuân Thu, các nước Đông, Âu, Mân Việt trước thời Tần Hán, từ nước Nam Việt thời Tần Hán đến các nhóm Việt ở Lĩnh Nam và ở khu vực sông Phần. Tuyệt nhiên không thấy ông nói đến bộ tộc người mà sau này gần mấy trăm năm sau đến thời Ban Cố, người Hán gọi là Lạc Việt. Một khi Tư Mã Thiên không nói đến dân Lạc (Lúc đó đã hiện diện ở Bắc Phần Việt Nam) thì cũng nên hiểu rằng dân Lạc không hề thuộc nhóm Bách Việt.

Lịch sử các dân tộc láng bang với Việt Nam cũng cho biết rằng ngày xưa dân tộc Việt Nam được hình thành do một hợp chủng tại chỗ giữa các bộ tộc KEO (mà Trung Hoa gọi là người Âu) từ núi rừng tiến xuống trung châu cùng với người DOAN từ vùng sông Mã và cận biển tiến lên. Khảo cổ học ngày nay cũng công nhận dân tộc Việt Nam được hình thành do sự *hợp chủng tại chỗ* của nhiều loại hình nhân chủng, đặc biệt là loại hình nhân chủng Indonesien-cổ và loại Austromélanésien. Truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên cũng có nghĩa đó. Chính nhờ có nguồn gốc tại chỗ như thế nên dân tộc Việt Nam đã tạo cho mình một sức sống mạnh

mê dèo dai để không bị tiêu diệt hay bị đồng hóa như các bộ tộc từng thuộc nhóm Bách Việt ở Trung Hoa.

Do rõ mình có cội nguồn tại bản địa như vậy nên trong suốt và sau thời bị Bắc thuộc trong nhân dân Việt Nam đã có hình thành Thế đối kháng bắc Nam, nên người Việt Nam thời xưa (ngoại trừ những người Nam nhân Bắc hướng từng chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho) không bao giờ chịu chấp nhận nước Trung Hoa là Nước ở giữa và triều đình Trung Hoa là Thiên Triều. Người Việt Nam chỉ gọi nước Trung Hoa là *Bắc Quốc*, người Trung Hoa là *Bắc Nhân* và vua Trung Hoa là *Bắc Đế*. Một khi đã lấy Trung Hoa làm chuẩn mực đối sánh, tiền nhân người Việt Nam ngày nay đã hình thành "Khái niệm NAM" nên đã tự gọi mình là NAM NHÂN, nước mình là NAM QUỐC và vua mình là NAM Đ.

Vì vậy từ thời thượng cổ cho đến cận đại, dân tộc mà ngày nay bị gọi là Việt Nam này **không bao giờ chịu nhận mình là người Việt** và từ xưa cho đến nay **luôn luôn tự xưng mình là dân Nam, nước mình là nước Nam** (cho đến năm 1945).

Bằng cứ là:

Chính Trung Hoa cũng từng nhận tên nước ta là nước NAM. Vào năm 679, sau khi chiếm nước ta để sát nhập vào Trung Hoa đã gọi là "**an Nam đô hộ phủ**" (1), nước Nam đã được bình định trở thành một phủ của nước Trung Hoa.

- năm 544, sau khi chiến thắng quân đô hộ nhà Đường, Lý Bí tự xưng mình là Lý Nam Đế (Vua nước NAM).

Trong bản hiệu triệu nhân tài đầu quân khởi nghĩa chống quân nhà Đường xâm lược, Mai Thúc Loan đã nêu mục đích là *để dân NAM đời đời hưởng phúc*.

Để khích lệ tinh thần kháng chiến của quân dân chống quân xâm lăng nhà Tống, tướng Lý Thường Kiệt từng nói lên những lời bất hủ:

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

...

Trước mọi thủ đoạn đe dọa dụ dỗ của quân Nguyên, tướng Trần Bình Trọng, tuy bị sa cơ vào tay địch, vẫn hiên ngang thét: "*Ta thà làm quỷ nước NAM, chớ không thèm làm vương đất Bắc*".

Thư liệu lưu lại cũng từng kể lại rằng những người lính già từng phục vụ trong quân đội xâm lăng nhà Nguyên từng bao lần nếm mùi thất bại ở NÚ C NAM, đều mang tâm trạng bi đát mỗi lần được lệnh xuất quân sang nước NAM, đã được nhà thơ Trung Nguyên diễn tả tâm sự:

"*Lính già từng trải mùi chinh chiến,
Nghe nói NAM chinh ủ mặt mày*"

Năm 1789, trong lời dụ tướng sĩ tại Thanh Hóa, trước khi tiến quân về Thăng Long, Hoàng đế Quang Trung đã từng tuyên bố quyết tâm đánh bại quân nhà Thanh: "*Đánh cho sứ tri NAM QUỐC anh hùng chi hữu chủ*".

(1) người Tàu nói **an NAM** là có ý nói "NƯỚC NAM đã được BÌNH ĐỊNH". Chữ **AN** đứng trước chữ Nam vì theo ngũ hệ Hán, tính từ khi nào cũng đứng trước danh từ. Trong khi nhà Đường muốn nói là *nước Nam đã được bình định thành một đô hộ phủ của Trung Hoa* thì các nhà Nho xưa của ta lại hiểu lầm rằng nhà Đường đặt tên mới cho nước ta là An Nam. Đến thời có chữ quốc ngữ danh xưng này được viết thành "AN-NAM". Người Pháp thấy thế bèn gọi dân ta là ANNAMITE nên người mình hiểu biết tự thấy nhục nhã khi bị gọi là annamite.

Năm 1802 vì cần gấp sự thừa nhận ngoại giao của Trung Hoa, sứ thần của vua Gia Long đành chấp nhận quốc hiệu Việt Nam, nhưng đến năm 1820, vua Minh Mạng ban chiếu phế bỏ quốc hiệu Việt Nam với lý do rằng việc gán ép cho nước ta quốc hiệu Việt Nam chứng tỏ triều đình Trung Hoa vẫn còn áp ủ mộng bành trướng xuống phương Nam của Hán Vũ Đế *nay vì danh dự chung của DÂN NAM không thể chấp nhận việc quốc hiệu NÚ C NAM lại do ngoại bang áp đặt*. Tiếp đó là chiếu công bố quốc hiệu nước ta là Đại Nam và từ thời vua Minh Mạng cho đến thời vị Hoàng đế cuối cùng của nhà Nguyễn là Bảo Đại (1945), dân ta chỉ biết mình là dân NAM, nước mình là nước Đại Nam. Ngoài ra ai cũng biết cho đến tháng tư năm 1945 lễ nhạc Đăng Đàn Cung được xem như là quốc ca thời cận đại (thời triều Nguyễn) cũng khởi đầu bằng câu: "Đây Nước Nam hùng vĩ trời nam...".

Năm 1945 sau khi quân đội Nhật Bản lật đổ thực dân Pháp và việc vua Bảo Đại đề cử ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng không được Nhật đồng ý, vua Bảo Đại đành chấp nhận nhà thám nho Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng thì quốc hiệu VIỆT NAM từng bị triều đình Minh Mạng bác bỏ lại được đem ra sử dụng trở lại và sau đó chính phủ miền Nam cũng như miền Bắc mãi lo chinh chiến cũng như dân nước Nam làm than điều linh trong cảnh chiến tranh dai dẳng cũng không buồn nghĩ đến cái quốc hiệu ngoại lai được gán cho nước mình. Từ đó chiến tranh ở nước ta đã làm ngoại quốc biết đến cái quốc hiệu mới Việt Nam và mỗi người dân Nam lại được gọi là người Việt.

8- LAI LỊCH NƯỚC NAM VIỆT

Năm 214 trước TL, nhà Tần xưa quân xâm chiếm vùng lãnh thổ ở phía Nam sông Trường, rồi chia lãnh thổ này ra thành quận Nam Hải (Quảng Đông), Mân Trung (Phúc Kiến), Quế Lâm (Bắc Quảng Tây) và Tượng (Tây Quảng Tây và nam Quý Châu). Đến năm 207 trước TL nhân nhà Tần bị suy yếu, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để gây thanh thế và có chỗ dựa để tranh giành quyền bá chủ với các nhóm phản loạn khác, Triệu Đà nổi lên chiếm cứ các quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng. Sau khi lập nước Nam Việt xong Triệu Đà mới phát quân thôn tính Âu Lạc. Sau khi chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà chia Âu Lạc ra làm hai quận Giao Chỉ (Bắc Phần Việt Nam) và Cửu Chân (Bắc Trung Phần Việt Nam). Như vậy lãnh thổ nước Nam Việt của Triệu Đà chỉ có 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân mới đúng là đất của tiền nhân người Việt Nam.

9- LAI LỊCH CỦA THỰC PHÁN

Trên một số tạp chí ở hải ngoại có những bài nói về lai lịch của Thực Phán. Phần nhiều tác giả các bài này đều trích dẫn hoặc sử liệu Trung Hoa, hoặc sách **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên hoặc ngay cả sách **Nguồn Gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam**. Tuy vào đề có khác nhau chút ít nhưng cũng đều đi tới kết luận là *Thực Phán là con của vua nước Ba Thục, Ba Thục bị nước Tần chiếm. Thực Phán chạy sang nước Tây Âu rồi mộ quân nước Tây Âu, rồi kéo quân xuống đánh nước Văn Lang*.

Về An Dương Vương, sách **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** có cho biết rằng: *An Dương Vương nguyên là Thực Phán con*

của vua nước Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên ở Trung Hoa). Sử liệu này đã bị các sử gia triều Nguyễn tác giả sách **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** bác bỏ và phê rằng: *Từ năm thứ 8 đời Thân Tịnh Vương nhà Chu (316 trước TL) nước Thục đã bị nước Tần diệt rồi. Hướng chi tử nước Thục đến nước Văn Lang cách xa cả mấy ngàn dặm và phải đi ngang qua nhiều nước khác thì lẽ nào các nước này có thể chấp nhận để Thục Phán dẫn quân qua lại nhiều lần để xuống đánh nước Văn Lang ?*

Như thế làm thế nào để hiểu rõ lai lịch chính xác của Thục Phán ?

Truyền thuyết dân gian cho biết Thục Phán là thủ lãnh một bộ tộc Tày miền núi nằm từ tả ngạn sông Hồng đổ về phía đông tới sông Cà Lồ và Thục Phán từng là phụ đạo của vua Hùng.

Truyền thuyết dân gian còn cho biết rằng có thời Thục Phán tranh với Tần Viên để lấy Mỹ Nương, nhưng vua Hùng lại gả con gái cho Tần Viên nên Thục Phán rất hận Tần Viên. Đến khi nghe vua Hùng định nhường ngôi cho Tần Viên, Thục Phán bèn xua quân đánh Tần Viên ngay tại Bộ Văn Lang nơi Tần Viên đóng quân. Bộ Văn Lang là một trong mười lăm bộ hình thành nước Văn Lang. Khi viết về sử thời này, vì kém hiểu biết sử gia Trung Hoa ghi sai rằng Thục Phán đánh Nước Văn Lang, do đó cuộc nội chiến giữa Thục Phán và Tần Viên được hiểu lầm như một cuộc chiến tranh giữa hai nước. Sử gia Việt sao lại sử Trung Hoa, vô tình đem sai lầm đó vào sử Việt Nam.

Truyền thuyết cũng từng cho biết địa điểm chiến trường và đường tiến quân của Thục Phán. Đó là vùng lưu vực sông Hồng, sông Đà và sông Đáy tức là vùng tây y, tây bắc đồng bằng Bắc phần Việt Nam và đích tiến quân là vùng Phong Châu nghĩa là chiến trường thường xảy ra ở vùng nằm giữa phía tây Hòa Bình, phía nam chưa tới Ninh Bình, phía đông tới núi Sóc Sơn, phía bắc chưa tới Hà Giang nghĩa là chiến trường ở trong Nội Địa nước Văn Lang. Truyền thuyết không hề kể đến một trận chiến nào ở biên giới để có thể chứng tỏ Thục Phán là người nước ngoài.

-Sau khi Thục Phán thành An Dương Vương, con gái Thục Phán được gọi là Mỹ Châu, "Ml" ở đây được phiên âm từ MỆ Nàng thuộc tiếng Tày cổ có nghĩa là cô, là à, để chỉ người con gái. MỆ Nàng tiếng Tày cũng như tiếng MỆ Nàng của tiếng Việt-Mường cổ hoặc Mỹ Nương của tiếng Việt Nam sau này. Nếu Thục Phán là người nước Ba Thục thì đâu có đặt tên con gái theo phong tục dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Sau khi bại trận, An Dương Vương đèo con gái sau lưng để cỡi chung ngựa chạy trốn thì Mỹ Nương bứt lông áo lông chim của mình rải xuống đường để đánh dấu cho Trọng Thủy theo, mà áo lông chim là loại áo đặc thù của phụ nữ Văn Lang, Âu Lạc.

Nói tóm lại Thục Phán quả là dân miền núi nước Văn Lang chứ không phải là dân nước Ba Thục. Và lại thời đó đâu có còn nước Ba Thục nữa. Cuộc chiến tranh Thục-Hùng hay nói đúng hơn Thục-Tần Viên chỉ là một cuộc xung đột nội bộ thường có trong tiến trình hợp chủng của các bộ tộc xưa.

10. TỬ CƯƠNG GIỚI CỦA NHÓM BÁCH VIỆT ĐẾN CƯƠNG GIỚI CỦA NƯỚC VĂN LANG

Có người không rõ dựa vào cổ sử nào đã viết rằng: *"Lãnh thổ của tộc Việt rộng từ hồ Động Đình tới eo biển Thái Lan. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sanh ra bọc trăm trứng nở ra trăm con trai, truyền cho đi khắp lãnh thổ của tộc Việt để lập ấp. Hoàng tử thứ nhất đến Hoàng tử thứ mười lập ra vùng Động Đình Hồ... Hoàng tử thứ mười một đến Hoàng tử thứ ba mươi lập ra vùng Chân Lạp, Hoàng tử thứ bốn mươi lập ra vùng Chiêm Thành... v.v..."* Người viết về sử như thế quên rằng thanh thiếu niên Việt Nam ngày nay biết suy luận nên đặt câu hỏi rằng: "Tại sao con cái Lạc Long Quân - Âu Cơ đã chiếm cứ một lãnh thổ rộng lớn từ hồ Động Đình tới Vịnh Thái Lan như vậy mà ngày nay dân cư ở miền Nam Trung Hoa, dân Kampuchia, dân Chàm, dân Lào... không hề xưng họ là con rồng cháu tiên mà chỉ có một mình dân Việt Nam ta tự hào như thế thôi? Tại sao nhân dân vùng Hoa Nam lại nhất quyết xưng họ là con cháu Bàn Hồ? Còn nói rằng Hoàng tử thứ nhất cùng các em lập quốc ở vùng Động Đình hồ thì tại sao truyền thuyết lại nói Lạc Long phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang đóng đô ở Phong Châu ở Bắc phần Việt Nam ngày nay?"

Lãnh thổ nước Văn Lang từ biên giới nước Hồ Tôn đến hồ Động Đình đã được xem là quá sức rộng lớn nay lại rộng thêm tới vịnh Thái Lan, không thấy tác giả cho biết dựa vào thư liệu nào mà chỉ nói trống là theo Cổ sử. Không rõ cổ sử nào vậy ?

Nếu cương giới nước Văn Lang tới tận hồ Động Đình thì lãnh thổ này bao gồm tỉnh Nghệ An Thanh Hóa (20.000 km²), Bắc phần Việt Nam (115.000km²), tỉnh Vân Nam (436.000 km²), tỉnh Quảng Tây (220.000 km²), tỉnh Quảng Đông (230.000 km²), tỉnh Quý Châu (174.000 km²), tỉnh Phúc Kiến (123.000 km²), tỉnh Giang Tây (102.000 km²), tỉnh Triết Giang (101.000 km²), tỉnh Hồ Nam (210.000 km²).

Như vậy diện tích nước Văn Lang là 1.731.000 km². Nước Việt nam ngày nay từ i Nam Quan đến mũi Cà Mau là 329.550 km². Câu hỏi đặt ra là có thể nào diện tích nước Văn Lang sơ sinh lại có thể hơn **năm lần lớn hơn** diện tích của nước Việt Nam ngày nay ? (Có người viết về sử từng giễu tôi về vụ tính từng km² này, nhưng có nói rõ diện tích như thế mới dễ thấy rõ sai lầm của những người chủ trương cương giới tới hồ Động Đình).

Ngày xưa giữa các sắc tộc còn sống đời du mục hoặc mới định cư thì chưa thể có những qui ước biên giới như ngày nay. Hồi đó dân cùng sắc tộc sinh sống đến đâu thì cương giới đến đó. Dựa theo sách **Tiền Hán Thư** hoặc **Địa Lý Chí** thì dân số nước Văn Lang chưa quá con số 700.000 người. Đem số dân này rải trên lãnh thổ tỉnh Thanh Hóa còn thấy quá thưa thớt. Vậy thử hỏi làm sao đem số dân đó rải được trên một lãnh thổ rộng gấp năm lần lớn hơn nước Việt Nam ngày nay? Lại thêm câu hỏi đặt ra là giới lãnh đạo nước Văn Lang làm sao có đủ khả năng và phương tiện để quản lý một lãnh thổ quá sức rộng lớn đầy núi rừng mênh mông hiểm trở, với nền giao thông sơ sài cách thủ đô Phong Châu hàng ngàn cây số ?

Sử liệu Việt Nam cũng như sử liệu Trung Hoa đều ghi rõ: "nước Văn Lang sau trở thành Âu Lạc rồi bị Triệu Đà thôn tính nhập vào nước Nam Việt. Về sau nhà Hán chiếm được nước Nam Việt bèn chia phần đất này ra thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân". Như vậy lãnh thổ Giao Chỉ và Cửu Chân thời Hán chính là lãnh thổ nước Văn Lang xưa. Sử liệu cũng cho biết vào thời Hùng Vương các quận Nam Hải, Quế Lâm và phần lớn là đất Tượng Quận là nơi cư trú của giống dân Bàn Hồ thì Hùng Vương không thể có đất đó được. Thời đại Hùng Vương lại cùng thời với thời Nghiêu Thuấn ở Trung Hoa thì vùng hồ Động Đình là nơi hiểm trở của người Tam Miêu cư trú thì cương giới nước Văn Lang không thể tới hồ Động Đình được.

9- NHẬN THỨC VỀ DANH XÚNG "BÀ TRIỆU ẬU"

Nhân muốn ca tụng truyền thống dũng cảm của giới nữ, vừa rồi đã có bài báo đã vinh danh nào là Bà Trưng Trắc, Bà Trưng Nhị, nào là Bà Triệu Ẩu v.v... Tác giả bài báo đã vô tình sao nguyên lại lời ghi trong sách sử xưa.

Về Bà Triệu, sử xưa kể rằng: *Triệu Nữ Vương hay Bà Triệu Ẩu tên thật là Triệu Thị Trinh là em gái của Triệu Quốc Đạt một thủ lĩnh có thế lực ở huyện Quan An, quận Cửu Chân ở Thanh Hóa. "Triệu Ẩu" là một phụ nữ có nhiều sức khỏe, vú dài ba thước. Bà thường cùng anh tập hợp các nghĩa sĩ khởi nghĩa cứu nước. Sau khi Triệu Quốc Đạt bị quân Ngô giết, Bà thay anh lãnh đạo quân khởi nghĩa từ năm 248. Bà Triệu chỉ huy chiến đấu vô cùng gan dạ. Lúc xông pha trận mạc, Bà thường vú vắt vai, mặc áo giáp, cưỡi đầu voi.*

Nghĩa quân thắng thế được nhiều trận, giết được viên Thủ sử châu Giao. "Triệu Ẩu" được tôn lên làm vua với danh hiệu Triệu Nữ Vương.

Đọc đoạn sử liệu trên đây có thể nhận thấy rằng khi viết về Triệu thị Trinh, sử gia xưa đã căn cứ nhiều vào thư liệu Trung Hoa.

Bằng cứ đầu tiên là việc sử dụng danh xưng "Bà Triệu Ẩu" để gọi anh thư đất Giao Châu. Khi viết những đoạn sử có liên quan đến nước ta, sử gia Trung Hoa xưa thường viết theo lối nhìn của người Trung Quốc. Dưới mắt họ, Triệu Thị Trinh chỉ là một phần tử phản loạn, vì vậy họ sách mé gọi là Triệu Ẩu, mà theo Hán văn có nghĩa là con mẹ họ triệu xấu xí. Cường tín tin vào thư liệu Trung Hoa, sử gia Việt Nam xưa từng chịu nặng ảnh hưởng của Hán nho đã sao lại nguyên văn Triệu Ẩu vào sách họ soạn và người đời nay vô tình hoặc quá tin vào sách sử của mình vẫn tiếp tục gọi Bà Triệu Ẩu, tiếp tay với người Trung Hoa thất lễ với vị nữ anh hùng nước mình. Vậy ngày nay chúng ta cũng nên nhận thức lại sai lầm này, hãy nên suy luận thử Triệu Thị Trinh có đúng là "con mẹ già xấu xí" hay không.

TRIỆU THỊ TRINH ĐỀU PHẢI LÀ MỘT MỤ GIÀ

Theo sử liệu, Triệu Thị Trinh sinh ngày 2 tháng 10 năm Bính Ngọ. Lúc theo anh là Trịnh Quốc Đạt thủ lĩnh huyện Quan An, quận Cửu Chân để khởi nghĩa, Triệu Thị Trinh chỉ mới 19 tuổi và lúc tử trận ở núi Tùng cũng chỉ mới 23 tuổi. Như thế Triệu Thị Trinh không thể là một mẹ già.

TRIỆU THỊ TRINH PHẢI LÀ MỘT THIẾU NỮ ĐẸP

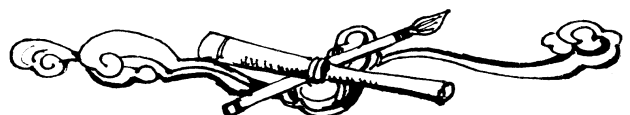
Triệu Thị Trinh không thể là một mẹ già xấu xí. Trái lại phải là một thiếu nữ trẻ đẹp nên mới được người cùng thời gọi là Triệu Trinh Nương. Ngày xưa từ NƯƠNG thường được dân gian sử dụng để gọi các cô gái trẻ đẹp con nhà quyền quý.

Nếu lúc khởi nghĩa bà Trưng Trắc đã có chồng là Thi Sách, thì Triệu Thị Trinh lúc khởi binh vào năm 248 chỉ là cô gái 19 tuổi, ở lứa tuổi đang xuân chưa chồng. Triệu Thị Trinh phải là một cô gái mơn mớn trẻ đẹp, vì nếu không phải như thế thì tại sao sử cũng như truyện tích dân gian đều kể rằng Triệu Trinh Nương được rất nhiều mối lái của giới thanh niên con nhà quyền quý đương thời muốn cưới nàng... Do đó mới có chuyện đã kể Triệu Trinh Nương đã khước từ tất cả mối lái và đã trả lời: "Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chỗ tôi không chịu khom lưng làm vợ của bất cứ ai!". Nếu Triệu Thị Trinh quả thật là một mẹ già họ Triệu xấu xí thì làm sao lại được nhiều nam nhân đương thời đeo đuổi mong cưới được làm vợ?

Để có thể diễn tả sự tốt cùng xấu xí mà họ gán cho Triệu Thị Trinh, sử gia Trung Hoa lại nói rằng Triệu Thị Trinh là một phụ nữ dị tướng với vú dài ba thước phải vắt vai, đó chẳng qua chỉ là nói sách mé để diễn tả sự xấu xí dị tướng của con người mà họ cho là phản loạn... Sử gia Việt Nam xưa không nghĩ đến lời nói sách mé xấc xược của sử gia Trung Hoa, tưởng họ nói Triệu Thị Trinh dị kỳ tướng, tất phải hữu kỳ tài nên ghi lại chuyện bà Triệu vú dài ba thước vào sách sử Việt Nam. Đã vậy họ còn thêm dệt thêm rằng lúc xông pha trận mạc, bà thường vú vắt vai, mặc áo giáp... Thật là lạ, đã vú vắt vai sao lại còn có thể mặc áo giáp được?

Nói tóm lại Triệu Thị Trinh không phải là một mẹ già họ Triệu xấu xí như sử gia Trung Hoa từng sách mé gọi, mà là một THIẾU NỮ TRẺ ĐẸP mới 19 tuổi xuân xanh, đầy khí phách kiên cường, từng can đảm đứng lên dấy binh chống áp lực bạo tàn của quân xâm lược. Triệu nữ tướng là điển hình của một cô gái Việt Nam yêu nước thương nòi đã hy sinh tuổi thanh xuân của mình cho đất nước, xứng đáng làm tấm gương sáng cho thanh thiếu nữ Việt Nam các đời sau. Người Việt Nam ngày nay không thể cứ tiếp tục vô tình tiếp tay với sử gia Trung Hoa để sách mé gọi danh một vị nữ anh hùng của chính nước mình là triệu ấu tức là mẹ già họ Triệu xấu xí. Phải đặt danh xưng Triệu Thị Trinh đúng chỗ trong lịch sử dân tộc và được mọi sự tôn kính cần phải có đối với một vị nữ anh hùng.

Nói tóm lại lịch sử thời tiền sử đã có những ghi chép sai lầm như thế, người đọc và nhất là người viết về sử đời nay cần nhận thức lại các điểm sai lầm đó. Cần có những nhận thức đúng đắn, những suy luận hợp lý hợp tình dựa theo những thư liệu chính xác, hợp khoa học. Có như vậy thì mới giải tỏa được những "hòa mù huyền thoại" quái đản tràn đầy ở thời tiền sử. •



Bài Viết của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ

(viết từ trong nước)

Kính thưa quý vị,

Hân hạnh gửi đến quý vị một vài ý nghĩa phiến diện về những điều đề nặng tâm trí tôi trong suốt thời gian ở tù. Nhưng điều trước tiên tôi muốn bày tỏ ở đây là sự tri ân của tôi đối với đồng bào hải ngoại, với sự cộng tác của quốc tế, đã can thiệp một cách có hiệu quả khiến cho bản án tử hình dành cho tôi trở thành bản cáo trạng dành cho những người tự cho có quyền xét xử tôi và phán xét những người đã hành động theo lương tâm. Tiếp theo, sự can thiệp đã khiến cho Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam phải tuyên bố trả tự do cho tôi. Nhưng nhiều người bạn tù của tôi vẫn còn bị khổ trong các trại tù. Trong số đó có nhiều người bị giam cầm gần 25 năm, vượt quá thời hạn mà luật Hình sự của Nhà nước Việt Nam quy định đối với việc thi hành các bản án giam giữ có thời hạn.

Ở đây, tôi cũng xin bày tỏ sự cảm kích sâu xa đối với các cộng đồng Việt Nam hải ngoại đang đấu tranh cho một nước Việt Nam trong sáng và tự do. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các nhân sĩ Hòa Lan, trong tình cảm nhân loại đã trực tiếp can thiệp với chính phủ Việt Nam cho tôi được sang thăm viếng đất nước Hòa Lan, để có thể có điều kiện tự do hơn nói lên tiếng nói thầm lặng mà đã một phần tư thế kỷ bị bóp nghẹt.

Trong những năm gần đây, trước cả khi tôi được lệnh phải rời khỏi nhà tù để trở về chùa, có rất nhiều đồng bào ta từ nước ngoài về thăm và càng ngày càng chứng kiến những đổi thay được nói là đáng khích lệ. Khích lệ theo chiều hướng nào, còn tùy theo cách nhìn mỗi người. Riêng tôi, tôi không có được may mắn là chứng nhân trực tiếp trước những thay đổi của đất nước, mặc dù tôi đang sống trong lòng quê Cha đất Tổ. Đó là điều tốt hay xấu, cũng còn tùy cách nhìn của mỗi người.

Mặc dù không có cái may như nhiều đồng bào sau khi sống tự do 15, 20 năm ở nước ngoài về thăm quê, thấy được những đổi thay từ trên thượng tầng, thấy được sự giàu sang của đất nước qua những tiện nghi vật chất từ các khách sạn năm sao dành cho cán bộ cao cấp và khách nước ngoài, từ những tiếp đón niềm nở và linh đình của những nhân vật thuộc thượng tầng xã hội, với những đặc quyền xã hội mà điều kiện chính trị dành cho, nhưng tôi có cái "may mắn" khác -- nếu cho đó là may mắn -- được sống chung trong một thời gian rất dài với thành phần được xem là "cận bã" của xã hội. Chính từ xã hội gọi là cận bã ấy tôi đã chứng kiến những đổi thay trong nhà tù như là ảnh chiếu của những "đổi thay to lớn" của đất nước. Sự chứng kiến đơn giản và dễ hiểu thôi. Cũng như người ta chỉ cần nhìn vào rác rưởi phế thải được dọn ra sân sau mà có thể biết những thứ đã được tiêu thụ ở sân trước. Chúng tôi, một số người tù lâu đã được học tập để thành thói quen suy nghĩ số phận dân tộc từ những đồng rác, đã tự mình đặt thành nhiều câu hỏi cho lương tâm nhân loại, cho ý nghĩa tiến bộ của xã hội loài người, và trên tất cả là một câu hỏi lịch sử: đất nước đã thối bao nhiêu xương máu của bao nhiêu thế hệ ông cha và bè bạn để dọn lại thành những đồng rác như thế; những đồng rác càng ngày càng to phình lên một cách khủng khiếp.

Việt Nam đang là một đồng rác khổng lồ. Đó không phải là ý nghĩ riêng của tôi, mà là nhận xét của nhân vật cao cấp nhất của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây không phải là ý nghĩa kinh tế. Nó bao trùm tất cả mọi khía cạnh đời sống: văn hóa, chính trị, và cả tôn giáo. Vậy thì, một câu hỏi cần phải được đặt ra cho những ai còn có chút tự trọng dân tộc: tại sao một dân tộc luôn luôn tự hào với truyền thống bốn nghìn năm văn hiến, bỗng nhiên để cho đất nước mình trở thành một đồng rác, kho chứa tất cả những gì xấu xa nhất của nhân loại văn minh? Nguyên nhân từ đâu và do ai?

Trong gần mười lăm năm trong tù, điệp khúc tôi phải thường xuyên học tập để ca ngợi tính can đảm của đảng Cộng Sản Việt Nam: "Cán bộ làm sai, đảng trị. Đảng làm sai, đảng sửa". Tôi cũng thường xuyên trả lời: đó không phải là sự can đảm, mà là thái độ cai trị khinh dân; xem dân như là vật thí

nghiệm cho những tư duy không tưởng, học thuyết viển vông của mình.

Tôi cũng thường xuyên bị học tập rằng, chính sách đoàn kết dân tộc của đảng là làm cho "dân tin đảng và đảng tin dân". Tôi cũng thường xuyên trả lời: làm cho dân tin đảng; đó là điều tất nhiên và dễ hiểu thôi vì có đáng tin thì người ta mới tin được; vì đảng cần được dân tin tưởng để tồn tại, dù chỉ là tin tưởng giả tạo. Nhưng "dân tin đảng" có nghĩa là thế nào? Nếu đảng không tin dân thì đảng xử lý dân như thế nào?

Câu trả lời thực tế: Cả nước trở thành một nhà tù vĩ đại.

Ngày nay, khi không còn ở trong nhà tù nhỏ như mười lăm năm trước nữa, tôi không còn có điều kiện để được lên lớp chính trị. Tôi hy vọng đảng Cộng Sản Việt Nam không còn có cái can đảm như xưa, để thử nghiệm học thuyết của mình thêm nhiều lần nữa; và cũng không thi hành chính sách "đại đoàn kết" như xưa để dân có thể sống tự tại mà không bị đảng nghi ngờ.

Mặc dù có những thay đổi lớn nhìn từ góc độ nào đó, nhưng thực tế tôi biết chắc rằng có một điều không thay đổi. Đó là: đảng Cộng Sản vẫn tự coi mình là ân nhân của dân tộc và do đó có độc quyền quyết định số phận của dân tộc (mà là ân nhân hay tội đồ gì thì quần chúng và lịch sử trước mặt sẽ phán xét). Đó là điểm khác biệt với các chế độ chuyên chính lòng danh trong lịch sử. Đây cũng chính là nguyên nhân của một trong những điều mà các đảng viên bảo thủ cho là "rác rưởi tư bản". Điều đó là nạn tham nhũng. Bởi vì, quan liêu, hách dịch, thái độ kè cả ban ơn, vừa là bản chất và vừa là dưỡng chất của tệ nạn tham nhũng của Việt Nam hiện nay.

Mọi tội phạm xảy ra đều do một bên gây hại và một bên bị hại. Trong tham nhũng, mới nhìn thì không có ai bị hại một cách rõ ràng. Trước mắt, người đưa hối lộ và người nhận hối lộ đều nhận được những điều lợi nhất định. Như vậy người bị hại chính là quần chúng, không đủ đặc quyền để tham gia nhằm hưởng lợi trực tiếp từ nạn tham nhũng. Nghĩa là những thành phần cùng khổ của xã hội chẳng có gì để cho nên chẳng nhận được gì nên vì vậy họ trở thành nạn nhân! Tính cá biệt của nạn nhân tham nhũng ở Việt Nam hiện tại là do thái độ ban ơn của những kẻ có chức quyền đối với "thần dân" dưới sự cai trị của mình.

Tham nhũng ở Việt Nam không chỉ là thỏa thuận song phương để giành những hợp đồng kinh tế béo bở. Nó bòn rút xương tủy của nhân dân; những người cùng khổ phải còng lưng lao động để có tiền đóng thuế.

Tham nhũng là gốc rễ của các tệ nạn xã hội khác. Vì nó tổ chức bao che và nuôi dưỡng chúng. Nó xói mòn mọi giá trị đạo đức truyền thống. Bảo vệ hay phát huy văn hóa dân tộc trên cơ sở đó chỉ là lá chắn cho tệ nạn tràn lan mà thôi.

Tôi nói, tham nhũng là sản phẩm của quyền lực. Bởi vì chính những người dân cùng khổ, là tiếng nói luôn luôn bị áp chế bằng sự dọa nạt, là những người bị trấn áp bởi bạo quyền chuyên chính khốc liệt nhất, nhưng cũng lặng lẽ chịu đựng nhất. Đó là những chứng nhân cho mặt trái của tham nhũng và quyền lực; nạn nhân trực tiếp của tất cả sự áp chế của nó đối với giá trị nhân phẩm.

Có lẽ tôi muốn kể lại đây một câu chuyện thương tâm, để chúng ta hiểu phần nào bản chất tham nhũng trong một chế độ thường tự hào là không có người bóc lột người. Chuyện xảy ra trong trận lụt vào cuối năm vừa qua.

Tại xã Hương Thọ huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên có một gia đình nghèo khổ sống lênh đênh trên một chiếc dờ. Khi cơn lụt ập đến, gia đình này là duy nhất có ghe ở địa phương miền núi này, do đó đã vớt được trên 80 người khỏi cảnh chết chìm. Sau nước rút, tình thoảng có vài phái đoàn đến cứu trợ. Các gia đình khác đều nhận được cứu trợ. Chỉ trừ gia đình anh. Lý do: không có hộ khẩu, vì lâu nay gia đình này nghèo quá, phải sống "vô gia cư" phiêu bạt trên các sông suối nên không có hộ khẩu thường trú. Dân làng biết ơn anh, xin chính quyền địa phương cấp hộ khẩu cho. Nhưng thiếu điều kiện nhập hộ: gia đình anh không có đủ 400.000 đồng VN để hối lộ. Khi các thầy của tôi lên cứu trợ, dân làng tự động đến tường thuật sự việc để các thầy giúp đỡ. Các thầy giúp đủ số tiền, nhưng với điều kiện phải giấu kín nguồn gốc. Vì sẽ còn nhiều vấn đề rắc rối khác.

Điều tôi muốn nói ở đây không phải nhắm đến tệ nạn tham nhũng. Mà là nhân cách của gia đình nghèo khổ ấy; và thái độ chịu đựng sự bất công một cách thẫm lặng đáng kính phục. Dù sống dưới mức tận cùng khổ, anh vẫn giữ vẹn giá trị nhân phẩm của mình. Làm ơn cho nhiều người, nhưng



Thơ : huy giang

Hương Sen

*Kính dâng lên
Hương linh Mẫu Tử*

Xót Mẹ một đời vai trĩu nặng
Canh chầy leo lét ngọn đèn chong
Tảo tần hôm sớm nuôi con lớn
Một chiều mái tóc
trắng sương pha!

Nhớ buổi chiều Thu
mưa lành lạnh
Miền Trung sôi sục lửa đao binh
Đạn nổ âm vang vùng giới tuyến
Dàn lạnh than oán
cảnh điêu linh...

Ngả nghiêng chân bước lên thống khổ
Thân gầy
áo mỏng
Mẹ tìm con
Khốn khó đâu lay tình Mẫu Tử
Thương con
thêm sức cạn
hơi mòn

Lọm khọm theo đoàn quân tiếp tế
Trời Phong Điền lấm tẩm mưa sa
Thấp thoáng giữa áo rằn lính trận
Áo bà-ba
tóc bạc cụ già!

Vỗ vện hành trang
trơ nải chuối
" Vườn nhà mình "
mang tới cho con
Mẹ của tôi
Mẹ hiền Rạch Giá
Ôi
muôn đời
chất ngất Nước-Non

Mẹ đã bao năm chia gánh nặng
Cùng Việt Nam
đau đớn
thăng trầm
Mấy đứa con đi gìn đất Tổ
Ngăn Bắc phương nuôi mộng
cường xâm...

Hỡi Mẹ ơi
còn gì dâng Mẹ
Con còn gì?
Nước mắt
Nhà tan!
Mẹ theo Cha lên miền Lạc Cảnh
Mùa Xuân này tuyết trắng khăn
tang!

Đất khách tư bề mây ám đạm
Con quý khấn nguyện Đấng Song
Thân
Lạy Mẹ
lạy Cha
xin chứng giám
Quân thù tan
quỳ trước mộ tạ ân.

(Đời 550/Mùa tang Mẫu Tử)

không kể ơn để được đền bù. Chỉ có dân làng biết ơn và tự động đền đáp. Nhưng dân ai cũng nghèo khổ và lại gặp hoàn cảnh như nhau, lấy gì chu cấp cho nhau?

Khắp cả đất nước này, có bao nhiêu trường hợp như vậy. Đó là những cuộc sống ở sản phẩm của quyền lực, sống trong bóng tối của xã hội. Nếu họ không lên tiếng, ai biết họ ở đây? Nhưng họ lại không lên tiếng. Vì không thể, hay vì không muốn? Do cả hai Điều mà quý vị biết rõ là tôi đang nói chuyện ở đây cũng chỉ là cách nói "lén lút qua mặt chính quyền". Tôi chưa biết ngày mai của tôi ra sao, khi những điều tôi nói không làm hài lòng Đảng và Nhà nước.

Hoàn cảnh đất nước Việt Nam như thế cho nên dân ta phải chịu quá nhiều đau thương và tủi nhục. Đối với giới trí

thức nói riêng, mà xã hội Việt Nam truyền thống rất tôn trọng, điều tủi nhục lớn nhất là họ không thể thay những người dân thấp cổ bé miệng nói lên một cách trung thực tất cả những uất ức, những khổ nhục mà họ phải chịu. Bởi vì, tại Việt Nam ngày nay những người có thể nói thì ngòi bút đã bị cong; những người muốn nói thì ngòi bút đã bị bẻ gãy.

Nhưng tôi biết rõ một điều, và điều đó đã được ghi chép trong lịch sử: trí thức chân chính của Việt Nam không bao giờ khiếp nhược.

Trân trọng kính chào quý vị.

Thích Tuệ Sỹ
Tu Viện Quảng Hương
Sài Gòn, Việt Nam

Cờ vàng ba sọc đỏ, biểu tượng của quê hương



Trần Nguyên Chấn

Trong thời gian gần đây, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội lộng lộn về việc Hạ viện Tiểu bang Virginia đưa ra dự luật chấp nhận treo Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, là quốc kỳ dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, quê hương của những người tỵ nạn Việt Nam. Được thế giới chấp nhận hay không chấp nhận chỉ là một vấn đề quan hệ nặng về hình thức, tuy phần nào có ích nhưng không chính yếu, mà vấn đề chính yếu là lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ có được đồng bào trân quý và tôn kính hay không. Chính vì lá cờ đó vẫn còn in sâu vào trong tâm trí của người Việt tỵ nạn, nên Hà Nội mới cay đắng bực bội. Chung qui cũng chỉ vì họ không hiểu được lòng dân, họ đi sai đường lối của dân tộc, và chỉ lo chủ trương thù hận, trấn áp. Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc bằng một vụ bức tử đầy oan khiên. Nước bạn Hoa Kỳ đã nuốt lời cam kết giúp đỡ bảo vệ tự do, bỏ mặc số phận những người Việt Nam mơ ước tự do vào tay tập đoàn cộng sản gian ác, độc đoán được khối cộng sản tích cực yểm trợ... Ai biết được số người Việt Nam già trẻ lớn bé nam nữ đã chết trên các đoạn đường di tản đầy máu và nước mắt, trên các sông ngòi biển khơi đầy bất trắc, trong các trại cải tạo nơi rừng thiêng nước độc, nhưng chắc chắn đó là một con số

khủng khiếp. Cũng vì cộng sản gian ác bạo tàn, hàng triệu người Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử đã phải giã từ quê cha đất tổ, lưu lạc tỵ nạn khắp nơi trên thế giới. Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ hiền hoà đã từng phủ lên quan tài những người lính đã chết để bảo vệ tự do, và đã có mặt trên những chiếc thuyền nhỏ bé để che chở những người ra đi tỵ nạn trên biển cả mênh mông, cho nên đối với cộng đồng người Việt Nam tỵ nạn, lá cờ đó đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của quê hương trong tim óc của họ. Trần Trung Đạo đã diễn tả biểu tượng đó bằng mấy câu thơ tuyệt vời dưới đây:

"Nền cờ vàng là giải giang san

"Ba sọc đỏ nổi ba miền chung thủy

"Là Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn,
Thất Sơn hùng vĩ

"Là Sông Hồng, Sông Cửu, Sông
Hương...

Lá cờ đó không phải của riêng VNCH, để phải biến mất với chế độ VNCH. Lá cờ đó đã là lá cờ của Quốc Gia Việt Nam, với Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng, từng tung bay trên khắp đất nước Việt Nam, đã từng được LHQ công nhận. Lá cờ đó là lá cờ của nước Việt Nam ngay cả sau khi chế độ Quốc Trưởng không còn nữa, và được thay thế bằng các chế độ Cộng Hoà I và II. Lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ đã từng bay phất phới trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa để xác định chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo đó. Đã có những người lính Cộng Hoà Việt Nam chiến đấu trên đảo và trên biển để bảo vệ Hoàng Sa và đã gục ngã vào đầu năm 1974 trước lực lượng xâm lăng đông đảo của Trung Cộng. Họ có biết đâu rằng vào lúc họ chiến đấu dưới lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và máu họ đã đổ ra để cố gắng bảo vệ quần đảo Hoàng Sa của Tổ Quốc Việt Nam, thì Phạm Văn Đồng, Thủ Tướng của chính quyền Cộng Sản Hà Nội, đã phân bội Tổ Quốc, hiến dâng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho quan thầy Trung Cộng từ năm 1958!

Nhớ lại sau ngày 30-4-1975, cộng sản vào Nam đã tịch thu khối lượng vài cờ Màu Vàng Ba Sọc Đỏ của các nhà máy dệt, nhuộm, để may quần lót cho bộ đội. Một hành động hỗn xược, thô bỉ, hèn hạ phản ánh một tâm thức đê tiện và thiếu giáo dục. Nhớ đến việc lá cờ Trung Hoa Dân Quốc mà cũng là cờ của Đài Loan hiện nay vẫn tiếp tục được trang trọng bảo quản tại ngôi mộ của Tôn Dật Tiên tại Trung Quốc Cộng Sản, cho thấy so với thiên hạ, lãnh đạo

cộng sản Việt Nam quá thấp hèn, quá tồi tệ, và thiếu văn hoá... Cộng sản Việt Nam chiếm được Miền Nam bằng chiến xa và đại pháo, nhưng không chiếm được lòng người Miền Nam. Mới tiếp thu Sài Gòn, cộng sản ra lệnh mỗi nhà phải treo cờ và treo khẩu hiệu của họ đưa ra. Người dân Miền Nam sa cơ thất thế, không muốn treo Cờ Đỏ Sao Vàng, mà họ cho là sắt máu, nên đành phải cắn răng chọn lá cờ của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, với màu Xanh Đỏ. Sau đó không lâu, lá cờ Xanh Đỏ đã bị Cộng Sản Bắc Việt bức tử chết yếu, giữa sự dửng dưng của mọi người. Đó là số phận của món hàng giả, một thời đã được các giới trí thức Tây phương, kể cả Tây da vàng mũi tẹt, tự cho mình là tiến bộ, lảng xảng rao bán. Đồ giả, đồ ngu, đều là đồ dỏm cả, người dân vẫn thường nói vậy... Còn vấn đề phải treo các khẩu hiệu do Ủy Ban Quân Quản đưa ra, thì tuyệt đại đa số người dân đều chọn câu "Không có gì quý hơn độc lập tự do", để nói lên ý muốn tự do của mình. Không mấy ai chịu treo cờ đỏ sao vàng của cộng sản. Cũng chẳng mấy ai treo những khẩu hiệu tuyên truyền dị hợm của đảng cộng sản. Người dân Miền Nam, bằng thái độ đó, đã cho tập đoàn cộng sản thấy một cách rõ rệt là họ không muốn chế độ cộng sản, không thích chế độ cộng sản, đến độ cán bộ công an phải đi đến từng nhà yêu cầu cố gắng treo cờ đỏ sao vàng hoặc thêm khẩu hiệu khác để khỏi mất lòng các "đồng chí ngoài Bắc". Đối với người dân, lá Cờ Đỏ Sao Vàng là biểu tượng của chế độ độc đoán, của trấn áp, hung bạo, đọa đày. Hình ảnh đau khổ man rợ trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất, với bao nhiêu người dân vô tội bị bắn, bị giết, bị chôn sống dưới bóng Cờ Đỏ Sao Vàng, đã làm cho người dân đồng hóa lá cờ đó là lá cờ máu. Với lá cờ đó, lá cờ lật lọng, Đảng Cộng Sản Việt Nam, đã tước đoạt biết bao hy sinh xương máu của thế hệ thanh niên Việt Nam mùa thu năm xưa đứng lên đáp lời sông núi. Với lá cờ đó, lá cờ vô đạo, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đẩy biết bao nhiêu thanh niên, thanh nữ Việt Nam lao mình vào một cuộc chiến "giải phóng miền nam" hoàn toàn vô nghĩa và bị bọm, với bao tang thương, tàn phá, mà hậu quả là tinh tỵ dân tộc bị sút mẻ, người dân nghèo khổ và đất nước thua kém thiên hạ quá nhiều. Lá Cờ Đỏ Sao Vàng mang màu máu, dữ dằn, ác độc, không ai muốn treo sợ xui, sợ tội với ông bà tổ tiên,

nên người ta xa lánh. Cho dù nhà nước cộng sản ngày nay có ép buộc hoặc mua chuộc để người dân treo lá cờ đỏ, thì trong lòng họ vẫn không có chỗ cho lá cờ máu, lá cờ lật lọng, lá cờ vô đạo. Tuyệt đại bộ phận người Việt hải ngoại đều dị ứng với lá cờ đỏ, cho nên bóng dáng lá cờ Đỏ Sao Vàng xuất hiện nơi đâu thì chỉ tạo điều kiện cho người dân nơi đó nhớ lại những tội ác của chế độ và lên tiếng chống đối nguyên rủa chế độ. Dưới lá Cờ Đỏ Sao Vàng, người dân Việt Nam đã sống những ngày kinh hoàng đấu tố, trấn áp, tù nhục. Dưới lá cờ đỏ, Phạm Văn Đồng đã hiến dâng Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung Cộng! Cũng dưới lá cờ đỏ, ngày nay tập đoàn lãnh đạo cộng sản Hà Nội lại hiến dâng một phần lãnh thổ và lãnh hải của Tổ Quốc cho Trung Quốc!

Tại hải ngoại, giữa lòng xã hội dân chủ tự do, lá cờ được chấp nhận hay không là do lòng người. Đối với những người Việt Nam còn mang hồn Việt Nam lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ hiền hoà, chứa chất biểu tượng của dân tộc, đất nước, hợp với lòng dân, nên được trang trọng phất cao. Cho nên ngày nay tại hải ngoại mới có cảnh những bà cụ già rơi lệ khi nhìn ngắm lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ thân yêu, mới có những em bé ôm chặt lá cờ vào ngực, miệng nói "cờ của em cờ của nước em", mới có những đoàn người Việt Nam hành diện diễn hành dưới lá Cờ Vàng rực nắng, mới có những gia đình người Việt nặng tình với đất nước, trang trọng đặt trên bàn thờ, hay treo trong phòng khách một lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ của quê hương.. Không ai ép buộc cũng chẳng ai mua chuộc, nhưng đã là người Việt Nam không thể không tôn kính lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, biểu tượng của quê hương mình, tổ quốc mình, trong khi chờ đợi Quốc Dân Đại Hội của một thể chế dân chủ, tự do tương lai, long trọng quy định lá cờ chính thức làm quốc kỳ cho đất nước Việt Nam thái hoà, hạnh phúc, trong tình tự dân tộc.

Hà Nội càng quay cuồng vì lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ vẫn có mặt khắp nơi, thì người Việt hải ngoại càng quyết tâm bảo vệ lá cờ đỏ, trang trọng nó, và càng đấu tranh quyết liệt để lên án chế độ cộng sản bá đạo, bán nước, phản bội nhân dân. •



Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc

Chào mừng buổi họp mặt CTSQVN
tại Frankfurt (Đức Quốc)
Từ ngày 11.07 - 13.07.2003

**"Đoàn ta
con người chiến sĩ Quốc Gia
Máu hồng hùng anh kết thành ta
đó..."**
(trích trong: TSQ Hành Khúc)



*Tiếng Hạc qua đêm
buồn ảo não
Lòng riêng một mối
những lao đao
Nguyệt vỡ trong sương
đầu đỉnh núi
Lơ lửng nằm nghe gió xạc
xào*

*Cố thổ nửa đời xa biển biệt
Chim cô mỗi cánh tận
phương trời
Bão táp hoài hoài gieo lốc
xoáy
Bao năm tình tội
chẳng hề với!*

*Bạch lạp cúi đầu lên trang
giấy
Canh chày
băng giá
lệ tuôn sa
Nhỏ xuống đủ âm
dòng thác lũ
Nhờ sóng mang về phương tít
xa...*

*Gác kiếm
sau hồi tan chiến trận
Ra đi quyết định lại Cờ Vàng
Thấp sáng muôn đời Nhân-
Tri-Dũng
Hăm-sáu mùa Xuân
buộc hiên ngang*

*Núi lớn tử bề soi ánh lửa
Hào quang hùng hực chí kiêu
hùng
Chiến tích ngàn năm lưu Sử
Việt
Uy linh Tiên Tổ
Đáng Anh Hùng...*

*Mượn bút thay gươm
trừ cuồng bạo
Thương quá là thương
Mẹ Vũng Tàu
Xuống biển theo Cha
năm-mười đứa
Đàn con nhỏ Mẹ biết chùng
bao!*

*Chắc Mẹ giờ đây
còm cõi lắm
Anh em còn lại có về qua?
Hoặc nuốt hồn căm
lo cơm áo!
Mẹ nằm nghe sóng
nhỏ thương Cha?!*

*Tiếng Hạc qua đêm
buồn ảo não
Lòng riêng một mối
những lao đao
Bất khuất truyền đời
tâm vẹn giữ
Thương quá là thương
Mẹ Vũng Tàu.*

Đôi 550 / vào Xuân 2003
• Huy Giang

Bài nói chuyện của Thủ Tướng Đức Schröder

với các cựu sinh viên Đại Học
Đức và sinh viên trường Đại
Học Bách Khoa Hà Nội
vào ngày 15.5.2003

Bản dịch của Vũ Quốc Dụng

Lời người dịch: Trong chuyến viếng thăm 4 nước Đông Nam Á, chỉ duy nhất tại Việt Nam vị Thủ Tướng Đức đã đề cập công khai đến vấn đề nhân quyền, mặc dù chỉ đề cập thoáng qua quyền tự do thông tin và kêu gọi tiếp tục cải mở. - Những chỗ nhấn mạnh là do chúng tôi -.

Thưa các Bộ Trưởng, Thưa ông Viện Trưởng, Thưa các Giáo sư, và đặc biệt là các anh chị sinh viên thân mến,

Thay mặt phái đoàn, tôi thành thật cảm ơn quý vị đã dành cho chúng tôi sự đón tiếp thật nồng nhiệt. Trường Đại Học Bách Khoa của quý vị tại Hà Nội đóng một vai trò thật nổi bật trong việc trao đổi khoa học giữa hai nước chúng ta. Tôi nghĩ sự trao đổi này nên và phải được củng cố thêm và chúng tôi đang cố gắng để việc củng cố này thực sự xảy ra - như tôi vừa nói chuyện với Thủ Tướng (Việt Nam) xong.

Trên 100 giảng viên nam nữ của quý vị đã học Đại Học tại Đức. Chúng tôi xem đây là một kho tàng lớn mà chúng ta muốn cùng nhau khai thác. Họ là những người đã có nhiều thời gian để làm quen với ngôn ngữ và văn hóa của chúng tôi một cách sâu đậm hơn là qua những chuyến lưu trú ngắn hạn. Ai muốn đi học ở một trong nhiều trường Đại Học kết nghĩa của Đại Học Bách Khoa thì có thể chuẩn bị cho việc lưu trú tại Đức tại Trung Tâm Đức-Việt.

Riêng cá nhân tôi đã rất mừng khi thấy rằng trường Đại Học ở thành phố quê tôi ở Hannover và sắp tới là Đại Học Luật tại Göttingen nơi tôi đã theo học sẽ kết nghĩa với quý vị. Điều này cho thấy quan hệ giữa các Đại Học Đức và Việt sống động đến thế nào và cho thấy sự cần thiết để gìn giữ và phát triển nó ở bất cứ chỗ nào mà ta có thể làm được.

Thưa quý Ông Bà,

Những quan hệ chặt chẽ này - chúng ta không nên giấu giếm điều đó - dựa trên một sự trao đổi mật thiết có từ thời Đông Đức cũ. Cho đến năm 1990 đã có 7.000 người Việt Nam có bằng Đại Học được đào tạo ở Đông Đức. Một vài vị đang ngồi tại đây cũng như một số vị khác đã làm quen với nước Đức thống nhất. Tất cả những người này - tôi nhấn mạnh - đã lập thành một cây cầu nối giữa đất nước Việt Nam và Đức.

Hiện nay chúng ta có 1.600 sinh viên Việt Nam đang theo học ở các Đại Học

Đức. Tôi xin nói rằng chúng tôi muốn gia tăng con số này, không phải chỉ bằng những chương trình học bổng mà chúng tôi sẽ phát ngày hôm nay cho những sinh viên ưu tú nhất của trường Đại Học Bách Khoa, mà còn bằng việc khai mở văn phòng chi nhánh của cơ quan DAD của Đức ở Hà Nội với mục đích củng cố quan hệ khoa học.

Theo quan niệm của Thủ Tướng Việt Nam và tôi, sự trao đổi với Đức sẽ đóng góp quan trọng cho việc tiếp tục canh tân Việt Nam. Một dự án có tính định hướng là việc thành lập trong Viện Đại Học Hà Nội một phân viện của trường Đại Học Dresden. Như thế sinh viên Việt Nam có thể học trong nước để lấy bằng tốt nghiệp của Đức về cơ khí và điện tử. Đó là 2 lãnh vực mà các Đại Học Đức và các sản phẩm Đức có tiếng tốt trên trường quốc tế.

Trong những mối quan hệ Đại Học chặt chẽ giữa 2 nước cũng ẩn chứa một tiềm năng lớn cho các cơ sở doanh nghiệp Đức và Việt, mà tiềm năng này hiện mới chỉ được khai thác có một phần. Vì những người hiện đang theo học Đại Học tại đây ngày hôm nay sẽ đóng một vai trò quan trọng trong những hãng xưởng Đức, Việt của ngày mai. Vì quyền lợi của 2 nước chúng ta nên hợp tác kinh tế để gia tăng sức mạnh cho việc trao đổi rất tốt này giữa các Đại Học.

Trong những nước Liên Âu, Đức là bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Điều đáng mừng là khối lượng hàng trao đổi giữa hai bên đã tăng gấp đôi từ năm 1996, và chúng ta sẽ hợp tác để khối lượng này ngày càng gia tăng hơn nữa. Ngoài ra trong những năm tới chúng tôi dự định sẽ hướng tới một sự phát triển tốt đẹp tương tự như vậy trong lãnh vực đầu tư. Chúng tôi đặc biệt khuyến khích các doanh nhân Đức nên đầu tư vào đây - vào Việt Nam, bởi vì dựa trên quyền lợi của cả 2 quốc gia chúng ta phải tạo ra một tình huống để giữ chân người đầu tư một cách bền lâu bằng kinh doanh ngay thật và bằng trao đổi kinh tế ngay thật. Điều đó nằm trong quyền lợi của 2 nước.

Tôi nghĩ việc tiếp tục chính sách cải tổ trong nước của quý vị cũng như việc tiếp tục trao đổi một cách ngay thật những kiến thức chuyên môn và những kinh nghiệm sẽ tạo ra một nền tảng tốt cho việc xây dựng quan hệ kinh tế này. Giới kinh tế Đức hiện đã tỏ dấu cho biết họ muốn gia tăng hợp tác với Việt Nam. Tôi nghĩ những quyết định về những dự án chung lớn sắp tới sẽ chứng tỏ điều đó. Như thế tôi tin chắc rằng những mối quan hệ kinh tế của chúng ta sẽ ngày càng thêm năng động.

Thưa quý Ông Bà,

Cũng như nước Đức, Việt Nam hiện là một phần của một nền kinh tế toàn cầu được kết với nhau ngày càng chặt. Việc trao đổi sinh viên và người tốt nghiệp Đại Học đã xảy ra trong một thời kỳ mà không ai hình dung được ảnh hưởng của vấn đề toàn cầu hóa. Ngày hôm nay du học là cách chuẩn bị tốt nhất cho một người trẻ có thể uyển chuyển mà thích ứng với những đòi

hỏi của vấn đề toàn cầu hóa. Một quốc gia biết mở cho người dân của mình khả năng này thì sẽ có thể chuẩn bị để đối phó với tương lai về mặt tinh thần và kinh tế tốt hơn là tìm cách bế quan tỏa cảng trước những ảnh hưởng từ bên ngoài. Việc hợp tác với quốc tế sẽ mang lại lợi ích.

Chính phủ Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ với Cơ Quan Y Tế Quốc Tế để ngăn chặn bệnh SARS với hiệu quả cao. Tôi nghĩ điều này xứng đáng để được công nhận một cách đặc biệt.

Thưa quý Ông Bà,

Là những người làm khoa học quý vị cũng biết qua kinh nghiệm bản thân rằng phát kiến và tăng trưởng kinh tế chỉ có thể được duy trì dài lâu trong một xã hội cởi mở và nhiều sáng tạo, nghĩa là trong một xã hội cho phép trao đổi thông tin tự do. Thí dụ một mạng Internet tự do sẽ nâng đỡ sự phát triển kinh tế, khoa học và xã hội của một nước, cũng như của mỗi nước. Cả người Đức chúng tôi cũng muốn được hưởng lợi ích đó, để bất cứ lúc nào mỗi người Đức cũng có thể tìm hiểu về thành tích của nền Văn Hóa Việt Nam. Càng biết nhau nhiều thì chúng ta sẽ càng hiểu nhau kỹ hơn.

Một trong những nguyên nhân chính yếu gây ra những mối xung đột mà chúng ta phải đối phó trên thế giới là sự không hiểu biết phía bên kia và nền văn hóa của phía bên kia. Như thế một thái độ cởi mở ở trong nước và đối với các nước ngoài sẽ đóng góp xây dựng một trật tự thế giới hòa bình dựa trên sự bình đẳng giữa các dân tộc và sự thực thi luật pháp. Tôi muốn khuyến khích quý vị có những đóng góp, thật riêng và thật cá nhân cho sự thông cảm này. Người Đức và người Việt đang theo học hoặc làm việc tại nước bên kia cần và phải tự xem mình như những đặc sứ ở nước bên kia.

Thưa quý Ông Bà,

Không phải chỉ trong các Đại Học mà trong nhiều lãnh vực khác của xã hội Đức mà quý vị sẽ thấy sự có mặt của người Việt. Chính tại thủ đô Berlin cũng có nhiều cửa tiệm buôn bán, trong đó dĩ nhiên có các nhà hàng ăn do người Việt làm chủ. Chúng tôi cũng có những chính trị gia gốc Việt. Một vị Trưởng khối Dân biểu rất thành công trong Quốc Hội tiểu bang Niedersachsen đã được sinh ra ở Việt Nam. Điều bất lợi duy nhất cho ông ta, trong cách nhìn của tôi, là rất tiếc rằng ông ta đi theo làm một đảng khác.

Điều này cho thấy xã hội Đức là một xã hội cởi mở và muốn có sự ảnh hưởng của các nền văn hóa khác. Ngày càng có nhiều người xem ảnh hưởng của các nền văn hóa khác như là một sự phong phú. Ngoài ra thường chỉ khi có suy nghiệm về một lối sống xa lạ mà người ta có thể khám phá trở lại những điều lâu nay mình không thấy. Tôi nghe báo cáo rằng trong thời gian qua nhiều phong tục cũ đã được phục hồi ở Việt Nam, thí dụ như việc đi chùa vào những ngày rằm và tháng một. Thí dụ này rõ ràng cho thấy rằng những thay đổi theo thời gian

không nhất thiết đồng nghĩa với việc đánh mất bản sắc.

Thưa quý Ông Bà,

Toàn cầu hóa không phải là một thế lực khiến chúng ta phải đành bất lực chấp nhận. Chúng ta có thể tham gia sắp đặt nó và ảnh hưởng đến nó, và chúng ta phải cùng nhau quyết tâm làm cho được điều này. Một trong những khả năng tốt nhất là thành lập một mạng lưới những mối liên lạc cá nhân để làm những điểm định hướng cho những người khác.

Việt Nam, trong sự tin tưởng vững chắc của tôi, hiện đủ mạnh để thực hiện một sự mở cửa cho bên ngoài và đối với bên trong. Từ khi thi hành chính sách "Đổi Mới", đất nước của quý vị đã phát triển kinh tế năng động và nâng cao được mức sống của người dân. Điều này làm chúng tôi rất kính phục. Nổi bật là sự tăng trưởng kinh tế liên tục, những thành công trong việc chống nghèo đói, và một nền giáo dục và đào tạo tốt cho nhiều thành phần rộng lớn trong xã hội.

Thưa quý Ông Bà,

Để càng nhiều người được hưởng càng nhiều thịnh vượng và bảo đảm về mặt an sinh xã hội, sẽ chưa thể nào đủ, nếu từng người cố gắng tạo ra tại nước của mình những điều kiện cho một sự tăng trưởng toàn cầu. Chúng ta cần có một nền thương mại tự do và công bằng trên thế giới. Những nước đang phát triển đang phải đối phó với rất nhiều điều kiện khởi động bất lợi. Do đó nhiệm vụ bắt buộc của những nền kinh tế quốc dân giàu có là phải giúp những nước này trên con đường đi của họ. Chúng ta sẽ chỉ thành công bền chặt khi các quốc gia đang phát triển thật sự có được cơ hội ngay thật để bán các sản phẩm của họ trên thị trường quốc tế - cũng như chính trong các thị trường của chúng ta.

Do đó nước Đức sẽ hỗ trợ Việt Nam gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế WTO. Chúng tôi muốn giúp đất nước của quý vị hội nhập càng nhiều càng tốt vào nền kinh tế thế giới. Phía Đức chúng tôi trông đợi nhiều hơn nữa vào sự hợp tác với một nước Việt Nam có năng lực và biết trọng năng lực, vì lợi ích của cả 2 phía và trên hết vì quyền lợi của những con người sống tại cả 2 quốc gia.

Các cựu sinh viên thân mến, Thưa quý vị,

Tôi xin cảm ơn quý vị đã mời tôi đến đây, cho tôi cơ hội được đưa ra một vài suy nghĩ. Và tôi đặc biệt mong được thảo luận với quý vị. Trước khi làm việc đó, xem như là một sự tượng trưng cho mối liên lạc của chúng ta, tôi xin trao cho ông Viện Trưởng 5 học bổng sang Đức một thời gian dành cho những sinh viên nam nữ xuất sắc nhất. Bởi vì người Đức có một câu ngạn ngữ rất hay là: "Một ông chủ biết đem đến một món quà còn tốt hơn một bà di chỉ đến để chơi dưỡng cầm". Trong ý nghĩa đó, tôi chúc quý vị được mọi điều tốt lành. •

Ghi lại nhân gặp một Phật Tử Việt Nam thành công trong lĩnh vực Computer ở hội chợ CEBIT (Hannover)

Phạm Tuấn Hoàng lược dịch

Giữa khí trời còn se lạnh và êm ả, Hội Chợ CEBIT diễn ra ít nhiều đã gây không khí náo nhiệt và bận rộn cho thành phố Hannover.

Lẽ ra, anh Nguyễn Luân, người Kỹ Sư trẻ mà bài báo đề cập tới, có thể muốn một khách sạn tiện nghi gần Hội Chợ để nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng. Ngược lại anh đã xin phép ở chùa Viên Giác, để có thể tiếp kiến Thượng Tọa Thích Như Điền, Viện chủ chùa Viên Giác, cùng quý Tăng Ni và có dịp lễ bái. Điều đó đã gây thiện cảm nơi chúng chùa Viên Giác trong những ngày anh lưu lại. Dù được xem là một trong 2 nhà khoa học trẻ Việt Nam thành công trong lĩnh vực vi tính hiện nay, đại diện cho một Công Ty Vi Tính

do người Việt Nam làm chủ trên đất Mỹ, nhưng anh vẫn giữ được tính khiêm cung của người con Phật.

Không hẳn nhiên, mà ông Kirk Ladendorf thuộc văn phòng American-Statesman Staff đã viết trong bài "Công Ty vừa mới thành lập giới thiệu những phương tiện ít tốn kém để phân phối những thông tin quan trọng" vào ngày thứ hai 17.03.2003 như sau:

"Khi chi nhánh của các cửa hàng bán giày thể thao hãng Run-Tex cần có một phương tiện đơn giản và rẻ tiền để nối những quầy tính tiền trong các cửa hiệu thuộc về chi nhánh, thì ông Dave Duncan đã biết tìm nó ở đâu..."

Duncan, người Cố Vấn Kỹ Thuật cho các chi nhánh cửa hàng, đã gọi Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn (TNHH) Weboffice vừa mới thành lập ở Austin.

Công Ty vừa mới thành lập cách đây 3 năm đã thiết kế ra một phương tiện khéo léo để giải quyết một vấn đề lớn: Tạo điều kiện cho những cửa hàng thương mại tại nhiều nơi khác nhau phân phối các tin tức quan trọng một cách nhanh chóng và đơn giản, không cần phải xử dụng thêm những hệ thống kiểm soát trung tâm nghiêm ngặt.

... Công Ty cho biết rằng những hệ thống trên có thể sắp đặt trong vòng 10

phút mà giá cả chỉ khoảng 1 phần 5 so với hệ thống khác có những cơ năng tương tự...

... Hệ thống Weboffice dựa trên sáng kiến của hai người sáng lập, Vũ Lan và Nguyễn Luân; cả 2 là con của gia đình tỵ nạn Cộng Sản từ Việt Nam. Họ quyết định sáng tạo một phương pháp linh động và thấp giá để giải quyết vấn đề khó khăn của nhiều cơ sở thương mại muốn phân phối những thông tin thương mại qua liên mạng Internet.

Khái niệm chính của Công Ty là giúp cho các cơ sở thương mại nhỏ với tài khoản hạn chế lại được nhiều phương tiện có khả năng lấy thông tin như các hãng lớn với giá thành rẻ.

Thay vì dùng những mạng lưới riêng biệt với năng suất cao và đắt tiền, Weboffice dùng những mạng nối an toàn sử dụng bằng hệ thống Internet công cộng.

... Vũ Lan và Nguyễn Luân người đồng sáng lập, đã là những sinh viên tài năng mà gia đình của họ đã lần lượt di cư đến Lubbock và Oklahoma sau cuộc chiến Việt Nam. Họ đã gặp nhau khi còn là sinh viên

của trường Đại Học Texas. Họ đã có được bằng Tiến Sĩ; Nguyễn Luân thi trong ngành Kỹ Thuật Điện Tử (electrical engineering) của trường Đại Học Texas còn Vũ Lan thi trong ngành Vật Lý của trường Đại Học Illinois. Cả hai đã có bằng Thạc Sĩ Khoa Học Xã Hội



Từ trái sang phải: Tiến sĩ Kỹ sư Nguyễn Luân và Phạm Tuấn Hoàng (tác giả bài dịch)

(MBA).

Sau khi tốt nghiệp, Nguyễn Luân trở thành Kỹ Sư cho Công Ty IBM, trong khi Vũ Lan trở thành nhà nghiên cứu Chất bán dẫn cho Công Ty Advanced Micro Devices (Inc.).

Khi Nguyễn Luân phát triển một ý tưởng vào cuối thập niên 1990 về một hệ thống rẻ tiền mà hệ thống này có thể kết hợp lưu trữ thông tin dữ kiện, anh đã gọi điện cho Vũ Lan giúp anh tiến hành công việc làm ăn này. Công việc này đã bắt đầu từ đầu năm 2000 ...

... Và bây giờ sản phẩm đầu tiên đã ra đời, Công Ty đang đối mặt với những thử thách trong việc xây dựng sức đẩy mua bán giữa một thời kỳ ta gọi là yếu kém trong việc đầu tư kỹ thuật thông tin ...".

Trong Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, không ít người Việt Nam thành công trong lĩnh vực Khoa Học và Xã Hội nhưng việc tham gia của Công Ty Weloffice vào Hội Chợ CEBIT cũng là tín hiệu đáng mừng bởi đây là Công Ty Vi Tính đầu tiên do người Việt Nam làm chủ, được mời tham gia vào Hội Chợ triển lãm thành tựu Khoa Học vào tầm cỡ thế giới ở Hannover (Germany).

Bạn đọc có thể liên lạc:

Email: Kladendorf@statesman.com

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI HIỆN NAY ỨNG HỢP VỚI SÁM KÝ NOSTRADAMUS

?



ĐOÀN VĂN THÔNG

Nostradamus (1503-1566) là nhà chiêm tinh lừng danh thế giới. Tập Sám ký do ông biên soạn gồm 1000 câu thơ tiên đoán những sự kiện tương lai của thế giới đã làm vô số người kinh ngạc vì sự ứng nghiệm vô cùng chính xác. Từ hơn 400 năm qua, đã có biết bao nhà nghiên cứu, tìm hiểu những chữ, những câu từ các khổ thơ trong tập Sám ký hay tập Thế kỷ đầy bí ẩn- đều công nhận là rất khó hiểu khó đoán- hơn nữa các khổ thơ đôi khi sắp xếp lộn xộn không theo tuần tự thời gian- Kinh nghiệm từ những nhà nghiên cứu Nostradamus đều cho rằng: có lẽ phải đợi tới khi sự kiện xảy ra thì người ta mới biết là nhà tiên tri đã báo trước trong đoạn thơ mô tả. Ngoài ra theo nhà tiên tri Nostradamus thì lịch sử thế giới thường lặp đi lặp lại- Và từ đó nhân loại sẽ thấy mỗi khổ thơ trong tập sám ký của ông được dùng để giải thích các sự cố sẽ tái diễn trong tương lai.

Dưới đây chúng tôi xin nêu ra một số khổ thơ ứng hợp với những sự kiện đã xảy ra qua tình hình thế giới mới đây (trong năm 2003) để thấy sự trùng hợp chính xác lạ lùng:

Kính thưa quý vị độc giả,

Trong biến cố của cuộc Đại khủng bố xảy ra tại New York Hoa kỳ vào năm 2001, chúng tôi đã có dịp trình bày về sự tiên đoán chính xác của nhà tiên tri Nostradamus về sự kiện này. Giờ đây vào năm 2003, thế giới lại xảy ra những sự kiện lớn lao và cũng vô

cùng ứng hợp với những lời tiên đoán trong tập Sám Ký của Nostradamus.

Trước hết là cuộc tấn công đầy sấm sét của liên quân Anh Mỹ vào thủ đô Bagdad của Iraq ngày 20 tháng 3 năm 2003 tại Iraq đã được nhà tiên tri Nostradamus mô tả rõ ràng trong tập Sám ký (xin lưu ý rằng: nhà tiên tri Nostradamus là người Pháp nên các câu thơ trong tập Sám Ký hay tập Thế kỷ của ông đều viết bằng tiếng Pháp với vô số ẩn ngữ) **Khổ thơ 64 - Tập Thế kỷ I** ghi như sau:

De nuit Soleil penseront avoir vu,

Quand le pourceau demi-homme on verra:

Bruit, chant, bataille, au ciel batter apercu

(Dịch thoát):

Đêm tối tưởng như nhìn thấy mặt trời,

Khi người heo xuất hiện.. thì những tiếng nổ đin đang tai nhức óc .. trận đánh từ trên bầu trời..

Liên quân (chủ động là quân đội Hoa Kỳ) tấn công vào thủ đô Bagdad của Iraq, lửa tủa ra sáng rực như mặt trời, tiếng bom đạn kinh thiên động địa, các chiến binh của Hoa Kỳ và Anh quốc thấp thoáng trong khói lửa, họ đeo mặt nạ như mặt heo để phòng chống vũ khí hóa học...

Trận chiến giữa liên quân và quân đội Iraq được mô tả qua **khổ thơ 7 trong tập Thế kỷ III** - Máy bay tàng hình (con quạ) dội bom xuống các mục tiêu dưới đất, quân lính Iraq đầu hàng hay bỏ chạy, tan hàng...

Les fugitifs, feu du ciel sus les piques

Conflit prochain des corbeaux s'ébattants

De terre on crie aide, secours celiques

Quand près des murs seront les combatants.

(Dịch thoát)

Nhiều người di tản, bỏ trốn-

Lửa từ trời cao giáng xuống

Cuộc chạm trán sắp xảy ra, kéo theo những con quạ.

Từ dưới đất, các lính tráng bị dồn vào bức tường,

kêu xin được cứu giúp...

Bom đạn của liên quân tấn công các dinh thự của T.T. Saddam Hussein cũng thấy rõ qua mô tả của các câu

thơ của **khổ thơ thứ 100 trong tập thế kỷ IV:**

Du feu céleste au Royal édifice, Quand la lumière de Mars défailira,

Sept mois grande guerre, mort gent de maléfice...

(Dịch thoát)

Lửa từ trời cao rơi xuống dinh thự của Hoàng gia,

khí ánh sáng của Hỏa tinh không còn.

Cuộc chiến lớn lao, trong thời gian 7 tháng,

người chết do ác tâm..

Đoạn thơ mô tả cảnh tượng Iraq tan rã, quân lính bỏ trốn thì sống, những ai còn lương lự chưa chịu buông vũ khí thì sẽ bị chết. Cuộc chiến xảy ra trên vùng sa mạc (vùng đất trắng) và kết cuộc liên quân sẽ thắng. Bảy tháng ở đây là chỉ thời gian liên quân vẫn hồi trật tự và thành lập chánh phủ, tái thiết, xây dựng khá ổn định.

Prêt à combattre fera defection, Chef adversaire obtiendra la victoire:

L'arrière- garde fera defension Les défailants morts au blanc territoire..

(Dịch thoát)

Người sắp chiến đấu thì sẽ đào ngũ,

Đối thủ cầm đầu sẽ chiến thắng

Có thêm quân hậu tập bảo vệ - Đối với những ai còn

lương lự (chưa quyết định bỏ ngũ hay đầu hàng) thì sẽ chết trên vùng đất trắng...

Sau cuộc chiến thắng của quân đội Hoa Kỳ là giai đoạn ổn định, tái thiết và lập chánh phủ mới, tình hình đất nước Iraq nói riêng và thế giới Rập nói chung sẽ có nhiều thay đổi nhưng phải trải qua một thời gian rất lâu... Trong những thay đổi đáng kể là việc phụ nữ Hồi giáo phần lớn không còn che mặt nữa và không còn bị cách biệt, cô lập như trước, trái lại bình đẳng với nam giới. Ngoài ra vấn đề các giáo phái thì vẫn còn và ai cũng muốn giáo phái mình vượt trội- vẫn còn có sự tranh giành địa vị quyền lợi giữa các chức sắc. Các hệ phái Hồi giáo. Sự kiện ấy cũng đã được Nostradamus tiên tri qua mấy câu trong **khổ thơ thứ 10 của tập Thế kỷ II** như sau:

Avant longtemps le tout sera rangé,

**Nous espérons un siècle bien
sénéstre,
L'état des masques et des seuls
bien changé,**

**Peu trouveront qu'à son rang
veuille être.**

(Dịch thoát)

Trước khi tình trạng ổn định một
thời gian lâu dài,

Sẽ có một thế kỷ hết sức tồi tệ...

Tình trạng thay đổi khá nhiều như
vấn đề mặt nạ che mặt

Và cả những người máy lâu (bị
phân biệt, cách ly) làm cho cô độc

Một số ít thì trong lòng vẫn mong
là sẽ có chúc sắc của mình...

Trong khi đó, một số người dân
Iraq- nhất là những chiến binh trong
đội Vệ Binh Cộng Hòa cũ- tay chân
trung thành của T.T. Saddam Hussein-
vẫn giữ tập tục của mình và coi những
kẻ tới xứ sở họ - nhất là người da trắng
là những kẻ xâm lăng và cai trị bất
công- Nhà tiên tri Nostradamus ghi
điều đó trong **khổ thơ 3 của tập thế
kỷ thứ I** như sau:

**Quand la litière du tourbillon
versée,**

**Et seron faces de leurs
manteaux couvers,**

**La Republique par gens
nouveaux vexée,**

**Lors blancs et rouges jugeront à
l'envers..**

(Dịch thoát)

Khi chiếc kiệu và những bộ mặt
giấu kín trong áo choàng bị gió lật
bung

thì nước Cộng Hòa sẽ bị những
người mới quấy phá,

và cai trị bất công bởi cả những
người trắng lẫn đỏ.

Ngoài ra, sau cuộc chiến, một số
tiểu quốc như Syria, Jordanie,
Palestine sẽ có những thay đổi lớn về
mặt luật pháp, chính trị- **khổ thơ 97
trong Tập Thế Kỷ III** đã tiên đoán điều
đó:

**Nouvelle loi terre neuve occuper
Vers la Syrie, Judeé et Palestine**

(Dịch thoát)

Pháp luật mới sẽ bao trùm, chiếm
cứ

những vùng đất mới hưởng về
Syria, Jordan, Palestine...

Trong tập Sấm ký, nhà tiên tri còn
cho hậu thế biết rằng: nạn khủng bố
chưa chấm dứt, trái lại có cơ bùng phát

mạnh- dù liên quân chiếm lĩnh xong
Iraq- Mấy câu thơ trong **khổ thơ 26
của tập Thế Kỷ IV** là lời cảnh cáo hay
báo động :

Theo tài liệu của Edgar Leoni- (nhà
nghiên cứu Sấm ký) trong cuốn
Nostradamus and His Prophecies thì
khổ thơ này viết bằng tiếng Latin nên
tác giả Edgar Leoni đã chuyển dịch
qua tiếng Anh như sau:

**The great swarm of bees will
arise,**

**Such that one will not know
whence they have come;**

**By night the ambush, the
sentinel under the vines**

**City delivered by five babblers
not naked ?**

Dịch thoát thì:

Bầy ong lớn sẽ bay vút lên cao,

Những chẳng có ai biết là chúng từ
đâu tới...

Cuộc đột kích xảy ra vào ban đêm-
Con chim dưới cây nho,

Thành phố bị phản bội bởi 5 cái
lưỡi...

Trong khổ thơ này có nhiều chữ rất
tối nghĩa khó đoán ví dụ chữ con chim
và cây nho. Theo một số tác giả khác
thì con chim chỉ máy bay, còn cây nho
phải nghĩ tới giàn nho leo có hình mắt
cáo, những cái ô mắt lưới- đó phải
chẳng là hình ảnh tòa cao ốc, các ô
lưới là các cửa? Bầy ong là hình ảnh
của nhiều máy bay- Vậy đây là hình
ảnh tương lai sẽ có những cuộc đột
kích ban đêm rất táo bạo khủng khiếp
bởi các máy bay cảm tử lao vào các
tòa cao ốc lần nữa. Còn 5 cái lưỡi là ai
? Có người cho là những phe nhóm
phản chiến, chống đối chính phủ Mỹ.

Ngoài ra tại thành phố New York
cũng sẽ có thể xảy ra cuộc tấn công
cảm tử bằng máy bay lao vào các tòa
cao ốc- Như câu thơ dưới đây thuộc
khổ thơ 24 trong tập Thế kỷ I:

**À cité neuve pensif pour
comdamner,**

**L'oiseau de proie au ciel se
vient offrir;**

(Dịch thoát)

Nói Thành phố Mới nghĩ tới sự kiện
lên án!

Con Chim săn mồi lảng vảng trên
bầu trời...

Chữ Thành phố Mới phải chẳng là
New York-? (New là mới)

Cũng tại New York, theo sấm ký
Nostradamus thì sẽ có khả năng là
thành phố này bị ô nhiễm, bị thảm họa
về chất hóa học độc hại. Cần phải đề
phòng, cảnh giác sớm. **Khổ thơ 49
trong tập Thế Kỷ X-** Nostradamus ghi
lời tiên tri như sau:

**Jardin du monde auprès de cité
neuve**

**Dans le chemin des montagnes
cavées**

**Sera saisi et plongé dans la
Cuve!**

**Buvant par force eaux soufre
envenimeés**

(Dịch thoát)

Gần thành phố mới (New York) nơi
công viên quốc tế

trên đường dẫn tới những núi non
nhân tạo,

bị giữ, đổ vào bể và bị uống nhầm
nước độc

có chất lưu huỳnh gây nhiễm -

Riêng số phận T.T. Saddam
Hussein thì cũng đã được nhà tiên tri
Nostradamus ghi lại trong **khổ thơ 65
của tập Thế kỷ IV** như sau:

**Au déserteur de la grande
forteresse**

**Après qu'aura son lieu
abandonné'**

**Son adversaire fera si grande
prouesse,**

**L'Empereur tôt mort sera
condamné.**

Dịch thoát:

Sau khi rời khỏi vị trí và trốn khỏi
pháo đài lớn

Địch thủ của ông ta sẽ cho thấy
một sức mạnh phi thường.

Buộc hoàng đế phải chết!

Một sự kiện hết sức lạ lùng về
phương thức Chiến Tranh Tuyên
truyền đã được T.T. Saddam Hussein
thể hiện qua Bộ Trưởng Thông Tin Al-
Sahaf- Nhiệm vụ của ông này là luôn
luôn phải bình tĩnh trong các cuộc họp
báo và phải tự nhiên tuyên bố rằng thủ
đô Bagdad vững chắc như thành đồng,
không một bóng dáng của quân thù
xuất hiện tại đây, mặc dù lúc ấy, xe
tăng Mỹ đã tràn vào các cung điện của
T.T. Saddam Hussein tại thủ đô
Bagdad. Đến khi liên quân làm chủ
tình hình thủ đô Iraq thì khi ấy ông Bộ
Trưởng Al-Sahaf không còn tuyên bố
gì khác mà đành thất cổ tự vẫn- **Khổ**

thơ 56 của tập Thế Kỷ IV đã ghi rõ giai đoạn này rất chính xác như sau:

*Après victoire de rabieuse
langue*

*L'esprit tempéré en tranquil et
repos*

*Victeur sanguin par conflit fait
harangue*

*Rôtir la langue et la chair et les
os*

(Dịch thoát)

Sau thắng lợi hùng hồn của miệng
lưỡi,

Quý lui vào nghỉ ngơi (yên lặng
hay im tiếng).

Những lời hô hào, tán tụng thắng
lợi bằng máu xương

Nói chiến trận đã thiêu nướng cái
lưỡi, thịt và xương.

Điều đáng lưu tâm để theo dõi là trong tập Thế kỷ có một khổ thơ như sau:

*Khi hai siêu cường liên kết nhau,
thì sức mạnh của họ gia tăng
khủng khiếp.*

*nhưng sự liên minh không bền,
Sau mười ba năm, xứ Iran sẽ làm
họ thiệt hại nặng nề...*

Nhiều sách suy đoán đoạn thơ này cho rằng; hai siêu cường đó là Nga và Mỹ, nhưng có người lại bảo là Mỹ và Anh. Có một khổ thơ cũng nói về sự liên minh của hai nước và sự cố xảy ra sau đó:

*Cả hai đứng ra nắm giữ luật lệ,
Sau khoảng thời gian ba năm,
bảy tháng*

*thì các chú hầu của họ lại nổi
dậy*

Cuộc chiến lại xảy ra ..

Với tình hình đang diễn ra qua cuộc chiến Iraq (2003) thì hai nước ấy chính là Anh và Mỹ.

Riêng đối với vấn đề Bắc Hàn thì vấn đề Bắc Hàn dùng việc chế tạo, sản xuất vũ khí nguyên tử để làm điều kiện bắt nạt, làm eo vơi thế giới, nhất là Hoa Kỳ hầu đòi hỏi Mỹ và thế giới phải giúp đỡ, viện trợ nhất là thực phẩm thuốc men, xăng dầu cho đất nước họ- Mặc dầu yêu sách thập phần phi lý- Nhưng nếu Bắc Hàn khôn ngoan không làm mất mặt Mỹ trong giai đoạn hiện nay thì chung cuộc Mỹ sẽ đồng ý giúp đỡ, viện trợ không

những thực phẩm, lúa gạo mà còn bao gồm cả dầu hỏa nữa. Không ai ngờ sự cố này cũng đã được nhà tiên tri Nostradamus sống cách đây gần 500 năm "thấy rõ và ghi lại" trong khổ thơ 15 của tập Thế kỷ IV như sau:

*D'ou pensera faire venir famine,
De là viendra la rassasiement:*

*L'oeil de la mer par avare canine
Pour de l'un ; 'autre donna huile,
froment.*

(Dịch thoát)

Nói được coi là bị đói

thì sẽ được cứu giúp

Mắt của biển dương và bản năng
ăn uống

Sẽ được cung cấp (cứu trợ) dầu và
lúa gạo.

Về căn bệnh lạ lây lan khủng khiếp (bệnh SARS) phát sinh và hoành hành từ giữa năm 2002 tới tháng 5 mà vẫn chưa có thuốc chữa- Trong Sấm Kỳ Nostradamus cũng có nhắc đến trong tập Thế kỷ II, khổ thơ số 6 như sau:

*Auprès des portes et dedans
deux cités,*

*Seront deux fléaux et onc
n'aperçu un tel,*

*Faim dedans peste, de fer hors
gens boutés,*

*Crier secours au grand Dieu
immortel.*

(Dịch thoát)

Gần nơi Hải cảng và hai thành phố

Tai họa phát sinh chưa từng thấy

Đói khát Dịch bệnh- Chỉ còn biết
cầu xin

Đấng tối cao cứu giúp...

Khổ thơ trên cho thấy Dịch bệnh lạ phát sinh nơi Hải cảng phải chăng là Hồng Kông, nơi phát triển kinh tế mạnh mẽ và "hai thành phố" ? -phải chăng nhà tiên tri nói tới Bắc Kinh và Hồng Kông ?

Ngay trong tập Thế kỷ 6, khổ thơ 98 cũng nói tới bệnh lạ gây kinh hoàng cho nhiều thành phố lớn- Trong khổ thơ này cũng nói tới bệnh lạ phát triển ở một thành phố lớn nằm giữa 2 con sông lúc ấy chứa đầy máu ý nói bệnh dịch phát triển quá nhanh và rộng khắp vùng. Nhiều nhà suy đoán liên kết với tình hình hiện nay đã cho rằng đó là hình ảnh của Nam Kinh Trung Hoa nơi có hai con sông lớn- Ngoài ra Bắc Kinh cũng định vị giữa 2 sông lớn nếu nhìn trên bản đồ sẽ thấy (bản tin

sáng ngày 6 tháng 5 năm 2003 cho hay thành phố Nam Kinh Trung Quốc vừa ra lệnh biệt cư hàng chục nghìn người trong kế hoạch ngăn chặn bệnh SARS đang lan tới thành phố này).

Điều kỳ diệu hơn nữa là những câu thơ tiên tri trong tập Thế kỷ còn cho hay bệnh dịch lạ phát ra cùng lúc với một cuộc chiến lớn lao:

*Trận chiến được sắp xếp,
Chuẩn bị ngay từ Phương Tây.*

*Thì dịch bệnh lan tràn khủng
khiếp đến độ:*

*Người già, con trẻ và cả thú vật
đều khó tránh bị hủy diệt.*

Trận chiến ấy là cuộc tấn công Iraq và dịch bệnh là bệnh SARS.

Lời tiên tri còn có thể nói là vô cùng chính xác khi những câu trong Sấm kỳ mô tả thứ Dịch lạ phát sinh từ loài Siêu Vi khuẩn (Virus) thường sinh sản theo kiểu đột nhập và tự vỡ ra (từ những vỏ bọc tế bào hay cơ thể chúng) mà chỉ vỏ bọc được dùng rất ứng hợp:

Dịch bệnh phát ra từ cái vỏ bọc

Dù có tới gần để giúp

thì cũng vô phương cứu chữa.

Chỉ vỏ bọc này có lần cũng đã được một số nhà suy đoán Sấm Kỳ cho là bom vi trùng, hóa học hay chất Anthrax giấu trong bao thư.

Có thể bằng trí tuệ siêu việt hay bằng Huệ nhãn, nhà tiên tri Nostradamus đã thấy trước, biết trước những sự kiện, hình ảnh xảy ra trong tương lai nên đã khắc khoải, ưu tư, lo lắng cho những thế hệ con cháu về sau khi phải chịu những tai họa- mà những tai họa khủng khiếp giáng lên mọi người lại chính là do loài người gây ra-

Chúng ta hãy nghe lời than vãn của nhà tiên tri Nostradamus:

*Ta đau đớn khi thấy tương lai thế
giới,*

Đầy những chết chóc đau thương.

Ta không dám nói thêm nữa

*Chỉ biết nói lời cầu nguyện- và hãy
nhớ rằng:*

*Tất cả là do chính con người, Tham
lam và Thù hận*

(California - tháng 4.2003)

TIN THẾ GIỚI



PHAN NGỌC

✦ CASTRO VÀ IRAK.

Sau vụ khủng bố 11-9-01, người ta e ngại vụ khủng bố này sẽ tạo ra một mối lớn bất ngờ cho một số nhà độc tài. Nói cách khác, cuộc chiến đấu chống khủng bố Hồi Giáo cực đoan sẽ mang đến cho các nhà độc tài một cái cơ để họ bóp chết phong trào đối lập. Trung Quốc đã đẩy mạnh cuộc đàn áp chống các nhà Hồi Giáo ở Tân Cương, điện Cẩm Linh dọa đày dân tộc Tchetchenie thêm hơn. Một số nhà độc tài khác tỏ vẻ hài lòng. Họ lợi dụng tình thế để nhất, tra tấn, giết hại nhân danh cuộc chiến đấu chống khủng bố.

Castro cũng đứng hèn, nhưng với phương cách riêng của ông. Ông chọn một dịp khác, chờ đợi đến khi chiến tranh Irak bùng nổ để quyết định hạ đối lập, với một thái độ trợ trên tàn nhẫn. Nội trong hai tuần, nhân viên mật vụ tung lưới tóm tất cả 78 nhà đối lập; chế độ mang họ ra tòa xét xử đúng theo kiểu mẫu xử án Liên Xô thời Staline. Không một luật sư được nghiên cứu hồ sơ trước ngày xử án, không một nhà báo, không một nhà ngoại giao có mặt tại tòa.

Những tù nhân này là ai? Đó là những người dù phạm một tội duy nhất: muốn có chút ít tự do trong khuôn khổ luật pháp. Castro cương quyết nghiền nát họ. 11 người lãnh án khổ sai chung thân, trong đó có nhà nữ Kinh tế Beatrix Rocque; Giám đốc Trung tâm Xã hội học Hector Palacios; nhà báo độc lập Ricardo Alfonso. Nhà

báo kiêm thi sĩ Raul Rivero lãnh án 20 năm tù.

Castro thừa biết cởi mở chính trị là mồi chôn độc tài. Ông phải đánh bật luồng gió tự do. Ông hy vọng dư luận thế giới đang hướng về Irak, sẽ thờ ơ trước vụ đàn áp. Không thấy ai hô hào xuống đường ủng hộ các nhà đối lập Cuba, trừ Hội nhà báo không biên giới nhóm họp trước tòa Đại sứ Cuba tại Paris để phản đối. Trong vụ này, người ta thích thú trước hành động côn đồ của Đại sứ Cuba Caballero Rodriguez thất cựa-vạt chỉ huy đám nhân viên dùng thanh sắt và thắt lưng đánh các phóng viên biểu tình.

Đợt đàn áp này chứng tỏ chế độ Cuba đang hồi khủng hoảng và muốn khóa chặt sự diễn tiến hòa bình để tiến đến một mùa xuân dân chủ Cuba.

✦ MỸ

Hồ sơ Watergate trị giá 5 triệu đô la

30 năm sau, Watergate, một trong những vụ tai tiếng lớn tại Mỹ còn mang lợi lớn cho hai ký giả báo Washington Post, là cuộc điều tra dẫn đến sự từ chức của TT Richard Nixon. TT Nixon ra lệnh cho nhân viên mật vụ nghe lén cuộc vận động bầu cử Tổng Thống của Đảng Dân Chủ, như thế là vi phạm Hiến Pháp.

Đại Học Austin Texas trả 5 triệu đô la cho hai ký giả Bob Woodward và Carl Bernstein để thu về hồ sơ gồm 75 kiện tài liệu. Tuy nhiên, còn thiếu tài liệu liên quan đến một nhân viên Tòa Bạch Ốc, người đưa tin mật cho hai ký giả. Cho đến giờ phút này, không ai biết lý lịch của nhân vật này.

Trước đây, nhà bình luận Susan Sontag đã bán cho Đại Học California tài liệu viết tay, thư từ, 200.000 quyển sách với giá 1,5 triệu đô la. Tài liệu về phim ám sát TT Kennedy giá 16 triệu đô la, tài liệu cũ Thủ Tướng Anh W. Churchill giá 18,4 triệu đô la.

✦ MATA HARI TRUNG QUỐC

James Smith, cựu giám đốc FBI tại Los Angeles ra tòa về tội để cho tin tức mật chạy sang Bắc Kinh và có thể lãnh án 40 năm tù. Theo bản cáo trạng ông đã che giấu mối liên hệ tình cảm với Katrina Leung trong vòng 20 năm. Bà Leung đã cung cấp tin tức tình báo về Trung Quốc từ năm 1982 đến 2002 cho FBI và để nhận của FBI 1,7 triệu đô la. Năm 1991, một nhân viên FBI đã báo động cấp trên về nguồn tin bà

Leung đưa tin mật cho một nhân viên tình báo Trung Quốc có tên mật mã là Mao. Vì không có bằng cứ, bà tiếp tục làm việc cho FBI trong vòng 11 năm. Gần đây, nhân viên an ninh đã tìm ra hồ sơ nhân viên Mao và vụ gián điệp này bùng nổ trở lại. Và giám đốc xí nghiệp bà Leung đã tham dự vào đời sống chính trị, từng hoạt động kinh tài cho Đảng Cộng Hòa. Bà Leung là một gián điệp đôi và hiện bị giam giữ về tội trộm cắp tài liệu an ninh quốc gia.

✦ NIGERIA

- Bầu cử gian lận

Sau khi Tổng Thống đương nhiệm tái đắc cử, ứng cử viên đối lập tổ chức bầu cử gian lận. Các nhà quan sát quốc tế nhận định có nhiều bất thường trong lúc đầu phiếu. Trước đó, đảng cầm quyền thắng lớn trong cuộc bầu cử Hạ Viện, Thượng Viện. Nigeria vẫn duy trì truyền thống độc đảng toàn trị. Các nhà lãnh đạo dân sự cầm quyền từ 4 năm nay chưa thành công hàn gắn các vết thương do các chế độ quân phiệt nối tiếp để lại. Họ chưa đáp ứng nguyện vọng của nhân dân như nâng cao mức sống, diệt tham nhũng và nghèo đói. Không tôn trọng dân chủ, đảng cầm quyền rồi đây sẽ nhen nhúm bạo lực giữa các cộng đồng dân tộc và tạo điều kiện cho những cuộc đảo chánh hoành hành. Từ 1999 đến giờ, có 10.000 nạn nhân các vụ xung đột chủng tộc và tôn giáo.

Tuy nhiên, Nigeria là một khâu quan trọng của kế hoạch năng lượng của Mỹ. Mỹ dự định từ đây đến 2015 sẽ nhập cảng số lượng dầu hỏa Nigeria ngang bằng 25% nhu cầu quốc gia.

✦ NAM PHI

- Cuộc đời chính trị của Winnie Mandela đã chấm dứt

Từ lúc chế độ kỳ thị chủng tộc Nam Phi sụp đổ, phu nhân của Tổng Thống Nelson Mandela gây khá nhiều tai tiếng. Tai tiếng cuối cùng là lãnh án 5 năm tù vì tội trộm cắp, lừa đảo với số tiền 120.000 đô la. Tuy nhiên, tòa tỏ ra khoan hồng với bà, phạt bà 8 tháng tù giam, số còn lại sẽ tính vào thời gian bà làm những việc có lợi ích công cộng.

Là một khuôn mặt sáng chói của phong trào chống kỳ thị tại Nam Phi, một trong những lãnh tụ đảng cầm

quyền Đại hội dân tộc Phi Châu, bà để lộ chuyển tàu dân chủ.

✦ THỤY SĨ

- Ủy ban bảo vệ nhân quyền LHQ tê liệt

Trong khóa họp của Ủy ban Bảo vệ Nhân quyền tại Genève vừa qua và xuyên qua các cuộc bầu bán mặc cả, giới quan sát quốc tế ghi nhận Nga, Trung Quốc, Soudan, Zimbabwe đều thoát khỏi bẫy sập. Không thấy ai nói đến Việt Nam, tuy Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa "vẫn có những hành động khắc nghiệt đối với người dân không làm gì sai ngoài việc ôn hòa kêu gọi một sự thay đổi; vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo trầm trọng nhất" (Đại sứ Mỹ tại Hà Nội). Thấy dễ kiếm lời, Bắc Hàn làm le úng củ vào một ghế ở Ủy ban.

Trong quá khứ, năm 2002, 15 nước hội viên Phi Châu hợp thành một khối để ngăn chặn ủy ban kết án các nhà độc tài Phi Châu. Trước những kết quả mà các nước Phi Châu đạt được, một số nước Hồi Giáo như Algerie, Pakistan đã vận động gia nhập Câu lạc bộ Nhân quyền.

Năm nay, một vài nước dân chủ cấu kết với các chế độ độc tài dẫn đến kết quả tồi tệ là Ủy ban Bảo vệ Nhân quyền hoàn toàn tê liệt, mất hết tín nhiệm. Đây là một sự cố không mấy tốt đẹp cho LHQ cố gắng giữ một vai trò quan trọng trên bình diện quốc tế. Thái độ và sự bầu bán giữa các nước hội viên đều thuận theo các vụ mặc cả chiến lược, chính trị, quyền lợi. Từ đây, trở thành hội viên Ủy ban Bảo vệ Nhân quyền là một phương pháp phòng thủ hữu hiệu nhất. Nhưng Ủy ban không phải là một chợ trời, nhân quyền không phải là một món hàng. Sự sa lầy của Ủy ban bắt buộc người ta phải cải tổ có nghĩa là đưa ra một số điều kiện khắt khe hơn để thu nhận các nước hội viên.

✦ NGA

- Quân đội Nga phạm tội chiến tranh ở Tchetchenie

Theo bản báo cáo của chính quyền Tchetchenie bù nhìn, từ 01-01-2002 đến 31-12-02, có tất cả 1.314 vụ ám sát thường dân, chưa kể nạn nhân các vụ chạm trán vũ trang, dội bom, mìn nổ và pháo binh. Trung bình, mỗi tháng có 109 thường dân bị giết. Ngoài ra người ta tìm thấy 2.879 xác chết ở

các hố chôn tập thể, mang vết tích chết dữ dội. Nội trong các tháng 1-2-3/03, có 70 vụ ám sát, 126 vụ xử bắn, 15 vụ mất tích.

Bản báo cáo này chứng tỏ tình hình ở Tchetchenie chưa được bình thường hóa như điện Cẩm Linh rêu rao. Nó còn cho thấy bạo lực vẫn hoành hành ở vùng Caucase trong khuôn khổ "chiến dịch chống khủng bố" với chuỗi khủng bố, đàn áp khủng bố. Bằng cớ là vừa qua, 3 cảm tử quân Tchetchenie trong số có 2 phụ nữ lái xe tải chứa chất nổ cho nổ tung trước trụ sở hành chánh và cơ quan mật vụ Nga FSB. Hậu quả 85 người chết, hơn 300 bị thương.

Đây là một thất bại nặng nề cho V. Poutine. Từ 3 tháng nay, đường lối của điện Cẩm Linh nằm trên sự đàn cảnh một tiến trình chính trị dành riêng cho nhóm lãnh tụ Tchetchenie bù nhìn thân Nga, trên sự từ chối hòa đàm với Tổng Thống dân cử Maskhadov. TT Poutine nhận định vụ mưu sát này cũng như cuộc khủng bố ở A. Saoudite. Nhưng nhật báo Izvestia thân chính quyền đưa ra giả thuyết một vụ "thanh toán kinh tế". Bộ phận FSB ở Tchetchenie bị tấn công là vì bộ phận này từng chống các nhóm buôn lậu dầu hỏa dưới sự bảo trợ của quân đội Nga.

Không biết giả thuyết này đúng hay sai, nhưng tình hình Tchetchenie có thể sẽ diễn biến theo sơ đồ Palestine với các vụ khủng bố và chống khủng bố không bao giờ dứt.

- Ám sát chính trị tại Mạc Tư Khoa

Kẻ lạ mặt bắn 3 phát súng giết chết dân biểu Serguei Iouchenko. Đây là một vụ ám sát theo hợp đồng; một tác phẩm của những kẻ ám sát chuyên nghiệp.

Là gương mặt sáng giá của khối đối lập, một hình ảnh trong sạch của chính giới Nga, không dính líu đến các vụ kinh tài mờ ám và tham nhũng, nổi tiếng vì chống đối vụ âm mưu đảo chánh năm 91, chống chiến tranh vùng Caucase. Ông cũng là người tham dự Ủy ban Điều tra các vụ khủng bố ở Mạc Tư Khoa và Volvodonks, ngòi nổ chiến tranh Tchetchenie lần 2. Ông đang vận động tích cực cho cuốn phim chứng minh cơ quan mật vụ FSB chủ mưu các vụ khủng bố này.

Vụ ám sát chứng tỏ Dân biểu Iouchenko, Chủ tịch Đảng Tự Do Nga là một cái gai nơi cổ họng của kẻ nào

đó ở điện Cẩm Linh. Nó cũng mở màn cuộc vận động bầu cử Tổng Thống Nga năm 2004.

✦ CHÈNH LỆCH KỸ THUẬT GIỮA LIÊN HIỆP ÂU CHÂU VÀ MỸ

Chiến tranh Irak cho thấy rõ có một khoảng cách kỹ thuật dài giữa LHAC và Mỹ cho dù mới gần đây, 15 nước LHAC cùng nhau cam kết thúc đẩy một nền kỹ thuật khoa học sinh động đua tranh.

Có thể nêu lên một vài lý do giải thích:

1- Ngân sách:- Mỹ dành 2,8% tổng sản lượng quốc gia cho ngành nghiên cứu, LHAC dưới 2%.

2- Hợp tác tư nhân và ngành nghiên cứu:- Xí nghiệp tư nhân LHAC đầu tư không đúng mức trong khi Mỹ tài trợ xí nghiệp tư nhân 3 lần nhiều hơn.

3- Sử dụng nhân lực và sức thu hút của Mỹ:- Không thể tiến bộ nếu không đánh giá đúng mức ngành nghiên cứu. LHAC có một nguồn nhân lực dồi dào, mỗi năm thành công huấn luyện 2,14 triệu nhà khoa học (Mỹ 2,07 triệu). Nhưng LHAC chỉ sử dụng 5,4/1.000 nhà nghiên cứu (Mỹ 8,7/1.000). Các nghiên cứu sinh LHAC đến Mỹ lấy bằng Tiến sĩ rồi không muốn trở về nước (75% cuối năm 1999) bởi điều kiện nghiên cứu thuận lợi, phương tiện tài chánh dồi dào. Từ 20 năm nay, Mỹ đã gồm thâu các giải Nobel Vật lý, Hóa học, Y khoa 2 lần nhiều hơn LHAC. Về giải Nobel Kinh tế, Mỹ được tưởng thưởng 23 lần, Âu châu 5 lần.

- Quốc phòng LHAC: 12 giờ kém năm

Các nhà bảo thủ Mỹ không phải hoàn toàn vô lý khi họ nhận định LHAC có vẻ hòa bình dựa trên nền tảng thương thảo liên quốc gia là vì LHAC đã mất hết sức mạnh quân sự. LHAC đã tỏ ra bất lực trước Milosevic cũng như thái độ nhập nhằng của TT. Chirac khi ông công nhận sơ dĩ S. Hussein chấp thuận cho LHQ thanh tra kho vũ khí Irak là vì Mỹ đã dàn quân trước của Irak.

Phải chăng LHAC là một chú lùn? Ngân sách quốc phòng các nước Âu Châu hội viên NATO chưa bằng 2/5 ngân sách quốc phòng Mỹ. Sau khi Liên Xô suy tàn tất cả các nước Âu Châu đã giảm ngân sách quốc phòng để hưởng lợi tức hòa bình. Trái lại,

ngân sách quốc phòng Mỹ gia tăng đều đều (14% năm 2003 = 378 tỷ đô la và sẽ đạt 450 tỷ năm 2007). Mỹ chi dụng cho quốc phòng hơn tất cả các nước trên thế giới hợp lại. Một sự chênh lệch chưa từng có trong lịch sử. Quan trọng nhất là sự chênh lệch về điện tử. Nhờ hệ thống điện tử, quân đội Mỹ có thể nhìn xa hàng ngàn cây số và tấn công cùng lúc. Sức mạnh dựa trên sự nhanh chóng và hiệu quả hơn là quân số. Quân số tham dự chiến tranh Irak lần 2 bằng 1/2 quân số tham dự chiến tranh Irak lần 1. Trên lãnh vực "Info War" này, Mỹ đi trước LHAC rất xa. (chỉ có 1/10 chiến đấu cơ Âu Châu có thể hoạt động về đêm). Về nghiên cứu quân sự, sự chênh lệch giữa LHAC và Mỹ là 1/5. Một ưu thế gần như tuyệt đối.

Anh-Pháp có thể tự quản về mặt quân sự. Tuy nhiên, về mặt cụ thể, chỉ có Anh mới có thể phóng ra 45.000 quân xa căn cứ.

✦ PHÁP

Công nhân công chức phản đối cải tổ hưu bổng

Các nghiệp đoàn Pháp biểu tình đình công liên miên chống chính quyền thực hiện cải tổ chế độ hưu bổng. Chính quyền phải xúc tiến công việc cải tổ là vì dân Pháp già nua, do đó hệ thống phân chia đồng đều mất thăng bằng. Ví dụ: hiện nay, 2 người lao động cho 1 người về hưu, trong vòng 20 năm sắp đến, 1 người lao động cho 1 người hưu trí.

Muốn đạt mục tiêu cải tổ, có 3 biện pháp để chọn lựa: Giảm trợ cấp, gia tăng sự đóng góp hoặc gia tăng thời gian lao động. Chính quyền chọn biện pháp thứ ba, đề nghị công nhân viên chức phải thực hiện 40 năm đóng góp (41 năm năm 2008, 42 năm năm 2020) nếu muốn lãnh 100% hưu bổng. Hiện tại, công nhân địa hạt tư nhân đóng góp trong vòng 40 năm, công chức 37,5 năm.

Nhưng trong nhiều trường hợp, gia tăng thời gian lao động là hạ thấp thay vì giữ nguyên mức hưu bổng. Trước nhất là vì thể lệ tính hưu bổng thay đổi mỗi khi có cải tổ. Thứ đến là công nhân khó hội đủ 40 năm đóng góp cần thiết: Công nhân chính thức bị buộc về hưu non hoặc thời gian lao động của nữ công nhân gián đoạn vì lý do gia đình. Do đó, sức mua sắm của người về hưu nhất là của giới công nhân tư

nhân sẽ giảm từ 20% đến 30%. Công nhân làm việc nhiều, hưởng thụ ít.

Dẫn đến tình trạng này bởi chính quyền không dám gia tăng sự đóng góp của giới chủ nhân giàu sụ. Dĩ nhiên, tuổi họ càng tăng. Về hưu càng trẻ hơn, cho nên chế độ hưu bổng của công chức phải thích nghi theo chế độ hưu bổng của công nhân tư nhân. Từ chối khía cạnh này là ép buộc tư nhân phải trợ cấp hưu bổng cho công chức.

Điểm then chốt mà các nghiệp đoàn đề ra là phải bảo đảm hưu bổng cho người về hưu, có nghĩa là phải bảo đảm sức mua sắm của công nhân công chức hạng thấp sao cho sức mua sắm của họ không bị cắt xén khi họ hưu trí. Tóm lại, cải tổ phải nhằm xóa bỏ bất công, như thế phải gia tăng sự đóng góp của giới chủ nhân. Bằng không, người ta chỉ buộc giới công nhân phải hy sinh. Điều này gọi là công bằng.

✦ ĐỨC

- Trước ngõ rẽ hiểm nghèo.

Đối với đảng Dân chủ Xã hội SPD, sự thử thách nằm trên con đường đi đến một cân bằng hết sức khó khăn. Làm thế nào để không mất bản chất khi phải cải tổ hệ thống bảo hiểm xã hội, một trong những lý do sống còn của đảng? Trong vấn đề này, nhà chức trách SPD, lãnh tụ các nghiệp đoàn, một trong những cột trụ của đảng đã xâu xé nhau từ nhiều tháng nay. Các nghiệp đoàn e ngại sẽ mất đi những quyền lợi gặt hái được. Sau một thời gian dài tranh đấu, chính phủ bắt buộc phải cắt xén trước tình hình tài chánh quốc gia tồi tệ. Đảng SPD đang đi tìm một thỏa hiệp khó khăn như con tàu bồng bềnh giữa phong ba bão táp.

Năm quyền từ 5 năm nay, Gerhard Schröder phải trả một giá thật đắt cho cơn khủng hoảng trên nhiều lãnh vực, với nhiều mặt khác nhau. Đang đánh thắng vào xã hội, một xã hội rất e ngại các cuộc cải tổ. Công nhân lãnh lương cao, nộp thuế cũng cao, một phần thuế má được phân chia đồng đều dưới dạng phụ cấp xã hội. Khi nền kinh tế Đức vững mạnh, cỗ máy chạy điều hòa. Trước sự cạnh tranh thế giới khốc liệt và trước cơn khủng hoảng về trạng huống, cơ cấu, nền kinh tế Đức bây giờ mất khả năng tranh đua.

Giới chủ nhân chống giá lao động cao và hướng đến mục tiêu sản xuất sao cho có lời cao. Họ đòi bộ phận sản xuất ra nước ngoài, sa thải hàng trăm

ngân công nhân. Hậu quả là sự đóng góp giảm thấy rõ, công nhân trở nên người tiêu thụ không hơn không kém. Còn phải kể đến giá phải trả cho sự thống nhất (hàng tỷ Euro/năm), dân Đức ngày càng già nua, do đó chi phí hưu bổng gia tăng, bảo hiểm xã hội rộng rãi. Tất cả những khía cạnh này làm cho tầm hoạt động của chính phủ rất là hạn hẹp.

Một dân biểu nhận định Đức đang đi dọc theo hai con đường: hạn chế chi tiêu để giảm bớt giá phụ cấp xã hội và tìm nguồn tài chánh mới để bảo đảm sự chi phí cho những phụ cấp hiện hành. Vậy thì phải cắt xén địa hạt nào để duy trì những gì đạt được, đánh giá giữa những gì có được, những gì quan trọng hơn? Đức còn phải chú ý đến hệ thống giáo dục cứng nhắc cũng như đường lối giải quyết bài toán dân số già nua. Trước sự thiếu hụt ngân sách quá cao, khối đối lập không nhân nhượng, cánh tả đảng SPD, Thủ Tướng chọn con đường lãnh đạo ngắn hạn, bảo đảm sự sống còn của hệ thống bằng những biện pháp bảo quản.

- Chiến tranh liên hệ giữa Liên Hiệp Âu Châu và Mỹ

Gần một năm nay, giá trị đồng Euro tăng đều đều; đến ngày 20-5-03, 1 Euro = 1,17 đô la. Người ta giải thích sự kiện đồng đô la sụt giá vì những lý do sau đây:

- Cán cân tài khoản thiếu hụt 500 tỷ đô la (về phía LHAC, thặng dư 58 tỷ)
- Phát triển kinh tế giảm sút.
- Nền kinh tế mới dựa trên kỹ thuật cao cấp phá sản tài chánh.
- Tai tiếng tài chánh (công ty Enron, World Com).
- Vụ khủng bố World Trade Center kèm theo sự nghi ngờ của thị trường kinh tế, đầu tư thụt lùi, ngân sách thiếu hụt, tiêu dùng giảm sút.

Nhưng tại sao trước những khó khăn này, nền kinh tế Mỹ mạnh gấp đôi nền kinh tế LHAC? Một số nhà quan sát đề nghị theo một lối giải thích khác.

Euro qua mặt đô la khi ngân sách quốc gia Ba Lê, Bá Linh sa sút dưới 3% tổng sản lượng nội địa, khi Pháp tê liệt vì những cuộc biểu tình đình công kéo dài, khi lần thứ 2 trong hai năm, Đức bước vào giai đoạn suy thoái.

Trên một thế giới cạnh tranh, tự do mua bán, tiền tệ mạnh đối với nền kinh tế yếu sẽ làm cho nền kinh tế yếu càng yếu thêm. Đô la sụt giá vì Hoa

Thịnh Đốn muốn và tìm mọi cách để nó sụt giá. Trước nền kinh tế đang giảm tốc độ, sách lược của Hoa Thịnh Đốn là kích thích sinh hoạt kinh tế và giảm thiểu sự thiếu hụt. Đô la yếu cho phép đạt hai mục tiêu kinh tế này, chưa kể đến mục tiêu chính trị: trừng phạt nền xuất cảng Pháp, Đức. Vì Pháp, Đức chống chiến tranh Irak.

Nhưng tại sao thị trường tin tưởng vào Mỹ mà nghi ngờ Pháp, Đức? Là vì trên lãnh vực tiền tệ, lý do của kẻ mạnh bao giờ cũng vững chắc. Các nhà đầu tư không dám đánh cuộc vào sự phục hồi đồng đô la, bởi họ không dám chống lại siêu cường kinh tế.

Khả năng Mỹ ảnh hưởng đến thị trường là kích thước đo lường sự kém khả năng bảo vệ đường lối hối đoái của LHAC.

✦ IRAK.

- Các phi vụ dội bom

Trong chiến tranh Irak lần này, quân Mỹ-Anh thực hiện các vụ dội bom dữ dội hơn. Trong 3 tuần, không quân phóng ra 30.000 phi vụ, thả xuống 24.000 bom đạn trong số có hơn 70% bom được điều chỉnh từ xa (7% năm 91) và 800 hỏa tiễn tầm xa Tomahawk. Lần đầu tiên, không quân sử dụng tất cả các loại phi cơ dội bom, từ B52, đến B1 siêu thanh và B2 tàng hình (22 tỷ đô la 1 chiếc). Phi cơ liên quân Anh-Mỹ ngày đêm tra trên không phận Irak, trên các mục tiêu định sẵn. Trường hợp gây ấn tượng mạnh nhất là phi cơ B1 bay vòng trên mục tiêu Big One (S.Hussein), thả 4 quả bom CBU-31, mỗi quả nặng 1 tấn, 12 phút sau khi phi hành đoàn nhận được tọa độ của mục tiêu.

- Những cuộc vận động lớn

Người ta tham dự cuộc khủng hoảng Irak như tham dự cuộc đua xe F1: phải bám chặt các khúc quanh sao cho khỏi trật đường bỏ cuộc. Tuần trước, thấy Mỹ gặp khó khăn trước sự chống trả quyết liệt của dân quân Irak, người ta vui mừng và dự đoán Mỹ sẽ sa lầy trước chiến tranh đô thị. Người ta khen ngợi S.Hussein đã thắng keo đầu, trở nên anh hùng của khối dân tộc Rập Hồi Giáo như Saladin thuở xưa. Thế rồi tuần sau Bagdad thất thủ. Sau 3 ngày hấp hối.

Người ta hết sức ngạc nhiên, cuối cùng người ta bày ra một thể trận khác. Nào là tái thiết, thành lập một chính quyền Irak tạm thời, nào là viện

trợ nhân đạo. Người ta yêu cầu quân đội chiếm đóng phải thi hành bốn phận theo đúng Quy ước Genève. Rồi người ta đi đến điểm quan trọng nhất: vai trò cốt yếu của LHQ, tức là vai trò của Hội đồng Bảo an, có nghĩa là vai trò của 5 nước hội viên thường trực. Bởi người ta lập luận cho rằng can thiệp vào nội bộ quốc gia với sự bảo đảm của LHQ để lật đổ chế độ Hussein là một việc làm thuộc khía cạnh nhân đạo. Ngược lại, nếu đơn phương xen vào nội bộ quốc gia là thực thi sách lược thuộc địa.

Người ta dùng luận cứ này để che đậy ẩn ý tham dự nội bộ dầu hỏa. Dự trữ dầu Irak đứng vào hàng thứ 2 trên thế giới. Các giếng dầu nằm gần mặt đất, giá khai thác rẻ (2-3 đô la/thùng). Mỗi lợi lớn này kích thích lòng ham muốn của các công ty Mỹ-Anh-Pháp-Nga-Trung Quốc. Trước dự tính giữ độc quyền khai thác dầu Irak của Mỹ, Nga-Pháp tỏ vẻ lo ngại. Công ty Total Pháp đã ký kết với Hussein 2 giao kèo lớn (15-17 tỷ thùng ngang bằng 1/2 dự trữ dầu của Mỹ), Nga cũng ký thỏa ước giá 30 tỷ đô la. Trong giai đoạn hậu Hussein, các giao kèo này còn giá trị? Một vấn đề mấu chốt cho Ba Lê - Mạc Tư Khoa.

Tham dự hội chợ giành giật là một yếu tố chủ yếu trong mối tương quan lực lượng vào đầu thế kỷ 21 này. Sự cạnh tranh trở nên hết sức tàn nhẫn. Mỹ đã đặt lên bàn cân tất cả sức mạnh quân sự. Những nước khác như Ấn Độ, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á cũng đổ xô đến. Vấn đề không chỉ là mua dầu với giá rẻ mà còn là vấn đề kiểm soát các giếng dầu. Không phải bài toán buôn bán mà bài toán sống còn.

- Sau S. Hussein, đến lượt ai ?

Từ Riyad, Damas, Teheran, Amman đến Beyrouth, khi nhìn thấy tượng Hussein đổ, các nhà lãnh đạo Rập cùng có một suy tư: bây giờ đến lượt ai đây? Không lẽ Mỹ dừng chân tại Irak sau khi mang đến hàng trăm ngàn quân? Các nước quanh Irak là những nước "côn đồ" nằm trên danh sách đen của Mỹ loại không trung thành với Mỹ. Tất cả đều nằm trên đường nhắm của phe điều hậu. Nước nào sẽ lãnh hình phạt trước?

Rủi may đổ lên đầu Syrie chứa chấp khủng bố và có vũ khí cấm kỵ. Kẹt giữa Do Thái và Thổ Nhĩ Kỳ, mất chiều sâu chiến lược sau khi Irak bại trận, Syrie trở thành miếng mồi ngon. Nhưng Anh không đồng quan điểm và

Colin Powell mặc trở lại áo ngoại giao và tuyên bố Syrie không làm gì phải sợ nếu chịu hợp tác. Dĩ nhiên tất cả đều nằm trong chữ *nếu*. Phải phủ phục hoặc nếm mùi đau khổ. Trong lúc này, không có chiến tranh chống Damas, nhưng lời tố cáo của Mỹ hết sức rõ ràng đính kèm đe dọa trừng phạt.

Thật sự hồi một vở kịch Damas-Hoa Thịnh Đốn là một cuộc trắc nghiệm nhằm đo lường đường đi của TT Bush trong kế hoạch nhồi nắn lại các chế độ phương Đông và sự đối kháng của các nước địa phương. Trang sử Hussein đã lật qua, trang kế tiếp là trang nào? Nếu Syrie tham dự trò chơi, tất cả đều tốt đẹp; nếu Syrie từ chối, tất cả đều dẫn đến thất bại. Hiềm khích có thể bùng nổ giữa Mỹ và các nước Cận Đông còn chờ hay không chờ.

Lần đầu tiên, các nước xung quanh Irak cùng có một lập trường chung và hiểu rằng đã đến lúc phải xiết chặt hàng ngũ. Đứng đầu là Abie Saoudite (AS) từng nuôi dưỡng Al Quaida trong lòng, Al Quaida là kẻ thù ghê gớm nhất của Mỹ. Tất nhiên, ít nhất trong lúc này, Mỹ không thể dùng biện pháp mạnh bạo. AS là nguồn dự trữ dầu hỏa lớn nhất thế giới đồng thời là thánh địa của hơn 1 tỷ tín đồ Hồi Giáo. Mỹ phải bọc nhàn bàn tay. Đối với TT Bush, nếu Bagdad là mục tiêu chiến thuật thì Riyad là cột trụ chiến lược. Riyad là chìa khóa cỗ máy chiến tranh chống Bin Laden, ý đồ của Mỹ hết sức rõ ràng: ngăn cản nhóm Hồi Giáo cực đoan xuất cảng ý thức hệ và chặn đứng nguồn tài trợ tổ chức khủng bố bằng cách tách rời đô la dầu hỏa ra khỏi nhóm này. Như thế bắt buộc phải thành lập một chế độ cởi mở thay thế chế độ quân chủ. Nhưng có thể nào giữ một con sư tử dữ bằng cây roi bằng lụa? Nếu cuộc thí nghiệm không thành công, vương quốc sẽ tan tành.

Mỹ còn giữ một danh thiếp cho các nhà lãnh đạo Rập Hồi Giáo, đặc biệt cho Iran. Iran phải xem Irak là một bài học: lần này Mỹ cương quyết thực hiện kế hoạch đến cùng. Không có điều gì có thể chặn đứng luồng chấn động và không ai có quyền lợi gì khi đứng cản đường trên con xa lộ ngày càng mở rộng. Cảnh cáo gởi đến cho Yemen, Jordanie, Thổ Nhĩ Kỳ. Các nước này được yêu cầu duy trì ổn định trật tự nội bộ.

Nhưng người ta chú ý đến 2 sự vắng mặt. Không ai đề cập đến Pakistan, một nước chơi với giữa hai

dòng Hồi Giáo cực đoan và bom nguyên tử. Pakistan cũng là nước hợp với Al Quaida và Bắc Hàn đều gọi là "tam giác ghê rợn". Không ai nói đến Bắc Hàn, một nước công khai thực hiện ý đồ gia nhập Câu lạc bộ nguyên tử.

Sau cùng, còn một ẩn số: sự phản ứng của thế giới Rập Hồi Giáo. Thế giới này bắt lực chúng kiến Bagdad, cái nôi của nền văn minh thế giới thất thủ và lãnh đủ luồng chấn động mạnh cũng như luồng chấn động của sự thất bại trước Do Thái năm 1967. Bởi quân Mỹ tiến vào Bagdad như chẻ tre, nên không có một Saddamgrad, không có một cuộc kháng chiến oai hùng như người ta dự đoán. Dân Rập tui nhục xấu hổ, xấu hổ vì là dân Rập. Họ trực tiếp chịu trách nhiệm trước vận xấu của mình. Điều này có thể gọi là một sự nhận thức, một ranh giới mà nếu muốn vượt qua, Mỹ phải thận trọng, trừ phi muốn xô đẩy thế giới vào một chiến tranh thế giới lần 4 như phe Điều hầu Mỹ muốn.

✦ ẨN ĐỘ - PAKISTAN

- Tiến trình bình thường hóa

Lần đầu tiên từ hơn một năm nay, sự căng thẳng giữa Ấn Độ và Pakistan giảm thiểu. Eslamabad hân hoan đón nhận quyết định của Thủ Tướng Ấn nổi bật bang giao giữa 2 nước. Dù Ấn cải chính, thật sự Hoa Thịnh Đốn đã viết lên chuyện giảm leo thang này. Không phải do ngẫu nhiên mà tiến trình hòa bình giữa 2 nước được xúc tiến khi Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Richard Ermitage viếng thăm địa phương. Kể từ 2 nước trở thành 2 cường quốc nguyên tử, Mỹ đã đầu tư khá nhiều trong công việc tìm kiếm một giải pháp ổn thỏa cho vụ tranh chấp Cachemire. Từ năm 1990 đến giờ, vụ này đã gây tử vong cho 25.000 người.

Dù hai bên đồng ý mở thông cửa, sự liên hệ giữa Ấn-Pakistan trong vòng hơn 50 năm qua bắt buộc người ta phải dè dặt. Nhiều chương ngại phải được dẹp qua để đi đến một cuộc thương lượng xây dựng. Tầm hoạt động của Thủ Tướng Ấn và Tổng Thống Pakistan rất giới hạn. Hai ông đang chịu áp lực của các nhóm cực đoan.

✦ CĂNG THẲNG LEO THANG TẠI ĐÔNG BẮC Á CHÂU

Bắc Hàn cực lực phản đối Nhật phóng hai vệ tinh thám thính và, xem

vụ này như một đe dọa trầm trọng cho nền an ninh quốc gia. Để phản ứng, Bắc Hàn phóng một hỏa tiễn tầm xa. Theo nguồn tin tình báo Mỹ, nhiều dấu hiệu cho thấy Bình Nhưỡng chuẩn bị phóng hỏa tiễn có thể đánh phá các căn cứ Mỹ ở Okinawa và các thành phố lớn Nhật.

Nhật quyết định phóng vệ tinh thám thính là vì Nhật nhận thấy hoàn toàn lệ thuộc vào cơ quan tình báo Mỹ và Hoa Thịnh Đốn. Hơn nữa, Nhật lợi dụng tình hình căng thẳng do Bắc Hàn gây ra trong dư luận Nhật để bước thêm một bước nhằm tăng cường khả năng quân sự, đi từ quan niệm phòng vệ đến quan niệm tấn công. Các nước địa phương nhất là Trung Quốc kịch liệt chỉ trích chủ trương leo thang vũ trang của Đông Kinh.

- Kyoto: thế giới đang khát nước

Trong cuộc họp thượng đỉnh về thiên niên 3 tại Nữu Ước (2000), các nhà lãnh đạo thế giới đã cam kết từ đây đến 2015, 1/2 dân số thế giới đang sống với 1 đô la /ngày sẽ có nước tinh khiết để tiêu dùng. Thống kê cho biết hiện nay có 1,3 tỷ người không biết nước tinh khiết là gì.

Vừa mới gần đây, Diễn đàn về nước tiêu dùng họp tại Kyoto (8.000 người + 100 Thủ Tướng tham dự) với mục tiêu thực hiện các cam kết nêu trên. Theo các chuyên viên khoa học, có rất nhiều nước trên địa cầu, nhưng phần nhiều là nước mặn. Nước ngọt chỉ chiếm 2,5%, con người chỉ dùng 0,1%. Mỗi năm, trung bình có 40.000 km³ nước thoát ra từ địa cầu. Con người chỉ giữ lại 20%, phần còn lại quy tụ ở những khối băng và tuyết. Nhưng lượng nước ngọt không được phân chia đồng đều, tùy theo vùng, địa phương và mật độ dân cư. (tại Nga, Bắc Mỹ, Âu Châu) 98% dân có nước dùng, tại Trung Quốc 60-80%, tại Việt nam 50-60%). Và lại, dân số thế giới sẽ gia tăng từ 6 tỷ lên đến 9,3 tỷ năm 2050. Điều này tác hại đến tình hình nước ngọt.

Unesco cho biết năm 2050, sẽ có 7 tỷ người/ trên 60 quốc gia (giả thuyết bi quan) hoặc 2 tỷ người / 48 quốc gia (giả thuyết lạc quan) sẽ không có đủ nước dùng. Hậu quả là sản phẩm lương thực giảm 350 triệu tấn/ năm.

Phẩm chất nước cũng là một bài toán khó giải. Ở nhiều nơi, rác rưởi, nước dơ chảy ra sông ngòi mà không được lọc. Điều này ảnh hưởng đến sức khỏe, sản xuất nông nghiệp, hệ thống

môi sinh. Dùng nước để tưới trong vụ canh tác làm cho mực nước ngầm càng dâng cao, do đó nước mặn thấm nhiều vào đất. Trong tương lai, số người chết vì thiếu nước sẽ cao hơn số người chết vì chiến tranh.

Hội nghị đề ra những biện pháp giải quyết:

- Phải có ý chí chính trị. Nhưng ở các nước nghèo đói, nhà lãnh đạo có những ưu tiên khác.

- Tài chánh; nhu cầu thường niên = 100 tỷ đô la.

- Chống lãng phí và phải quản lý tốt. Cụ thể, muốn giảm 1/2 dân số thiếu nước dùng, mỗi ngày phải nổi rap 400.000 dẫn đến hệ thống phân phối nước.

✦ NAM DƯƠNG.

Hồi giáo cực đoan ra tòa

Chính quyền Nam Dương vừa mang ra tòa xét xử Abu Bakar Baashir; một nhà thuyết giáo nổi danh, lãnh đạo tổ chức Jemaah Islamiya (JI) về tội phản quốc, chủ mưu lật đổ chính quyền và thực hiện kế hoạch thành lập một quốc gia Hồi Giáo. Theo bản cáo trạng, ông có thể lãnh án 20 năm tù. Nhà chức trách còn nghi ngờ ông dính líu đến các vụ khủng bố khác: cuối năm 2000 với 19 người chết, năm 2001 vụ tấn công chống Mỹ không thành ở Tân Gia Ba, 1997 vụ âm mưu ám sát Phó Tổng Thống. Lãnh tụ Hồi Giáo nhận tội, nhưng bác bỏ lời buộc tội JI liên hệ với Al Quaida. Với vụ xử này, Nam Dương đang đi vào một giai đoạn xét xử tế nhị các nhóm Hồi Giáo cực đoan như vụ xử 19 người liên quan đến vụ khủng bố ở Ba Li 2002 (202 chết, hơn 300 bị thương), với mục tiêu thành lập một vương quốc Hồi Giáo tại Đông Nam Á gồm 280 triệu dân.

Tổng Thống Nam Dương có một tầm hoạt động giới hạn. Nếu những vụ xét xử diễn tiến không đúng luật pháp, người ta nghi ngờ chính quyền muốn thỏa mãn Mỹ. Ngược lại, nếu nhà lãnh tụ Hồi giáo trắng án, chính quyền sẽ ăn nói ra sao trước dư luận quốc tế.

✦ MIỄN ĐIỆN

Đối thoại bế tắc

Cách đây một năm, sau sự thỏa thuận giữa chế độ quân phiệt và LHQ, chính quyền đã trả tự do đi lại cho nhà đối lập, giải Nobel Hòa bình 91 Suu Kyi. Gần đây, chế độ thả thêm một số nhà đối lập, nhưng lại bắt thêm một số

nhà đối lập khác. Theo Hội Ân Xá Quốc Tế, hiện có hơn 1.200 tù nhân chính trị còn bị giam giữ. Cho nên bà Kyi vừa lên tiếng chỉ trích chế độ quân phiệt bỏ rơi sự hòa giải dân tộc và không thành thật.

Ngoại Trưởng Powell vừa đánh giá chế độ Rangoun là một chế độ chuyên chế. Ra điều trần trước Thượng Viện, ông công nhận ảnh hưởng đến các Tướng lãnh Miến Điện là một việc làm khó khăn. Theo ông, muốn họ thay đổi thái độ, bắt buộc LHQ phải hợp tác với các nước Á Châu đồng minh. Nhưng nhóm Tướng lãnh cầm quyền đặt ưu tiên lên sự ổn định trật tự và thống nhất quốc gia. Họ cho rằng điều gọi là dân chủ đối với họ không cần thiết lắm.

♦ TRUNG QUỐC

- Trung Quốc sử dụng lá bài High Tech

Ngành kỹ thuật cao cấp Trung Quốc (TQ) có thể đe dọa Mỹ? Nếu người ta biết rõ kỹ công TQ và mặt sản xuất cho toàn thế giới 50% máy ảnh, 30% TV, 25% máy giặt, 25% tủ lạnh. Hiện người ta đang chú ý đến lãnh vực kỹ thuật cao cấp TQ (+ Đài Loan). Trên phương diện này, kỹ thuật TQ đã vượt qua Âu Châu và đang ganh đua ráo riết với Mỹ và có thể vượt khỏi Mỹ năm 2008.

Từ 5 năm nay, TQ đã thắng cuộc thách đố: khóa lấp khoảng cách kỹ thuật giữa TQ và Nhật, Nam Hàn đã chinh phục thị trường điện tử trị giá 300 tỷ đô la, gây thiệt hại nặng cho các nước Á Châu kề cận. Mặt khác, sức mạnh kinh tế TQ còn bước một bước tiến dài với các hãng xưởng điện tử tin học đặt trụ sở xung quanh Thượng Hải, Schenzhen, Dongguan. Tại đây, High Tech đóng góp 46% (13 tỷ) cho ngành sản xuất kỹ nghệ. Tất cả các hãng danh tiếng như IBM, Compaq, Sanyo, Olympus, Universal, Instrumentts hiện có mặt tại địa phương. Các hãng này dự tính sẽ sản xuất 50% tổng sản lượng tại TQ. Người ta chọn TQ là vì tiền lương công nhân rẻ mạt (0,27 đô la/ giờ) và không có hệ thống bảo vệ xã hội.

- Bắc Kinh không tin tưởng vào một thế giới đa phương.

Pháp luân chủ trương kiến thiết một thế giới đa phương. Muốn được như thế, phải có nhiều nước tham dự. Nhưng trước một siêu cường tồn tại sau chiến tranh lạnh, ứng cử viên rất

hiếm. Liên Hiệp Âu Châu không dám, Nga còn chịu hậu quả đế quốc Liên Xô tàn rụi.

Về phía TQ, trong quá khứ, TQ ôm khá nhiều tham vọng trở thành một cường quốc. Bây giờ, TQ trưởng thành về mặt ngoại giao. TQ có một cái nhìn thực tế hơn có thể tóm tắt như sau: Mỹ sẽ thống trị thế giới trong thời gian kéo dài hàng chục năm, thế thì nên công nhận thực tế ấy và cố gắng phát triển mở mang rồi tính sau.

Vi lẽ ấy, cơn khủng hoảng Irak, Bắc Kinh giữ một thái độ kín đáo. Tuy Bắc Kinh chống chiến tranh và gia nhập "liên minh hòa bình" Ba Lê, Bá Linh, Mạc Tư Khoa, nhưng nếu nghị quyết cho phép Mỹ phát động chiến tranh được mang ra Hội Đồng Bảo An để đầu phiếu, cùng lắm là Bắc Kinh bỏ phiếu trắng. Có thể đưa ra nhiều lý do để giải thích quan điểm của TQ. Chiến tranh Irak tuy không được LHQ đồng ý, nhưng không vì thế mà thay đổi được điều gì trong hệ thống quốc tế. Trước nhất là vì TQ ở xa và lệ thuộc vào dầu hòa Cận Đông. Mỹ bán tiếng cam kết bảo đảm TQ về vấn đề cung cấp nhiên liệu. Thứ đến, sự gây đổ xà y ra từ 1999 với chiến tranh Kosovo. Không những vì vụ dội bom tòa Đại sứ TQ ở Belgrade mà vì cuộc can thiệp vũ trang đứng ngoài khuôn khổ hiến chương LHQ. Bắc Kinh e sợ Kosovo là một tiền lệ cho những cuộc can thiệp vào các quốc gia không tôn trọng dân tộc thiểu số. TQ nghĩ ngay đến Tây Tạng. Kosovo còn cho TQ một bài học khác: không nên tin tưởng tuyệt đối vào sự đoàn kết giữa các cường quốc. Ngay sau khi Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh đưa ra đề nghị chấm dứt chiến tranh, thì Nga âm thầm ép buộc Milosevic phải chấp nhận một giải pháp chính trị dưới bom đạn. Điều này có thể xảy ra nếu TQ phiêu lưu quá xa trong cuộc chống Mỹ. Sau chiến tranh Irak, Âu Châu sẽ liên hệ bình thường với Mỹ vì 2 bên đều có quyền lợi chung. Pháp là đồng minh, Pháp có thể chỉ trích Mỹ nhưng không cắt đứt liên lạc. TQ là một "vật lạ", cũng không phải là một nước đang tiến dần đến dân chủ. Cho nên Bắc Kinh tránh né những gì có thể xem như một thách thức.

Ưu tiên của TQ là liên hệ tốt với Mỹ. Tuy có nhiều điểm dị đồng, nhưng 2 bên có quyền lợi chung. TQ không muốn làm mất lòng Mỹ qua những sáng kiến không thức thời. Theo Bắc Kinh, qua mối liên hệ với Nhật, Nam

Hàn, Mỹ là yếu tố ổn định trật tự địa phương. Lo âu của TQ là Bắc Hàn. TQ e ngại sau Irak, Mỹ sẽ hướng về Bình Nhưỡng. Vì thế TQ tìm mọi cách để liên lạc chiến lược với Mỹ, để nếu Mỹ muốn can thiệp vũ trang tại Bắc Hàn, cái giá ngoại giao phải trả sẽ cao cho đến nỗi Mỹ phải đắn đo.

Liên quan đến Đài Loan, TQ tiếp tục hợp tác kinh tế, tỏ vẻ nhiều nhẫn nại trừ phi Đài Bắc thách thức tuyên bố độc lập. Nhưng Đài Loan không thể làm gì được nếu Mỹ không đồng ý. Vì những lý do kể trên, TQ thích riêng với một thế giới đơn phương hơn là đa phương. Nếu TQ hợp tác với tam đầu chế Pháp - Đức - Nga, chiến tranh vẫn xảy ra như thường. Hơn nữa, bộ ba chưa chắc thật sự đoàn kết. Muốn cho sự hợp tác thành công, phải có một người lèo lái. Giữa bộ ba này, không có ai có thể làm lãnh tụ.

Dù sao chăng nữa, quan điểm của TQ là mối dị đồng Mỹ-Pháp là chuyện rắc rối gia đình. Mọi dị đồng giữa TQ và Mỹ là nguồn căng thẳng quốc tế. Và TQ luôn ngó đến tỷ lệ phát triển kinh tế. TQ không thể và không muốn làm điều gì có thể tạo ra mối dị đồng ấy.

- Viêm phổi cấp SARS Trung quốc

Nhà cầm quyền Bắc Kinh mang một trách nhiệm nặng nề nhất, liên quan đến sự phát sinh cơn khủng hoảng sức khỏe trên toàn thế giới. Từ trường hợp bệnh đầu tiên (tháng 11-02) ở Quảng Đông đến lúc phái đoàn Tổ chức Y tế Thế giới đến TQ, 4 tháng rưỡi đã trôi qua. Người ta có thể cứu được nhiều mạng người, nếu Bắc Kinh chấp nhận thực tế thay vì theo đuổi một đường lối thiên cận; nếu Bắc Kinh thông báo ngay cho Tổ chức Y tế Thế giới biết sự thật.

Chính quyền TQ vẫn áp dụng thể thức kiểm duyệt. Động lực của nhà cầm quyền là duy trì trật tự xã hội và phát triển kinh tế. Cũng vì hai đòi hỏi này, Bắc Kinh đã che giấu vụ buôn bán máu tươi nhiễm siêu vi Sida kèm theo hậu quả 1 triệu dân nghèo khó nạn nhân ở tỉnh Hồ Nam. Thay vì trừng phạt các nhà lãnh đạo địa phương, Bắc Kinh hạch sách Y giới có tội mang tai họa này ra ánh sáng. Cơn khủng hoảng Y tế còn cho thấy một Nhà nước què quặt với mối ám ảnh sống còn. Đảng Cộng Sản TQ cấu kết với các lãnh chúa địa phương, mà lòng tham đã gạt ra bên lề xã hội những người có

thể nhất là ở nông thôn: 10% dân số (130 triệu) mang bệnh viêm gan, 31% (400 triệu) mang bệnh lao phổi. Theo tổ chức Y tế Thế giới, TQ đứng vào hàng 144 về phẩm chất Y tế công cộng, sau Bangladesh.

Khủng hoảng viêm phổi cấp tiềm ẩn từ nhiều năm. Năm 1997, dịch cúm đã gây hoang mang ở Hồng Kông (6 người chết, 18 trường hợp lây lan) và xuất phát từ Quảng Đông. Người ta phải giết 1.200.000 con gà nhập từ tỉnh này. Lúc ấy cũng như bây giờ, nhà cầm quyền che giấu sự thật. Một nhà khoa học Úc đã báo động một dịch bệnh khác sẽ xuất phát từ Quảng Đông, nơi đây gà, heo sống gần gũi với người. Hồng Kông là một thị trường quốc tế ở gần kề Quảng Đông. Có thể nói viêm phổi cấp không kinh điển phát sinh từ Quảng Đông, lan dần đến Hồng Kông, Việt Nam và toàn thế 5 châu.

✦ AL QAUIDA HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI

Sau 6 tháng yên lặng, Al Quaida (AQ) bắt đầu tích cực hoạt động trên thế giới. Rập, gây tiếng vang lớn qua 2 vụ mưu sát tại Arabie Saoudite (AS) và Maroc. Quân khủng bố đánh thẳng vào 3 khu nhà ở dành cho người ngoại quốc (34 chết, 194 bị thương). Mục tiêu của AQ là đánh vào quả tim của thủ đô Riyadh, trở về mục tiêu đầu tiên của Bin Laden: tổng xuất Mỹ về như nghịch đạo ra khỏi AS với 2 thánh địa Hồi Giáo Lamecque, Medine, đồng thời thực hiện ý đồ lật đổ chế độ quân chủ ví như tham nhũng và tay sai của Mỹ.

Bốn ngày sau, khủng bố cho nổ cùng lúc 5 quả bom ở nhiều điểm khác nhau tại thủ đô kinh tế Casablanca Maroc (1 nhà hàng, 1 khách sạn, 1 trung tâm văn hóa Do Thái, 1 nghĩa địa Do Thái, tòa Lãnh sự Bỉ; 41 chết, 100 bị thương). Maroc đang đi trên tiến trình dân chủ và hiện đại hóa đất nước, điều mà Hồi Giáo cực đoan không bao giờ muốn. Đây là một cuộc trác nghiệm quan trọng cho vương quốc.

Hai vụ khủng bố này chứng tỏ AQ đã tổ chức lại hàng ngũ. Theo viện nghiên cứu chiến lược quốc tế đặt trụ sở tại Luân đôn, AQ là một tổ chức xuyên quốc gia. Sau chiến tranh A Phú Hãn, AQ đã mất căn cứ tuyển mộ và trung tâm hành quân. Mặt khác, lực lượng an ninh quốc tế đã gây nhiều trở

ngại cho tổ chức trong vấn đề thông tin, đi lại và kinh tài.

Theo nguồn tin Mỹ, có 2.700 kẻ khủng bố bị bắt, trong số có nhiều lãnh tụ quan trọng. Tuy nhiên, các vụ truy lùng khủng bố đã thúc đẩy AQ tìm mọi mưu mẹo để trở nên khó nhận diện và khó diệt trừ. Tổ chức dựa vào kỹ thuật hiện đại và sức lôi cuốn Thánh chiến. Vì vậy căn cứ A Phú Hãn không còn cần thiết nữa và tổ chức đã thành lập những hậu cần ở các nơi khác.

Hiện nay, AQ đã tổ chức lại hàng ngũ ở những nơi bất ổn như Pakistan, Nam Dương, Đông Phi Châu, AS nơi đây AQ đã được phần lớn giới lãnh đạo và tôn giáo ủng hộ. AQ có mặt trên 90 quốc gia; 2.000 quân thánh chiến được huấn luyện tại A Phú Hãn từ năm 1996, khoảng 20 lãnh tụ chủ chốt còn tại đào, 18.000 quân khủng bố còn tự do hoạt động.

Thuận lợi lớn nhất của AQ là tính uyển chuyển trong các hoạt động và tiếp liệu, vì không có một lãnh thổ để bảo vệ. AQ là một tổ chức bí mật không biên giới.

✦ VIỆT NAM.

- Cường hào cổ sử

Cán bộ tạo thành một cơ cấu quan trọng có mặt khắp nơi. Cán bộ là hiện thân của quyền hành, một thành phần của hệ thống thư lại rộng lớn, có tôn ti trật tự trên dưới, cũng là giới thượng lưu mới trong xã hội. Là một cơ cấu chỉ huy và kiểm soát độc tài, giới cán bộ tạo nên một thế giới riêng biệt song song với xã hội. Cán bộ phối hợp 3 biểu hiệu: nhà giáo dục, chủ nhân và người có đặc quyền. Uy tín, quyền lực và đặc quyền thường là bất chánh, tất cả những thứ này hợp thành bộ mã của cán bộ.

Cán bộ ngồi trên đỉnh cao, trong xã hội. Họ là vua con, muốn làm gì thì làm, bất chấp luật pháp. Ví dụ: ở 8 tỉnh và thành phố, có 108.903 vụ vi phạm luật đất đai, trong số có 1.000 cán bộ cơ sở; 1 bà Chủ tịch phường xây cất biệt thự đi nhà dân; 1 ông Công an xã cho mượn súng để người ta giết người v.v... Vua con cũng có thể thúc đẩy nạn bê bối tri, gia đình trị, chiến hữu trị.

Cán bộ thường thường dốt nát, không có khả năng, quá cứng nhắc, không thích ứng (41% cán bộ cơ sở chủ chốt có trình độ tiểu học, trên 80% không được đào tạo về chuyên môn, 50% chưa được đào tạo về chính trị). Dù chế độ đã thực hiện một vài cải tổ

nội bộ, quyền lực của cán bộ vẫn y nguyên, uy quyền cán bộ vẫn sờ sờ. Cán bộ cơ sở kém khả năng, lại bảo thủ, luôn bám sát đặc quyền và quyền lực chuyên chế. Một khía cạnh mới mẻ khác là tham nhũng. Tham nhũng trở thành một phương thức liên hệ quan trọng giữa cán bộ và xã hội.

- Liên minh chạy tội cho Năm Cam

Vi áp dụng phương thức liên hệ nêu trên, nên một số cán bộ cao cấp lập thành một liên danh chạy tội cho Năm Cam. Sau đây là một số gương mặt tiêu biểu:

- Nguyễn Thạch Nhất: Trưởng phòng kiểm sát viện Kiểm sát nhân dân Hà Nội. Thành tích: 18 năm liền lao động xuất sắc, 6 năm liền chiến sĩ thi đua, bằng khen của Ủy ban Nhân dân Hà nội. Nhận của Năm Cam: 15 triệu đồng 21.000 đô la, 1 giàn máy nghe nhạc giá 5 triệu đồng.

- Phạm Sĩ Chiến: Phó Viện trưởng viện Kiểm sát tối cao, nhận 1 giàn máy nghe nhạc trị giá 28,5 triệu đồng.

- Trần Mai Hạnh: Tổng thư ký kiêm Phó Chủ tịch Hội nhà báo nhận 6.000 đô la, 1 đồng hồ Rado giá 2.500 đô la, 1 giàn máy nghe nhạc giá 30 triệu đồng; đi chơi du hí ở Vũng tàu.

- Lê Thanh Đạo: Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao.

- Triệu Quốc Kế, Tổng cục trưởng Cục điều tra.

- Bùi Quốc Huy: Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh.

- Nhà báo Hoàng Linh.

Nhóm này nhận tất cả 70.000 đô la, 1 đồng hồ Rolex, 1 giàn máy nghe nhạc.

Liên danh chạy tội này được tại ngoại, mặc thường phục đến hầu tòa. Trước tòa, nhà báo Hoàng Linh phản cung, đại ý nói ký bản nhận tội là vì áp lực.

- Việt nam phát triển quan hệ ngoại giao Nhật-Việt.

Thủ Tướng Phan Văn Khải cùng đi với một số Bộ, Thứ trưởng, một số nhà doanh nghiệp đến Đông Kinh hội đàm với Thủ Tướng Nhật Koizumi. Hai bên bàn về sự hợp tác song phương nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển trên mọi lãnh vực nhất là kinh tế và hiện đại hóa trong bối cảnh hai nước tích cực kỷ niệm 30 năm thành lập bang giao.

Việt - Trung: Một phái đoàn do Tổng bí thư Nông Đức Mạnh hướng

dẫn, gồm có Bí thư Trung ương Đảng Vũ Khoan, Phó Thủ tướng kiêm Trưởng ban đối ngoại Trương Văn Sơn đến Bắc Kinh hội đàm với Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào, Chủ tịch Quân ủy Trung ương Giang Trạch Dân, Thủ tướng Ôn Gia Bảo. Mở đầu cuộc hội đàm, đôi bên ca tụng lẫn nhau, cùng đánh giá cao bước phát triển mới giữa hai nước. Việt Nam - Trung Quốc khẳng định tăng cường hợp tác lâu dài toàn diện, hướng tới tương lai.

Sau đó, 2 bên đi đến điểm trọng đại, bàn về những biện pháp nhằm cấm mốc phân chia biên giới trên đất liền, tiến trình đàm phán về Nghị định thư bổ sung Hiệp ước hợp tác nghề đánh cá ở Vịnh Bắc Việt. Thật rõ ràng, sau khi lấn đất, bây giờ Trung Quốc gây thêm áp lực nhằm ép buộc Việt Nam phải nhượng bộ về biên giới lãnh hải để xây dựng biên giới VN-TQ thành một biên giới hòa bình hữu nghị lâu dài có lợi cho TQ, hại cho VN.

Lãnh hải mà TQ-VN tranh chấp từ lâu bao quanh quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trường Sa gần 500 hòn đảo ở biển Đông còn gọi là biển Nam Trung Quốc, gần như không có người ở, trải dài 180.000 km² nằm trên đường biển quan trọng và chiến lược; đáy biển có thể chứa nhiều dầu hỏa hơi đốt. Nhiều nước như TQ, VN, Brunei, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Đài Loan dòm ngó đến Trường Sa. Nhưng chỉ có VN-TQ ra mặt tranh chấp. VN xẻ đường ranh giới lãnh hải cắt ngang Hoàng Sa, Trường Sa. Ngược lại TQ luôn xác nhận biển Đông nói chung, Trường Sa nói riêng thuộc chủ quyền TQ. Hải quân TQ mạnh nhất ở địa phương, đã đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974; hiện nay TQ đóng quân trên nhiều hòn đảo. VN cũng có một chân ở đây.

Trong quá khứ, Trường Sa là nguồn căng thẳng. Tuy nhiên, dùng vũ lực để chiếm gọn Trường Sa hiện giờ không có lợi. Vào thập niên 90, các nước xung quanh quần đảo đã họp tại Bandung kêu gọi từ bỏ giải pháp vũ trang, tìm cách giải quyết xích mích trong hợp tác hòa bình. Nhưng một khi mà tại Trung Quốc, còn có một chính quyền trung ương dù dưới loại hình thức nào, Bắc Kinh không bao giờ từ bỏ mộng chủ quyền trên Trường Sa, mằm mông xung đột vì Trường Sa nằm trên một giếng dầu.

- Quyền lực và tín ngưỡng

Đảng Cộng Sản luôn thực thi nguyên tắc tuyệt đối giữ độc quyền, nắm chắc quyền lực chính trị. Phương pháp được áp dụng là trong mọi trường hợp, phải đàn áp để giữ mãi quyền lực

ấy. Đàn áp như là một logic phòng ngừa hết sức khẩn khe.

Tôn giáo là một hệ thống quyền lực tâm linh hoạt động song song với hệ thống quyền lực chính trị, đồng thời là một lực lượng đối kháng trước quyền lực chính trị. Đảng Cộng Sản không chấp nhận một lực lượng nào, một đoàn thể nào có thể đe dọa độc quyền của đảng. Đàn áp phòng ngừa, sử dụng quyền đánh trước là lẽ đương nhiên.

Năm 81, đảng CS ngăn cấm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) hoạt động, thay thế bằng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, còn gọi là Giáo Hội Phật Giáo Quốc Doanh thuộc Mặt Trận Tổ Quốc, 1 cơ quan có nhiệm vụ quản lý, kiểm soát các Tôn Giáo. Dù bị đàn áp thẳng tay, GHPGVNTN tiếp tục âm thầm hoạt động để giữ vững tự do tín ngưỡng. Tôn giáo là hiện thân của tự do tín ngưỡng: tự do tín ngưỡng là một nhân quyền "trọng tâm của sự bang giao Mỹ-Việt" (Đại sứ Mỹ tại Hà Nội Raymond Burghardt).

Gần đây, dưới áp lực của Liên Hiệp Âu Châu và Mỹ, Thủ Tướng Phan Văn Khải đã gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Sau đó, chế độ thuận cho đại diện LHAC và Đại sứ Mỹ gặp gỡ và trò chuyện với Hòa Thượng. Nếu như trong cuộc tiếp xúc, Khải không cam kết điều gì, nhưng Khải có một cử chỉ nhượng bộ. Khải nói: "Người ta (người ta là ai?) đã phạm nhiều lầm lẫn" vậy nên cầu xin Hòa Thượng độ lượng. Liên quan đến việc nhà cầm quyền dùng biện pháp hành chánh giam giữ Hòa Thượng Thích Quảng Độ trong vòng hai năm, kể từ 01-6-2001, Thủ Tướng tránh né, cho rằng đây là một quyết định không hợp lý của địa phương. Địa phương tự ý hành động hay theo chỉ thị Trung Ương? Ngày 01-6-2003, án tù hết hiệu lực. Sự kiện Hòa Thượng được trả tự do hay không là một kích thước đo lường ý nghĩa cuộc gặp gỡ giữa chế độ Cộng Sản và Tôn Giáo. Một khúc quanh, một "dấu hiệu tích cực" (Đại sứ Mỹ) hay một sự sửa sắc đẹp.

Tuy nhiên, được hỏi về vấn đề công nhận GHPGVNTN, Thủ Tướng trả lời: "ta có GHPGVN, thế là đủ rồi". Phải chăng bộ đi của đảng CS là "bước sang bên trái, bước sang bên phải, đôi khi bước tới một cách khiêm tốn, đôi khi thụt lùi" (Đại sứ Mỹ). Nhưng lịch sử đã chứng minh đảng CS dù nắm quyền lực chính trị trong vòng 74 năm, cuối cùng cũng suy vong. Trái lại, quyền lực chính trị tồn tại mãi mãi.

Tin tức nước Đức

● NGUYỄN LÊ HOÀNG VIỆT
phụ trách

◆ **Cải cách sức khỏe, người đóng bảo hiểm phải trả tiền nhiều hơn**

Người đóng bảo hiểm bệnh tật phải tự trả thêm tiền qua cải cách sức khỏe của liên minh cầm quyền! Bà Bộ Trưởng Y Tế liên bang, Ulla Schmidt, SPD, tuyên bố là sẽ tiết kiệm hơn nữa



về quỹ bảo hiểm theo luật định qua sự cải cách sức khỏe năm 2004. Tuyên bố với nhật báo "Berliner Zeitung" bà ta cho biết là chính phủ sẽ huỷ bỏ hoàn toàn "tiền chết" (Sterbegeld) và sẽ tăng tiền người bệnh trả phụ thêm vào khi mua thuốc men. Theo dự định của bà Schmidt thì bệnh nhân phải trả thêm (Zuzahlung) 3 Euro cho hộp thuốc nhỏ, 6 Euro cho cỡ trung và 9 Euro cho các hộp thuốc lớn. Cho tới nay bệnh nhân chỉ trả 4; 4,5 và 5 Euro cho các loại thuốc kê trên mà thôi. Bà Schmidt còn nói thêm, qua đó bệnh nhân sẽ không còn muốn được Bác Sĩ viết cho loại thuốc "cỡ bụi" nữa. Một trường hợp ngoại lệ, theo bà Schmidt, ưu tiên cho những bệnh nhân nào đi BS gia đình trước thay vì đi ngay đến BS chuyên môn thì sẽ chỉ trả thêm một nửa (50%) cho mỗi loại thuốc mà thôi. Ngoài ra, những người bảo hiểm mất bị yếu sơ sơ thì phải tự trả tiền mua kính đeo mắt. Với biện pháp nói trên, bà Schmidt hy vọng là qua chương trình cải tổ sức khỏe sẽ tiết kiệm được tất cả khoảng 20 tỷ Euro. Những người có lương bổng cao, hưu trí, tiết kiệm và sở hữu chủ bất động sản trước hết sẽ không tính đến chuyện bị gánh nặng nhiều hơn vì nguyệt liễm bảo hiểm bệnh tật. Bà Schmidt cũng phủ nhận

việc nguyệt liễm bảo hiểm sẽ tăng thêm vào đầu năm 2004 qua dự tính "cải tổ sức khỏe" của chính phủ!

◆ SPD mất sự ủng hộ

Berlin: Giới cử tri Đức hoàn toàn không thông cảm cho sự tranh chấp về việc cải cách trong nội bộ đảng SPD. Qua một cuộc thăm dò ý kiến của viện nghiên cứu Forsa cho báo ảnh Stern và đài truyền hình RTL vừa được công bố tuần rồi thì SPD chỉ còn chiếm được có 29%. Trong khi đó thì khối đối lập tăng nhẹ, kết quả như sau:

- CDU / CSU: 46% (+1)
- PDS: 5% (+1)
- Xanh: 11% và
- FDP: 6% (-1)

Có tất cả 2006 cử tri từ 21 đến 25 tuổi được chọn lựa ra cho cuộc phỏng vấn nói trên. Ngoài ra, báo Stern còn thăm dò 1002 cử tri về cuộc chiến tranh Irak, sau khi đã lật đổ chính phủ Saddam, có hợp lý hay không. Kết quả trước sau vẫn có 74% cho là không, chỉ có 21% nghĩ là đúng và 5% thì không ý kiến gì cả.

◆ Zimmer, nữ đảng trưởng PDS từ chức



Berlin: Bà Zimmer, nữ đảng trưởng PDS (hậu thân đảng Cộng Sản Đông Đức cũ), trong cuộc họp với các tỉnh bộ trưởng phía Đông, ngoài chuyện yêu cầu phải tổ chức đại hội đảng đặc biệt vào ngày 28 và 29.06.06 tại Bá Linh ra, bà ta còn tuyên bố là sẽ không ra ứng cử chức Chủ tịch đảng nữa. Đảng sau dự tính rút lui của bà Zimmer là sự ước mong của đảng muốn PDS bắt đầu trở lại với một đường lối chính trị mới, một nội dung và văn hóa mới. Ngoài ra còn có sự tranh chấp trong nội bộ đảng đã làm cho bà Zimmer phải đi đến quyết định nói trên. Tuy nhiên, Ông Gysi, cựu đảng trưởng PDS, lại nói rằng bà "Zimmer là người duy nhất có nghị lực, quyền lực và ý chí đưa PDS vượt khỏi tình trạng khủng hoảng" của PDS hiện đang vấp phải. Nội đảng PDS bàn cãi chuyện người kế vị bà Zimmer. Theo ông Gysi, nếu Lothar Bisky lại trở ra nắm chức

Đảng trưởng thì không được lý tưởng cho lắm, đây là chuyện lùi hai bước mà tiến chỉ có một bước thôi! Trong trường hợp này, theo ông Gysi, PDS gián tiếp thú nhận yếu điểm của đảng chưa thành công trong việc trao nhượng trọng trách cho thế hệ kế tiếp. Chính ông cũng phải gánh chịu một phần lỗi lầm trên phương diện này. Ngoài ra, Gysi cũng khẳng định là ông ta sẽ không đảm trách chức Đảng trưởng PDS. Bà Petra Sitte, Chủ tịch khối dân biểu PDS tại Magdeburg, yêu cầu một cách gián tiếp những đối thủ của bà Zimmer trong Hội đồng Lãnh đạo Đảng liên bang, Diether Dehm và Uwe Hikschi (Trưởng ban Điều hành của PDS), nên rút ra khỏi đảng. Bà Sitte nói qua báo "Mitteldeutschen Zeitung" hai thành viên này nên suy nghĩ lại rằng đảng PDS có còn phù hợp với họ nữa hay không?". Họ là những người "chính thống giáo cuồng tín", phải chịu trách nhiệm về sự khủng hoảng trầm trọng của đảng PDS kể từ năm 1990 cho đến nay, PDS không còn được coi trọng trên chính trường nữa.

◆ 20% thất nghiệp giả tạo

Berlin: Những người được gọi là "thất nghiệp giả tạo" (Scheinarbeitslose) đã nhận lãnh bất hợp pháp tiền trợ cấp, tính ra lên đến hàng tỷ Euro! Báo Handelsblatt, dựa theo tin tức của sở thống kê liên bang, thì có khoảng 20% những người đăng ký thất nghiệp đã nhận lãnh trợ cấp xã hội (Sozialleistungen) của nhà nước bất hợp pháp, mặc dầu họ "không nằm trong diện sẵn sàng" và như thế không thuộc thành phần thất nghiệp cũng như không hội đủ tiêu chuẩn của người thất nghiệp. Có khoảng 1 triệu người thuộc vào diện nói trên.

Cũng theo tờ báo, sở kiểm soát liên bang đang mở cuộc điều tra nhiều nhóm trong số người thất nghiệp giả tạo này: những người "vừa mới được trưởng thành" (hơn 18 tuổi) thì đăng ký thất nghiệp để cha mẹ tiếp tục nhận tiền trẻ con, những bà mẹ nuôi con để ghi tên thất nghiệp tại sở lao động hầu đảm bảo hưu trí cho mình; những người nhận trợ cấp xã hội nhưng bị sở xã hội chuyển danh sách sang sở lao động để cơ quan này giới thiệu việc làm cho họ và những người thuộc diện "thất nghiệp nằm trong chương trình xã hội" (Sozialplanarbeitslose) nhận lãnh trợ cấp thất nghiệp cho đến khi họ bắt đầu đi về hưu.

Kiểm soát viên xác định một điều là những người liên hệ và ngay cả sở lao động không sốt sắng trong việc tìm kiếm công việc cho họ, mặc dầu theo luật định: "thất nghiệp chỉ là những ai muốn kiếm một công việc để làm và từ đó họ phải cố gắng cũng như sẵn sàng để cho sở lao động giới thiệu việc làm cho mình".

◆ Peters kế vị Zwickel

Dresden: Juergens Peters sẽ là người kế vị Zwickel, xếp của công đoàn kim khí. Hội đồng Quản trị của Công đoàn đã tín nhiệm một cách bất ngờ với đa số phiếu ủng hộ Peters, đương kim Phó chủ tịch Công đoàn. Ngay từ đầu, chính Zwickel đã



đề nghị vị Chủ tịch Nghiệp đoàn Kim khí vùng Baden-Wuerttemberg, Berthold Huber lên thay thế ông. Nhưng trong cuộc bỏ phiếu đầu tiên đã bị lâm vào thế bí giữa Peters và Huber. Để giải quyết thế bí này, Zwickel đề nghị Peters trong chức vụ Chủ tịch và Huber trong chức Phó chủ tịch ngay sau đó. Cuối cùng, Peters đã đắc cử chỉ với một phiếu chống, có hai người bỏ phiếu trắng. Qua cuộc bầu cử này giới thông thạo nhận thấy được đường lối của công đoàn kim khí trong tương lai. Peters là người "thích chiến đấu", trong khi Huber thì "ôn hòa" hơn... Nhưng một quyết định cuối cùng trong chức Chủ tịch Công đoàn Kim khí Đức sẽ được thông qua trong ngày đại hội của nghiệp đoàn vào tháng 10.2003.

◆ Xi-can-đan về tính sổ sách ở Niedersachsen lan rộng

Osnabrück: Bên cạnh những Bác sĩ từ Osnabrück, còn có nhiều vị BS khác thuộc bang Niedersachsen dính líu đến vụ báo cáo gian lận về tiền bạc (Abrechnungsbetrug) đến hàng triệu liên quan đến những nhu liệu máy chiếu quang tuyến X. Song song với sự điều tra của công tố viện, hãng bảo hiểm AOK Niedersachsen cho biết là họ cũng sẽ bắt đầu mở một cuộc kiểm tra lại sổ sách. Cơ quan Tư pháp điều tra 4 hãng lớn buôn bán thuốc men và 250 Bác Sĩ chuyên khoa, phần đông là Bác Sĩ quang tuyến và các nhà niệu-bệnh-học (Urologen) vì tội lừa đảo đến bạc triệu. Tin từ công tố viện cho biết là những vị BS đã nhận thêm tiền bồi

hoàn từ các nhà đại thương gia lớn nói trên, nhưng lại không thông báo cho các quỹ bảo hiểm. Trong số người bị tình nghi gồm 4 đại thương gia có một doanh nghiệp mà khoảng 60 nhà niệu-bệnh-học cùng hùn vốn trong công ty này. Mấy ông Bác Sĩ hành xử như là "những buôn bán lớn" và tự chuyển từ 10% đến 20% tiền phí tổn lại cho "chính mình" !

◆ **Lương công chức liên bang bị cắt giảm**

Berlin: Chính phủ Đức đang dự tính là trong năm này sẽ cắt giảm bớt tiền Giáng Sinh (Weihnachtsgeld) và tiền nghỉ phép thường niên (Urlaubsgeld) dành cho công chức nhà nước. Trên bình diện liên bang, có khoảng 130 ngàn công chức, 185 ngàn lính và 150 ngàn công chức về hưu bị liên hệ qua biện pháp này.

Được biết trước đây, trong một cam kết bất thành văn, thì Thượng viện của từng tiểu bang quyết định những điều khoản liên quan đến việc trả lương cho công chức tại tiểu bang của họ. Hiện tại chính phủ liên minh Đỏ-Xanh không muốn làm theo như vậy, lý do được nêu ra trong một bản dự thảo đạo luật mới của Bộ Nội Vụ liên bang là chính phủ muốn bình đẳng hóa những phụ cấp đặc biệt (Sonderzahlungen) cho giới công chức của chính quyền. Theo nhật báo "die Welt" thì đạo luật này sẽ được đem ra bàn cãi tại Quốc hội Đức trong những tuần lễ sắp tới. Chuyên viên của Bộ Nội Vụ không lo ngại rằng chuyện cắt giảm nói trên sẽ bị thưa kiện vì có tính cách vi Hiến, bởi lẽ, những số tiền thưởng đặc biệt (Giáng Sinh) hàng năm, tiền nghỉ phép thường niên không nằm trong lãnh vực "sinh sống căn bản" và vì thế không được Hiến Pháp bảo vệ. Cho đến nay, có 1,5 triệu công chức trực thuộc làng xã và tiểu bang lo sợ lương bổng bị ảnh hưởng từ dự luật nói trên. Nhiều chính phủ tiểu bang như Bayern hay Bá Linh đang còn chờ đợi dự luật sẽ được thông qua tại Quốc Hội để họ sau đó có thể ban hành những đạo luật cho chính tiểu bang của họ về mức độ trả tiền Giáng Sinh và nghỉ phép cho giới công chức tiểu bang.

◆ **Focus: Năm 2002, nhiều trọng tội hơn**

Muenchen/Berlin: Theo tin tức báo chí, con số ghi nhận những tội hình tại Đức lại tăng thêm trong năm vừa qua. Như báo Focus dựa theo

thống kê của cảnh sát về những hành động phạm pháp loan tin thì trong năm 2002 trọng tội được ghi nhận tăng lên tại 11 trong 16 tiểu bang Đức. Riêng tại Mecklenburg-Vorpommern, Hamburg cũng như Brandenburg, Bayern và Sachsen thì ngược lại, số phạm tội ác giảm đi phần nào. Không phải Hamburg mà Bá Linh bây giờ là thành phố có nhiều tội hình nhất. Trong khi con số phạm tội tính trên 100 ngàn dân cư ngụ tại Hamburg từ 18.569 giảm xuống còn 15.589 thì tại Berlin tăng từ 16.920 lên 17.236. Bên cạnh tội ăn cắp thì tệ trạng dùng vũ lực, kể cả việc sử dụng vũ khí, càng tăng. Hành động phạm pháp giới trẻ em và thanh niên tăng lên một cách khủng khiếp. Tổng Trưởng Nội Vụ Bá Linh, Ehrhart Koerting (SPD), nói là cần phải lưu ý đến những tội ác từ các nhóm cực hữu. Số tội phạm từ cánh này trong năm 2002 tăng lên hơn gấp đôi so với 2001 và từ 455 lên 948 vụ. Focus còn cho biết thêm là tội hình tại bang Saarland do CDU lãnh đạo cũng tăng thêm 19,7%. An toàn nhất là tại Bayern với 5630 và thứ đến là bang Baden-Wuerttemberg với 5643 tội phạm tính trên 100 ngàn dân.

◆ **Nguyệt liễm hưu trí tăng**

Berlin: Phát ngôn viên Bộ Xã Hội liên bang, Klaus Vater, cho biết qua báo chí là nguyệt liễm hưu trí lần nữa sẽ tăng kể từ 01.2004. Những chuyên gia trong tổ hợp được gọi là "giới định giá" đã tính rằng nguyệt liễm hưu trí sẽ tăng từ 19,5% lên 19,8% tính trên tiền lương chưa trừ thuế bắt đầu từ đầu năm 2004. Lý do là sự tăng trưởng không khả quan cho lắm. Những người nằm trong Ủy ban định giá này, gồm đại diện từ Bộ Xã Hội, Hiệp hội Bảo hiểm Đức cũng như Sở bảo hiểm liên bang cho giới nhân viên, có nhiệm vụ phỏng tính sự chi và thu liên quan đến quỹ bảo hiểm hưu trí. Mới đây, bắt đầu 01.2003 trở đi, nguyệt liễm hưu trí đã bị tăng từ 19,1% lên 19,5% .

◆ **Nhiều thanh niên không phải đi lính**

Berlin: Trên bình diện cải tổ lực lượng vũ trang Đức, trong tương lai những người đã lập gia đình hay có tuổi không phải đi quân dịch nữa, có thể sẽ bắt đầu từ 01.07.2003 này. Theo phát ngôn viên Bộ Quốc Phòng cho biết thì chỉ còn những người bị gọi đi quân dịch, nếu chưa đến tối đa là 23 tuổi và được xếp vào loại cao nhất 1

hay loại 2 sau khi khám sức khỏe tuyển lựa.

Cho đến nay, đàn ông tới 25 tuổi và được xếp vào loại 3 phải tính đến chuyện bị gọi nhập ngũ. Những học sinh trung học kỹ thuật (Fachoberschueler) cũng không phải đi lính trong tương lai nếu đã có ký xong một hợp đồng học nghề. Đạo luật này cũng có giá trị đối với những thanh niên từ chối không muốn đi lính. Christian Schmidt, chuyên gia về quốc phòng của CDU chỉ trích nặng nề việc cải tổ nói trên. Ông nói, nếu những người trẻ học xong hay tốt nghiệp một nghề nào đó không còn bị gọi đi quân dịch thì phẩm chất quân đội sẽ giảm đi rất nhiều. Trong khi đó thì Struck, Bộ Trưởng Quốc Phòng Đức, lại cho rằng giải pháp nêu trên hoàn toàn thích hợp với tình trạng thị trường nhân dụng hiện tại của Đức.

◆ **Nhiệp đoàn kim khí Đông Đức đòi hỏi làm việc 35 giờ / tuần**

Những cuộc thương thảo liên quan đến chuyện áp dụng 35 giờ làm việc mỗi tuần cho Nghiệp đoàn Kim khí phía Đông (IG-Metall Ost) sẽ được tiếp tục vào trung tuần tháng 5.2003, có lẽ tại Bá Linh. Cho đến nay có tất cả 9 cuộc họp không mang lại kết quả nào cả. Để gây áp lực, nhiều hãng tại các bang Brandenburg, Thüringen và Sachsen đã đình công vào đầu tháng 05.2003 vừa qua. Dựa vào tình trạng kinh tế hiện tại, Thủ Tướng Đức, ông Schroeder, kêu gọi hai bên nên biết điều thông cảm nhau. Ông ta hy vọng là hai bên sẽ tìm ra được "một giải pháp ổn thỏa mà kinh tế Đức có thể kham nổi", căn cứ vào tình trạng thị trường nhân dụng nguy ngập tại Đông Đức. Nghiệp đoàn Kim khí thì lại muốn đòi hỏi cho 310 ngàn thành viên phía Đông là họ cũng chỉ phải làm việc 35 giờ / tuần như các đồng nghiệp ở Tây Đức, vì cho tới nay họ phải làm nhiều hơn ba tiếng đồng hồ mỗi tuần nhưng mức lương thì bằng nhau. Giới chủ nhân không chấp nhận đòi hỏi cắt giảm bớt giờ làm việc nói trên, viện dẫn lý do là mức sản xuất ở Đông Đức kém hơn Tây Đức.

◆ **Số người thất nghiệp cao nhất trong tháng 4, kể từ 1990**

Nürnberg: Số người thất nghiệp tại Đức trong tháng 4.2003 vừa qua đã đạt mức độ cao nhất kể từ khi Đức thống nhất, có tất cả 4,5 triệu người bị thất nghiệp! Theo mùa và thời tiết,

thường thường thì số người thất nghiệp giảm bớt vào tháng tư, tính trung bình có khoảng chừng 150 ngàn người trong 5 năm qua. Cuối tháng 3.2003 có 4.607.900 người Đức không có công ăn việc làm, tức là có 451.900 người nhiều hơn so với 12 tháng trước và 98.300 người ít hơn so với tháng 02.2003.

Dựa vào con số thất nghiệp nói trên, đại diện Chủ tịch khối Dân biểu Quốc hội của CDU / CSU, Friedrich Merz, đã lên tiếng công kích Tổng Cục Lao Động và xếp của cơ quan này là ông Florian Gerster. Merz nói "không có gì xảy ra cả tại Tổng Cục Lao Động liên bang, ngoài chuyện tăng lương gấp đôi cho vị Chủ tịch!". Merz còn nói thêm trên đài truyền hình ZDF, cơ cấu làm việc hoàn toàn sai lầm, lạc lối hoàn toàn không đáp ứng được các nhu cầu của thị trường nhân dụng.

◆ SPD tranh chấp nội bộ, Lafontaine chủ Schroeder giống như Stalin

Berlin/Rom: Sự tranh chấp giữa Schroeder và Lafontaine đi đến một cao điểm mới nhất. Nguyên do vì Lafontaine không được mời tham dự lễ mừng 140 năm với các đồng chí SPD, nên Lafontaine lên tiếng chủ Schroeder đã đối xử với ông như ngày xưa nhà độc tài Stalin đã đối xử với địch thủ của Stalin là Leo Trotzki! Qua nhật báo La Repubblica, Lafontaine nói "một sự trùng hợp có tính cách lịch sử đáng được lưu ý. Trong thời kỳ Stalin, Trotzki cũng bị đối xử như vậy, hình của Trotzki bị bỏ đi. Giờ Schroeder cũng sử dụng phương pháp tương tự, không mời ông ta. Trên tấm thiệp mời lễ kỷ niệm 140 đảng SPD vào ngày 25.05.2003 sắp tới không có hình ông, chỉ có in hình của các vị đảng trưởng Schroeder, Brandt, Bebel, Lasalle (Xin lưu ý: Schroeder là người kế vị Lafontaine !!!).

Lafontaine, một người được coi là đại diện cho cánh tả SPD, còn phê bình qua báo "La Repubblica" đường lối chính trị của Schroeder với những chữ sau đây: "chưa đủ, là tà khi chống Busch trong chiến tranh Irak!". Qua sự so sánh Schroeder với Stalin, lần nữa Lafontaine đã làm một sự so sánh có tính cách lịch sử. Trước đây ông ta đã

so sánh đương kim đảng trưởng SPD với vị Thủ Tướng Bruening cuối thời Cộng Hoà Weimar, một điều mà Schroeder hoàn toàn không muốn tí nào cả!

◆ Đức bị hụt thuế khoảng 15 tỷ Euro

Berlin: Theo tin báo Handelsblatt cho biết thì Bộ Trưởng Tài Chánh Hans Eichel (SPD) và những đồng nghiệp của ông tại các tiểu bang phải tính là tiền thuế thu nhập bị thiếu hụt đến 15 tỷ Euro! Cũng theo tờ báo, nhà nước nói riêng đã bị thâm hụt khoảng 6 tỷ, so sánh với dự tính vào tháng 11.2002 vừa qua.

Liên bang, tiểu bang và làng xã chi thu được tất cả 448-450 tỷ Euro tiền thuế thay vì như dự tính là 458,5 tỷ Euro. Nếu mức độ tăng trưởng kinh tế Đức trong năm 2003 này nằm dưới sự phỏng đoán 0,75% của chính phủ, ngân sách có thể bị hụt thêm nhiều tỷ Euro nữa! Ngoài ra, căn cứ vào tình trạng thất nghiệp hiện chưa sút giảm gì cả thì liên minh cầm quyền còn "phải giúp" cho Tổng Cục Lao Động liên bang Đức khoảng 10 tỷ Euro. Cho đến nay, số tiền cần chi thêm này, theo Eichel khoảng 7,5 tỷ Euro thôi, chưa được tính trong ngân sách quốc gia.

◆ Thuế thuốc lá tăng

Berlin: Thuế thuốc lá tăng, 1 Euro cho một bịch thuốc. Với sự thu nhập này, liên minh cầm quyền muốn chi ra cho những phí tổn không nằm trong quỹ bảo hiểm bệnh tật, ưu tiên dành cho các gia đình. Ngày 8.5.03 vừa qua, ủy ban liên minh đã thông qua đạo luật tăng thuế thuốc lá và sẽ có hiệu lực kể từ 01.01.04. Quý bệnh tật qua biện pháp này sẽ tiết kiệm được tất cả khoảng 20 tỷ Euro, để từ đó mới có thể giảm nguyệt liễm bảo hiểm từ 14,3% xuống còn 13% trong năm 2004. Tổng thư ký SPD, Olaf Scholz, cho biết là không có chuyện tăng thuế phụ trội (Mehrwertsteuer = thuế trị giá gia tăng). Theo Scholz, việc tăng thuế thuốc phù hợp với mức thuế thuốc lá trên bình diện thế giới, đó là chưa nói đến ảnh hưởng tốt về phương diện sức khỏe. Bộ Trưởng Y Tế, bà Ulla Schmidt, SPD, dự phòng rằng qua biện pháp nói trên số thanh thiếu niên hút thuốc sẽ giảm đi. Kinh nghiệm từ các quốc gia khác cho thấy khi giá thuốc lá tăng thì có khoảng 20% đã bỏ hút thuốc. Như vậy bà Ulla đã "vượt qua được sự chống đối của Eichel" vì

từ lâu nay chính bà ta đã đòi hỏi phải tăng thuế thuốc lá. Khối đối lập và những hãng chế tạo thuốc lá lên tiếng chống đối. Phát ngôn viên hãng British American Tobacco nói "tăng 60 Cent thôi cũng đã khổ lắm rồi". Trong trường hợp số doanh thu thua lỗ nặng thì ông ta hăm dọa sẽ phải đóng cửa nhiều chi nhánh. Tại Đức có khoảng 50 ngàn người đang làm việc trong ngành chế tạo thuốc lá. Các hãng Reemtsma và Phillip Moris chưa lên tiếng về chuyện thuế thuốc lá đã bị tăng.

◆ Nghi là có dịch gà tại Đức

Viersen: Tiểu bang Nordrhein-Westfalen (NRW) vừa triệu tập một buổi họp khẩn cấp sau khi xảy ra một trường hợp bị nghi là có dịch gà. Bà Bộ Trưởng Môi Sinh và Canh Nông bang NRW, Baerbel Hoehn, (Xanh), cho biết là sau đó sẽ đi đến quyết định có phải giết hết gà trong phạm vi 3 cây số quanh trại nuôi gà nghi là có gà bị dịch! Tuy nhiên bà Hoehn cho biết thêm, dù bị nghi là có dịch gà nhưng không nguy hiểm nên giới tiêu thụ khỏi cần phải kiêng cử gì hết. Phát ngôn viên trong vùng cho biết qua câu hỏi của dpa là ngay tại vùng Viersen người ta đã bắt đầu giết chết hết tất cả 32 ngàn con gà của trại nuôi ở Schwalmatal, nơi mà trước tiên bị nghi là có dịch gà. Cảnh sát phải phong tỏa chu vi 1 cây số. Tại khu vực này còn có 7 trại nuôi gà nhỏ khác, khoảng 200 con cũng sẽ bị giết chết. Một cuộc thử nghiệm chớp nhoáng vào ngày 09.05.03 vừa qua đã xác nhận là có thể có dịch gà tại bang NRW, tuy nhiên kết quả chính thức sẽ được công bố trong vòng 7 ngày sắp tới. Dịch gà đã xuất phát cách đây 2 tuần từ Hòa Lan và Bỉ. Tại Hòa Lan có 26 triệu và tại Bỉ có 2,5 triệu con gà bị giết chết.

Nguyễn Lê Hoàng Việt
(Tháng 4-5.2003)

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo SZ, AZ, TZ, der Spiegel, die Welt, Muenchner Merkur, Handelsblatt, Focus, N-TV, Bild,...



THÔNG CÁO BÁO CHÍ

TẠI PRAHA NGÀY 11.4.2003

• Giải Nhân quyền "NGƯỜI GIỮA LOÀI NGƯỜI" trao cho Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý tại thủ đô Praha, Cộng Hòa Tiệp.

• Cựu Tổng Thống Vaclav Havel tiếp ông Võ Văn Ái và gửi lời chào đoàn kết đến các nhà đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam

Nhân dịp Liên hoan Phim Nhân Quyền Thế Giới tổ chức tại thủ đô Praha, Cộng Hòa Tiệp, từ ngày 8 đến 16.4.2003, Sáng hội Cứu Người Lâm Nạn (People in Need Foundation) trao Giải Nhân quyền "Người giữa loài người" (Homo Homini) cho ba nhà đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam : Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý. Sáng hội Cứu Người Lâm Nạn đăng hình và vinh danh các nhà ly khai trong tập sách trang trọng Jeden Svet 2003 bằng hai thứ tiếng Tiệp và Anh như sau :

"Ban Giám đốc Điều hành Sáng hội Cứu Người Lâm Nạn quyết định trao Giải Người Giữa Loài Người (Homo Homini) năm 2002 cho những nhà đấu tranh ưu tú cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo. Giải được trao tặng vì lý do họ đã can cường trong cuộc đối kháng ôn hòa chống chế độ Cộng sản Việt Nam trong ba mươi năm qua. Bằng quyết định này, Sáng hội Cứu Người Lâm Nạn muốn biểu tỏ lòng kính trọng và sự hậu thuẫn tất cả những Nhà đối kháng cho Dân chủ tại Việt Nam đang kiên trì bằng con đường bất bạo động nhằm chuyển hóa dân chủ trên đất nước họ.

"Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang Xứ lý Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Ngài không ngừng gọi kêu nhà cầm quyền Việt Nam cải tổ dân chủ, để các chính đảng được tự do hoạt động, và tổ chức bầu cử tự do. Do các hoạt động ôn hòa, Hòa Thượng nhiều lần bị bắt giam, tổng cộng trên hai mươi năm tù hay quản chế. Dù có lệnh giải chế từ năm 1997, nhưng Hòa Thượng vẫn bị công an canh gác, mất quyền tự do đi lại, thiếu quyền chăm sóc thuốc men, dù tuổi cao, đau yếu, Hòa Thượng 86 tuổi. Năm 1982, Hòa Thượng được đề cử làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình.

"Hòa Thượng Thích Quảng Độ, học giả, nhà văn, lãnh đạo cao cấp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngài sinh năm 1928, xuất gia năm 14 tuổi. Năm 17 tuổi Hòa Thượng chứng kiến sự phụ mình bị Tòa án Nhân dân Cách mạng hành quyết. Chấn động trước cảnh dã man này, Hòa Thượng quyết định hiến thân tranh đấu cho công lý và giương cao thông điệp hòa bình, từ bi và khoan dung của Phật giáo. Vì những hoạt động nhằm thăng tiến tự do tôn giáo, nhân quyền và dân chủ, chế độ Cộng Sản Việt Nam bắt giam Hòa Thượng nhiều năm qua các trại cải tạo. Gần đây, năm 2001, Hòa Thượng lại bị quản chế hai năm, vì tung "Lời Kêu Gọi Cho Dân chủ Việt Nam". Hiện nay Hòa Thượng bị cách ly, công an canh gác và không được chăm sóc thuốc men. Hòa Thượng được đề cử làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình năm nay 2003.

"Linh mục Công giáo Roma Nguyễn Văn Lý, sinh năm 1946. Ngài không ngừng là đối tượng bị nhà cầm quyền ngược đãi vì đòi hỏi tự do tôn giáo. Bị bắt lần đầu năm 1977 khi phổ biến văn kiện của Tòa Tổng giám mục phê phán việc bắt bớ hàng giáo phẩm Phật giáo và bất bạo dung tôn giáo tại Việt Nam. Năm 1983, hai trăm công an bao vây bắt Ngài mặc bao tìn đồ tìm cách bảo vệ Ngài ở giáo đường. Ngài bị kết án 10 năm tù. Qua năm 2001, Ngài lại bị kết án 15 năm tù như một tù nhân vì lương thức. Điều kiện giam giữ Ngài hiện nay rất khắc khe.

"Vi các nhà được giải không thể đến nhận, giải sẽ được trao cho người nhận thay họ, là ông Võ Văn Ái. Ông là nhà hoạt động chính trị nổi danh, nhà báo, sử gia và thi sĩ, hiện sống lưu vong ở Paris. Ông bỏ cả đời hoạt động trong các phong trào đối lập qua nhiều chế độ đổi thay tại Việt Nam. Bị bắt từ năm mới 11 tuổi vì tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân giành độc lập dân tộc. Ông là người sáng lập và Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, và cũng là người phát ngôn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ông chủ xướng chiến dịch đưa tàu Đào Ánh Sáng ra Biển Đông vớt người vượt biển thoát nạn độc tài cộng sản trên những thuyền bé li ti năm 1978. Ông không ngừng kêu gọi Toàn cầu hóa Dân chủ, mà công tác chính yếu nhằm "giáo dục và thông tin cho khối nhân dân thiếu tài liệu hay thông báo để biết rõ các quyền căn bản mà họ phải được hưởng".

Những người được giải Homo Homini các năm trước gồm có : ông Zackie Achmat, người mở chiến dịch ở Nam Phi cứu bệnh nhân Sida trong các nước đệ tam thế giới, ông Ibrahim Rugova, Tổng thống Kosovo, Nhà ly khai Cuba, Oswaldo Paya Sardinias, và Dân biểu Quốc hội Liên bang Nga Sergey Kovalyov cho nỗ lực chống cuộc chiến xâm lược Nga tại Chechnya.

Tối ngày 9.4.2003, tại hội trường Lucerna, ban điều hành Sáng hội Cứu Người Lâm Nạn (People in Need Foundation), gồm có các ông Igor Blazevic, Tomas Pojar, bà Kristina Taberyová lên máy vi âm vinh danh ba nhà được giải trước một hội trường đông kín. Trong hàng khán giả, người ta nhận thấy sự có mặt của nhiều Bộ Trưởng Cộng Hòa Tiệp, ông Đô trưởng Praha, Đại diện các Đại sứ quán Tây, Bắc Âu và nhân sĩ Tiệp.

Ông Võ Văn Ái nhận giải và đáp từ cảm tạ. Ông giới thiệu công đức của Đạo Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý, rồi phát biểu :

"Tôi có bị tra tấn, tù tội hồi còn thơ ấu vì tham gia đấu tranh chống thực dân giành độc lập dân tộc, chính vì vậy mà tôi hoạt động suốt đời để mong cứu thoát những tù nhân chính trị. Nhưng nghĩ lại thì chuyện tù tội của tôi chẳng có nghĩa lý gì, chẳng sánh được với những chi đang xảy ra tại Việt Nam ngày nay. Chuyện Việt Nam dưới thể chế độc tài ngày nay có thể tóm gọn như thế này : Nhà cầm quyền Cộng Sản bỏ tù bất cứ ai dám nói khác với lập trường của chế độ, dám đề cao những giá trị phổ quát của nhân quyền, dám sống như con người tự do. Và tất cả những cá nhân này mất tích trong sự dửng dưng của đồng loại... Ngoại trừ, chúng ta, những người ở nước ngoài tiếp tục vinh danh họ, tiếp tục giữ họ trong trí nhớ của dư luận quốc tế, để công luận biết rằng họ vẫn hiện hữu, nhưng họ đang mòn mỏi trong tù. Vinh danh họ là bảo vệ họ, sự bảo vệ tối ưu khẩn thiết. Vì vậy, từ đáy thâm tâm tôi xin cảm ơn các bạn đã trao giải cho ba nhà ly khai của đất nước chúng tôi..

"(...) Giải Nhân quyền mà các bạn trao cho ba nhà ly khai, không những bảo vệ cá nhân họ trước cuộc đàn áp, mà còn bảo vệ và khuyến khích cuộc đấu tranh bất bạo động và những phong trào mà ba nhà ly khai đại diện đang vận động cho nhân quyền và dân chủ, để cho con người được sống giữa loài người, thay vì sống giữa loài lang sói.

"(...) Chúng ta có nên tuyệt vọng trước chế độ độc tài toàn trị này chăng ? Chúng ta có còn hy vọng vào cuộc đổi thay nữa hay không ?

"Tôi tin là có. Mười lăm năm trước, Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam của chúng tôi tung chiến dịch quốc tế đòi hủy bỏ hai điều trên Hiến pháp Việt Nam : điều 2 quy định chuyên chính vô sản và điều 4 quy định sự độc tôn chính trị, văn hóa, tư tưởng của đảng Cộng sản. Nhờ công luận quốc tế hỗ trợ, điều 2 đã bị hủy. Chúng tôi tiếp tục vận động triệt tiêu điều 4.

"Tôi giữ lòng hy vọng. Tôi hy vọng là vì nhân dân Tiệp đón tiếp chúng tôi hôm nay đã thành công quét sạch nạn độc tài độc đảng hơn mười năm trước. Tôi tràn đầy hy vọng khi thấy các bạn mang lại cho chúng tôi sự hậu thuẫn vô giá cho một nước Việt Nam Tự do. Nhân danh Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý, nhân danh tất cả những người Việt Nam ưu tư cho dân chủ và nhân quyền, tôi tri ân các bạn".

Giải Nhân quyền Người giữa loài người (Homo Homini) đặt dưới sự chứng minh của cựu Tổng Thống Vaclav Havel, Đô trưởng Praha và Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa Cộng Hòa Tiệp, v.v...

Qua ngày 10.4.2003, cựu Tổng Thống Vaclav Havel đã tiếp ông Võ Văn Ái và bà Ý Lan, đại diện cơ sở Quê Mẹ : Hành động cho Dân chủ Việt Nam. Ông Ái cảm ơn cựu Tổng Thống đã vinh danh ba nhà đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo Việt Nam qua Giải Người giữa loài người (Homo Homini), cảm ơn ông Vaclav Havel không ngừng hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam. Ông Ái báo động về một hình thái chiến tranh mới mà nhà cầm quyền cộng sản đang tiếp diễn chống nhân dân họ, che đậy qua lập luận mở cửa kinh tế, nhưng không chấp nhận cải cách chính trị, cũng như hiện tình các phong trào đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Cựu Tổng Thống Tiệp nhờ ông Ái chuyển "Lời chào, niềm cảm thông ưu ái và sự đoàn kết tương trợ đến những nhà đấu tranh cho dân chủ Việt Nam". Ông Vaclav Havel còn nhận xét rằng : "Điều quan trọng không thể tránh là phải cương quyết đổi đầu chủ nghĩa độc tài toàn trị, dù niềm hy vọng thành công mong manh đến đâu. Ngày trước nhân dân Tiệp chúng tôi cũng ở trong hoàn cảnh như các bạn ngày nay. Nhưng chúng tôi quyết tâm tranh đấu không ngừng. Phải hét to lên, ngay cả những lúc tuyệt vọng".

Được hỏi về luận điểm cho rằng đổi mới kinh tế sẽ đem lại dân chủ, ông Vaclav Havel đáp : "Trước kia có lúc tôi cũng nghĩ như thế. Tôi mừng tượng rằng những nhà đầu tư, vốn liếng nước ngoài đưa vào làm mở mang đời sống quốc gia. Nền kinh tế thị trường sẽ dẫn đến dân chủ đa nguyên. Tôi đã nghĩ rằng một quốc gia khi chịu mở cửa trên lĩnh vực này, ắt khó lòng đóng cửa trên lĩnh vực khác. Nhưng ngày nay, tôi không còn tin như thế nữa. Phải mở cửa và thay đổi chính trị cùng lúc với việc phát triển kinh tế. Việc mở cửa kinh tế thường che giấu tính vô liêm sỉ của một số người cư ngụ trong các khách sạn sang trọng, họ chỉ đến một xứ sở để bóc lột kinh tế quốc gia này mà chẳng lưu tâm chút nào cho kẻ đang bị tra tấn ngay bên cạnh khách sạn họ cư ngụ". -

TẠI PARIS NGÀY 12.5.2003

• **Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang bàn Phật sự với Hòa Thượng Thích Quảng Độ lần thứ ba tại Saigon, sau khi gặp ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh và trước khi gặp Bà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ**

Sáng nay (12.5) vào lúc 8 giờ sáng, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống, đã đến

Thanh Minh Thiền viện lần thứ ba gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất. Lần này, Đại Lão Hòa Thượng dự tính ở lại Thanh Minh Thiền Viện một hai hôm trước khi về lại Bình Định. Nhưng chưa rõ Ban Tôn Giáo và Công an thành phố có để cho Hòa Thượng toại nguyện chăng ? Vào 7 giờ sáng, Đại Lão Hòa Thượng sắp sẵn xe riêng để đi thăm Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhưng đến phút chót, xe của Ban Tôn Giáo thành phố và Công an đã hộ tống đưa Đại Lão Hòa Thượng đi. Buổi gặp sáng nay chưa biết thế nào, nhưng hai lần gặp trước, hai Hòa Thượng bàn chuyện riêng mà không có sự hiện diện như thường lệ của cơ quan công quyền hay chư Tăng thuộc Giáo hội của Nhà nước.

Đại Lão Hòa Thượng đến bàn Phật sự với Hòa Thượng Thích Quảng Độ lần thứ hai, vào sáng ngày 9.5, sau khi gặp ông Lê Thanh Hải, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, hôm 7.5, và trước khi tiếp bà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Sài Gòn vào lúc 16 giờ chiều cùng ngày.

Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang cho Phòng Thông Tin Phật giáo Quốc tế biết rằng, cuộc gặp gỡ với ông Lê Thanh Hải diễn ra trong không khí cởi mở. Cũng như lần gặp Thủ Tướng Phan Văn Khải, Hòa Thượng nói với ông Lê Thanh Hải, Chủ tịch thành phố Sài Gòn, về quá trình Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị đàn áp rồi đặt ra câu hỏi: "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có tội tình gì mà không cho hoạt động?". Ông Hải không trả lời câu chất vấn này. Nên Hòa Thượng nói tiếp: "Thủ Tướng Phan Văn Khải có hứa với tôi rằng mọi việc từ nay chính phủ sẽ giải quyết bằng lòng Từ bi. Nếu được như thế, chúng tôi cũng sẽ giải quyết bằng lòng Hỷ xả. Tuy nhiên vấn đề hiện nay là Phật giáo chúng tôi phải được quyền chỉnh đốn nội bộ để tiến đến việc thống nhất Phật giáo". Ông Hải không phản đối khi phát biểu rằng: "Việc thống nhất là chuyện nội bộ của quý Cụ, chúng tôi hoan nghênh".

Hai ngày sau, sáng ngày 9.5, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đến Thanh Minh Thiền Viện thăm Hòa Thượng Thích Quảng Độ lần thứ hai để bàn về cuộc gặp gỡ vừa qua với ông Chủ tịch thành phố Sài Gòn và trước khi gặp bà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ. Hai Hòa Thượng cùng đồng tình trên tổng quan việc chấn chỉnh nội bộ Giáo hội sau một thời gian dài bị tê liệt vì ngoại chướng. Tuy nhiên nhị vị Hòa Thượng quyết định chỉ tiến hành Phật sự vào tháng 6 dương lịch này, sau khi Hòa Thượng Thích Quảng Độ được giải chế vào ngày 1.6.

Vào lúc 16 giờ cùng ngày (9.5), Bà Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Sài Gòn, Emi Lynn Yamauchi, đã đến chùa Ấn Quang viếng thăm Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Tháp tùng bà còn có ông Marc Forino, Cố vấn Chính trị, và bà Laura H. Kirkpatrick, Cố vấn Kinh tế. Phía Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, ngoài Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang còn có Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ. Cuộc gặp gỡ xảy ra tại Chùa Ấn Quang, là trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước), nên còn có mặt Thượng Tọa Thích Nhật Quang, Trụ trì Tổ đình Ấn Quang và Thượng tọa Thích Thiện Tâm, thành viên Ban Trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài việc hỏi thăm sức khỏe, bà Tổng Lãnh Sự xin Hòa Thượng Thích Huyền Quang cho biết ý nghĩa cuộc gặp gỡ ở Hà Nội với Thủ Tướng Phan Văn Khải, và sinh hoạt tương lai của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Đáp lời, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang cảm ơn tấm thịnh tình của bà Tổng Lãnh Sự cùng phái đoàn, và nhờ bà đạo đạt lời cảm ơn của Hòa Thượng, của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng như toàn thể Phật tử Việt Nam đến Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ đã không ngừng hỗ trợ tiếng nói chân chính của Giáo hội cũng như can thiệp mạnh mẽ cho hàng giáo phẩm bị tù đày, quản chế. Nhờ vậy Hòa Thượng mới có mặt ngày hôm nay ở đây. Về cuộc gặp gỡ tại Hà Nội với Thủ

Tướng Việt Nam, Hòa Thượng cho biết nội dung không để xin xỏ bất cứ điều gì, kể cả việc bản thân bị tù đầy của Hòa Thượng và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, mà chỉ nêu lên một câu hỏi chưa được Nhà nước giải thích. Đó là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất có tội gì mà bị đàn áp và cấm không cho sinh hoạt gần 30 năm qua? Thủ tướng Phan Văn Khải xác nhận công lao của Hòa thượng trong cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, và hứa từ nay Nhà nước sẽ giải quyết vấn đề Phật giáo với tâm Từ bi. Cho nên Hòa Thượng đã nói, như thế thì Hòa Thượng cũng sẽ đáp lại bằng tâm Hỷ xả. Tuy nhiên, Hòa Thượng nhấn mạnh, đây mới chỉ là bước đầu, vì sự việc kéo dài gần 30 năm, nên còn nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ và cần giải quyết cụ thể. Cũng từ một quá trình như thế, nội bộ Phật giáo cần thời gian để chấn chỉnh, để có thể đóng góp tích cực trên các lĩnh vực từ thiện, văn hóa, giáo dục. Đặc biệt là không để cho Phật giáo bị lôi cuốn hay làm công cụ cho bất cứ tổ chức hay đảng phái chính trị nào. Hòa Thượng mong rằng không ai can thiệp vào chuyện nội bộ của Phật giáo. Hòa Thượng cho biết là sẽ đề nghị Nhà nước trao trả lại Việt Nam Quốc Tự, là cơ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trước năm 1975, và không cản trở việc hàng giáo phẩm trung ương của Giáo hội gặp gỡ, thảo luận chuyện tương lai của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Bà Tổng Lãnh Sự cảm ơn Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã cho biết những điều cần biết và hứa sẽ trình lên Chính phủ Hoa Kỳ quan điểm của Hòa Thượng. Bà Tổng Lãnh Sự cũng hỏi ý kiến Hòa Thượng là Chính phủ Hoa Kỳ có thể làm gì cụ thể trong sinh hoạt tương lai của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất? Đại Lão Hòa Thượng đáp: Xin giúp cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có quyền tự do ngôn luận, tiếp xúc với các cơ quan truyền thông quốc tế để giải thích về lập trường cùng hướng đi dân tộc của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Mặt khác, xin giúp đỡ Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam cư trú trên lãnh thổ Hoa Kỳ cũng như các quốc gia trong thế giới có đủ các quyền cư trú, sinh hoạt, phát triển niềm tin ngưỡng của họ, và tạo điều kiện trong tương lai khi có cơ hội cho giới Phật tử tỵ nạn này về Việt Nam tham gia công cuộc tái thiết quê hương. Cuộc tiếp xúc, trao đổi kéo dài hơn một giờ đồng hồ trong tinh thần lắng nghe, thông cảm và tương kính.-

TẠI PARIS NGÀY 14.5.2003

• Một vài dư luận quốc tế điển hình về cuộc gặp gỡ giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải và Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang

Nhân định và giới thiệu: Cuộc gặp gỡ tại Hà Nội hôm 2.4.2003 giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải và Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất làm kinh ngạc thế giới và bàng hoàng cộng đồng Người Việt hải ngoại.

Hàng trăm bài báo viết lên những ý kiến khác nhau hay những nhận định trông chờ. Từ những bài báo này hiện lên một sự thật, mà có người quên lãng lâu nay, là thế và lực của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất rất lớn, khiến một chính quyền sắt máu không thể tiếp tục làm ngơ. Tuy nhiên dù nhận định cách nào, thì tất cả đều đồng nhất về thành quả của cuộc vận động quốc tế cho Phật Giáo Việt Nam: Áp lực quốc tế thành tựu bất một chế độ độc tài toàn trị phải thay đổi. Sự thay đổi bước đầu chưa cụ thể, nhưng nếu thế giới duy trì áp lực này, song đồng với những yêu sách chính đáng và kiên trì tại quốc nội, sẽ làm nên chất xúc tác chuyển hóa thời cơ.

Cuộc gặp gỡ Phan Văn Khải - Thích Huyền Quang là bước ngoặt mới, đặt nan đề cho những cá nhân hay đoàn thể đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ, và tự do tôn giáo: **Đó là sự đòi hỏi một Đối sách mới cho giai kỳ mới**, nếu không nói là vận hội mới. Bởi vì gần ba mươi năm qua, hai nhận định thường xuyên cất lên, trước bất cứ biến động nào, đã không còn phù hợp với xu thế thế giới ngày nay. Một nhận định cho rằng, Cộng sản đang âm mưu, đang gian trá, đang giăng bẫy để khuất phục Phật Giáo Việt Nam? Nhận định khác thì lại chủ trương, Đảng và Nhà nước đã thay đổi chính sách tôn giáo, ta nên đáp ứng mà cộng tác.

Nhưng thực tế và sự sống còn của dân tộc không nằm trong hai phạm trù nhận thức thụ động ấy. Đâu phải đến ngày hôm nay, sau cuộc gặp gỡ Phan Văn Khải - Thích Huyền Quang, chúng ta mới vỡ lẽ về các "âm mưu", "gian trá", "giăng bẫy" của những chính trị gia cộng sản? Người Việt dân tộc điều linh từ 1945 đến nay vì cơ chế hoạt động chính trị, mà bản chất là "bảo vệ ngai vàng của Đảng" thay vì "bảo vệ Dân và Nước". Đâu phải đến ngày hôm nay, sau cuộc gặp gỡ Phan Văn Khải - Thích Huyền Quang, chúng ta mới tìm ra cơ hội "cộng tác" với Nhà nước XHCNVN? Làm sao cộng tác được, khi Điều 4 còn nằm chính ịch trên Hiến Pháp ngăn cấm mọi thành phần dân tộc và tôn giáo "tham gia cộng tác" trên cương vị đồng đảng và bình đẳng? Cho nên, cả hai nhận định ấy đã lỗi thời, không thực tế ở đầu thiên kỷ Tây lịch thứ ba.

Thế thì thực tế và sự sống còn của dân tộc nằm ở đâu? - Nằm ở **Đối sách mới**, dựa trên cơ sở truyền thống dân tộc song hành với tương quan lực lượng của thế giới. Xu thế thế giới ngày nay là xu thế của nền Dân chủ tiến hành. Trào lưu nào đi ngược sẽ bị đào thải. Không chóng thì chầy, những chế độ độc tài toàn trị bị thanh toán đầu tiên trước bước tiến của công cuộc Toàn cầu hóa Dân chủ sống đời với cuộc Toàn cầu hóa Kinh tế. Cuộc gặp gỡ Phan Văn Khải - Thích Huyền Quang ở Hà Nội điển hình cho sự thoái trào của chế độ độc tài toàn trị trước cao trào Dân chủ thế giới. Nếu người Việt hải ngoại nhắm tiếp viện cho tiến trình dân chủ này, thì phải tốc quyết khai lộ bằng Đối sách mới, vừa thù ứng vừa hữu hiệu, làm yếu tố trọng đại để chuyển động và chuyển hóa thời cơ cho quê hương Việt Nam. Trong phạm vi cộng đồng hải ngoại, cần xét lại não trạng ù lì theo phản ứng bị động, mà ta có thể nhận xét qua một ví dụ nhỏ nhưng thường trực, đó là tiếp tục gọi một cựu tù nhân chính trị là Ngục sĩ, khi người này đã hoàn toàn được tự do và đã sinh sống ở nước ngoài. Theo dòng phản ứng ấy, vô hình trung chúng ta "bằng lòng" để yên cho Cộng sản tiếp tục giam nhốt một Cao Tăng nơi xó góc Quảng Ngãi, vô hình trung "nghe rằng" nếu Hòa thượng còn bị giam nhốt thì ta càng có cớ, còn mạnh miệng tố cáo Cộng sản vi phạm nhân quyền?! Nhưng lại chẳng có kế hoạch hay phương thức gì hữu hiệu để nhân quyền hóa chế độ, dân chủ hóa xã hội Việt Nam. Một số phát biểu của chúng ta chỉ tràn trề nằm đọng mỗi sáng trên Internet như những lời nói suông, tuy cực kỳ phẫn nộ và quyết liệt. Chúng ta ít quan tâm khi chính vị Cao Tăng mà ta hết lòng hỗ trợ 21 năm qua, vừa tìm thấy một phương thức mới, nếu không là giải pháp mới, căn cứ trên sự hỗ trợ và thanh viện quốc tế cho việc bảo vệ và thực hiện tự do tôn giáo và dân chủ hóa đất nước? Dù nhỏ đến đâu, khe hở trên con đê vẫn báo hiệu một long lở, tàn phá. Nhanh hay chậm tùy sức mạnh con nước, tức sự đối lập thích nghi và chủ động của chúng ta. Đối sách chỉ mới và hữu hiệu khi giải quyết được từng nan đề một, trong vô số nan đề biến hiện trước mắt đòi hỏi những anh hùng tạo thời thế giải quyết.

Cho nên vấn đề không là "Cộng sản đang âm mưu gì, gian trá như thế nào?", mà là ta làm gì thích ứng để vô hiệu hóa mọi âm mưu? Không là "Chính phủ đã thay đổi, ta nên cộng tác với chính phủ", mà yêu sách mọi cuộc cộng tác phải thực thi trên

cương vị đồng đẳng và bình đẳng, và tiêu đích phải đem lại lợi ích ấm no, dân chủ và hạnh phúc cho toàn dân.

Để bắt mạch công luận thế giới, Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế xin dịch một số ý kiến điển hình của các cơ quan truyền thông và tổ chức nhân quyền quốc tế, thuộc các khuynh hướng khác nhau. Khởi đầu với bài báo của bình luận gia Jean-Claude Pomonti đăng trên nhật báo cánh tả *Le Monde* phát hành tại Paris. *Le Monde* là tờ báo chính trị có ảnh hưởng hàng đầu tại Pháp cũng như trên chính trường quốc tế. Suốt cuộc chiến tranh tại Việt Nam vừa qua, thì *Le Monde* cùng với *New York Times*, *Washington Post* (Hoa Kỳ), *The Guardian* (Anh), *Asahi Shinbun* (Nhật bản)... đứng hàng đầu các nhật báo ảnh hưởng quốc tế tung phá dư luận. Sau đây là nhận định từ Luân Đôn của tổ chức Ân xá Quốc tế, từ Bộ Truyền giáo Paris của Giáo hội Công giáo, và từ Học viện Quốc phòng Úc của giáo sư Carl Thayer, một chuyên gia về vấn đề Việt Nam. Cuối cùng là nhận định của Giáo sư Địa vật lý Nguyễn Thanh Giang viết từ Hà Nội, coi như đại biểu cho giới trí thức miền Bắc. Trên làng báo chí hải ngoại có nhiều bài báo mang giá trị phân tích, thì mọi người đã có sẵn trong tay, nên chúng tôi chưa loan tải trong đợt công bố lần này.

• Võ Văn Ái

• Hà Nội mở lại cuộc đối thoại với giới ly khai Phật giáo

Thủ Tướng Việt Nam tiếp Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, bị quản chế suốt 21 năm

Jean-Claude Pomonti, Đặc phái viên Đông Nam Á của nhật báo *Le Monde* (ở Paris), viết từ Bangkok. Số ra ngày 19.4.2003

Hà Nội làm thế giới ngạc nhiên khi nối lại đối thoại với Giáo hội Phật giáo ly khai bị chế độ cộng sản khai trừ hơn hai mươi năm qua. Trong vòng 45 phút, Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải tiếp Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, bị quản chế suốt 21 năm qua. Điều lạ lùng là báo chí nhà nước đăng tải trang trọng lên trang "nhất" với bức hình đồng hàng hai người đối thoại gặp nhau hôm 2.4 tại thủ đô Việt Nam với danh xưng "Hòa thượng Huyền Quang" chứ không còn là "ông Lê Đình Nhân" thế danh của ngài. Đài truyền hình toàn quốc cũng loan tin cuộc tiếp kiến.

Tăng đoàn Phật giáo đóng vai trò chủ yếu chống chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam, mà giới quân sự lật đổ năm 1963. Cuộc "nổi dậy của chư Tăng" với các cuộc tự thiêu đã gây động khắp hành tinh thời ấy. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tiếp tục chống đối bất bạo động các chế độ của giới tướng lãnh sau đó, một số nhà sư khác gia nhập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.

Năm 1981, sáu năm sau ngày đại thắng và năm năm sau ngày thống nhất, Hà Nội cấm Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hoạt động và thay bằng một cơ quan chính thức, gọi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trực thuộc vào Mặt trận Tổ quốc là tổ chức được Đảng giao phó nhiệm vụ quản lý tôn giáo cùng những đoàn thể khác. Trước những đàn áp khốc liệt, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vẫn không ngừng đấu tranh cho sự phục hoạt, độc lập của giáo hội mình và cho tự do tôn giáo.

Đến từ Quảng Ngãi, một tỉnh miền Trung nơi vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bị quản chế, Đại lão Hòa thượng năm nay 86 tuổi ra Hà Nội giải phẫu nhọt trên mặt. Ngày 12.3, hai nhà ngoại giao Liên hiệp Âu châu rời một nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã được phép đến thăm Hòa thượng. Ngày hôm sau, một thành viên tháp tùng Đại lão Hòa thượng, sư Tuệ Sỹ gặp gỡ trao đổi trong vòng hai giờ đồng hồ với các nhà ngoại

giao Liên hiệp Âu châu tại trụ sở của phái đoàn Ủy ban Âu châu tại Hà Nội. Sau đấy, một phái đoàn thứ hai của Liên hiệp Âu châu lại đến thăm Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang bên giường bệnh. Và ngày 4.4, tức 48 tiếng đồng hồ sau hôm Thủ tướng tiếp kiến Đại lão Hòa thượng, Đại sứ Hoa Kỳ đến vấn an Hòa thượng trong một ngôi chùa.

• "Bước đầu"

Những gì xảy ra sau đó cũng đáng kinh ngạc. Trên đường về Quảng Ngãi, Hòa thượng Huyền Quang được phép ghé Huế, vùng đất của giới Phật giáo ly khai, nơi không những giới ủng hộ ngài mà cả hàng giáo phẩm thuộc Giáo hội chính thức (của Nhà nước) cũng hiện diện trong cuộc tiếp rước. Thời gian lưu lại hạn chế trong vòng 48 tiếng đồng hồ, nhưng ngài đã thăm viếng các Tổ đình chính của giới Phật giáo ly khai, và phân nửa Tăng chúng tiễn đưa ngài về tới Quảng Ngãi thuộc Giáo hội chính thức (của Nhà nước).

Trên nội dung chính, cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng và Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang được ông Võ Văn Ái, phát ngôn nhân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Paris đánh giá là "một bước đầu quan trọng". Ông nói thêm rằng: "Sự kiện một thủ tướng thảo bàn với một tù nhân vì lương thức bị tù đầy suốt 21 năm qua và vẫn còn bị quản chế là một sự kiện có ý nghĩa". Ông Ái giữ liên lạc điện thoại với Đại lão Hòa thượng cho biết khi Hòa thượng đòi hỏi phục hồi quyền sinh hoạt cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thì ông Khải đáp: "Hiện nay đã có một Giáo hội Phật giáo Việt Nam là đủ rồi!".

Dù nhà cầm quyền chưa có hứa hẹn gì cụ thể trong cuộc gặp gỡ đầu tiên này, ông Khải đã nhượng bộ khi công nhận "nhiều sai lầm đã vi phạm" và theo lời Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, thì ông Khải xin Hòa thượng "từ bi hoan hỷ" (cho những lỗi lầm ấy). Thủ tướng còn cho rằng "cấp dưới xử lý không hợp lý" về vụ "quản chế hành chính" Hòa thượng Thích Quảng Độ hai năm kể từ 1.6.2000, nhà lãnh đạo cao cấp thứ hai của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, hiện bị giam giữ nội bất xuất ngoại bất nhập tại một thiền viện ở thành phố Hồ Chí Minh. Số phận của vị Cao tăng 74 tuổi này sẽ ra sao vào ngày 1 tháng 6 tới đây, theo ông Ái, sẽ cho chúng ta biết rằng "cuộc gặp gỡ giữa Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thủ tướng Phan Văn Khải là một bước ngoặt hay chỉ là một cử chỉ làm màu làm mè".

Hà Nội đang đối diện với những áp lực mạnh mẽ đến từ Hoa Kỳ và Liên hiệp Âu châu yêu sách cho tự do tôn giáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất không bao giờ chấp nhận làm con quay cho một Giáo hội chính thức (của Nhà nước), một thứ giáo hội mà uy thế bị giới hạn và lòng dân không tâm phục. Giới Phật giáo ly khai nhận định rằng "nếu nhà cầm quyền muốn giải quyết các "tệ nạn xã hội", thì điều cần thiết là nhà cầm quyền phải dựa vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất". Phải chờ xem Đảng Cộng sản Việt Nam có chia sẻ yêu sách này - và với những nhượng bộ nào mà Đảng sẵn sàng thỏa dịu cuộc khủng hoảng đang bước vào thập kỷ thứ ba.

• Việt Nam : Giới ly khai tiếp tục bị bắt bớ

Thông cáo Báo chí của tổ chức Ân xá Quốc tế tại Luân Đôn ngày 10.4.2003

Ngày hôm nay, 10.4.2003, tổ chức công bố bản Phúc trình mới, qua đó minh họa mối quan ngại ngày càng gia tăng của Ân xá Quốc tế về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam. Tài liệu này trình bày tội gián điệp gán cho hai người cháu trai và người cháu gái của Linh mục Nguyễn Văn Lý, người bị kết án 15 năm

tù hồi tháng 10 năm 2001 vì tội công khai tố cáo chính sách của chính quyền về các quyền căn bản và tự do tôn giáo.

Ấn xá Quốc tế tuyên bố rằng : "Những kết án nghiêm trọng tội giết điệp - tội có thể bị tử hình tại Việt Nam - cho những người thân của cha Lý là hành động với ý trả thù và trừng phạt. Chỉ vì những người này dám phổ biến ra thế giới bên ngoài những thông tin về người chú đang bị tù của họ".

Vụ này, cùng với việc bắt lại bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nhà ly khai lâu đời và là tù nhân vì lương thức, nằm trong khuôn khổ của đợt đàn áp dai dẳng nhắm vào mọi hình thức phản kháng tại Việt Nam thể hiện qua việc bắt bớ, tù đầy hàng chục kẻ chống đối chính quyền.

Thế nhưng, Thủ tướng Việt Nam, Phan Văn Khải, đã làm chuyện bất ngờ khi tổ chức cuộc gặp gỡ với người nổi danh trên dư luận thế giới là Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo hội không được Nhà nước công nhận. Ấn xá Quốc tế xin chào đón diễn biến này.

"Sau cuộc hội ngộ vô tiền khoáng hậu ấy, chính quyền Việt Nam phải tiếp tục giải quyết những biện pháp cụ thể để bảo đảm cho mọi công dân, bất phân chính kiến hay tín ngưỡng, được thực thi các quyền căn bản về tự do tôn giáo và tự do ngôn luận. Các quyền này được công nhận trong bản Hiến pháp Việt Nam cũng như trong các công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam tham gia", tổ chức Ấn xá Quốc tế nhấn mạnh như thế.

Mặc dù các biến cố lạ lùng xảy ra tại Hà Nội tuần trước, Ấn xá Quốc tế biết rằng Hòa thượng Thích Huyền Quang vẫn chưa được trở về nơi chùa cũ của ngài ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong thực tế, Hòa thượng vẫn phải trở về Quảng Ngãi, nơi ngài bị kiểm soát chặt chẽ hơn hai mươi năm mà không hề được xét xử hay buộc tội.

Hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo, người kế tục của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, hiện nay cũng bị quản chế tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo một vài nguồn tin, thì cuộc "quản chế hành chính" này sẽ chấm dứt vào ngày 1 tháng 6 năm nay 2003. Ấn xá Quốc tế công nhận Hòa thượng Thích Quảng Độ là người tù vì tư tưởng.

Ấn xá Quốc tế khẩn thiết trông chờ việc Hòa thượng được trả tự do và trông đợi ngài sẽ được hưởng các quyền tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do hội họp.

"Việc trả tự do cho Hòa thượng Thích Quảng Độ sẽ cho người ta xác định là nhà cầm quyền Việt Nam nghiêm cần tính đến chuyện tôn trọng các nhà tôn giáo có ý kiến bất đồng hay cuộc gặp gỡ Phan Văn Khải - Thích Huyền Quang chỉ là một cử chỉ khinh thường và vô nghĩa đối với một lão ông bệnh hoạn và Phật giáo đồ", Ấn xá Quốc tế kết luận.

• **Thủ tướng chính thức tiếp vị Lãnh đạo của phái Phật giáo bất phục tùng chính quyền**

Tạp chí Giáo hội Châu Á, Cơ quan Thông tin của Hội Truyền giáo Paris, số 373, ra ngày 16.4.2003

Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhân Dân ngày 2.4 vừa qua đăng tải trên trang nhất một hình ảnh lạ thường. Ở nơi mà thường khi chỉ thấy các nhân vật thuộc Bộ Chính trị, thì nay bên cạnh một bó hoa kếp xù, người ta thấy người chuyên văn với Thủ tướng Phan Văn Khải, Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, mà sau năm 1975, đặc biệt từ năm 1981 (1) khăng khăng và bền bỉ khước từ sự áp đặt của chính quyền trên các vấn đề của tôn giáo đa số này tại Việt Nam. Có lẽ rồi đây lịch sử sẽ soi sáng chúng ta về ý nghĩa của một cuộc gặp gỡ như thế. Trong hiện tại, những tường thuật ban đầu về biến cố này không soi sáng bao nhiêu.

Quả nhiên, theo các báo cáo mà báo chí nhà nước loan tải (2), vị lãnh đạo Phật giáo vừa giải phẫu nhọt trên mặt ở một bệnh viện Hà Nội (3), hôm 2.4 đã đến "thăm hỏi" Thủ tướng. Sau khi Thủ tướng vui mừng thấy sức khỏe của Hòa thượng đã bình phục, ông đã thông báo về chính sách tôn giáo của chính phủ và mong mỗi Hòa thượng tham gia đóng góp sức mình cho đạo pháp và dân tộc. Nhờ sự "quan tâm của Đảng và Nhà nước" và sự chăm sóc tận tình, Hòa thượng đã bình phục, vào viếng lăng Hồ Chí Minh, đi thăm một số chùa và di tích lịch sử ở thủ đô.

Thế nhưng, bản tường thuật về cuộc gặp gỡ đến từ các nguồn tin độc lập hơi khác với lối trình bày chính thức này. Hẳn là bản thông cáo của *Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế* (4), mà nguồn tin phát xuất từ chính Đại lão Hòa thượng, công nhận là cuộc gặp gỡ cởi mở và thân tình, nhưng thêm rằng hiện không có một quyết định cụ thể nào đối với giáo hội thống nhất, bị chính quyền cấm đoán từ năm 1981. Trái lại, khi đòi phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Thủ tướng trả lời : "*Hiện nay đã có một Giáo hội Phật giáo Việt Nam là đủ rồi !*". Đây là Giáo hội do Nhà nước bảo trợ và được Nhà nước thành lập năm 1981. Theo nguồn tin độc lập tường thuật, thì Đại lão Hòa thượng nhắc nhở Thủ tướng về tình hình đàn áp quy mô Giáo hội của ngài, các cơ sở giáo dục và từ thiện bị tịch thu, và bản thân ngài bị tù đầy không xét xử suốt 21 năm. Trong lời đáp Thủ tướng chấp nhận là Đảng Cộng sản có nhiều thiếu sót và phạm nhiều sai lầm, mà một số sự việc, như việc tù đầy Đại lão Hòa thượng, là do cấp dưới xử lý không hợp lý, nhưng không phải là chính sách của Nhà nước.

Cuộc gặp gỡ ly kỳ như không thể có thật này, càng làm ngạc nhiên theo những tin đáng lo ngại loan tải liền sau cuộc giải phẫu của nhà sư. Khoảng 28 tháng 3 vừa qua, ba vị sư tháp tùng chuyển ra Hà Nội với Hòa thượng bị áp lực rời thủ đô nếu không muốn bị bắt. Còn Đại lão Hòa thượng khi muốn trở về Quảng Ngãi, thì trong vòng ba ngày người ta cho biết không còn chỗ để mua vé tàu. Đại lão Hòa thượng quy ác ý này cho phản ứng đối với Kiến nghị 6 điểm mà Hòa thượng gửi cho Đảng và Chính phủ. Trong kiến nghị này, Hòa thượng yêu sách trả tự do tức khắc cho hai nhà lãnh đạo tối cao của Giáo hội thống nhất, phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất một cách độc lập và tự trị đối với Đảng và Chính phủ.

Nhưng nếu ý định chính quyền muốn thực hiện như trên, thì cuộc gặp gỡ giữa Đại lão Hòa thượng với Thủ tướng đã làm thay đổi. Ngày 7.4, nhà lãnh đạo Phật giáo hoàn toàn thoải mái lấy tàu đi Huế. Tại đây khoảng 2000 Tăng, Ni và Phật tử, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cùng như Giáo hội do Nhà nước bảo trợ đã cùng chung đón tiếp ngài long trọng. Sau khi gặp gỡ một số nhân vật Phật giáo địa phương, ngày hôm sau Hòa thượng rời cố đô về lại Quảng Ngãi bằng xe hơi.

Nhiều cuộc đánh giá khác nhau về một giai đoạn lạ lùng trong lịch sử các quan hệ khó khăn mà Nhà nước duy trì với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Nhiều người nhấn mạnh sự mở cửa đang hiện hành so với chính sách cũ. Trong hiện tại, chẳng có gì cho thấy tương lai ra sao. Nếu trường hợp cuộc gặp gỡ giáo đầu cho sự công nhận chính thức Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thì người ta có thể nghĩ rằng, đây là cách duy trì cuộc kiểm soát trên một bộ phận của Phật giáo Việt Nam, mà cho đến nay chính quyền chưa đưa thành công lửa về thánh đường các tôn giáo do chính quyền cai quản.

(1) Xem hành trạng của Đại lão Hòa thượng trong tạp chí Giáo hội Châu Á số 370

(2) Nhân Dân, ngày 2.4.2003, Thông tấn xã Việt Nam ngày 3.4.2003

(3) Xem Giáo hội Châu Á các số 371, 372

(4) Thông cáo Báo chí ngày 2.4.2003 của Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế

• Nhà nước Việt Nam và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Đài phát thanh Úc phỏng vấn Giáo sư Carl Thayer phát về Việt Nam ngày 20.4.2003

Qua một hành động được xem là rất có ý nghĩa, liên quan tới lập trường của chính phủ Việt Nam đối với quyền tự do tôn giáo, mới đây, Thủ Tướng Phan Văn Khải đã lần đầu tiên gặp gỡ và nói chuyện với Hòa Thượng Thích Huyền Quang, nhà lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tức Giáo Hội vẫn bị nhà nước cấm hoạt động từ nhiều năm qua. Riêng bản thân Hòa Thượng Thích Huyền Quang, năm nay 86 tuổi, đã bị quản thúc tại gia từ năm 1982 tới nay.

Cuộc hội kiến giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải với Hòa Thượng Thích Huyền Quang được xem là một diễn tiến quan trọng; thế nhưng, không chắc sau cuộc gặp gỡ vừa đề cập, chính phủ Cộng sản Việt Nam có sẽ thực sự thay đổi lập trường trong vấn đề giới hạn quyền tự do tôn giáo hay không.

Trong mục Thời Sự Quốc Tế Chủ Nhật tuần này, Bảo Vũ mời quý vị cùng chúng tôi xem bài của biên tập Viên Mike Woods thuộc ban Á Châu Thái Bình Dương của Đài chúng tôi. Biên tập viên Mike Woods đã nói chuyện với Giáo Sư Carl Thayer thuộc Học Viện Quốc Phòng Úc. Trước hết, Giáo Sư Thayer cho biết :

G.S. CARL THAYER: Hiện chính phủ Việt Nam đang thực hiện những bước đi rất thận trọng và chậm chạp trong việc dần dần tự do hóa ở trong nước. Trong bối cảnh đó, chuyện gặp gỡ với đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất quả là một diễn tiến có ý nghĩa hết sức đặc biệt.

MIKE WOODS: Hòa Thượng Thích Huyền Quang cũng là một trong những nhân vật bất đồng tôn giáo được nhiều người ưa thích nhất. Rõ ràng là, ở tuổi 86 hiện nay, ngài đang bị đau yếu nhiều. Tôi nghĩ rằng rất nhiều người tỏ ra đồng cảm với vị Hòa thượng này. Thưa giáo sư, có phải nhà cầm quyền Việt Nam xét lại cách đối xử với Hòa thượng và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bởi vì Hòa thượng và Giáo Hội được nhiều người tỏ ra ủng hộ hay chăng?

G.S. CARL THAYER: Chắc chắn là ở miền Trung và miền Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và các nhà lãnh đạo Giáo Hội được rất nhiều người biết đến. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và các nhà lãnh đạo vẫn là cái gai nhọn đâm bên hông Nhà Nước kể từ ngày Việt Nam thống nhất tới nay. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn luôn luôn tích cực trong các hoạt động cứu trợ các nạn nhân bão lụt. Cứ mỗi một lần các thành viên Giáo Hội gây khó khăn cho nhà nước như vậy, thì họ đều bị bắt giữ hoặc bị cầm tù. Sau khi được thả ra, họ lại tiếp tục các hoạt động cứu trợ. Theo tôi, ở một chừng mực nào đó, họ được dân chúng ủng hộ. Họ được xem như, cũng ở chừng mực nào đó, đại diện cho tâm trạng phản kháng của dân chúng đối với chính quyền trung ương. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và các nhà lãnh đạo Giáo Hội không tìm cách lật đổ chính quyền. Họ chỉ muốn được là người Phật Tử và được tự do sinh hoạt riêng mà không có sự chỉ đạo của chính quyền.

MIKE WOODS: Liệu có phải cuộc hội kiến vừa rồi giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải với Hòa Thượng Thích Huyền Quang là một chỉ dấu cho thấy chính quyền Việt Nam sẽ thay đổi chính sách trong vấn đề tự do tôn giáo hay không?

G.S. CARL THAYER: à, theo tôi, theo một nghĩa nào đó, đúng là có chuyện đó. Thế nhưng, theo một nghĩa rộng lớn hơn, thì có lẽ vấn đề như sau : Kể từ khi ông Nông Đức Mạnh được bầu vào chức vụ tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, Đảng đã

duyet xét lại cách đối xử với các nhóm xã hội và các lực lượng khác nhau tại Việt Nam. Đảng đang bắt đầu áp dụng một đường lối mềm mỏng hơn. Và điều đáng lưu ý là, ngay cả những người phê bình nhà cầm quyền Việt Nam ở hải ngoại, đặc biệt tại Paris, cũng đã công bố các thông cáo báo chí cho thấy họ khá lạc quan. Vì thế, cuộc hội kiến đánh dấu một bước phát triển tích cực. Thế nhưng, thực ra, về vấn đề này, Thủ Tướng Phan Văn Khải nói rằng, tại Việt Nam, chỉ có một tổ chức Phật Giáo mà thôi. Đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, tổ chức được chế độ công nhận, và chỉ một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là đủ rồi.

MIKE WOODS: Như Giáo Sư vừa đề cập, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế tại Paris cho hay, trong cuộc hội kiến, Thủ Tướng Phan Văn Khải cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang biết, mặc dù nhà nước đã phạm phải nhiều sai lầm thế nhưng từ nay mọi sự sẽ được tháo gỡ và điều chỉnh dần. Tuy nhiên sau đó, Bộ Ngoại giao Việt Nam bác bỏ điều vừa đề cập. Xin hỏi Giáo Sư là... liệu sẽ tới lúc nào đó, Nhà Nước bãi bỏ lệnh cấm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hoạt động hay không?

G.S. CARL THAYER: à, theo tôi, nếu chúng ta so sánh tình trạng phát triển nơi Giáo Hội Công Giáo và Hội Thánh Tin Lành Việt Nam ở miền Nam thì chúng ta thấy có những dấu hiệu phát triển nho nhỏ, nho nhỏ chứ không phải toàn hảo. Thế nhưng Phật Giáo thì bị đàn áp khốc liệt kể từ năm 1975. Các chùa chiền bị nhà nước chiếm, tài liệu giảng dạy bị phá hủy và Phật Giáo không được chọn lựa Tăng Ni của họ để thăng cấp, đề bạt ; đã vậy, các nhà lãnh đạo Phật Giáo còn bị bắt bớ, giam cầm. Do đó, khi nhìn ngược trở lại, người Phật Tử muốn Phật Giáo được khôi phục lại và nhà Nước bồi thường thiệt hại cho Giáo Hội. Để làm được điều này, chế độ sẽ phải chấp nhận rằng họ đã phạm sai lầm và đây là điều hết sức tế nhị cho chế độ tại Việt Nam. Và đó là lý do giải thích tại sao chúng ta đang thấy nhiều dấu hiệu lẫn lộn nhau như hiện nay.

MIKE WOODS: Thưa Giáo Sư, liệu việc bãi bỏ lệnh cấm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hoạt động có sẽ tạo thành một tiền lệ rất nguy hiểm cho chính phủ Việt Nam hay không ?

G.S. CARL THAYER: Đúng vậy. Mặc dù tôi không thích dùng thuật ngữ sau ; thế nhưng trong giới khoa bảng, nghiên cứu, chúng tôi có thuật ngữ, tạm dịch, "Xã hội chủ nghĩa độc quyền tổ chức". Chữ này có nghĩa: nước nào theo chế độ độc đảng thì nhà nước chỉ công nhận một cơ chế duy nhất mà thôi. Điều này nghĩa là... sau ngày Việt Nam thống nhất, giới Phật Giáo tại miền Nam bị buộc phải sát nhập vào tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Yêu nước. Thế nhưng, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã kháng cự lại việc sát nhập này và họ đứng bên ngoài. Nay nếu nhà nước Việt Nam cho một trong những cái gọi là lực lượng xã hội được quyền có hai đại diện, thì điều này sẽ dẫn tới tình trạng đa nguyên. Trong lúc này, các nhà lãnh đạo cộng sản tại Việt Nam vẫn kịch liệt chống đối bất kỳ hình thái đa nguyên nào.

K T: Thưa quý thánh giả, với nhận định của Giáo Sư Carl Thayer quý vị vừa nghe, chúng tôi xin kết thúc mục Thời Sự Quốc Tế Chủ Nhật nơi đây. Bảo Vũ và Nguyễn Nam xin kính chào và hẹn quý vị vào lần tới.

• Mừng chẳng cho Nhân dân Việt Nam ?

- Nguyễn Thanh Giang

Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất, bị quản chế ở Quảng Ngãi, sau thời gian ra Hà Nội chữa bệnh, chiều 2 tháng 4 năm 2003 đã được thủ tướng Phan văn Khải tiếp thân mật và ân cần thăm hỏi tại văn phòng Chính phủ. Tin này được đưa lên đầu buổi Thời sự

Đài Truyền hình Việt Nam, được đăng trên trang nhất báo Nhân Dân và một số báo khác. Sự kiện đột biến ấy làm xôn xao dư luận trong nước và quốc tế. Một số người quan tâm thời cuộc đã vượt qua nỗi sợ bị dò xét hay ngăn trở, đến chia sẻ và tham vấn ý kiến bình luận của tôi.

Phải chăng đây là sự khởi động tích cực của Nghị quyết "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" do Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX ban bố ? Phải chăng chúng ta đang bắt đầu thực hiện lời kêu gọi của tổng bí thư Nông Đức Mạnh: "... chúng ta cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng được giảm thiểu" (trích Bài nói của TBT Nông Đức Mạnh tại Hội nghị Trung ương 7). Làm rất nhiều, theo Tổng Bí thư, trên cơ sở "tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau". Làm rất nhiều, trên cơ sở nhận thức rằng: "Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc ... , được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu".

Tiếc rằng thời gian qua, đặc biệt là gần đây, sự nghiệp đại đoàn kết của cả dân tộc không những không được củng cố mà còn bị gây sút mẻ, thậm chí bị phá hoại nghiêm trọng. Cho nên "khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới". Có tình trạng đó vì "Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, phần vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng ...". Có tình trạng đó căn bản còn vì các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước không những không được xem là có ý nghĩa quan trọng hàng đầu mà còn bị ngang nhiên xâm phạm.

Điều 53 của Hiến pháp quy định "Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân". Nghị quyết Đảng cũng nêu rằng: "Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến ... bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụm mũ, áp đặt".

Nhưng, Hiến pháp cứ một đảng, Nghị quyết Đảng cứ một đảng, mà thực tế cứ làm một nẻo.

Khi có ý kiến trái ngược (Trong cuộc sống, việc nảy sinh ý kiến trái ngược là chuyện thường tình. Cái mới tích cực nảy sinh được, chân lý muốn được tiếp cận nhanh chóng thường phải qua sự cọ sát của các ý kiến trái ngược), thậm chí chỉ mới khác ý cấp trên là đã bị chụm mũ, áp đặt rất nguy hiểm. Người ta sẵn sàng chụm cho người này, người kia (kể cả tướng Trần Độ, nguyên trưởng ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chính ủy Quân Giải phóng Miền Nam, huân chương Hồ Chí Minh) đủ các loại mũ "phản" và "chống": "phản bội", "phản Đảng", "phản động"; "chống chủ nghĩa xã hội", "chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" vân vân và vân vân. Bộ luật Hình sự nước ta trước đây có quy định tội "tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội". Sau những phản ứng rất có lý lẽ của tôi qua bài "12 ngày tuyệt thực trong trại giam B14", điều quy định đó được đổi thành điều 88 trong Bộ luật Hình sự mới: "Tội tuyên truyền chống nhà nước CHXHCNVN". Tuy nhiên, để gán ghép được một người

vào tội tuyên truyền chống nhà nước CHXHCNVN đôi khi rất phức tạp, đặc biệt là với những người đã phát biểu chính kiến một cách rõ ràng, công khai bằng văn bản trong công luận. Thế là ai đó đã đưa ra "sáng kiến" gán ghép tội "gián điệp" theo điều 80 Bộ Luật Hình sự cho tất cả những ai thấy cần phải gán ghép. Vì cứng đầu. Vì không trị được về mặt lý luận. "Sáng kiến" này liền được áp dụng tràn lan vì nó dễ lợi dụng quá, nó mù mờ quá. Cứ nói gián điệp thì ai cũng ghét, cũng sợ, cũng có thể tin vì làm sao mà biết được những gì bí mật trong đó. Cựu chiến binh chống Mỹ Nguyễn Khắc Toàn đưa giúp thư kháng cáo của người dân (trong đó có cả gia đình thương binh liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng) lên internet bị kết tội gián điệp. Thạc sỹ-bác sỹ Phạm Hồng Sơn dịch tài liệu "Thế nào là dân chủ" lấy từ trên mạng của Đại sứ quán Mỹ ... cũng có thể bị quy là gián điệp. Rồi Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình (có thể cả Trần Dũng Tiến nữa chăng?), người từng là phóng viên Tạp chí Cộng sản, người từng vào sinh ra tử, từng làm chính uỷ kỳ cựu, từng đảm nhiệm Tổng Biên tập Tạp chí Lịch sử Quân sự, được phong đại tá từ rất sớm... đều là gián điệp. Họ làm gián điệp nhưng chẳng ai giữ bí mật. Chẳng những thế lại còn viết bài ký tên thật, công khai tán phát, phổ biến ý kiến của mình, thậm chí thẳng thừng công kích lãnh đạo một cách có phần hơi quá nặng lời. Họ làm gián điệp mà không ai hề nhận được nhiệm vụ giao từ chính quyền nước ngoài nào cả. Họ bị la lối om xòm nhận tiền nước ngoài nhưng trong khoảng 200 triệu (tiền Việt Nam) của đại tá Phạm Quế Dương có hơn trăm triệu là tiền thưởng của một tổ chức quốc tế, ngoài ra có thể là tiền nhuận bút ... Cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn chỉ mới mở tài khoản, chưa hề nhận tiền từ đâu cũng bị suy diễn, áp đặt...

Người nào đưa ra cái "sáng kiến" gán ghép tội gián điệp theo điều 80 Bộ luật Hình sự để nhanh chóng được áp dụng bừa bãi như thế không biết có được khen thưởng, được thăng quan tiến chức không nhưng chắc chắn sẽ bị lịch sử phán xét, bị lương tâm đầy đoạ, bị lớp người sau phỉ nhổ. Bởi vì nó tàn nhẫn quá, dã man quá!

Trong một đoạn trích Nghị quyết trên kia tôi đã tự ý cố tình gạch chân mấy chữ pháp luật của Nhà nước nhằm lưu ý độc giả về tình trạng chúng ta, đặc biệt là các cơ quan công quyền, vi phạm pháp luật nhiều quá. Nhất là thời gian gần đây: Các phiên toà xử cử nhân luật Lê Chí Quang, cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn ... đều là án hình sự. Tuyên bố xử công khai, nhưng hàng xóm, người thân, họ hàng, kể cả em gái ruột, không một ai được vào dự.

Hiến pháp ghi rõ: "Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật" (trích điều 73, Hiến pháp 1992). Nhưng nhiều người, trong đó có chúng tôi, nếu không được xem là công dân tốt thì ít nhất vẫn là công dân bình thường như mọi người nhưng điện thoại đã bị cắt hàng năm trời. Điện thoại cá nhân bị cắt, điện thoại gia đình cũng bị cắt. Hối hụi điện, hỏi công an nhiều lần, tuyệt nhiên không ai giải thích lý do. Báo cáo thắc mắc lên nhiều cấp lãnh đạo, kể cả cấp lãnh đạo cao nhất, tuyệt nhiên không ai trả lời!

Bà vợ đại tá Phạm Quế Dương đi cùng chồng vào thành phố Hồ Chí Minh, bị bắt khi chồng đi bắt. Bà liền bị giam vào phòng kín chỉ có 3 lỗ thông hơi qua 2 cửa sắt. Mặc quần áo tù, nằm sàn xi măng, ăn ngủ, đại tiện, tiểu tiện đều một chỗ. Trước lúc bị giam, sau khi được thả và đến nay bà vẫn là đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam, chưa hề phạm tội. Hiến pháp nước ta thì quy định: "Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật" (Điều 72).

Nhiều người có công với nước, trong đó có chúng tôi, chưa hề bị ra toà nhưng vẫn bị một vài tờ báo rêu rao là phản động. Trong khi ông Nguyễn Văn Đàn (trú tại phường 5, Đông Hà,

Quảng Trị) bị khởi tố về tội cố ý gây thương tích, bị cơ quan công an ra lệnh truy nã nhưng chỉ vì báo Quảng Trị sơ suất gọi bị can Nguyễn Văn Đàn là tội phạm nên đã bị toà án Nhân dân Thị xã Đông Hà tuyên buộc báo Quảng Trị và tác giả Nguyễn Hùng (sỹ quan phòng Công tác Chính trị Công an Quảng Trị) phải bồi thường danh dự cho ông Nguyễn Văn Đàn 3 triệu đồng ; thì ở đây, mặc cho chúng tôi phần uất kháng nghị lên mọi cấp chính quyền, tất cả đều làm ngơ. Thực ra, về thực chất, các tờ báo kia chỉ là loại báo lá cải, Tuy nhiên, vì chúng chính thức nằm trong hệ thống báo chí của Đảng nên mọi người đều hiểu có sự chỉ đạo từ đâu đó nhằm hạ nhục đối tượng, răn đe mọi người, cô lập chúng tôi.

Cho nên trong cuộc trả lời phỏng vấn, phóng viên một tờ báo nước ngoài hỏi tôi: "Nếu cần nói một câu thôi, thì ông nói gì?". Tôi trả lời: "Tôi chỉ mong ở nước tôi pháp luật được thực sự tôn trọng và bảo đảm thực thi đúng. Người dân cũng như Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan công quyền". Chúng ta thường viện dẫn dân chủ kiểu này, dân chủ kiểu kia, nhân quyền Phương Đông, nhân quyền Phương Tây... Bất luận thế nào, hành động đập lên pháp luật để chụp mũ, áp đặt, trấn áp, đày đọa dân chúng đều bị xem là sự vi phạm nhân quyền trắng trợn và thô bạo không thể không bị lên án quyết liệt. Kề ý quyền, cậy thế đàn áp lương dân sẽ bị người mạnh hơn trừng trị mà không ai đoán hoai. Đây là luật quả báo, không thể tránh.

Điểm qua mấy sự việc trở trên, đau lòng để thấy nhiều sai lầm tồn tại quá lâu nhất thiết phải được chỉnh sửa; nhiều điều quá bức bối nhất định phải được cởi bỏ sớm. Sự kiện tiếp đón thân mật của thủ tướng Phan Văn Khải đối với Hoà thượng Thích Huyền Quang phải chăng nhằm đáp ứng điều này ? Phải chăng một thời kỳ mới đang bắt đầu được mở ra ?

Sau buổi gặp giữa Thủ tướng Phan Văn Khải và Hoà thượng Thích Huyền Quang sẽ là những gì?. Nói như Tổng bí thư Nông Đức Mạnh "Chúng ta cần làm rất nhiều". Trước hết hãy giải quyết cho Hoà thượng Thích Quảng Độ, hãy xét lại các vụ án Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn, hãy trả tự do cho đại tá Phạm Quế Dương, học giả Trần Khuê, bác sỹ Nguyễn Đan Quế, cựu quyết tử quân Trần Dũng Tiến, thạc sỹ-bác sỹ Phạm Hồng Sơn, nhà báo Nguyễn Vũ Bình.

Một lần nữa, người viết bài này xin được nhắc lại Nghị quyết Đảng và lời Tổng bí thư :

"Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau".

"Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến ... bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụp mũ, áp đặt".

"Chúng ta cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng được giảm thiểu".

Hà Nội ngày 6 tháng 4 năm 2003

Nguyễn Thanh Giang

Nhà A13P9 - Tập thể Phòng không Hoà Mạc

Phường Trung Hoà - Quận Cầu Giấy

TẠI PARIS NGÀY 16.5.2003

• Quốc Hội Âu Châu ra Quyết Nghị tố cáo Nhà cầm quyền Hà Nội vi phạm tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí và yêu sách trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị, đặc biệt là hai Hoà Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý, và

phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cùng các Giáo hội chưa được công nhận

Vào lúc 16 giờ 30 chiều ngày 15.5.2003, sau một cuộc bàn thảo sôi nổi và hào hứng, Quốc hội Âu châu đã đồng tình thông qua Quyết Nghị tố cáo Nhà cầm quyền Hà Nội đàn áp tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí, và yêu sách trả tự do cho tất cả các tù nhân vì chính kiến, đặt biệt trả tự do cho Đại lão Hoà thượng Thích Huyền Quang, Hoà thượng Thích Quảng Độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý, và phục hồi quyền sinh hoạt cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cùng các Giáo hội chưa được công nhận.

Đây là thành quả vận động của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam kết hợp với Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế. Từ ba tuần lễ vừa qua, ông Võ Văn Ái và bà Ý Lan hướng dẫn phái đoàn của hai tổ chức đến hai trụ sở Quốc hội Âu châu ở Bruxelles (Vương quốc Bỉ) và Strasbourg (Pháp) thông tin về tình hình nhân quyền trầm trọng tại Việt Nam với tất cả các chính đảng của Liên hiệp Âu châu để vận động cho sự lên tiếng thông qua một Quyết nghị.

Tập trung các tài liệu do Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam và Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế cung cấp, bản Quyết Nghị được đúc kết với sự hỗ trợ của các ông bà : Dân biểu Hartmut Nassauer, Hanja Maij-Wegen, Bernd Posselt và Thomas Mann nhân danh Đảng Bình dân Âu châu (Dân chủ Thiên chúa giáo) và Dân chủ Âu châu ; Richard Corbett và Margrietus J. van der Berg, nhân danh Đảng Xã hội Âu châu ; Bob van den Bos và Graham R. Watson nhân danh Đảng Tự do, Dân chủ và Cải cách Âu châu ; Patricia McKenna nhân danh Đảng Xanh và Liên minh Tự do Âu châu ; Jonas Sjostedt, Luisa Morgantini và Marianne Eriksson nhân danh Liên đoàn Tả phái Thống nhất (trong số có Đảng Cộng sản) và Tả phái Xanh Bắc Âu ; và Bastiaan Belder nhân danh Đảng Âu châu Dân chủ và Tương dị.

Nhân danh Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam và Giám đốc Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế, ông Võ Văn Ái đã chào đón Quyết Nghị này qua nhận định : "*Quyết Nghị của Quốc hội Âu châu cho thấy Cộng đồng quốc tế bất mãn con đường mà Việt Nam đang theo đuổi trên phạm vi nhân quyền, và minh bạch nói lên những gì mà thế giới trông đợi Việt Nam bảo vệ các Quyền Con người. Đã tới lúc Nhà cầm quyền Việt Nam và Đảng Cộng sản phải thay đổi toàn bộ chính sách đối xử với giới ly khai và các nhà hoạt động tôn giáo, khởi sự bằng việc phục hồi quyền sinh hoạt chính đáng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Quyết nghị này nhắc nhở Nhà cầm quyền Việt Nam phải trả tự do cho Hòa thượng Thích Quảng Độ và bảo đảm cụ thể cho Hòa thượng có đầy đủ các quyền tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do hành đạo, để minh chứng ý chí đối thoại mà Thủ tướng Phan Văn Khải công bố trong cuộc hội kiến với Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang vừa qua ở Hà Nội.*"

Qua Quyết Nghị nói trên, Quốc hội Âu châu đặc biệt lưu tâm đến các nhà tôn giáo ly khai. Trước tiên là Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, 86 tuổi, bị quản chế từ năm 1982, Hòa thượng Thích Quảng Độ, 75 tuổi, hàng lãnh đạo cao cấp thứ hai của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, bị "quản chế hành chính" năm 2001 vì tung Lời Kêu Gọi cho Dân chủ Việt Nam. Quốc hội Âu châu cũng nói lên mối quan tâm đối với giới người Thượng Thiên chúa giáo bị bắt, bị sách nhiễu vì lý do tín ngưỡng cũng như với Linh mục Nguyễn Văn Lý bị cấm cố từ tháng 5 năm 2001.

Quốc hội Âu châu cũng quan tâm đến sự kiện đổi trắng thay đen của Nhà cầm quyền Việt Nam, một mặt đàn áp quy mô các tự do ngôn luận, qua cuộc bắt bớ các ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê cuối năm 2002 và Nguyễn Đan Quế hôm 17.3.2003, mặt khác phô trương cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng Phan Văn Khải và Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang đi chữa bệnh ở Hà Nội. Bản Quyết nghị tấn công vào các cuộc lên án một cách hồ lốn dựa vào cái gọi là "an ninh quốc gia", vào Nghị định 31/CP về "quản chế hành chính", vào Nghị định 18.6.2002 cấm dân chúng xem các chương trình truyền hình ngoại quốc phát qua vệ tinh, hay Dự luật chống biểu tình, với biết bao văn kiện pháp luật hóa cuộc đàn áp và những hành xử tùy tiện.

Quyết Nghị của Quốc hội Âu châu được thông qua và công bố một ngày sau cuộc công bố tại Hoa Thịnh Đốn bản Phúc trình của Ủy hội Hoa Kỳ Bảo vệ Tự do Tôn giáo trên Thế giới (14.5.2003). Phúc trình này xác định "Tình hình tự do tôn giáo vốn đã xấu nay càng tồi tệ hơn" kể từ sau ngày ký kết Thương ước song phương Mỹ Việt. Không những chứng xác bằng tài liệu và dữ kiện về các cuộc đàn áp tôn giáo quy mô tại Việt Nam, Ủy hội Hoa Kỳ còn tích cực đề xuất với Chính phủ Hoa Kỳ áp dụng những biện pháp chế tài.

Dưới đây là bản dịch toàn văn Quyết Nghị của Quốc hội Âu châu :

• QUYẾT NGHỊ CỦA QUỐC HỘI ÂU CHÂU VỀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM
(Thông qua vào lúc 16 giờ 30 ngày 15.5.2003)

QUỐC HỘI ÂU CHÂU

- Chiếu theo các Quyết nghị trước đây, đặc biệt hai Quyết nghị ngày 15.11.2000 và ngày 4.7.2001,

- Chiếu theo Hiệp ước Hợp tác Kinh tế hòa thuận năm 1995 giữa Cộng đồng Âu châu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệp ước mà điều 1 xác lập nền tảng hợp tác căn cứ trên sự tôn trọng nhân quyền và các nguyên tắc dân chủ,

- Chiếu theo Hiệp định khung tháng 7 năm 1995 về cuộc hợp tác giữa Cộng đồng Âu châu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

- Chiếu theo văn kiện chiến lược giữa Cộng đồng Âu châu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2002 - 2006,

- Chiếu theo Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị, mà Việt Nam tham gia năm 1982 và trong khung cảnh ấy, cũng như đối với cộng đồng thế giới và với chính công dân nước mình, Việt Nam cam kết bảo vệ và thăng tiến nhân quyền,

A. Vì rằng, là thành viên tham gia Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị, Việt Nam phải bảo vệ các quyền tự do ngôn luận, hội họp, tôn giáo và tín ngưỡng,

B. Lo lắng về các hạn chế pháp lý và chính trị đối với tự do tôn giáo, mà qua sự kiện một số tổ chức tôn giáo không được chính thức công nhận, như Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội tại gia Tin Lành và những Giáo phái ly khai Hòa Hảo và Cao Đài,

C. Lo lắng bởi sự cách ly và giới hạn quyền tự do đi lại của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, người mà từ năm 1982 bắt buộc phải sống trong những điều kiện chẳng khác gì quản chế, và Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, bị quản chế, canh gác kín mật từ tháng 6 năm 2001,

D. Lo lắng cho hoàn cảnh của Hòa thượng Thích Quảng Độ, 75 tuổi, hàng giáo phẩm cao cấp thứ hai của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, được đề cử ứng viên Giải Nobel Hòa bình 2003, đang bị "quản chế hành chính" tại Thanh Minh Thiền viện, thành phố Hồ Chí Minh, vì đã tung Lời Kêu Gọi cho Dân chủ tại Việt Nam,

E. Lo lắng cho những cuộc bắt bớ, những biện pháp sách nhiễu và cấm cố mà những người Thượng Thiên chúa giáo đang là nạn nhân của chính quyền Việt Nam,

F. Lo lắng về sự kiện Linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt giam từ tháng 5 năm 2001, cũng như hoàn cảnh của những người khác đang bị giam giữ vì ôn hòa nói lên tín ngưỡng của họ,

G. Lo lắng về Nghị định 31/CP áp đặt việc kiểm soát hành chính đối với những cá nhân vi phạm tội an ninh quốc gia, mà không thông qua tòa án,

H. Báo động về sự kiện bị nghi ngờ gửi tin tức ra nước ngoài mà nhà ly khai Nguyễn Đan Quế bị bắt tại thành phố Hồ Chí Minh hôm 17.3.2003,

I. Nhận xét rằng cuộc bắt bớ này nằm trong khuôn khổ những biện pháp quy mô nhằm đàn áp và bóp nghẹt tự do ngôn luận tại Việt Nam,

J. Về phương diện đó, nhắc nhở rằng trong các ngày 29 và 30.12.2002, cựu Đại tá Phạm Quế Dương và nhà nghiên cứu Trần Khuê đã bị bắt một cách tùy tiện vì lý do khởi xướng những quan điểm hậu thuẫn cho dân chủ và chống tham nhũng, cũng như nhắc nhở đến các phiên tòa bất công mà nạn nhân lãnh chịu gần đây là những nhà ly khai sử dụng Internet, họ bị kết án gián điệp, trong khi họ chỉ hành xử chính đáng quyền tự do ngôn luận,

K. Báo động về Dự luật nhằm giới hạn quyền biểu dương, (như một phản ứng) sau những vụ biểu tình bất bạo động của những nhóm nông dân phản đối sự lạm quyền và nạn tham nhũng, những cuộc biểu tình đã đưa tới hàng chục án tù,

L. Phiền muộn trước sự kiện Việt Nam công khai khẳng định ý chí thiết lập một Nhà nước Pháp quyền, thế mà chính phủ không ngừng bắt bớ với mục tiêu đàn áp các tội phạm mà bộ luật hình sự xếp vào đề mục tổng quát "an ninh quốc gia", những sắc luật và những nghị định mâu thuẫn với các quyền tự do ngôn luận, tự do tôn giáo ghi trong Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị, đặc biệt là Nghị định 31/CP ban hành năm 1997 về "giam giữ hành chính", giam giữ không thông qua tòa án,

M. Lo lắng về hiện trạng bắt bớ, những biện pháp sách nhiễu và cấm cố mà các nhà ly khai và nhà báo ôn hòa không ngừng là nạn nhân của chính quyền Việt Nam,

N. Lo lắng về Nghị định ký ngày 18.6.2002 cấm chỉ công dân Việt Nam theo dõi các chương trình truyền hình ngoại quốc phát qua vệ tinh,

• QUỐC HỘI ÂU CHÂU (yêu sách)

1. Sự kiện cần nhớ, là một Quốc gia thiết lập trên một Nhà nước Pháp quyền, thì quốc gia ấy phải có những pháp luật rõ ràng và chính xác bảo đảm sự bình đẳng và an ninh luật pháp cho mọi người, chứ không thể thiết lập trên thứ luật pháp bắt nguồn cho những phân biệt đối xử vì chủng tộc, tôn giáo hay chính kiến ;

2. Kết án sự kiện viện dẫn một cách bất lương những tội phạm, như gián điệp liên quan đến "an ninh quốc gia" hay những tội phạm xếp dưới đề mục "lợi dụng quyền dân chủ xâm

phạm lợi ích Nhà nước" hoặc "phá rối trật tự công cộng", để đàn áp tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và tự do báo chí ;

3. Kêu gọi Nhà cầm quyền Việt Nam phải tôn trọng tự do tôn giáo của tất cả các giáo phái và phục hồi quy chế chính đáng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cũng như cho tất cả các Giáo hội khác không được công nhận ;

4. Mừng rỡ về cuộc gặp gỡ vừa qua giữa Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải và vị Lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất - không được công nhận - ; khuyến khích chính phủ Việt Nam tiếp tục theo đuổi cuộc đối thoại này ;

5. Kêu gọi Chính phủ Việt Nam trả tự do cho tất cả tù nhân vì chính kiến, đặc biệt là Hòa thượng Thích Huyền Quang, Hòa thượng Thích Quảng Độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý, và bảo đảm toàn vẹn các quyền chính trị và dân sự cho ba vị này, kể cả quyền tự do đi lại ;

6. Kêu gọi Chính phủ Việt Nam chấm dứt những cuộc bắt bớ không ngừng, những biện pháp sách nhiễu và cấm cố mà nạn nhân là những người Thượng Thiên chúa giáo cư ngụ trên miền núi ;

7. Về phương diện này, yêu sách Liên hiệp Âu châu và các Quốc gia thành viên, hỗ trợ công cuộc cải cách luật pháp tại Việt Nam, hãy khẩn khoản động viên chính quyền Việt Nam chăm lo cho cuộc cải cách luật pháp được tương hợp với Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị ;

8. Kêu gọi Chính phủ Việt Nam loại bỏ Nghị định 31/CP và tất cả các sắc luật khác sử dụng trong việc đàn áp các hành xử ôn hòa, mà lại gọi là đe dọa an ninh quốc gia ;

9. Kêu gọi Chính phủ Việt Nam chấm dứt các cuộc bắt bớ, những biện pháp sách nhiễu và cấm cố mà giới ly khai và nhà báo ôn hòa là nạn nhân thường trực ;

10. Kêu gọi Chính phủ Việt Nam trừ bỏ mọi hạn chế trong việc lưu hành các nguồn thông tin ;

11. Ủy nhiệm Chủ tịch Quốc hội Âu châu chuyển giao Quyết Nghị này đến Hội đồng Âu châu, Ủy hội Âu châu, Chính phủ Việt Nam, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc và Văn phòng Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á.

(Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam)

• LỄ PHẬT ĐÀN TÙNG BỪNG NHƯ CHÚA TÙNG CÓ TẠI HUẾ

Theo bản tin của Thượng Tọa Thích Phước Viên, Tổng Thư Ký Tăng Đoàn Thừa Thiên - Huế, gửi đến Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, cho biết một không khí tung bưng, hân hoan và phấn khởi thể hiện qua Đại lễ Phật Đàn tổ chức ngày hôm qua, 15.5.2003, Phật lịch 2547, tại Thừa Thiên - Huế. Đây là thành quả sau hai lần ghé thăm và chuyện trò với chư Tăng Ni, Phật tử Huế của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang hồi tháng tư vừa qua. Thành quả rõ nét của hai lần viếng thăm là để lại trong lòng Phật tử cố đô sự phấn khích đồng thời giải hoặc mọi sự sợ hãi bấy nay.

Thông điệp Phật Đàn về Sự Không Sợ Hãi (Vô Úy) của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã được công khai và long trọng tuyên đọc trước lễ đài Phật Đàn do Tăng Đoàn Thừa Thiên - Huế tổ chức tại Tổ đình Từ Hiếu qua tiếng nói của Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh, Trưởng Ban Tổ Chức. Không những tại Huế, mà các vùng xa như ở các huyện Hương Trà, Quảng Điền, Phú Lộc, v.v... cũng như tại các Gia Đình Phật Tử Thừa Thiên - Huế, Thông điệp Phật Đàn về Sự Không Sợ Hãi (Vô Úy) cũng được tuyên đọc và học tập nội dung.

Điều đặc biệt chưa từng xảy ra gần 30 năm qua, là hôm 11.5.2003, Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh chỉ dạy cho Tăng Đoàn Thừa Thiên - Huế gặp gỡ và đề nghị với Thượng Tọa Thích Giác Quang, Phó Thư Ký Thường trực Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thừa Thiên - Huế, hai bên cùng nhau đến đặt vòng hoa tưởng niệm trước Đài Thánh Tử Đạo Phật Giáo. Thế là vào lúc 16 giờ chiều 14.4 Quý Mùi (14.5.03) hai bên đã cùng nhau đến trước Tượng đài Thánh Tử Đạo đặt vòng hoa tưởng niệm những hương linh quá cố hy sinh thân mạng để bảo vệ Chánh Pháp và cho Phật Giáo trường tồn. Phía Tăng Đoàn Thừa Thiên - Huế gồm 14 vị, do Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh, cùng các Thượng Tọa Thích Phước Viên, Thích Thái Hòa, Thích Chí Thắng dẫn đầu. Phía Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam có 13 vị, do Hòa Thượng Thích Đức Phương cùng các Thượng Tọa Thích Giác Quang, Thích Hải Ấn dẫn đầu. Đồng đạo chư Tăng, Ni và đoàn viên Gia Đình Phật Tử Huế tham dự buổi lễ. Hai lẵng hoa cùng đề dòng chữ "Thành kính tưởng niệm chư Anh linh Thánh Tử Đạo" nhưng đều không ghi đơn vị chính thức của mình.

Phật tử Huế vô cùng xúc cảm trước hai sự kiện mới mẻ nói trên và cùng nói với nhau rằng: "Thế là cuộc thống nhất của Phật giáo âm thầm trong tim nay đã thể hiện trước ban ngày".

TẠI PARIS NGÀY 30.5.2003

• Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và Úc Châu lên tiếng đòi trả tự do cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ và phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Ngày 29.5.2003, Văn phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan đã lên tiếng trong một bản văn "*kêu gọi Nhà nước CHXHCNVN tiến hành thay đổi những "giải pháp tình thế" thành chính sách công bằng xã hội và tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng đối với tôn giáo nói chung và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng*". Những "*giải pháp tình thế*" của nhà cầm quyền Cộng Sản đưa ra lâu nay qua các Nghị định, Quyết nghị, Chỉ thị, Hướng dẫn... về công tác tôn giáo chỉ nhằm biến các tôn giáo lớn tại Việt Nam thành công cụ chính trị cho Đảng Cộng Sản. Vì vậy mà bản Lên Tiếng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại các châu đòi hỏi một "*chính sách công bằng xã hội và tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng đối với tôn giáo nói chung và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng*" được quy định và bảo đảm trong các Công Ước Quốc Tế của LHQ. Đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bản Lên Tiếng yêu sách ba điều :

1. "*Phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một Giáo Hội dân lập và truyền thống của Phật giáo đồ Việt Nam từ 2000 năm qua*", tức một Giáo Hội đã hiện hữu trước khi chế độ Cộng Sản lên nắm quyền tại Việt Nam.

2. "*Trả tự do cho hàng giáo phẩm và thành viên thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị truy bức, khủng bố, giam cầm, quản chế từ sau năm 1975. Đặc biệt là trường hợp của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Trả tự do theo nghĩa được quy định và bảo đảm trong Công Ước Quốc Tế về các quyền dân sự và chính trị của LHQ*" ; và

3. "Hoàn trả (bước đầu) Việt Nam Quốc Tự để Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có nơi đặt trụ sở hoạt động tôn giáo".

Ngoài 3 yêu sách đối với Nhà cầm quyền Hà Nội nêu trên, bản Lên Tiếng cũng "ngỏ lời tri ân các Tổ chức Nhân quyền trên thế giới, Chính phủ Hoa Kỳ, Liên Hiệp Âu Châu, các cơ quan truyền thông, báo chí quốc tế cũng như công luận quốc tế, đã không ngừng hậu thuẫn lập trường chính đáng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất", và ngỏ lời "toàn tâm tán thành và hậu thuẫn những nỗ lực của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, đã trực diện nói lên những nguyện vọng, bức xúc và ức chế của toàn thể chư Tăng Ni và Phật giáo đồ với cấp chính quyền cao cấp tại Hà Nội nhân chuyến đi chữa bệnh vừa qua", "toàn tâm tán thành và hậu thuẫn những nỗ lực kiên trì lâu nay của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, nhằm mục đích phục hoạt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất", cũng như "tận lực thực thi mọi Giáo Chỉ của Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và tiếp tục những nỗ lực vận động cần thiết nhằm đạt được 3 điểm nêu trên để Giáo Hội có thể thực hiện được những chương trình hoàng pháp, giáo dục, văn hóa và từ thiện xã hội".

Văn phòng II Viện Hóa Đạo có trụ sở đặt tại San Gabriel, bang California, Hoa Kỳ, được thiết lập theo Giáo Chỉ của Hội Đồng Lương Viện, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (trong nước) ban hành cuối năm 1992. Các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan đều trực thuộc vào Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước và Văn phòng II Viện Hóa Đạo. Hiện nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan đại biểu cho toàn thể Phật giáo đồ trong con số gần 3 triệu người Việt tỵ nạn ở hải ngoại, và sinh hoạt trong 500 ngôi chùa và trung tâm văn hóa của Phật giáo Việt Nam trên khắp năm châu.

Kèm đây là toàn văn "Bản Lên tiếng của Văn phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trước hiện tình Phật Giáo tại Việt Nam" với chữ ký đại diện của **Hòa Thượng Thích Hộ Giác**, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, **Hòa Thượng Thích Như Huệ**, Hội Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, **Hòa Thượng Thích Minh Tâm**, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, và **Thượng Tọa Thích Thiện Tâm**, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

H I NGOẠI TẠI HOA KỲ

VIETNAMESE AMERICAN UNIFIED BUDDHIST CONGRESS
IN THE UNITED STATES OF AMERICA

VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

311 E. Mission Rd., San Gabriel, CA 91776 - U.S.A.

Tel.: (626) 614-0566 / (626) 288-5359 * Fax: (626) 286-8437

Bản Lên Tiếng của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trước hiện tình Phật Giáo tại Việt Nam

Tình hình Phật Giáo tại Việt Nam gần đây có những biến chuyển mới, đặc biệt là cuộc gặp gỡ giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải và Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tại Hà Nội ngày 2.4.2003, và ba lần gặp gỡ tại Saigon giữa Nhị vị lãnh đạo Giáo Hội, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Mặc dù Hòa Thượng Thích Quảng Độ còn ở trong thời hạn quản chế khắt khe không được tiếp xúc bất cứ ai trong thời gian 2 năm qua. Ngoài ra còn có cuộc tiếp xúc giữa Đại diện Liên Hiệp Âu Châu, rồi ông Đại sứ Hoa Kỳ với Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang tại Hà Nội, cũng như với Bà Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ tại Saigon.

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan xin lên tiếng hoan nghênh, chào đón các cuộc gặp gỡ quốc tế vừa qua, chứng tỏ sự quan tâm và hậu thuẫn của thế giới đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Do đó, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan

- ngỏ lời tri ân các Tổ chức Nhân quyền trên thế giới, Chính phủ Hoa Kỳ, Liên Hiệp Âu Châu, các cơ quan truyền thông, báo chí quốc tế cũng như công luận quốc tế, đã không ngừng hậu thuẫn lập trường chính đáng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong việc đòi hỏi phục hồi quyền sinh hoạt của một Giáo Hội dân lập có truyền thống từ 2000 năm qua, cũng như yêu sách trả tự do cho hàng giáo phẩm cao cấp và Phật giáo đồ bị giam cầm, quản chế vì đã vận động cho nhân quyền và tự do tôn giáo ;

- thiết tha kêu gọi các Tổ chức Nhân quyền quốc tế, nhân dân yêu chuộng tự do, dân chủ và các Chính phủ trên thế giới tiếp tục quan tâm theo dõi sự trạng tôn giáo và nhân quyền tại Việt Nam để giúp đỡ nhân dân Việt Nam phục hồi các quyền tự do căn bản được quy định và bảo đảm trong Công Ước Quốc Tế về các quyền dân sự và chính trị của LHQ.

Đối với Nhà nước CHXHCNVN, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan hoan nghênh cuộc gặp gỡ bước đầu giữa Thủ Tướng Phan Văn Khải và Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang vốn bị quản chế suốt 21 năm qua mà không hề được công bố lý do hay xét xử theo quy định của luật pháp, và qua cuộc lưu đày quản chế vị lãnh đạo cao cấp này, toàn thể Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị cấm chỉ hoạt động trong thực tế, dù chưa hề có văn kiện công khai nào của Nhà nước quy định sự trạng ấy. Hoan nghênh vì theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam lấy tâm Từ Bi, Khoan Dung, cùng chủ trương Đối thoại làm đầu mỗi giải quyết mọi tranh chấp mà mục tiêu nhắm đến là giải thoát con người ra khỏi vô minh, cuồng tín và bất công xã hội.

Do đó, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan kêu gọi Nhà nước CHXHCNVN tiến hành thay đổi những "giải pháp tình thế" thành chính sách công bằng xã hội và tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng đối với tôn giáo nói chung và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng. Đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hãy khởi đầu những điều cụ thể sau đây :

1. Phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một Giáo Hội dân lập và truyền thống của Phật giáo đồ Việt Nam từ 2000 năm qua. Trên mặt pháp lý, Phật Giáo Việt Nam đã thống nhất thành tổ chức từ năm 1951 tại chùa Từ Đàm, Huế, với 3 tập đoàn Tăng, Ni và 3

tập đoàn nam nữ Cư sĩ khắp ba miền Bắc, Trung, Nam (thời đất nước chưa bị Hiệp định Genève qua phân) ; và sau đó, khi cuộc đấu tranh của Phật giáo đòi đòi tự do tín ngưỡng thành công huy bỏ Dự số 10 do chế độ Pháp thuộc để lại, nhờ vậy, danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chính thức ra đời tại Đại Hội Phật Giáo ở Saigon tháng Giêng 1964 ;

2. Trả tự do cho hàng giáo phẩm và thành viên thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị truy bức, khủng bố, giam cầm, quản chế từ sau năm 1975. Đặc biệt là trường hợp của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Trả tự do theo nghĩa được quy định và bảo đảm trong Công Ước Quốc Tế về các quyền dân sự và chính trị của LHQ ;

3. Hoàn trả Việt Nam Quốc Tự để Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có nơi đặt trụ sở hoạt động tôn giáo.

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan toàn tâm tán thành và hậu thuẫn những nỗ lực của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, đã trực diện nói lên những nguyện vọng, bức xúc và ức chế của toàn thể chư Tăng Ni và Phật giáo đồ với cấp chính quyền cao cấp tại Hà Nội nhân chuyến đi chữa bệnh vừa qua. Cuộc gặp gỡ mở đầu cho việc đòi hỏi Nhà nước CHXHCNVN phục hồi và tôn trọng quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan cũng toàn tâm tán thành và hậu thuẫn những nỗ lực kiên trì lâu nay của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, nhằm mục đích phục hoạt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trong tinh thần khâm thừa cố hữu, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo và các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu, Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Tân Tây Lan tận lực thực thi mọi Giáo Chỉ của Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và tiếp tục những nỗ lực vận động cần thiết nhằm đạt được 3 điểm nêu trên để Giáo Hội có thể thực hiện được những chương trình hoằng pháp, giáo dục, văn hóa và từ thiện xã hội.

Phật lịch 2547

Làm tại San Gabriel, Hoa Kỳ, ngày 29.5.2003

Đồng ký tên :

Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,

Hòa Thượng Thích Như Huệ, Hội Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan,

Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Âu Châu,

Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada.

Hộp thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến:

● THƯ TÍN

Thơ-Chi-Việt (Pháp), Hà Ngọc Bích (Pháp), Nhứt Trọng (Đức), Trần Trung Đạo (Mỹ), Duy Phương (Ý), Lê Chí Dũng (Đức), Phòng Thông Tín Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Thượng Tọa Tuệ Sỹ (Việt Nam), Phù Vân (Đức), Võ Thu Tịnh (Pháp), Nguyễn Thùy (Pháp), Huy Giang (Đức), Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Vân Nương (Pháp), Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) Phạm Trọng Chánh (Pháp), Pháp Nguyên (Pháp), Thượng Tọa Thích Quảng Ba (Úc), Lê Ngọc Tuyết & Lê Ngọc Châu (Đức), Vũ Hào (Đức), ĐLHT Thích Huyền Quang (Việt Nam), Trần Việt Yên (Mỹ), Trà Nguyễn (Mỹ), Minh Trí (Đức), Vĩnh Liêm (Mỹ), Phan Hưng Nhơn (Đức), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Vũ Uyên Giang (Mỹ), Nguyễn Văn Châu (Mỹ) Trần Phong Lưu (Đức), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), TS Lâm Như Tạng (Úc), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), Vũ Kỳ (Bi), Kim Chi Viên Thành; Trần Đăng (Đức), Quỳnh Hoa (Đức), Mai Lý Cang (Pháp), Nguyễn Lê Hoàng Việt (Đức), Hoàng Đôn Trinh (Đức), Đan Hà (Đức), Bác Sĩ Trương Ngọc Thanh & Dược Sĩ Trương Thị Mỹ Hà (Đức), Vũ Quốc Dũng (Đức), Kỳ Sơn (Đức), Vũ Nam (Đức), Phan Ngọc (Đức), vh-Trần (Đức), Người Giám Biên (Đức), Phạm Tuấn Hoàng (Đức), SH. Hà Đạu Đồng (Đức), Như Lộc (Đức), Nguyễn Ngân.

● KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- **Đức:** Tibet und Buddhismus Nr.65; Development and Cooperation Nr.4 & 5; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.4 & 5; Lotusblätter Nr.2/03; Ngược gió dong dứa, Thơ của Nguyễn Song Anh; Thông Tin số 22; Der Mittlere Weg Nr.2; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 166; Diễn Đàn Việt Nam số 138 & 139; Bản Tin Đức Quốc số 201 & 202; Dân Chúa Âu Châu số 247 & 248; AMFN Nr.20; Nội San Sen Trắng số 16; Tổ đình Pháp Hoa Thiện Hòa Tự số 4.

- **Pháp:** Bản Tin Khánh Anh số 4/03; Phật Pháp số 13; Định Hướng số 34; Việt Nam Dân Chủ số 79; Bản Tin Quân Nhân 4/03, 6/03; Khoa học và sự tái sinh theo nhà Phật của soạn giả Tuệ Lạc Nguyễn Điều; Nhân Bản số 21, 22; Việt Nam Dân Chủ số 80; Hoàng Pháp số 97; Tiếng nói Người Việt Quốc Gia số 27.

- **Áo:** Bản Tin Phật Sự Hội Phật Giáo Việt Nam tại Áo.

- **Bi:** Tuệ Giác số Phật Đàn 2547; Tự Do Dân Bản số 96.

- **Hoa Kỳ:** Khái luận triết lý kinh Hoa Nghiêm, Cổ Hòa Thượng Thích Đức Nhuận biên soạn; Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam; Chan Magazine Xuân 03 & Winter 03; Kinh Đại Thừa Kim Cang Luận chú giải: PT Huyền Châu; Tập thơ Vô Đề của Thầy Truyền Như; Phương pháp Trị & Liệu; Chân Trời Mới số 4/03, 5/03; Tin Lành số 86/87; Bồ Đề Hải số 60; Về Vang Dân Việt tập 5 của Trọng Minh; Tự Do Dân Bản số 97; Nguồn Đạo số 59.

- **Canada:** Six Sermons du Bouddha của Hiến Mật; Vui Đạo tập I & II - Thích Chân Văn; Pháp Âm số 76; Đặc san Từ Ân số Phật Đàn.

- **Singapore:** CD1 Bên Ánh Lửa Hồng 1 + CD2 Bên Ánh Lửa Hồng 2 + CD1 Tuyệt Vời Tình Lam 1 + CD2 Tuyệt Vời Tình Lam 2 của Võ Tá Hân.

- **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 168 + 169.

- **Trung Quốc & Ấn Độ:** Đặc san Hành Hương số 2.

- **Úc Đại Lợi:** Vượt Luân Hồi vào Tịnh Độ của Thích Phổ Huân; Tuần báo Chuông Sài Gòn số 6/03.

Kính thưa quý vị,

Trong thời gian qua, nhiều tin tức liên quan đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chắc chắn đã thu hút sự quan tâm của Quý Vị. Đặc biệt là cuộc tiếp xúc giữa Hòa Thượng Thích Huyền Quang mang một ý nghĩa sâu xa nào, rồi sau đó HT Huyền Quang lại được đi thăm viếng các chùa ở Huế, rồi vào tối tận Sài Gòn để gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Ngài đã nói gì trong lần tiếp xúc với Phan Văn Khải? Xin mời Quý Vị nghiên cứu bản kiến nghị 6 điểm mà HT Huyền Quang đã trao cho lãnh đạo đảng và nhà nước CSVN...

YÊU SÁCH 6 ĐIỂM CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

KIẾN NGHỊ

Kính gửi:

Ông Phan Văn Khải

Thủ Tướng Chính Phủ

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Kính thưa Thủ Tướng,

Nhận định rằng,

- Kể từ khi được truyền vào Việt Nam, đạo Phật với bản tính dung hội đã là nhân tố tích cực hóa giải những dị biệt tín ngưỡng, hỗ trợ điều hòa các mâu thuẫn dân tộc và xã hội, để hình thành ý thức dân tộc tự chủ, tự cường, tồn tại mà không bị đồng hóa, làm cơ sở cho nhận thức về các giá trị phổ quát và bình đẳng giữa các dân tộc cùng sống chung và cùng phát triển.

- Trong suốt hai nghìn năm truyền thừa tâm linh, Phật Giáo đã hòa tan vào tâm thức dân tộc thành một chỉnh thể thống nhất. Do đó, Phật tử Việt Nam, trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, luôn luôn tự thấy trách nhiệm của mình trước những thăng trầm vinh nhục của đất nước.

- Trải qua trên một thế kỷ chiến tranh tàn khốc, một đất nước văn minh và cường thịnh trong khu vực Đông Nam Á trở thành một đất nước nghèo nàn lạc hậu. Khi hòa bình vẫn hồi, đất nước đang nỗ lực tiến lên theo bước tiến của nhân loại văn minh; thì một phần do hậu quả chiến tranh kéo dài, một phần do những sai lầm chủ nghĩa, khiến cho truyền thống tâm linh dân tộc đang bị băng hoại, các giá trị đạo đức của tổ tiên đang bị quên lãng dần, tệ nạn quan liêu, tham nhũng, hối lộ cùng các tệ nạn xã hội dưới tác động của nền kinh tế thị trường không định hướng đang làm xấu đi hình ảnh vốn dĩ đáng tự hào của đất nước bốn nghìn năm văn hiến.

- Tinh thần Phật Giáo Việt Nam, như nhiều sử gia Việt Nam có thẩm quyền nhận xét, là ý thức hệ chủ đạo, hay một nhân tố trong ý thức hệ chủ đạo, trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh thần ấy đang đứng trước nguy cơ phá sản. Dưới sự chỉ đạo thiếu nhận thức của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, dưới sự điều hành yếu kém của Ban Tôn Giáo, dưới sự kềm chế gắt gao của công an, Phật Giáo Việt Nam bỗng bành trướng một cách bất thường, mất cân đối, như một cơ thể phát phì một

cách bệnh hoạn, và trở thành què quặt, dị dạng. Cơ thể ấy đang góp phần thúc đẩy nhanh quá trình băng hoại của các giá trị tâm linh và đạo đức truyền thống, đang trở thành cơ chế phụ tùy bao che các tệ nạn xã hội, tham nhũng, hối lộ.

- Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong quá khứ đã thể hiện tính kế thừa xứng đáng lịch sử truyền thừa của đạo pháp trong lòng dân tộc; đã duy trì và phát triển các giá trị truyền thống tâm linh qua các giai đoạn bi thương nhất của dân tộc, trước các ý đồ hủy diệt của chủ nghĩa tàn phá văn minh của thế kỷ. Trong ba thập kỷ qua, mặc dù bị ức chế bởi một pháp chế xã hội chủ nghĩa mơ hồ, bị xuyên tạc, bị xúc phạm, thậm chí bị lãng nhục bởi cơ chế ngôn luận độc quyền và độc đoán, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn tồn tại, với tất cả tự hào của quá khứ, với tinh thần vô úy của hiện tại, và tự khẳng định vẫn sẽ tồn tại để kế thừa và thắp sáng di sản của chư Tổ.

Với những nhận định trên, tôi kính đệ trình Thủ Tướng các điểm nguyện vọng được nêu dưới đây, đề nghị Nhà nước giải quyết một cách hợp lý trên cơ sở pháp luật không mâu thuẫn với các tập quán tâm linh truyền thống:

1. Trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, với những giải quyết hợp lý những vi phạm và mâu thuẫn pháp luật về việc giam giữ và phóng thích, mà không xúc phạm giá trị nhân phẩm như là yếu tính của các quyền con người đã được cộng đồng nhân loại xác nhận.

2. Trả tự do cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ; hủy bỏ việc thi hành án phạt phụ một cách vi luật, tùy tiện; hủy bỏ và giải thích việc thi hành quản chế như một hình thức câu thúc thân thể bất hợp pháp.

3. Trả lại cơ cấu tổ chức và sinh hoạt thuần túy tôn giáo cho Phật Giáo Việt Nam; không cải tạo Phật Giáo Việt Nam thành một tổ chức chính trị để phục vụ cho tham vọng quyền lực chính trị của bất cứ tổ chức, đảng phái chính trị nào.

4. Không thừa nhận cũng không cưỡng ép bất cứ cá nhân tu sĩ nào nhân danh Phật Giáo tham gia các chức vụ trong các cơ cấu chính quyền và các tổ chức chính trị.

5. Không can thiệp dưới bất cứ hình thức nào vào sinh hoạt hành trì thuộc phạm vi giới luật của Tăng già mà đức Phật đã qui định trên 2.500 năm và đã được tuân thủ bởi tất cả các cộng đồng Tăng Già trên toàn thế giới.

6. Phục hồi danh dự và mọi hoạt động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong khuôn khổ hiến pháp và luật pháp mà không xúc phạm các giá trị truyền thống.

Kính thưa Thủ Tướng,

Vì trách nhiệm kế thừa di sản của chư Tổ, vì tiền đồ tiến bộ của dân tộc, vì hạnh phúc của nhiều người, tôi kính đệ trình Thủ Tướng các nguyện vọng đã nêu, để Đảng Cộng Sản Việt Nam và Nhà nước C.H.X.H.C.N Việt Nam có cơ sở nghiên cứu và trả lại cho Phật Giáo Việt Nam sinh lực như đã từng có trong quá khứ để Phật Giáo Việt Nam như một cơ thể lành mạnh phát huy trọn vẹn tiềm năng của mình, đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc, đưa đất nước nhanh chóng vượt qua tình trạng nghèo nàn lạc hậu, xứng đáng với niềm tự hào của đất nước bốn nghìn năm văn hiến.

Phật lịch 2546

Hà Nội ngày 20 tháng 3/ 2003

Xử Lý Viện Tăng Thống,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

(Ký)

Hòa Thượng THÍCH HUYỀN QUANG

HÌNH ẢNH

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG XỬ LÝ THƯỜNG VỤ VIỆN TĂNG THỐNG GHPGVNTN VIẾNG THẨM THỪA THIÊN – HUẾ



Sau chuyến đi chữa bệnh và làm việc tại Hà nội trong tháng ba vừa qua, ngày 7 tháng 4/ 2003 Hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử lý thường vụ Viện Tăng thống GHPGVNTN, đã vào thăm chư Tăng Ni và đồng bào Phật tử Thừa Thiên - Huế. Chuyến tàu đưa Hòa thượng về đến ga Huế lúc 10g20 ngày 7/4 giữa rừng người chờ đón, với màu vàng rực của y áo chư Tăng nổi bật bên màu hoa đỏ thắm. Hòa thượng đã hoan hỷ bước xuống tàu trước sự cung nghênh của chư Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, Thích Như Đạt, Thích Diệu Tấn; quý Thượng tọa Thích Lưu Thanh, Thích Trí Hải, Thích Chí Thắng, Thích Giác Quang, Thích Hải Ấn, Thích Phước Viên, Thích Thiện Tấn, Thích Hải Tạng & và chừng khoảng cả ngàn Tăng Ni, Phật tử. Hòa Thượng ra sân ga, bước đi giữa hai hàng người cầm hoa quý đón, rồi lên xe về chùa Tử Đàm.



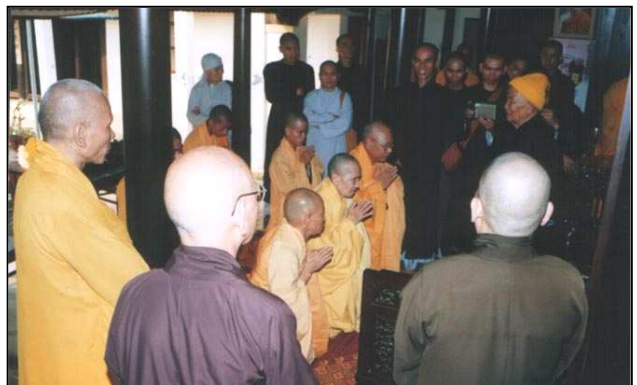
Lễ đón Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang tại sân ga Huế.



Cung thỉnh Hòa thượng về chùa Tử Đàm. Chư Tăng Ni Ban trị sự đánh lễ Hòa thượng.



Ngay khi về đến chùa, Hòa thượng đã vào chánh điện đánh lễ Phật, đánh lễ Tổ. Trong tình cảm thân thương của người đi vắng lâu ngày nay trở về ngôi nhà xưa, Hòa thượng đã lược ôn lại những kỷ niệm sâu sắc ở Huế dù đã trải qua hơn 40 năm, vẫn rõ ràng đậm nét trong trí nhớ minh mẫn của Ngài. Sau đó Ngài xuống phòng khách, an tọa nhận sự đánh lễ của Ban trị sự tỉnh giáo hội Thừa Thiên-Huế và toàn thể Tăng Ni hiện diện.



Buổi chiều lúc 14g00, cũng tại phòng khách này, Hòa thượng đã có buổi gặp gỡ, nói chuyện với đại diện Tăng Ni. Ngài thông báo với chư Tăng về chuyến đi Hà nội vừa qua như là một sự khởi đầu cho một giai đoạn mới; chỉ dạy các vấn đề lịch sử Phật giáo Việt Nam, giới luật của Tăng già, và vấn đề giáo dục đào tạo tăng tài như là một định hướng cho những ngày sắp tới. Cuối cùng, Hòa thượng Thích Thiện Hạnh đại diện, đứng lên đáp lời cảm ơn sự ân cần chỉ giáo của Đại lão Hòa thượng. Buổi tối, Hòa thượng tiếp các bậc tôn túc giáo hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế đến phụng viếng.

Sáng ngày 8/4, Đại lão Hòa thượng đến thăm các tổ đình Tường Vân, Thuyền Tôn, Quốc Ân và Linh Mộc. Tại các nơi này Ngài đã thăm viếng dâng lễ trước lăng tháp cổ Hòa thượng đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN tại chùa Tường Vân, tháp cổ Hòa thượng đệ nhị Tăng thống GHPGVNTN tại chùa Thuyền Tôn, tháp cổ Hòa thượng đệ tam Tăng thống GHPGVNTN tại chùa Linh Mộc, và tháp cổ Hòa thượng Thích Thiện Minh cũng tại chùa Thuyền Tôn.



Ảnh trên: Chủ tăng chùa Tường Vân dâng lễ Hòa thượng. Viếng tháp cổ Hòa thượng đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN

Chiều cùng ngày, Hòa thượng đến thăm và nói chuyện với học tăng hai Viện Phật học Hồng Đức và Từ Hiếu.

Tại học viện Hồng Đức, Hòa thượng lắng nghe đại diện Ban giám đốc, Thượng tọa Thích Giác Quang, giới thiệu lịch sử học viện. Thượng tọa cũng đã giới thiệu với học tăng tiểu sử, hành trạng và công lao đức độ của Hòa thượng đã đóng góp cho Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt Thượng tọa đã nêu cao tấm gương tu học của Hòa thượng. Ngài đã nghiên cứu và đọc hết trọn bộ Đại tạng kinh bằng chữ Hán trong 16 năm bị quản thúc tại Quảng Ngãi.



Ảnh trái : Chủ tăng chùa Thuyền Tôn dâng lễ Hòa thượng. Viếng tháp cổ Hòa thượng đệ nhị Tăng thống GHPGVNTN và tháp cổ Hòa thượng Thích Minh.

Ảnh phải : cung nghênh Hòa thượng tại chùa Linh Mộc.

Tại Phật học viện Từ Hiếu, Hòa thượng nghe Ban giáo thọ trình bày chương trình tu học nội trú của tăng sinh. Trong lời phát biểu, Hòa thượng nói Ngài ngạc nhiên thấy Phật học đường Từ Hiếu có một chương trình giảng dạy kết

hợp tu và học rất hợp lý, quy cũ. Hòa thượng chỉ dạy học tăng phải luôn nêu cao tinh thần VẤN - TƯ - TU, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Kết thúc buổi nói chuyện, Hòa thượng cùng toàn thể Học viện Từ Hiếu và một số Phật tử đã cùng chụp ảnh lưu niệm.



Hòa thượng Thích Huyền Quang chỉ giáo chủ tăng tại Phật học viện Hồng Đức.



Hòa thượng Thích Huyền Quang chỉ giáo chủ tăng tại Phật học viện Từ Hiếu.

Tối ngày 8/4, chư Tăng Ni và Phật tử Thừa Thiên-Huế đã lưu luyến tiễn đưa Hòa thượng Thích Huyền Quang rời thành phố Huế, lên đường xuôi nam, kết thúc một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, thăm tình.



Hòa thượng chụp ảnh lưu niệm tại Tổ đình Từ Hiếu.

Huế, ngày 09/04/2003

•Tăng Đoàn Hoàng Pháp Phật Giáo Thừa Thiên-Huế.

TIN PHẬT SỰ

• Tân Ban Chấp Hành Chi Bộ Giáo Hội PGVNTN Đức Quốc nhiệm kỳ 2003-2007

Cứ 2 năm bầu lại thành phần Ban Chấp Hành của Chi Bộ một lần. Đó là Nội Quy đã định và đã hơn 20 năm như thế, kể từ ngày thành lập Chi Bộ cho đến nay; mỗi năm họp định kỳ tại một Chùa khác nhau ở xứ Đức và cứ 2 năm lại thay đổi nhân sự một lần; nhưng năm nay cuộc họp của Chi Bộ được tổ chức tại Chùa Viên Giác Hannover vào ngày 16 tháng 4 năm 2003 có những thay đổi như sau:

- Toàn Ban Chấp Hành cũ của Chi Bộ nhiệm kỳ 2001-2003 đều từ chức để trở thành Cố Vấn của Chi Bộ và bầu lại thành phần Ban Chấp Hành mới toàn những vị Tăng Ni trẻ dưới 40 tuổi đời.

- Nhiệm kỳ của Chi Bộ từ nay trở đi là 4 năm thay vì 2 năm phải bầu lại như trước đây.

- Những vị Tăng Ni sau khi thọ giới Tỷ Kheo hoặc Tỷ Kheo Ni có 20 tuổi hạ trở lên đương nhiên trở thành những bậc Tôn Túc làm Cố Vấn cho Chi Bộ; những vị nào dưới 20 tuổi hạ, tuy không có chân trong Ban Chấp Hành; nhưng vẫn là thành viên của Chi Bộ.

- Có 10 Chùa và Niệm Phật Đường hiện nằm trong hệ thống của Chi Bộ gồm:

1. Chùa Viên Giác tại Hannover
2. Chùa Thiện Hòa tại Mönchengladbach
3. Chùa Phật Huệ tại Frankfurt
4. Chùa Tâm Giác tại München
5. Niệm Phật Đường Viên Âm tại Nürnberg
6. Chùa Bảo Quang tại Hamburg
7. Chùa Linh Thứu tại Berlin
8. Chùa Quan Thế Âm Ni Tự tại Aachen
9. Chùa Tam Bảo tại Reutlingen
10. Chùa Phật Bảo tại Bartrup.

Sau những giờ thảo luận, tất cả chư Tăng Ni hiện diện gồm 39 vị đa số đã tán đồng và bầu lại thành phần Ban Chấp Hành của Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức quốc nhiệm kỳ 2003-2007 như sau:

1. Chi Bộ Trưởng :
- Đại Đức Thích Hạnh Tấn
2. Chi Bộ Phó Nội Vụ :
- Đại Đức Thích Đồng Văn

3. Chi Bộ Phó Ngoại Vụ :
- Đại Đức Thích Hạnh Giới
4. Thư Ký :
- Sư Cô Thích Nữ Tâm Viên
5. Thủ Quỹ :
- Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm

Đa phần những vị được bầu là những người có học thức và có tu học chín chắn trong những năm tháng vừa qua.

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn đã tốt nghiệp Tú Tài của Đức, Cao Học về Tôn Giáo tại Đại Học Hannover, Phó Tiến Sĩ và có học lực tương đương với Tiến Sĩ tại Đại Học New Delhi - Ấn Độ.

- Đại Đức Thích Đồng Văn, tốt nghiệp Cử Nhân Phật học tại Việt Nam, Cao Học Phật Giáo và Tiến Sĩ Triết Học tại Đại Học New Delhi - Ấn Độ.

- Đại Đức Thích Hạnh Giới tốt nghiệp các trường Tiểu Học, Tú Tài của Đức và ngay cả Đại Học, Cao Học cũng như Tiến Sĩ về Tôn Giáo học và Ngôn Ngữ học cũng đều tốt nghiệp tại Hannover.

- Sư Cô Tâm Viên tốt nghiệp Đại Học ngoại ngữ Việt Nam thuộc phân khoa Đức Ngữ và cũng đã có thời làm giáo viên Đức ngữ tại Việt Nam.

- Cuối cùng là Sư Cô Tuệ Đàm Nghiêm đã tốt nghiệp Tú Tài của Đức và hiện đang học tại Đại Học Hamburg.

Đây cũng là tâm nguyện của Thượng Tọa cựu Chi Bộ Trưởng. Vì lẽ tương lai của Đạo Pháp tại xứ sở này đều lệ thuộc vào sự hoạt động của tuổi trẻ. Tuổi trẻ sẽ có đầy đủ khả năng, sáng kiến cũng như nhiệt huyết để trở thành điểm tựa tinh thần của thế hệ đi sau. Còn người lớn tuổi vốn có nhiều kinh nghiệm, do vậy chỉ nên làm Cố Vấn trong Chi Bộ để làm nơi y chỉ của Tăng Ni mà thôi.

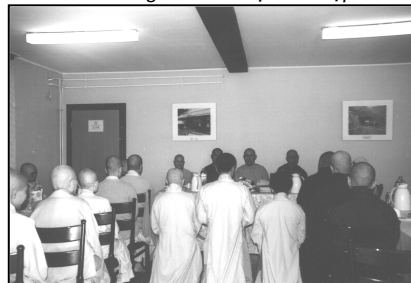
Cuộc họp đã kết thúc vào lúc 17 giờ chiều cùng ngày trong bầu không khí hân hoan của chư Tăng Ni hiện diện. Cầu chúc cho tân Ban Chấp Hành của Chi Bộ hoạt động trong thời gian tới được nhiều thành quả tốt đẹp.



Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Thích Như Điển tuyên bố lý do trong buổi họp.



Chư Tăng Ni tham dự buổi họp.



Ba vị Tịnh Hạnh Nhón đánh lễ chư Tôn Đức trong Chi Bộ để xin được thế phác xuất gia.

• Đại lễ Phật Đản 2547 - 2003

Năm nay (2003) Chùa Viên Giác tại Hannover cử hành lễ Phật Đản 2547 năm, tổ chức từ ngày 9 đến ngày 11 tháng 5 năm 2003. Có khoảng 5.000 Phật Tử về tham dự Đại Lễ này.

Ngoài những Phật Tử trong các Chi Hội và các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức ra, năm nay có 3 nơi có số lượng hùng hậu về tham dự Đại Lễ. Đó là phái đoàn Chùa Vạn Hạnh tại Odensee, Đan Mạch, do Đại Đức Thích Hạnh Bảo hướng dẫn. Phái đoàn Chùa Phật Tổ Thích Ca - Luzern, Thụy Sĩ, do cô Huệ Nhã hướng dẫn và Thầy Hạnh Thức hỗ trợ. Phái đoàn Niệm Phật Đường Viên Ý ở Ý Đại Lợi do Đạo Hữu Bác Sĩ Thiện Nguyễn Bảo Chí hướng dẫn.

Như thường lệ có quy y Tam Bảo vào sáng thứ bảy sau thời kinh Khánh Đản do quý Sư Bà và quý Ni Sư chủ lễ. Năm nay có độ 28 vị thiện nam tín nữ xin quy y. Có nhiều người Đức và cũng có nhiều em bé. Đây là lần quy y cuối cùng của 7.000 Phật Tử tại gia đã quy y với Thượng Tọa Viên Giác. Sau này nếu quý Phật Tử muốn quy y thì xin nương tựa nơi Thầy Đồng Văn và quý vị sẽ có pháp danh đi đầu là chữ Vạn. Nếu quy y với Thầy Hạnh Tấn thì pháp danh đi đầu sẽ là chữ Đồng.



Lễ quy y Tam Bảo.

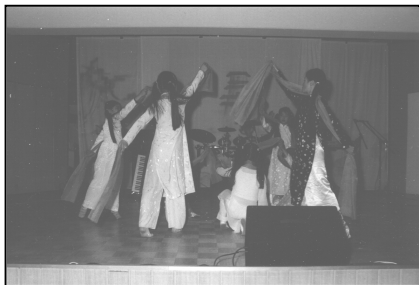
Chiều đến là thuyết pháp. Lần này có rất đông người Đức nên Thượng Tọa Viên Giác đã nhờ Thầy Hạnh Giới thông dịch ra tiếng Đức về đề tài: Làm sao tránh bớt được sự khổ đau trong cuộc sống hằng ngày.

Đêm đến, tối thứ bảy ngày 10 tháng 5 năm 2003 là một đêm chờ đợi. Vì từ lâu đồng bào đã nghe danh 2 ca sĩ nổi tiếng đến từ Hoa Kỳ. Đó là Phi Nhung và Mạnh Quỳnh. Cả hai đều làm cho chư Tôn Đức và quý khán thính giả đang ngồi chật ních cả hội trường tán thưởng bằng nhiều tràng pháo tay không dứt; sau khi các bài hát, những câu vọng cổ, những bài liên khúc được trình bày. Khi hát xong Phi Nhung và Mạnh Quỳnh còn cúng cho chùa mỗi người 200 Euro và 300 \$US nữa. Họ là những Phật Tử và rất nhí nhảnh, dễ thương trong khi diễn tấu.

Năm nay ai đi xem văn nghệ về cũng vừa lòng. Trong Gia Đình Phật Tử trình diễn ít điệu múa hơn và Ban Nhạc Hiền Năng đã cố gắng nhiều hơn; nhưng mọi người vẫn mong đợi trong lần diễn xuất tới vào lúc kỷ niệm 25 năm thành lập Chùa Viên Giác và lễ Vu Lan sẽ sôi động hơn nữa, như lâu nay GDPT Việt Nam tại Đức đã đóng góp.



Thượng Tọa Viên Giác đã lên sân khấu để cảm ơn sự đóng góp của Mạnh Quỳnh và Phi Nhung trong đêm văn nghệ cúng dường Phật Đản.



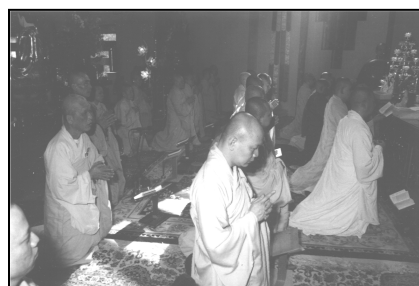
Các em Oanh Vũ trong GDPT đang say sưa trong điệu múa.

Ngày hôm sau, 11.05.2003, một lễ xuất gia cũng rất cảm động dành cho 4 vị tịnh hạnh nhen (xin xem thêm hình ảnh và bài tường thuật về Đại Lễ Phật Đản của Đạo Hữu Nhựt Trọng có đăng trong số này).

Kế đó là cử hành Lễ Phật Đản 2547 năm với lời tuyên đọc thông điệp, bằng tiếng Việt cũng như tiếng Đức, của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN gửi từ trong nước sang.



Thượng Tọa Thích Như Điển tuyên đọc thông điệp Phật Đản của Hòa Thượng Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống.



Chư Tôn Đức Tăng Ni tham gia chứng minh Đại Lễ Phật Đản.

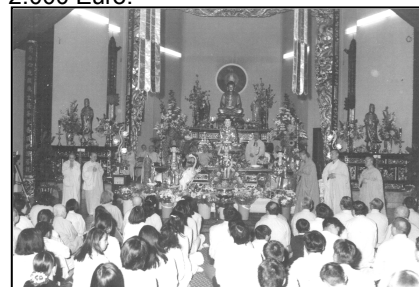


Chư Phật Tử tham gia Đại Lễ.

Sau đó Thượng Tọa cựu Chi Bộ Trưởng đã giới thiệu thành phần tân Ban Chấp Hành của Chi Bộ nhiệm kỳ 2003-2007 và Đại Đức Thích Hạnh Tấn đã thay lời những vị khác trong Ban Chấp Hành ngỏ lời cảm tạ chư Tôn Đức đã tin tưởng mà giao phó trách nhiệm trọng đại này. Đồng thời cũng kêu gọi quý Phật Tử sát cánh hỗ trợ cho Chi Bộ về mọi phương diện để sự hoạt động trong thời gian tới càng khởi sắc hơn. Những tràng pháo tay như bất tận của gần 1.000 Phật Tử nơi chánh điện chùa Viên Giác hôm ấy đã đón chào thế hệ Tăng sĩ trẻ, đầy nhiệt huyết, sẽ ra phụng sự Đạo - Đời trong thời gian tới.

Tiếp theo là phần phát biểu cảm tưởng của Đạo Hữu Bác sĩ Thiện Nguyễn Bảo Chí, đương kiêm Hội Phó Ngoại Vụ thuộc Hội Phật Tử Việt Nam tại Ý. Đạo Hữu cũng đã cảm ơn cũng

như kêu gọi sự hỗ trợ, đóng góp của quý Đạo Hữu, Phật Tử tại Đức lâu nay cho việc mua đất để thành lập Chùa Viên Ý tại Ý. Ngay tại buổi lễ đã có sự đóng góp rất nhiệt tình bằng tịnh tài của quý Phật Tử hiện diện lên đến trên 2.000 Euro.



Giới thiệu thành phần tân Ban Chấp Hành Chi Bộ GHPGVNTN Đức quốc nhiệm kỳ 2003-2007

Tiếp đến là lễ cúng Tổ và cúng chư Hương Linh quá vãng thờ tại chùa.

Phần sau cùng là lễ cúng dường trai tăng, dâng tứ vật dụng lên chư Tôn Đức Tăng Ni. Gần 50 vị đã hiện diện trong lễ trai tăng này. Đây là một phước duyên mà chùa Viên Giác cũng như Phật Tử tại bốn tự có cơ hội hằng năm tạo phước đức cho cá nhân cũng như cho gia đình của mỗi người.



Chư Phật Tử tác bạch cúng dường lễ trai tăng.



Lễ cúng dường trai tăng.

Mỗi năm có Đại Lễ như thế các chùa Bảo Quang, Linh Thửu, Quan Âm, Phật Bào, Tâm Giác, Phật Huệ, Phổ Hiền v.v... đều cộng tác với chùa Viên Giác bằng nhiều hình thức khác nhau như cúng dường trai phạn, lễ vật cho hiện tiền tăng. Riêng chùa Viên Giác và quý Phật Tử tại đây dâng phần tịnh tài để chư Tăng Ni làm phương tiện hoằng pháp lợi sanh.

Hình ảnh đẹp ấy mong rằng mãi mãi vẫn còn tồn tại ở xứ Đức này và ngôi chùa Viên Giác vẫn luôn mang ơn của chư Tôn Đức cũng như các Phật Tử xa gần đã đóng góp, hỗ trợ lâu nay

• **Công tác từ thiện xã hội của Chi Bộ**

Song song với việc cấp phát học bổng cho Tăng Ni Việt Nam hiện đang du học ở nhiều nước trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Mỗi năm Chi Bộ GHPGVNTN qua Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, cựu Chi Bộ Phó Nội Vụ, trụ trì chùa Bảo Quang tại Hamburg cho người hoặc gửi tiền về Việt Nam để đến trực tiếp các nơi đang gặp khổn khó để an ủi, phát quà, thăm viếng v.v...

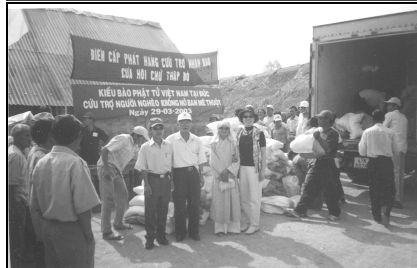
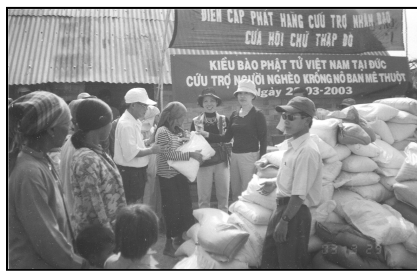
Vào ngày 29 tháng 3 năm 2003 vừa qua một phái đoàn của kiều bào Phật Tử Việt Nam tại Đức đã đến làng Krôngnô tại thị xã Ban Mê Thuột để phát chẩn. Đa phần là người Thượng. Những ký gạo, gói mì tình nghĩa: những bao thư bằng hiện kim thực tế chia xé những khó khăn của nhiều gia đình đang lâm vào cảnh khổn cùng.

Ngoài ra Chi Bộ tại Đức mỗi năm vẫn có giúp đỡ cho các Cô Nhi Viện, trại củi, trại mù, bệnh nhân và những người già bị neo đơn v.v...

Trong thời gian qua Chi Bộ cũng đã giúp đào mấy chục giếng nước ngọt cho đồng bào miền Tây Nam Phần cũng như vùng Cao Nguyên đất đỏ và miền Trung. Chi Bộ cũng đã giúp xây những lớp học tình thương cho Mẫu Giáo và trả tiền công cho Thầy Cô giáo dạy học cho các em. Đây là những nghĩa cử từ thiện rất đẹp. Mong rằng quý Đạo Hữu và quý Phật Tử tại Đức và Âu Châu xin tiếp tục hỗ trợ để người nghèo, khó, những học sinh hiếu học, những em bé mồ côi có cơ hội sống còn và phát triển trong một xã hội mà vốn tình người bị coi nhẹ hơn là những giá trị vật chất khác.

Mọi sự đóng góp quý vị có thể gửi về Chùa Viên Giác tại Hannover hoặc Chùa Bảo Quang tại Hamburg để được tiếp tục chuyển về Việt Nam. Xin thành thật cảm ơn quý vị trước.

Chùa Linh Thú tại Berlin cũng là thành viên của Chi Bộ. Chùa đã đang và sẽ có những chương trình Nồi Cháo Tình Thương phát tại các bệnh viện; chương trình Xe Lăn cấp phát cho người tàn tật; chương trình Mổ Mắt v.v... lâu nay đã mang lại không biết bao nhiêu là hạnh phúc cho nhiều người. Quý vị nào muốn đóng góp các chương trình này xin liên lạc về Chùa Linh Thú tại Berlin.



Hình cứu trợ cho người Thượng nghèo ở xã Krôngnô - Ban Mê Thuột vào ngày 29.03.2003.

• **Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Saarland-Trier & VPC**

Vào ngày Thọ Bát Quan Trai Giới và lễ Phật định kỳ 30.3.2003 tại Saarbrücken, dưới sự chứng minh của

Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng. Đạo Hữu, Phật Tử tại Saarland-Trier & VPC đã đồng ý lưu nhiệm Ban Chấp Hành cũ một nhiệm kỳ nữa từ 2003-2005.

- Thành phần như sau:
- Chi Hội Trưởng :
 - ĐH Từ Hùng Trần Phong Lưu
 - Chi Hội Phó Ngoại Vụ : ĐH Thiện Tường Tạ Văn Khánh
 - Chi Hội Phó Nội Vụ : ĐH Thiện Hưng Lý Kiến Cường
 - Thư Ký :
 - ĐH. Tuyết Hambuch
 - Thủ Quỹ : ĐH Thiện Giới Việt Hương Thanasak

Địa chỉ liên lạc:
Trần Phong Lưu
Graf-Siefried Str. 84.b
54439 Saarburg
Tel & Fax. 06581 - 5954
Email: Pluutl@aol.com

Thay mặt Hội Phật Tử VNTN tại Đức, chúng tôi xin chúc quý Đạo Hữu thành viên trong Ban Chấp Hành Chi Hội sẽ gặt hái được nhiều thành quả trong nhiệm kỳ 2003-2005.

• **Tân BCH Ban Hộ Trì Tam Bảo NPĐ Tam Bảo tại Reutlingen (Gemeinnütziger e.V)**



Nhân ngày lễ Phật Đản 2547 tổ chức tại Niệm Phật Đường Tam Bảo vào lúc 10 giờ - 14 giờ ngày 04.05.2003, có khoảng 70 Đạo Hữu tham dự. Trong buổi lễ này một Tân Ban Chấp Hành Ban Hộ Trì Tam Bảo nhiệm kỳ 2003-2005 được bầu lên với thành phần như sau:

- Trưởng Ban : Tỳ Kheo Thích Nữ Như Viên
- Phó Ngoại Vụ : ĐH Thiện Hậu Trần Xuân Hiền
- Phó Nội Vụ : ĐH Thiện Liên Lâm Thị Kim Loan
- Thủ Quỹ : ĐH Thiện Vân Trần Ngọc Nhung
- Phó Thủ Quỹ: ĐH Thiện Hà Nguyễn Thị Thanh Ngọc
- Thư Ký : ĐH Thiện Thệ Nguyễn Văn Phát

-Phó Thư Ký : ĐH Hoa Xuân
Nguyễn Thị Thanh Phương

Địa chỉ liên lạc:

Niệm Phật Đường TAM B O
Ni Sư Thích Nữ Như Viên
Wörth Str. 55
D- 72764 Reutlingen
Tel: 0712 - 1209513

• **Thông báo Tu Viện Vạn Hạnh**

Kính mời quý Phật Tử tại Âu
Châu ghi danh

Hành Hương & Tu Học với
Thượng Tọa Thích Quảng Ba Úc
Đại Lợi - Thái Lan - Ấn Độ - Nepal
từ 10/10 đến 16/11/2003

(có thể dự trọn khóa hay một phần khóa)

Hành trình dự trừ :

(a) **10-13/10:** Từ Europe đến Melbourne, hành hương các chùa và dự lễ khánh thành chùa Quảng Đức; hay / và

(b) **13-19/10:** Tham dự khóa tu Bửu Quang, giới đàn Giác Tánh & Lễ Khánh Thành Tăng Xá Huyền Quang tại TV Vạn Hạnh ở Canberra; hay / và

(c) **20-26/10:** Hành hương chiêm bái các chùa Việt và chùa nhiều tông phái, sắc tộc khác tại Sydney, Brisbane, Adelaide; hay / và

(d) **27-31/10:** Hành hương các danh lam và Đại Học PG ở Thái Lan; hay / và

(e) **1-15/11:** Huân Tu & học Pháp nghiêm túc tại 4 động tâm, Phật tích tại Nepal - Ấn Độ (Kathmandu, Delhi, Daramsala - của Ngài Dalai Lama -, Lumbini Lâm Tỳ Ni, Kusinagara Câu Thi Na, Saranath Lộc Uyển và Bodhgaya Bồ Đề Đạo Tràng);

(f) **16/11:** Trở về bốn quốc Âu Châu.

Mời quý Phật Tử ghi danh hay hỏi thêm chi tiết qua Email quangba@tpg.com.au hay Fax +61-2-6257 7733 trước ngày 31/8/2003.

Muốn giữ chỗ trước, xin chuyển \$500 vào **Frankfurter VOLKSBANK EG; BLZ 501 900 00; Konto Nr. 600 1412 955;** Swipt Code: **FFVBDEFF;** tên **QUANG BA THICH, Rev.** (thư báo tin gửi về: TV Vạn Hạnh, PO box 1004 Dicksob ACT 2602 Australia).

Nay thông báo, thủ đô Canberra, Úc Châu. 9/4/2003

Viện Trưởng Tu Viện Vạn Hạnh & Tu Viện Nguyễn Thiệu

Tỳ Kheo Thích Quảng Ba (mobile: +61-412-224-553)



Tu viện Vạn Hạnh - Canberra
Mời quý Phật Tử Úc, Việt Nam và Hải Ngoại tham dự

• **Khóa Chuyên Tu 2 - Hè 2003 - Canberra từ 21/12 đến 28/12/2003**

Kính mời quý Phật Tử ghi danh tham dự Khóa Chuyên Tu Vạn Hạnh kỳ 2 tổ chức tại Canberra dịp cuối năm từ 21/12 đến 28/12/2003. Khóa **giới hạn nhận tối đa 40 Học viên Nam Nữ (16 tuổi trở lên), tất cả đều nội trú miễn phí tại Tu Viện Vạn Hạnh.**

Thời khóa tu học rất nghiêm mật, sẽ do Thượng Tọa Quảng Ba và chư Tôn đức Tăng Ni được Tu Viện Vạn Hạnh cung thỉnh đến giảng dạy, hướng dẫn; gồm 2 phần Học và TU:

A- *Hướng dẫn thực tập sâu 4 pháp môn truyền thống: (1) Thiền: 2 ngày thực tập thiền Chỉ Quán và thiền Minh Sát Tuệ; (2) Luật: Hành trì 10 giới xuất gia suốt 7 ngày, trong đó có 2 ngày tu tịnh khẩu; (3) Tịnh: Có 2 ngày chuyên trì danh + quán tưởng niệm Phật, cầu đạt nhất tâm bất loạn; (4) Mật: Học tập và hành trì các ấn chú phòng hộ 6 căn, phát triển bi tâm và chuyển hóa túc nghiệp; và*

B- *Giảng tiếp bộ kinh Ưu Bà Tắc Giới và trích tuyển, giảng luận chuyên sâu các chủ đề Kinh-Luật-Luận từ 2 hệ thống Phật học Nam & Bắc truyền thiết thực nhất để cho đời sống Cư Sĩ.*

Đặc biệt: Sẽ dành nhiều giờ mở các thời Hội Luận để Giải thông mọi ngộ nhận, thắc mắc liên hệ đến Phật sự và Phật pháp do Học viên đưa ra.

Xin quý Phật Tử nhắn bảo nhau ghi danh trước ngày 31/8/2003 để Tu Viện kịp sắp xếp tiện nghi ăn ở, chuẩn bị tài liệu học tập.

Nay Thông Báo: Tu Viện Vạn Hạnh, Canberra 20.3.2003

Ghi danh: Vạn Hạnh 02-6257 5517 & Nguyễn Thiệu 02-9726 2661 & Email: quangba@tpg.com.au

BAN TỪ THIỆN CHÙA LINH THỨU

Ban Từ Thiện Chùa Linh Thứu chúng tôi chân thành tri ân quý vị Đạo Hữu, quý vị ân nhân đã ủng hộ cho các chương trình hoạt động của Ban Từ Thiện trong suốt thời gian qua, và cũng vẫn mãi xin được tiếp tục làm một nhịp cầu để nối liền và chuyên chở những tấm lòng từ bi và bác ái của quý vị đến cho những con người với số phận thiếu may mắn và bất hạnh.

Xin tha thiết kêu gọi và vui mừng đón nhận mọi sự ủng hộ của quý vị.

Danh sách quý vị ủng hộ chương trình Nồi Cháo Tình Thuởng

Lê Thị Tâm (Pháp) 50€. Lê Mỹ Nhân (Aachen) 20€. Tô Hoàng Dung (Beyreuth) 20€. Nguyễn Đoàn Bảo 80€. Trần Thị Phúc (Fürth) 50€. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 30€. Huỳnh Thi (Würzburg) 20€. Hoàng Thị Nga (Leverkusen) 20€. ThiệnNiệm 50€. Thủ 30€. Casanova Thái Lan (Suisse) 70FS. Nguyễn Văn Trạch (Niederhall) 20€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€. Điền Kim Thoa (Rösrath) 20€. Nguyễn Thị Mỹ Lệ (Villingen) 10€. Dư Thị Mỹ Dung (Paris) 50€. Gđ. Đặng Thanh Hải (Donauesschingen) 50€. Đinh, Hoa (D'dorf) 50€. Đào Thị Hồng Nguyễn (Edeweicht) 50€. Tôn Thị Nam 50€. Thao, Huynh 20€. Hoa Đinh (D'dorf) 100€. Huệ Thành & Quảng Thiện (Suisse) 40FS. Diệu Mỹ 30FS. Dương Xuân Phùng 50FS. Cao Thị Chung & Trần Mẫu Đơn (Đan Mạch) 750Kkr. Thiện Hiếu (Frankenthal) 15€. Phan Hùng Cường (Holland) 50€. Nguyễn Kim Phước & Minh Trang 30€. Lâm Khánh Minh 100FS. Đinh, Chi Hương - Tâm Thiện Ý 40€. Nguyễn Thị Giỏi (Bỉ) 10€. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 50€.

Danh sách quý vị ủng hộ

chương trình Tìm Lại Ánh Sáng

Thái Thị Thu (Hameln) 100€. Phạm Thị Hương Sen (Kraichtal) 50€. Nguyễn Tường Vân 50€. Nguyễn Qui Đại Thị Hoa 50€. Nguyễn & Lê Dân 50€. Nguyễn Thị Thanh Vân (Beyreuth) 100€. Trần Minh Ngọc 50€. Huỳnh Hiệp Khoái 50€. Hương Giang (Berlin) 50€. Nguyễn Trường Thùy Trang (Lünen) 50€. Trần Thị Cẩm Hà (Pháp) 150€. Vũ Nguyễn Văn Anh 50€. Lê Thị Tâm (Pháp) 50€. Lý Mỹ Dung (Moresnet) 50€. Lê Mỹ Nhân (Aachen) 50€. Tô Hoàng Dung (Beyreuth) 50€. Trần Thị Phúc (Fürth) 50€. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 50€. Nguyễn Hà Anh Thư (Suisse) 100€. Huỳnh Thi (Würzburg) 20€. Hoàng Thị Nga (Leverkusen) 20€. Gđ. Nguyễn Quang (Suisse) 50€. Casanova Thái Lan (Suisse) 100FS. Nguyễn Văn Trạch (Niederhall) 50€. Điền Kim Thoa (Rösrath) 20€. Châu Bảo Chương (Beyreuth) 50€. Nguyễn Huỳnh Nguyên (Berlin) 100€. Trần Hiến Quý (Berlin) 200€. Đặng Thanh Thư (Berlin) 50€. Từ Ngọc Em (Italia) 50€. Đặng Phúc Tiến & Trần Tú Oanh (Nürnberg) 50€. Nguyễn Hoài Nam (Bielefeld) 50€. Trương Tú Oanh (Frankfurt) 50€. Đào Hiếu Liên 50€. Tâm Huệ 20€. Ẩn danh 50€. Nguyễn Thị Nhi (Göttingen) 100€. Tương Vi % Thanh Vũ & Thiện Mỹ (Berlin) 50€. Thiện Tiến & Thiện Bảo (Berlin) 100€. Trương Tấn Huệ (Berlin) 50€. Hoàng Thị Ngọc Bích (Holland) 50€. Tô Hoàng Mỹ (München) 200€. Lưu Ngọc Thanh & Trần Thị Quỳnh Anh (Hamburg) 50€. Nhung (USA) 50€. Dũng, Khánh, Dũng em, Hoàng, Bích (Berlin) 100€. Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản (tại Saarland) 400€. Trương Tấn Huệ (Berlin) 50€. Nguyễn Xuân Mai (Bern) 50€. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Ẩn danh (Saarburg) 20€. Nguyễn Thanh Tùng (Villingen Schwenningen) 50€. Nguyễn Đình Luân 10€. Dư Thị Mỹ Dung (Paris) 50€. Ngô Thị Mỹ Dunbg (Bielefeld)

200€. Trầm Bạch Tuyết (Neuss) 20€. Nguyễn Hà Anh Thư (Suisse) 50€. Casanova Thái Lan (Suisse) 100FS. Nguyễn Đức Trụ (Bottrop) 100€. Đinh, Hoa (D'dorf) 50€. Diệp Thị Khá (Mannheim) 50€. Vũ Văn Định (Haßloch) 50€. Đàm Quang Ánh (Mosbach) 50€. Nguyễn Ngọc Cẩm (München) 50€. Vũ Thị Thái Hằng & Đỗ Lai Sơn (Berlin) 50€. Nguyễn Nguyệt Phương & bé Huỳnh Châu 25€. Nguyễn Hoa Hoang 50€. Nguyễn, H.L & Tu-Nguyên, L (Hamburg) 30€. Nguyễn Công Bảo Như 50€. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 100€. Huỳnh Thao 20€. Hoa Dinh (D'dorf) 100€. Đoàn Ngọc Tú & Trần Thị Phương Mai 100€. Nguyễn Thị Phương Mai 10€. Lê Thị Si 200€. Huệ Thành & Quảng Thiện 50FS. Diệu Mỹ 30FS. Lê Văn Nam (Saarburg) 100€. Mai Thị Quế & Phạm Trương Thế Vũ (Hamm Herringen) 40€. Phan Hùng Cường (Holland) 50€. Nguyễn Kim Phú & Minh Trang 35€. Đinh -chị Hương - Tâm Thiện Ý 40€. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 50€. Phạm Thị Nữ (Holland) 50€.

Danh sách quý vị ủng hộ chương trình Xe Lăn

Sadini T.N. Đàm Thiện (Bỉ) 100€. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 100€. Diệu Tri (Neuansbach) 50€. Trần Thị Phúc (Fürth) 100€. Hoàng Thị Nga (Leverkusen) 20€. Nguyễn Ngọc (Frankfurt) 100€. Điền Kim Thoa (Rösrath) 20€. Diệu Bình (Berlin) 100€. Từ Ngọc Em (Italia) 100€. Đặng Phúc Tiến & Trần Tú Oanh (Nürnberg) 50€. Ẩn danh 50€. Tương Vi & Thanh Vũ & Thiện Mỹ (Berlin) 50€. Nguyễn Thị Hoa (Berlin) 50€. Vũ Thị Hoa (Mulhouse) 150€. Thiện Tiến & Thiện Bảo (Berlin) 100€. Gđ. Lữ Thị Hương (Berlin) 100€. Gđ. Trương Thị Hòa (Berlin) 100€. Đặng Quốc Khâu, Lý Liên Chi, Đặng Thanh Thư (Berlin) 100€. Diệu Mỹ- Dư Thị Mỹ Dung (Paris) 100€. Victor Nguyễn (Pháp) 500€. Casanova Thái Lan (Suisse) 150FS. Gđ. Đinh, Hoa

(D'dorf) 100€. Phạm Mạnh Hùng & Nguyễn Thu An (Berlin) 100€. Nguyễn Hà Anh Thư (Suisse) 100€. Hoàng Ngọc Lâm & Hoàng Thị Mỹ Hoa 100€. Lay Công Tuyết Minh (Mainaschaff) 50€. Nguyễn Nguyệt Phương, bé Bảo Châu 25€. Nguyen Hoa Hoang 50€. Nguyen, H.L & Tu Nguyễn, L (Hamburg) 20€. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 100€. Huỳnh Thao 20€. N. Nguyen 100€. Đông Nhi Cường (Suisse) 150 FS. Thành Lộc - Thiện Mỹ (Suisse) 100€. Lê Văn Nam (Saarburg) 100€. Cao Thị Chung - Trần Thị Mẫu Đơn (Đan Mạch) 500Kr. Phan Hùng Cường (Holland) 50€. Nguyễn Kim Phú - Minh Trang 30€. Đinh- chị Hương 40€. Nguyễn Mạnh Nhật - Đoàn Thị Duyên (Rheinbrohl) 20€. Vương Thế Anh 100€. Phạm Thị Nữ (Holland) 50€.

Ban Từ Thiện chúng tôi xin lưu ý đến quý vị, mọi sự ủng hộ được chuyển qua trường mục, xin quý vị vui lòng ghi rõ: **Ho, Tên, Địa chỉ, và ủng hộ cho chương trình nào của BTT** để chúng tôi tiện việc liên lạc, lên danh sách, cũng như gửi hình ảnh đến quý vị.

Nếu có sự thiếu sót trong phần danh sách, cũng như mọi thư từ, thắc mắc, xin quý vị vui lòng liên lạc về địa chỉ:

Chùa Linh Thầu
Pinneberger Weg 14
13581 Berlin
Tel. 0049-30-367 11 287
Hoặc: linh-thuu-tu@gmx.de
www.geocities.com/chualinhthuu

Mọi sự ủng hộ xin chuyển vào trường mục

Buddh.Vietn. Gemeinde Berlin
e.V
Deutsche Bank 24
BLZ: 100 700 24
Konto Nr. 075 047 0700



Sen nở tại Bodensee

Minh Trí

Bodensee, cuối miền Nam nước Đức, là một vùng có không khí trong lành, có hồ rộng nước xanh, có vườn lớn đủ loại hoa đẹp nổi tiếng, vừa nở một đóa hoa sen dưới ánh sáng Đạo Vàng; chúng tôi muốn nói đến Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee và Vùng Phụ Cận vừa làm lễ ra mắt Ban Chấp Hành vào ngày 13.04.2003 dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ chùa Viên Giác.

Cũng trong ngày này, có 3 địa phương tổ chức tu học như Chùa Phổ Hiền ở Straßburg tổ chức "Phật Thất" do Đại Đức Trí Long, trụ trì chùa Linh Sơn ở Ohio (Mỹ) đến hướng dẫn. Tại Niệm Phật Đường Tam Bảo Ruetlingen, Đại Đức Thích Đồng Văn đến từ chùa Viên Giác hướng dẫn Huân Tu Đại Bi. Tại Chi Hội Rottweil-Tuttlingen, tổ chức Thọ Bát Quan Trai, được Thượng Tọa và chư Tôn Đức chùa Viên Giác đến chứng minh và thuyết pháp.

Riêng tại Bodensee, có thể nói vì mới tổ chức lễ Phật Đản lần đầu và được Thượng Tọa, Viện chủ chùa Viên Giác đến chứng minh nên có khá đông Phật tử đến tham dự lễ ra mắt của Ban Liên Lạc Phật Tử. Đó cũng là một thuận duyên.

Để cho buổi lễ được trang trọng và thành công, từ chiều thứ bảy 12.04.2003, Ban Tổ Chức đã đến hội trường lo chuẩn bị chu đáo, với số lượng gần 40 Đạo hữu phát tâm làm công quả. Một bộ phận lo thiết kế bàn thờ Phật, bộ phận khác lo sắp xếp bàn ghế, trải thảm, xếp tọa cụ, điều chỉnh máy móc âm thanh; các nữ Phật tử thì lo phần nhà bếp cho bữa tiệc ngày mai.

Trong lúc bà con đang hăng say công việc thì đột xuất Thượng Tọa Viên Giác đến thăm. Mọi người đều hân hoan vui mừng, lớn tiếng "Thầy đến, Thầy đến..." và đón chào Thầy. Thầy đã quan sát công việc chuẩn bị như thế nào. Trong lúc mấy chị em trong nhà bếp sửa soạn lên chánh điện dành lễ Thầy thì Thầy đã vào tận nhà bếp hỏi thăm từng người làm mấy chị em cảm động vô cùng.

Sự viếng thăm đột xuất của Thầy đã nói lên lòng ưu ái của Thầy đối với "đứa con út" của gia đình Phật tử.

Công việc chuẩn bị xong xuôi, Ban Trai Soạn cũng lo bữa ăn chiều cho gần 40 người đến làm công quả. Thật đáng tán dương Ban Trai Soạn.



Thọ pháp nhủ

Qua ngày 13.04.2003, buổi lễ ra mắt Ban Chấp Hành của Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee & VPC bắt đầu lúc 10 giờ 30, với khoảng 150 Phật tử tham dự. Ngoài phần đông Phật tử tại địa phương và các VPC, còn có phái đoàn Phật tử đến từ Áo, từ Thụy Sĩ, từ Ý, và phái đoàn các Chi Hội bạn, như Karlsruhe, Stuttgart, Rottweil, Frankfurt, Reutlingen... Thật là như một "Ngày Pháp Hội".

Sau lễ Phật Cầu An do Thượng Tọa chủ trì với sự phụ lực của Đại Đức Thích Hạnh Bảo, Đạo hữu Trần Duy Hoanh, Trưởng Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee, dành lễ và tường trình quá trình vận động thành lập Ban Liên Lạc Phật Tử, đồng thời giới thiệu thành phần Ban Chấp Hành, gồm có:

- Trưởng Ban: ĐH Trần Duy Hoanh
- Phó Nội Vụ: ĐH Minh Phát Mạch Trước Khung
- Phó Ngoại Vụ: ĐH Nguyễn Văn Trung
- Thư Ký : ĐH Minh Hòa Lê Văn Vinh
- Thủ Quỹ: ĐH Thiện Kính Liêu Thái Hòa
- Nghị Lễ : ĐH Quảng Hương Trần Thị Diệu Hoa & ĐH Quảng Thanh Trần Thị Diệu Huyền
- Trai Soạn: ĐH Diệu Hoa Phạm Thị Tuyết Hồng & ĐH Thiện Giới Mạch Thị Phương.

Tiếp đến là đạo từ của Thượng Tọa. Trước hết Thượng Tọa tán thán tinh thần vì đạo pháp, các Phật tử tại địa phương đã cố gắng tìm tòi, học hỏi và vận động thành lập được Ban Liên Lạc Phật Tử. Đây là Chi Hội thứ 18, là đứa con út của Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn Đức Quốc. Tuy tổ chức sau muộn nhưng Thượng Tọa hy vọng sẽ phát triển vững mạnh, vì sẽ rút kinh nghiệm của các Chi Hội đàn anh trong các Phật sự, tu học cũng như hành

đạo để đem áp dụng tại địa phương. Tuy nhiên, theo Thượng Tọa, cũng do trạng thái nhân duyên, có địa phương thì hoa nở tươi đẹp, nhưng cũng có một vài địa phương hoa đang bắt đầu héo tàn. Thượng Tọa chúc Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee đạt được nhiều thành quả trong việc thực hiện các đề án Phật sự của mình và Thượng Tọa nhấn mạnh, muốn được thành công thì các Phật tử trong địa phương phải yểm trợ Ban Chấp Hành hết mình trên tinh thần lực hùa.

Đến mục phát biểu cảm tưởng thì, lãnh ý của Thượng Tọa, Ban Tổ Chức đã mời bác Thiện Hậu Trần Xuân Hiền, Cố vấn Hội Phật Tử, trình bày ý kiến.



Cầu nguyện

Sau khi đánh lễ chư Tôn Đức, bác chào mừng Phật tử địa phương Bodensee cùng Ban Chấp Hành và kính chúc tất cả cùng nhau đồng tâm, hợp lực xây dựng Ban Liên Lạc Phật Tử ngày càng phát triển vững mạnh để góp phần bảo vệ và xây dựng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại hải ngoại.

Trong phần trình bày ý kiến, bác đề cập đến 3 vấn đề chính:

a- Đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu, chủ trương của Việt Cộng đang tìm cách để phá hoại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Trong nước, một mặt chúng dùng thủ đoạn bắt bớ, giam cầm, tù đày, hãm dọa, khủng bố... các bậc Cao Tăng, Chư Tôn Đức và đồng bào Phật tử, mặt khác thâm độc hơn nữa, chúng dùng một số "su quốc doanh" lợi dụng thuyết pháp để tuyên truyền cho chính sách đàn áp của Đảng, của Nhà nước, hoặc đưa một số cán bộ đội lốt tu sĩ vào các chùa, làm hoen ố thiềm môn

để làm mất lòng tin của Phật tử đối với Phật Pháp, đối với Giáo Hội.

Tại hải ngoại, cụ thể tại nước Đức, để thực hiện chiến lược "phối hợp nội ngoại tuyến", chúng đẩy mạnh công tác tôn giáo vận để phá hoại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngoài thủ đoạn tìm cách đưa người vào các tổ chức của Giáo Hội, bọn Việt Cộng và tay sai còn loan tin xuyên tạc ác ý, phát hành các bản tin, những sách, báo, các tài liệu giả tạo để bôi nhọ, vu khống Chủ Tôn Đức với thâm ý hòng làm giảm uy tín các bậc chân tu, nhưng theo bác Thiện Hậu, dưới ánh sáng mặt trời, sự thật vẫn là sự thật, đen không thể nói là trắng và trắng cũng không thể nói là đen được.

b- Về tổ chức Phật tử tại các địa phương, bác phân tách rõ ràng:

Địa phương nào có Chi Hội Phật Tử hoặc Ban Liên Lạc Phật Tử thì tổ chức một Ban Chấp Hành, chịu trách nhiệm theo hệ thống dọc của Hội Phật Tử trung ương để thực thi các đường lối, chính sách và những đòi hỏi Phật sự cần thiết. Hội Phật Tử đặt dưới sự lãnh đạo của Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc.

Còn địa phương nào có Chùa, Niệm Phật Đường thì tổ chức một Ban Hộ Trì Tam Bảo với nhiệm vụ là phụ lục vị Trụ Trì trong mọi Phật sự.

Chùa hay Niệm Phật Đường thuộc hệ thống dọc với Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Bác nhắc lại lời dạy của Thượng Tọa Viên Giác: "Tu sĩ và Cư sĩ như không khí và ánh sáng" cần phải hợp tác với nhau để lo Phật sự, nếu không thì thất bại.

Ban Chấp Hành Chi Hội và Ban Hộ Trì Tam Bảo cần phải phối hợp, hỗ trợ nhau thực hiện các Phật sự tại địa phương.

Ngoài Ban Chấp Hành Chi Hội trực thuộc Hội Phật Tử và Ban Hộ Trì Tam Bảo trợ giúp Chùa hay Niệm Phật Đường, tại địa phương không còn tổ chức, danh xưng nào khác của Giáo Hội, chỉ có các Gia Đình Phật Tử.

c- Về phương cách làm việc, bác cho biết, theo kinh nghiệm bản thân trong thời gian 12 năm làm Chi Hội Trưởng Chi Hội Reutlingen thì muốn thành công cần phải:

-Tin tưởng vào sự lãnh đạo của chư Tôn Đức, của Giáo Hội để thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Giáo Hội. Bác nói: "chúng ta có phước duyên có được một vị lãnh đạo tâm linh rất sáng suốt, đức độ, không những có biệt tài lãnh đạo, có trí nhớ phi thường mà còn rất thông minh, đó là Thượng Tọa Thích Như Điển, nên

chúng ta phải tin vào sự lãnh đạo của Thầy".

- Luôn luôn nhẫn nhục trước mọi chuyện thị phi, phi báng, chê bai, cố gắng vượt mọi khó khăn và trong mọi sinh hoạt phải nêu cao tinh thần dân chủ.

- Đáp ứng những nhu cầu đòi hỏi của Phật tử lúc hữu sự.

Sau bác Thiện Hậu, Đạo hữu Thiện Mỹ Lương Văn Xinh, Ủy viên Giáo lý của Hội Phật Tử, phát biểu ý kiến. ĐH tán dương tinh thần học hỏi và cố gắng của Ban Chấp Hành đã tạo dựng được một Ban Liên Lạc Phật Tử. ĐH nhắc tới lời dạy của Phật: "*Nước biển chỉ có một hưởng vị, đó là hưởng vị mặn. Giáo lý của Phật chỉ có hưởng vị là giải thoát*". ĐH khuyên Ban Chấp Hành nên noi gương các bậc đàn anh để làm hình tượng và tiến lên. ĐH hứa sẵn sàng hỗ trợ các nhu cầu cần thiết về tu học cho Ban Liên Lạc trong phạm vi và khả năng của ĐH.

Kết thúc mục phát biểu cảm tưởng, Ban Tổ Chức mời một vị đại diện đại chúng.

Vị này tán thán công đức và sáng kiến của Ban Chấp Hành. Nhờ có Ban Liên Lạc Phật Tử nên trong địa phương Bodensee, Phật tử có điều kiện và cơ hội để sinh hoạt, tu học để bồi dưỡng tâm linh, rất cần cho đời sống hàng ngày và có điều kiện liên kết Phật tử sinh hoạt theo đường lối của Giáo Hội PGVNTN.

Vị này đề nghị, Phật tử ở hải ngoại cần nêu cao tinh thần hỗ trợ Phật Giáo tại quê nhà đang bị nhà cầm quyền cộng sản khủng bố, đàn áp.

Buổi lễ chính thức bế mạc lúc 13 giờ 30 để ngoạn trai.

Đến 14 giờ, Phật tử tiếp tục vân tập tại chánh điện để thọ hưởng một thời pháp nhủ của Thượng Tọa Viên Giác.

Trước giờ Thượng Tọa thuyết giảng, Đại Đức Thích Hạnh Bảo trình bày sự hình thành của Niệm Phật Đường Viên Ý tại nước Ý và tiến trình vận động xây dựng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đại Đức, một số đồng Phật tử phát tâm cúng dường gần 100 thước đất, mỗi thước 30 Euro. Riêng ĐH Minh Phát cúng 10 thước, chưa kể gia đình ĐH Minh Phát tại Ý đã cúng 50 thước rồi.

Sau đó, Linh mục Endeke, đặc trách một xứ họ đạo Công Giáo tại Friedrichshafen, lên to bày cảm tưởng. Ông ca ngợi tinh thần sinh hoạt của Phật tử tại địa phương và Ông hứa sẽ giúp đỡ Phật tử khi nào cần đến ông. Chính cái Halle được sử dụng hôm nay để tổ chức lễ, ông cũng giúp miễn phí.

Đạo tràng đã vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Được biết, nhờ sự liên hệ giữa ĐH Thiện Giới Mạch Thị Phương với Linh mục nên hai tổ chức tôn giáo có sự thông cảm lẫn nhau.



Linh mục Erdele phát biểu ý kiến

Đúng 14 giờ 30, Thượng Tọa Viên Giác thuyết giảng với đề tài "Phát triển niềm tin".

Bắt đầu vào thời pháp nhủ, Thượng Tọa nhắc lại lời dạy của Phật: "Tin Ta mà không hiểu Ta tức là phi báng Ta", rồi Thượng Tọa giảng giải thế nào là niềm tin chánh đáng?

- Tin Đạo Phật là đạo giác ngộ

- Tin vào ba ngôi báu: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo.

Về Phật Bảo: Thượng Tọa nhấn mạnh "Đức Phật không chỉ thể hiện trong một thế giới Ta Bà ngũ trược, đầy chướng ngại của cuộc sống, chướng ngại của phiền não, của tai ương... mà Đức Phật còn thể hiện trong mười phương vô biên thế giới. Mỗi thế giới có một vị Phật ra đời để cứu độ chúng sanh, chứ không phải chỉ có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật báo thân thị hiện ở cõi Ta Bà này.

Thế giới mà chúng ta đang ở bị ngũ trược che đậy làm cho Phật tánh chúng ta bị lu mờ nên Đức Phật Thích Ca và một số chư Phật tương lai xuất hiện tại thế giới Ta Bà này để mở mê, khai ngộ, giúp cho tất cả mọi người trở về với tự tánh bốn đại diện mục của mình, và cuối cùng để trở thành Phật, vì mỗi người đều có Phật chất, Phật tâm, Phật tánh, nhưng người chúng ta bị luân hồi sanh tử trong lục đạo nên các vị Bồ Tát quá khứ, hiện tại cũng như vị lai muốn dùng tâm từ để hóa độ chúng sanh, muốn lời kéo chúng sanh ra khỏi chốn khổ đau.

Thượng Tọa đã đem những lời Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm, Pháp Cú, A Hàm, Pháp Hoa để làm sáng tỏ niềm tin Phật Bảo.

Về Pháp Bảo: Tức là kinh kệ, giáo lý của Đức Phật. Đã tin Phật thì phải tin vào giáo lý của Ngài, giáo lý Giải Thoát.

Trong 49 năm theo tinh thần Đại Thừa; trong 45 năm theo tinh thần Tiểu

Thừa, đọc tất cả tam tạng kinh điển của Phật thì đến đâu, nơi nào, giáo lý của Phật cũng chỉ có mục đích duy nhất là cứu khổ mọi người khỏi chốn mê muội. Giáo lý của Đức Phật rất là vi diệu nên kinh điển của Phật cần thờ chỗ trang nghiêm. Thờ kinh của Phật có phước nhưng không bằng dựng công để tụng kinh, được nhiều phước hơn. Thượng Tọa giải thích như vậy.

Về Tăng Bảo: Thượng Tọa nêu rõ, Tăng là những Tu sĩ trong hiện tại. Lý tưởng của người Tu sĩ là phụng sự chúng sanh. Tuy sự sinh hoạt tại chùa của Tu sĩ Nam Tông và Bắc Tông có khác nhau, nhưng tất cả đều đi đến mục đích là hoằng pháp độ sanh.

Kết luận đề tài, Thượng Tọa khẳng định: "Chúng ta nên tin Phật, tin Pháp, tin Tăng để chúng ta trở thành chúng sanh, một con người, một vị Bồ Tát, một vị Phật trong tương lai. Mỗi người nên mở rộng tầm nhìn của mình để thấy rằng Phật, Pháp, Tăng có trong vô lượng vô biên thế giới, chứ không phải chỉ có ở trong thế giới này".

Đây là một trong những bài pháp hay của Thượng Tọa Thích Như Điển. Quý vị cần thỉnh thì xin liên lạc với: ĐH Mạch Trước Khung - Scheffel Str. 10/6 - 88045 Friedrichshafen - ĐT. 07541 / 31027

Buổi lễ ra mắt của Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee & VPC đã thành công rất tốt đẹp. Đó là nhờ yếu tố nhân lực và nói theo nhà Phật là nhờ có nhiều thuận duyên. Ngoài nhân lực địa phương còn thêm nhân lực các Chi Hội bạn.

Nếu ở Frankfurt có Quảng Đạo và Diệu Hoàng, ở Karlsruhe có Thiện Mỹ và Diệu Vân thì ở Bodensee cũng có những "đôi song ca" tiêu biểu như Minh Phát-Diệu Phú, Thiện Kính-Quảng Thanh v.v... luôn luôn sát cánh tham gia các khóa tu học, Thọ Bát Quan Trai hay đến chùa lễ Phật. Vợ có đâu thì chồng có đó, khăng khít với nhau đầy tâm đạo như Duy Na và Duyệt Chúng. Riêng tại Bodensee, được biết, trong vòng hai năm nay, hai ĐH Minh Phát và Diệu Phú đã chịu khó đến các đạo tràng để học hỏi, thu nhặt kinh nghiệm rồi cùng với một số Đạo hữu Phật tử trong địa phương đi vận động, xúc tiến thành lập Ban Liên Lạc Phật Tử. Thật đáng khâm phục và biểu dương.

Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo từ bi gia hộ cho Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee luôn luôn có nhiều thuận duyên để đồng phát Bồ Đề Tâm, hành Bồ Tát Đạo khắp vùng tận cùng miền Nam nước Đức..•

ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN 2547 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC

• Nhựt Trọng

Đại lễ Phật Đàn PL 2547 năm nay tại chùa Viên Giác, Hannover đã được cử hành rất trọng thể vào ngày 09, 10 và 11.05.2003.

Nhiều Phật Tử đã vân tập về chùa từ ngày thứ Sáu, 09.05.03, để đàm nhận và chuẩn bị các phần hành của mình, để họp Ban Tổ Chức v.v... và vào lúc 20 giờ, có một thời Pháp do Đại Đức THÍCH HẠNH TẤN thuyết giảng, mở đầu cho hai ngày đại lễ tiếp theo.

Sáng sớm ngày thứ bảy, 10.05.03, như thường lệ là thời khóa trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm. Đến 10 giờ, có khóa lễ tụng Kinh Khánh Đản do Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa Bảo Quang, Hamburg, và Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn, trụ trì chùa Phổ Hiền, ở Strasbourg - Pháp quốc, chủ trì. Lúc 11 giờ, có lễ Quy Y Tam Bảo; 12 giờ, lễ cúng Tổ và cúng Chư Hương linh thờ tại chùa.

Buổi chiều, vào lúc 14 giờ 30, có thời thuyết Pháp của Thượng Tọa Viên Giác.

Từ 19 giờ, bắt đầu đêm Văn nghệ kính mừng Phật Đản do Gia Đình Phật Tử đảm trách. Đặc biệt, hai Ca sĩ Phi Nhung và Mạnh Quỳnh đến từ Hoa Kỳ đã liên tục trình diễn cúng dường Chư Tôn Đức và cống hiến đến khán thính giả những tiết mục Tân cổ nhạc, hài hước thật tươi vui, thân thiết.

Trong buổi Văn nghệ hôm nay, Bà Hạnh Phước, Giám Đốc Thẩm Mỹ Viện tại California - Hoa Kỳ, cũng có đến thăm viếng Viên Giác Tự và nhân dịp này Bà đã cúng dường chùa số tịnh tài 2000 US Dollars. Để hồi hướng công đức này lên Ba Ngôi Tam Bảo, Thượng Tọa Viên Giác đã phân chia số tiền này đến các chùa ngay trong buổi lễ Cúng dường Trai Tăng.

Ngày Chủ nhật 11.05.03, Đại lễ Phật Đản đã được chính thức cử hành cùng với một chương trình Phật Sự thật súc tích:

Sau thời khóa trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm như thường lệ, là lễ xuất gia của 3 Chú Thiện Chánh, Thiện Tính, Thiện Tịnh và Cô Ngọc Nhân (Thầy vừa cho Pháp Danh để xuất gia là Thiện Giới).

Trước Đại Hùng Bửu Điện của Đức Thế Tôn, trước sự chứng minh của quý

Chư Tôn Đức Tăng, Ni, trong Đạo tràng thanh tịnh, TT Viên Giác đã cử hành nghi lễ xuất gia thật trang nghiêm. Mở đầu là phần sát hạch Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, vì theo thông lệ của chùa Viên Giác, thuộc Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm là một trong những điều kiện cần phải có. Tiếp theo, mỗi vị xin xuất gia trình bày những lý do, nguyện hạnh của mình.

Phần khảo hạch xong, Thầy đã rưới nước Cam Lộ, cắt tóc và quý Chư Tôn Đức đã cạo tóc cho các vị Tân xuất gia. Giờ phút này thật vô cùng cảm động. Sau vài phút ra ngoài để thay đổi trang phục quý chú trở vào Chánh điện với chiếc áo Nhật Bình thật thanh nhã.

Tiếp theo là những lời Giáo giới thân thương và vô cùng quý báu của Thượng Tọa Thích Minh Giác, Viện chủ chùa Vạn Hạnh ở Hòa Lan, của Sư Bà Phổ Hiền và Sư Bà Bảo Quang.

Thân nhân, gia đình của quý vị tân xuất gia cũng được Thượng Tọa Viên Giác mời lên phát biểu cảm tưởng. Tất cả đã nói lên niềm tin, lòng biết ơn Tam Bảo. Trong giờ phút thiêng liêng đó, chúng tôi thấy thật nhiều những giọt nước mắt vui mừng, cảm xúc của người thân cũng như của rất nhiều bạn hữu, đã biểu hiện đạo tình thân thiết giữa những người con Phật.

Sau hết là phần chúc mừng và tặng quà lưu niệm của quý Chư Tôn Đức, của quý Cô Bác, quý Đạo hữu Phật Tử gửi đến 3 chú và Cô Thiện Giới thật thân thương.

Theo Thượng Tọa Viên Giác, trong suốt thời gian trên 25 năm hoằng Pháp tại Đức quốc và Âu Châu, Thầy đã thế độ 38 Đệ Tử xuất gia và hôm nay các Đệ Tử thứ 35, 36, 37 và 38 của Thầy là đợt chót trước khi Thầy nhập thất như chúng ta đã biết. Về Đệ Tử tại gia, Quy Y Tam Bảo cũng vậy, kể từ sau Đại lễ Phật Đản năm nay, Phật Tử không còn Quy Y với Thầy nữa mà với Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Đại Đức Thích Đồng Văn hoặc quý vị Đệ Tử của Thầy. Và như vậy, Pháp Danh không còn chữ đầu là "THI" hay "THIÊN" mà là chữ "ĐỒNG" nếu Quy Y với ĐĐ Hạnh Tấn; hoặc chữ "VẠN" nếu Quy Y với ĐĐ Đồng Văn.

Trong buổi lễ hôm nay, Thượng Tọa Viên Giác cũng có giới thiệu với Chư Tôn Đức và Phật Tử, Tân Ban Chấp Hành Chi Bộ Phật Giáo VNTN tại CHLB Đức, nhiệm kỳ 2003-2007, đã được bầu lại vào ngày 16.04.2003

tại chùa Viên Giác, gồm có 5 vị Đại Đức Tăng, Ni trẻ như sau:

1. Chi Bộ Trưởng: ĐĐ Thích Hạnh Tấn chùa Viên Giác.
2. Chi Bộ Phó Nội Vụ: ĐĐ Thích Đồng Văn, chùa Viên Giác.
3. Chi Bộ Phó Ngoại Vụ: ĐĐ Thích Hạnh Giới, chùa Viên Giác.
4. Thư Ký: Sư Cô Thích Nữ Tâm Viên, chùa Linh Thúu.
5. Thủ Quỹ: Sư Cô Tuệ Đàm Nghiê, chùa Bảo Quang.

Những tràng pháo tay thật dài và liên tục đã vang lên trong Đạo tràng để chào mừng và tán thán Tân Ban Chấp Hành Chi Bộ PGVNTN tại Đức Quốc với niềm tin, quý vị Đại Đức Tăng, Ni trẻ sẽ xứng đáng với trọng trách vừa được Giáo Hội trao phó, sẽ năng nổ trong mọi Phật sự, sẽ đi đầu dắt Phật Tử từng bước đi vững chắc, an lạc trên con đường tu học, giải thoát.

Tiếp theo, Thượng Tọa Viên Giác cũng đã giới thiệu Đạo hữu Bác sĩ Thiện Nguyễn Bảo Chí, hiện là Hội Phó Ngoại vụ Hội Phật Giáo VN tại Ý trình bày về Phật sự xây dựng chùa Viên Ý.

Tại một đất nước, là trung tâm quyền lực của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, Cộng đồng người Việt Nam tỵ nạn chúng ta có trên 3000 người sinh sống, nhưng không có chùa, không có Thầy để hướng dẫn sinh hoạt, tu học. Vì vậy, Thượng Tọa Viên Giác đã quan tâm thành lập một cơ sở Phật Giáo ở đây và hiện tại Thầy đã công cử Đại Đức Thích Hạnh Bảo sang trụ trì chùa Viên Ý. Hội Phật Giáo VN tại Ý đã mua được một miếng đất 6000 m² và hiện có một ngôi nhà nhỏ. Trong thời gian qua, Đại Đức cùng với Hội Phật Giáo đã và đang vận động sự đóng góp của Phật Tử khắp nơi.

Chúng tôi được biết, qua các Đạo tràng trước đây, nhiều Phật Tử đã phát tâm ủng hộ cho Phật Sự này và hôm nay, một lần nữa, mọi người đã hoan hỷ tiếp tục góp phần công đức.

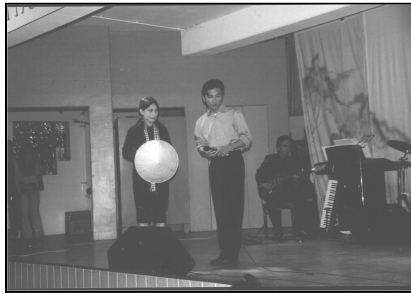
Như thường lệ, trưa nay cũng có buổi Cúng dường Trai Tăng, dâng tỳ vật dụng lên Chư Tôn Đức thật trang nghiêm.

Đã có khoảng 5000 Phật Tử và đồng hương từ các quốc gia Thụy Sĩ, Ý, Đan Mạch, Hòa Lan, Pháp, Anh quốc và tại Đức về tham dự Đại lễ Phật Đản năm nay tại chùa Viên Giác.

Kính nguyện hồng ân Tam Bảo luôn hộ trì cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc, Pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.



Đêm văn nghệ mừng Đại Lễ Phật Đản 2547 (2003) tại hội trường chùa Viên Giác Hannover



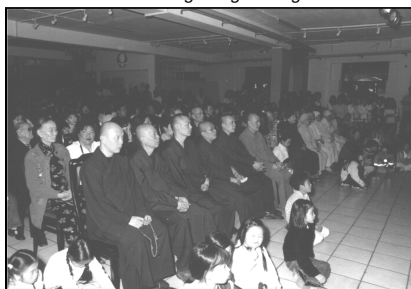
Mạnh Quỳnh và Phi Nhung cùng người đồn vọng cổ



Mạnh Quỳnh và khán giả



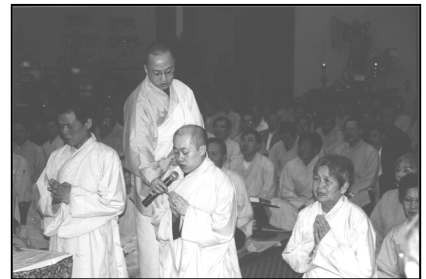
Phi Nhung cùng khán giả



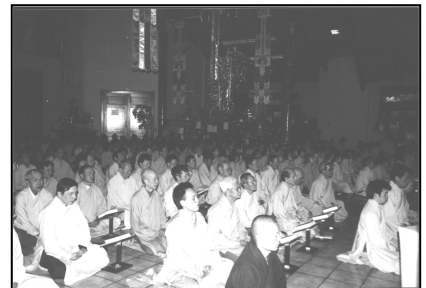
Chú tôn đức và Phật Tử tham dự đêm văn nghệ



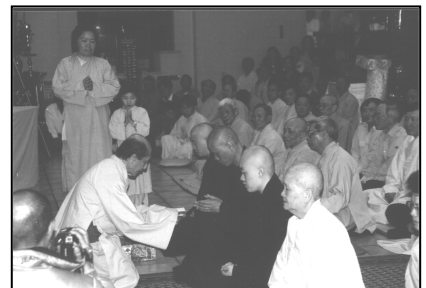
Tác bạch lễ xuất gia của chú Thiện Chánh, Thiện Tịnh, Thiện Tĩnh và cô Thiện Giới



Khảo hạch giới tử kinh Lăng Nghiêm



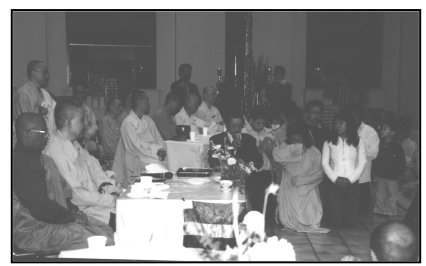
Chư Phật Tử tham gia dự lễ xuất gia



Gia đình Đh. Nhật Trọng đến từ Mannheim cùng chú Thiện Chánh



Con cái gia đình cô Thiện Giới đến từ Đan Mạch tạ nghĩa sinh thành



GD. chú Thiện Tịnh đến từ Thụy Sĩ có đôi lời nhắn nhủ với con mình



Chú Tôn Đức chứng minh lễ xuất gia và quý chú quý cô môi thọ giới

Sinh hoạt cộng đồng

Mừng ngày Quân Lực Lễ khánh thành tượng đài Việt-Mỹ



Nguyễn Ngân

Khoảng 20 ngàn đồng bào, đa số là người Việt, đã tham dự buổi lễ khánh thành Tượng Đài Việt-Mỹ tại thành phố Westminster, vào lúc 11 giờ trưa ngày 28.04.2003.

Gạt ra ngoài tất cả trở ngại chung quanh việc xây dựng Tượng Đài từ trước tới nay, ngày 28.04.2003 quả thật là một ngày hội lớn, được đồng hương ủng hộ, tham dự đông đảo một cách trật tự chưa từng thấy. Buổi lễ ngoài tính cách nghi lễ nghiêm trang, với nhiều tràng pháo tay, tiếng la hét cổ vũ, người ta cũng chứng kiến rất nhiều người đã nhiều lần rơi lệ trong suốt chương trình.

Trước khi tường trình chi tiết, xin nói ngay, tất cả nhân vật được mời lên phát biểu đều viết bài nói chuyện trên giấy và được hai MC Nam Lộc cùng Leyna Nguyễn chuyển dịch một cách nghiêm túc, cũng ghi sẵn trên giấy, khiến người tham dự cảm nhận được tất cả chi tiết cùng ý tưởng của diễn giả một cách trọn vẹn. Hầu như tất cả bài diễn văn nào cũng khiến người nghe xúc động (và cũng chứng tỏ sự kính trọng của diễn giả đối với gần 20 ngàn người đang lắng nghe).

Trước khi buổi lễ bắt đầu, một phi cơ đã kéo Đại Kỳ màu vàng ba sọc đỏ bay 3 vòng trên khu vực hành lễ và sau đó

giữa, 3 trực thăng kiểu CH-46 và 1 chiếc kiểu HUIB (loại từng tham chiến tại Việt Nam) bay lượn nhiều vòng trên khu vực chào mừng khách tham dự.

Mở đầu, ông Craig Mandeville nói: "Tiểu bang Cali là nơi có số chiến binh Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam tử trận nhiều nhất (5.515 người). Thành phố Westminster cũng là nơi có nhiều người Việt tỵ nạn nhất".

Trước khi giới thiệu Nam Lộc và cô Leyna Nguyễn điều khiển chương trình buổi lễ, ông nhắc lại câu nói bất hủ: "Chúng ta thù ghét chiến tranh! Nhưng chúng ta luôn yêu mến những Chiến binh Anh hùng".

Sau khi ngỏ lời chào mừng đồng hương, Nam Lộc và Leyna Nguyễn mời mọi người cùng nghiêm trang chào đón toán Quốc Kỳ của những quốc gia đã từng tham chiến bên cạnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cùng với một số Quân Kỳ của những binh chủng Việt-Mỹ đã chiến đấu tại Việt Nam trước đây. Toán hầu kỳ do đại diện nhiều quân binh chủng Việt-Mỹ tề chỉnh tiến vào khu vực lễ đài thành vòng tròn bao quanh chiếc đỉnh đồng mang kiểu dáng Việt Nam mà chốc lát sẽ được dùng để đốt lên ngọn lửa vĩnh cửu 24/24.

Một vị Tuyên úy thuộc binh chủng Hải Quân Hoa Kỳ đã lên đọc lời chúc lành ngắn gọn trước khi buổi lễ chính thức bắt đầu.

Vì danh sách quan khách quá dài, nên Nam Lộc và Leyna Nguyễn chỉ đọc lên một số tên khách danh dự đặc biệt thuộc Liên Bang, Tiểu Bang và Thành Phố như: Westminster, Garden Grove, Santa Ana, Huntington Beach, v.v... và yêu cầu mọi người cùng vỗ tay chào mừng tất cả đồng hương chẳng những tại Nam Cali mà từ nhiều Tiểu Bang và trên Thế Giới về tham dự.

Dĩ nhiên người đầu tiên là bà Thị Trưởng Westminster Margie Rice. Bà đã không giấu được xúc động khi phát biểu, mọi người đồng loạt đứng lên khi bà nói: "Thành phố Westminster rất vinh dự được chọn làm nơi xây dựng Tượng Đài".

Sau bà Rice là ông Frank Fry, người đã khởi xướng và vận động xây dựng khu vực Tượng Đài. Ông đã vinh danh tất cả mọi người. Ông xác nhận, đa số công trình này đã được xây dựng lên bởi những người Mỹ gốc Việt. Để bày tỏ sự biết ơn và vinh danh những chiến binh Việt-Mỹ, ông đã đọc nguyên văn câu văn được khắc dưới chân Tượng đài: **"Chúng ta rất khó tìm được những vị Anh hùng. Nhưng nếu chúng ta hiểu được ba chữ Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm, thì các bạn không cần phải tìm kiếm đâu xa. Chúng ta hãy nhìn ngay**

những người đã và đang chiến đấu bảo vệ cho Tự Do và Dân Chủ".

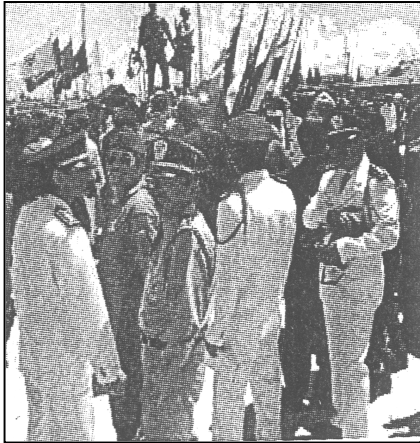
Người Việt Nam đầu tiên trong số các nhân vật được mời là Chánh án Nguyễn Trọng Nho. Trong tư cách một Chánh án của Tòa án Mỹ và trong tinh thần một cựu Sĩ quan QLVNCH, Chánh án Nho đã gây xúc động và làm rơi lệ nhiều người khi ông nhắc lại quá trình gian khổ của cả một dân tộc: "58.000 người Mỹ đã nằm xuống mà tên tuổi họ đã được ghi khắc trên tường kỷ niệm tại Hoa Thịnh Đốn, bao trăm ngàn Chiến sĩ VN mà hình ảnh đã vĩnh viễn in sâu vào tâm khảm của người Việt yêu Tự Do trên khắp thế giới... Con đường hy sinh của họ đầy dẫy nước mắt và gian khổ với những nỗi kinh hoàng gây nên bởi sự tàn ác của kẻ thù... Mỗi giọt máu mà họ nhỏ xuống đã tự viết lên những lâu đài tưởng niệm cho mục đích cao cả mà họ phục vụ: Bảo vệ Hòa bình và Tự Do cho Miền Nam Việt Nam.

Nhân vật phát biểu kế tiếp cũng đã làm nhiều người cũng như chính diễn giả phải bật cười, rồi sau đó lại khóc trước *micro* khi nhắc lại những hình ảnh mà bà còn ghi nhớ rõ trong nhiệm vụ cựu điều dưỡng viên Eileen C. Moore. Trong chiến tranh Việt Nam, bà phục vụ tại Bệnh viện Dã chiến Qui Nhơn từ năm 1966 và trong một thời gian khá dài (hiện nay bà là một Thẩm phán).

Người Việt Nam kế tiếp bà Moore là cựu Trung Tướng Lâm Quang Thi, một thành viên trong Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài. Khác với mọi người, Tướng Thi không đọc diễn văn viết sẵn, mà ông ứng khẩu qua hai ngôn ngữ Việt-Mỹ. Ông đã dẫn dắt người nghe đi vào nhiều vấn đề qua những thời gian và không gian khác nhau của quá khứ cũng như hiện tại, kể cả chuyện kêu gọi chống lại độc tài, khủng bố. Ông được anh chị em cựu quân nhân và đồng hương vỗ tay hoan hô nhiều lần.

Nhân vật phát biểu sau cùng là cựu Tướng Walter F. Ulmer, Jr. Ông từng phục vụ 2 nhiệm kỳ tại Việt Nam (1965-1966 và 1972-1973) trong chức vụ Cố vấn Sư Đoàn và Cố vấn Phái Bộ Quân Sự Mỹ tại Việt Nam. Bài diễn văn của ông cảm động và hào hùng, bị ngắt quãng nhiều lần bởi những tràng pháo tay của người tham dự. Ông thẳng thắn nói rằng: **"Hoa Kỳ đã không giữ đúng lời cam kết tại chiến trường... Hoa Kỳ phải có trách nhiệm đối với đồng minh của mình là Việt Nam... Buổi lễ tưởng niệm của chúng ta hôm nay là sự can đảm đối đầu, nhìn thẳng vào Công Lý, Tự Do và Hòa Bình".** Để kết luận, ông cho rằng **dù nói gì đi nữa, một quốc gia không mang lại Công Lý, Tự Do cho người dân của mình, thì quốc gia đó không nghĩa lý gì...**

Sau đó là lễ thượng kỳ chính thức lên Kỳ đài. Người được vinh dự kéo Quốc Kỳ Việt Nam là cựu Thiếu Tá Ngô Giáp, qua lời ca của nữ ca sĩ Ngọc Minh (xuất hiện dưới quân phục "Hạ sĩ nhất danh dự" Binh chủng Nhảy Dù). Đồng bào rung rung nước mắt hát theo Ngọc Minh. Tiếp đến là Quốc ca Hoa Kỳ và Quốc Kỳ Hoa Kỳ được kéo lên, bên dưới có kèm theo lá cờ đen của Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ.



Tiếp theo là phút tưởng niệm qua tiếng hắc tiêu của nhạc sĩ Mã Đình Sơn. Nhiều đồng bào đã tự động quay xuống ở sân cỏ, chấp tay hướng về Tượng Đài cho đến hết bài tưởng niệm của Hoa Kỳ qua tiếng kèn đồng của 2 binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ. Nhiều đồng bào đã nức nở vì tưởng nhớ lại Cha-Anh-Chồng-Con của mình đã bỏ mình trong chiến cuộc. Giờ đây danh dự của họ đã được công nhận, tư cách của người Chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa và các Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ đã được nhớ tới... Trong giây phút đầy cảm xúc này, hơn 20 ngàn con người cùng hướng về 2 pho tượng đồng và 3 lá cờ, mà vì Tự Do Dân Chủ hàng trăm ngàn người thân yêu của họ đã không tiếc sinh mạng của mình.

Ca nhạc sĩ Amy Jo Ellis cũng gây nhiều cảm động với bài "Two Soldiers".

Ca Đoàn Ngân Khôi với tác phẩm bất hủ "Chiến Sĩ Vô Danh" và kết thúc chương trình nhạc tưởng niệm là ban nhạc kèn hơi Ai Nhĩ Lan với bài "Chiêu Hồn Tử Sĩ".

Sau cùng tất cả các vị Tu sĩ đại diện Công Giáo, Phật Giáo, Hòa Hảo và Cao Đài đã cùng Ban Tổ Chức đến trước Tượng Đài cầu nguyện.

Buổi lễ chấm dứt sau 1 giờ 30 phút trưa, nắng chói chang nhưng đồng bào không ai ra về mà vẫn ở lại kiên nhẫn sắp hàng dài chờ đợi được vào thấp hương trước hai bức tượng đồng sừng sững chung quanh được bao bọc bởi hàng hàng lớp lớp Quân Kỳ của các Quân Binh Chủng Việt Mỹ. •

Thư ngỏ về việc xây đài tưởng niệm ngày 29 tháng 9 năm 2002

Kính thưa quý vị Lãnh Đạo các Tôn Giáo, quý vị Đại Diện các Hội Đoàn, thưa quý Đồng Hương,

Chúng tôi một số Hội Đoàn có tên dưới đây xin trình bày cùng quý vị:

Chúng tôi đã ngồi lại với nhau bàn thảo và đi tới quyết định là cùng cố gắng cố động cho việc Xây Dựng một Đài Tưởng Niệm.

1. **Mục tiêu:** Ghi ơn công đức người xưa dựng nước và giữ nước; tưởng nhớ anh hùng tử sĩ, chiến sĩ vô danh quân đội Việt Nam Cộng Hòa; và thuyên nhân vui thân nơi biển cả.

2. **Địa điểm:** Trong khuôn viên Chùa Khánh Anh mới ở Evry vùng 91 ngoại ô Paris, cạnh Tháp Địa Tạng (nơi gói tro người quá cố), có ngõ vô riêng mà không phải thông qua cổng chánh điện. Được Hòa Thượng trụ trì chấp thuận cho Xây Đài, chùa hứa bảo trì tu bổ về lâu dài.

3. **Đồ án Đài Tưởng Niệm:** Gọi lên hình ảnh ba chiếc thuyền, cột buồm mang bốn chữ "Vị Quốc Vong Thân". Đuôi thuyền hơi cong dáng dấp Cổ Loa Thành. Ba mảnh thân thuyền màu vàng - ba lá cờ - và ba mạng thuyền vạch lên ba đường sọc đỏ, biểu tượng quốc kỳ thời Việt Nam Cộng Hòa. Nền Đài lát đá xanh - màu nước biển - các bậc cấp lập lại lượn sóng. Chỉ ghi tên các Hội Đoàn đồng lập Đài.

4. **Thực hiện:** Chi phí ước định khoảng 80.000 Euro để có được vật liệu xây cất bền chắc với thời gian. Ban Tổ Chức khởi quyên từ nội bộ đã được 15.000 Euro.

Ban Tổ Chức đã mở một trương mục **Xây Đài Tưởng Niệm** do GS Đặng Vũ Biên và BS Tạ Thanh Minh trách nhiệm. Mọi biểu tặng đều có cấp biên nhận khai thuế (nếu có lời yêu cầu). Danh sách sẽ được công bố trên nội san các Hội Đoàn thuộc Ban Tổ Chức và báo phát hành tại Pháp.

Chi phiếu xin đề: (à l'ordre du) **Comité du Mémorial**, gởi:

- Qua các Hội Đoàn trong Ban Tổ Chức,
- Hay: **c/o Mr Tạ Thanh Minh**
12 Av. Pierre Dupont, 95400 Villiers Le Bel - France

- Hay, **c/o Mr Đặng Vũ Biên**

31 Rue Benoit Guichon, 94230 Cachan - FRANCE

Đài Tưởng Niệm là công trình kiến trúc mang âm hưởng văn hóa Việt tộc mà Cộng đồng ta lưu dấu trên đất Pháp, là nơi nhắc nhở cội nguồn qua những thăng trầm của lịch sử, nối kết hiện tại với tương lai. Đài Tưởng Niệm là của tập thể. Đóng góp dù khiêm nhường vẫn biểu lộ tinh thần chia sẻ.

Nhờ sự năng động của các Hội Đoàn và quý Đồng Hương tâm huyết, hy vọng dự án sẽ được hình thành vào năm 2004.

Xin giúp cố động cho nhiều người hưởng ứng, vì Đài Tưởng Niệm ghi dấu sự hình thành Cộng đồng người Việt tại Pháp, thể hiện truyền thống đạo nghĩa dân tộc.

Ban Tổ Chức

(Hội Y Giới Việt Nam Tự Do, Hội Ái Hữu Dược Sĩ Người Việt Hải Ngoại, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, Hội Cư Sĩ Phật Giáo Chùa Khánh Anh, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Tự Do tại Pháp, Văn Phòng Liên Lạc Quân Nhân Âu Châu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Hội Hải Quân VNCH tại Pháp, Hội Ái Hữu Không Quân VNCH, Hội Bạn của Thương Binh VNCH, Thư Viện Diên Hồng, Ủy Ban Phật Giáo Hòa Hảo...).

Đại Hội Võ Bị

Liên Hội CSVSQ Trường VBQGVN tại Âu Châu sẽ tổ chức Đại Hội năm 2003 **từ ngày 21, 22, 23 và 24/07/2003** tại:

**Centre de retraite des Pères
Lazaristes
7, rue du Bron de Nivière
91140 Villebon Sur Yvette
FRANCE**

Xin mời tất cả Anh, Em, đã một lần trước Vũ Đình Trường theo lệnh "**Quy Xướng Các Sinh Viên Sĩ Quan**" - "**Đứng Dậy Các Tân Sĩ Quan**", cố gắng thu xếp gia sự, về tham dự đồng đạo để bầu lại Tân Ban Chấp Hành Liên Hội Võ Bị Âu Châu nhiệm kỳ 2003-2005, bàn về chuyện nước non và ôn lại những ngày sống chung dưới mái Trường Mẹ.

Mọi chi tiết xin liên lạc:

1/- Mr. Đặng Văn Khanh K.25
ĐT. 33- (1)- 64 30 15 79
Email: vkaangk25@yahoo.com

2/- Mr. Nguyễn Hữu Xưởng K.26
ĐT. 0614 04 72 66 hoặc 0660 22 31 86

CHÚC MỪNG - TIN VUI - TÌM BẠN - NHẮN TIN - THÔNG BÁO

● CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của chị Nguyễn Thị Hiền và anh Phạm Trọng Nguyên ở Hamburg báo tin lễ Vu Quy của thứ nữ là:

**Cô Phạm Thị Quỳnh Như
đẹp duyên cùng
Cậu Huỳnh Thanh Hải**

thứ nam của ông Huỳnh Ngọc Anh và bà Hồ Thị Ánh ở tại Qui Nhơn, Việt Nam.

Hôn lễ cử hành vào lúc 10 giờ ngày 14.6.2003 tại Bảo Quang Ni Tự ở Hamburg, Đức Quốc.

Chúng tôi xin chân thành chung vui cùng hai họ và cầu chúc cho tân giai nhân và tân lang Long Phụng Hòa Duyên, Sát Cầm Hòa Hợp đến "Trăm Năm Hạnh Phúc".

-Đđ. Trần Ngọc Thạch, Huỳnh Thoảng, Nguyễn Ngọc Đệ, Nguyễn Hữu Huấn, Nguyễn Tích Phùng, Trương Quang Như, Trần Thị Meo, Lê Anh Mueller, Nguyễn Thị Tuyết, Phù Vân.

● TIN VUI

Được hồng thiệp ngày 05.04.2003, hai họ THÁI & TRÂM đã làm lễ Thành Hôn & Vu Quy cho cháu

QUANG TRƯỜNG & XUÂN PHƯỢNG

Chúng tôi Chi Hội Phật Tử VNTN tại Nürnberg + Fürth + Erlangen, Ban Hộ Trì Tam Bảo Niệm Phật Đường VIÊN ÂM xin chúc nguyện hai cháu Trăm Năm Hạnh Phúc.

TÌM BẠN - TÌM THÂN NHÂN

■ Tôi là Vũ Thúy Nga, cư ngụ tại Haupt Str. 3 - 92709 Moosbach. Tìm bạn **VŨ THỊ XUÂN** (Tú) chồng là anh **TIỆP**. Trước ở Geislingen, nay ở đâu xin báo tin cho Nga & Tuấn biết. Tel. 09656 - 1799 - Email: tuan-nga@gmx.de

■ Trần Thu Dung tìm bạn tên là **Trình Minh Huy**, trước học Đại Học Ngoại Thương khóa 2 (1976-1981) tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh HUY sinh năm 1957, quê quán tỉnh Vĩnh Long, qua Đức khoảng năm 87-88. Xin Anh hãy liên lạc (hoặc nếu có ai biết được) về số điện thoại: 84 - 90 33 63 780 hoặc Email: ttd_1610@yahoo.com - Pascalkj@yahoo.com

Chị và Mẹ là Hồ Kim Sinh muốn tìm:

- **Hồ Kim Thoa, sanh năm 1956.**

- **Mã Cẩm Trân, sanh năm 1979**

Đi vượt biên tháng giêng năm 1984. Gia đình chỉ biết: Bị Thái Lan bắt cả Di và Châu. Đến nay không rõ sống hay chết.

Nếu ai biết tin tức xin làm ơn liên lạc về địa chỉ: **Hồ Kim Sinh** Brühlstr.14 - 75175 Pforzheim - West Germany.

Điện thoại: 07231 - 32154. Xin hậu tạ.

THÔNG BÁO

Xin thông báo đến Độc giả của Thư Viện chùa Viên Giác. Hiện nay Thư Viện đã có một số sách kiếm hiệp mới và cũ như sau. Xin liên lạc về chùa để mượn sách.

A/ **Danh mục sách cũ :**

- | | |
|---|-------------------------|
| 1. Anh hùng xạ điêu - Kim Dung | - trọn bộ 8 cuốn |
| 2. Cô gái đồ long - Kim Dung | - trọn bộ 6 cuốn (2 bộ) |
| 3. Cự linh thần chưởng - Sơn Điền Ng.V. Khánh | - 6 cuốn |
| 4. Dao tri long nữ - Cổ Long | - trọn bộ 5 cuốn |
| 5. Điệu sáo mê hồn - Ngọa Long Sinh | - trọn bộ 5 cuốn |
| 6. Hắc Thánh Thần Tiêu - Kim Dung | - trọn bộ 3 cuốn |
| 7. Hồng hoa kiếm - Kim Dung | - trọn bộ 4 cuốn |
| 8. Huyết sử vô lâm - Kim Dung | - trọn bộ 3 cuốn |
| 9. Kim xà kiếm - Tiền Phong Từ Kh. Phụng | - bộ 3 cuốn |
| 10. Kiếm đăng - Hiếu Phong | - trọn bộ 3 cuốn |
| 11. Lăng không tam kiếm - K.Dung Từ Kh. Phg | - 2 cuốn |

- | | |
|---|-------------------------|
| 12. Lệnh xé xác - Lã Phi Khanh | - trọn bộ 7 cuốn |
| 13. Liên thành quyết - Hàn Giang Nhạn | - trọn bộ 4 cuốn |
| 14. Lục mạch thần kiếm - Hàn Giang | - bộ 6 cuốn |
| 15. Lư sơn kỳ nữ - Tiền Phong Từ Kh. Phụng | - bộ 3 cuốn |
| 16. Mai khôi sứ giả - Tẩu Nam Dương | - trọn bộ 3 cuốn |
| 17. Ngũ độc thần quân - Tiền Phong Từ Kh. Phụng | - 2 cuốn |
| 18. Nhứt kiếm loạn tứ phương - Hàn Giang Nhạn | - 3 cuốn |
| 19. Quạt lông phong - Túy Lạc Thiên | - trọn bộ 3 cuốn |
| 20. Quỷ bảo - Trần Thanh Vân | - trọn bộ 4 cuốn |
| 21. Tiên hạc thần kim - Phan Cảnh Trung | - bộ 6 cuốn |
| 22. Tục thái a kiếm - Kim Dung | - trọn bộ 3 cuốn |
| 23. Thạch phá thiên - Kim Dung | - trọn bộ 4 cuốn |
| 24. Thái a kiếm - Kim Dung | - trọn bộ 2 cuốn |
| 25. Thánh kiếm đoạt hồn - Kim Dung | - trọn bộ 2 cuốn |
| 26. Thần đao hồ đại đờm - Kim Dung | - trọn bộ 3 cuốn |
| 27. Thần điêu đại hiệp - Kim Dung | - bộ 7 cuốn (2bộ) |
| 28. Thiên long bát bộ - Kim Dung | - trọn bộ 2 cuốn |
| 29. Thiếu lâm nữ hiệp - Thần Phong | - bộ 2 cuốn (2 bộ) |
| 30. Thiết kim xà - Hàn Giang Nhạn | - trọn bộ 3 cuốn |
| 31. U vương quỷ điện - Phan Cảnh Trung | - trọn bộ 2 cuốn |
| 32. Vô lâm ngũ bá - Kim Dung | - trọn bộ 4 cuốn (2 bộ) |
| 33. Xuyên tâm lệnh - Kim Dung | - trọn bộ 3 cuốn |

B/ Danh mục sách mới :

- | | |
|---|------------------|
| 34. Bạch cốt lâm - Cổ Long | - trọn bộ 8 cuốn |
| 35. Bích huyết kim thoa - Kim Đồng Trần Ngọc | - 6 cuốn |
| 36. Đản chỉ thần công - Hàn Giang Nhạn | - bộ 5 cuốn |
| 37. Giang hồ thập ác - Nam Kim Thạch Thg Lan | - 5 cuốn |
| 38. Hóa huyết thần công - T.Th.Vân H.G.Nhạn | - 6 cuốn |
| 39. Kiếm rồng sáo phương - T.Phg Từ Kh. Phụng | - 3 cuốn |
| 40. Lưỡng thủ quái nhân - (tác giả như trên) | - bộ 4 cuốn |
| 41. Ngũ tuyệt ma vương - N.K.Thạch Thg Lan | - 7 cuốn |
| 42. Nhất giang câu kiếm - Nhất Giang | - trọn bộ 4 cuốn |
| 43. Phong vân đệ nhất đao - Cổ Long Thg Lan | - 4 cuốn |
| 44. Phong vũ trùng phùng - Độc Cô Hồng | - bộ 9 cuốn |
| 45. Tiên hạc thần kim - Phan Cảnh Trung | - bộ 6 cuốn |
| 46. Thập tam lang - Tào Nhược Bằng | - trọn bộ 7 cuốn |

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

VIẾT VỀ ÂU CHÂU

Tuyển tập từ 100 người viết, 146 bài dự thi Giải Thường Viên Giác "Viết Về Âu Châu" được Chùa Viên Giác và Báo Viên Giác tổ chức từ năm 2002.

Sách dày 706 trang, bìa màu do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Cộng Hòa Liên Bang Đức xuất bản vào tháng 6.2003.

Lời Giới Thiệu của Thượng Tọa Thích Như Điển, Chủ Nhiệm Báo Viên Giác kiêm Trưởng Ban Tổ Chức.

Lời Vào Tập của Phù Vân, Chủ Bút kiêm Trưởng Ban Điều Hành.

Bài nhận xét về những bài dự thi và bài nhận định về giá trị Văn Chương của Giải Thường Viên Giác của Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi và nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật trong Ban Giám Khảo.

Tuyển Tập Viết Về Âu Châu được viết bằng nhiều thể loại như truyện ký, truyện ngắn, tùy bút, tường thuật... Mỗi bài đều có hình và đôi dòng tiểu sử của tác giả. Nhìn chung, những bài viết đều phản ánh tâm sự hay là những kỷ niệm buồn vui, thành công hay thất bại của chính bản thân hay gia đình trong tiến trình hội nhập vào xã hội mới. Xuyên qua những bài viết này, chúng ta có thể tìm thấy chứng tích của một giai đoạn lịch sử đen tối mà người Việt phải rời bỏ tổ quốc để đi tìm tự do...

Sách chỉ in 1.000 cuốn và có lẽ không tái bản. Sách được phát hành tại chùa trong hai ngày 28 và 29.6.2003 nhân lễ kỷ niệm 25 Năm thành lập Chùa và Báo Viên Giác.

Giá ủng hộ: 19,- Euro. Nếu quý vị muốn gửi đến nhà, xin cộng thêm cước phí.

Đã có rất nhiều người đặt mua.

Xin liên lạc với văn phòng Chùa Viên Giác. ĐT. **0511-879630**

PHÂN ƯU - CÁO PHÓ - CẢM TẠ



CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và thân hữu xa gần. Vợ, Mẹ chúng tôi là

Cô NGUYỄN THỊ SƠN

Pháp danh Thiện Thủy

Sinh ngày 16.03.1954

Mất ngày 27.02.2003

tại Bremen, CHLB Đức

Hưởng dương 50 tuổi

Tang lễ được cử hành lúc 11 giờ ngày 02.04.2003 tại Bremervörde.

Đồng thời chúng con / chúng tôi xin chân thành cảm tạ, tri ân:

- Đại Đức Thích Hạnh Vân, chùa Viên Giác Hannover

- Đạo Hữu Phạm Công Hoàng

Đã tụng kinh cầu siêu cũng như các bạn bè thân hữu đã tiễn đưa Hương Linh của Vợ, Mẹ chúng con / chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi những điều sơ suất, kính mong quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

Tang gia đồng kính bái

- Chồng: Cáp Trọng Dũng

- Con gái: Cáp Thị Thùy-Anh

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân Mẫu của anh Trần Văn Tiến, Cựu SVSQ/TVBQGVN (K.22) :

Cụ Bà BUI THỊ MÃN

Tạ thế ngày 07.04.2003 tại Việt Nam

Thượng thọ 85 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình anh Trần Văn Tiến (Na Uy) và nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà sớm vãng sinh về Miền Cực Lạc

- Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Âu Châu

- Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Bỉ, Đức, Hòa Lan, Na Uy.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Thân phụ của anh Vũ Duy Minh là

Cụ Ông Giuse VŨ VĂN HIỀN
đã được Chúa gọi về vào lúc 03 giờ sáng ngày 04.05.2003

tại Hố Nai, Biên Hòa, Việt Nam

Thượng thọ 90 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Anh Chị Vũ Duy Minh và toàn thể tang quyến, nguyện xin Thiên Chúa sớm đưa linh hồn Cụ Ông Giuse về nơi vĩnh phúc.

Thành kính phân ưu

- Free Vietnam Forum

- Phong Trào Quốc Dân Việt Nam Hành Động

- Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Köln

PHÂN ƯU

Được tin

Cụ Bà NGUYỄN THỊ SÁU

Sanh ngày 01.07.1931

Mất ngày 10.05.2003 nhằm ngày 10.04

Âm lịch

tại Ulzen /Đức Quốc.

Hưởng thọ 72 tuổi

là Thân Mẫu của Đạo Hữu Phan Hồng Chức, thành viên Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử VNTN tại Aschaffenburg & VPC vừa bỏ thế giới Ta Bà này.

Chúng tôi Chi Hội Phật Tử VNTN tại Aschaffenburg & VPC thành thật chia buồn cùng gia đình Đạo Hữu. Đồng thời nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà sớm về nơi An Lạc.

-Chi hội PT VNTN Aschaffenburg & VPC

CẢM TẠ

Gia đình chúng con, chúng tôi xin thành thật cảm tạ :

- Thượng Tọa Thích Quảng Bình

- Đại Đức Thích Thiện Sơn

- Đại Đức Thích Hạnh Luận

- Ban Hộ Trì chùa Phật Huệ (Frankfurt)

- Anh em Teves và tất cả người quen gần xa đã đến phúng điếu, tiễn đưa Thân Mẫu chúng tôi, chúng con là

LÊ NGUYỆT KIM

Pháp danh Thiện Năng

Mất ngày 23.03.2002

Hưởng thọ 77 tuổi

Thay mặt gia đình

Con: Hà Kiến Hưng

PHÂN ƯU

Được tin hiền thê của Đạo Hữu Thiện Nhân Phạm Văn Quý, là

Bà NGUYỄN THỊ TÚ

Pháp danh Thiện Tâm

Sinh ngày 01.06.1942

Mất ngày 25.04.2003

lúc 9 giờ tối tại Texas, Hoa Kỳ

Hội Phật Tử VNTN Đức quốc và 17 Chi Hội cùng 7 Gia Đình Phật Tử đồng thành kính phân ưu với Đạo Hữu Thiện Nhân Phạm Văn Quý, cựu Chi Hội Trưởng VNTN tại München, đồng thời nguyện cầu Hương Linh Đạo Hữu Thiện Tâm sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi hay tin

Đạo Hữu NGUYỄN THỊ TÚ

Pháp danh Thiện Tâm

Đã tử trần ngày 25.04.2002

(Nhằm ngày 24 tháng 3 năm Quý Mùi)

Xin thành thật phân ưu cùng anh Phạm Văn Quý và gia đình.

Nguyện cầu Hương Linh Đạo Hữu Thiện Tâm sớm siêu thoát Miền Lạc Cảnh.

Đồng nguyện cầu

Nhóm Từ Thiện - München

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân Phụ của Chị Huỳnh Thị Ngọc Hạnh, là

Bác HUỲNH VĂN H NG

Tạ thế ngày 09.04.2003

tại Sài Gòn - Việt Nam

Thượng thọ 98 tuổi

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng anh chị Tinh & Ngọc Hạnh và tang quyến. Xin thành tâm cầu nguyện Hương Linh Bác Hằng sớm siêu sanh Tịnh Độ.

-Gđ. Huỳnh Thiện Tâm

-Gđ. Nguyễn Quốc Định (Neuss)

PHÂN ƯU

Được tin trẻ, Thân Mẫu của chị Lá Thị Bích, là

Cụ Bà NGUYỄN THỊ XUYẾN

Đã tạ thế vào tháng 3/2003 tại Hà Nội -

Việt Nam

Thượng thọ 80 tuổi

Toàn thể Hội viên Hội Phụ Nữ Việt Nam Tự Do Đức Quốc xin chân thành phân ưu cùng chị Bích, anh Thám cùng gia đình. Xin nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà sớm được tiêu diêu nơi cõi Phật.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và

bạn hữu xa gần, Thân Mẫu, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi là

Bà Quả Phụ NGUYỄN THỊ SÁU

Sanh năm 1931 -

Đã vãng sanh ngày 10.05.2003

nhằm ngày 10 tháng 04 năm

Nhâm Ngọ

tại Uelzen/ Đức Quốc.

Hưởng thọ 72 tuổi.

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ và tri ân:

-Đại Đức Thích Thiện Sơn, Trụ trì chùa Phật Huệ

-Đại Đức Thích Hạnh Vân, Chùa Viên Giác

-Đại Đức Thích Hạnh Luận, Chùa Viên Giác

đã tổ chức lễ Cầu Siêu cho Thân Mẫu, Bà Nội, Bà Ngoại chúng con.

Đồng thời chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ quý Đạo Hữu, Phật Tử, Anh Chị Em và bạn hữu xa gần đã đến chia buồn, điện thoại cũng như hộ niệm và tiễn đưa Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối chắc chắn không tránh khỏi những điều sai sót, kính mong quý vị niệm tình hoan hi cho.

Tang gia đồng kính bái

-Trưởng Nữ : Nguyễn Thị Liên cùng chồng và các con

-Trưởng Nam : Phan Hồng Chiêu cùng vợ và các con

-Thứ Nam : Phan Hồng Khanh cùng vợ và các con

-Thứ Nam : Phan Hồng Chức cùng vợ và các con

PHÂN ƯU

Được tin Nhạc Gia của CSVSQ/TVB/QGVN/K.11, Nguyễn Thành Nam:

Cụ NGUYỄN VĂN ĐẠI

Pháp danh BỬU THỌ

Tạ thế ngày 27.05.2003 tại Pháp

Hưởng thọ 77 tuổi

Chúng tôi xin thành tâm phân ưu cùng Anh Chị Nguyễn Thành Nam và tang quyến, đồng thời kính nguyện cầu Hương Linh Cụ Ông sớm vãng sanh về Miền Cực Lạc.

- Liên Hội Cựu SVSQ/TVB/QGVN/Âu Châu

- Hội Tình Thương Đức Quốc + Cứu Trợ TPB/QLVNCH

- Gđ. Phạm Ngọc Đảnh

- Gđ. Lê Văn Tâm.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Nhạc Gia của Thân Hữu Nguyễn Thành Nam, ngụ tại Stuttgart là:

Cụ Ông NGUYỄN VĂN ĐẠI

Pháp Danh BỬU THỌ

Tử trần lúc 18 giờ ngày 27-5-2003

(nhằm ngày 27 tháng 4 Quý Mùi) tại

Morlaix Pháp Quốc.

Hưởng thọ 77 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình Anh Chị Nguyễn Thành Nam, đồng thời xin nguyện cầu Hương Linh Cụ Ông sớm siêu sinh Lạc Cảnh.

- Hội Tình Thương/ Đức Quốc Cứu Trợ Thương Phế Binh QLVNCH và toàn thể các thân hữu.

- Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Stuttgart & VPC.

- Niệm Phật Đường Tam Bảo tại Reutlingen & VPC

- Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Reutlingen & VPC.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, Nhạc phụ của Ông Nguyễn Thành Nam là:

NGUYỄN VĂN ĐẠI

Pháp danh BỬU THỌ

Sinh ngày 26.01.1927

Mất ngày 27.05.2003 lúc 18 giờ tại

Morlaix - Pháp.

Hưởng thọ 77 tuổi.

Chúng tôi xin phân ưu cùng tang quyến, đồng thời cầu nguyện cho Hương Hồn của Cụ Ông sớm vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc.

- G/d Nguyễn Duy Nương - Wiesbaden/Đức.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Nam Mô A Di Đà Phật

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại, Ông Cố của chúng tôi là:

NGUYỄN VĂN ĐẠI

Pháp danh BỬU THỌ

Sinh năm Bính Dần 26.01.1927

Tạ thế ngày 27.05.2003 lúc 18 giờ tại

Morlaix - Pháp

Hưởng thọ 77 tuổi

Lễ Hòa Tang được cử hành vào ngày 31.05.2003, lúc 11 giờ tại Carhaix - Pháp.

Chúng con, chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Đại Đức Thích Nguyên Lộc, Trụ trì chùa Vạn Hạnh tại Nantes - Pháp

- Quý Đạo Hữu trong Ban Hộ Trì Chùa Vạn Hạnh

- Chi Hội Phật Tử Chùa Vạn Hạnh

- Cùng toàn thể Quý Đạo Hữu, Phật Tử, Bà con bằng hữu xa gần đã tổ chức

lễ cầu siêu, tụng kinh hộ niệm, cầu nguyện, chia buồn và tiễn đưa Linh Cửu của Chồng, Cha, Ông chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối có nhiều điều sơ suất, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang Gia đồng kính bái

- Bà Quả phụ: Võ Thị Thịnh

- Nguyễn Thị Thu Kiều và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Huệ và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Lan và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Cúc và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Hà và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Oanh và gia đình

- Nguyễn Trọng Nghĩa và gia đình

- Nguyễn Thị Thu Nguyệt và gia đình

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

-Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ trì chùa Viên Giác

-Quý Sư chùa Linh Thứu, Berlin

-Cùng Bà con, Bạn hữu ở Berlin, Mỹ, Đức, Pháp và Việt Nam đã đến và điện thoại chia buồn, phúng điếu cũng như đến nhà tụng kinh cầu nguyện, tiễn đưa Hương Linh Chồng, Cha, Ông chúng tôi là

LÂM CHÂU TRƯỞNG

tự Lâm Cang

Mất ngày 06.05.2003 (tức ngày 06.04

năm Quý Mùi)

tại Berlin. Hưởng thọ 82 tuổi

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót, xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ

-Vợ: Bà Quả Phụ Võ Thị Sinh

-Trưởng Nam: Lâm Văn Chinh, vợ và các con (Việt Nam)

-Thứ Nam: Lâm Châu Nam, vợ và các con (Đức)

-Thứ Nam: Lâm Châu Quan, vợ và các con (Đức)

-Trưởng Nữ: Lâm Thanh Minh, chồng và con (Đức)

-Thứ Nữ: Nguyễn Kim Hồng, chồng và các con (Đức)

-Thứ Nam: Lâm Châu Phước, vợ và các con (Đức)

-Thứ Nữ: Lâm Hải Lộc, chồng và các con (Đức)

-Thứ Nữ: Nguyễn Lệ Thủy, chồng và con (Đức)

-Thứ Nam: Lâm Hoàng Sơn và vợ (Đức).

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân Mẫu của anh Đỗ Đăng Đạo là

Cụ Bà ĐỖ KẾ THUẬT
Nhũ danh Nguyễn Thị Kỳ
đã mệnh chung vào ngày 02.06.2003
tại Việt Nam
nhằm ngày mồng 3
tháng 5 năm Quý Mùi
Thượng thọ 87 tuổi

Tang lễ sẽ được cử hành lúc 06 giờ 00 sáng ngày 06.06.2003 tại Bình Hưng Hòa - Sài Gòn

Xin thành kính phân ưu cùng Anh Chị Đỗ Đăng Đạo và toàn thể tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện cho Hương Linh Cụ Bá sớm về nơi Tịnh Độ.

Thành kính phân ưu

-Hội Người Việt Ty Nạn tại Köln
-Các Gia đình: Liêu Tuấn Tú, Nguyễn Hữu Đông, Đào Văn Bất, Vương Diên Châu, Huỳnh Văn Ngày, Vũ Ngọc Yên, Nguyễn Hồng Thanh, Dương Hồng Ân, Dương Hồng Trạch, Nguyễn Quốc Khánh, Đặng Quý Dũng.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và các bạn hữu: Con, Em, Anh, Chú, Cậu của chúng tôi là

TRẦN HỮU LUÂN

Pháp danh Đồng Huệ Lạc
Đã tử trần ngày 25.05.2003 lúc 11 giờ
Hưởng dương 38 tuổi

Tang lễ được cử hành vào ngày 30.05.2003 lúc 12 giờ tại nghĩa trang thành phố Bochum. Tro cốt sẽ được chôn cất tại nghĩa trang thành phố Dietzenbach.

Tang gia đồng tri ân và cảm tạ:

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa Mönchengladbach,
-Đại Đức Thích Thiện Sơn, Trụ trì chùa Phật Huệ, Frankfurt
-Đại Đức Trí Tài, chùa Linh Sơn, Pháp quốc
-Chú Huyền Đạo, chùa Thiện Hòa
-Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQG tại Âu Châu và tại Đức
-Hội Người Việt Ty Nạn Cộng Sản tại Dorsten
-Đoàn Thanh niên Sinh viên Việt Nam tại Bochum
-Cùng quý Thông Gia, quý Bác, Cô, Anh Chị và các bạn hữu ở Arolsen,

Bochum, Dorsten, Düsseldorf, Essen, Frankfurt, Köln, Krefeld, Mannheim, Mönchengladbach, Oberhausen, Offenbach... đã đến tụng kinh hộ niệm, cầu nguyện, gói vòng hoa, thiệp, điện thoại chia buồn và tiễn đưa Linh Cửu của Luân đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

-Mẹ: Bà Quả Phụ Trần Ngọc Bảo, nhũ danh Nguyễn Thị Thúy Phương, Pháp danh Lệ Mỹ.
-Anh trai: Gđ, Trần Văn Nhi - Gđ, Trần Hữu Cương
-Chị gái: Gđ. Đặng Thùy Trang
-Em gái: Gđ. Đặng Anh Thư - Gđ. Trần Ngọc Phương Quỳnh - Trần Ngọc Bảo Hà,
-Bác - Chú - Cô - Dì - Anh, Em và các cháu ở Đức và Hoa Kỳ.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:
Thứ Nam của Anh Chị Trần Ngọc Bảo, Cựu SVSQ / TVBQG / VN.K.13 là

TRẦN HỮU LUÂN

Pháp danh Đồng Huệ Lạc
đã tử trần ngày 25.05.2003 lúc 11 giờ
Hưởng dương 38 tuổi

Chúng tôi thành thật phân ưu cùng Chị Bảo và gia đình. Nguyện cầu Hương Linh cháu Trần Hữu Luân sớm vãng sanh về Miền Cực Lạc.

-Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQG/VN tại Âu Châu.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc và đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc xa gần: Con, Anh, Chị, Em, Chú, Thím, Cậu, Mợ, Dì, Dượng và các cháu. Vợ và Thân Mẫu của chúng tôi :

Bà TẠ THỊ HAI

Sanh ngày 18.11.1933 - Quý Dậu
tại Việt Nam
Tử trần tại tư gia tỉnh Essen, Đức Quốc, Chủ nhật, ngày 25.05.2003 lúc 20 giờ 17 phút (nhằm ngày 25 tháng 4 năm Quý Mùi âm lịch).
Hưởng thọ 71 tuổi.
Cùng trong ngày Thứ ba
03.06.2003:

-Tang lễ được cử hành lúc 12 giờ 00 tại nghĩa trang Hellweg, Essen-Steel, Đức Quốc.

-Hỏa táng lúc 13 giờ 00
và An táng lúc 16 giờ 00.

Tang gia đồng cấp báo.
Cáo Phó này thay thế thiệp tang.
Miễn phúng điệu

Tang gia đồng thành kính cảm tạ và tri ân:

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, chùa Thiện Hòa, Mönchengladbach
-Các Phật Tử Essen: Ông Bà Sáu, Bà Chót, Bà Hoa, Bà Hai, Ông Bà Dương, Ông Bà Phương, Bà Thìn, Bà Ân, Bà Liên, Ông Hai.
-Phật tử Hilden: Ông Bà Biên
-Phật tử Düsseldorf: Bà Nhân. Các Phật tử ở Krefeld.
-Cùng với quý vị đồng hương: Quý Cụ, quý Bác, cùng tất cả quý Thông Gia, quý Anh Chị Em và các quý bạn hữu xa gần Essen, Mönchengladbach, Bochum và Breda Holland.

đã đến thăm viếng, cổ vấn nghi lễ, tụng kinh, hộ niệm, giúp đỡ, an ủi chia buồn, góp lời cầu nguyện, phúng điệu tràng hoa, cúng nhang đèn cùng dự tang lễ và tiễn đưa Linh Cửu Vợ, Thân Mẫu của chúng tôi được về nơi an lành thanh tịnh cõi Phật

Tang gia đồng kính bái

-Chồng: Nguyễn Văn Nhuận (Đức quốc)
-Trưởng Nữ: Đỗ Kim Ngân, cùng với chồng và con (Đức quốc)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Yến, cùng với chồng và con (Việt Nam)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Nhung, cùng với chồng và con (Việt Nam)
-Trưởng Nam: Nguyễn Văn Nhường, cùng với vợ và con (Đức quốc)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Lạc (Đức quốc)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Hoa, cùng với chồng và con (Đức quốc)
-Thứ Nam: Nguyễn Văn Ngọc Ẩn, cùng với vợ và con (Đức quốc)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Phúc cùng với chồng và con (Hòa Lan)
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Hồng Phúc Em, cùng chồng và con (Hòa Lan).



Phương Danh Cúng Dường

(Tính đến ngày 07.06.2003)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì **Một Tháng** ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

TAM BẢO

ĐH. Đặng Ngọc Bình 20€. Ấn danh (Dortmund) 10€. Chùa Phật Quang (Thụy Điển) 5.000Kr. Cô Diệu Ngọc (") 300€. Trương Thị Thu (Suisse) 100FS. Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 20€. Hồ Thị Phương Lan (Oberhausen) 30€. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Trần Ngọc Sơn (Offenbach) 50€. Vũ Bá Cự (Herrenberg) 20€. Trần Tú Nguyệt (Allgau) 20€. Tsang Kam Chai 100€. Dương Văn Phương (Essen) 100€. M. Emuranuel Langnet (Pháp) 50€. Hội Phật Giáo Việt Nam tại Phần Lan 1.000€. Lâm Thúc Anh (Phần Lan) 30€. Nguyễn Thị Du (") 50€. Nguyễn Thị Hải (") 100€. Lâm Thị Vinh (") 100€. Trần Thu Trang (") 40€. Vinh Tuyên (") 100€. Nguyễn Thị Mỹ Lan (") 20€. Diệu Minh, Diệu Hồng, Diệu Hải, Diệu Liên (") 90€. Trần Quang Trọng (") 50€. Minh Tĩnh (") 100€. GĐĐH Trương Ngươn Nhiên 400€. Đỗ Thị Anh Huệ (Hameln) 10€. Nguyễn Đức Thành (Weetzen) 5€. Nguyễn Công Chung (Dresden) 10€. Trần Đức Quang 40€. Fam. Điền 10€. Thu Tú (Hannover) 30€. Nguyễn Frenkler 5€. Lan Jachisch (Bremen) 30€. Trương Kim Nam (Hachenburg) 10€. Nguyễn Hà 10€. Quảng Hữu Kiên 20€. Fam. Vu (Worbis) 10€. Hứa Đỗ 40€. Vũ Văn Dân (Bodenwerder) 50€. HHHH Nguyễn Trọng Hiếu. Lê Jennifer 10€. Nguyễn Thị Thúy Phương 30€. Huỳnh Phú (Burghausen) 25€. Châu Nam (Spaichingen) 25€. Bành Chúc Quân (Rheingönheim) 100€. Ban Liên Lạc Phật Tử tại Odenwald 200€. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 50€. Viên Tuyết (Laatzen)

30€. GĐĐH Trần Văn Ân (Pháp) 20€. Phan Trương Trần Vũ 10€. Trương Công (Hòa Lan) 50€. Lê Bích Hà (Bad Bernach) 10€. Thiện Thanh & Thiện Thọ (Karlsruhe) 50€. Châu Thị Như Mai (Pháp) 35€. Trần Thủy 20€. Nguyễn Hào 30€. Nguyễn Tấn Lộc 30€. Trần Ngọc Phương (Berlin) 10€. Eeldmann 5€. Lê Thị Ân (Münster) 100€. Nguyễn Ngọc Chung (Esterwegen) 10€. Phạm Văn Hải (Hannover) 10€. Trần Thanh Pháp (") 20€. Bùi Mỹ Phúc (") 10€. Vũ Minh Thông (Barth) 20€. Thu Dung (Langenhagen) 5€. Wang Kai Tang 50€. Đinh Văn Tuyền (Duderstadt) 50€. Thị Thiện Phạm Công Hoàng (Bremen) 100€. Nguyễn Minh Ngọc 20€. Günthe Woithe (Forst) 10€. Nguyễn Quý Trường 50€. Phạm Việt Long (Oberhausen) 10€. Lê Thị Thảo (Halle) 20€. Trần Thị Thanh Thu 20€. Vũ Như Tâm (Sangerhausen) 10€. Trần Hiếu Nghĩa (Krefeld) 50€. Điền & Minh 10€. Trương Văn Tài (Việt Nam) 10€. Vương Quan Sen (Dorsten) 10€. Quách Vinh Nghĩa (") 5€. Nguyễn Thị Kim (Frankfurt) 20€. Lý Khánh Minh 30€. Đoàn Thị Hồng (Norderney) 10€. Đỗ Mạnh Hùng 10€. Lý Ngân và gia đình 30€. Nguyễn Thị Nở (Pháp) 20€. Lê Bá Châu (Đan Mạch) 100US. Thiện Phát & Thiện Hào (") 500Kr. Hoàng Văn Chè (") 500Kr. ĐH Ngọc Nhân (") 5.000Kr. + 1 cặp hộ xoàn trị giá 1.300US. Thiện Hải Nguyễn Văn Sơn (") 300Kr. Lê Thị Thu Hương (Bühl Baden) 10€. Tô Thành Quang (Bayreuth) 30€. China Rest. Tai Wan Ho (Friedrichshafen) 25€. Huỳnh Thị Kim Thảo (Ý) 10€. 24 Phật Tử tại St Gallen (Suisse) 300FS. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 120€. Nguyễn Thị Khang (Ý) 10€. Tân Ngọc Nga (Neumünster) 10€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 10€. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 30€. Huỳnh Kim (Syke) 20€. Lý Thanh Hương (Pforzheim) 10€. Quách Quế Vinh (") 10€. Mạnh Quỳnh (USA) 200US. Phi Nhung (") 200€. Chùa Phật Bảo (Bamtrup) 500€. Phái đoàn Phật Tử chùa Vạn Hạnh (Đan Mạch) 1.900Kr. Quảng Vạn (") 200Kr. Châu Văn Đức (Hochheim) 400€. Nhựt Trọng (Mannheim) 100€. Giang Lăng Muối (Nürnberg) 10€. Quý chủ mới xuất gia (Hannover) 100€. Trần Thị Diệu Hải (Wuppertal) 20€. Bà Sác sĩ Hạnh Phước (USA) 2.000US. Sư Cô Đàm Ngọc (Lào) 1.000US. Diệu Hương (Münster) 50€. Diệu Thảo (Ái Nhĩ Lan) 50€. Phạm Thị Phượng (") 50€. Trần Văn Hội (") 25€. Trần Văn Khai (") 25€. Nguyễn Ngọc Sí (") 25€. Nguyễn Thị Trâm (") 25€. Bùi Thị Thúy Thảo (") 25€. Nguyễn Thị Huệ (") 25€. Nguyễn Văn Chầy (") 25€. Nguyễn Thị Chư (") 25€. Nguyễn Thị Lon (") 25€. Nguyễn Quang Bảy (") 20€. Tố Hoa (") 25€. Mai Thị Thu Hương (") 20€. Trương Thị Nga (") 25€. Trương Thị Liễu (") 25€. Phan Thúy Hoàng (") 25€. Bùi Văn Sáu (") 27€. Thái Văn Lật (") 25€. Nguyễn Thị Út (") 25€. Nguyễn Văn Minh (") 25€. Nguyễn Thị Lắc (") 25€. Lâm Mỹ Phong (") 25€. Liêm Tích Xuyên (") 25€. Liêm Tích Luyến (") 25€. Âu Mạnh Din (") 25€. Âu Ngọc Thân (") 45€. Lê Thị Nguyễn (USA) 20US. Nguyễn Hồng Ngọc (St Ingbert) 10€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 15€. Tăng Mỹ Hạnh (Pháp) 10€. Thiện Dũng (Đan Mạch) 50€. Diệu Thảo (Ái Nhĩ Lan) 100€. Viên Hiệp (Koblenz) 30€. Phạm Thị Ngọc Suong 10€. Thái An Giang 50€. Nguyễn Thị Hải (USA) 40US. ĐH Suong (") 40US. Vũ Đình Khanh (Schiltigheim) 20€. Diệu Như (Limbach) 200€. Ngô Thị Liễu (Anh) 10 Anh kim. Phí Thanh Bình (D'dorf) 100€. Diệu Hiền (Hannover) 50€. HHHH ĐH Lâm Châu Trương (Berlin) 500€. Chùa Linh Thứu (Berlin) 300€. Trần Thiện Châu (Watenbüttel) 100€. Trần Nguyên Anh (Bomhlitz) 75€. Nguyễn Thị Huyền Nga (Pháp) 50€, HHHH Thân Mẫu Trịnh Thị Mai. Hà Quang Minh (Norderney) 15€. Minh Phát

(Hannover) 70€. Đào Thị Hiền (Pforzheim) 100€. Tạ Quang Thanh (Neulauterburg) 25€. Phan Thị Mai (Koblenz) 50€, HHHL ĐH Trương Quang Phúc. Huỳnh Quang Đoàn (Berlin) 10€. Lương Ngọc Phần (Marbach) 20€. Ngô Thị Hương (Paderborn) 20€. Trần Tý (Münster) 30€. Trần Văn Biểu (") 20€. Nguyễn Mạnh Hồng Trang (Rheinbrohl) 30€. Hoàng Minh Ngọc (Saarlouis) 15€. Phùng Thị Hiền (Trier) 20€. Đào Thị Chúc & Nguyễn Văn Phúc (") 20€. Huỳnh Thị Lý (Papenburg) 15€. Bùi Thị Tâm (Bielefeld) 10€. Lưu Giỏi (Nordhorn) 20€. La Tý (") 25€. Võ Văn Ngàn (Bremen) 20€. Dr. Wolfgang Mechelke (Einbeck) 50€. Phan Thị Hai (Solingen) 20€. Nguyễn Thị Hương (Krefeld) 20€. Nguyễn Văn Lương (D'dorf) 50€. Trần Minh Khuê (Canada) 25€. Trần Ngọc Tiến (HH) 25€. Nguyễn Thị Kim Hoa (Essen) 20€. Quách Thị Chót (") 10€. Thạch Thị Sang (") 10€. Đỗ & Lê (Konz) 20€. Văn Đức Kiên & Mỹ (") 20€. Vũ Thị Dấu (Aachen) 25€. Đỗ Nghê & Nguyễn Thị Bày (Suisse) 30FS. Nguyễn Thị Mỹ Dung (") 30FS. Bành Quang Liêm (Wiesbaden) 10€. Bành Tam Sơn (") 10€. Du Tấn Niên & Âu Cẩm (Dillenburg) 30€. Nguyễn Triết (Aachen) 20€. Lê Thị H. Văn (Daun) 50€. Nguyễn Văn Hùng (Recklinghausen) 5€. Nguyễn Văn Văn (Köln) 20€. Lưu Minh Thành (HH) 25€. Trần Tú Bình (Wiesensdeig) 30€, HHHL D. Thị H. Liên & Trần Minh Thái. Trần Đăng (Leipzig) 10€. Trần Tiến Siêu (HH) 20€. Nguyễn Thị Nền 30€. Chùa Tâm Giác München 700€. Đỗ Thị Lịch (Göttingen) 30€. Đặng Thanh Nhã 20€. Thoa (Berlin) 20€. Nguyễn (Oldendorf) 20€. Oai Châu Chấn (Hannover) 30€. Phạm Văn Hạnh (") 10€. Thọ, Hòa, Thu, Đức (Laatzten) 10€. Lâm Đại Sanh (HH) 30€. Nguyễn Ngọc Hùng (Berlin) 50€. Jenny Trần (Thushorn) 20€. Hùng & Linh Quách (Damme) 50€. Diệu Hỷ (München) 10€. Khương Quyết Định (Würzburg) 20€. Nguyễn Văn Chuẩn (Bamberg) 5€. Nguyễn Quang Tuấn (Mannheim) 20€. Khánh Hoa (Cuxhaven) 100€. Bùi Thị Kim Oanh 20€. Võ Đình Hạnh (Lunweden) 20€. Nguyễn Dương Anh (BS) 20€. Nguyễn Thị Minh Sáu (Empelde) 20€. Trần Kinh Hưng (Helmstedt) 30€. Nguyễn Minh Tân (Bernberg) 10€. Lý Phước (Lüdenscheid) 50€. Lý Quốc Thái (") 50€. Trần Lý Ái Phương (Suisse) 20€. Phạm Vũ Misa (Hameln) 20€. Ting A Pet (Oberhausen) 30€. Phạm Thị Toàn 10€. Giác Mỹ & Thiện Khiết (Berlin) 20€. Nguyễn Xuân Bái (Wernigerode) 5€. Phùng Quốc Trung 10€. Dettmann Kal Otto (Hamburg) 10€. Diệu Thu 10€. Bùi Thị Phương Loan (Halle) 20€. Quách Kim Liên (Oldenburg) 10€. Lý Hồng Nguyên (") 20€. Lee Thúy Hạnh (") 20€. Lý Ngọc Lài (") 10€. Phạm Văn Hải (Hannover) 10€. Anh Ngọc Phan (Norderstedt) 50€. Nguyễn Hoàng Lan 20€. Ngô Ái Hoa (Flensburg) 10€. Nguyễn Diệp Minh Tân (Pháp) 30€. Thiện Nghiêm (Suisse) 100€. Nguyễn Ái (Đan Mạch) 160€. Lê Văn Thị Du (Ý) 400€. Trần Thị Mai (Suisse) 50€. Nguyễn Đức Nở (") 20€. Nguyễn Huyền (") 20FS. Nguyễn Phan Thị Thu (") 20€. Dương Nguyễn Phước Ngàn (") 20€. Bùi Hữu Nghĩa (Gelsenkirchen) 10€. Châu Thị Tâm (Koblenz) 10€. Giang Tuấn Đức (") 10€. Nguyễn Thị Thiên Nga (Stuttgart) 20€. Trần Thị Thế (Schorndorf) 20€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Lê Văn Hiếu (Almstadt) 5€. Trần Thị Diệu Hoa (Ravensburg) 50€. Điền Văn An (Leverkusen) 20€. Lâm Đức Trung (Saarbrücken) 20€. Nguyễn Thị Hà (BS) 20€. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 10€. Đặng Thị Kim Thạnh (Bielefeld) 10€. Nguyễn Văn Báo (Suisse) 50€. Thùy Hương (Sommerzell) 20€. Mạch Thị Ánh Hồng (Arnsberg) 25€. Phan Hoàng Diệp (Ellwangen) 20€. Môn đồ pháp quyền Chùa Hoa Nghiêm (Pháp) 1.000€. Lâm

Thuận Hi 20€. Công ty Telenet Group (Offenbach) 250€. Trần Tú Ngọc (GF) 20€. Liễu Cẩm Phong (Krefeld) 5€. GDPT PHÁP Quang (HH) 25€. Nguyễn Thị Hòa (Kassel) 20€. Nguyễn Thị Tâm (") 20€. Ấn danh 20€. Gđ. Phan Thanh Bảo (Leipzig) 50€. Lâm Thị T. Hương 10€. Nguyễn 5€. Tống Thị Bình 5€. Nguyễn T. Toàn 10€. Phạm Đình Thanh (MD) 5€. Trần Ngọc Linh 10€. Phan Thị T. Hằng 5€. Lâm Ngọc Thanh + Yên + Khan 30€. Trình Kim Hòa + Giang + Kevin 20€. GDPT Minh Hải Thiện Căn 20€. Võ Thanh Nào (Essen) 30€. Nguyễn Công Thủy (Suisse) 100FS. Diệu Hòa (") 50FS. Lê Thị Thùy Tiên (") 50FS. Diệu Đạo (") 50FS. Huỳnh Sang (") 50€. Trần Thị Kiến (") 25€. Huệ Nhà (") 50€. Thái Thị Chên (") 20€. Nguyễn Thị Bắc Nam (Heiligenstadt) 10€. Trương Thị Thủy (Speyer) 30€. Cao Minh Miên 30€. Thiện Châu 10€. Nguyễn Thị Thanh (Wolfsburg) 10€. Trần Vinh (Marl) 15€. Văn Thị Bảy (Baden Baden) 20€. Võ Thị Thu 50€. Fam. Đoàn (Ilshofer) 50€. Trương Thị Phụng (Oberndorf) 20€. Sư Cô Hạnh Ân (Hannover) 45€. Lưu Lệ Anh (") 20€. Vũ Văn Nam (Kamen) 25€. Nguyễn Tấn Hoài (Singen) 15€. Ni Sư Thích Nữ Hiếu Đức (USA) 300US. Johanne Göbeke 50€. Hồ Xuân Anh 15€. Lê Thị Man 20€. Trần Hữu Hạnh (D'dorf) 15€. Liễu Thị Thà 15€. Lâm Kim Minh 10€. Mỹ Hà (Recklinghausen) 15€. Nguyễn Văn Hà (") 10€. Lâm Hôn Quân 10€. Tăng Bội Văn 10€. Chu Hứa Yên Lê (Bochum) 20€. Sáng & Chiêu 50€. Nguyễn Duy Côi (Speyer) 20€. Fam. Chan (Hannover) 10€. Đinh Văn Tuyển (Duderstadt) 20€. Thiện Hội (Đan Mạch) 600Kr. Trần Thanh Bình 30€. Võ Thanh Hùng (Hanau) 10€. Nguyễn Thị Tuyết + Nhung + Hùng (Leipzig) 50€. Trần Thị T. Huyền (") 20€. Lê Văn Hoàng (Rodgau) 10€. Vi Hùng 20€. Bùi Tấn Quốc (Treis-Karden) 10€. Trịnh Văn Thịnh (Essen) 20€. Thiện Hiếu + Thiện Hào 20€. Ấn danh 20€. Trần Thu Thủy (Berlin) 20€. Trần Văn Anh 10€. Tang Huỳnh Lan 10€. Trương Mạnh Mai 30€. La Minh Truyền 20€. Trần Hoa 20€. Vũ Tuấn Anh (Einbeck) 10€. Phạm Thị B. Vân 20€. Ấn danh 10€. Hồ Vương 30€. Trần Minh Nhựt (Nürnberg) 30€. Nguyễn Thu Hà (Hildesheim) 10€. Fried. Wilh. Klein (Bramsche) 10€. Minh Hue Bekker (Kamen) 70€. Gao Bing (Augsburg) 20€. Đặng Minh Phổ 10€. Mã Triển Ái 20€. Thái Nguyên An 20€. Diệp Năng Liên 20€. Liên Hưng Quốc 10€. Ấn danh (Wiesbaden) 50€. Nguyễn Phước Long (Pháp) 15€. Quan Thế Âm Ni Tự (Aachen) 500€. Chùa Vạn Hạnh (Hòa Lan) 500€. Diệu Phổ (Hòa Lan) 10€. Bùi (") 50€. Trần Văn Vĩnh (Cloppenburg) 50€. Trần Anh Thơ 10€. Hà Tấn Vạn (Hildesheim) 20€. Đỗ Thị Thu Hạnh (Elsfeth) 10€. Lê Thị Yến (") 10€. Ngô Long Du 50€. Trần Ngâm 50€. Trần Thị Chung (Garbsen) 10€. Phan Thị Ngọc (Wolfenbüttel) 10€. Lê Đình Dũng 10€. Lê Đình Tuyển 10€. Bùi Văn Huy (Cloppenburg) 20€. Nguyễn Hữu Lộc (") 10€. Thu Hằng + Trường (Hannover) 10€. Phạm Thanh Trọng (Bremen) 15€. Mahamadi 10€. Pisamai Sutararal 10€. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 20€. Gao Bing (VR China) 20€. Tam Nhu Choa 30€. Từ Quý Long 100€. Nguyễn Quý Kỳ + Ngọc Vân + Văn Anh (Oldenburg) 50€. Thái Thị Thủy Mai (Nienburg) 50€, HHHL Nguyễn Hồ Xuân Bách. Lý Huy Quyên (Idar Oberstein) 10€. Triệu Thị Ngân (Saarbrücken) 50€, HHHL Nguyễn Diên Anh. Kujawski Thị Nhuận (Esens) 100€, HHHL Hoàng Văn Lịch. Marie Noelle Kunde (Rehburg-Loceum) 10€. Chi Hội PTVNTN tại Mannheim 55€. Lê Thị Tuyết 10€. Lê Pao Sý (Berlin) 100€. Châu Đức Văn (Wiesbaden) 100€. Khóa Tu Học Phật Pháp kỳ 8 của Hội PT tại Nürnberg 200€. Nguyễn Thị Bích Thủy (Parsberg) 200€. Vũ Ngọc Trân 10€. Trí Hào (Frankfurt) 20€. Chùa Phật Huệ

(") 500€. HHHL ĐH Huỳnh Tương (München) 100€. Đức Hương & Diệu Tịnh (Fürth) 50€. Giang Lăng Hia (Nürnberg) 10€. Nguyễn Tường Nhân (") 20€. Thái Quang Minh (Erlangen) 30€. Tiêu Thị Thị (") 50€. Nguyễn Duy Minh (Weinburger) 20€. Hiếu Phương (Einbeck) 20€. Mark Buecher (Lehre) 50€. Nguyễn Thị Hồng Nga (Bereburg) 10€. Nguyễn Thu Hà (Empelde) 10€. Bùi Thị Than Hà (Cloppenburg) 20€. Hà Tiến Vạn (Hildesheim) 250€, HHHL yếu tử Hà Tiến Phúc Felix. Hồ Minh Hoàng (Hameln) 20€. Lê Ngọc Ky (Werdau) 20€. Đặng Thị Đoàn (Việt Nam) 10€. Nguyễn Xuân Khanh 20€. Nguyễn Thị Hải Yến (Eisenach) 20€. Nguyễn Tiến Sùng 40€. Hồ Thị Liên (Berlin) 10€. Nguyễn Thị Thảo (") 30€. Phạm Thanh Lê (Hannover) 10€. Trần Thanh Liễu 40€. Lê Minh Hà 20€. Nguyễn Hào 30€. Nguyễn Thị Diễm Chi (Aachen) 20€. Trần Thân Pháp 20€. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 300€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 20€. Du Samantha 10€. Giang Du (Pforzheim) 10€. Lý Khánh Minh 30€. Lê Kim Trang (Erlenbach) 56€. Trần Hữu Trát và Phan Thị Liễu (USA) 100US. Liên Đàm pd Diệu Huệ (Hamburg) 20€. Phan, Michelle Khanh (Sindelfingen - Stuttgart) 10€. Amporn Pratungang - Roland Cortrie 5€. Thiện Ý 50€. Lê Văn Sung + Đoàn Thị Hươn + Lê Hải Yến + Lê Thủy Tiên (Stolzenau) 5€. Nguyễn Văn Ha + Vũ Tu Thu Hương + Nguyễn Bích Phương + Nguyễn Vũ Duy ANH (Nienburg) 10€. Lê Thanh Hà + Phạm Thu Hương 5€. Phạm Thị Thanh Hương 5€. Gia đình Lê Đình Nam (Bücken) 20€. Kusawski Thị Nhuận (Essen) 50€. Nguyễn thi Phương (Achim) 30€. Trần Quai Minh (Grzenblerich) 20€. GĐ. Hồ Thị Thu Thủy (Berlin) 20€. Nguyễn Thị Hạnh + Đào Thiện Mẫn (Empelde) 200€.

CÙNG ĐƯỜNG VẬT DỤNG VÀ THỰC PHẨM CHO CHÙA VIÊN GIÁC

Bäckerei Đặng (Hannover) 25 kg mì căn + 25 kg đường + 5 kg mè + 5 kg bột khoai tây. Gđ. Cao Hữu Đức (Bremerhafen) 10 bao gạo. China Rest. "Dynastie" (Benningen) 20 bao gạo. Thuận Đạt (Hannover) 10 thùng dầu ăn. China Rest. "Dynastie" (Hees. Oldendorf) 10 thùng dầu ăn. Nguyễn Thanh Huyền (Suisse) 2 bao gạo thơm. Nguyễn Lai Xum (") 1 bao gạo thơm. Lê Văn Theo (") 8 kg đậu hủ. Nguyễn Đức Hào (Metzingen) 6 bao gạo. Rest. Saigon-VN Đặng Văn Thắng (Paderborn) 2 bao gạo. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 5 bao gạo + 1 thùng măng + 1 thùng nước tương + 30 lít dầu ăn. Gđ. Chu Mai Hương & Đình Kim Anh (Schwarzenberg) 1 bao gạo + 10 kg nếp. Wolfgang Wonde (Hannover) 2 bao gạo. Nguyễn Văn Tâm (Wilhemshaven) 10 bao gạo. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 140 bánh ít + sấu riêng. Hồ Châu (Garbsen) 80 bánh phục linh. Staron Phương + Long (HH) 10 bồn đựng thức ăn. Gđ. Lại Huỳnh (Frankfurt) 120 hộp quet Gas. Gđ. Tâm Lượng (") 120 viết BIC. Asia Quách (Friedrichshafen) một số bột nếp + nắm + bún tàu + tàu hủ ky.

BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Lê Nhất Hiền (Maintal) 30€. Nguyễn Thị Chuột (Áo) 50€. Lê Khắc Kiệt (Bi) 30€. Trần Thị Duyên (Thụy Điển) 200Kr. Bùi Thị Hiếu (") 300Kr. Đặng Thị Hoa (Köln) 20€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Trần Văn Lộc (") 15€. Dương Tý (Lichtenstein) 20€. V & V Asia Dekoration 770€. China Restaurant Hong-Fat (Karlsruhe) 65€. Phùng Jacques (Pháp) 30€.

Haag Bích Thủy (Parsberg) 15€. Trần Văn Nhựt 20€. Hồ Thị Phương Lan (Oberhausen) 15€. Nguyễn Anh Thủy 100€. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 20€. Trương Kim Suong (Bad Soden) 15€. Lý Thị My (Aschaffenburg) 15€. Bùi Thị Khanh (Gnoien) 15€. Lê Trần (Berlin) 15€. Trần Thị Kim Lê (") 20€. Nguyễn Thị Anh (Cuxhaven) 20€. Diễm Hülsbech (Soest) 20€. Dương Văn Lý 10 Anh kim. Phan Thị Hoàng Hải (Zigkofen) 15€. Nguyễn Hoàng Tuấn (Würzburg) 20€. Cao Minh Tuấn (Mannheim) 30€. Trình Bội Ngọc (Feucht Wangen) 15€. Huỳnh Linh Duy (Regensburg) 15€. Kral Nghĩa (Marika) 10€. Nguyễn Thị Thanh (Leipzig) 16€. Trương Tấn Nhị (Köln) 20€. Huỳnh Thanh Hưng (Völklingen) 10€. Nguyễn Thị Thu Vân (USA) 100US. Trần Văn Long (Osnabrück) 10€. Trương Kim Nam (Hachenburg) 10€. Trương Văn Tinh (Koblenz) 20€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 20€. Võ Trung Thu (Bad Pyrmont) 20€. Ấn danh 10€. Dương Sang (Helmstedt) 25€. Nguyễn Thị Thúy Phương 20€. Nguyễn Thị phượng (Lorsch) 20€. Nguyễn Roanh (Lünen) 10€. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 10€. Hoàng Thị Doãn (München) 20€. La Xuân Hằng (Suisse) 15€. Phạm Nguyễn Huy (USA) 30US. Nguyễn Văn Thủy (Na Uy) 150Kr. Lưu Kim Thoán (") 150Kr. Giang Văn Phương (Zindorf) 20€. Nguyễn Thị Thùy Dương (Bielefeld) 50€. Lê Đỗ Diệu Hiền (Rosenheim) 20€. Vũ Văn Hải (Pháp) 20€. Diệp Năng Phùng (") 20€. Nguyễn Văn Đồng (Na Uy) 50€. Bùi Ngọc Đạm 20€. Đặng Anh Tuấn (Strausund) 15€. Nguyễn Quốc Dân (Wildeshausen) 10€. Nguyễn Thị Lụa (Dreierch) 20€. Lê Hồng Thu 15€. Huỳnh Kim Thủy 10€. Lê Thị Kim Hoa 15€. Sư Cô Trí Hào (Pháp) 20€. Trần Hiếu Nghĩa (Krefeld) 50€. Nguyễn Thị Lê (") 20€. Nguyễn Việt Đoàn (Bi) 25€. Ngô Trung Thu (Essen) 10€. Huỳnh Ấn (USA) 30US. Nguyễn Thị Mộng Thủy (Recklinghausen) 10€. Nguyễn Huyền Nguyễn Linh (") 10€. Lăng Văn Chính (") 10€. Hoàng Thị Đào (") 20€. Nguyễn Thế Hiển (Oberhausen) 15€. Liễu Tuấn Dật (Mannheim) 20€. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 20€. Từ Dung (") 15€. Từ Thủy Lan (") 15€. Từ Quang Hùng (") 15€. Nguyễn Ngọc Diệp (Neuss) 25€. Huỳnh Ngọc Anh Tuấn (Landshut) 20€. Thu Hạnh Richter (Gifhorn) 15€. Đặng Thị Hậu (Bernkastel-Keus) 10€. T.C.D. 100€. Alberter Mỹ Linh (Hòa Lan) 10€. Hồ Thị Lành (Áo) 20€. Trương Thanh Loan (Krefeld) 15€. Võ Thị Mỹ Huệ (Phân Lan) 30€. Hồ Văn Lộc (Vilshofen) 10€. Cao Ngọc Lang (BS) 10€. Nguyễn Thúy Hằng (Göttingen) 30€. Trần Văn Phụng (Mannheim) 20€. Hứa Mỹ Hiền (D'dorf) 20€. China Rest. Tai Wan Ho (Friedrichshafen) 35€. Đào Thị Sơn (Reutlingen) 10€. Bùi Thị Sự (Hòa Lan) 15€. Long Dương (USA) 20US. Nguyễn Thị Khang (Ý) 15€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 10€. Lâm Ý Xuân (Leer) 15€. Trần Đức Long (Pháp) 20€. Huỳnh Kim (Syke) 20€. Trần Hữu Trát (USA) 100US. Hồ Quý Hải (Vechta) 20€. Lâm Thị Hồng Nhung 15€. Hà Quốc Ân (Leipzig) 15€. Nguyễn Công Tư 20€. Trần Văn Lộc (Berlin) 30€. Nguyễn Thị Thu Thủy (Hòa Lan) 25€. Helène Anthony Đỗ (D'dorf) 10€. Lê Minh Cang (Bad Laer) 25€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 15€. Trần Giáp (USA) 40US. Trần Quế Lang 35€. Lan Blüml (Strauling) 10€. Trần Thị Thu Quỳnh (Freechen) 10€. Vũ Nguyễn (Herne) 10€. Trần Anh Dũng (Osnabrück) 20€. Trần Văn Minh (Rhein Mesum) 20€. Trần Đình Thị Lánh (Berlin) 20€. Trần Ngọc Đức (") 10€. Liễu Vinh Hạnh (") 20€. Trần Thị Tâm (Freising) 20€. Võ Lan (Mettmann) 20€. Lý Bích Hiền (BS) 30€. Trần Thanh Bình (Fürth) 20€. Phan Văn Hiệp (Nürnberg) 30€. Vũ Đình Khanh (Schiltigheim) 20€. Lê Thị Hồng (Hannover) 20€. Trần Nhu

Son (") 50€. Võ Kim Ngân (Bad Dürkheim) 20€. Trần Thị Lan (Delligen) 20€. Nguyễn Khắc Mai (Köln) 15€. Lưu Thị Xuân (Unna) 15€. Thang Thị Như Ngọc (Langenhagen) 20€. Trần Thị Liên (Essen) 15€. Bùi Văn Dũng (Pháp) 20€. Nguyễn Thế Phong (MG) 20€. Nguyễn Thái Hòa (Göttingen) 15€. Ngô Thị Nam (Lippstadt) 25€. Lê Peter (HH) 20€. Huỳnh Nhật Quang (Wesel) 20€. Nguyễn Thị Dung (Kiel) 15€. Chung Văn Tấn (Saarbrücken) 20€. Giang Lăng Cui (") 20€. Cao Thị Ngọc Trâm (Schorndorf) 20€. Nguyễn Thị Kim Cúc (Kornwestheim) 20€. Mạch Vũ Thị Kim Chung (Stolberg) 15€. Vũ Tất Thắng (Aachen) 10€. Huỳnh Thị Lý (Bad Iburg) 15€. Huyền Vinh Sương (Wiesbaden) 20€. Lưu Giới (Nordhorn) 20€. La Tỳ (") 25€. Hồ Long (Herne) 20€. Huỳnh Thành Nhi (Bad Neundorf) 20€. Michael Trần (Lehrte) 20€. Bonhage Thu Anh (Osnabrück) 30€. Nguyễn Thị Thanh Bình (") 20€. Nguyễn Xuân Phong (") 10€. Hoàng Thu Vân (Wallenhorst) 15€. Lê Văn Hoàng (Rodgau) 10€. Võ Thanh Hùng (Hanau) 10€. Nguyễn Thị Hương (Krefeld) 20€. Hồ Thị Hoa (") 20€. Phan Thị Hai (Solingen) 20€. Nguyễn Phi Hùng (Bad Iburg) 15€. Phan Lai (Mendig) 20€. Huỳnh Cẩm Thảo (D'orf) 20€. Vũ Thị Huệ (Karlsruhe) 30€. Lý Khánh Minh (") 30€. Nguyễn Thị Xuân (MG) 15€. Nguyễn Văn Nam (Wuppertal) 20€. Lê Quang Kế (Hòa Lan) 50€. Phạm Ngọc Ninh (") 20€. Trần Văn Thanh (Tübingen) 15€. Nguyễn Thái Hùng (Kürnach) 15€. Huỳnh Thị Ngọc (HH) 20€. Nguyễn Thị Kim Hoa (Essen) 10€. Quách Thị Chot (") 10€. Nguyễn Văn Hòa (") 10€. Huỳnh Trung Liệt (Norden) 10€. Lê Thị Hoa (MG) 15€. Điền Hữu Trang (Vechta) 15€. Huỳnh Hữu Quốc (Berlin) 15€. Đỗ Thanh Diệp (Duisburg) 15€. Đỗ Thị Liên (") 10€. Triệu Thị Bé (München) 30€. Đỗ Thanh Ôn (Oldenburg) 15€. Trần Văn Thoại (Gerabronn) 20€. Eduard Schulz (Dortmund) 15€. Jakob Ganther (Wolfenbüttel) 20€. Nguyễn Đức (München) 15€. Cao Hoàng Phát (Lippstadt) 15€. Nguyễn Hữu Khanh (Norderstedt) 10€. Nghiêm Công Han (Essen) 20€. Pan Văn Phát (MG) 20€. Tung Quan Long 10€. Nguyễn Văn Hùng (Recklinghausen) 15€. Hà Kiến Hùng (Frankfurt) 30€. Anh Thi Burdick (Wallenhorst) 15€. Đặng Thị Thanh Nguyên (Bremen am Rhön) 20€. Nguyễn Quý Hạnh (Hannover) 15€. Gđ. Phạm Xuân Thu (") 20€. Đỗ Kim Dung (") 25€. Lê Thanh Hải (Bielefeld) 15€. Nguyễn Văn Biên (Erkrath) 20€. Cao Văn Biên (Varel) 20€. Lê Thị Hợp (Đan Mạch) 20€. Đới Thị Ngọc Diệp (") 20€. Nguyễn Văn Cao (") 20€. Vũ Đức Dũng (Bockhorn) 20€. Huỳnh Tư (Bad Iburg) 10€. Đỗ Văn Sơn (HH) 20€. Phan Minh Tùng (Ý) 20€. Phan Văn Út (") 20€. Trương Thị Y (") 35€. Vay Y Ninh (Bremen) 20€. Nguyễn Ngô Hạnh (Nürnberg) 20€. Huỳnh Vinh Phát (Stuttgart) 15€. Tô Duy Bình (Kassel) 15€. Quang Dũng Lưu (") 15€. Lê Tấn Lộc (Ahlen) 15€. Dương Trường Bàn (Dortmund) 15€. Trần Văn Dương (Unna) 15€. Phùng Đức Thu (HH) 20€. Lưu Minh Thành (") 25€. Phạm Thị Kim Phương (Bremerhaven) 10€. Dương Ngọc Hải (") 20€. Ngô Kiều Oanh (Aurich) 50€. Nguyễn Minh Tuấn (Altenburg) 20€. Nguyễn Ngọc Chiến (Neutershausen) 15€. Nguyễn Thị Thanh (Oldenburg) 15€. Nguyễn Văn Thông (Weil/ Schönbuch) 20€. Nguyễn Thị Thanh Mai (Magstadt) 10€. Phạm Thị Ngân (Klever) 15€. Nguyễn Thị Sinh (Lemgo) 20€. Huỳnh Thị Phương (Berlin) 15€. Vũ Viết Thành (Leipzig) 20€. Phan Tiến Dũng (München) 20€. Trần Bình (Koblenz) 25€. Lý Ngọc Thanh (") 25€. Châu Thanh Hoa (Anh) 15€. P. Nga (Pháp) 30€. Cao Thị Nền (") 30€. Diệp Thị Khả (Mannheim) 15€. Đoàn Thị Mỹ (Dissen) 15€. Trịnh Minh Q. (Duisburg) 30€. Trần Minh Quang (") 30€. Trịnh Quốc Phong

(") 15€. Trịnh Thị Tuyết Hạnh (D'orf) 15€. Kim Loan Hà Ngọc (Erfstadt) 260€. Hồ Hữu Lợi (Pforzheim) 50€. Từ Vĩ Kỳ 20€. Nguyễn Mạnh Thường (Norderstadt) 50€. Văn Đức Kiên & Mỹ (Konz) 15€. Ngô Minh Sáng (Unna) 15€. Vũ Thị Dấu (Aachen) 15€. Hà Quang Minh (Norderney) 15€. Trần Ngọc Em (Niedermhall) 20€. Nguyễn Văn Quý (Pháp) 30€. Trịnh Quốc Hoàng (Hildesheim) 15€. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 10€. Nguyễn Mua (Varel) 20€. Tăng Huỳnh Lan (Koppenheim) 15€. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 30€. Mai Ngọc Sáng (Hameln) 15€. Diệu Thôi (Nordhorn) 5€. Nguyễn Thế Hùng (") 20€. Tạ Quang Thanh (Neulauterburg) 20€. Hồ Thị Thanh Đạm (Reutlingen) 20€. Trần Tý (Münster) 20€. Lây Văn Gong (Moers) 10€. Nguyễn Ngọc Mẫn (Recklinghausen) 25€. Trương Thị Hương (Geilenkirchen) 25€. Nguyễn Mạnh Nhật (Rheinbrohl) 20€. Nguyễn Thị Dung (Kiel) 15€. Cao Toàn Khôi (Oldenburg) 25€. Trương Tô Đức (Langen) 15€. Nguyễn Văn Đẹt (Göttingen) 20€. Tâm Phương (") 30€. Hồ Đệ (Heiligenhaus) 20€. Trần Ngọc Bảo (Dietzenbach) 20€. Hồ Đình Tuấn (Nürnberg) 30€. Nguyễn Thái Nam (") 20€. Hoàng Tôn Long (FF) 20€. Hà Kiến Hùng (") 50€. Hồ Chánh Kỳ (HH) 20€. Võ Văn Tu (Wiesbaden) 20€. Nguyễn Văn Văn (Köln) 20€. Nguyễn Triết (Aachen) 10€. Châu Tú Phương (Đan Mạch) 300Kr. Bùi Xuân Thảo (Bietigheim) 20€. Cao Minh Đức (Löningen) 20€. Nguyễn Việt Cường (Langenhagen) 15€. Trần Quốc Hưng (Preetz) 30€. Lê Thị H. Vân (Daun) 20€. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 25€. Hồ Thị Trung (Bielefeld) 20€. Nguyễn Văn Bất (Kassel) 20€. Lê Văn Thanh (Bi) 20€. Võ Hồ Nhân (") 25€. Asia König (Paderborn) 100€. Ngụy Nhựt Thủ (Hannover) 10€. Trần Lăng Hia (Nürnberg) 15€. Trần Thị Nôi (") 20€. Nguyễn Thị Thu Hà (Erlangen) 15€. Nguyễn Thị H. Quyên (München) 20€. Vũ Thị Kim Toàn (") 5€. Ngô Thị Khi (") 25€. Kim Hào Katt (Wendeburg) 20€. Lê Phương Nga (Buxtehunde) 20€. Ngô Quế Chấn (Dachau) 30€. Trần Toàn Chí (Rodgau) 20€. Võ Hữu Hùng (Burgdorf) 15€. Trương Tuyết Nguyệt (Koblenz) 20€. Trần Tiến Siêu (HH) 20€. Nguyễn Minh Tân (Bernburg) 10€. Lê Thanh Bình (Bremen) 20€. Mai Minh Mẫn (Hannover) 20€. Lý Thị Thu Thủy (Hòa Lan) 30€. Quách Mến (Suisse) 50€. Lưu Phan (Nielsen) 50€. Nguyễn Thị Lộc (Stadthagen) 10€. Chiêu Văn Mười (Berlin) 10€. Nguyễn Văn Minh (Leverkusen) 20€. Lâm Hồng Phúc (Gifhorn) 10€. Nguyễn Thị Lệ Hằng (D'orf) 10€. Đỗ Thị Yến (Nürnberg) 10€. Phan Văn Đức (") 10€. Tăng Quốc Hùng (Oberhausen) 10€. Lâm Đức Thăng (Saarbrücken) 20€. Nguyễn Hữu Trí (Wilhelmshaven) 20€. Quách Hữu Thành (HH) 30€. Hong Chương Kim (Löningen) 30€. Phan Hồng Khanh (Uelzen) 20€. Nguyễn Thị Hà (BS) 20€. Ngô Thành Cát (Eppstein) 40€. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 10€. Đặng Thị Kim Thanh (Bielefeld) 10€. Nguyễn Thị Hoài Mỹ (Cloppenburg) 20€. Huỳnh Hoài Phú (") 20€. Nguyễn Thị Bé (HH) 10€. Mạch Thị Ánh Hồng (Arnsberg) 25€. Lê Thị Hiệp (Nordhorn) 20€. Phan Hoàng Diệp (Ellwangen) 20€. Lý Trương Thị Kim Anh (BS) 15€. Phạm Thị Tuyết Hạnh (Münster) 20€. Trịnh Bày (") 20€. Nguyễn Văn Quyền (Landshut) 20€. Phạm Thị Cúc (") 10€. Ngô Văn Phụng (München) 10€. Trần Văn Long (Bayreuth) 20€. Lê Thị Sơn (Suisse) 20€. Mai Văn Cẩm (Aachen) 50US. Trần Thị Yến (Trier) 30€. Huỳnh Then (Köln) 20€. Trần Thiện Châu (Wintzenbüttel) 220€. Môn đồ Pháp thiện chùa Hoa Nghiêm (Pháp) 100€. Thiện Phẩm & Thiện Nhu (Erlangen) 40€. Trần Tú Ngọc (GF) 15€. Liêu Cẩm Phong (Krefeld) 15€. Hàn Ngọc Dung (Iserlohn) 20€. Nguyễn Thị Thanh (Wolfsburg) 5€. Trần Vinh (Marl) 15€. Văn Thị

Bày (Baden-Baden) 15€. Diệp Năng Tài (Fürth) 15€. Mã Văn Tiến Dũng (München) 20€. Fam. Trương (") 20€. Phạm Hồng Liên (Freising) 50€. Huỳnh Thị Tuyết (Wernigerode) 15€. Vũ Thúy Nga (Moosbach) 20€. Trương Thị Phụng (Oberndorf) 20€. Trần Quốc Tiến 20€. Nguyễn Ngọc Châu (Ibbenbüren) 15€. Đinh Minh Tuấn (Reutlingen) 20€. Lê Lan Anh (Neuss) 30€. Đỗ Hữu Nhơn (USA) 50US. Lê Văn Tai (Italy) 100€. Trần Thúy Ngọc (Hannover) 15€. Trương Tấn Bình (Aalen) 10€. Thu Hà (Berlin) 100€. Vũ Văn Nam (Kamen) 25€. Nguyễn Tấn Hoài (Singen) 15€. Lê Minh Dũng (Suisse) 30€. Đỗ Khắc Hùng (") 50FS. Nguyễn Hoàng Lý (Pháp) 10€. Sư Cô Đàm Thăng (") 40€. A. Trần Thị (Hòa Lan) 20€. Hà Chấn Xương (") 30€. Lê Thị Tiến (Coesfeld) 15€. Nguyễn Trọng Thiên 10€. Thích Nữ Trí Phương (Anh quốc) 20Anh kim. Nguyễn Hoàng Hà 20€. Lâm Thị Hà 15€. Huỳnh Thị Kiều Liên 15€. Phạm Thị B. Văn 20€. Trần Thị Hai (Löhne) 10€. Lưu Hùng Phương 20€. Nguyễn Thị Thiệt 20€. Bùi Tấn Quốc (Treis-Karden) 10€. Trần Mao 20€. Nguyễn Bùi Thị Ngọc Nga (Hattstatt) 20€. Nguyễn Văn Sơn (GM.Hütte) 10€. Trần Hoàng Ca (Lehrte) 10€. Huỳnh Viết Thanh (HH) 30€. Ấn danh 10€. Đào Công Cần (D'orf) 30€. Bùi Văn Lan (MD) 10€. Hồ Vương 10€. Nguyễn & Bùng 10€. Lê Hoàng Linh (Berlin) 20€. Trần Văn Ngọc Hannover 10€. Khuu Cẩm Vân (Wiesbaden) 20€. Trần Hoàng Lý (Egelsbach) 10€. Ấn danh 10€. Trần Thị Tú (Lahr) 20€. Nguyễn Hữu Đạt (Bramsche) 10€. Võ Văn Tri (") 10€. Huỳnh Bá Thiên (München) 20€. Dư Thị Ngọc Mai (Úc) 100US. Nguyễn Phước Long (Pháp) 15€. Văn Kim Loan (Hòa Lan) 30€. Nguyễn Hữu Du (") 30€. Cao Văn Tiến (Würzburg) 50€. Trang TH (Canada) 200US. Lê Mai Hoa (Mering) 10€. Hồ Thị Hạnh (Johannstadt) 15€. Phạm Ngọc Trường (Pháp) 10€. Nguyễn Thị Năm (") 10€. Mong Thế Cao (") 20€. Minh Thiện (USA) 30US. Thạch 10€. Hồ Trâm (Hamburg) 100€. Trần Văn Vinh (Cloppenburg) 20€. Trần Trọng Kháng 20€. Nguyễn Hải Yến 10€. Trần Tấn Lộc 30€. Trần Thiện Phước (Wangen) 10€. Nguyễn (Neu-Ulm) 20€. Trương Văn Thiện (Rodgau) 40€. Huỳnh Ích (Berlin) 35€. Tống Đức Hải (Wuppertal) 50€. Cao Thị Thanh Liên (Kronach) 10€. Hoàng Thị Đoàn (München) 20€. Đỗ Thu (Hòa Lan) 30€. Nguyễn Văn Quan (Baesweiler) 5€. Marie Noelle Kunde (Rehburg-Loceum) 15€. Trần Kim Loan (Bechhofen) 10€. Lê Minh Tân (Nürnberg) 15€. Trần Thị Nhơn (Iceland) 20€. Nguyễn Thị Kim (Y) 20€. East Asia Travel (Berlin) 20€. Trần Đức Tân (") 20€. Nguyễn Thanh Quang (") 20€. Tạ Mạnh Hiền 20€. Lê Tâm Huỳnh Ngọc 15€. Huỳnh Kim Thủy 10€. Đặng Tấn Hoàng 150€. Hà Quách (Bi) 20€. Lê Minh Dũng (Suisse) 50€. Lâm Thanh Minh (Berlin) 50€. Bùi Thị Lệ (München) 20€. Giang Du (Pforzheim) 20€. Hoàng Kim Lan (Wilhelmshaven) 10€. Hồ Lan Phương (Germersheim) 15€. -Diệu Thiện (Hamburg) + Nguyễn Thị Hiền 30€.

PHẬT ĐẢN

ĐH. Lâm Hữu (Thụy Điển) 300Kr. Hồng Kỳ Phù (") 200Kr. Trần Đức Phát (GM.Hütte) 30€. Nguyễn Thị Thoại Chung (Pháp) 20€. Nguyễn Thoại Yến (") 20€. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 30€. Triệu Cam Nguyên (Haßloch) 10€. Trương Văn Tinh (Koblenz) 20€. Dương Sang (Helmstedt) 25€. Launes Jacques (Pháp) 20€. Hà Văn Tu (Wesel) 16€. Trần Vinh Cam (Coesfeld) 60€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 10€. Trương Cẩm Minh (Darmstadt) 20€. Tsang (Rietberg) 30€. Bành

Vinh Ái (Rheingönheim) 50€. Bành Chúc Quán (") 100€. Cao Thiện Bửu (Pháp) 20€. GĐĐH Trần Văn Ân (") 20€. Trần Thị Hiền (Köln) 10€. Lê Bích Hà (Bad Berneck) 10€. Vũ Ngọc Đông (Forchtenberg) 10€. Phạm Thị Địch (Bad Berneck) 10€. Hoàng (M'Gladbach) 20€. Chơn Bình & Chơn Trung (Krefeld) 30€. Nguyễn Thị Lê (") 20€. Biện Thị Mai (HH) 30€. Britta Nguyễn 30€. Tôn Thất Đình (Berlin) 20€. Ngô Trung Thu (Essen) 10€. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 50€. Huỳnh Ân (USA) 20US. Nguyễn Thị Phúc Hạnh 10€. Hà Uyên Phạm Thị (Heusenstadt) 10€. Trịnh Văn Hi (Idar-Oberstein) 10€. Đoàn Thị Hồng (Norderney) 10€. Tony Khúc 20€. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20€. Đặng Thị Hậu (BernkastelKeus) 10€. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 20€. Hứa Mỹ Năng (Wilhelmshaven) 20€. Trần Kim Lai (Thụy Điển 300Kr. Alberter Mỹ Linh (Hòa Lan) 20€. Cao Ngọc Lang (BS) 10€. Liang Thăng Thi (Göttingen) 20€. Leoy Seng Choong (") 20€. Xuân Hồng (") 10€. Bùi Thị Siêng (") 10€. Lý Lâm Thúy Phương (Pforzheim) 30€. Ngô Thị Kim Oanh (Wangen) 15€. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20€. Trần Thị Kim Hồng (Augsburg) 50€. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10€. Fam. Grien (HH) 20€. Hồ Tự Đức (Recklinghausen) 10€. Trần Xương (Breitenbach) 20€. Đào Thị Sơn (Reutlingen) 10€. Cindy Le Fuller (USA) 100US. Bùi Thị Sự (Hòa Lan) 25€. Nguyễn Thị Khang (Ý) 10€. Lê Tiến Dũng (Trier) 20€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 20€. Hứa A Tri (Schortens) 30€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 20€. Huỳnh Kim (Syke) 20€. Phái đoàn Chùa Tâm Giác (München) 115€. Nguyễn Hữu Nghĩa 10€. Helène Anthony Đỗ (D'dorf) 40€. Vũ Thị Hiền (Renningen) 10€. Khuu Mỹ Anh (Helmstedt) 50€. Trịnh Khải Hoàn (Kerpen) 10€. Nguyễn Thị Thanh Hằng (Herten) 20€. Nguyễn Thị Tuấn (FF) 20€. Phạm 10€. Thái Hoạch (Bi) 20€. Cao Thị Nền (Pháp) 20€. Nguyễn Thị Hoàng Liên 20€. Mai Ngọc Sáng (Hameln) 35€. Nguyễn Quốc Vinh (Nordhorn) 20€. Diệu Thới (") 5€. Hồ Thị Thanh Đạm (Reutlingen) 20€. Nguyễn Thị Thanh Phương (") 20€. Lê Thị Hồng (Gniebel) 20€. Trần Xuân Hiền (Stuttgart) 20€. Đỗ Kiến Châu (") 60€. Trần Hữu Lượng (Neu Anspach) 50€. Trương Tô Đức (Langen) 15€. Lý Kiến Cường (Saarbrücken) 20€. Trịnh Hi (") 50€. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20€. Võ Văn Ngân (Bremen) 30€. Hồ Đình Tuấn (Nürnberg) 30€. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50€. Dương Xuân Lang (Darmstadt) 25€. Diệu Hạnh (Mülheim) 10€. Hồ Chánh Kỳ (HH) 20€. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 10€. Nguyễn Tử (Neu Anspach) 50€. Nguyễn Văn Vân (Köln) 10€. Huệ Lộc (Pháp) 50€ & Huệ Tường (") 25€. HHLH ĐH Huệ Đức + Huệ Quối + TN Linh Ngọc. Huệ Kiệt & An Dũng + Thiện Bảo (Kassel) 75€. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 25€. Lê Văn Thanh (Bi) 10€. Ô. Mẫn (") 25€. Võ Hồ Nhân (") 25€. Kỳ Chí Trung (Berlin) 20€. Ngụy Nhựt Thủ (Hannover) 20€. Ngô Thị Khi (München) 25€. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beuthem) 30€. Hoàng Minh Tuấn (") 30€. Nguyễn Thị Hạnh (BS) 150€. Trần Thị Kim Lê (Berlin) 30€. Huỳnh Quang Đàng (") 10€. Huỳnh Quang Tùng (") 10€. Trác Hy Đề (Suisse) 20€. Trần Văn Long (") 50€. Huỳnh Văn Hoàng (") 20€. Nguyễn Nhi Linh (") 40€. Trần Văn Oanh (") 10€. Lưu Thanh Thảo (Nürnberg) 20€. Phạm Thúy Vy (Regensburg) 10€. Huỳnh Văn Quang (Na Uy) 10€. Nguyễn Thị Thu (USA) 10€. Trần Diêu (Hanau) 20€. Lâm Chí Cường (Landsbeck) 20€. Fam. Thang (Langenhagen) 10€. Mai Thị Vân (Magdeburg) 10€. Nguyễn Ngọc Ánh (Hòa Lan) 20€. Fam. Graune (Rodenberg) 50€. Mỹ Ly 20€. Diệu Cần (Hannover) 30€. Nguyễn Thị Bích Ngọc (USA) 100US. Vũ Thị Kim Toàn (München) 20€. Cam

Bào Sơn (") 20€. Phạm Thị H. Tuyết (Berlin) 10€. Trần Thị Thu Quỳnh (Frechen) 10€. Tác Duyên (Pháp) 20€. Ân danh 5€. Lê Thị Tâm (Nürnberg) 5€. Nguyễn Thị Thế (Münster) 20€. Đỗ Thị Đẹp (") 20€. Nguyễn Thị Anh (") 20€. Đàm Khánh Hỷ (Koblenz) 10€. Hồ Kim Lan (Rosendahl) 50€. Phạm Lan Anh (Wuppertal) 20€. Lâm Thị Lớn (Haren) 10€. Trương Đình Khiêm (") 10€. Lê Hoa To (GM.Hütte) 50€. Huỳnh Hồng Nhung (HH) 20€. Lương Diệu Ba (Eutin) 10€. Aphiwantrekul (Malente) 5€. Trần Choi (Mendig) 20€. Trần Tuyết Hoa (Bad Iburg) 10€. Phạm Muội (") 20€. Nguyễn Văn Minh (Leverkusen) 20€. Điền Kim Thoa (") 10€. Hương (Wallenhorst) 10€. Hoàng Thu Vân (") 10€. Trần Hữu Nghĩa (Wuppertal) 5€. Trần Hữu Thắng (") 5€. Hứa Mỹ Loan (Koblenz) 5€. Chu Thị Thuần (Paderborn) 20€. Tô Văn Đoàn (") 10€. Tăng Quốc Hùng (Oberhausen) 10€. Nguyễn Phương Lan (Bielefeld) 20€. Hoàng Xuân Hùng (Giengen) 10€. Lâm Đức Trung (Saarbrücken) 20€. Lý Triệu Phương (") 20€. Quách Hữu Thành (HH) 20€. Dương Đức Tài (Köln) 10€. Leander Herrmann (D'dorf) 50€. Louisa Herrmann (") 50€. Vin (Münster) 10€. Hong Chương Kim (Löningen) 50€. Hồng Phát Mùi (") 20€. Phan Văn Hòa (BS) 10€. Trần Chương Phú (") 20€. Nguyễn Hữu Tài (Erlangen) 20€. Phan Văn Hạ (Köln) 20€. Trần Thị Mai (") 20€. Lê Thị T. Hương (Mainz) 10€. Hà Mai Hương (Berlin) 50€. Võ Lan (Mettmann) 20€. Hứa Mỹ Hiền (D'dorf) 20€. Võ Lê Vy Ny (Krefeld) 10€. Trần Văn Huy (HH) 10€. Nguyễn Thị Hơi (Hannover) 10€. Bruns, Erwin (Hildesheim) 20€. Nguyễn Thị Thúy Nhà (Hòa Lan) 20€. Bùi Thành Thân (") 12€. Hoàng Thị Phong (") 13€. Phùng Duy Thành (") 10€. Nguyễn Trung (") 10€. Phạm Thị T. Hồng (Berggladbach) 10€. Hứa Thị Tâm (Bad Oldesloe) 10€. Phạm Thị K. Hương (Beckheim) 10€. Quách Huỳnh Mai (Filderstadt) 20€. Phan Nhung (Nordenstedt) 20€. Ngụy Thị Diệu Hiền (Göttingen) 20€. Trần Thị Kim Ngọc (Việt Nam) 20€. Lê Thị Hiệp (Nordhorn) 20€. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 20€. Trần Hữu Lê (Suisse) 100FS. Lâm Thị Tuyết Anh (Ofterdingen) 10€. Phan Thị Nga (D'dorf) 5€. Thuận (") 5€. Hồng Nam (Norden) 20€. Trần Đình Hy (Laer) 20€. Nguyễn Quỳnh (Münster) 20€. Dương Thị Vân (Emwigertoch) 20€. Nguyễn Văn Quyền (Landshut) 20€. Nguyễn Thành Đức (") 10€. Nguyễn Thị Mỹ Dung (") 10€. Nguyễn Thị Mỹ Phương (") 10€. Ngô Văn Phụng (München) 20€. Trần Văn Long (Bayreuth) 20€. Bùi Thị Duyên (Suisse) 20€. Gđ. Lê (") 30€. Huỳnh Tất Lộc (") 5€. Huỳnh Quang Minh (") 5€. Lê Đàm (") 50FS. Mai Văn Cẩm (Aachen) 50US. Đình Minh (Hildesheim) 10€. Nguyễn Thị Cơn (Essen) 20€. Ly Ying Cai (München) 10€. Nguyễn Hữu Dung (Dortmund) 10€. Tăng Kim Lang (Berlin) 10€. Trịnh Thị Thu Hằng (Husum) 10€. Huỳnh Then (Köln) 20€. Huỳnh Ngọc Thảo (") 10€. Huỳnh Diệp Trung (") 10€. Huỳnh Bích Ngọc & Nguyễn Sơn Việt (") 5€. Trần Thị Ngọc Trinh (Wuppertal) 10€. Võ Thị Tâm (") 40€. Lê Hồng Sơn 20€. Phạm Quế Hưng 20€. Hoàng Tuấn (Norderstedt) 10€. Hoàng Thị Tài (Wilhelmshaven) 20€. Trần Minh Hùng (Bodenwerden) 20€. Tư Kiên & Mỹ Dung (Detmold) 20€. Đặng Ngọc Thành (MD) 20€. Le Bodewai 10€. Huynh 20€. Nguyễn Thị Nhu (WR) 10€. Kha Tiên (Bremen) 30€. Nguyễn Ngọc An (HH) 50€. Bùi Văn Lập 50€. Phan Chánh Hoàng (Hòa Lan) 10€. Võ Duy Mỹ Nga (BS) 10€. Nguyễn Mỹ Hoa (Goslar) 10€. Vũ Thị Hằng 2€. Lý Khắc Châu (Leipzig) 50€. Gđ. Huân (HH) 15€. Phan Thy Thy 10€. Vũ Duy Thanh (Stolberg) 20€. Lâm Thuận Hi 20€. Trần Thị Ngọc Trinh (Wuppertal) 10€. Đỗ Huy Quy (Wolfsburg) 10€. Đình Thị Hà 10€. Hoàng Thị Tân (Garbsen) 10€. Phan Tùng Vinh (Aurich)

10€. Nguyễn Đức Kính (MD) 50€. Phan Thị Bình (") 10€. Nguyễn Thị Dung (") 20€. Trần Kiệt (Lüneburg) 25€. Huỳnh Thị Tuyết 5€. Phạm Quang Khải (Rotenberg) 5€. Lâm Thị Nhi Diệu (Aurich) 15€. Nguyễn Ngọc Tâm (Leipzig) 37€. Tang Kai Ming (Wedemark) 50€. Hồ Thị Diin 5€. Nguyễn Xuân Cảnh (Messeburg) 10€. Phan Thị B. Ngọc (Burgwedel) 10€. Lê Thị Kim Oanh (Hildesheim) 20€. Nguyễn Thị Lưu 5€. Nguyễn Lan Hương (Burgdorf) 10€. Huỳnh Thị Hôn 10€. Nguyễn Thị Mai Liên 10€. Lê Công Viên Wernigerode 50€. Chiên Cang Do 10€. Trần Thị Thu Thời (Osterode) 20€. Diệp Năng Tài (Fürth) 50€. Trần Thị Sinh (Đan Mạch) 5€. Hà Hưng Kiệt (Berlin) 10€. Đỗ Thu Hằng (") 20€. Trần Văn Trung & Anh 10€. Nguyễn Thanh Nhân (Wilhelmshaven) 5€. Liên Tuyết Hoa (Krefeld) 10€. Phan Văn Đức 10€. Thanh Thủy (Leipzig) 50€. Ngô Văn Thuận (München) 10€. Phạm Thị P. Thảo (Hòa Lan) 20€. Fam. Hai & Liên (Lüneburg) 10€. Hàn Ngọc Dung (Iserlohn) 30€. Phạm Nguyễn (Unna) 20€. Giang Hí 10€. Vũ Thị Kim Dung (Leipzig) 20€. Vũ Anh Dũng (Heiligenstadt) 10€. Chúc Hạnh (Mannheim) 5€. Nguyễn Quang Khải (Berlin) 25€. Kevin Nguyen 20€. Trần Quang Khánh (HH) 10€. Hương Dũng (") 20€. Nguyễn Thị H. Huệ & M. Thom (Neuss) 20€. Trần Anh Tuấn (Oldenburg) 20€. Hàng Ngọc Hoa 20€. Vũ Thị Hạnh 0,40€. Đình Quang Toàn 2,16€. Trình Thanh 10€. Dương Thái Dũ (Erbach) 20€. Lê Văn Dũng 10€. Vinh 20€. Giao 20€. Trình Thị Thu Hằng 10€. Đoàn Tường Khánh 20€. Trí Liên 20€. Ngô Giàu (Berlin) 50€. Lê Michel (Pháp) 25€. Huỳnh Thanh Thuýết (HH) 20€. Nguyễn Xuân Phong (Osnabrück) 4,50€. Trần Thị Hồng (Machen) 5€. Bonheige Thu Anh 10€. Ngô Phương Danh 10€. Ngô Văn Thấu (Mannheim) 20€. Võ Thị Thu 20€. Định Khắc Nguyễn (Berlin) 10€. Ngô Thị Thịnh 10€. Bùi Thiện Sơn (Parsau) 20€. Đặng Văn Uy (Elsenfeld) 20€. Nguyễn Thị Thủy Linh (Herten) 20€. Lê Yên Tô (Bremen) 5€. Vũ Văn Kiến 10€. Trịnh Phúc Minh (Dessau) 60€. Lâm Đồng Khánh (Gütersloh) 30€. Lâm Thanh Tùng (Birkenfeld) 50€. Đặng Thủy Liên (HH) 10€. Phạm Hồng Thành 10€. Tô Dũng Đế 50€. Đặng Hoàng Kiến (Heusenstamm) 30€. Lan Phương Delarber (Wolfsburg) 10€. Phạm Thị T. Thúy (Dortmund) 2€. Nguyễn Văn Phúc (") 50€. Nguyễn Văn Đông (Bamberg) 10€. Bùi Văn Cương 10€. Đặng Văn Hòa 20€. Đặng Thị Xuân Hương (München) 10€. Tăng Bích Thường (Münster) 30€. Lý Ngọc Hạnh (") 20€. Lê Ngọc Báu 20€. Đình Văn Hiền 10€. Phạm Thị Liên (Herzberg) 20€. Phú Phúc Phương (Egelsbach) 20€. Huỳnh Kim Nghi (Suisse) 20€. Nguyễn Thị T. Hương (Hannover) 5€. Mai Bá Phước & Minh Tâm & Thành Chí (") 10€. Nguyễn Đức Thắng (") 5€. Võ Thị Trung Thu 20€. Nguyễn Thanh Bình 20€. Thái Thuận Dũng 10€. Nguyễn Thị Thanh (Bergen) 5€. Nguyễn Văn Kiên 20€. Nga & Trường 50€. Robert Arthur Sändig 50€. Ngô Quế Châu (Dachau) 50€. Dương Thanh Hải 15€. Vũ Thái Hiệp 10€. Võ Thu Hà (MD) 30€. Triệu Thị Chúc 10€. Nguyễn Thị Phúc 10€. Nguyễn Thúy Vinh 20€. Vũ Bắc Thắng 20€. Nguyễn Xuân Thao (Lüneburg) 20€. Nguyễn Minh Phương (Wolfsburg) 20€. Vũ Thị Lộc (Halle) 20€. Lâm Văn Bé (Maintal) 30€. Ân danh 20€. Lê Bích Hồng 20€. Phan Thị Kim Anh (Trier) 20€. Nguyễn Thị Lan (Essen) 10€. Đỗ Thu Hà 10€. Tạ Thanh Bình 15€. Tiêu Bửu Lộc (Berlin) 10€. Nguyễn Trần (Bielefeld) 10€. Lê Văn Phong 10€. Choi Vinh Hoi 10€. Ong Huệ Khanh 10€. Lê Anh Tuấn 20€. Trần Văn Mùi & Nam (MD) 20€. Lê Đình Hiệp (Isernhagen) 20€. Đồng Huệ Như & Trương (Chùa Phật Huệ) 15€. Đình Diệu Thu 10€. Thiện Dũng (Đan Mạch) 10€. Kim Thanh Lê (PB) 10€. Gđ. Nguyễn

(Neusadt) 20€. Trương Bích Nga () 10€. Lê Thanh Hà & Hiền (Leipzig) 5€. Trần Thanh Hải 10€. Thế Quang 100€. Nguyễn Thị Kim Nhung (Hildesheim) 20€. Nguyễn Văn Thắng 10€. Trịnh Tô Điểm (Burgdorf) 5€. Hoàng Thị Thuận (Celle) 20€. Trương Đình Hai & Trang (") 10€. Nguyễn Thị N. Phương (D'dorf) 20€. Nguyễn Văn Ngân 20€. Ma Tin (München) 20€. Ma Phương Thanh (") 20€. Florian Gungor (Salzbergen) 10€. Lê Thị Tuyết 5€. Huỳnh Phú Đạt (Leipzig) 5€. Đoàn Thanh Bình 5€. Nguyễn Thị Oanh (Wernigerode) 15€. Ngô Thị Ngọc Xuân (Buchholz) 10€. Huỳnh Văn Tuấn 10€. Nguyễn Thị Đức 5€. Lê Thị M. Thủy (Stuttgart) 20€. Phan Thị Bình (MD) 10€. Đào Thị T. Hiền (Berlin) 30€. Quách Thu Thảo 10€. Nguyễn Thị Nguyệt (Vechta) 10€. Nguyễn Đức Tiến (") 10€. Vũ Hoàng Phong 10€. Phạm Quang 25€. Trần Văn Hoàn 15€. Nguyễn An Khoa 20€. Thái & Hiền (Landshut) 5€. Trần Thị Lê 10€. Nguyễn Văn Chuyên 20€. Nguyễn Hoàng Việt (Paderborn) 20€. Quách Nguyễn (USA) 50€. Trịnh Đức Thường (BS) 20€. Nguyễn Thanh (Kassel) 10€. Nguyễn Hương Giang 10€. Lê Viết Hải (Moringen) 10€. Đào Đình Thiêng (Oldenburg) 10€. Cao Thị Chi (Italy) 50€. Trần Văn Chuyên 20€. Nguyễn Thị T. Phương 20€. Đỗ T. Tuấn 5€. Lê Ngọc Chất 20€. Phạm Thị Trương 10€. Nguyễn Thị Diệu (Aurich) 10€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 20€. Nguyễn Quỳnh Trang 1€. Đỗ Thị K. Hưng 15€. Ngô Văn Cẩn (Wiesbaden) 5€. Trần Thái Thanh (") 5€. Đặng Ngọc Đức (Herne) 10€. Ngụy, Hua (Oldenburg) 10€. Dương Văn Út (Bad Beuthem) 25€. Lý Đình Mai 30€. Ngô Thị M. Hiền 1€. Nguyễn Thị T. Thủy 50€. Nhà (Vechta) 10€. Fam. Nguyễn (Hildesheim) 10€. Hà Thị Mai Oanh 10€. Phạm Thị Trúc (HH) 15€. Lý Ất (Sevetal) 20€. Lâm Chánh Văn (") 5€. Khúc Thị Kỳ (Krefeld) 80€. Lê Thanh Bình 20€. Fam. Nguyễn (Garbsen) 10€. Lê Mạch Hiền (") 10€. Fam. Triệu Hoàng Sa 20€. Trương Thị Hương (Geilenkirchen) 100€. Esslinger Huy My 10€. Mã Thị Thủy (Lehrte) 20€. Nguyễn Thị Đạt (Hannover) 10€. Nguyễn Thủy Ngân (") 5€. Huỳnh Ngọc Hà (D'dorf) 10€. Bùi Thị Cang (Lippstadt) 100€. Nguyễn Thị Hà (Norderstedt) 20€. Phạm Bùi (Achim) 10€. Nguyễn Thị Hạnh (Burgdorf) 5€. Lê Thị K. Cương (Erlangen) 20€. Đinh Quang (") 5€. Nguyễn Ngọc Vũ (Peine) 5€. Adina Nguyễn 5€. Fam. Nguyễn (Rotenburg) 10€. Nguyễn Thị H. Hạnh (HH) 10€. Nguyễn Thị Nhị (Göttingen) 20€. Đào Văn Tân (") 30€. Lâm Thị Lệ (BS) 10€. Phan Thị Bích Thủy 10€. Nguyễn Thị Hoa (Rheine) 20€. Trịnh Thị Thiện 20€. Đoàn Văn Hiếu 10€. Đặng Thanh Hương (WF) 10€. Low Kee Kong 50€. Lê Thị Hải Yến 10€. Trần Văn Hải (Lehrte) 10€. Bùi Thị Tâm (Sögel) 10€. Lý + Thảo + Việt (MD) 20€. Lê Quang Thịnh (Laatzten) 10€. Fam. Quan 10€. Đoàn Thoại Uyên 5€. Fam. Đào (HH) 20€. Trần Đình Toàn (Alfeld) 10€. Trịnh Thị Mai (Norden) 10€. Nguyễn Tuyết Minh (Misseburg) 50€. Tinh Nowak 5€. Chin Kee Liam 20€. Choong Kim Voon (BS) 5€. Trần Duyệt Khanh (Hannover) 20€. Nguyễn Thị Thu & Tú (") 10€. Lê Thị Bích Lan (") 40€. Nguyễn Đình Thăng (Lehrte) 10€. Trương Bích Hậu (") 20€. Đặng Gia Than (Wuppertal) 10€. Phan Minh Chính (Cuxhaven) 10€. Quan Long Thành (Königsutter) 50€. Nguyễn Trọng Công 10€. Nguyễn Thị Hà 5€. Nguyễn Thanh Văn (Delmenhorst) 10€. Nguyễn Thị Hồng 20€. Tô Duy Bình 10€. Huỳnh Thị Bạch 10€. Trịnh Hồng Xuân (HH) 20€. Nguyễn Minh Đăng (") 10€. Vũ Thị Thủy (Mayen) 20€. Nguyễn Thị Xuân Thu (") 10€. Trần Văn Chung 10€. Lai Thị Hiệu 10€. Nguyễn Văn Đông (Seelze) 5€. Phạm Ngọc Liêm 50€. Trần Văn Chính 10€. Trần Đăng Minh (Clausthal) 15€. Lương Bích Huyền 10€. Đặng Thị Kim Vân (Vechta) 15€.

Nguyễn Quang Đông 10€. Phan Phương Xuân 15€. Nguyễn Mạnh Nghĩa 30€. Phan Thị Huệ (Leipzig) 40€. Nguyễn Ngọc Linh 10€. Nguyễn Tiến Đức (MD) 5€. Nguyễn Việt Đức 10€. Fam. Đỗ Công Vinh (BS) 150€. Trần Thế Ngưu (WHV) 20€. Nguyễn Tài (") 30€. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10€. Phạm Thanh Bình 5€. Cao T. Thuần 5€. Thiều Thị T. Nga 5€. Đoàn Cửu Long 5€. Quách Tố Phương 5€. Dương Đình Tuấn 10€. Hoàng T. Yến 5€. Fam. Lâm (HH) 20€. Thâm Chu Hải Thanh 40€. Nina 10€. Nguyễn Hoàng Hiếu (Osnabrück) 50€. Đỗ Thị H. Lan 10€. Hạnh Y 20€. Liêu Quang (GM.Hütte) 30€. Trần Thị Hoa (Hannover) 10€. Trần Văn Năng (") 10€. Nguyễn Phương Hoa 10€. Đỗ Thị An Huệ (Hameln) 10€. T. T. Yến 20€. Đào Thị Phú 10€. Nguyễn T. Sương 5€. Hàn Thi (BS) 50€. Nguyễn Thị T. Ngân 5€. Thủy Tuấn 5€. Ngô Thanh Thủy 10€. Hứa Thiên Thanh (D'dorf) 10€. Tào Thị Huệ (") 20€. Đinh Thị Toan Anthony (") 25€. Ngô Gia Hoa 5€. Anton Ly (Vechta) 20€. T. Phi Long 20€. Nguyễn Thị T. Hồng (Nordhorn) 5€. Dương Thị M. Phương (Bielefeld) 10€. Bu Gieng - Chia Way 20€. Đoàn Văn Tân (Vlothe) 10€. Trương Thị Diệu Linh (Salzbergen) 20€. Nghiêm Xuân Hương 20€. Nguyễn Thị Thái Bình 20€. Nguyễn Thị Vân 5€. Hoàng Trung Thông 5€. Nguyễn Hữu K. Ngọc 20€. T.T.V. Vinh 10€. Nguyễn Thị Thủy (Emden) 10€. Hồ Hưng (") 20€. Dương Viết Long (Schrozberg) 30€. Hoàng Văn Hải 10€. Nguyễn Thị Bình (Arnstadt) 20€. Sang Ming 30€. Phương (GE) 5€. Tu, Vu Ngan (Lüneburg) 20€. Nguyễn Thị Kim Liên 50€. Ruan Thai (Nürnberg) 20€. Nguyễn Ngọc Minh (Berlin) 20€. Trần Minh (") 20. Nguyễn Hồng An (Emden) 10€. Nguyễn Kim Thanh 50€. Pan Văn Phát (MG) 20€. Lê Tuấn 5€. Hứa Huy Hoàng 5€. Phạm Thị Mai (Göttingen) 10€. Giang Ich Tuyền (Geilenkirchen) 20€. Nguyễn Thị K. Yến 10€. Nga & Thai (Lingen) 10€. Nguyễn Thị K. Giang 20€. Nguyễn Thị Hải (Oldendorf) 20€. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 5€. Đào Văn Lợi 10€. Lê Hải Yến 5€. Lương Mẫn Long (Oldenburg) 5€. Nguyễn Thị Gian Mường 5€. Poth Lâm Thị Lan (Koblenz) 20€. Nguyễn Thị Tân 10€. Tống Văn Trung (Boppard) 20€. Nguyễn Ngọc Phai 5€. Phạm Thị Minh (MD) 10€. Nguyễn Ngọc Đan (Minden) 60€. Nguyễn Xuân Tun (Celle) 10€. Vũ Thị Nga 5€. Nguyễn Thị Oi & Yến 20€. Lê Thị Lan (Hannover) 20€. Nguyễn Thị (D'dorf) 20€. Trần Thị Yến (MD) 10€. Nguyễn Thị Hoan (Aachen) 20€. Lạc 5€. Phạm Thị T. Hiền 10€. Nguyễn Công Phú (Aurich) 15€. Võ Thành Trung (Trier) 5€. Nguyễn Thị Vinh (HH) 10€. Phi Lan Hương (Erlangen) 5€. Nguyễn Hữu Mão 10€. Nguyễn Mạnh Hùng 10€. Vũ Trọng Nguyễn (Cloppenburg) 10€. Nguyễn Tuấn Kiệt 10€. Phùng Ngọc Tuấn 10€. Nguyễn Văn Đạt (Göttingen) 20€. Đặng Thị Liên 10€. Dương Sang (Helmstedt) 10€. Huỳnh Tú Dung (") 25€. Lê Văn Thuần 20€. Đặng Thị Kim Hoa 10€. Nguyễn Thị B. Nga 2€. Trần Thanh Mai 5€. Nguyễn Hoàng Minh 20€. Chiêu Văn Mười (Berlin) 20€. Phạm Lương Khanh (Neuss) 30€. Trương Thanh Đức (Unna) 10€. Lưu Hương 20€. Phạm Lê Thu 20€. Nguyễn Thị T. Tâm (Melbec) 20€. Nguyễn Ánh Tuyết 5€. Phạm Thị T. Hà 20€. Đỗ Bằng Si (Hannover) 10€. Dương Trường Bàn 20€. Võ Thị Hồng 10€. Hà Thị Minh Thu (Pforzheim) 20€. Nguyễn Hoàng Lân 5€. Đặng Thu Thủy 10€. Nguyễn Hồng Phong (Bremen) 10€. Chong Yoon Kim 10€. Lê Thanh Tâm 10€. Dương Chánh Quan (Cloppenburg) 20€. Trần Bích Thuận 5€. Lâm Thúy Hồng (Hameln) 20€. Vũ Thị Lan Anh 5€. Nguyễn Cao Toàn 10€. T. Chí Thành 20€. Nguyễn Văn Nhiệm (Garbsen) 10€. Thảo Trường (Salzbergen) 20€. A. Trần Thị (Hòa Lan) 10€. Nguyễn Văn Ly 10€. Fam. Đặng 40€. Nguyễn Tấn Phát (HH) 20€. Nguyễn T.

Quang 10€. Võ Thị N. Thanh 20€. Nguyễn Thị K. Thanh 10€. Giang Bá Lâm (Kappeln) 50€. Trần Văn Thời (Gerabronn) 20€. Đặng & Khanh Tony 20€. Chi + Wolfgang K. Nguyen 20€. Ngô Mỹ Châu 20€. Công Phú & Mỹ Dung 20€. Nguyễn Thu Hằng (Hamm) 10€. Nguyễn Ngọc Nghĩa 5€. Đặng Anh Tuấn 5€. Phu & Dung 10€. Mai Huy Hà 5€. Trịnh Minh Thắng 10€. Phạm Thị Minh 10€. Âu & Trinh (Vechta) 10€. Nguyễn Thanh Hưng (Burg) 5€. Dũng Lý (Hòa Lan) 5€. Đào Nam & Thiên Tân 20€. Đặng Khai Tám 10€. Đoàn Mạnh Thắng 10€. Hồ Xuân Ngô (D'dorf) 15€. Nguyễn Văn Hên 10€. Nguyễn Thế Minh (Bremen) 10€. Đỗ Thị Bình 10€. Bé Thanh Hà (Erlangen) 10€. Vũ Thanh Tùng (Gronau) 40€. Trần Thị Anh 5€. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh 20€. Nguyễn Thị T. Nga (Stuttgart) 30€. Trần Thị Thế 20€. Hà Hữu Phước (Lahr) 50€. Thu Hiền Wittkowski 5€. Trần Thị Ngọc 5€. Nông Văn Đống 10€. Nguyễn Thị Hón 20€. Lê Quang Tân 10€. Trần Thị Lan (Adendorf) 15€. Đặng Tú Bình (Paderborn) 25€. Nguyễn Thị Hậu 5€. Nguyễn Thị Thủy Quỳnh & Hưng 30€. Nguyễn Hữu Hương (Troisdorf) 20€. Đỗ Đình Công (Hameln) 10€. Trần Quang Cường 20€. Đoàn Thanh Bình 20€. Nguyễn Thị Tâm 10€. Nguyễn Thị Hai (Lu/Rh.) 20€. Nguyễn Thị B. Huyền (") 20€. Nguyễn Công Trí (MD) 10€. Nguyễn Thị K. Oanh 10€. Huỳnh Hồng Nga (Berlin) 20€. Phan Thị Minh 10€. Hồ Thị T. Thủy 10€. Craven Thị Thơ 20€. Zeuz Bích Hào (München) 50€. Dương Thị Oanh (") 100US + 50€. Phan Thị Hiền 5€. Nguyễn Xuân Phú 20€. Vũ Văn Khiên (Herne) 20€. Bùi Thủy Bầy 20€. Trần Anh Dũng (Osnabrück) 20€. Nguyễn Văn Lục 10€. Phạm Hồng Thủy (Berlin) 30€. Trần Quốc Khánh 20€. Thục 10€. Huỳnh Hiếu 20€, HHHH Trần Thị Ba. Nguyễn Thị Thiết (Herborn) 50€. Lưu Hùng Phương (") 50€. Lưu Thị Kim Oanh (") 50€. Trương Vinh Khương (Münster) 60€. Wong Yen Yen 20€. Lê Thị Tuyết (MD) 5€. Đỗ Thị B. Nga 5€. Phạm Cao Phong 20€. Phạm Thị K. Dung 10€. Nguyễn Xuân Dung 10€. Nguyễn Thị Tâm (Salzgitter) 20€. Lê Thị La 30€. Trần Việt Hùng (Melle) 20€. Tất Ngọc 20€. Phạm Thị Thuận (MD) 10€. Lê Thị Thủy (Bad Hönningen) 20€. Jevoen Van Kempen (WHV) 5€. Đỗ Thị Phương 10€. Trần Hồng Ngọc 20€. Hoàng Xuân Hùng 10€. Hà Thị Chi (Mülheim) 10€. Hoàng Thị Niêm 10€. Đỗ Thị K. Dung 10€. Lầy Văn Pong 30€. Nguyễn Thị Quỳnh Mai 10€. Trần Thị Thanh Huyền 10€. Trần Quốc Khanh 10€. Trần Thị Hương 20€. Quách Chi 50€. Vũ Thị Thu Huyền 10€. Tô Thị Sen (Bad Hönningen) 10€. Vũ Thị Thời 5€. Nguyễn Thị Liễu 10€. Nguyễn Thị Tâm (Gelsenkirchen) 10€. Lereo Phương Lan 5€. Yuxiu Guam 5€. Lý Kim Phương (Münster) 20€. Trịnh Văn Minh (Rheine) 20€. Phan Thị T. Phương (Troisdorf) 15€. Võ Yên Nguyệt (Köln) 15€. Le Seidel Thị Kim Oanh (Nbg) 10€, HHHH Werner Seidel. Vũ Thị T. Hà (Ahlhorn) 20€. Lê Thị Vân 30€. Ngô Xuân 10€. Nguyễn Văn Nghĩa (Leipzig) 5€. Trần Thị Hai (Löhne) 10€. Lưu Hùng Phương 30€. Nguyễn Thị Thiết 30€. Phạm Thị Hoa 25€. Quảng Lương (HH) 20€. Nguyễn Minh Châu (Nordhorn) 10€. Nguyễn Kim Hiệp 10€. Nguyễn Ngọc Mai (Leipzig) 20€. Trần Nhựt Quang 10€. Nguyễn Thị Thanh (Koblenz) 10€. Hồ Anh Tuấn (Aue) 10€. Trương Thị Dung 10€. Lưu Thị Quân (Unna) 5€. Nguyễn Thị Hoa (Hannover) 5€. Trần Tô Hào (München) 50€. Trần Thị Tâm 10€. Tô Hòa Giao Nguyễn Văn 50€. Bernd Greiff 10€. Châu Chương (Karlsruhe) 20€. Lê Chi Thang (Garbsen) 10€. Nguyễn Thị Khanh 20€. Phương Zöllner (Lünen) 20€. Vũ Phong 5€. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 50€. Thu Thị Lê Hằng 10€. Trần Ngọc Hanh 5€. Bùi Duy Nam 10€. Đinh Ngọc Hải (Stuttgart) 10€. Lê Thị Hồng (Erbach) 15€. Kenny Le (Lübbecke)

50€. Nguyễn Thị Ngân 50€. Hoàng Thị K. Cúc 5€. Fam. Mac + Lo + Lim 20€. Mac Lê Tịnh 5€. Minh Huê Bekker (Kamen) 70€. Cao Văn Phương 20€. Phan Đăng Dũng 5€. Đặng Thị K. Nhan 20€. Trần Phước An 10€. Trần Xuân Thủy 20€. Đỗ Viết Dũng & Tuấn & Yến (München) 50€. Nguyễn Thị Dương 20€. Trần Thị Hằng 20€. Trần Thị Yến 20€. Đỗ Thị Thu Hoài 5€. Ngô Như Nga 5€. Phan Thị H. Nga 10€. Quách Thị Thanh 5€. Trần Thị Liên (Essen) 50€. Tài Thắm (Wiesbaden) 20€. Trần Thị Thủy (*) 20€. China 10€. Hồ Thị Phải (D'dorf) 10€. Đỗ Lệ Uyên 20€. Đỗ Lệ Hoa 20€. Giang Lệ Huyền 20€. Nguyễn Thị Thủy 15€. Bùi Việt Hồng (HH) 10€. Vũ Trung Hưng 10€. Đinh Việt Hùng 5€. Nguyễn Văn Vũ 30€. Trần Thị X. Lan (Hòa Lan) 20€. Mai & Hương 20€. Nguyễn Hữu Hạnh (Uelzen) 20€. Huỳnh Thị Hoa 5€. Ngô Quý Dương 10€. Nguyễn Trung Tín (München) 15€. Nguyễn Thị Leo (Ái Nhĩ Lan) 20€. Nguyễn Thị Hà 5€. Nguyễn Huy Văn 30€. Đỗ Thái Hà 10€. Tô Thị Duyên (Rostock) 5€. Hồ Thị Liên (D'dorf) 10€. Lê Anh Sơn 20€. Nguyễn Thị Hoa (Vechta) 10€. Đặng Ngọc Các (Köln) 10€. Võ Thị K. Oanh 10€. Mai Thị Tuyền (Münster) 5€. Trần Lệ Thu 5€. Tống Thị Nam 50€. Lê Thị N. Phương 50€. Hoàng Trọng Hải (Aurich) 10€. Đặng Tuấn Anh 20€. Hàn Ngọc Hà Chi (Garbsen) 10€. Nguyễn Văn Mẫn 20€. Bùi Thị Thiệt (Jaderberg) 20€. Bùi Thị Yến 5€. Trần Thanh Huyền 25€. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 20€. Thanh Bình 5€. Nguyễn Đức Hoan & Phương 30€. Đặng Thị Hoa 5€. Hòa Thị Tran Pahlke (Vechta) 10€. Diệp Huê Trang & Nguyễn Đức Hào 100€. Nguyễn Thu Hà 10€. Trịnh Thị Phải (Koblentz) 20€. Mai Huy Hà 20€. Đào Thị Kim Oanh 5€. Lê Thúy Diệp 15€. Trịnh Minh Thắng 10€. Đinh Việt Hải 5€. Lý Cẩm Liên (BS) 20€. Cao Thị Thuý 5€. Kim Chi Chúc 20€. Đoàn & Mai (Garbsen) 5€. Phan Thị H. Vinh (Burgdorf) 10€. Hà Chung Phi 5€. Becker 10€. Lâm Nguyễn Dung Hoa 20€. Giang Thế Phụng & N. Trần 40€. Trương Tư 20€. Ngô Thị Hải (HH) 30€. Nguyễn Thị T. Thủy 5€. Nguyễn Thị Hoa (Konz) 10€. Trịnh Thái Thuận (D'dorf) 30€. Trần Đức Thái 5€. Hoàng Khap (Lüchow) 10€. Nguyễn Thị Bê (Köln) 20€. Liêu Thị Thà 10€. Lê Thị Thược 20€. Nguyễn 20€. Lê Oanh (Münster) 10€. Nguyễn Ngọc Mẫn (Recklinghausen) 120€. Nguyễn Thị Thanh (Koblentz) 20€. Lương Quang Được 20€. Nguyễn Ngọc Phương 50€. Nguyễn Minh Tuấn (Hannover) 10€. Vũ Quỳnh Hoa 10€. Nguyễn Thị Ngọc (Schrozberg) 10€. Trần Việt Toàn (Spelle) 10€. Trần Thị Dung (Steinfurt) 20€. Lâm Quỳnh Hoa 5€. Nguyễn Thị K. Oanh 20€. Vũ Đức Van 20€. Bùi Thị T. Mai 20€. Trần Thanh Pháp 20€. Võ Thị Khuyên 20€. Hoàng Khuê Trung (HH) 10€. Lưu Thị Lan Anh (Nbg) 10€. Trương Tuy Thanh 20€. Bùi Thị Hiền 10€. Nguyễn Thị Quý 50€. Lê Văn Tiến (Leipzig) 10€. Tôn Chung Kiệt 10€. Nguyễn Văn Chắc (Recklinghausen) 10€. Vũ Văn Hoa 10€. Nguyễn Thị Lợi (Hannover) 30€. Chiêm Thị Hiền 50€. Trần Ngọc Anh 40€. Trần Văn Thanh 20€. Trần Ngọc Dung 50€. Trần Anh Dũng (Lüneburg) 10€. Nguyễn Thị T. Hương (Emden) 5€. Nguyễn Văn Kỳ & Phương 10€. Mai Thị Long 20€. Nguyễn Thị Sanh (Norden) 20€. Lang Thu Toàn (WHV) 30€. Nguyễn Trọng Thanh 10€. Nguyễn Thanh Tươi (HH) 20€. Trần Thị Mai 20€. Nguyễn Ngọc Hào (Bad Beuthem) 20€. Ấn danh 1€. Lan Huang 10€. Ngọc & Stefan Wassenberg 10€. Nguyễn Thị Quyên (MD) 15€. Trần Văn Các (Bremen) 50€. Đỗ Nguyệt Nga 10€. Nguyễn Khắc Mai 10€. Nguyễn Phúc Hưng 5€. Nguyễn Đình Chi (Selters) 20€. Dương Thị Tuấn (HH) 20€. Dương Văn Minh (*) 10€. Nguyễn Thị B. Tùng 5€. Lê Thị Đẹp (Neustadt) 10€. Phạm Ngọc Anh 10€. Nguyễn Thị Đậu 10€. Fam. Quan 5€.

Nguyễn Thanh Quý (Hameln) 10€. Lê Văn Quang + Dung + Nam + Nhi 50€. Nguyễn Ngọc Loan 10€. Hoàng Văn Hậu 10€. Trần Thị Khuê (WHV) 10€. Đào Thị Tĩnh 10€. Lâm Thị K. Thanh 10€. Bùi Hữu Thòa (Stadthagen) 10€. Vũ Thị T. Mai 10€. Nguyễn Thị M. Châu 5€. David Đang 20€. Fam. Huỳnh (Cloppenburg) 10€. Trần Công Tiên (Tostedt) 15€. Trần Thị H. Biểu 5€. Hầu Mỹ Hương (Việt Nam 10€. Vương Bội Tân & Hương 15€. Đỗ Viết Hào (Emlichheim) 20€. Lê Thị Kim Thu 5€. Lê Thị P. Hoàng (Winsen) 10€. Phạm Thị Tuất (Garbsen) 10€. Bùi Thị K. Oanh (Lehrte) 10€. Huỳnh Thanh (Nbg) 40€. Triệu Thanh (Hannover) 100€. Lê Thị Hạnh 10€. Dương Cảnh Hà 10€. Lim Bo Sing & Chi 20€. Vũ Tiến Thành (München) 20€. Lê Quan Tran 5€. Đặng Gia Kỳ & Phương 20€. Hoàng Di (Garbsen) 10€. Giáp Văn Lai 10€. Nguyễn Thị Nương 30€. Lê Cảnh Hùng 5€. Diệu Bình (Berlin) 20€. Tạ Phương Uyên 15€. Hà Diệu Cơ 10€. Trần Thị B. Hồng 10€. Trần Khi (Rotenburg) 10€. Phạm Thị Thủy (Einbeck) 20€. Vũ Quốc Sùng (Lilienthal) 10€. Nguyễn Thị Ngọc 10€. Nguyễn Thanh Huyền 10€. Hứa Thị Đoan 10€. Đặng Thu Thủy 5€. Hoa Dănekas 10€. Nguyễn Văn Tâm 20€. Nguyễn Kiều Trinh (HH) 20€. Nguyễn Văn Lam (Köln) 10€. Nguyễn Thị Điều (Sögel) 10€. Nguyễn Thanh Huyền 5€. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 100€. Mai Văn Tâm (Lüdenscheid) 20€. Phạm & Nguyễn (Oberhausen) 20€. Nhan Kevin (HH) 10€. Phan Xuân Thế 10€. Lưu Victor 10€. Trần Thị Thu (Minden) 25€. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20€. Frank & P. Jusy (Bielefeld) 20€. Đặng Gia Thanh 10€. Wanwisa Jiranun 5€. Hồng Minh Kiệt (Hildesheim) 50€. Đặng Xuân Hùng 15€. Nguyễn Thị Dân (Köln) 50€. Diệp Quốc Xý 30€. La Quốc Dũng (Nordhorn) 10€. Huỳnh Tue Hue 10€. Hoàng Xuân Hùng 20€. Hau Lüdke (Gifhorn) 10€. Nguyễn Thị Hạnh 20€. Trần Văn Quang 10€. Lưu Anh (Hannover) 25€. Nguyễn Thành Công (Vechta) 10€. Trần Thế Minh (*) 10€. Trần Văn Chánh 10€. Đỗ Cao Sơn (Lohne) 5€. Nguyễn Khắc Sinh 20€. Võ Trúc Hiền (HH) 50€. Nguyễn Thị Hằng (*) 10€. Phan Ngọc Ruyện (*) 20. Nguyễn Đức Thịnh (Visbeck) 10€. Wiryra Tran & V. Sang 50€. Huệ Phương (Münster) 40€. Cao Thị Loan 10€. Nguyễn Công Lý (Vechta) 30€. Trần Thị Mến 10€. Văn Phương Thảo 5€. Dương Văn Quan 10€. Nguyễn Thị K. Duyên 50€. Nguyễn Quốc Bình 20€. Huy Vy 10€. Dương Chí Hằng (Helmstedt) 10€. Fam. Chin 20€. Nguyễn Thị Tâm 10€. Vũ Thủy Hòa 5€. Phạm Kim Khoa 10€. Nguyễn Thị Tố Anh (Greiz) 10€. Đặng Xuân Hương (Erlangen) 10€. Trần Thị Cúc 20€. Hùng & Đào 100€. Võ Thị Nở 10€. Phan Thế Mỹ (Schrozberg) 30€. Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 20€. Lê Thị Nam 10€. Trịnh Văn Thịnh (Essen) 20€. Trần Thị Nhân (*) 10€. Đinh Văn Hồng (*) 10€. Lê Thị Như Mai (D'dorf) 20€. Thiện Hào 10€. Trần Thị Anh Trâm (Münster) 30€. Thiện Giải (Rotenburg) 10€. Ấn danh 20€. Huỳnh Phụng 50€.

ẤN TỔNG

ĐH. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Nguyễn Quốc Định (Neuss) 50€. Lê Bích Hà (Bad Bernech) 10€. Nguyễn Thị Hoàn (Na Uy) 350Kr. Lê Thị Bích Ninh (München) 10€. Hứa Mỹ Hiền (D'dorf) 20€. Võ Huyền Linh 500€. Nguyễn Thị Thu Thủy (Völklingen) 10€. Vũ Văn Định 10€. Trần Thị Hải (USA) 50US. Hứa Xa (Wittmund) 30€. Trần Ngọc Minh 10€. Lâm Thị Tuyết Anh (Offerdingen) 10€. Trương Thị Phụng (Oberndorf) 20€. Ấn danh 10€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 25€.

KINH PHÁP HOA

ĐH. Nguyễn Thị Tuyết Hồng (Krefeld) 50€. Lê Thị Han (*) 20€.

KINH ĐƯỢC SỬ

ĐH. Hồ Vương 10€.

TƯỢNG PHẬT THÍCH CA

ĐH. Lâm Thị Tuyết Anh (Offerdingen) 10€.

TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Nguyễn Thị Kim Anh (HH) 30€. Nguyễn Ngọc Đan (Minden) 10€.

TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Đào Thị Chúc & Nguyễn Văn Phúc (Trier) 10€.

TƯỢNG DƯỢC SỬ

ĐH. Lê Thị Mộng Hiền (Hòa Lan) 50€.

TƯỢNG ĐỊA TẠNG

ĐH. Minh Phát (Hannover) 100€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 20€.

VÍA VĂN THỦ SỬ LỢI BỒ TÁT

ĐH. Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€.

MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Nguyễn Thị Bôi Lưu (Marbach) 60€. Trần Thị Thuong (Hamburg) 60€. Nguyễn Thị Tý (Reutlingen) 60€. Lê Văn Toại (*) 60€. Nguyễn Thị Hai (USA) 120US / 2 tượng.

ĐÈN DƯỢC SỬ

ĐH. Ấn danh 1.300€ / 2 đèn Dược sư. Nguyễn Thị H. Quyên (München) 10€. Phạm Lạc (Weissenturm) 20€. Trương Thị Phụng (Oberndorf) 20€. Ấn danh 10€.

AN CỬ KIẾT HA

ĐH. Mã Thị Hòa (Frankfurt) 50€. Thiện Phẩm & Thiện Như (Erlangen) 20€. Đỗ Hữu Nhơn (USA) 50US. Hà Quách (Bi) 50€.

MÁY NIỆM PHẬT A DI ĐÀ BẰNG TIẾNG VIỆT

ĐH. Phạm Văn Phấn (Saarbrücken) 10€. Phạm Thị Ngưng (Jarel) 20€. Phạm Ngọc Khôi (Essen) 20€. Trần Thị Nghĩa (Aachen) 20€. Trần Xuân Nương (Pháp) 10€. Năng Kim Liên

(Thụy Điển) 500Kr. Bùi Thị Xuân Thảo (Krefeld) 20€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 60€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Lê Trường Sinh (Schwäbisch-Hall) 20€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Nguyễn Thị Xuân (Regensburg) 10€. Hoàng An Hahn (Limburg) 10€. Trần Đăng Sử (Leipzig) 10€. Lan Blumenstock (Blaufelden) 20€. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50€. Võ Hữu Đờm (Pháp) 10€. Vương Chấn Quoi (") 30€. Nguyễn Thị Khang (Ý) 10€. Nguyễn Phước Như Mai (") 10€. Phan Thị Tuyết (Laupheim) 50€. Nguyễn Thị Thu Hằng (Donauesschingen) 20€. Trương Kim Sương (Bad Soden) 10€. Đồng Sĩ (Ismaringen) 20€. Nguyễn Văn Phát (Stuttgart) 20€. Lê Ngọc Thành (Hamburg) 20€. Cô Đàm Thiện (Bi) 60€. Tâm Huệ (") 10€. Nguyễn Thị Nhi (") 10€. Hoàng Thị Hồng Ngân (Viersen) 10€. Trần Tú Nguyệt (Allgau) 10€. Nguyễn Thị Hoa 100€. Lưu Nguyễn Lucice (Pháp) 50€. Dương Bạch Yến (Bi) 20€. Liên Cẩm Phong (Krefeld) 20€. Nguyễn Thị Thanh Quang (Phân Lan) 20€. Trần Huỳnh Hoa 20€. Nguyễn Bạch Tuyết (") 20€. Dương Thị Thắm (") 20€. Nguyễn Đức Thịnh (") 10€. GĐĐH Trương Nguyên Nhiên (") 100€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 20€. Võ Trung Thu (Bad Pymont) 20€. Ấn danh 10€. Fintel Thái Hòa (HH) 10€. T. Mỹ Trân (Neuss) 40€. Tô Hoàng Minh (Augsburg) 20€. Nguyễn Roanh (Lünen) 20€. Trần Thanh Tâm (Oberhausen) 10€. Hồ Đình Tuấn (Nürnberg) 20€. Nguyễn Tường Nhân (") 20€. Nguyễn Thị Lệ Thủy (") 10€. Trần Ứng Hạt (") 10€. Trần Lăng Hía (") 10€. Châu Trí (") 10€. Diệu Thiện (") 30€. Phùng Ngọc Thủy (Weissenburg) 50€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 10€. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 15€. Cao Thiện Bửu (Pháp) 20€. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50€. GĐĐH Trần Văn Ân (Pháp) 20€. Trần Thị Hiền (Köln) 20€. Trần Thị Thu Hương (") 20€. Trần Hữu Nhơn (") 30€. Trương Công (Hòa Lan) 60€. Nguyễn Đức Năng (Đan Mạch) 400Kr. Phùng Như Anh (Na Uy) 40€. Lê Nguyễn Thị Anh (Karlsruhe) 20€. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 10€. Nguyễn Kiều Long (Brackenheim) 10€. Đinh Chí Hướng (Pháp) 50€. Su Cô Trí Hào (") 30€. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 20€. Đoàn Thị Hồng (Nordermey) 50€. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 100€. Hồng Ngọc Phương (Kleinostheim) 30€. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 20€. Nguyễn Thị Nhân (HH) 10€. Trương Lê Phi (Đan Mạch) 20€. Từ Thị Quế (Pháp) 20€. Văn Quoi Lambert (") 30€. Dư Thị Mỹ Dung (") 80€. Nguyễn Thị Hoàn (Na Uy) 400Kr. Nguyễn Thị Bích Hương (Bi) 20€. Huỳnh Thị Tâm (") 10€. Diệp Thị Son (Aalen) 20€. Nguyễn Văn Lâm (Schaaheim) 20€. Nguyễn Thủy Hằng (Göttingen) 30€. Dr. Minh Ân Nguyễn Thị Long (Pháp) 30€. Su Cô T.N. Diệu Duyên (Suisse) 100€. Lê Văn Tài (Salzgitter) 10€. Trần Thị Khâm (Stuttgart) 30€. Nguyễn Thị Minh Châu (Siegen) 30€. Võ Thị Dạ Lan (Hòa Lan) 50€. Lâm Thị Ngọc Xuân (Pháp) 50€. Su Cô T.N. Phước Bốn (Bi) 100€. ĐH. Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 200€. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 100€. Tân Ngọc Nga (Neumünster) 20€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 40€. Nguyễn Thị Nguyệt (Hòa Lan) 10€. Đào Thị Chuyển (Vallendar) 10€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 10€. Helène Anthony Đổ (D'dorf) 30€. Thanh Tâm (Landau) 10€. Lê Thị Bạch Dung (Wallerstein) 20€. Viên Hiệp (Koblenz) 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 10€. Võ Đình Khánh (Schiltigheim) 20€. Khuu Phùng Mỹ (Frankfurt) 120€. Nguyễn Thị Thắng (") 30€. Trần Lệ Hoa (Genève) 10€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 10€. Phạm Văn Thành (") 10€. Phạm Thị Ngọc Sương 10€. Dương Thị Thanh Thủy (Egelbach) 10€. Ngô Thị Liễu (Anh) 10 Anh kim. Mã Anh Thy (Pforzheim) 50€. Trần Như Sơn (Hannover) 50€, HHHL ĐH

Phạm Thị Chín. Trần Lê Hoa (Suisse) 10€. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50€. Ngô Thị Thắng (FF) 30€. Lê Văn Điem (Bodenheim) 50€. Nguyễn Hùng Cường (Oberhausen) 30€. Lê Văn Thanh (Bi) 10€. Khuu Phùng Mỹ (FF) 120€. Trần Đình Hữu (Pháp) 10€. Thầy Thích Thắng Nghĩa (D'dorf) 50€. Lý Trần Thủy Phượng (Pforzheim) 20€. Ấn danh 20€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 10€. Trần Thị Diệu Huyền (Ravensburg) 50€. Sư Ông Đức Thắng (Pháp) 500€. Chùa Hộ Quốc (") 200€. Minh Thanh Nguyễn Thành Long (Berlin) 50€. Ung Đức Thọ 50€. Liễu Tú Văn + Lý + Lén 30€. Liên Tuyết Hồng (Krefeld) 10€. Liên Tuyết Hoa (") 10€. Lê Thị Ngọc Bích (Wörth) 20€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 20€. Nguyễn Thị Vinh (") 20€. Ngô Kiến Hoàng (Bad Kreuznach) 10€. Tôn Nữ Thị Xuyến (Hannover) 20€. Lê Thị Bích Lan (") 20€. Su Cô Hạnh Ân (") 50€. Linh Lưu (Esslingen) 10€. Đỗ Khắc Hùng (Suisse) 10€. Hà Chấn Xương (Hòa Lan) 20€. Văn Kim Loan (") 30€. Trần Minh Nhật (Nbg) 20€. Lâm Minh (Landau) 10€. Ấn danh (Pháp) 30€. Phạm Đoàn Dương (Mannheim) 20€. Hà Quách (Bi) 20€. Lê Văn Anh (Bremen) 10€. Nguyễn Cao Tường (Nürnberg) 20€.

TRAI TẶNG

ĐH. Phạm Văn Phần (Saarbrücken) 5€. Phạm Thị Ngưng (Jarel) 30€. Phạm Ngọc Khôi (Essen) 20€. Trần Thị Nghĩa (Aachen) 10€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 100€. Nghiêm Thúy (Rechberghausen) 10€. Bùi Thị Xuân Thảo (Krefeld) 10€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 30€. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 30€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Can (Speyer) 50€. Hoàng An Hahn (Limburg) 30€. Lan Blumenstock (Blaufelden) 20€. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 200€. Vương Chấn Quoi (Pháp) 20€. Nguyễn Thị Khang (Ý) 20€. Nguyễn Phước Như Mai (") 10€. Phan Thị Tuyết (Laupheim) 30€. Nguyễn Thị Thu Hằng (Donauesschingen) 20€. Nguyễn Ngọc Châu (Ibbenbüren) 10€. Trương Kim Sương (Bad Soden) 10€. Đồng Sĩ (Ismaringen) 10€. Lê Ngọc Thành (HH) 20€. Dương Văn Lý (Anh) 10 Anh kim. Đặng Ngọc Quyên (Hannover) 20€. Cô Đàm Thiện (Bi) 25€. Trần Tú Nguyệt (Allgau) 10€. Lý Thanh Hương (Pforzheim) 50€. Huỳnh Thanh Hưng (Völklingen) 20€. Lưu Nguyễn Lucice (Pháp) 50€. Dương Bạch Yến (Bi) 10€. Liên Cẩm Phong (Krefeld) 20€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 10€. Võ Trung Thu (Bad Pymont) 10€. Ấn danh 10€. Fintel Thái Hòa (HH) 10€. Kusawski Thị Nhuan (Esens) 30€. Hà Văn Tư (Wesel) 10€. Tô Hoàng Minh (Augsburg) 10€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Nguyễn Hạnh Trinh (Künzelsau) 50€. Phùng Ngọc Thủy (Weissenburg) 50€. Lê Thị Hương (Karlsruhe) 20€. Nguyễn Roanh (Lünen) 10€. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 10€. Nguyễn Thị Nguyệt (Buetehude) 10€. Cao Thiện Bửu (Pháp) 20€. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50€. Cấp Trọng Dũng (Bremervörde) 10€. GĐĐH Trần Văn Ân (Pháp) 10€. Đinh Chí Hướng (") 30€. Soas Ruhmang (") 10€. Phạm (") 20€. Trần Thị Hiền (Köln) 10€. Trần Thị Thu Hương (") 10€. Ấn danh 20€. Trương Công (Hòa Lan) 20€. Nguyễn Đức Năng (Đan Mạch) 100Kr. Phùng Như Anh (Na Uy) 20€. Lê Nguyễn Thị Anh (Karlsruhe) 20€. Võ Tông (München) 5€. Quang Nguyễn (") 50€. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 5€. Nguyễn Florian 10€. Đỗ Văn Lợi (Meerbusch) 50€. Chơn Bình & Chơn Trọng (Krefeld) 30€. Phạm Bảo Thanh 25€. Võ Văn Thắng (Suisse) 30€. Tạ Nhuận (FF) 20€. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 10€. Hồng Ngọc

Phượng (Kleinostheim) 10€. Nguyễn Thị Nhân (HH) 20€. Trương Thị Mão (Troissingen) 20€. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20€. Trương Lê Phi (Đan Mạch) 20€. Từ Thị Quế (Pháp) 30€. Phạm Thị Hoi (") 30€. Văn Quoi Lambert (") 30€. Bùi Hữu Tâm (") 300€. Dư Thị Mỹ Dung (") 15€. Võ Thị Lập (Hòa Lan) 20€. Nguyễn Thị Hoàn (Na Uy) 300Kr. Huỳnh Thị Tâm (Bi) 10€. Su Cô T.N. Phước Bốn (") 30€. Diệp Thị Son (Aalen) 10€. Lê Thị Thu Hương (Buhl Baden) 20€. Dr. Minh Ân Nguyễn Thị Long (Pháp) 50€. Lâm Thị Ngọc Xuân (") 10€. Lê Văn Tài (Salzgitter) 10€. Hai Bibo (Bad Segeberg) 20€. ĐH Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 200€. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 60€. Tân Ngọc Nga (Neumünster) 10€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 10€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 20€. Trần Thị Ngọc Thanh (Ý) 5€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 20€. Helène Anthony Đổ (D'dorf) 50€. Lê Thị Bạch Dung (Wallerstein) 10€. Viên Hiệp (Koblenz) 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Diệu Hòa (FF) 20€. Cao Kim Dung (Bodenheim) 30€. Bàn Quang Liêm (Wiesbaden) 20€. Võ Thị Mỹ (") 20€. Thái Cẩm Hạnh (FF) 10€. Phan Huy Tấn (Mannheim) 10€. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 40€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 10€. Phạm Thị Ngọc Sương 10€. Phan Thị Nhi (Laatzen) 20€. Trần Thị Hiền (") 30€. Nguyễn Văn Phong (") 30€. Võ Phước Lầu (Hannover) 10€. Quảng Niệm (") 20€. Tạ Ngọc Hoa (HH) 10€. Nguyễn Thị Leo (Ái Nhĩ Lan) 100€. Phạm Thị Chúc 10€. Nguyễn Huy Nhuận 10€. Diệu Huỳnh 10€. Ấn danh 10€. Tuệ Đàm Giác 10€. Đỗ Thuận Lợi 20€. Nguyễn Thúy Hồng 20€. Nguyễn Thị Hiền 20€. Nguyễn Thị Khánh Lan 5€. Phan Minh Huệ 10€. Diệu Quả 10€. Thanh Huyền (Suisse) 20€. Đỗ Vũ Trương (") 20€. Trần Thị Mai (") 20€. Bùi Thị Duyên (") 20FS. Dương Nguyễn Ngân (") 20FS. Phan Nguyễn Dung (") 20€. Trinh Werda 20€. Phạm Thị Toàn 20€. Huỳnh Phước Cương 10€. Phan Thị Thu Hồng 10€. Phan Văn Đức 10€. Tâm Lương (FF) 10€. Bình 5€. Trương Tôn Châu 10€. Thị Lộc (Berlin) 10€. Lý Hùng Sơn (Stuttgart) 20€. GĐPT Minh Hải (Aurich) 20€. Huỳnh Thị Ngọc Trâm (") 20€. Nguyễn Tất Thắng (München) 10€. Phùng Chí Thành (") 10€. Tăng Bích Phân (Münster) 10€. Diệu Hồ 30€. Huệ Chiếu (Suisse) 10€. Phan Lợi Phương (FF) 20€. Trương Xuân (") 50€. Thiện Định 10€. Thiện Mỹ 5€. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 20€. Phù Văn (HH) 20€. Nguyễn Thanh Tươi (") 10€. Võ Thị Hoàng Mai (") 20€. Nguyễn Hữu Lợi (BS) 10€. Huỳnh Tương 5€. Huỳnh Dũng 5€. Diệu Đa 5€. Thiện Hạnh 10€. Võ Ngọc Thịnh (Aurich) 10€. Thiện Sanh & Thiện Giáo 10€. Tường & Hữu 10€. Diệu Bảo (Bielefeld) 15€. Lê Gia Gia 5€. Lê Cư 10€. Tiêu Thị Thi 20€. Tăng Kim Lang 20€. Thiện Thanh 10€. Thiện Hiếu 10€. Phạm Công Hoàng (Bremen) 15€. Nguyễn Ngọc (Neu Anspach) 30€. Hoàng Thị Nga 10€. Nguyễn Ngọc Mẫn (Recklinghausen) 50€. Giác Hạnh 5€. Lê Huệ 5€. Trương Mỹ Anh (Münster) 20€. Nguyễn Thị Anh 5€. Lưu Thanh Đức 20€. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 50€. Nguyễn Minh Thi 4€. Phan Văn Phong 10€. Thiện Thế 10€. Nguyễn Quang Bi 10€. Tuấn 10€. Nguyễn Thị Nữ (Aurich) 5€. Bùi Văn Bón 10€. GĐPT Minh Hải 50€. Nguyễn Kiều Oanh 25€. Lai Thị Mộng Trâm 25€. Nguyễn Thị Trâm 10€. Thái Việt Thành 10€. Đỗ Thị Hồng Lan 10€. Diệu Quế 10€. Tâm Phương 11€. Diệu Kim 20€. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 10€. Phạm Văn Mộc (Langen) 10€. Nhứt Trọng 20€. Nguyễn Xuân Quang 50€. Thiện An 10€. Thiện Lạc 10€. Thiện Mãn (Empelde) 30€. Phước 10€. Trịnh Thu Yến 10€. Đỗ Thái Bằng (Seelze) 10€. Đặng Thị Hạnh 20€. Thiện Hiền 15€. Minh Nha 10€. Vũ Mỹ Linh 30€. Lê Ngọc Trung 20€. Trần Thị Thu Vân 20€. Trịnh Văn

Cai 5€. Minh Thảo 10€. Nguyễn Kim Oanh 10€. Diệu Lộc 4€. Trần Minh Tuấn 15€. My Ly 10€. Hoàng Yến 5€. Phan Văn Thái 10€. Yến 5€. Trần Trung Hải (Peine) 10€. B. Châu 5€. Thiệp Mỹ 20€. Nguyễn Thị Bày 30€. Thiệp Ánh (Langen) 20€. Trần Thị Hồng Hạnh 5€. Gđ. Bathke (Giessen) 30€. Nguyễn Đỗ Xuân Vũ (Göttingen) 10€. Phạm Thị Ngọc Sương (") 10€. Diệu Nữ (Laatzen) 50€. Nguyễn Minh Triều (München) 10€. Ngô Thị Liễu (Anh) 10 Anh kim. Dung Oesterle (Jesteburg) 10€. Trịnh Quốc Phong (Duisburg) 10€. Hứa Xa (Wittmund) 20€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 10€. Đào Thị Hiền (Pforzheim) 50€. HHL Đoàn Văn Thời. Hồ Kim Sinh (") 50€. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 20€. Trần Hoàng Việt (Hannover) 20€. Đào Thị Chúc & Nguyễn Văn Phúc (Trier) 10€. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 40€. Lay Văn Gong (Moers) 50€. Phan Huy Tấn (Mannheim) 10€. Hồ Đình Tuấn (Nbg) 20€. Nguyễn Thái Nam (") 20€. Nguyễn Thị Trường (D'dorf) 100€. Nguyễn Thị Thâu (") 100€. Phan Văn Hải (Pforzheim) 30€. Thái Cẩm Hạnh (FF) 10€. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 20€. Đặng Thị Nga (") 10€. Bành Quang Liêm (") 20€. Bành Tam Sơn (") 20€. Wolfgang Bäder 20€. Ngô Minh Sáng (Unna) 20€. Lê Văn Điểm (Bodenheim) 30€. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 25€. Lê Văn Thanh (Bi) 20€. Ngụy Nhật Thủ (Hannover) 10€. Trần Lăng Hĩa (Nbg) 20€. Nguyễn Thị Thu Hà (Erlangen) 20€. Nguyễn Thị H. Quyên (München) 10€. Mai Xuân (Bremen) 10€. Diệu Hòa (FF) 20€. Ngô Quế Chấn (Dachau) 20€. Bạch Tố Linh (Y) 5€. Trần Đình Hữu (Pháp) 20€. Trần Ngọc Minh 10€. Thầy Thích Thắng Nghĩa (D'dorf) 100€. Lý Trần Thủy Phương (Pforzheim) 10€. Châu Thị Tám (Koblenz) 10€. Giang Tuấn Đức (") 10€. Diệu Hỳ (München) 10€. Ngô Văn Phụng (") 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Gđ. Minh Hải (Krefeld) 30€. Nguyễn Phương Lan (Bielefeld) 10€. Lâm Thị Tuyết Anh (Offerdingen) 10€. Trần Ngọc Thanh (Liederbach) 20€. Mai Thị Thu Vân (Aachen) 20€. Ung Đức Thọ 20€. Nguyễn Văn Anh 20€. Nguyễn Trần Long (Kupferzell) 10€. Đinh Thị Ngọc Ấn (Vechta) 10€. Lê Thị Ngọc Bích (Wörth) 10€. Trương Thị Phụng (Oberndorf) 20€. Nguyễn Văn Tác (Dusslingen) 10€. Ngô Võ (Bad Kreuznach) 10€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 20€. Nguyễn Thị Vinh (") 20€. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 10€. Hà Chấn Xương (Hòa Lan) 20€. Văn Kim Loan (") 20€. Thiệp Huê 40€. Tôn Nữ Thị Xuyên (Hannover) 20€. Frau Elke Falk (Burwedel) 50€. Nguyễn Phương Lan (Oberhausen) 40€. Tăng Thị Nghi (Karlsruhe) 10€. Trần Tấn Lộc 20€. Ấn danh (Pháp) 10€. Nguyễn Kim Phú (Luxembourg) 30€. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50€. Phạm Doãn Đương (Mannheim) 20€. Nguyễn Florian 10€. Lê Thái (Đan Mạch) 10€. Hà Quách (Bi) 10€. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 200€. Lê Văn Anh (Bremen) 10€. Phạm Bảo Thanh 25€.

CHẤM TẾ

ĐH. Phạm Thị Ngừng (Jarel) 10€. Phạm Ngọc Khôi (Essen) 20€. Trần Thị Nghĩa (Aachen) 5€. Lafart Yvette (Pháp) 20€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 20€. Bùi Thị Xuân Thảo (Krefeld) 10€. Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 20€. Bùi Thị Sáu (Schramberg) 10€. Lê Trường Sinh (Schwäbisch-Hall) 10€. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 10€. Lê Văn Trường (") 200€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Nguyễn Thị Xuân (Regensburg) 10€. Võ Hữu Đòm (Pháp) 10€. Vương Chấn Quối (") 20€. Nguyễn Thị Khang (Y) 20€. Phan Thị Tuyết (Laupheim) 20€. Nguyễn Thị Thu Hằng (Donaueschingen)

20€. Nguyễn Ngọc Châu (Ibbenbüren) 10€. Đông Sĩ (Ismaringen) 10€. Nguyễn Kim Hồng (Berlin) 10€. Nguyễn Song Anh (Cham) 20€. Nguyễn Văn Phát (Stuttgart) 30€. Lê Ngọc Thành (HH) 20€. Cô Đàm Thiệp (Bi) 25€. Hoàng Minh Nhựt (Hòa Lan) 20€. Lâm Thị Thịnh (Papenburg) 20€. Hoàng Thị Hồng Ngân (Viersen) 10€. Mạnh Hùng (Konz) 10€. Trần Tú Nguyệt (Allgau) 15€. Lê Văn Hiền (Ahnstadt) 20€. Triều Cam Nguyễn (Pforzheim) 20€. Quách Anh Tri (HH) 10€. Phạm Thị Như Sương (Đan Mạch) 35€. Cô Đàm Hòa (Bi) 50€. Lưu Nguyễn Lucice (Pháp) 50€. Dương Bạch Yến (Bi) 10€. Nguyễn Hồng Thủy (Pforzheim) 50€. Tiêu Tô Nữ (Niedernhall) 15€. Nguyễn Mỹ Han (M'Gladbach) 10€. Liên Cẩm Phong (Krefeld) 10€. Trần Thị Hoàng (Siegen) 10€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 5€. Nguyễn Trung Thu (Bad Pyrmont) 10€. Ấn danh 10€. Fintel Thái Hòa (HH) 5€. Kuwaski Thị Nhuận (Esens) 10€. Hà Văn Tư (Wesel) 10€. Tô Hoàng Minh (Augsburg) 10€. Vũ Văn Hải (Trier) 20€. Trần Kim Lang (Bremerhaven) 20€. Phùng Ngọc Thủy (Weissenburg) 20€. Lê Thị Hương (Karlsruhe) 20€. Nguyễn Roanh (Lünen) 10€. Trần Bình Lợi (Oßerkochen) 25€. Trần Vĩnh Cam (Coesfeld) 40€. La Hồng Vinh (Aholering) 20€. Cao Thiệp Bửu (Pháp) 20€. Nguyễn Ngọc Chương (Remscheid) 20€. Lê Đức Tinh (Vechta) 10€. Nguyễn Thị Nguyệt (Buetehude) 10€. La Xuân Hằng (Suisse) 60€. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 50€. Cáp Trọng Dũng (Bremerwörde) 10€. GĐĐH Trần Văn Ấn (Pháp) 10€. Ấn danh (") 10€. Trần Thị Hiền (Köln) 10€. Trần Thị Thu Hương (") 10€. Lê Đỗ Diệu Hiền (Rosenheim) 20€. Quách Huệ Linh (Minden) 20€. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 30€. Nguyễn Bích Nguyễn (Anh) 50€. Trương Công (Hòa Lan) 20€. Phùng Như Anh (Na Uy) 20€. Võ Tông (München) 10€. Phùng Văn Chấm (Regensburg) 10€. Hoàng Khánh Duy (Aachen) 20€. Braun T. Dung (Altenstadt) 10€. Nguyễn Quốc Dân (Wildeshausen) 10€. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 5€. Quang Nguyễn (München) 50€. Nguyễn Đàm (Köln) 10€. Nguyễn Kiều Long (Brackenheim) 20€. Đinh Chí Hướng (Pháp) 20€. Soas Ruhmang (") 10€. Phạm (") 20€. Lưu Thanh Đạm (Hagen) 20€. Võ Văn Thắng (Suisse) 10€. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 10€. Đoàn Thị Hồng (Norderney) 10€. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 50€. Nguyễn Thị Nhàn (HH) 10€. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20€. Nguyễn Thị Đậu (Lüneburg) 20€. Trần Tử Kinh (Freiburg) 10€. Trương Lệ Phi (Đan Mạch) 5€. Võ Thị Lạp (Hòa Lan) 20€. Trần Trình Hiếu (Áo) 15€. Nguyễn Thị Thoàn (Na Uy) 200Kr. Trần Thị Bích Hương (Bi) 10€. La Nam Tương (HH) 20€. Đỗ Văn Kiên (BS) 30€. Nguyễn Văn Lâm (Schaaheim) 30€. Thê Thị Cúc (SZ) 20€. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 10€. Lâm Thị Bé (Helmstedt) 10€. Dr. Minh Ấn Nguyễn Thị Long (Pháp) 20€. Lê Văn Tài (Salzgitter) 5€. Hai Bibo (Bad Segeburg) 10€. Nguyễn Thị Minh Châu (Siegen) 10€. Huỳnh Văn Thân (Na Uy) 400Kr. Đặng Thị Liên (Pháp) 20€. Lâm Thị Ngọc Xuân (") 30€. Bùi Thị Sự (Hòa Lan) 10€. Huỳnh Thị Kim Thảo (Y) 10€. Su Có T.N. Phước Bồn (Bi) 20€. ĐH. Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 200€. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 50€. Đỗ Thị Hòa (Delmenhorst) 20€. Nguyễn Văn Phương (") 30€. Nguyễn Thị Bích Trâm (") 20€. Nguyễn Thị Mỹ Hằng (") 10€. Tân Ngọc Nga (Neumünster) 10€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 10€. Huỳnh Hoàng Văn (Nbg) 50€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 20€. Trần Thị Ngọc Thanh (Y) 5€. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 10€. Vũ Thị Hiền (Renningen) 10€. Cao Thị Sâm (") 50€. Nguyễn Văn Thuận (Sonthofen) 5€. Hoàng Jean Pascal (Pháp) 30€. Viên Hiệp (Koblenz) 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Diệu

Hòa (FF) 20€. Cao Kim Dung (Bodenheim) 20€. Thái Cẩm Hạnh (FF) 10€. Phan Huy Tấn (Mannheim) 20€. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 20€. Trần Lệ Hoa (Genève) 50€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 10€. Phạm Thị Ngọc Sương 15€. Dương Thị Thanh Thủy (Egelbach) 20€. Ngô Thị Liễu (Anh) 5 Anh kim. Hoàng Lê (Binzen) 10€. Phạm Thị Ngọc Sương (Göttingen) 25€. Vương Siêu Khiêu (Pforzheim) 50€. Nguyễn Thị Trường (D'dorf) 20€. Tâm Phương (Göttingen) 20€. Bành Quang Liêm (Wiesbaden) 20€. Bành Tam Sơn (") 20€. Lê Văn Điểm (Bodenheim) 50€. Lê Văn Thanh (Bi) 20€. Diệu Hòa (FF) 10€. Huỳnh Quang Đàng (Berlin) 20€. Hồ Thị Mai (Pháp) 20€. Trần Đình Hữu (") 10€. Trần Ngọc Minh 10€. Lý Thị Thu Thủy (Hòa Lan) 10€. Châu Thị Tám (Koblenz) 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Ung Đức Thọ 10€. Liên Tú Văn + Lý + Lân 20€. Liên Tuyết Hồng (Krefeld) 10€. Liên Tuyết Hoa (") 30€. Nguyễn Thị Cẩm Vân 10€. Lý Sủ 10€. Nguyễn Văn Anh 25€. Đinh Thị Ngọc Ấn (Vechta) 10€. Lê Thị Ngọc Bích (Wörth) 10€. Đỗ Tuyết Phương (Mannheim) 10€. Nguyễn Văn Tác (Dusslingen) 10€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 20€. Đỗ Thị Thu Hương (Pforzheim) 20€. Ngô Võ (Bad Kreuznach) 10€. Tôn Nữ Thị Xuyên (Hannover) 50€. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 5€. Nguyễn Thị Vinh (Neusatdt) 20€. Linh Lưu (Esslingen) 10€. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 10€. Hà Chấn Xương (Hòa Lan) 20€. Văn Kim Loan (") 10€. Ấn danh 10€. Tăng Thị Nghi (Karlsruhe) 10€. Trần Thị Vân (Vechta) 10€. Nguyễn Kim Phú (Luxembourg) 10€. Ấn danh (Pháp) 5€. Phạm Doãn Đương (Mannheim) 20€. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50€. Trần Đức Tân (Berlin) 20€. Lê Thái (Đan Mạch) 10€. Hà Quách (Bi) 10€. Lê Văn Anh (Bremen) 10€. Lê Trung Thanh (Windhofen) 5€. Nguyễn Thị Phúc Hạnh 10€. Nguyễn Thị Lê Hằng (D'dorf) 10€. Ấn danh 10€.

PHUỞNG TIỆN DI CHUYỂN CHO CHỦ TẶNG NI

ĐH. Phạm Văn Phấn (Saarbrücken) 5€. Phạm Thị Ngừng (Jarel) 10€. Phạm Ngọc Khôi (Essen) 20€. Trần Thị Nghĩa (Aachen) 5€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 50€. Bùi Thị Xuân Thảo (Krefeld) 10€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 10€. Lê Văn Trường (") 50€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Lan Blumenstock (Blaufelden) 10€. Võ Hữu Đòm (Pháp) 10€. Nguyễn Thị Khang (Y) 10€. Nguyễn Thị Thu Hằng (Donaueschingen) 20€. Đông Sĩ (Ismaringen) 10€. Lê Ngọc Thành (HH) 30€. Nguyễn Hưng Nguyễn Tăng Lộc (Nürnberg) 50€. Cô Đàm Thiệp (Bi) 10€. Giao Nguyễn (Anh) 20 Anh kim. Trần Tú Nguyệt (Allgau) 5€. Bùi Thị Đạo (Bayreuth) 10€. Nguyễn Thị Anh (Münster) 10€. Lưu Nguyễn Lucice (Pháp) 50€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 5€. Võ Trung Thu (Bad Pyrmont) 10€. Ấn danh 10€. Fintel Thái Hòa (HH) 5€. Kuwawski Thị Nhuận (Esens) 10€. Hà Văn Tư (Wesel) 10€. Tô Hoàng Minh (Augsburg) 10€. Phùng Ngọc Thủy (Weissenburg) 10€. Lê Thị Hương (Karlsruhe) 20€. Nguyễn Roanh (Lünen) 10€. Nguyễn Thị Nguyệt (Buetehude) 10€. Cao Thiệp Bửu (Pháp) 20€. GĐĐH Trần Văn Ấn (") 10€. Đinh Chí Hướng (") 30€. Soas Ruhmang (") 10€. Trần Thị Hiền (Köln) 10€. Trần Thị Thu Hương (") 10€. Trương Công (Hòa Lan) 10€. Phùng Như Anh (Na Uy) 20€. Quang Nguyễn (München) 50€. Võ Văn Thắng (Suisse) 10€. Trịnh Cao Sinh (Bayreuth) 50€. Nguyễn Thế Hiển (Oberhausen) 10€. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 15€. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach)

10€. Hồng Ngọc Phương (Kleinostheim) 15€. Nguyễn Thị Nhân (HH) 10€. Trương Lê Phi (Đan Mạch) 5€. Văn Quới Lambert (Pháp) 20€. Dr. Minh Ân Nguyễn Thị Long (") 20€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 10€. Lê Văn Tài (Salzgitter) 5€. Nguyễn Thị Minh Châu (Siegen) 10€. Sư Cô T.N. Phước Bốn (Bi) 10€. Đ.H. Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 200€. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 50€. Tân Ngọc Nga (Neumünster) 10€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 20€. Trần Thị Ngọc Thanh (Ý) 10€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 20€. Lê Thị Bạch Dung (Wallerstein) 10€. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 5€. Diệu Hòa (FF) 30€. Cao Kim Dung (Bodenheim) 20€. Thái Cẩm Hạnh (FF) 10€. Phan Huy Tấn (Mannheim) 10€. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 40€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 10€. Phạm Thị Ngọc Sương 10€. Ngô Thị Liễu (Anh) 5 Anh kim. Lê Văn Điểm (Bodenheim) 20€. Trần Đình Hữu (Pháp) 10€. Ung Đức Thọ 20€. Nguyễn Thị Cẩm Vân 10€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 20€. Ngô Võ (Bad Kreuznach) 10€. Tôn Nữ Thị Xuyên (Hannover) 20€. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 5€. Nguyễn Phương Lan (Oberhausen) 5€. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 20€. Hà Chấn Xương (Hòa Lan) 20€. Văn Kim Loan (") 10€. Ấn danh (Pháp) 5€. Phạm Doãn Đương (Mannheim) 20€. Tiêu Thị Thị (Erlangen) 50€. Lê Thái (Đan Mạch) 10€.

**DANH SÁCH QUÝ AN NHÂN ỦNG HỘ
GIẢI THƯỞNG VIÊN GIÁC
VIẾT VỀ ÂU CHÂU**

- Hãng máy bay China Airline qua sự vận động của ĐH Mỹ Anh thuộc Công ty Du lịch Mỹ Anh Travel tại Köln. Tel. 0221-2807 646 / 647 đã ủng hộ một vé máy bay khứ hồi Đức-Việt Nam Đài Loan trị giá 800€ và khách sạn tại Đài Loan 700€.
- ĐH Nha Sĩ Tô Vinh Hòa tại Marienhof ủng hộ 1.000€ cho 2/3 giải tưởng lệ.
- ĐH Quan Long Thành tại Königslutter. Tel. 05353-990176 chuyên viên về bảo hiểm và cố vấn về bất động sản, ủng hộ 400€ cho giải an ủi.
- ĐH Nguyễn Trí và ĐH Nguyễn Tuệ tại Wilhelmshafen, ủng hộ 400€ cho một giải an ủi.

ĐH. Phạm Ngọc Khôi (Essen) 20€. Trần Thị Nghĩa (Aachen) 10€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 20€. Hường An Hahn (Limburg) 10€. Trần Đăng Sừ (Leipzig) 25€ (bằng một số viết). Nguyễn Thị Khang (Ý) 30€. Nguyễn Phước Như Mai (") 10€. Trương Kim Sương (Bad Soden) 10€. Lê Ngọc Thành (Hamburg) 10€. Nguyễn Khắc Hiếu (Lübeck) 10€. Tô Hoàng Minh (Augsburg) 10€. Cao Thiện Bửu (Pháp) 20€. GĐĐH Trần Văn Ân (Pháp) 60€. Trương Công (Hòa Lan) 40€. Hoàng Văn Long (Saarbrücken) 5€. Nguyễn Thị Bích Hường (Bi) 10€. ĐH Diệu Anh & Diệu Kim (Fürth) 200€. Lý Tấn Vạng và gia đình (Krefeld) 20€. Hà Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 10€. Nguyễn Trương Thị Liên (Suisse) 20€. Helène Anthony Đỗ (D'dorf) 20€. Mã Anh Thy (Pforzheim) 30€. Bánh Liêng (Osnabrück) 20€. Lê Thị Ngọc Bích (Wörth) 10€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 20€. Nguyễn Thị Vinh (") 20€. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 10€.

TU SỬA CHÙA

ĐH. Tony Khúc (Rastatt) 20€. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Nguyễn Thị Khang (Ý) 15€. Nguyễn Phương Lan (Bielefeld) 20€. Kim Dung

Rickling (Marburg) 20€. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 10€. Phúc & Hoa (Husum) 20€. Ngọc Hiền (Wolfsburg) 10€. Trần Hoàng Anh (Hildesheim) 5€. Jakob Ganther (Wolfenbüttel) 10€. Nguyễn Bùi Thị Ngọc Nga (Hattstedt) 30€. Giang Tân (Werden) 20€. Trần Minh Nhựt (Nbg) 20€.

KỶ TỰ HƯỚNG LINH

ĐH. Nguyễn Thành Mỹ Trang (Aachen) 75€, HL Công Tăng Tôn Nữ Mỹ Hòa. Nguyễn Văn Lương (D'dorf) 75€, HL Hoàng Thị Thới, Pd Nguyễn Hoàn. Thích Hạnh Thức (Hannover) 75€, HLĐH Dương Thị Hiền Pd Vạn Thọ.

VU LAN

ĐH. A. Trần Thị (Hòa Lan) 10€. Trần Tấn Lộc 80€.

TU SỬA MÁY IN

ĐH. Thiện Hiếu & Thiện Hào 10€.

PHÓNG SANH

ĐH. Marie Noelle Kunde (Rehburg Loceum) 10€. Liễu Ngân (hòa Lan) 25€.

**HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM
TẠI ẤN ĐỘ**

ĐH. Phùng Yến Bình (Thụy Điển 1.000Kr. Nguyễn Thị Kim Oanh (Aalen) 30€. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 30€. Trần Thị Hải (USA) 50US. Diệu Hỷ (München) 10€. Tôn Thất Sung (Bonn) 10€.

QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM

ĐH. Trần Thị 60€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€.

CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 20€.

CÔ NHI VIỆN, CÙI, MÙ, DƯỜNG LÃO

ĐH. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Ấn danh 10€. Nguyễn Thị Nở (Pháp) 30€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Viên Hiệp (Koblenz) 20€. Ấn danh 10€. Phạm Văn Thành (Wilhelmshaven) 20€. Lê Tuấn Anh + Tú + Hà + Lâm (Wittingen) 50€. Diệu Hỷ (München) 10€. Châu Thị Tâm (Koblenz) 20€. Nguyễn Thị Hà (BS) 20€. Huỳnh Hoài Phú (Cloppenburg) 10€. Đinh Thị Oanh (Uelzen) 10€. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 10€. Tăng Kim Lang (Berlin) 12€. Tôn Thất Sung (Bonn) 20€. Trương Nam Long (Düren) 20€. Hồ Thị Phái (D'dorf) 15€. Thiện Hiếu & Thiện Hào 20€. Ấn danh 20€. Trần Minh Nhựt (Nbg) 50€. Columbus-Brake 5€. Nguyễn Thu Hà (Hildesheim) 10€. Trần Văn Công (Johannstadt) 20€. Đinh Minh Tuấn 100€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€.

**QUẦY HÀNG TÌNH THƯƠNG CỨU TRỢ
CÙI, MÙ, CÔ NHI, DƯỜNG LÃO**

ĐH. Thiện Thanh & Thiện Thọ (Karlsruhe) 20€. Viên Tuyết (Laatzen) 20€. Vũ Thị Dấu (Aachen) 20€. Trịnh Hoàng T. Phương (Bad Pyrmont) 20€. Trịnh Hoàng Thúy Phương (")

30€. Volbrecht Wilfeiwđ (Hamel) 10€. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 25€. Nguyễn Quang Bi (Hannover) 10€. Như Thân (") 10€. Trần Như Sơn (") 50€. Kevin Ngô Minh (") 10€. Knezewic Jvko (") 10€. Nguyễn Thị Hồng Quyên (München) 30€. Huỳnh Thị Ngọc Thủy (Erbach) 20€. Phạm Lợi Phương (FF) 30€. Bùi Thị Trâm (Bielefeld) 10€. An Dũng & Huệ Kiệt (Kassel) 50€. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 10€. Nguyễn Thị Hạnh (BS) 20€. Trần Ngọc Bảo 5€. Nguyễn Lung 20€. Ngọc & Nghĩa (Laatzen) 40 bánh dứa. Chùa Linh Thứu (Berlin) 40 bánh bột lọc + 20 bánh ít + 40 bánh xanh. Thiện Mỹ & Diệu Vân (Pforzheim) 100 bánh ít trần. Thái Sến 30 bánh xu xê. Thanh & Tiến 103 bánh da lợn. Phương & Phú 100 bánh da lợn. Oanh & Vinh 84 miếng xôi vị. Hằng & Uyên 90 bánh ít. Xuân Mỹ (Hannover) 65 bánh khoai mì. Hoa + Đề + Mậu 40 bánh bò + 141 bánh xu xê + 30 bánh gai. Hoàng Tôn Long (FF) 312 bánh xu xê + 105 bánh giò. Hồng & Cúc : Hột é + sừng sa. Tâm Vũ 25 bánh chưng. Bác Nghĩa 74 bánh dứa. Nguyễn Thị Hạnh (BS) Chả giò. Chị Út (Langen) Mắm chay. Bác Hiếu: Bánh dèo.

*
* *

**ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY
CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungssweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

**Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 24**

Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac

**Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 24**

Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát





VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Karlsruher Str.6. 30519 Hannover. Deutschland

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TỌA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà -
Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Hồng Nhiên -
Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân -
Trưởng Ngọc Thanh

*

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông
Phường Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ)
- Nguyễn Văn Cường (Na Uy) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) -
Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiếm (Pháp) -
Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu
Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện
Mẫn (Nga) - Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ
Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga
(Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hoàng
Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhơn (Đức) -
Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nương LNC (Pháp) -
T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trưởng Ngọc Thanh
(Đức) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa
Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài
Việt (Pháp) - Võ Thu Tịnh (Pháp) -

KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc
CỘNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TỌA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage : <http://www.viengiac.net>

E-mail : viengiac@t-online.de

E-mail : baoviengiac@viengiac.de

E-mail : bao_vien_giac@web.de

E-mail Chủ bút : vongatuong@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ứng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích dẫn trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban biên tập..

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Konto Nr. : 870 16 33. BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

Trang

- Thư tòa soạn 2
- Thư gửi thầy chủ nhiệm (Phù Vân) 3

• TÔN GIÁO

- Tâm cảnh (H.P. Lưu Hoàng Nguyễn) 4
- Thức thú tâm (T/s Lâm Như Tạng) 7
- Tư tưởng P.G trong thi văn Lý Trần (Thích Thắng Hoan) 10

• ĐẶC BIỆT 25 NĂM THÀNH LẬP CHÙA VIÊN GIÁC VÀ PHÁT HÀNH BÁO VIÊN GIÁC

- Trọn một giấc mơ (Thích Như Điển) 14
- 25 năm qua (P.H. Lưu Nhôn Nghĩa) 18
- Cảm nghĩ của một số Đ.h. (Phù Vân) 21
- Viên Giác trong ký ức (Ngọc Tuyết và Ngọc Châu) 24
- Những dòng đời (BS. Trưởng Ngọc Thanh) 26
- Dòng đời vô định (Vũ Nam) 27
- Viên Giác tự (Hồng Nhiên) 29
- Thấy gió hiu hiu ... (Phù Vân) 31
- 25 năm kỷ niệm (Nhật Trọng) 38
- 25 năm vẽ và xây chùa ... (T.Ph.Lưu) 42
- Lối rất thật cho ... (Thô Chi Việt) 46
- Dòng đời lằng đằng (Kỳ Sơn) 48

• AUF DEUTSCH

- Sein und Nichtsein (T.N.Điển) 50

• HOA PHƯỢNG

- Sự tích con đế - Tìm hiểu Mother's day ... - Gia đình Phật tử - 54

• SÁNG TÁC

- Nụ sen mờ (Trần thị Nhật Hưng) 60
- Gió thông đưa kệ ... (Thái Văn Kiếm) 64
- Ý nghĩa "Thập như thi" (Thiện Nguyên) 67
- Bạn hãy tự chọn ... (Mai Lý Cang) 68
- Hát ru tiếng Mẹ lòng Bà (Vũ Hào) 71
- Đạo Ông Bà ... (Nguyễn Thùy) 77
- Nhật ký ngày giỗ cha (Trần Trung Đạo) 81
- Tình giặc liêu trai (Hà Mộng Bích) 84
- Một ánh mây bay (Duy Phượng) 87
- Cuộc lữ hành (Văn Nương LNC) 91
- Vườn bà Ấp (Hà Ngọc Bích) 93
- Chân dung Đoàn Thị Điểm qua Hồng Hà phu nhân ... (Ph.Tr. Chánh) 96
- Ông Bảy Cù Lằn (Trà Nguyễn) 98
- Đòn ghen của Hoạn Thư (Võ -T-Tịnh) 102
- Tiếng gọi trong thơ ... (Phù Vân) 105
- **CỔ THI** : Trai tâm (Huyền Thanh Lữ) 107
- Đọc "Giấc mơ Trường Sơn" Tuệ Sỹ (Đan hà) 111
- Tôi đọc một cuốn sách ... của T/s Nguyễn Nam Châu (Vũ Kỳ) 113
- Cảm nhận khi đọc tác phẩm "Cảm tạ xứ Đức" (Vũ Kỳ) 116
- Hồi ký vượt ngục của Trà Nguyễn (Vũ Uyên Giang) 118

• Y DƯỢC THƯỜNG THỨC

- Tăng cường trí nhớ (Quỳnh Hoa) 122

Mục Lục

Trang

- Câu chuyện y học : SARS (BS Trưởng Ngọc Thanh và DS. Trưởng Thị Mỹ Hà) 122
- Chernobyl Trung Cộng ... (Tú Uyên) 123

• GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

- Cảm tạ xứ Đức - Thơ Thanh Long - Thơ Thanh Thanh - 1 / 4 Thế kỷ thi ca VNHN 124
- 1 - Người thích nhìn vú - Trong lâu đài kỷ niệm

- Hãy nhìn xuống chân (Quảng Hạnh) 127
- Một chuyến đi (Như Lộc) 129

• TIN THỂ THAO (Người Giám Biên)

- 130

- **NHẬN ĐỊNH** : Nhận thức về một số suy luận mới về sử liệu ... (Phan Hùng Nhơn) 134

- Bài viết của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ 140
- Cờ vàng ba sọc đỏ, biểu tượng của quê hương (Trần Nguyên Chấn) 142

- Bài nói chuyện của Thủ tướng Schröder ... với ... (Vũ Quốc Dụng dịch) 144

- Ghi lại nhân gặp ... (Ph. Tuấn Hoàng) 145

- Tình hình thế giới hiện nay ứng hợp với sấm ký Nostradamus (Đoàn Văn Thông) 146

- **TIN THẾ GIỚI** : (Phan Ngọc) 149

- **TIN TỨC NƯỚC ĐỨC** : (Ng. L. H. Việt) 156

- **THÔNG CÁO BÁO CHÍ** 160

- **HÌNH ẢNH** : Đại Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang ... (Tin từ Huế) 173

- **TIN PHẬT SỰ** 175

- Sen nở tại Bodensee (Minh Trí) 180

- Đại lễ Phật Đản tại chùa Viên Giác (Nhật Trọng) 182

- **SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG** 184

- Chúc mừng - Tin vui - Thông báo - Giới thiệu - Nhắn tin - Tìm bạn

- **PHẢN ỨU - CÁO PHÓ - CẢM TẠ** 187

- **PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG** 190

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

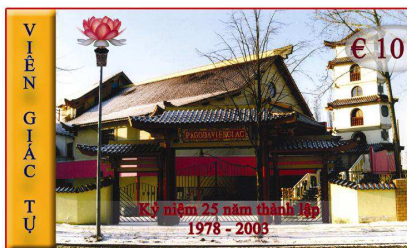
- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

- **THO**

- 9. Kỷ niệm 25 năm (Pháp Nguyên). 13. Hai mươi lăm năm chùa Viên Giác (Hà Đạu Đồng). Tôn giáo có nghĩa là gì ? (Hà Đạu Đồng). Chúc mừng sinh nhật (Trần Đăng). 17. Mừng Viên Giác 25 tuổi (Trần Đăng). 20. Văn chuyện tháng Tư (Vĩnh Liêm). 25. Hoa Tâm (Kim Chi Viên Thành). 37. Xin đứng lên lời ca chính khí (Ngô Minh Hằng). 45. Theo bóng thời gian (Văn Nương). 57. Cõi như mới hôm qua (Đồng Châu). 80 . Cuối những con đường (Văn Nương). Hoa tâm tư (Văn Nương LNC). 86 . Vinh danh tướng lãnh VNCH (Trần Việt Yên) . 141. Hương Sen (Huy Giang). 143. Đêm nằm đỉnh núi nghe tiếng hạc (Huy Giang).

TELENETGROUP OFFENBACH

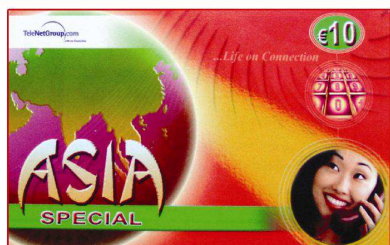


ĐẶC BIỆT

Thẻ mới kỷ niệm 25 năm thành lập chùa Viên Giác

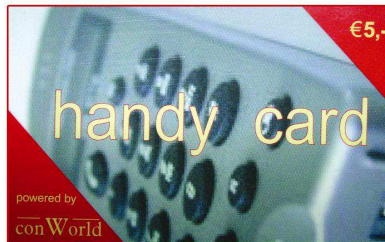
Cards mới & dễ gọi

Gọi về Việt Nam chỉ 27 cent/min



Afghanistan : 35,9 cent/min
Pakistan : 21,9 cent/min
Phillipin : 10,9 cent/min
Srilanka : 18,9 cent/min
Thailand : 9,9 cent/min

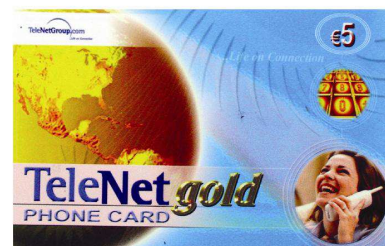
Luôn dành phần trăm cao nhất cho các tiệm và đại lý



Handy - Handy : 19,0 cent/min
Handy - Festnetz : 9,0 cent/min
Không tính tiền nối mạng
Không tính cước phí hàng ngày
Taktung 60/60 ...



Deutschland : 1,9 cent/min
Marokko (mobil) : 19,9 cent/min
Turkei : 9,9 cent/min



Jugoslawien : 9,9 cent/min
Polen : 3,9 cent/min
Russland : 3,9 cent/min

Công ty đã phân phối nhiều loại Cards khác nhau , là nơi có uy tín cung cấp các loại Cards điện thoại . Rất hân hạnh phục vụ Quý khách .
Hợp tác với : Eco(Euro Extra),Galaxy, Go Bananas,IDT Unity , Tele2(Best cards),Max calling cards,Mx2com,Televoice,Gnamam...

TeleNetGroup.com
...Life on Connection

TeleNetGroup GmbH

Hotline : 069/84845800

069/84845888

Fax : 069/84845999

Kaiser Straße 8
63069 Offenbach

Homepage :

www.telenetgroup.com

info@telenetgroup.com